

MỤC LỤC

NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

1. **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 32 VỀ PHÁT TRIỂN NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI Ở TỈNH ĐỒNG THÁP: ĐỀ XUẤT VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI**5
Ông Bùi Thành Nhơn
Tỉnh Ủy viên – Giám đốc Sở LĐ-TB&XH
2. **ĐÀO TẠO CÔNG TÁC XÃ HỘI Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP NGÀNH ĐÀO TẠO ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI**9
ThS. Kiều Văn Tu
Phó Trưởng Bộ môn Công tác xã hội, Khoa Văn hóa - Du lịch
3. **NHẬN THỨC CỦA BỆNH NHÂN VÀ THÂN NHÂN BỆNH NHÂN VỀ MÔ HÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN**15
(Trường hợp nghiên cứu ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Đồng Tháp)
SV: Nguyễn Thanh Phong, Lớp ĐHCCTXH14
GVHD: ThS. Trần Kim Ngọc
4. **CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG Ở THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**21
SV: Trương Cẩm Chi, Lớp: ĐHCCTXH16
GVHD: ThS. Kiều Văn Tu
5. **VĂN HÓA ỨNG XỬ CỦA SINH VIÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**30
SV. Nguyễn Thị Mộng Đưa, Lớp: ĐHCCTXH15
GVHD: ThS. Nguyễn Thị Bích Hưng
6. **MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÒNG TRÁNH XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM Ở TỈNH ĐỒNG THÁP**35
SV: Hà Xuân Mai, Lớp: ĐHCCTXH15
GVHD: ThS. Trần Kim Ngọc
7. **TÌM HIỂU NHẬN THỨC CỦA PHỤ NỮ MANG THAI Ở THÀNH PHỐ CAO LÃNH TỈNH ĐỒNG THÁP VỀ BỆNH TRÂM CẢM SAU SINH**42
SV: Võ Thị Mỹ Duyên - Lê Thị Nhân, Lớp: ĐHCCTXH15A
GVHD: Đỗ Thị Thảo
8. **THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG TẠI VIỆT NAM, ĐỊNH HƯỚNG ĐỂ PHÁT TRIỂN**52
SV: Nguyễn Thị Bé Thảo, Lớp: ĐHCCTXH16A
GVHD: ThS. Trần Văn Luận
9. **GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA TRẺ VỊ THÀNH NIÊN VI PHẠM PHÁP LUẬT Ở THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**61
SV: Huỳnh Thanh Dũng, Lớp: ĐHCCTXH15
GVHD: ThS. Kiều Văn Tu
10. **VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC GIỚI TÍNH VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN CHO TRẺ VỊ THÀNH NIÊN**68

- SV: Thái Hồng Hoài An, Lớp: ĐHCTXH15A*
GVHD: ThS. Trần Kim Ngọc
- 11. VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN73**
SV: Lê Thị Thanh Tuyên, Lớp: ĐHCTXH16
GVHD: Nguyễn Thị Bích Hưng
- 12. MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VĂN HÓA TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP HIỆN NAY80**
SV: Đoàn Thị Anh Thư, Lớp: ĐHCTXH15
GVHD: ThS. Trần Kim Ngọc
- 13. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM Ở HỌC SINH TIỂU HỌC86**
SV: Đào Vị Thảo, Lớp: ĐHCTXH16A
GVHD: ThS. Trần Kim Ngọc

NGÀNH VIỆT NAM HỌC

- 14. ĐỘC ĐÁO BÙA CHÚ CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ92**
SV: Nguyễn Thị Thanh Trúc- Huỳnh Thế Phong, Lớp: ĐHVNH2016A
GVHD: TS. Nguyễn Thị Song Thương
- 15. ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TÂY NAM BỘ TRONG CA DAO98**
SV: Nguyễn Thị Ngọc Liễu, Lớp ĐHVNH16
GVHD: ThS. Nguyễn Văn Lượm
- 16. PHÁT TRIỂN TIỀM NĂNG DU LỊCH SINH THÁI TẠI ĐỒNG THÁP (2020 – 2025)103**
SV: Trần Vũ Phi, Lớp: ĐHVNH15A
GVHD: ThS. Võ Nguyên Thông
- 17. KHAI THÁC GIÁ TRỊ CỦA LỄ HỘI DẠ CỔ HOÀI LANG, TỈNH BẠC LIÊU VÀO HOẠT ĐỘNG DU LỊCH107**
SV thực hiện: Nguyễn Văn Khoa, Lớp ĐHVNH17
GVHD: ThS. Lê Thị Thanh Yến, GV bộ môn VNH
- 18. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI HUYỆN THÁP MƯỜI TỈNH ĐỒNG THÁP111**
SV: Võ Thị Ngọc Thơ, Lớp: ĐHVNH16A
GVHD: ThS. Đỗ Thị Kiều Hoa
- 19. TRIẾT LÝ ÂM – DƯƠNG QUA MỘT SỐ BIỂU TƯỢNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI116**
SV: Huỳnh Minh Nhật, Lớp: ĐHVNH16A
GVHD: ThS. Trần Hoàng Phong
- 20. BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ DỆT CHIẾU ĐỊNH YÊN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH122**
SV: Phan Mạnh Nhân-Phạm Thị Mỹ Duyên, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Lớp: ĐHVNH17
GVHD: ThS. Lê Thị Thanh Yến
- 21. DU LỊCH TÔN GIÁO – PHẬT GIÁO Ở TỈNH VĨNH LONG126**
SV: Đinh Hoàng An - Nguyễn Thị Thanh Ngân, Lớp: ĐHVNH18A
GVHD: ThS. Trần Công Danh

22. **KHAI THÁC TIỀM NĂNG MÙA NƯỚC NỔI TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRẢI NGHIỆM TẠI VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM**131
SV: Hoàng Phương Hồng Thủy, Lớp: ĐHVNH15B
GVHD: ThS. Trần Thanh Thảo Uyên
23. **PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH Ở ĐỒNG THÁP**138
SV: Nguyễn Thị Quế Trân, Lớp: ĐHVNH17A
GVHD: ThS. Đỗ Thị Kiều Hoa
24. **VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA NHÂN VIÊN NHÀ HÀNG HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**141
SV: Nguyễn Phú Toàn, Lớp ĐHVNH15A
GVHD: ThS. Trần Thanh Thảo Uyên
25. **SỨC SỐNG CỦA NGƯỜI NAM BỘ QUA KHÔNG GIAN TẾT CỔ TRUYỀN CỦA DÂN TỘC**145
SV: Phan Thị Yến Nhi, Lớp: ĐHVNH17A
GVHD: TS. Nguyễn Thị Song Thương
26. **NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH ĐỒNG THÁP TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**148
SV: Trương Thị Tuyết Anh, Lớp: ĐHVNH18A
GVHD: ThS. Trần Thanh Thảo Uyên
27. **GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH SINH THÁI DỪA Ở TỈNH BẾN TRE**155
SV: Lê Thị Mỹ Duyên, Lớp: ĐHVNH15A
GVHD: ThS. Võ Nguyên Thông
28. **NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI LÀNG HOA SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP**161
SV: Nguyễn Văn Tuấn, Lớp: ĐHVNH15A
GVHD: ThS. Lê Thị Thanh Yến

NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA

29. **ĂN CHAY TRONG CÁC TÔN GIÁO – QUAN NIỆM VÀ THỰC HÀNH** ...165
SV: Trần Quốc Huy, Lớp: ĐHVNH15B
GVHD: ThS. Trần Hoàng Phong
30. **ĐÌNH TÂN TỊCH - MỘT THIẾT CHẾ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG LUÔN PHÁT HUY VAI TRÒ QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ**170
SV: Lê Trường Giang, Lớp: ĐHQLVH17A
GVHD: ThS. Đinh Văn Nhân
31. **PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO SINH VIÊN KHOA VĂN HÓA – DU LỊCH**175
SV: Giang Ngọc Quyên, Lớp: ĐHQLVH17
GVHD: ThS. Lương Thị Huỳnh Như
32. **GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA HỘI ĐUA BÒ BẢY NÚI - AN GIANG**179
SV: Nguyễn Thị Huỳnh Như, Lớp: ĐHQLVH15A
GVHD: ThS. Đinh Văn Nhân
33. **NGƯỜI NAM BỘ VỚI TRUYỆN VÀ PHIM KIẾM HIỆP CỦA NHÀ VĂN KIM DUNG**186

- SV: Trần Thánh Tông, Lớp: ĐHQLVH15A*
GVHD: ThS. Trần Hoàng Phong
- 34. YẾU TỐ PHẬT GIÁO TRONG ĐẠO CAO ĐÀI190**
SV: Huỳnh Minh Nhựt, Lớp: ĐHVNH16A
GVHD: ThS. Trần Hoàng Phong
- 35. VAI TRÒ CỦA CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA TRONG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO THANH NIÊN ĐỒNG THÁP194**
SV: Đặng Đình Bằng, Lớp: ĐHQLVH15A
GVHD: ThS. Đinh Văn Nhân
- 36. QUẢN LÝ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở THÀNH PHỐ CAO LÃNH - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP199**
SV: Trần Thánh Tông, Lớp: ĐHQLVH15A
GVHD: ThS. Đinh Văn Nhân

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 32 VỀ PHÁT TRIỂN NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI Ở TỈNH ĐỒNG THÁP: ĐỀ XUẤT VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI

Ông Bùi Thành Nhơn

Tỉnh Ủy viên – Giám đốc Sở LĐ-TB&XH

1. Tình hình thực hiện Đề án 32 về phát triển Nghề Công tác xã hội

Trong những năm qua, nền kinh tế - xã hội Việt Nam đã và đang phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu to lớn. Bên cạnh đó, những rủi ro trong cuộc sống, những di chứng, hậu quả của chiến tranh để lại,... đã làm nảy sinh và tồn tại những vấn đề xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và bền vững của đất nước như: sự gia tăng các tệ nạn xã hội; người tâm thần, rối nhiễu tâm trí, trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, người già neo đơn... Việc giải quyết những vấn đề trên để tạo động lực và đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của nền kinh tế - xã hội đang trở thành một yêu cầu cấp thiết đối với các cấp, các ngành, đặc biệt là ngành Lao động - TB&XH, giáo dục, y tế, an ninh, tư pháp... Muốn vậy, đòi hỏi các ngành này phải có một đội ngũ những người làm công tác xã hội chuyên nghiệp, được đào tạo cơ bản về lý thuyết, kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ và đạo đức nghề nghiệp nhằm hỗ trợ, giải quyết một cách hiệu quả và lâu dài.

Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 cũng nhấn mạnh: “Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, tiếp tục mở rộng đối tượng thụ hưởng với hình thức hỗ trợ thích hợp; ...Củng cố, nâng cấp hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội, phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ em mồ côi, người khuyết tật, nhất là mô hình nhà dưỡng lão”.

Thực hiện Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 25/03/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020, UBND Tỉnh Ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 14/10/2010 về việc triển khai thực hiện Đề án phát triển Nghề Công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 25/4/2015 về việc tuyển chọn, bố trí sử dụng và đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ công tác viên công tác xã hội trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2015 – 2018.

2. Các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh

Hiện nay, đối tượng trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh ước tính trên 20% dân số, gồm: trên 166.880 người cao tuổi, trong đó người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội là 31.980 cụ, kết quả điều tra năm 2015 toàn tỉnh có 20.871 người khuyết tật, có khoảng 41.000 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và 10.745 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; ngoài ra, còn nhiều phụ nữ, trẻ em bị ngược đãi, bị xâm hại hoặc lang thang kiếm sống, người tâm thần; đồng thời hàng năm có hàng trăm hộ gia đình bị thiên tai, hỏa hoạn cần cứu trợ đột xuất; toàn tỉnh có 19.077 hộ nghèo, 27.156 hộ cận nghèo, trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho 60.079 đối tượng, trên địa bàn tỉnh hiện có 4 cơ sở Bảo trợ xã hội (cơ sở nhà nước 01, cơ sở ngoài nhà nước 03), tiếp nhận, quản lý chăm sóc trên 180 đối tượng là trẻ em mồ côi, người già cô đơn không nơi nương tựa, người tâm thần, người lang thang xin ăn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

2.1. Thành tựu đạt được

- Trong những năm qua, việc thực hiện các chính sách Bảo trợ xã hội đều được triển khai đồng bộ. Nhìn chung, các chỉ tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch an sinh xã hội đều đạt kết quả tích cực. Thực hiện trợ cấp xã hội thường xuyên đầy đủ, nhanh chóng kịp thời đến tận tay đối tượng, đảm bảo các đối tượng thụ hưởng chính sách đều được hưởng đầy đủ chế độ theo quy định. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng xã hội đặc biệt là nhóm yếu thế góp phần đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Đội ngũ cộng tác viên công tác xã hội cấp xã hàng năm đã được tập huấn bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn, trang bị những kiến thức cơ bản về Nghề công tác xã hội, thực hiện tốt chức năng làm đầu mối kết nối việc cung cấp các dịch vụ công tác xã hội tại đơn vị, địa phương. Nâng cao kỹ năng tiếp cận, nhận diện và giải quyết vấn đề cho cộng tác viên công tác xã hội, trực tiếp làm việc với các đối tượng yếu thế.

- Công tác phối hợp với các ngành, các cấp khá chặt chẽ thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc phát huy vai trò người cao tuổi trên địa bàn ngày một tốt hơn, tham gia tích cực công tác xây dựng đảng, chính quyền và hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

2.2. Những khó khăn, thách thức

Chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong thời gian qua chủ yếu tập trung vào các hoạt động nuôi dưỡng, trợ giúp về mặt vật chất, chưa có những hoạt động trợ giúp cho những trường hợp khẩn cấp. Các dịch vụ trợ giúp cho đối tượng bảo trợ xã hội còn mang tính riêng lẻ theo từng nhóm, chưa đồng bộ, thiếu sự phối hợp, thiếu các điều kiện để ngăn chặn các nguy cơ dẫn đến đói nghèo, đặc biệt là các trường hợp trẻ em bị xâm hại, bị bỏ rơi, phụ nữ bị bạo hành,...

Nhận thức về công tác trợ giúp xã hội của một bộ phận quần chúng nhân dân còn hạn chế; công tác tuyên truyền còn chưa phổ biến sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân. Do đó, việc kết nối các dịch vụ hỗ trợ giữa các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội chưa thật sự chặt chẽ để giải quyết các vấn đề liên quan đến các đối tượng bảo trợ xã hội.

Đời sống của đại bộ phận đối tượng bảo trợ xã hội còn nhiều khó khăn. Mức trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định hiện còn thấp (Tỉnh còn khó khăn chưa đủ điều kiện để nâng mức trợ cấp xã hội cho các nhóm đối tượng theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ).

3. Lực lượng đội ngũ làm công tác xã hội

Trên cả nước đội ngũ công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên làm công tác xã hội khoảng trên 200 nghìn người, trong đó có công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở xã hội công lập và ngoài công lập, gần 100 nghìn người làm việc tại các hội, đoàn thể các cấp; trên 100 nghìn cộng tác viên giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ trẻ em và phát triển cộng đồng... tạo thành một mạng lưới cán bộ, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội trợ giúp các đối tượng yếu thế ở các cơ sở và cộng đồng, góp phần trợ giúp cho người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận, thụ hưởng các chính sách phúc lợi xã hội, y tế, giáo dục, học nghề, tìm việc làm để ổn định cuộc sống.

Về phát triển mạng lưới cộng tác viên công tác xã hội ở cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Nhằm xây dựng đội ngũ cộng tác viên làm công tác xã hội ở xã, phường, thị trấn đáp ứng yêu cầu của nghề công tác xã hội trong việc can thiệp, kết nối, tham vấn, trợ giúp cho các đối tượng yếu thế tại cộng đồng, hiện nay các xã, phường, thị trấn toàn tỉnh đã bố trí 144/144 cộng tác viên công tác xã hội; hầu hết các cộng tác viên điều đạt trình độ từ trung cấp trở lên, trong đó có 120 cộng tác viên công tác xã hội đạt trình độ chuyên ngành công tác xã hội, còn lại đạt trình độ ngành khác. Hàng trăm cán bộ học chuyên ngành công tác xã hội đã được các sở, ngành, các Hội đoàn thể các cấp, các bệnh viện tuyến tỉnh và huyện, các trường học được tuyển dụng vào làm việc trên địa bàn tỉnh, đây là lực lượng hết sức quan trọng trong việc can thiệp, kết nối, tham vấn, trợ giúp cho các đối tượng yếu thế tại cộng đồng, lực lượng này Lãnh đạo tỉnh hết sức quan tâm và thường xuyên tập huấn bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng và thái độ.

3.1. Mặt mạnh

- Nhìn chung đội ngũ cộng tác viên công tác xã hội đang hoạt động có hiệu quả, phát huy tốt vai trò, nhiệm vụ được phân công, hỗ trợ tốt cho ngành Lao động - Thương binh và Xã hội trong một số lĩnh vực khác khi có yêu cầu. Thường xuyên cùng với các ngành, đoàn thể làm công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung các chính sách xã hội đến cộng đồng; rà soát phát hiện, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, đời sống của đối tượng yếu thế được trợ giúp xã hội, những mâu thuẫn gia đình trong đời sống xã hội.

- Cộng tác viên công tác xã hội ở một số xã cũng đã góp phần trong việc vận động các nhà hảo tâm, mạnh thường quân trong và ngoài tỉnh, ủng hộ, giúp đỡ các đối tượng khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo như khám chữa bệnh miễn phí, người cao tuổi, người khuyết tật, học bổng cho trẻ em nghèo vượt khó, các bệnh viện trong tỉnh đội ngũ cộng tác viên công tác xã hội, thực hiện tốt việc hỗ trợ, hướng dẫn bệnh nhân, người nhà bệnh nhân trong việc khám, điều trị bệnh.

3.2. Một số hạn chế.

Ngày 25 tháng 3 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển nghề Công tác xã hội giai đoạn 2010 – 2020. Đến nay, sau hơn 8 năm triển khai, với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, Đề án đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần chăm lo đời sống nhân, xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì nghề công tác xã hội vẫn chưa thực sự trở thành nghề chuyên nghiệp; lực lượng cộng tác viên công tác xã hội còn mỏng và phần đông chưa được đào tạo chuyên nghiệp, bài bản. Mạng lưới các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội mới hình thành ở ngành Lao động thương binh và xã hội là chủ yếu, bước đầu được thí điểm ở các ngành y tế, giáo dục với phạm vi, quy mô nhỏ.

- Trong 5 năm gần đây đây lực lượng làm cộng tác viên công tác xã hội đã có bước phát triển đột phá. Tuy nhiên, việc phát triển nguồn nhân lực công tác xã hội còn nhiều bất cập, cơ sở thực hành cho sinh viên còn thiếu. chúng ta mới bắt đầu từ mô hình trung tâm bảo trợ xã hội, đa số sinh viên vẫn phải thực hành khi tốt nghiệp tại các trung tâm bảo trợ xã hội. Trong khi đó, Trung tâm bảo trợ xã hội tính chất chủ yếu là nuôi dưỡng và chăm sóc, chưa thực hiện cung cấp dịch vụ.

- Đề án 32 yêu cầu phát triển công tác xã hội thuộc nhiều lĩnh vực. Nhưng nhu cầu lớn nhất là nhân viên xã hội ở lĩnh vực y tế và trường học, các chỉ tiêu này khó tuyển. Đối với ngành y tế, đã có Đề án phát triển CTXH trong lĩnh vực y tế giai đoạn 2011-2020, có thông tư hướng dẫn tổ chức CTXH trong bệnh viện, nhưng rất ít bệnh viện thực hiện được; tương tự, Bộ GDĐT đã ban hành Kế hoạch phát triển CTXH trong trường học nhưng triển vọng tuyển dụng nhân viên xã hội học đường vẫn còn nhiều thách thức.

4. Đề xuất về hoạt động đào tạo nhân viên công tác xã hội trong thời gian tới

Công tác xã hội là một ngành khoa học, một nghề thực hành đã tồn tại trên 130 quốc gia trên thế giới. Công tác xã hội được đánh giá có những tham gia và đóng góp tích cực vào hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội. Đặc biệt là làm tăng cường chất lượng cuộc sống của những nhóm người yếu thế trong xã hội. Nghề công tác xã hội không phải là từ thiện, cũng không phải là hoạt động tình nguyện. Để làm được các công việc của ngành Công tác xã hội, cá nhân cần phải được đào tạo kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị đạo đức cơ bản.

- **Về kiến thức** cần phải nắm vững được đầy đủ các kiến thức về ngành công tác xã hội và nó được xem như là nền móng cơ bản của một nhân viên công tác xã hội: Có hệ thống kiến thức về Pháp luật Việt Nam về các vấn đề xã hội; hệ thống kiến thức về lý thuyết tâm lý, xã hội và hành vi của con người; hệ thống kiến thức về ngành Công tác xã hội; và am hiểu về các ngành khác có liên quan như y tế, giáo dục, tư pháp,...

- **Về kỹ năng:** có khả năng áp dụng các chính sách pháp luật trong việc bảo vệ quyền và lợi ích cho đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương trong xã hội, các kiến thức về lý thuyết tâm lý, xã hội và hành vi con người trong việc hỗ trợ thân chủ, cũng như việc áp dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ công tác xã hội vào quá trình hỗ trợ các hệ thống thân chủ khác nhau như: cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng.

- **Về thái độ:** Tôn trọng đề cao triết lý và sứ mệnh nghề nghiệp công tác xã hội, nhận thức rõ về vai trò, chức năng của nghề công tác xã hội; có ý thức trách nhiệm cao với nghề nghiệp, yêu nghề, có phẩm chất đạo đức và đạo đức nghề nghiệp tốt, có lối sống và tác phong mẫu mực của người cán bộ, nhân viên công tác xã hội; Ngoài ra, còn phải không ngừng học hỏi, phấn đấu, trau dồi về phẩm chất đạo đức, kiến thức, năng lực nghề nghiệp, tính cách trong sáng, sự tận tâm trong các mối quan hệ với thân chủ và công việc để đảm nhiệm và hoàn thành tốt vai trò, trách nhiệm nghề nghiệp.

Ngoài những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản cần phải có nêu trên, cần tăng cường thời gian cho sinh viên trải nghiệm với những trường hợp cụ thể, thực hành nhiều hơn, giảm giờ học trên lớp, tăng cường làm việc nhóm, thực tế cộng đồng, tiếp xúc với những đối tượng cụ thể, cần chủ động phối hợp với các cơ sở bảo trợ xã hội, các trung tâm, cơ sở điều trị nghiện... có đối tượng xã hội cần trợ giúp tạo điều kiện cho các em tham gia trong tiến trình giải quyết vấn đề của đối tượng như cùng sinh hoạt, lao động, vui chơi, cùng lập kế hoạch,... với các nhân viên tại cơ sở để hiểu nhiều hơn về tâm lý, diễn biến tâm lý đối tượng. Ngoài ra để thích nghi tốt với công việc sau khi ra trường các em cần được trang bị những kiến thức cơ bản về tin học, anh văn và kỹ năng soạn thảo văn bản.

ĐÀO TẠO CÔNG TÁC XÃ HỘI Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP NGÀNH ĐÀO TẠO ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI

ThS. Kiều Văn Tu

Phó Trưởng Bộ môn Công tác xã hội, Khoa Văn hóa du lịch

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành công tác xã hội (CTXH) ra đời như một môn khoa học và được đưa vào đào tạo trong các trường đại học ở châu Âu và Bắc Mỹ từ khoảng hơn một trăm năm trước, nhưng là ngành khoa học rất mới mẻ trong hệ thống đào tạo của các trường đại học ở Việt Nam. Đến năm 2018, ở bậc đại học cả nước có khoảng năm mươi cơ sở đào tạo chuyên ngành công tác xã hội. Trường đại học Đồng Tháp là một trong ba trường đào tạo ngành công tác xã hội ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Năm 2019, ngành công tác xã hội đã được đào tạo 14 năm và đã nhanh chóng khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống các ngành đào tạo của Trường đại học Đồng Tháp. CTXH trở thành một trong những ngành đào tạo đáp ứng nguồn nhân lực ở cả phương diện số lượng và phương diện chất lượng nguồn nhân lực. Việc đào tạo ngành công tác xã hội ở trường đại học Đồng Tháp là hoàn toàn phù hợp với chủ trương đào tạo đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đào tạo để đáp ứng nhu cầu xã hội và thực hiện Đề án phát triển nghề Công tác xã hội giai đoạn 2010-2020 (Đề án 32) của Thủ tướng Chính phủ.

2. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

2.1 Đào tạo công tác xã hội để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội

Ở Việt Nam, mầm mống của công tác xã hội đã có từ rất sớm, ngay trong xã hội phong kiến tại các làng xã đã tồn tại các mô hình ruộng đất công mà sản phẩm thu được chủ yếu để trợ cấp cho các đối tượng “có hoàn cảnh” trong thôn xóm như bệnh tật, góa bụa, trẻ mồ côi... Nhà chùa, nhà thờ cũng là những nơi trú ngụ cho những người đói rách qua đường. Các xã hội sau đó đã phát triển nhiều mô hình xã hội khác nhau cho việc trợ giúp người nghèo, người khó khăn, hoạn nạn, mất thặng bằng xã hội, để họ trở lại với cuộc sống bình thường. Có thể nói những nội dung cơ bản mà công tác xã hội đề cập đến chúng ta đã có từ lâu, nhưng chưa hình thành một hệ thống khoa học, việc giải quyết các vấn đề xã hội vẫn mang tính mò mẫm, thiếu các công cụ mang tính khoa học.

Công tác xã hội như một khoa học xã hội ứng dụng cũng chỉ nhận được sự phổ biến rộng rãi ở nước ta trong gần hai chục năm lại đây. Đó là sự đáp ứng những đòi hỏi, những nhu cầu tất yếu trong sự phát triển của xã hội.

Ngày nay cùng với sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế, những vấn đề xã hội bức xúc cũng đang có xu hướng bùng phát và duy trì ở mức cao. Cụ thể như:

Tình hình nhiễm HIV/AIDS: Tính đến ngày 17/4/2012, tổng số trường hợp nhiễm HIV hiện còn sống là 200.792 trường hợp, số bệnh nhân AIDS hiện tại là 50.560 trường hợp. Tổng số người nhiễm HIV đã tử vong là 52.951 trường hợp (*nguồn: website HIV Online*)

Vấn đề nghèo đói: Theo tổ chức Ngân hàng thế giới, tỉ lệ nghèo đói ở Việt nam năm 2010 là 20,7%, nghèo đô thị là 6%, nghèo nông thôn là 27%. Riêng ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long tỷ lệ nghèo đói là 18,7%

Trong thế giới ngày nay, việc giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội tương tự không thể cứ mò mẫm, theo chủ nghĩa kinh nghiệm thuần túy hoặc theo chủ nghĩa duy lý trí. CTXH cần phải mang tính chuyên nghiệp, những người làm CTXH cần phải được đào tạo một cách chính quy, có bài bản.

2.2 Đào tạo nguồn nhân lực công tác xã hội ở trường đại học Đồng Tháp từ 2005 đến nay

Trường đại học Đồng Tháp là nơi đào tạo tất cả các ngành sư phạm ở các cấp học, có uy tín và có truyền thống lâu đời. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Nhà trường đã phát triển đào tạo các ngành ngoài sư phạm trong đó có ngành công tác xã hội. Với quan điểm truyền bá tri thức và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về các ngành khoa học xã hội và nhân văn, phục vụ sự

nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Trong khi đó công tác xã hội là một ngành khoa học ứng dụng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn và đã được đào tạo có tính chuyên nghiệp từ nhiều năm nay ở hầu hết các trường Đại học nổi tiếng trên thế giới. Vì vậy việc đưa vào đào tạo ngành công tác xã hội tại trường đại học Đồng Tháp là bước đi đúng, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội, phù hợp với định hướng và sứ mệnh của nhà trường.

Từ thực tế 14 năm đào tạo ngành công tác xã hội càng cho thấy vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực công tác xã hội của ngành đào tạo này.

Về mặt số lượng

Số lượng sinh viên trúng tuyển vào học ngành công tác xã hội có thay đổi theo từng năm (bảng 1). Nhìn một cách tổng thể thì đây là ngành đào tạo đang có nhiều nhu cầu việc làm trong xã hội nên số lượng sinh viên tuyển sinh vào học là tương đối ổn định. Có những năm điều kiện tuyển sinh đầu vào gặp khó khăn, nhiều ngành trong trường không đủ số lượng sinh viên để có thể mở lớp, nhưng ngành công tác xã hội vẫn duy trì được một đến 2 lớp (gồm cả hệ vừa làm vừa học).

Bảng 1 Số lượng sinh viên chính quy học ngành công tác xã hội ở trường đại học Đồng Tháp từ năm 2005 đến nay (đơn vị tính: người)

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng sinh viên	32	42	58	75	69	57	18	18	34	34	49	17	29	14

Nguồn: Bộ môn Công tác xã hội, trường đại học Đồng Tháp, năm 2018

Hệ đào tạo vừa làm vừa học là hệ đào tạo dành cho những người đang công tác trong các cơ quan, xí nghiệp, các tổ chức xã hội và không có điều kiện học tập ở hệ chính quy. Năm 2012, nhà trường đã đưa ngành công tác xã hội vào đào tạo vừa làm vừa học. Kết quả tuyển sinh các lớp ở các tỉnh trong khu vực cụ thể trong bảng 2.

Bảng 2 Số lượng sinh viên vừa làm vừa học học ngành công tác xã hội ở các tỉnh liên kết đào tạo từ năm 2012 đến nay (đơn vị tính: người)

Tỉnh liên kết đào tạo	Cà Mau	Vĩnh Long	An Giang	Đồng Tháp	Kon Tum
Số lượng	139	107	72	78	25

Nguồn: Bộ môn Công tác xã hội, trường đại học Đồng Tháp, năm 2018

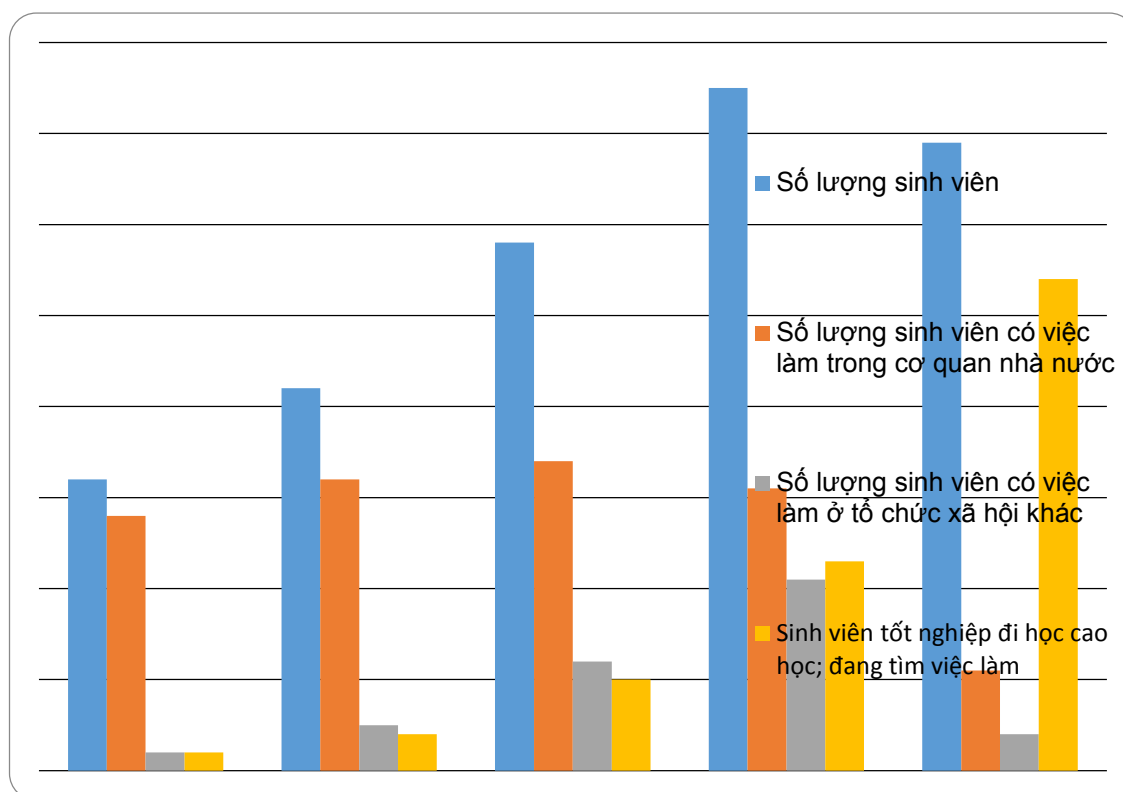
Như vậy, so với nhiều ngành đào tạo ở trường Đại học Đồng Tháp, công tác xã hội là ngành đào tạo có sức thu hút xã hội khá cao, hay nói cách khác nhu cầu của người học (đó cũng thể hiện nhu cầu của xã hội) đối với ngành đào tạo này ở Trường là hiện thực.

Về mặt chất lượng

Kết quả của 5 khóa sinh viên tốt nghiệp ra trường cho thấy ngành công tác xã hội đã đáp ứng nhu cầu việc làm của xã hội. Trong số 207 sinh viên ra trường (không tính số lượng sinh viên vừa mới tốt nghiệp Khóa 2014) thì có 125 sinh viên có việc làm trong các cơ quan nhà nước, 40 em có việc làm ở các tổ chức xã hội trong nước và quốc tế (bảng 3). Khoảng 90% sinh viên có việc làm hiện đang làm việc ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Các cơ quan Nhà nước có số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành công tác xã hội vào làm việc nhiều là các Sở, Phòng Lao động thương binh và xã hội; Bảo hiểm xã hội; Ủy ban nhân dân các xã, phường... Công việc mà các em phụ trách thường là lĩnh vực chính sách xã hội; tư vấn chăm sóc bảo vệ trẻ em, bảo vệ trẻ em; phòng chống tệ nạn xã hội; tư vấn việc làm, nghề nghiệp cho thanh niên; tham vấn người bị nhiễm HIV; cán bộ phụ trách văn hóa xã hội ở các xã, phường.

Bảng 3 Tình hình việc làm của sinh viên học ngành công tác xã hội khi ra trường (đơn vị tính: người)

Khóa đào tạo	2005-2009	2006-2010	2007-2011	2008-2012	2009-2013	Tổng
Số lượng sinh viên	32	42	58	75	69	276
Số lượng sinh viên có việc làm trong cơ quan nhà nước	28	32	34	31	11	136
Số lượng sinh viên có việc làm ở tổ chức xã hội khác	2	5	12	21	4	44
Sinh viên tốt nghiệp đi học cao học; tự tạo việc làm; đang tìm việc làm	2	4	10	23	54	93



Nguồn: Bộ môn Công tác xã hội, trường đại học Đồng Tháp, năm 2018

Từ bảng 3 cho thấy, đến khóa năm 2013 có 44 sinh viên ra trường đi làm việc tại các cơ quan khác. Điều này cho thấy rằng xu hướng sinh viên tốt nghiệp ngành công tác xã hội tìm được việc làm ở các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội tư nhân, các dự án, các tổ chức phi chính phủ đang có chiều hướng gia tăng.

2.3 Những yếu tố quan trọng để đạt được những kết quả đào tạo

Trên cơ sở những cái đã có, cùng kết quả 14 năm đào tạo cũng như qua những số liệu về tình hình tuyển sinh và việc làm của sinh viên ngành công tác xã hội có thể giúp để thấy được các yếu tố quan trọng để có được kết quả đào tạo ngành công tác xã hội ở trường đại học Đồng Tháp, cụ thể như sau

- Thứ nhất, về chương trình đào tạo: Trên cơ sở văn bản quy định về quy chế đào tạo theo tín chỉ, Nhà trường đã tổ chức xây dựng chương trình đào tạo ngành CTXH cho phù hợp với sứ mệnh, đặc điểm và các yêu cầu của Trường, là trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Chương trình đào tạo ngành công tác xã hội hiện được thiết kế với 122 tín chỉ, được đào tạo trong 8 học kỳ, khối kiến thức đại cương là 34 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành là 88 tín chỉ. Với cấu trúc này, chương trình vừa kết hợp được sức mạnh và những đặc điểm của trường đại học Đồng Tháp, vừa chú trọng nhiều đến khối kiến thức ngành và chuyên ngành. Với mục tiêu đào tạo các cử nhân công tác xã hội có thể thực hiện việc cung ứng dịch vụ công tác xã hội tại các cơ sở và tổ chức xã hội. Làm công tác xã hội chuyên nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau: sức khỏe, giáo dục, pháp luật, kinh tế, truyền thông, văn hóa, môi trường... Chương trình đã giành khá nhiều thời lượng cho kiến thức thực hành, thực tập thực tế. Số tín chỉ dành cho thực hành, thực tập là 16 tín chỉ (tương đương 1 học kỳ), cũng như đào tạo các phương pháp kỹ năng cho sinh viên như tham vấn, quan hệ công chúng... Có thể nói đây là ngành đào tạo giành thời lượng cho thực hành, thực tập, thực tế nhiều nhất trong các ngành đào tạo của trường đại học Đồng Tháp.

- *Thứ hai, về cơ sở đào tạo:* Đến nay, trường đại học Đồng Tháp là một trong 3 trường trực thuộc Bộ Giáo dục và đào tạo ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Nhiều ngành đào tạo có truyền thống lâu đời, đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm, trình độ, có uy tín. Nhiều môn học, chuyên đề, đề tài khoa học liên quan đến các vấn đề: an sinh xã hội, bảo hiểm xã hội, chính sách xã hội, phát triển cộng đồng, xóa đói giảm nghèo, các tệ nạn xã hội... đều đã được đưa vào giảng dạy và nghiên cứu. Cùng đứng chân trên địa bàn thành phố Cao Lãnh có các cơ sở xã hội như Trung tâm Công tác xã hội trẻ em tỉnh Đồng Tháp, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS... đó đều là những cơ sở thực hành hữu ích cho sinh viên công tác xã hội, giúp sinh viên gắn kết giữa học lý thuyết với nghiên cứu khoa học, gắn kết giữa lý thuyết với thực tế xã hội. Điều đó góp phần cùng với Nhà trường có đủ cơ sở, năng lực để đào tạo có chất lượng và phát triển nhanh chóng ngành công tác xã hội.

- *Thứ ba, sự quan tâm của chính quyền tỉnh Đồng Tháp và các tổ chức xã hội đối với ngành công tác xã hội:* ngành công tác xã hội luôn nhận được sự quan tâm, sự ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần của chính quyền tỉnh Đồng Tháp và các tổ chức xã hội đối với ngành công tác xã hội. Chính quyền địa phương đã tạo mọi điều kiện để triển khai công tác tuyển sinh và đào tạo ngành học này đối với hệ đào tạo vừa làm vừa học. Nhà trường đã nhận được sự hỗ trợ trực tiếp của các tổ chức quốc tế như Save Children in Vietnam; SWEEP – trường đại học San Jose State, Hoa Kỳ; Trung tâm Công tác xã hội trẻ em Donkoi, Lào; Quỹ Học bổng Nguyễn Thị Oanh, Trung tâm Nghiên cứu, tư vấn Công tác xã hội và phát triển cộng đồng (SDRC) TP.HCM... các tổ chức này đã giúp đỡ học phí, tài liệu, giáo trình, xây dựng chương trình đào tạo, giảng dạy, tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn trong đào tạo công tác xã hội. Đặc biệt là Chương trình SWEEP- trường đại học San Jose State, Hoa Kỳ hỗ trợ giảng viên CTXH và cán bộ quản lý của Nhà trường đi tập huấn chuyên môn về đào tạo và quản lý chuyên ngành CTXH tại Hoa Kỳ.

Như vậy, để có được những kết quả đào tạo nguồn nhân lực CTXH ở trường đại học Đồng Tháp như hiện nay là nhờ vào các yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan từ phía giảng viên CTXH và Lãnh đạo Nhà trường. Trong đó yếu tố quan trọng nhất là giảng viên CTXH và Lãnh đạo trường xác định là đào tạo để đáp ứng nhu cầu của xã hội, đào tạo nguồn nhân lực công tác xã hội cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

3. Những cơ hội và thách thức trong quá trình đào tạo

3.1 Những cơ hội

Ngành công tác xã hội có vai trò rất quan trọng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội như: Củng cố an sinh xã hội thông qua việc cải thiện các vấn đề xã hội và tăng cường khả năng giải quyết vấn đề cho cá nhân và cộng đồng; Trợ giúp cá nhân, nhóm và cộng đồng, cũng như môi trường xã hội rộng hơn giải quyết và đối phó với khó khăn trong cuộc sống; Kết nối con người với các nguồn lực và hệ thống các dịch vụ xã hội, cũng như việc thúc đẩy các tổ chức xã hội cung cấp dịch vụ và nguồn lực cho con người hoạt động có hiệu quả và mang tính nhân văn; Thúc đẩy thực hiện và vận động chính sách hỗ trợ các nhóm yếu thế đẩy mạnh an sinh và công bằng xã hội; Tổ chức nghiên cứu các vấn đề xã hội nhằm cải thiện khung pháp lý và tăng

cường dịch vụ đáp ứng phù hợp cho các nhóm đối tượng; Giáo dục cộng đồng nâng cao nhận thức và năng lực về giải quyết các vấn đề xã hội.

Ngành công tác xã hội có thể làm việc ở các lĩnh vực như:

- Bảo vệ trẻ em và phụ nữ nạn nhân của bạo hành gia đình và các hành thức hành hạ, ngược đãi, bóc lột, lạm dụng khác;
- Bảo trợ xã hội, bao gồm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người cao tuổi, người khuyết tật,...
- Phòng chống tệ nạn xã hội;
- Tư pháp (điều tra, truy tố, xét xử, luật sư, tư vấn, trợ giúp pháp lý...)
- Các chương trình cho thanh niên, người chưa thành niên;
- Giáo dục ở các cấp học;
- Y tế, bao gồm cả lĩnh vực sức khỏe tâm thần;
- Phát triển cộng đồng;
- Quản lý các dịch vụ xã hội;
- Nghiên cứu chính sách ...

Vai trò và vị trí quan trọng của ngành công tác xã hội là những cơ hội để đào tạo và phát triển nghề công tác xã hội ở Việt Nam nói chung và ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

Với Quyết định 32/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì nghề công tác xã hội đã được khẳng định ở Việt Nam về mã số, ngạch bậc, thực hiện ở các cấp, bước đầu đã có cơ sở pháp lý. Việc tồn tại và phát triển công tác xã hội ở Việt Nam đã trở thành một nhu cầu xã hội. Trên thực tế, công tác xã hội với những biểu hiện cụ thể của nó đã được đề cập trong pháp luật Việt Nam từ rất sớm, ngay những năm 40-50 của thế kỷ trước thông qua các hoạt động trợ giúp, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi, khuyết tật, những người gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do cá nhân, tổ chức như Hội Chữ thập đỏ, phụ nữ, thanh niên ... thực hiện. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản pháp luật về lĩnh vực này đã có tiền đề và là một thuận lợi để chúng ta hoàn thiện.

Đã có những văn bản có liên quan đến hoạt động công tác xã hội được quy định trong các lĩnh vực cụ thể là cơ sở thuận lợi cho việc bổ sung, điều chỉnh, xây dựng các quy định pháp luật về nghề công tác xã hội trong thời gian tới. Nhiều nội dung liên quan đến công tác xã hội đã được qui định trong pháp luật Việt Nam, có liên quan đến nhiều lĩnh vực của các Bộ, ngành. Pháp luật Việt Nam đã có một số văn bản quy định trực tiếp về công tác xã hội như Luật nuôi con nuôi, Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật nuôi con nuôi, Nghị định 67 và Nghị định 136 về chính sách trợ giúp xã hội bảo trợ xã hội, luật về trách nhiệm của con cái khi nuôi dưỡng người già... Bên cạnh đó có nhiều văn bản mặc dù không quy định cụ thể về công tác xã hội nhưng đã có quy định thể hiện khá rõ nét bản chất của công tác xã hội và dịch vụ công tác xã hội.

Việc tổ chức thực hiện các quy định có liên quan đến công tác xã hội và dịch vụ công tác xã hội về cơ bản đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền, lãnh đạo các ban ngành, tổ chức quan tâm chỉ đạo, triển khai và đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, đó là cơ sở để từng bước đóng góp vào sự phát triển, hoàn thiện ngành, nghề công tác xã hội ở Việt Nam.

Trong bối cảnh phát triển nghề CTXH nói chung ở nước ta thì có rất nhiều tổ chức xã hội, các tổ chức quốc tế quan tâm hỗ trợ nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực CTXH. Đây là một cơ hội rất lớn để Nhà trường có thể kết nối và hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm góp phần thực hiện Đề án 32.

3.2 Những thách thức

Nhận thức về ngành nghề công tác xã hội còn nhiều hạn chế, đặc biệt là các bạn trẻ ít hiểu biết về ngành công tác xã hội nên khó khăn trong công tác tuyển sinh đầu vào. Còn hạn chế trong công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam nói chung và ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng tới các cấp, các ngành, tới mọi người dân, phổ biến tuyên truyền rộng rãi về vị trí, vai trò của công tác xã hội chuyên nghiệp trong việc can thiệp, giải quyết các vấn đề xã hội.

Giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành công tác xã hội còn ít so với nhu cầu đào tạo hiện nay của Nhà trường. Hiện nay có 8 giảng viên tham gia giảng dạy các môn học chuyên ngành công tác xã hội, các giảng viên này có trình độ thạc sĩ hoặc đang học tiến sĩ chuyên ngành công tác xã hội hoặc các ngành gần như xã hội học, dịch vụ xã hội và phát triển. Hiện nay, chưa có giảng viên đạt trình độ tiến sĩ chuyên ngành công tác xã hội, đây là một thách thức lớn đối với ngành công tác xã hội ở trường đại học Đồng Tháp.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, các dịch vụ xã hội, các cơ sở xã hội nơi mà sinh viên có thể đến để thực hành, thực tập còn quá ít so với nhu cầu. Đây là thách thức lớn trong quá trình đào tạo và phát triển nghề công tác xã hội ở trường đại học Đồng Tháp.

Chưa có những qui định cụ thể về định biên (biên chế) CTXH trong các cơ quan, tổ chức xã hội là một thách thức quan trọng trong việc đảm bảo đầu ra trong đào tạo và phát triển nghề CTXH.

Trong đào tạo ngành công tác xã hội, Nhà trường đã liên kết đào tạo với các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long để đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực công tác xã hội. Nhưng một số tỉnh trong khu vực lân cận lại liên kết đào tạo đại học hoặc các khóa học ngắn hạn với các trường đại học ở xa khu vực điều này gây tốn kém và lãng phí trong quá trình đào tạo và tận dụng nguồn nhân lực.

4. Kiến nghị và đề xuất

Trong quá trình đào tạo, Bộ môn CTXH, trường đại học Đồng Tháp xin có một số kiến nghị và đề xuất như sau:

Bộ LĐ-TB&XH phối hợp với các cơ quan hoàn thành quy định về định biên (biên chế) công tác xã hội trong các cơ quan có thể tuyển dụng cán bộ làm CTXH. Ví dụ như: nhân viên làm CTXH trong bệnh viện, trong trường học, trong các cơ quan đoàn thể...

Bộ LĐ-TB&XH phối hợp Bộ Giáo dục và đào tạo và các tổ chức hỗ trợ, ưu tiên đào tạo nâng cao trình độ giảng viên đang trực tiếp đào tạo sinh viên ngành CTXH. Cụ thể như đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ chuyên ngành CTXH ở các nước phát triển.

Bộ LĐ-TB&XH phối hợp với các cơ quan để truyền thông nhiều hơn nữa về ngành, nghề CTXH làm cho người dân, đặc biệt là học sinh phổ thông hiểu biết nhiều hơn về ngành CTXH.

Phát triển nguồn nhân lực công tác xã hội là giải pháp quan trọng để góp phần giải quyết các vấn đề xã hội trên. Trường đại học Đồng Tháp đã, đang và sẽ tiếp tục đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực công tác xã hội cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long và trong cả nước. Đây cũng là nhiệm vụ quan trọng trong các mục tiêu của Đề án 32 phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ ThS Hà Đình Bốn, *Phát triển công tác xã hội ở Việt Nam về phương diện pháp luật*, bài viết trong kỷ yếu Hội thảo quốc tế về chia sẻ kinh nghiệm về an sinh xã hội và công tác xã hội, ngày công tác xã hội 2012 tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.
- 2/ PGS.TS. Phạm Văn Quyết, *Đào tạo công tác xã hội ở trường ĐHKHXH&NV – ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội*, bài viết tại Hội thảo khoa học “Nghiên cứu và đào tạo Công tác Xã hội trong quá trình hội nhập và phát triển, 2008.
- 3/ Thạc sỹ Kiều Văn Tu, *Báo cáo kết quả thực hiện đề án 32*, Cục Bảo trợ xã hội, Bộ LĐTB&XH, năm 2016

NHẬN THỨC CỦA BỆNH NHÂN VÀ THÂN NHÂN BỆNH NHÂN VỀ MÔ HÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN

(Trường hợp nghiên cứu ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Đồng Tháp)

SV: Nguyễn Thanh Phong, Lớp ĐHCCTXH14

GVHD: Ths. Trần Kim Ngọc

Tóm tắt

Mặc dù tổ công tác xã hội được thành lập năm 2014 ở bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp và 2016 ở bệnh viện Đa Khoa Vĩnh Long nhưng phần lớn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân khi đến bệnh viện thăm khám vẫn chưa nhận biết hay hiểu biết về nó; phần lớn người được hỏi vẫn chưa hiểu rõ về hoạt động của tổ công tác xã hội trong bệnh viện; nhận thức của người dân về chức năng, nhiệm vụ của nhân viên xã hội trong bệnh viện vẫn còn rất hạn chế; Hoạt động sử dụng dịch vụ hỗ trợ từ tổ công tác xã hội trong bệnh viện của người dân vẫn còn nghiêng về khía cạnh từ thiện; ...điều này cho thấy, để hoạt động của tổ công tác xã hội trong bệnh viện hiệu quả hơn thì việc thay đổi hoặc đổi mới cách thức hoạt động là cần thiết.

Từ khóa: Nhận thức, người dân, công tác xã hội, công tác xã hội trong bệnh viện

1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam, công tác xã hội (CTXH) đã được hình thành từ lâu nhưng còn tản mạn, tự phát ở giai đoạn đầu của CTXH. Theo thời gian và cùng với sự phát triển của xã hội, gần đây CTXH phát triển ngày càng chuyên nghiệp hơn với đội ngũ cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên nghiệp và hoạt động ngày càng hiệu quả hơn. Nhân viên xã hội (NVXH) trong bệnh viện góp phần xoa dịu nỗi đau, nâng cao khả năng và nghị lực cho bệnh nhân trong việc điều trị và khám chữa bệnh, xây dựng mối quan hệ hài hoà giữa thể chất và tinh thần giữa người bệnh với người thân, giữa người bệnh với thầy thuốc, với cơ sở y tế và với cộng đồng. Bên cạnh đó, NVXH trong bệnh viện có vai trò giúp đỡ và tìm nguồn tài trợ cho các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn, kết nối bệnh nhân đến với các dịch vụ xã hội, vận động xã hội tham gia vào việc hỗ trợ, giúp đỡ bệnh nhân.

Đề án phát triển nghề CTXH trong ngành Y tế giai đoạn 2011 – 2020 là hết sức cần thiết nhằm cụ thể hóa Quyết định số 32/2010/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ vào thực tiễn của lĩnh vực Y tế góp phần giải quyết những nhu cầu bức thiết trong chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như làm gia tăng sự hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ Y tế. Nhận thấy tầm quan trọng của CTXH trong bệnh viện, một số tỉnh đã tiến hành thành lập hoạt động CTXH tại bệnh viện, nhưng chưa được đồng bộ, thống nhất. Trong khi đó, bệnh viện đa khoa (BVĐK) tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Đồng Tháp đã thành lập mô hình CTXH trong bệnh viện. Với mong muốn tìm hiểu về hoạt động của mô hình CTXH trong bệnh viện, nhóm nghiên cứu đã thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở mã số: SPD2017.02.09 của trường đại học Đồng Tháp về “Mô hình công tác xã hội tại bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Đồng Tháp”. Bài viết này được rút ra từ kết quả của cuộc nghiên cứu trên.

Khái niệm nhận thức của người dân về tổ CTXH trong bệnh viện được chúng tôi thao tác và đo bởi các biến: nhận biết, hiểu biết của bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân về tổ CTXH trong bệnh viện; nhận biết, hiểu biết của bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân về hoạt động của tổ CTXH trong bệnh viện; kỳ vọng của bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân về vai trò và nhiệm vụ của NVXH trong bệnh viện và hoạt động sử dụng dịch vụ hỗ trợ từ tổ CTXH trong bệnh viện của bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân.

Mục tiêu của Đề án phát triển nghề CTXH giai đoạn 2010-2020 là: "Phát triển công tác xã hội trở thành một nghề ở Việt Nam. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nghề công tác xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng gắn với phát triển hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại các cấp, góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến" [8]. Đây là một đề án hoàn toàn nhằm mục đích xây dựng nguồn nhân lực CTXH chuyên nghiệp tại nước ta. Tuy

nhiên vẫn còn một bộ phận người dân hiểu biết chưa đầy đủ về hoạt động CTXH tại bệnh viện, nhận định sai lệch về mô hình, dẫn đến có những suy nghĩ sai lệch, chưa tiếp cận, nắm bắt thông tin khi cần sự hỗ trợ cần thiết. Nên việc nâng cao nhận thức của người dân về mô hình CTXH trong bệnh viện là điều cần thiết.

Cuộc khảo sát được tiến hành vào tháng 03/2018 tại BVĐK tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Đồng Tháp. Mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên với dung lượng mẫu là 100 bệnh nhân và 50 thân nhân đang điều trị tại các khoa của bệnh viện, phân bố đều theo giới tính; được thực hiện bởi phương pháp thu thập thông tin định lượng dựa vào bảng hỏi được thiết kế sẵn, kết hợp với phỏng vấn sâu một số trường hợp điển hình từ mẫu định lượng. Bài viết giới thiệu một số kết quả từ cuộc khảo sát trên.

2. Nhận thức của bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân về mô hình CTXH trong bệnh viện

2.1. Nhận biết, hiểu biết về mô hình CTXH trong bệnh viện

Tại BVĐK tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Đồng Tháp đã và đang triển khai hoạt động CTXH trong bệnh viện từ những năm gần đây. Hầu hết các bệnh trên thường xuyên trong tình trạng quá tải. Nhân viên y tế không có đủ thời gian và khả năng để giải quyết nhiều nhu cầu bức xúc của bệnh nhân như hướng dẫn giải thích về quy trình khám chữa bệnh, tư vấn về phác đồ điều trị, cách phòng ngừa bệnh tật cho đến hỗ trợ về tâm lý, tinh thần cho người bệnh, khai thác thông tin về đặc điểm nhân khẩu xã hội của người bệnh, cung cấp thông tin về giá cả, chất lượng, địa điểm của các loại dịch vụ,... Thực trạng này đang dẫn đến không ít những phiền hà cho người bệnh tại các bệnh viện như: sự thiếu hụt thông tin khi tiếp cận và sử dụng các dịch vụ khám chữa bệnh, sự không hài lòng của bệnh nhân đối với các cơ sở y tế, sự căng thẳng trong mối quan hệ giữa người bệnh và thầy thuốc,... Từ đó, một vấn đề đặt ra là phải xác định rõ vai trò cũng như những hoạt động của NVXH trong bệnh viện, nâng cao chất lượng chăm sóc và phục vụ người bệnh.

Việc nhận thức, hiểu biết về mô hình CTXH trong bệnh viện là điều rất quan trọng giúp mọi người có thêm nhiều thông tin khi cần có sự hỗ trợ kịp thời. Tuy nhiên, tại hai BVĐK tỉnh Vĩnh Long và Đồng Tháp thì không phải ai cũng biết đến mô hình CTXH trong bệnh viện, trong đó có cả bệnh nhân và thân nhân người bệnh. Khi được hỏi: “Ông/bà đã từng nghe nói đến tổ CTXH trong bệnh viện hay chưa?”. Kết quả có đến 72% người được hỏi ở BVĐK Đồng Tháp; 76% người được hỏi ở BVĐK Vĩnh Long trả lời “họ chưa từng được nghe nói đến”. Chỉ có khoảng ¼ trong số người được học trả lời “họ đã từng nghe, biết đến”. Các cuộc phỏng vấn sâu cũng cho kết quả tương tự, các câu trả lời thường nhận được là:

“Từ khi tôi nằm viện đến nay là hơn nửa tháng, tôi chưa nghe nói hoặc tiếp xúc với ai ở tổ công CTXH trong bệnh viện” (BN nam 65 tuổi – BVĐKĐT)

“Tôi chưa nghe nói, hoặc biết đến hoạt động CTXH trong bệnh viện này”. (BN nữ 31 tuổi – BVĐKVL)

Từ kết quả trên cho thấy khi nói về mô hình CTXH trong bệnh viện thì nhiều người còn chưa biết đến, không tiếp cận được với mô hình và điều đáng nói hơn có một bộ phận lớn bệnh nhân, thân nhân còn hiểu sai về CTXH chính là hoạt động từ thiện tại bệnh viện.

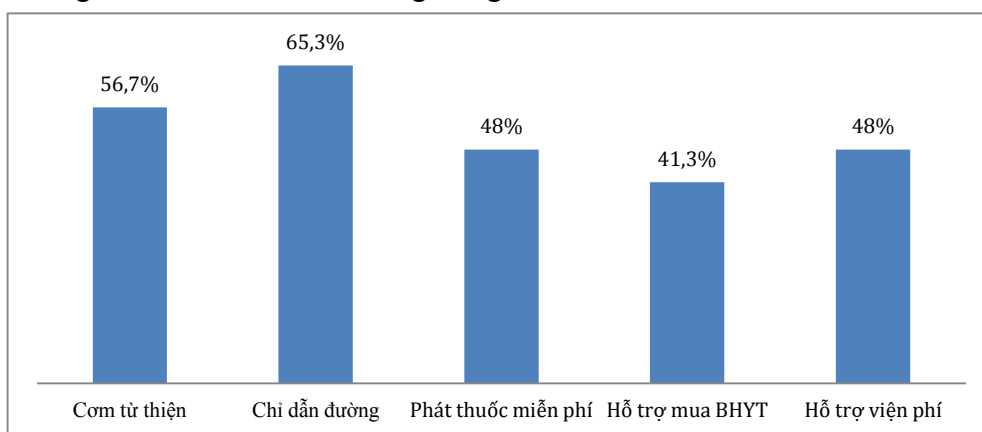
Theo thống kê của Bộ Y tế “Ước tính, 42 BV tuyến TW và 348 bệnh viện tuyến tỉnh cần khoảng 780 nhân viên CTXH chuyên trách và 15.600 nhân viên CTXH kiêm nhiệm. Tại BV tuyến huyện, với 615 BV huyện trong cả nước, ước tính cần khoảng trên 3.000 nhân viên CTXH chuyên trách và trên 12.000 nhân viên CTXH kiêm nhiệm” [4]. Tuy nhiên, kết quả khảo sát mới nhất của ngành Y tế tại 26 bệnh viện cho thấy, chỉ có 5/22 đơn vị có đầu mối chuyên trách về CTXH, chiếm 22,7%. Mô hình tổ chức của đầu mối chuyên trách tại 5 bệnh viện này cũng không đồng nhất, nơi trực thuộc Ban giám đốc, nơi thuộc phòng Điều dưỡng, nơi thì do Đoàn thanh niên phụ trách. Còn lại phần đông các bệnh viện đang lỏng ghép hoạt động về CTXH trong từng khoa, phòng trực thuộc do đó việc triển khai hoạt động chưa được đồng bộ thống nhất dẫn đến việc hoạt động chưa mang lại hiệu quả và nhiều trường hợp cần trợ giúp lại chưa được tiếp

cận [8]. Vì vậy việc chưa biết đến hoặc nhầm lẫn giữa hoạt động CTXH trong bệnh viện với hoạt động từ thiện ở bệnh viện là điều có thể hiểu được.

2.2. Nhận biết, hiểu biết về hoạt động của mô hình CTXH trong bệnh viện

Tổ CTXH được thành lập năm 2014 ở BVĐK Đồng Tháp và 2016 ở BVĐK Vĩnh Long nhưng phần lớn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân khi đến bệnh viện thăm khám vẫn chưa nhận biết hay hiểu biết về nó; phần lớn người được hỏi vẫn chưa hiểu rõ về hoạt động của tổ CTXH trong bệnh viện; nhận thức của người dân về chức năng, nhiệm vụ của NVXH trong bệnh viện vẫn còn rất hạn chế; hoạt động sử dụng dịch vụ hỗ trợ từ tổ CTXH trong bệnh viện của người dân vẫn còn nghiêng về khía cạnh từ thiện; ...điều này cho thấy, để hoạt động của tổ CTXH trong bệnh viện hiệu quả hơn thì việc thay đổi hoặc đổi mới cách thức hoạt động là cần thiết.

Qua kết quả khảo sát ở cả hai bệnh viện về hoạt động của tổ CTXH và NVXH trong bệnh viện cho thấy, phần lớn bệnh nhân, thân nhân người bệnh nhận thức rằng hoạt động CTXH tại bệnh viện bao gồm: hoạt động phát com miễn phí; chỉ dẫn đường đến các phòng khám, khoa khám bệnh trong bệnh viện; thăm khám và cấp phát thuốc cho các bệnh nhân ở vùng sâu, vùng xa; hỗ trợ tiền cho các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn không thể tự lo liệu được và mua bảo hiểm y tế; hỗ trợ viện phí những bệnh nhân, thân nhân đang gặp phải những vấn đề khó khăn về tài chính trong việc chi trả các hoạt động trong điều trị bệnh.



Biểu đồ 1. Nhận thức về các hoạt động mô hình CTXH trong bệnh viện

Các cuộc phỏng vấn sâu cũng đưa đến kết quả tương đồng, nhiều bệnh nhân và thân nhân người bệnh đều nghĩ hoạt động của tổ CTXH trong bệnh viện là các hoạt động từ thiện như cấp phát thuốc miễn phí, hỗ trợ tiền cho người nghèo,...

“Theo tôi nghĩ hoạt động của tổ CTXH trong bệnh viện này là hỗ trợ tiền cho những người bệnh quá khó khăn không đủ điều kiện để chi trả viện phí” (BN nam 56 tuổi - BVĐKVL)

“Mặc dù tôi không biết về mô hình CTXH nhưng tôi nghĩ đó là hoạt động cấp phát thuốc miễn phí cho người bệnh nhân nghèo, hỗ trợ họ thêm một phần tiền nào đó để họ có thể giải quyết cái khó khăn trước mắt của mình” (BN nam 29 tuổi - BVĐKVL)

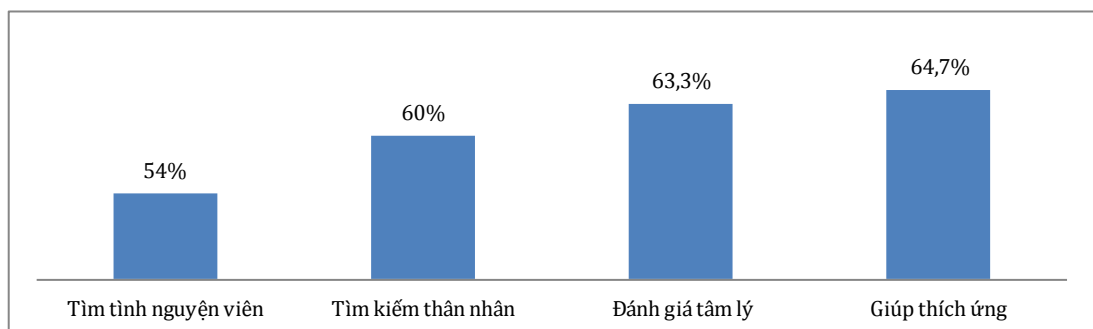
Kết quả trên cho thấy, nhiều người bệnh nhân, thân nhân người bệnh vẫn chưa hiểu hết, hiểu đầy đủ về hoạt động của tổ CTXH trong bệnh viện, họ thường nghĩ và đánh đồng hoạt động CTXH với các hoạt động từ thiện diễn ra ở bệnh viện. Các hoạt động như hỗ trợ tâm lý, xoa dịu nỗi đau ở khía cạnh tâm hồn, tạo dựng mối quan hệ hài hòa giữa bệnh nhân và thầy thuốc thường ít người nghĩ đến. Các hoạt động như vận động, kết nối các nguồn lực, dịch vụ để hỗ trợ bệnh nhân của tổ CTXH trong bệnh viện đa phần người bệnh và thân nhân của bệnh nhân hầu như không biết đến. Điều này đưa đến một nghi vấn: liệu có phải nhận thức của bệnh nhân và thân nhân người bệnh về hoạt động của tổ CTXH còn rất hạn chế hay do tổ CTXH trong bệnh viện hiện nay còn mang tính hình thức, hoạt động chưa hiệu quả, chưa làm hết vai trò, nhiệm vụ nên người dân chưa biết đến? Đây có thể là một gợi ý cho các nghiên cứu tiếp theo.

2.3. Kỳ vọng về vai trò và nhiệm vụ của NVXH trong bệnh viện

Hoạt động CTXH trong bệnh viện có vai trò quan trọng trong xây dựng mối quan hệ hài hoà giữa người bệnh với người thân, giữa người bệnh với thầy thuốc, giữa thân nhân người bệnh với thầy thuốc. Bên cạnh đó, CXTX trong bệnh viện góp phần thay đổi nhận thức và thúc đẩy hành vi tích cực; ngăn ngừa, giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực đến các mối quan hệ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoạt động khám chữa bệnh, nâng cao hiệu quả điều trị. Nhân viên CXTX trong bệnh viện giúp cho mọi người bệnh được khám, điều trị bệnh khi họ gặp phải các vấn đề khó khăn về tâm lý - xã hội.

Đề án “Phát triển nghề hội trong ngành Y tế giai đoạn 2011-2020 nêu rõ vai trò của NVXH là đánh giá tình trạng tâm lý - xã hội của bệnh nhân và các thành viên trong gia đình. Trên cơ sở kết quả đánh giá, NVXH xác định vấn đề khó khăn về tâm lý - xã hội bệnh nhân đang gặp phải, nguyên nhân và những ảnh hưởng của nó đến việc tuân thủ phác đồ điều trị của bệnh nhân; đồng thời xác định xem những thành viên nào trong gia đình bệnh nhân sẽ ảnh hưởng tiêu cực hay tích cực đến tâm lý của bệnh nhân...; NVXH xác định các nguồn lực cần thiết phải vận động hỗ trợ cho bệnh nhân; xác định mục tiêu, phương thức cần phải áp dụng để thảo luận lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch trợ giúp bệnh nhân và các thành viên trong gia đình trong các giai đoạn tiếp theo khi bệnh nhân và thành viên trong gia đình sống sót cùng với tình trạng bệnh, biến chuyển của bệnh [11].

Tuy nhiên sự hiểu biết về vai trò và nhiệm vụ của NVXH trong bệnh viện ở thân nhân và người thân của bệnh nhân vẫn còn khá hạn chế, đa phần là họ kỳ vọng NVXH ở bệnh viện thực hiện tốt, mang tính chuyên nghiệp hơn trong việc giúp bệnh nhân nhận được sự chăm sóc từ các tình nguyện viên trong thời gian bệnh nhân phải nhập viện điều trị mà không có hoặc chưa tìm được thân nhân (54%); NVXH bệnh viện giúp bệnh nhân tìm kiếm thân nhân chăm sóc trong thời gian điều trị bệnh (60%); đánh giá trạng thái tâm lý bệnh nhân (63,3%), và giúp bệnh nhân thích ứng với tình trạng bệnh và đối phó với tình trạng bệnh diễn ra (64,7%); những người còn lại chưa có câu trả lời vì đa phần họ chưa biết hoặc chưa hiểu biết gì về tổ CTXH trong bệnh viện. Kết quả so sánh cho thấy không có sự chênh lệch lớn giữa hai bệnh viện trong các phương án trả lời.



Biểu đồ 2. Kỳ vọng về vai trò, nhiệm vụ của NVXH trong bệnh viện

Thiết nghĩ nếu NVXH trong bệnh viện thực hiện được vai trò, nhiệm vụ như kỳ vọng trên của bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân sẽ tạo nên một bước ngoặt lớn trong hiệu quả chăm sóc, góp phần giúp người thầy thuốc tạo được thiện cảm hơn bệnh nhân, giải tỏa được căng thẳng trong công việc và người bệnh nhân cũng hiểu rõ hơn về tiến trình điều trị, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động trong chăm sóc sức khỏe người dân. Hoạt động CTXH ở bệnh viện sẽ giúp cho mối quan hệ giữa nhân viên y tế và người bệnh, thân nhân người bệnh tốt hơn. Đây là một bước phát triển mới trong công tác chăm sóc và phục vụ người bệnh.

2.3. Hoạt động sử dụng dịch vụ hỗ trợ từ mô hình CTXH trong bệnh viện

Để làm rõ hoạt động sử dụng dịch vụ hỗ trợ từ tổ CTXH trong bệnh viện của người dân tại bệnh viện, nhóm tác giả đã tiến hành tìm hiểu bệnh nhân, thân nhân đã được nhận hỗ trợ những gì từ các NVXH ở bệnh viện.

Kết quả khảo sát cho thấy các dịch vụ mà bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân nhận được chủ yếu chỉ dừng lại ở hoạt động hướng dẫn, chỉ đường đến các phòng khoa khám bệnh trong bệnh viện, cụ thể như ở BVĐK Đồng Tháp là 69.3%; BVĐK Vĩnh Long 61.3%, không có sự khác nhau nhiều về giới tính trong các phương án trả lời.

Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy đa phần bệnh nhân chỉ nhận được sự hỗ trợ khi làm thủ tục, hướng dẫn bệnh nhân đến các khoa, phòng khám và điều trị bệnh còn các mảng còn lại như tư vấn, kết nối các nguồn lực; động viên về tinh thần, ... người dân vẫn chưa được sử dụng, không nhận được sự giúp đỡ của NVXH. Bệnh nhân chưa tiếp xúc và chưa có sự hiểu biết đầy đủ về những thông tin hay cách tiếp cận hoạt động CTXH trong bệnh viện. Chỉ có một số ít bệnh nhân, thân nhân thỉnh thoảng nghe nói hoặc tiếp cận CTXH bệnh viện các câu trả lời thường nhận được là:

“Gia đình tôi cũng còn nhiều khó khăn về tiền điều trị bệnh bởi vì tôi không có Bảo hiểm y tế. Nhưng từ khi nhập viện cho đến nay đã hơn 20 ngày rồi mà gia đình cũng không được gặp hay nhận được sự trợ giúp nào từ NVXH” (BN nữ 77 tuổi – BVĐK ĐT);

“Tôi cũng mắc phải mãn tính phải điều trị lâu năm, tôi nằm viện ở đây cũng lâu rồi mà chưa bao giờ được nghe nói gì về CTXH ở bệnh viện”. (BN nam 61 tuổi – BVĐK ĐT);

“Hiện nay do bệnh nhân cũng chưa hiểu được trong bệnh viện có CTXH nên cũng không liên hệ tới khi có việc cần giúp đỡ” (BN nam 57 tuổi - BVĐK VL);

“Tôi cũng không biết ai là NVXH tại bệnh viện, nhưng thỉnh thoảng cũng có nghe nói các hoạt động xã hội tại bệnh viện, các hoạt động hỗ trợ bệnh nhân nghèo”. (BN nam 35 tuổi - BVĐKĐT);

Hay là *“Cô thì không biết ai là NVXH tại bệnh viện nhưng mà thỉnh thoảng cô cũng có nghe nói là có giúp đỡ cho người nghèo cô thấy việc làm đó hay cần phát huy hơn để giúp đỡ bà con nghèo hơn”*. (BN nữ 57 tuổi - BVĐKVL);

Điều này cho thấy mô hình CTXH hiện nay trong các bệnh viện vẫn chưa phát huy hết được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình; vẫn còn mang tính hình thức và kiêm nhiệm cao nên đa phần người dân vẫn chưa tiếp cận được với các dịch vụ hỗ trợ. Vì vậy, thiết nghĩ để nâng cao nhận thức của người dân về tổ CTXH trong bệnh viện, trước tiên cần nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ CTXH từ khâu quản lý đến năng lực của NVXH cũng chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ. Chính từ đó sẽ làm cơ sở để người dân biết đến và hiểu hơn về CTXH trong bệnh viện. Tuy nhiên để làm được điều này đòi hỏi sự cố gắng rất nhiều nhiều phía như thể chế chính sách, ngành y tế và hơn hết là những người làm nghề CTXH.

3. Kết luận

CTXH bệnh viện trong việc chăm sóc và hỗ trợ cho bệnh nhân nhằm phát huy hiệu quả sẽ góp phần thay đổi nhận thức và thúc đẩy hành vi tích cực, ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động tiêu cực ảnh hưởng tới mối quan hệ, tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả trong hoạt động khám, chữa bệnh cho người dân. Với những lời thăm hỏi ân cần, những thông tin tham vấn hữu ích, với khả năng kết nối các cá nhân và tổ chức xã hội mạnh mẽ thì NVXH sẽ giúp người bệnh giảm bớt cảm xúc tiêu cực như căng thẳng, lo âu, sợ hãi, khủng hoảng, ... cảm giác đau đớn; không bị rơi vào cảm giác bị bỏ rơi về cả vật chất và tinh thần hay cảm xúc bị xa lánh. Đây là một công việc nhỏ nhưng mang lại hiệu quả lớn bởi khi được tạo điều kiện, hỗ trợ bệnh nhân sẽ có được sự lạc quan, thích ứng, đối phó tốt với tình trạng bệnh tật.

Qua kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn một bộ phận người dân chưa biết đến tổ CTXH trong bệnh viện; chưa hiểu rõ về vai trò và nhiệm vụ của NVXH để được nhận sự hỗ trợ khi cần thiết. Mặc dù tổ CTXH được thành lập năm 2014 ở BVĐK Đồng Tháp và 2016 ở BVĐK Vĩnh Long nhưng phần lớn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân khi đến bệnh viện thăm khám vẫn chưa nhận biết hay hiểu biết về nó; phần lớn người được hỏi vẫn chưa hiểu rõ về hoạt động của tổ CTXH trong bệnh viện; nhận thức của người dân về chức năng, nhiệm vụ của NVXH trong bệnh viện vẫn còn rất hạn chế và số người đưa ra các kỳ vọng về chức năng, nhiệm vụ của tổ CTXH chưa cao; hoạt động sử dụng dịch vụ hỗ trợ từ tổ CTXH trong bệnh viện của người dân vẫn còn nghiêng về khía cạnh từ thiện; ...điều này cho thấy, để hoạt động của tổ CTXH trong bệnh viện hiệu quả hơn thì việc thay đổi hoặc đổi mới cách thức hoạt động là cần thiết./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp (2017), *Báo cáo 6 tháng tình hình hoạt động của Tổ công tác xã hội Bệnh viện*.

- [2]. Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long (2017), *Báo cáo 6 tháng tình hình hoạt động của Tổ công tác xã hội Bệnh viện*.
- [3]. Bộ Y tế (2012), *Báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá thực trạng và nhu cầu phát triển nghề công tác xã hội trong ngành y tế, tháng 4/2012*.
- [4]. Bộ Y tế, “*Kỷ yếu Hội thảo phát triển nghề công tác xã hội trong ngành Y tế*”.
- [5]. Bộ Y tế (2012), *Đề án giảm quá tải bệnh viện giai đoạn 2012- 2020, tháng 7/2012*.
- [6]. Bộ trưởng Bộ Y tế (2011), *Đề án Phát triển nghề Công tác xã hội trong ngành Y tế giai đoạn 2011- 2020*.
- [7]. Dự án “*Nâng cao năng lực cho nhân viên Công tác xã hội cơ sở ở TP Hồ Chí Minh*”, tháng 7/2012.
- [8]. Kỷ yếu Hội thảo khoa học, “*Công tác xã hội trong bệnh viện, Những vấn đề lý luận và thực tiễn thực hành*”, NXB ĐHQG TPHCM, năm 2016.
- [9]. Quyết định số: 2514/QĐ-BYT ngày 15/7/2011 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án “*Phát triển nghề hội trong ngành Y tế giai đoạn 2011-2020*”.
- [10]. Thông tư số: 43/TT-BYT ngày 26/11/2015 của Bộ Y Tế về “*Quy định nhiệm vụ và hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ Công tác xã hội của bệnh viện*”.
- [11] Nguyễn Quốc Giang (2016), *Công tác xã hội bệnh viện – những thách thức trở ngại để trở thành dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp*, tài liệu Hội thảo “*Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe*”, Đại học Đà Lạt.
- [12]. PGS.TS Đỗ Hạnh Nga (2016), *Hệ thống khung pháp lý – Cơ sở cho sự phát triển nghề Công tác xã hội trong ngành Y tế*”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “*Công tác xã hội trong bệnh viện_ Những vấn đề lý luận và thực tiễn thực hành*” NSBN:978-604-73-4701-8, tr13-23, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Tp.HCM.
- [13]. Trần Đình Tuấn (2015), *Công tác xã hội trong bệnh viện*”, Hội thảo về “*Công tác xã hội trong bệnh viện*”, Nha Trang.

CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG Ở THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

SV: Trương Cẩm Chi, Lớp: ĐHCCTXH16

GVHD: ThS. Kiều Văn Tu

Tóm tắt

Người khuyết tật (NKT) vận động là một đối tượng yếu thế trong xã hội, vì vậy họ cần được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia vào các hoạt động xã hội cũng như có được việc làm phù hợp với bản thân. Thế nhưng, thực trạng việc làm cho NKT vận động ở thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp hiện nay còn gặp nhiều khó khăn do bản thân NKT chưa tiếp cận được với các Chính sách xã hội (CSXH) và một phần là do sự xa lánh và kì thị mà xã hội dành cho họ. Tuy nhiên, khi CSXH được phổ biến và áp dụng rộng rãi sẽ góp phần mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho NKT vận động nói riêng và thúc đẩy xã hội phát triển nói chung. Bên cạnh những ưu điểm mà CSXH mang lại chúng ta cần phải nhìn nhận được những hạn chế của CSXH mà NKT vận động đang gặp phải để từ đó đề ra những giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các CSXH.

Từ khóa: Người khuyết tật, Chính sách xã hội

1. Mở đầu:

NKT vận động là người có tình trạng giảm hoặc mất chức năng cử động như : đầu, cổ, chân, tay, thân mình dẫn đến những hạn chế trong cử động và di chuyển¹.

Theo đánh giá của Bộ LĐ - TB&XH, quá trình tổ chức thực hiện Luật Người khuyết tật trong những năm qua cho thấy, Nhà nước, gia đình và xã hội đã nỗ lực cho mục tiêu đảm bảo quyền bình đẳng về cơ hội cũng như quyền lợi đặc thù của NKT vận động trên nhiều mặt: chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, các hoạt động văn hóa, công nghệ thông tin và truyền thông,.. nhằm khắc phục phần nào khó khăn cho NKT vận động trong hòa nhập cuộc sống và tiếp cận các dịch vụ, CSXH, giảm thiểu những rào cản hòa nhập xã hội đối với NKT vận động.

Tuy vậy, Bộ LĐ - TB&XH cho rằng vẫn còn những chính sách thực hiện còn hạn chế như: Chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, hoạt động dạy nghề và việc làm cho NKT vận động,.. còn nhiều bất cập².

Ở nước ta, hoạt động tạo việc làm cho NKT vận động luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi để NKT vận động có việc làm nuôi sống bản thân, góp phần giảm áp lực cho gia đình và xã hội. Điều này được thể hiện thông qua hàng loạt các văn bản pháp lý quan trọng như: Luật Người khuyết tật; Luật dạy nghề; Đề án trợ giúp người tàn tật, Bộ Luật Lao động,...

Tuy nhiên, để các CSXH có thể phát huy hết khả năng và sức mạnh thì cần phải có sự hỗ trợ từ phía các cơ quan, tổ chức Nhà nước,... và đặc biệt là sự phấn đấu của chính bản thân NKT vận động trong hoạt động tìm kiếm việc làm và hòa nhập xã hội.

2. Nội dung

Theo thống kê năm 2017, toàn tỉnh Đồng Tháp có hơn 20871 người khuyết tật, trong đó có 14254 người thuộc diện nặng và 4740 người đặc biệt nặng, đây là một con số khá lớn và đáng suy ngẫm³. Nhưng số lượng người khuyết tật được học nghề, tiếp cận với các dịch vụ việc làm, được hỗ trợ việc làm hiện còn quá ít. Tỷ lệ người khuyết tật sau đào tạo nghề tìm việc làm

¹ <https://nganhangphapluat.thukyluat.vn/tu-van-phap-luat/van-hoa-xahoi/nguoi-khuyet-tat-vandong-lagi-220430>.

² <https://text.123doc.org/document/4556542-chinh-sach-viec-lam-cho-lao-dong-la-nguoi-khuyet-tat-tai-dia-phuong-autosaved.htm>

³ <https://baomoi.com/dong-thap-ho-tro-nguoi-khuyet-tat-tu-tin-trong-cuoc-song/c/24214774.epi>.

còn thấp và chủ yếu là tự tạo việc làm. Vì thế, đào tạo một nghề, cung cấp dịch vụ xã hội, hỗ trợ cho NKT vận động là một việc rất cần thiết ở bất cứ địa phương nào.

Có thể thấy rằng, các CSXH về việc làm có tác động rất lớn đối với đời sống của NKT vận động. Nó tạo cơ hội việc làm cho họ. Từ đó, góp phần bảo vệ, chăm sóc và giúp đỡ NKT vận động có cuộc sống độc lập hơn, hòa nhập và có cơ hội cống hiến cho cộng đồng xã hội.

Dưới một góc nhìn khách quan, ta thấy rằng khi NKT vận động được tiếp cận với cơ hội việc làm sẽ tạo tiền đề để họ có được sự tự tin, vượt qua những rào cản mà xã hội dành cho họ như: Sự kì thị, xa lánh,.... Không dừng lại ở đó, việc giảm tỉ lệ thất nghiệp cho NKT vận động là góp phần giảm tình trạng thất nghiệp chung cho tất cả mọi thành phần trên cả nước.

Để hoạt động tạo việc làm cho NKT vận động được thuận lợi và hiệu quả, đòi hỏi phải có các CSXH thiết thực và phù hợp. Tuy nhiên, hiện nay các chính sách hỗ trợ cho NKT vận động còn một số điểm hạn chế và hầu như chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của họ. Từ những bất cập trên đòi hỏi phải có những biện pháp và cơ chế hữu hiệu góp phần đẩy mạnh hoạt động tạo việc làm cho NKT cả nước nói chung và NKT vận động trên địa bàn Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nói riêng.

2.1. Thực trạng CSXH cho NKT vận động trên địa bàn Thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp hiện nay

Công tác chăm sóc, giúp đỡ, hỗ trợ NKT vận động hòa nhập cộng đồng luôn được các cấp, các ngành trong tỉnh Đồng Tháp quan tâm thực hiện. Bằng những việc làm thiết thực, NKT đã được tiếp thêm nghị lực, từng bước vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.

Theo số liệu thống kê của Sở LĐ- TB&XH tỉnh Đồng Tháp, trong thời gian 5 năm trở lại đây, toàn tỉnh đã vận động cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trên 60.000 người khuyết tật. Tổ chức khám, chữa bệnh cho trên 100.000 lượt người và đã hỗ trợ xe lăn, xe lắc trên 3.500 chiếc cho NKT vận động⁴,... Về cơ bản, hiện nay trên địa bàn đa số NKT đã được hỗ trợ động viên để tự tin hòa nhập cộng đồng, có cuộc sống ngày càng ổn định.

Trong giai đoạn từ năm 2012 - 2018: Sở LĐ - TB&XH đã phối kết hợp với các cơ quan, tổ chức đào tạo nghề cho 73 người khuyết tật có nhu cầu theo khả năng của họ, chủ yếu là các nghề làm thủ công mỹ nghệ, nhận gia công sản phẩm, may thêu tại nhà để kiếm thêm thu nhập⁵.

Hiện nay, có các tổ chức Hội hoạt động hỗ trợ cho NKT như: Hội Bảo trợ Người khuyết tật, trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo; Hội Nạn nhân chất độc da cam; Hội Người mù,... hoạt động có hiệu quả.

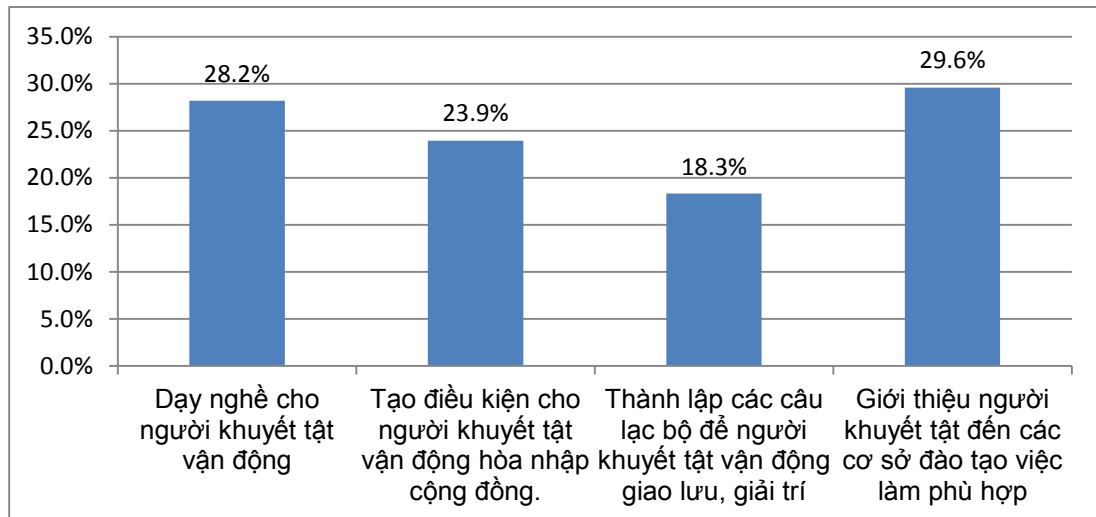
Để giúp NKT, đặc biệt là NKT vận động, sở LĐ- TB&XH tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động, đưa ra một số giải pháp nhằm giúp đỡ NKT vận động như tổ chức dạy những nghề phù hợp cho họ: thêu, vẽ,.. Ngoài ra còn tạo điều kiện cho họ vay vốn tín dụng ưu đãi, ưu tiên cho thuê mặt bằng kinh doanh.

Trong thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về lòng nhân ái, bao dung, không phân biệt đối xử, chia sẻ, giúp đỡ nhiều hơn nữa cho đối tượng NKT.

⁴ <https://baodansinh.vn/dong-thap-danh-nhieu-su-ho-tro-giup-do-voi-nguoi-khuyet-tat-d67816.html>.

⁵ https://apps.dongthap.gov.vn/vanban/files/sldtbxh/sldtbxhvp/BC%20198%20SINH%20KE%20CHO%20NKT.signed_gyWygWQdu.pdf

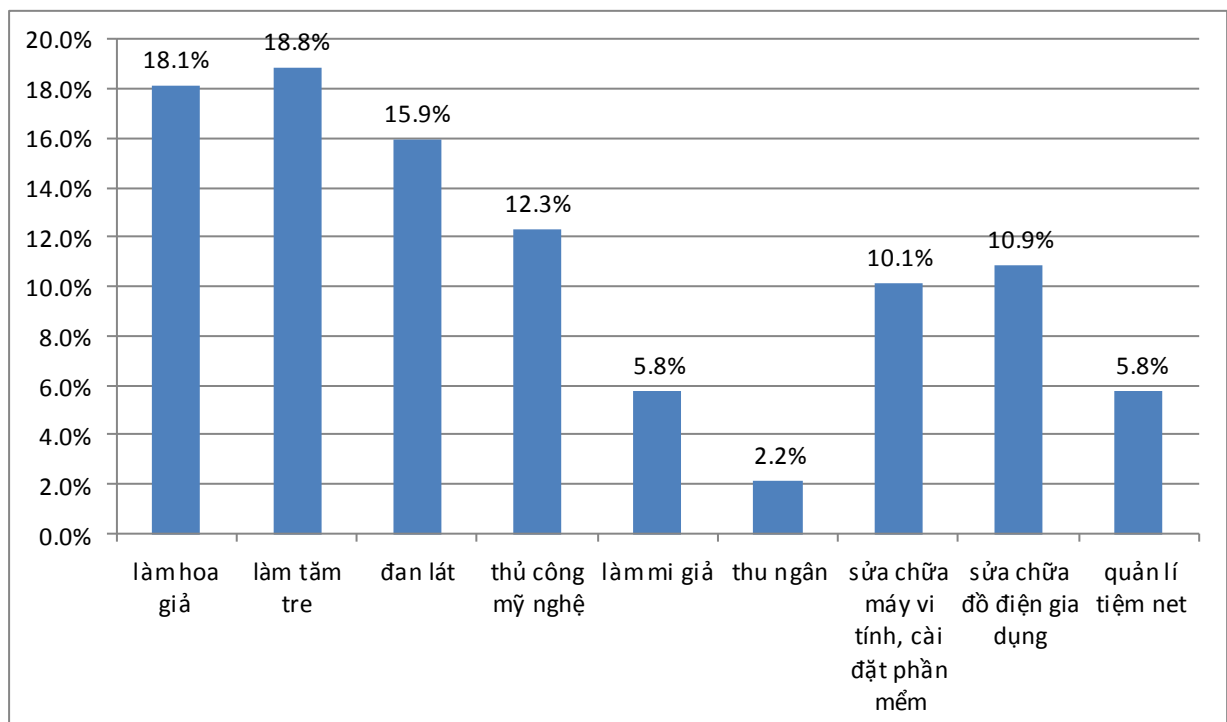
Biểu đồ 1: Thực trạng CSXH cho NKT vận động hiện nay ở Thành phố Cao Lãnh



Kết quả khảo sát dựa trên 40 đối tượng NKT vận động trên địa bàn Thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp, biểu đồ trên cho ta thấy rằng: Hiện nay NKT vận động được hỗ trợ bằng cách: Họ được giới thiệu đến các cơ sở đào tạo việc làm phù hợp chiếm tỉ lệ cao nhất 29,6%. Phương pháp dạy nghề cho NKT vận động cũng là một cách áp dụng khá phổ biến chiếm 28,2%. Bên cạnh đó, việc tạo điều kiện cho NKT vận động hòa nhập cộng đồng chiếm 23,9% và cuối cùng 18,3% là thành lập các câu lạc bộ để NKT vận động giao lưu, giải trí.

Thông qua số liệu trên ta thấy rằng công tác hỗ trợ và chăm sóc NKT vận động tại Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp hiện nay nhận được rất nhiều sự quan tâm của các cấp lãnh đạo.

Biểu đồ 2: Những công việc phù hợp với NKT vận động



Thực tế cho thấy rằng có rất nhiều việc làm phù hợp với NKT vận động, trong đó: Việc làm tấm tre chiếm tỉ lệ cao nhất 18,8%, tiếp theo là làm hoa giả chiếm 18,1%, việc đan lát chiếm 15,9% và tiếp theo là các công việc như thủ công mỹ nghệ, sửa đồ điện gia dụng, sửa chữa máy vi tính lần lượt chiếm 12,3%, 10,9%, 10,1%.... Qua đây ta thấy được rằng, việc làm cho NKT vận động khá đa dạng. Tuy nhiên, để họ tìm kiếm được công việc phù hợp với bản thân đòi hỏi

phải có sự hướng dẫn, tư vấn đúng đắn của các nhà chuyên môn cũng như các cán bộ quản lý ở địa phương.

2.2. Những ưu điểm và hạn chế của các CSXH đối với NKT vận động

2.2.1. Ưu điểm

Trong thời gian qua, việc thực hiện CSXH cho NKT vận động đã tạo ra những chuyển biến tích cực đối với cuộc sống của các đối tượng này. Sự thay đổi nhận thức xã hội giúp NKT tự tin, hòa nhập vào đời sống xã hội ngày càng thuận lợi hơn. Hiện nay, hoạt động trợ giúp cho NKT nói chung và NKT vận động nói riêng đã thu hút được sự quan tâm, phát huy trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư, từng bước giảm dần những rào cản mà NKT gặp phải. Từ đó, tạo động lực để họ phát huy hết năng lực và khả năng của mình, vươn lên hòa nhập với xã hội⁶.

Khi NKT vận động được tiếp cận với các CSXH việc làm phù hợp, thì cuộc sống của họ sẽ được thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn. Bên cạnh đó, gia đình của họ cũng giảm bớt được phần nào áp lực trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng họ.

Điển hình: Luật Người khuyết tật được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc thể chế hóa đầy đủ và toàn diện các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về NKT nhằm tạo môi trường pháp lý, cơ hội bình đẳng, không rào cản đối với NKT theo hướng xây dựng các chính sách đối với NKT trên cơ sở tiếp cận và bảo đảm quyền của NKT; quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội trong việc xóa bỏ rào cản và bảo đảm các điều kiện để NKT hòa nhập xã hội như những người bình thường khác. Luật Người khuyết tật đã thể hiện tính nhân văn sâu sắc cũng như tinh thần tương thân tương ái của dân tộc ta⁷.

Nhà nước luôn có chính sách bảo trợ quyền lao động, tự tạo việc làm của lao động là NKT, có chính sách khuyến khích và ưu đãi: Người sử dụng lao động (NSDLĐ) tạo việc làm và nhận lao động là NKT vào làm việc. Cụ thể là: Điều 177 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định NSDLĐ phải đảm bảo về điều kiện lao động, công cụ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với lao động là NKT và thường xuyên chăm sóc sức khỏe cho họ; NSDLĐ phải tham khảo ý kiến lao động là NKT khi quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của họ. Bên cạnh những quy định về việc sử dụng lao động là NKT, Nhà nước ta còn đề ra những quy định đối với các hành vi cấm sử dụng lao động là NKT trong Điều 178 của Bộ luật Lao động năm 2012 như sau: Sử dụng lao động là NKT suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm; Sử dụng lao động là NKT làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại theo danh mục do Bộ LĐTHBXH chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành.

Các CSXH dành cho NKT không chỉ thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với nhân dân mà nó còn góp phần khẳng định quyền và nghĩa vụ của NKT đối với cộng đồng và xã hội. Vì NKT cũng là một bộ phận trong cộng đồng người dân Việt Nam, họ cũng là nguồn lực quan trọng để xã hội ngày càng phát triển, hội nhập hơn nữa trong nền kinh tế thị trường như hiện nay.

2.2.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện các CSXH đối với NKT vận động vẫn còn những hạn chế nhất định như: Đời sống một bộ phận không nhỏ NKT vận động còn nhiều khó khăn: Một số NKT vận động chưa được tiếp cận hoặc tiếp cận chưa đầy đủ các chính sách ưu đãi của Nhà nước về y tế, giáo dục, việc làm,.. do tỉnh Đồng Tháp có nhiều xã vùng sâu, vùng biên giới; đa số người dân sống bằng nghề nông, thuê mướn. Phần đông đối tượng khuyết

⁶ <https://laodongxahoi.net/nhung-kho-khan-trong-viec-thuc-hien-chinh-sach-tro-giup-nguoi-khuyet-tat-va-mot-so-de-xuat-1304060.html>.

⁷ Tạp chí lao động: <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=5685>.

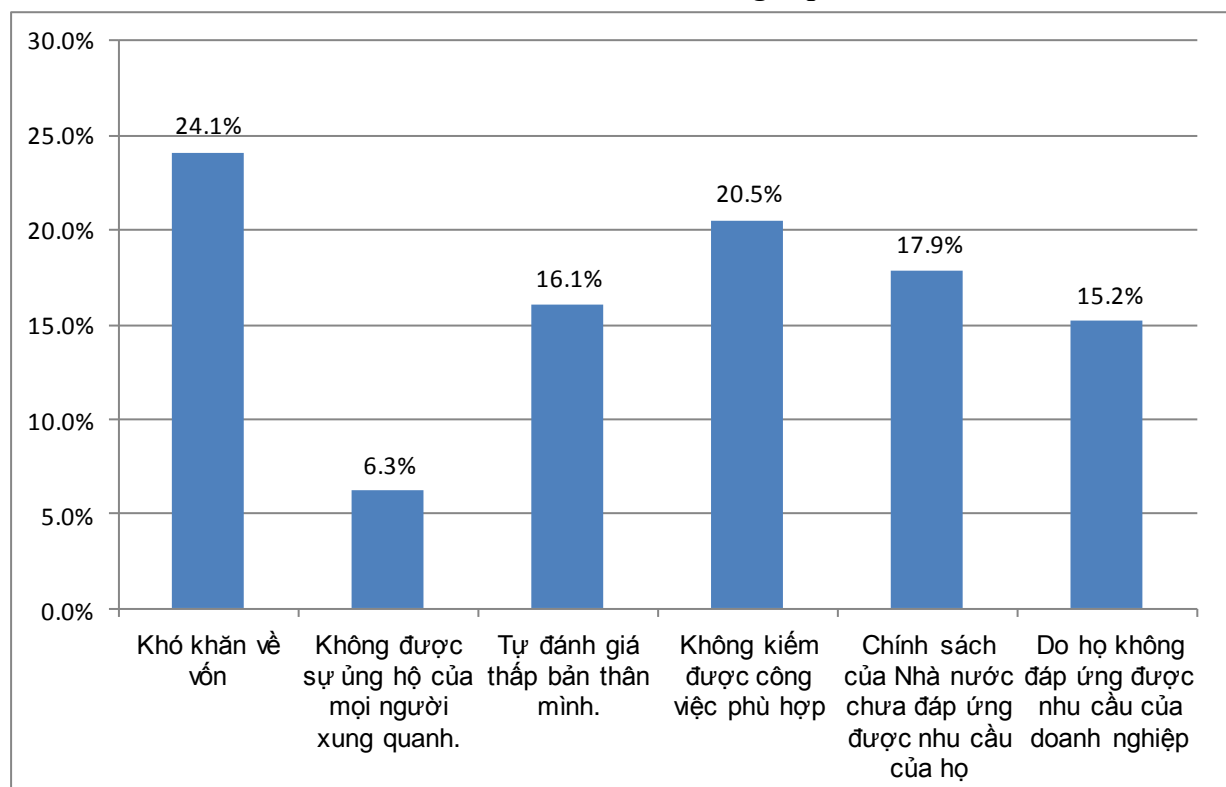
tật là thành viên của các gia đình nghèo không có đất canh tác, nên người trong gia đình phải thường xuyên lao động kiếm sống, không có thời gian quan tâm đến nhu cầu, tâm tư và nguyện vọng của NKT. Một bộ phận cán bộ và người dân trong xã hội chưa nhận thức được đầy đủ về vấn đề của NKT. Thêm vào đó, công tác chỉ đạo triển khai các CSXH đến NKT còn chậm, chưa kịp thời, thiếu sâu sắc, vẫn tồn tại tình trạng kì thị, phân biệt đối xử với NKT.

Không có nhiều cơ sở dạy nghề dành riêng cho NKT vận động, chủ yếu đào tạo nghề lồng ghép với các lớp đào tạo nghề nông thôn. Nhu cầu học nghề của NKT tại địa phương còn thấp.

Tình trạng các cơ quan, doanh nghiệp từ chối tuyển dụng NKT vẫn đang tồn tại và chưa có giải pháp triệt để để ngăn ngừa hiện trạng trên. Chính những định kiến, thiếu quan tâm chia sẻ của xã hội đã gián tiếp đẩy NKT vào những ngõ cụt.

Không dừng lại ở đó, chính gia đình và bản thân NKT cũng là yếu tố làm cho các CSXH khó phát huy hết vai trò và khả năng của mình. NKT chưa nhận thấy được những lợi ích mà CSXH mang lại từ đó không muốn tìm đến sự trợ giúp từ nó. Mặt khác, nhận thức của một bộ phận NKT chưa cao, họ không biết được những quyền lợi mà mình đáng được nhận từ các CSXH, chính điều này làm họ ngại tìm đến sự giúp đỡ từ các cấp chính quyền, địa phương. Thêm vào đó là sự thiếu quan tâm từ phía gia đình cũng làm cho NKT thiếu ý chí, không muốn vươn lên trong cuộc sống, làm họ ngày càng trở nên cô lập và xa rời xã hội.

Biểu đồ 3: Yếu tố cản trở NKT vận động tiếp cận với việc làm



Trong bài nghiên cứu chỉ hướng đến những yếu tố cơ bản mà NKT vận động dễ gặp phải như: Khó khăn về vốn, không được sự ủng hộ của mọi người xung quanh, NKT tự đánh giá thấp bản thân mình, ... Được khảo sát trên 40 NKT vận động ở nhiều độ tuổi khác nhau. Kết quả cho thấy rằng có 24,1% NKT vận động gặp khó khăn về vốn, điều này đã cản trở họ tiếp cận với các Chính sách việc làm. Tiếp sau đó là 20,5% NKT vận động không kiểm được việc làm phù hợp khi tham gia tìm kiếm việc làm. Chính sách của Nhà nước chưa đáp ứng được nhu cầu của NKT cũng là một trong những yếu tố cản trở họ tham gia vào hoạt động tìm kiếm việc làm, chiếm 17,9%. Bên cạnh đó, nguyên nhân từ chính bản thân NKT cũng là điểm hạn chế về cơ hội việc làm của họ chiếm 16,1%, do họ không đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp chiếm 15,2% và cuối cùng là họ không được sự ủng hộ của mọi người xung quanh chiếm 6,3%. Qua kết quả thống kê giúp ta thấy được rằng, hiện tại NKT vận động đang gặp phải rất nhiều

khó khăn khi tham gia tìm kiếm việc làm, trong đó yếu tố về vốn được họ quan tâm nhiều nhất. Vì thế, cần phải có những Chính sách phù hợp để hỗ trợ cho họ tìm kiếm việc làm đạt hiệu quả cao góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho NKT vận động tại Thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp hiện nay.

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả của các CSXH nhằm hỗ trợ việc làm cho NKT vận động trên địa bàn Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

CSXH có vai trò đặc biệt quan trọng, là mục tiêu, là động lực để đất nước phát triển nhanh và bền vững trong mọi giai đoạn phát triển. CSXH phải được đặt ngang tầm với chính sách kinh tế và thực hiện đồng bộ với chiến lược phát triển kinh tế, phù hợp với trình độ phát triển và khả năng nguồn lực trong từng thời kỳ⁸.

Đối với NKT, nỗi lo sợ nhất mà họ gặp phải khi bắt đầu một khóa đào tạo nghề, không phải là hoàn thành chương trình học mà là sống được bằng chính nghề mà họ học được. Vì vậy, việc đề ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả của các CSXH về vấn đề việc làm cho NKT là một yêu cầu cấp thiết và tất yếu.

2.3.1. Giải pháp từ phía Nhà nước

Hệ thống các Chính sách an sinh xã hội cần phải mang tính đa dạng và toàn diện hơn. Phải có sự chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và nhân dân, giữa các nhóm dân cư trong một thể hệ, bảo đảm tính bền vững và công bằng. Bên cạnh đó, cần phải tăng cường hợp tác quốc tế để có thêm nguồn lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề,.. ưu tiên cho người nghèo, NKT,... Các CSXH đề ra phải được triển khai thực hiện một cách đồng bộ và có hiệu quả, tránh sự lơ là và thiếu trách nhiệm.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo quản lý của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc thực hiện các chương trình, chính sách đảm bảo an sinh xã hội.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật góp phần nâng cao nhận thức của người dân. Thực hiện tốt các hoạt động chăm sóc, giúp đỡ, tương thân tương ái đối với NKT. Các CSXH phải mang tính hệ thống và đồng bộ, vừa hỗ trợ vừa khuyến khích sự nỗ lực vươn lên của đối tượng được hưởng thụ.

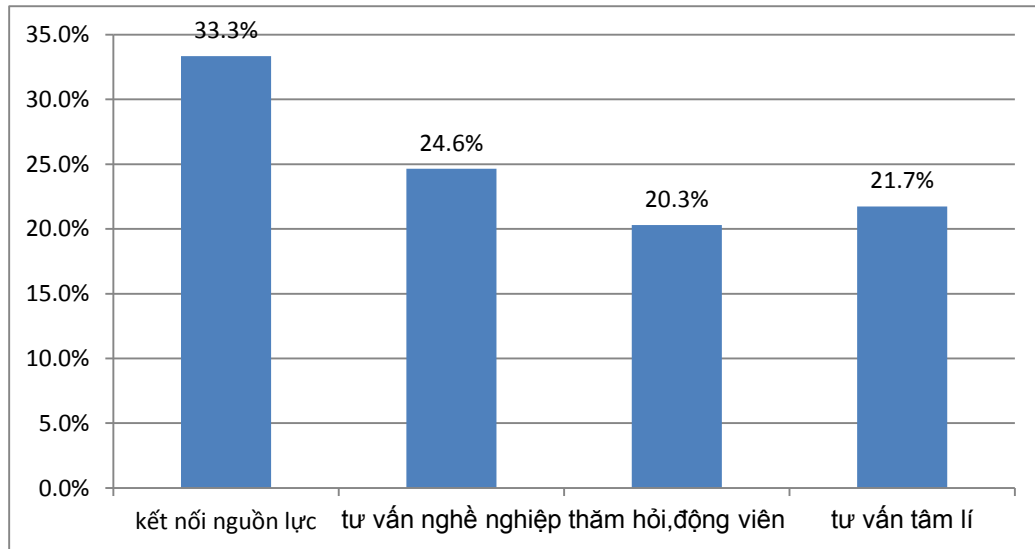
Hoạt động giúp đỡ NKT vận động có thể rất đơn giản như: Cung cấp cho họ các phương tiện để thuận lợi cho việc đi lại như xe 3 bánh, đội ngũ xe ôm miễn phí cho NKT, hỗ trợ học phí cho họ trong quá trình học nghề,...

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh về chăm sóc, bảo vệ, giúp đỡ NKT. Phổ biến các phương pháp phòng ngừa khuyết tật, chống phân biệt đối xử với NKT, tạo điều kiện cho họ vươn lên hòa nhập cộng đồng. Nêu gương điển hình các tập thể, cá nhân làm tốt công tác bảo trợ và NKT tiêu biểu tự phấn đấu vươn lên.

Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội, cán bộ các cơ sở bảo trợ xã hội có NKT. Tổ chức tập huấn cho gia đình NKT về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho NKT, tập huấn kỹ năng sống cho NKT. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện các chính sách, pháp luật đối với NKT .

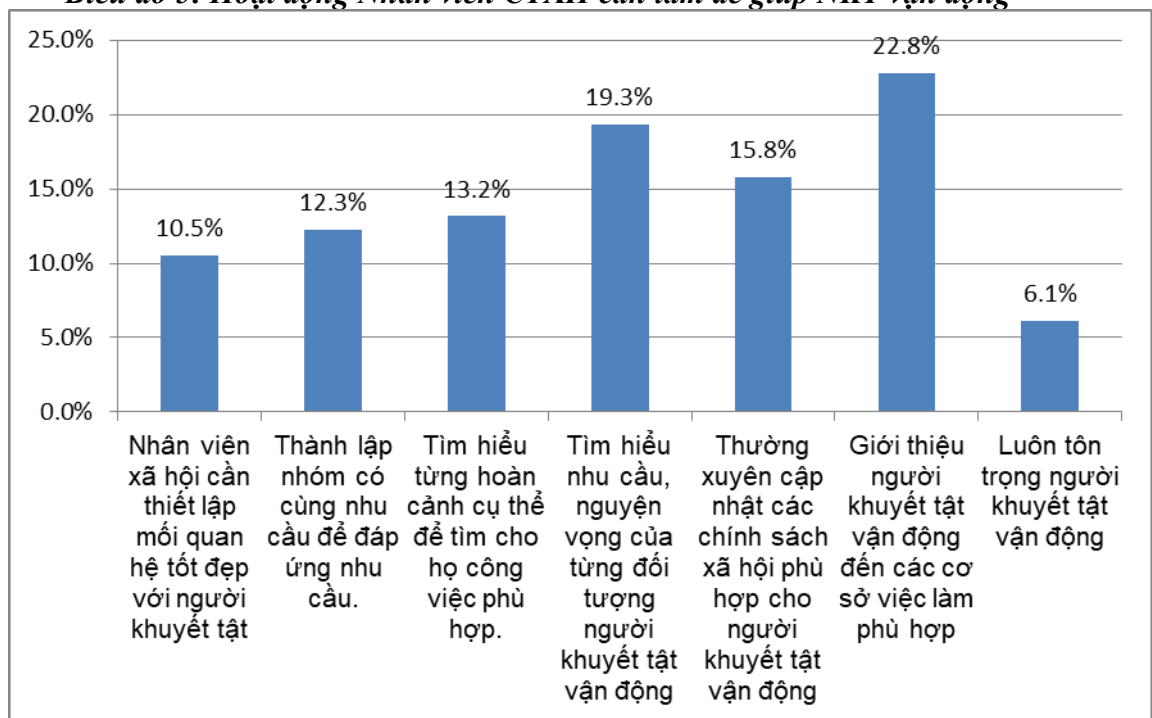
⁸ <https://congtaqxahoi.net/mot-van-de-ve-chinh-sach-xa-hoi-giai-doan-2012-2010/>.

Biểu đồ 4: Vai trò của Nhân viên CTXH nhằm hỗ trợ NKT vận động tìm kiếm việc làm



Khi được hỏi, anh/chị mong muốn Nhân viên CTXH cần làm gì để hỗ trợ việc làm cho anh/chị thì có 33,3% NKT vận động mong muốn Nhân viên CTXH kết nối nguồn lực để họ dễ dàng tìm kiếm được công việc phù hợp với bản thân. Có 24,6% NKT muốn được Nhân viên CTXH tư vấn nghề nghiệp cho họ. Vai trò tư vấn tâm lý chiếm 21,7% và 20,3% còn lại NKT vận động mong muốn được Nhân viên CTXH quan tâm đến đời sống tinh thần của họ, thăm hỏi, động viên họ. Nhìn chung, có thể đánh giá sơ bộ qua kết quả khảo sát ta thấy rằng NKT vận động rất cần sự hỗ trợ từ Nhân viên CTXH tại địa phương. Điều này đòi hỏi cần phải có 1 đội ngũ cán bộ Nhân viên xã hội được đào tạo chuyên nghiệp, tay nghề vững vàng để hỗ trợ kịp thời cho NKT nói chung và NKT vận động trên địa bàn Thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp nói riêng.

Biểu đồ 5: Hoạt động Nhân viên CTXH cần làm để giúp NKT vận động



Hoạt động được nhiều Nhân viên CTXH lựa chọn là giới thiệu NKT vận động đến các cơ sở việc làm phù hợp chiếm tỉ lệ cao nhất 22,8%. Sau đó là tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng của từng đối tượng NKT vận động chiếm 19,3%. 15,8% tiếp theo là thường xuyên cập nhật các CSXH phù hợp cho NKT vận động. Hoạt động tìm hiểu từng hoàn cảnh cụ thể để tìm cho NKT

vận động công việc phù hợp cũng được các Nhân viên CTXH thường xuyên quan tâm, chiếm 13,2%. Song song đó, việc thành lập các nhóm có cùng nhu cầu để kịp thời đáp ứng cũng chiếm tỉ lệ khá cao 12,3%. Nhân viên CTXH cần thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với NKT tật chiếm 10,5% và 6,1% cuối cùng là luôn tôn trọng NKT vận động. Từ kết quả trên có thể thấy rằng, Nhân viên CTXH thực hiện rất nhiều các hoạt động trợ giúp nhằm hỗ trợ NKT tìm kiếm được việc làm phù hợp để nâng cao đời sống cho bản thân NKT trên địa bàn thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp hiện nay.

2.3.2. Giải pháp từ phía NKT

Bản thân NKT vận động cần phải có ý chí vươn lên trong cuộc sống “tàn chứ không tật”. Phải vượt qua những rào cản của xã hội bằng những việc làm cụ thể: Đi học nghề, có được việc làm phù hợp có thể nuôi sống bản thân, thậm chí là làm gương cho nhiều NKT khác lấy làm khuôn mẫu và học theo.

Bên cạnh việc phải có nghị lực sống thì NKT cũng cần phải ý thức được những điểm hạn chế của mình, từ đó tìm đến sự giúp đỡ từ các CSXH, các cấp Chính quyền, địa phương để cuộc sống và hoạt động tìm kiếm việc làm của họ được thực hiện dễ dàng và hiệu quả hơn.

NKT cần phải mạnh dạn nêu lên những suy nghĩ của bản thân, học cách trình bày những sáng kiến, ý tưởng trong công việc,... từ đó góp phần khẳng định giá trị của bản thân, phát huy được sức mạnh của NKT,...

3. Kết luận

Trong thời đại công nghiệp 4.0 như hiện nay, khi tất cả mọi thành phần trong xã hội đều tất bật với cuộc sống mưu sinh thì lại có một bộ phận không nhỏ là những người chưa có việc làm để trang trải cuộc sống. Trong bộ phận không nhỏ đó không thể không nói đến những đối tượng NKT. NKT là một đối tượng yếu thế trong xã hội, nhưng khi họ không có một công việc tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân thì cuộc sống của họ đã khó khăn sẽ lại càng khó khăn hơn nữa.

Vì vậy, CSXH trong hoạt động hỗ trợ việc làm cho NKT nói chung và NKT vận động nói riêng là một vấn đề hết sức quan trọng và cấp bách trong xã hội ngày nay. Để tạo nhiều cơ hội hơn nữa cho NKT vận động học nghề và có việc làm rất cần sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả của các cơ quan chức năng, ban ngành có liên quan. Trong đó chú trọng tuyên truyền rộng rãi các chương trình dạy nghề, học nghề, việc làm để NKT vận động có thêm thông tin và cơ hội tiếp cận với các chính sách, từ đó góp phần đẩy mạnh hiệu quả của hoạt động giải quyết việc làm cho NKT vận động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lương Lê Chi, “*Công tác xã hội trong hỗ trợ sinh kế đối với người khuyết tật trong thành phố Bắc Ninh*”, NXB ĐHQG Hà Nội năm 2017, [http://ulsa.edu.vn/uploads/file/caohoc/Lu%E1%BA%ADn%20v%C4%83n%202017%20\(%C4%91%C4%83ng%202018\)/LV%20%C4%91%C4%83ng%20ng%C3%A0y%2027-2-2018/CT01004_LuongLeChiKICT.pdf](http://ulsa.edu.vn/uploads/file/caohoc/Lu%E1%BA%ADn%20v%C4%83n%202017%20(%C4%91%C4%83ng%202018)/LV%20%C4%91%C4%83ng%20ng%C3%A0y%2027-2-2018/CT01004_LuongLeChiKICT.pdf)
- [2]. PGS. TS Nguyễn Kim Hoa, NXB ĐHQG Hà Nội năm 2014, http://bookk365.vn/gian-hang/nxbdhqghn/sach/8093_cong-tac-xa-hoi-voi-nguoi-khuyet-tat.html
- [3]. Lê Thị Thùy Linh, “*Chính sách việc làm cho lao động người khuyết tật tại địa phương*”, ngày 05/11/2017, <https://123doc.org//document/4556542-chinh-sach-viec-lam-cho-lao-dong-la-nguoi-khuyet-tat-tai-dia-phuong-autosaved.htm>
- [4]. Nguyễn Thị Quế, “*Quyền làm việc của người khuyết tật tại Việt Nam*”, năm 2015, <https://thegioiluat.vn/bai-viet-hoc-thuat/Quyen-lam-viec-cua-nguoi-khuyet-tat-tai-Viet-Nam-7461>
- [5]. Nguyễn Thị Minh Thúy, “*Báo cáo đánh giá nhu cầu của người khuyết tật ở huyện Liên Chiểu, Đà Nẵng*”, năm 2009.
- [6]. Bộ Lao động – Thương binh và xã hội (2014), “*Báo cáo khảo sát hệ thống hỗ trợ người khuyết tật trong lĩnh vực lao động và thương binh xã hội ở Việt Nam*”.
- [7]. Quốc hội Việt Nam, “*Luật dự thảo về người khuyết tật*”, ngày 15-5-2010, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-nguoi-khuyet-tat-2010-108081.aspx>

[8]. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, “*Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ sinh kế cho người khuyết tật và gia đình người khuyết tật giai đoạn năm 2012–2018*”, năm 2018.

[9]https://apps.dongthap.gov.vn/vanban/files/sldtbxh/sldtbxhvp/BC%20198%20SINH%20KE%20CHO%20NKT.signed_gyWyguWQdu.pdf

VĂN HÓA ỨNG XỬ CỦA SINH VIÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

SV. Nguyễn Thị Mộng Đua, Lớp: ĐHCTXH15

GVHD: ThS. Nguyễn Thị Bích Hưng

Tóm tắt

Bài viết xin trình bày thực trạng, nguyên nhân tác động đến văn hóa ứng xử của sinh viên ngành công tác xã hội trường Đại học Đồng Tháp. Từ đó, giới thiệu một số giải pháp về phía bản thân, gia đình và nhà trường giúp sinh viên nâng cao văn hóa ứng xử. Tác giả hy vọng thông qua bài viết có thể giúp chúng ta hiểu hơn về văn hóa ứng xử của sinh viên và có cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực xã hội.

Từ khóa: Văn hóa ứng xử, sinh viên.

1. Đặt vấn đề

Trong cuộc sống, người sống với người bằng tình cảm, bằng lời nói ngọt ngào và sự sẻ chia nhiều điều trong cuộc sống. Cách bạn nói, cách bạn thể hiện chính là văn hóa ứng xử. Văn hóa ứng xử là vấn đề luôn được xã hội quan tâm đối với mỗi cá nhân con người nói chung và đặc biệt là văn hóa ứng xử của sinh viên nói riêng. Văn hóa ứng xử của sinh viên đang là vấn đề nổi bật được bàn nhiều trong các phương tiện truyền thông đại chúng, trong các diễn đàn và trong các đề tài nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, nội dung quan trọng nhất trong văn hóa ứng xử của sinh viên hiện nay là ứng xử với bạn bè và thầy cô giáo vẫn chưa được xem xét một cách đầy đủ và cụ thể. Đề sinh viên nhìn nhận đúng văn hóa ứng xử của mình và có cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực xã hội là một vấn đề cấp thiết hiện nay. Với tư cách là sinh viên đang học ngành CTXH (Công tác xã hội) tại trường Đại học Đồng Tháp, tôi thấy được tầm quan trọng trong ứng xử của sinh viên là tiêu chuẩn để rèn luyện, đánh giá đạo đức, nhân cách của con người và là nhân tố tạo điều kiện cho việc học tập, giao lưu và lĩnh hội tri thức. Xuất phát từ đây nên tôi chọn vấn đề bàn luận là “Văn hóa ứng xử của sinh viên ngành CTXH trường Đại học Đồng Tháp” làm bài báo nghiên cứu.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

Khái niệm văn hóa

Văn hóa là hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo, tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội [5].

Có thể cho rằng: văn hóa là sản phẩm của con người, văn hóa được tạo ra và phát triển trong quan hệ qua lại giữa con người và xã hội. Văn hóa tham gia vào việc tạo nên con người và duy trì sự bền vững và trật tự xã hội.

Khái niệm ứng xử

Ứng xử là sự phản ứng của con người đối với sự tác động của người khác đến mình trong một tình huống cụ thể nhất định. Ứng xử thể hiện ở chỗ con người chủ động trong phản ánh có lựa chọn, có tính toán thể hiện qua thái độ, hành vi, cử chỉ, cách nói năng – tùy thuộc vào tri thức, kinh nghiệm và nhân cách của mỗi người nhằm đạt kết quả giao tiếp cao nhất.

Khái niệm văn hóa ứng xử

Văn hóa ứng xử là hành vi giao tiếp và đối nhân xử thế ở đời. Nó thể hiện mức độ học vấn và nhận thức cá nhân, suy rộng ra là của một cộng đồng dân tộc. Qua đó mà thấy được xã hội văn minh hay lạc hậu như thế nào. Hành vi ứng xử của con người hình thành do thói quen hằng ngày, được quyết định bởi luật pháp và phong tục. Có nghĩa là sự giao thoa giữa hiện tại (luật pháp xã hội họ đang sống) và quá khứ (phong tục, tập quán).

Văn hóa ứng xử là cái đẹp, cái giá trị trong ứng xử, tức là ứng xử có văn hóa. Nó bao gồm: Hệ thống thái độ, khuôn mẫu, kỹ năng ứng xử của cá nhân và cộng đồng người trong mối quan hệ với môi trường thiên nhiên, xã hội và bản thân, dựa trên những chuẩn mực xã hội nhằm bảo tồn, phát triển cuộc sống của cá nhân và cộng đồng người đến cái chân, cái thiện, cái mỹ. [7]

Có thể cho rằng: Văn hóa ứng xử là thể ứng xử, là sự thể hiện triết lí sống, các lối sống, lối suy nghĩ, lối hành động của một cộng đồng trong việc ứng xử và giải quyết các mối quan hệ với tự nhiên, với xã hội.

2.2. Thực trạng

2.2.1. Cách ứng xử của sinh viên với sinh viên trong ngành CTXH trường Đại học Đồng Tháp

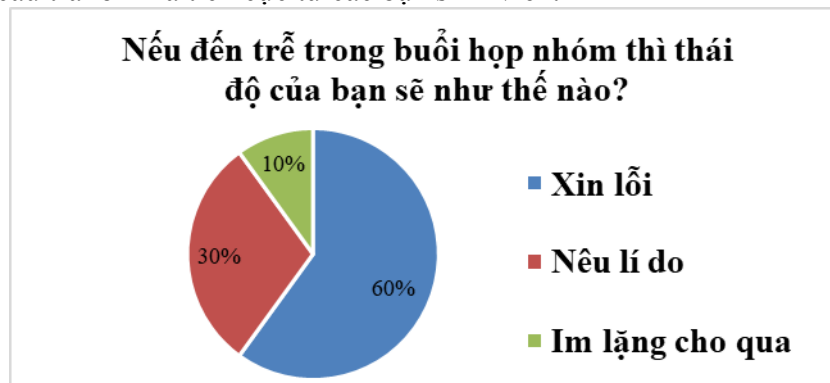
Trong cuộc sống, trong giao tiếp hàng ngày con người phải luôn ứng phó với biết bao tình huống, có lúc xử lý dễ dàng, có lúc thì phức tạp. Xã hội ngày càng văn minh thì nhu cầu giao tiếp của con người ngày càng cao. Và trong đó, một vấn đề đặc biệt quan tâm hiện nay là văn hóa ứng xử của sinh viên trên giảng đường Đại học. Văn hóa ứng xử của sinh viên ngày càng có nhiều thay đổi và xuất hiện những yếu tố ứng xử mới. Văn hóa ứng xử là một môi trường rất quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục đạo đức của mỗi sinh viên. Nó thể hiện tầm nhìn, trình độ nhận thức, trình độ hiểu biết, trình độ học vấn, đạo đức, nếp sống, suy nghĩ, hành vi của mỗi sinh viên.

Người Việt Nam luôn nhắc nhở nhau khi giao tiếp, nói năng phải cân nhắc lựa chọn, tránh kiêu hành xử khiếm nhã làm mất lòng người khác. Ông cha ta luôn dạy con cháu: “*Ăn phải nhai, nói phải nghĩ*”. Với một nền văn hóa hội nhập như hiện nay, văn hóa giao tiếp, chuẩn mực xã hội cũng dần mai một và biến đổi theo cơ chế mới của thời kỳ đất nước hội nhập. Liệu rằng, văn hóa ứng xử của sinh viên ngành CTXH trường Đại học Đồng Tháp có biến đổi hay không? Trong 20 phiếu khảo sát sinh viên ngành CTXH với câu hỏi: “Cách giao tiếp giữa sinh viên trong ngành CTXH hiện nay như thế nào?” đã thu được kết quả 60% cho rằng lịch sự; 30% không lịch sự; 10% bình thường và không có trường hợp cho ý kiến khác.

Bảng 1. Cách giao tiếp giữa sinh viên trong ngành CTXH hiện nay như thế nào?

Cách giao tiếp	Số phiếu	Tỷ lệ
Lịch sự	12/20	60%
Không lịch sự	6/20	30%
Bình thường	2/20	10%
Ý kiến khác	0/20	0%

Khi được hỏi: “Nếu đến trễ trong buổi họp nhóm thì thái độ của bạn sẽ như thế nào?” phần lớn nhận được câu trả lời khá tích cực từ các bạn sinh viên.



Biểu đồ 1. Nếu đến trễ trong buổi họp nhóm thì thái độ của bạn sẽ như thế nào?

Qua khảo sát cho thấy 60% các bạn sinh viên thẳng thắn xin lỗi khi biết mình đã sai vì đến trễ, nhưng bên cạnh đó có đến 30% nêu lý do cho hoàn cảnh và một số vấn đề khác thay vì nhận lỗi và 10% cười cho qua xem như không có chuyện gì. Từ những vấn đề này có thể xảy ra mâu thuẫn giữa các bạn sinh viên. Nhưng khi được hỏi “Theo bạn, khi xảy ra mâu thuẫn, sinh viên sẽ giải quyết như thế nào?” kết quả đến 60% là cãi nhau, 20% im lặng và 20% giải quyết mâu thuẫn ngay lập tức. Từ đó cho ta thấy, văn hóa ứng xử rất quan trọng, các bạn sinh viên phải cân nhắc và suy nghĩ kỹ trước khi hành động ứng xử để tránh dẫn đến những ảnh hưởng tiêu cực.

2.2.2. Cách ứng xử của sinh viên với giảng viên trong ngành CTXH trường Đại học Đồng Tháp

Đánh giá một cách khách quan, cho đến nay đa số sinh viên vẫn giữ được nét đẹp truyền thống trong ứng xử với giảng viên, các giá trị, chuẩn mực như “tôn sư trọng đạo”, “nhất tự vi sư, bán tự vi sư” vẫn được lưu truyền và phát huy. Sinh viên luôn thể hiện thái độ kính trọng, ứng xử có văn hóa, có chuẩn mực khi giao tiếp trực tiếp với giáo viên. Nhưng liệu rằng khi giao tiếp gián tiếp thì thái độ của sinh viên có còn giữ được như vậy không? Khi không có mặt giảng viên, một ít sinh viên thường có những từ ngữ nhắc đến giảng viên như là ông A, bà B,.. và nhiều cách xưng hô kém tôn trọng khác. Khi được hỏi: “Bạn có cách xưng hô như thế nào khi không có mặt giảng viên?”, thu được kết quả khá tốt với câu trả lời là “Thầy A, cô B” chiếm 90%, trường hợp gọi “ông Thầy A, bà cô B” chiếm 10% và không có trường hợp gọi bằng “Ông, Bà hoặc gọi bằng phương án khác”.

Bảng 3. Bạn có cách xưng hô như thế nào khi không có mặt giảng viên?”

Cách gọi thầy cô	Số phiếu	Tỷ lệ
Thầy A/ Cô B	18/20	90%
Bà Cô A/ Ông Thầy B	2/20	10%
Ông/ Bà	0/20	0%
Khác	0/20	0/20

Vai trò của giảng viên ngày càng trở nên quan trọng. Họ vừa là người truyền đạt tri thức dạy dỗ ta thành người có ích cho xã hội vừa dạy ta cách sống phù hợp với chuẩn mực xã hội. Phần lớn sinh viên hiện nay thấy được tầm quan trọng ấy nên rất yêu quý kính trọng thầy cô, và phần đầu trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, hiện nay không ít sinh viên quan niệm rằng giảng viên chỉ đơn thuần là “người làm thuê” chỉ có nhiệm vụ giảng dạy, còn sinh viên đi học chỉ với mục đích lấy bằng cấp chứ không quan trọng tương lai thế nào. Đó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến hiện tượng một số sinh viên tỏ thái độ thiếu tôn trọng đối với giảng viên trong quá trình giao tiếp.

Chúng ta dễ dàng bắt gặp một số hành động thiếu văn hóa của một số bạn sinh viên đối với giảng viên như: Đầu giờ, khi giảng viên vào lớp có không ít sinh viên miễn cưỡng đứng lên chào. Dường như sinh viên xem việc chào hỏi không còn quan trọng vì nghĩ thầy cô không quan tâm đến việc này, và cứ thế mà vô tư làm theo suy nghĩ của mình. Bên cạnh đó, khi giảng viên đang giảng bài, sinh viên nói chuyện riêng một cách vô tư, chơi game và vào mạng xã hội một cách tự nhiên mà không để ý đến lời giảng của giảng viên.

Khi gặp giảng viên, đa phần sinh viên ngành chào rất kính trọng nhưng vẫn còn một số sinh viên không xem trọng việc chào hỏi. Đặc biệt cách chào hiện nay của một số sinh viên khi chào giảng viên là họ vừa đi vừa chào và thậm chí là họ chạy ù ù qua và chào “Thầy ạ!”, “Cô ạ!” để tiết kiệm từ và nói cho nhanh hơn rồi cười hớ hớ phản cảm làm cho giảng viên hiểu nhầm không biết là sinh viên đang chào mình hay chào ai? Tuy nhiên, đó chỉ là một bộ phận nhỏ trong số sinh viên. Vậy, sinh viên ngành CTXH có thái độ như thế nào khi được hỏi: “Ngoài giờ lên lớp khi gặp giảng viên, thái độ của bạn như thế nào?” kết quả cho thấy 70% sinh viên chào hỏi kính trọng, nhưng bên cạnh đó có tới 30% sinh viên chào cho có, không có thái độ làm nger và ý kiến khác.

Bảng 4. Ngoài giờ lên lớp khi gặp giảng viên, thái độ của bạn như thế nào?

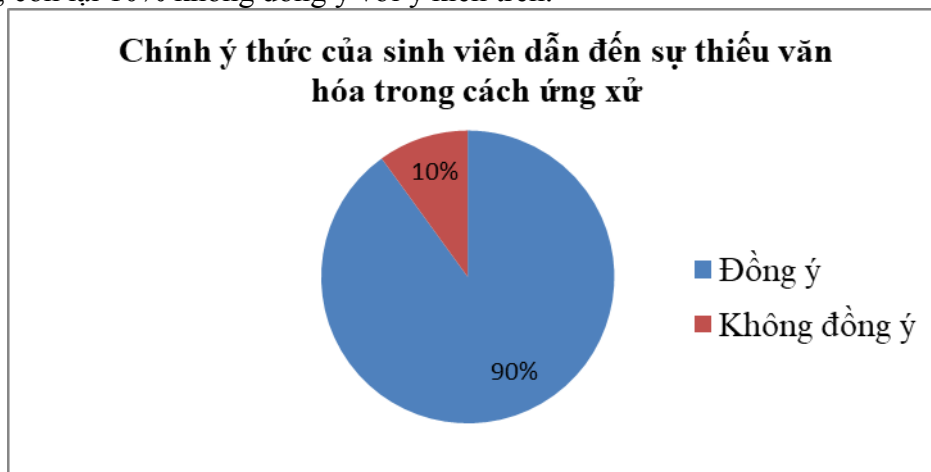
Thái độ đối với giảng viên	Số phiếu	Ti lệ
Chào hỏi kính trọng	14/20	70%
Chào cho có	6/20	30%
Làm nger	0/20	0%
Ý kiến khác	0/20	0%

3. Nguyên nhân

3.1. Do ý thức của sinh viên

Ngày nay, bên cạnh những ưu điểm của sinh viên như năng động, linh hoạt, sáng tạo, thích ứng nhanh,...thì bên cạnh đó đang còn một số bạn sinh viên thiếu kỹ năng được xem là cực kỳ quan trọng, đó là ứng xử có văn hóa. Bên cạnh đó việc nhận thức xã hội chưa đầy đủ, chưa đúng đắn, cộng thêm sự thiếu bản lĩnh, thiếu kỹ năng sống, thiếu ý thức trong lời nói nên một bộ phận sinh viên thiếu ý thức học tập, rèn luyện; thái độ, hành vi trong giao

tiếp chưa chuẩn mực. Khi hỏi “Bạn có đồng ý với ý kiến cho rằng: “Chính ý thức của sinh viên dẫn đến sự thiếu văn hóa trong cách ứng xử?” hay không?” đa phần câu trả lời là “đồng ý” chiếm 90%, còn lại 10% không đồng ý với ý kiến trên.



Biểu đồ 2. Bạn có đồng ý với ý kiến cho rằng: “Chính ý thức của sinh viên dẫn đến sự thiếu văn hóa trong cách ứng xử?”

3.2. Do ảnh hưởng từ gia đình

Gia đình cũng là một yếu tố quan trọng tác động đến việc giáo dục, bồi dưỡng ứng xử có văn hóa cho sinh viên. Do đó, các bậc phụ huynh phải hết sức chú trọng trong giao tiếp ứng xử với nhau, với con cái, với họ hàng, láng giềng, đồng nghiệp... Ứng xử của cha mẹ, ông bà là ứng xử mà các em sớm tiếp nhận nhất trong cuộc đời và trực tiếp nhất, có ảnh hưởng nhiều nhất. Cha mẹ ứng xử với nhau thiếu văn hóa thì làm sao con có thể ứng xử có văn hóa được. Ngày một ngày hai, ứng xử của gia đình đã thành nếp ứng xử của các em. Do đó, hơn bao giờ hết, gia đình phải là nơi thể hiện sự ứng xử có văn hóa để sinh viên dễ dàng tiếp nhận nó. Khổng Tử cũng từng nói: “quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử” nghĩa là “vua phải ra vua, tôi phải ra tôi, cha phải ra cha, con phải ra con”. Vì vậy, muốn con làm trọn bổn phận con thì trước hết, cha mẹ phải làm tròn bổn phận của cha mẹ. Khi hỏi: “Văn hóa ứng xử trong gia đình ảnh hưởng đến văn hóa ứng xử của sinh viên ngành CTXH, bạn có đồng ý với quan điểm trên hay không?” câu trả lời chiếm 100% đồng ý với quan điểm trên và không có trường hợp nào không đồng ý.

3.3. Do ảnh hưởng từ bạn bè

Ngoài gia đình, bạn bè là người chúng ta gắn bó và sẽ chia những điều vui buồn trong cuộc sống. Là người luôn đồng hành với chúng ta, là người để gửi gắm tâm sự, cùng nhau cố gắng trong học tập, cùng vui chơi và là người giúp ta vượt qua những khó khăn và đưa ra những lời khuyên chân thành giúp ta vượt qua những khó khăn. Tuy nhiên, chúng ta phải biết lựa chọn bạn để cùng gắn bó với nhau có như vậy chúng ta sẽ cùng nhau học hỏi và sẽ hoàn thiện được bản thân mình. Khi hỏi “Theo bạn, bạn bè có ảnh hưởng đến văn hóa ứng xử của sinh viên ngành CTXH?” kết quả cho thấy 90% sinh viên đồng ý với quan niệm trên và 10% không đồng ý. Từ có quả trên cho thấy, bạn bè rất quan trọng và tác động rất lớn đến bản thân. Nếu chọn sai bạn bè sẽ là nguyên nhân gây ảnh hưởng tới văn hóa ứng xử của sinh viên.

4. Giải pháp

4.1. Đối với bản thân

Bản thân mỗi sinh viên phải nâng cao ý thức rèn luyện, thay đổi cách ứng xử chưa phù hợp, xây dựng văn hóa ứng xử theo những chuẩn mực tốt đẹp cho mình. Sinh viên phải tích cực, tự giác trong học tập, nghiên cứu. Sinh viên sẽ thực hiện tốt văn hóa ứng xử đối với giảng viên nếu họ có tri thức, thực sự yêu thích khoa học, yêu quý và trân trọng những bài giảng hay; họ tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức và lối sống; phải có thái độ đúng mực, lời nói và hành vi lễ phép thể hiện sự kính trọng với giảng viên; phải nhận thức được rằng, văn hóa ứng xử là một trong những yếu tố giúp con người thành công. Bên cạnh đó, mỗi sinh viên cũng phải biết góp ý, phê bình, lên án với những thái độ, lời nói, hành vi lệch chuẩn của các sinh khác, để môi trường giáo dục và đào tạo ngày càng lành mạnh hơn.

4.2. Đối với gia đình

Phụ huynh phải là tấm gương, là điểm tựa vững chắc cho sinh viên noi theo. Bên cạnh đó, gia đình cần quan tâm chăm sóc, động viên con em trong quá trình học tập và rèn luyện. Phải hình thành cho các em thói quen ứng xử từ nhỏ, bên cạnh việc dạy bảo cần phải có tính định hướng cho con mình biết thế nào là đúng, thế nào là sai từ đó sẽ trở thành thói quen, trở thành nếp sống có văn hóa trong ứng xử. Phụ huynh cần phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục sinh viên. Không phó mặc con em mình cho nhà trường.

4.3. Đối với nhà trường

Trước hết là các giảng viên đứng lớp phải mẫu mực trong đạo đức, lối sống, là một tấm gương sáng về văn hóa ứng xử để học sinh, sinh viên noi theo. Đồng thời cán bộ, giảng viên nhà trường phải phê phán và có biện pháp xử lý những sinh viên chưa tôn trọng mình và đồng nghiệp. Cách phê phán, xử lý phải thật sự nghiêm túc nhưng không quá gay gắt và nặng nề mà phải thật khéo léo, nhân văn để sinh viên nhận ra được cái sai, cái chưa đẹp, cái chưa chuẩn mực trong thái độ cũng như lời nói hành vi của mình đối với thầy cô giáo. Từ đó, có sự tự điều chỉnh và có hướng khắc phục và họ sẽ tôn trọng giáo viên hơn.

Tổ chức những buổi thảo luận chuyên đề, các cuộc thi có liên quan đến chủ đề văn hóa giao tiếp, văn hóa ứng xử cho sinh viên. Cần phải tôn trọng ý kiến của sinh viên, lắng nghe ý kiến đồng thời có biện pháp khéo léo để sinh viên ý thức được những thái độ, hành vi, ứng xử sai lệch và điều chỉnh cho phù hợp.

5. Kết luận

Văn hóa ứng xử có vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc sống của mỗi chúng ta. Chúng ta cần rèn luyện, học tập và ứng xử một cách có văn hóa phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Người có văn hóa ứng xử là người luôn khéo léo trong ứng xử, luôn biết cách thay đổi hoàn thiện bản thân, nhận được sự yêu mến của mọi người và người có ý chí phấn đấu cho tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Bùng (1997), Tâm lý học ứng xử, nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Phạm Vũ Dũng (1996), Văn hóa giao tiếp, nxb Văn hóa thông tin.
3. Hữu Đạt (2009), Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt, nxb Giáo dục.
4. Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ sở văn hóa Việt Nam, nxb Giáo dục.
5. Trần Ngọc Thêm (1996), Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam, nxb TP. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Thanh Tuấn (2008), Văn hóa ứng xử Việt Nam, nxb Từ điển Bách khoa và Viện Văn hóa.
7. <https://text.xemtailieu.com/tai-lieu/van-hoa-ung-xu-cua-sinh-vien-dai-hoc-bach-khoa-ha-noi-hien-nay-95220.html>
8. <https://text.xemtailieu.com/tai-lieu/thuc-trang-va-giai-phap-van-hoa-ung-xu-cua-sinh-vien-truong-dai-hoc-hong-duc-1143802.html>
9. <http://www1.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/thong-tin-trao-doi/266-v-van-hoa-ng-x-c-a-sinh-vien-v-i-gi-ng-vien-trong-gi-ng-du-ng-d-i-h-c-hi-n-nay>
10. <http://doc.edu.vn/tai-lieu/tieu-luan-su-can-thiet-cua-van-hoa-ung-xu-57080/>
11. <http://doc.edu.vn/tai-lieu/tieu-luan-cai-dep-trong-van-hoa-ung-xu-cua-nguoi-viet-39884/>

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÒNG TRÁNH XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM Ở TỈNH ĐỒNG THÁP

SV: Hà Xuân Mai, Lớp: ĐHCTXH15

GVHD: ThS. Trần Kim Ngọc

Tóm tắt

Bài viết xin trình bày các hoạt động phòng tránh xâm hại tình dục trẻ em ở tỉnh Đồng Tháp về thành tựu đạt được và những khó khăn thách thức, từ đó giới thiệu một số giải pháp ở cấp độ vĩ mô như chủ trương, chính sách nhà nước và xã hội; ở cấp trung mô như gia đình, người thân và nhà trường. Tác giả hy vọng thông qua bài viết có thể giúp chúng ta hiểu hơn về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em, cùng chung tay phòng tránh xâm hại tình dục trẻ em ở tỉnh Đồng Tháp.

Từ khóa: Giải pháp, xâm hại tình dục, phòng tránh xâm hại tình dục, trẻ em, tỉnh Đồng Tháp.

1. Mở đầu

Trong quá trình phát triển của xã hội, đời sống về vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao, tạo ra một nguồn nhân lực chất lượng cao thúc đẩy sự phát triển về kinh tế, chính trị và xã hội. Tuy nhiên, kéo theo sự phát triển tổng thể xã hội là sự xuống cấp về đạo đức, dẫn đến những vấn nạn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định và phát triển của đất nước, một trong số đó là vấn nạn xâm hại tình dục trẻ em.

Tình hình tội phạm xâm hại tình dục trẻ em diễn ra phức tạp, tính chất mức độ ngày càng nghiêm trọng và có chiều hướng gia tăng, gây bức xúc trong dư luận và để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Điều đáng nói hơn, thủ phạm lại chính là hàng xóm, những người thân trong gia đình và xung quanh trẻ như chú, anh, bố dượng, bố đẻ, ông, bà,... thậm chí là mẹ ruột tiếp tay cho nhân tình bức hại con gái mình dẫn đến mang thai ngoài ý muốn. Theo thống kê của Trung tâm Công tác xã hội bảo vệ trẻ em tỉnh Đồng Tháp, tại địa phương, hơn 80% đối tượng xâm hại tình dục trẻ em là người thân quen, hàng xóm, bà con của trẻ hoặc trẻ em có quan hệ yêu đương [2]. Cùng với sự thiếu kiến thức, hiểu biết về pháp luật nói chung và pháp luật về quyền trẻ em nói riêng; thiếu kỹ năng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em hoặc do tâm lý chủ quan, thiếu cảnh giác của cha mẹ đã dẫn đến nhiều vụ án đáng tiếc.

Khái niệm “trẻ em” được nêu trong nhiều văn bản pháp lý khác nhau (Luật Trẻ em được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 05/4/2016; Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam). Mặc dù có nhiều cách định nghĩa khác nhau nhưng có thể hiểu, trẻ em là người đang trong độ tuổi phát triển, chưa hoàn thiện về mặt sinh lý và tâm lý, dễ bị tổn thương do các tác động tiêu cực từ môi trường xã hội.

Theo đánh giá của UNICEF Việt Nam vẫn còn bị tụt hậu trong một số lĩnh vực liên quan đến trẻ em so với các nước trên thế giới. Không chỉ như vậy, mà trong thời gian qua thông tin liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em đã thu hút nhiều sự quan tâm và lo ngại cho xã hội, gây nhức nhối trong dư luận, vấn nạn này dấy lên hồi chuông báo động về sự suy đồi nhân cách, đạo đức của một số phần tử biến chất, không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý của trẻ mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự. Xâm hại tình dục trẻ em gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển lành mạnh của trẻ em, để lại hậu quả rất lớn về mặt thể chất và tinh thần trẻ. Đây cũng chính là những nguy cơ đẩy trẻ em tham gia vào tệ nạn xã hội và hoạt động tội phạm khiến số vụ phạm tội tiếp tục gia tăng.

Trong những vụ xâm hại tình dục được phát hiện và xử lý, hiện nay có xu hướng tăng về số lượng, giảm về độ tuổi trẻ bị xâm hại và tăng về độ tuổi người vi phạm. Theo số liệu từ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, trong 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015, cả nước có 5.300 vụ xâm hại tình dục trẻ em, tính trung bình cứ 8 giờ trôi qua lại có một trẻ em Việt Nam bị xâm hại. Theo nguồn của Bộ Công an, từ năm 2012 đến năm 2016, theo thống kê chưa đầy đủ, cả nước xảy ra 6.686 vụ xâm hại tình dục trẻ em, trong đó trẻ em bị hiếp dâm chiếm đến 65%. Các vụ xâm hại thường xảy ra ở các khu chung cư, tập thể, một số vùng nông thôn... nơi không có người trông coi, giám sát thường xuyên... [4].

Tỉnh Đồng Tháp, chỉ tính riêng trong năm 2017 đã có hơn 15 vụ xâm hại tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh. Số vụ xâm hại tình dục trẻ em mà ngành chức năng thống kê được chỉ là những vụ án đã được đưa ra ánh sáng, còn số nạn nhân bị xâm hại tình dục xảy ra trong thực tế có lẽ sẽ lớn hơn rất nhiều. Bởi có không ít trường hợp chưa kể đến những vụ mà phía nạn nhân trình báo nhưng cơ quan công an không khởi tố do thiếu chứng cứ buộc tội hoặc những vụ xảy ra mà phía nạn nhân hoặc gia đình vì lí do nào đó mà bao che, không tố giác tội phạm.

Trước tình hình diễn biến phức tạp của tội phạm xâm hại tình dục trẻ em, tỉnh Đồng Tháp cũng đã có những giải pháp và xử phạt những hành vi vi phạm. Nếu như cả năm 2016 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý và xét xử 9 vụ xâm hại tình dục trẻ em, thì chỉ trong 5 tháng đầu năm 2017 Tòa án tỉnh đã thụ lý và đưa ra xét xử đến 8 vụ [7]. Luật Trẻ em năm 2016 cũng đã quy định rõ cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình và các cá nhân có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phù hợp để bảo đảm trẻ em được sống an toàn, lành mạnh; phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại trẻ em.

Tuy nhiên, tình hình phạm tội vẫn tiếp tục diễn ra ngày càng gia tăng và phức tạp. Vì vậy, đẩy mạnh công tác phòng ngừa tránh nguy cơ trẻ em bị xâm hại tình dục cần đặc biệt quan tâm. Vì lý do trên, trong phạm vi bài viết này sẽ nêu ra một vài giải pháp tỉnh Đồng Tháp đã thực hiện cũng như những khó khăn, thách thức trong quá trình thực hiện các giải pháp. Bên cạnh đó bài viết sẽ đề cập đến một số giải pháp để phòng tránh xâm hại tình dục ở trẻ em ở tỉnh Đồng Tháp.

2. Nội dung

2.1. Công tác phòng tránh xâm hại tình dục trẻ em ở tỉnh Đồng Tháp trong những năm qua

2.1.1. Thành quả đạt được

Ở nước ta, sau khi phê chuẩn Công ước của Liên Hiệp Quốc về quyền trẻ em, nhà nước ta đã có riêng một đạo luật quy định về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Cụ thể, tại điều 4 của luật này đã quy định: “Mọi hành vi vi phạm quyền trẻ em, làm tổn thương đến sự phát triển bình thường của trẻ em đều bị nghiêm trị”. Thông qua đạo luật này Nhà nước ta xác định rất rõ ràng về vị trí và tầm quan trọng của việc chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em. Nhờ những nỗ lực trên nên điều kiện về sức khỏe và thể chất của trẻ em nước ta ngày càng được cải thiện và nâng cao, cân nặng và chiều cao trung bình tăng đều, điều kiện vui chơi giải trí có những bước chuyển biến tích cực.

Công tác truyền thông phòng, tránh xâm hại tình dục trẻ em là việc được Đồng Tháp làm thường xuyên [2]. Hàng năm, UBND (Ủy ban nhân dân) Tỉnh ban hành nhiều công văn, kế hoạch đẩy mạnh phòng, tránh xâm hại tình dục trẻ em. Trung tâm CTXHBVTE (Công tác xã hội bảo vệ trẻ em) mở lớp tập huấn giáo dục kỹ năng sống cho trẻ tại một số xã có trẻ em có nguy cơ bị xâm hại tình dục địa phương nóng về vấn đề xâm hại tình dục Ban thanh thiếu nhi trường học - Tỉnh đoàn kết hợp hiệu trưởng các trường thực hiện nhiều buổi sinh hoạt giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Tiểu học, THCS (Trung học cơ sở). Ngoài ra, các địa phương tích cực thực hiện nhiều giải pháp truyền thông phòng, tránh xâm hại tình dục như: mô hình truyền thông nhóm ở Lấp Vò, tư vấn vãng gia ở Lai Vung, lồng ghép tuyên truyền trong đoàn thể ở huyện Cao Lãnh... Hiện nay, biện pháp chủ yếu hỗ trợ trẻ em bị xâm hại tình dục là Phòng BVCSTE&BDG (Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình Đẳng giới), Trung tâm, địa phương tư vấn tâm lý, hướng dẫn các thủ tục khám sức khỏe. Trung tâm CTXHBVTE, địa phương vận động xã hội hỗ trợ để trẻ được khám sức khỏe. Nếu các em có nhu cầu học nghề, Trung tâm sẽ kết nối giới thiệu nơi để gia đình đưa trẻ đến học. Hiện Tỉnh có số đường dây nóng của Trung tâm CTXHBVTE: 067.851.6171 hoặc số 1800.1567 của Cục Bảo vệ Trẻ em chuyên tư vấn về các vấn đề tâm lý trẻ em, nếu trẻ cần có thể gọi đến, sẽ được giúp đỡ ngay.

Thực hiện Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em, trong những năm qua, Quỹ Bảo trợ trẻ em Đồng Tháp (BTTE) luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, nhất trí và đã có nhiều cố gắng trong công tác tham mưu tổ chức, điều hành các hoạt động, thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch đề ra. Nhờ vậy, đã góp phần cải thiện đáng kể vào nhiệm vụ bảo vệ trẻ em trên địa bàn Tỉnh. Kết quả cụ thể, nhiều huyện, thị đã thành lập xong hệ thống bảo vệ trẻ em trên 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhận được sự trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, tái hòa nhập và có

cơ hội phát triển. Trên 65% trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được phát hiện can thiệp để giảm thiểu, loại bỏ nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, góp phần giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt xuống dưới 1,95% so với tổng số trẻ [3].

2.1.2. Những khó khăn thách thức

Từ các báo cáo về kết quả giám sát của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng giai đoạn 2008 – 2010 về “việc thực hiện chính sách, pháp luật phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2008 – 2010” [6], có thể thấy:

- Công tác quản lý nhà nước về phòng, tránh bạo lực, xâm hại trẻ em còn nhiều yếu kém:

+ Một là, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và một số bộ ngành hữu quan tuy đã được quan tâm hơn nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác phòng tránh bạo lực, xâm hại trẻ em. Hệ thống văn bản còn thiếu cụ thể và có nhiều khoảng trống. Pháp luật hình sự còn bỏ sót một số hành vi xâm hại trẻ em nghiêm trọng như tàng trữ văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em.

+ Hai là, sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong thực hiện phòng, tránh bạo lực, xâm hại trẻ em còn thiếu chặt chẽ và chưa hiệu quả.

+ Ba là, một số cơ quan có trách nhiệm trong công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nói chung, công tác phòng, tránh bạo lực, xâm hại trẻ em nói riêng chưa thực hiện hết trách nhiệm của mình nhưng Chính phủ chưa có cơ chế quản lý hữu hiệu. Tuy đã được quy định rõ tại Nghị định số 36/2005/NĐ-CP (nay được thay thế bằng Nghị định 71/2011/NĐ-CP), nhưng một số cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương chưa bám sát chức năng nhiệm vụ được giao về công tác bảo vệ trẻ em khỏi bị bạo lực, xâm hại; chưa phân định rõ trách nhiệm của từng cấp trong quá trình chỉ đạo, triển khai công việc; thiếu sự đôn đốc nhắc nhở của cấp trên đối với cấp cơ sở.

+ Bốn là, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo vệ trẻ em nói chung và về phòng, tránh bạo lực, xâm hại trẻ em nói riêng còn nhiều khó khăn.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, tránh bạo lực, xâm hại trẻ em chưa hiệu quả. Chính phủ chưa có kế hoạch tổng thể chỉ đạo về công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, tránh bạo lực, xâm hại trẻ em trong toàn xã hội. Hiện tại, nhiều ban, ngành, đoàn thể cùng tham gia công tác tuyên truyền, giáo dục nhưng không có cơ quan nào là đầu mối chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và đánh giá về kết quả và chất lượng của công tác này trong lĩnh vực trẻ em. Việc tuyên truyền, giáo dục và việc cung cấp thông tin về hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em chưa tác động rộng khắp đến các địa bàn.

- Hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em hiện tại còn hạn chế cả về số lượng, chất lượng và loại hình; thiếu các dịch vụ mang tính chuyên nghiệp và thân thiện để bảo vệ trẻ em như tham vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý, quản lý trẻ em liên quan đến hệ thống tư pháp..., đặc biệt là các dịch vụ bảo vệ trẻ em trong gia đình và trường học. Một số dịch vụ như: mô hình Bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng; trung tâm công tác xã hội trẻ em, đường dây nóng, phòng tư vấn tâm lý... mới chỉ là mô hình thí điểm.

- Việc xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh cho trẻ em còn nhiều bất cập và chưa đồng bộ.

- Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em về số lượng và yếu về chuyên môn. Nhiều cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em (đặc biệt cán bộ cấp xã và cộng tác viên tại các thôn bản) chưa được đào tạo bài bản, thiếu kiến thức và kỹ năng làm việc với trẻ em, nhất là trong bối cảnh xã hội có nhiều biến đổi phức tạp như hiện nay.

- Ngân sách Nhà nước dành cho công tác phòng, tránh bạo lực, xâm hại trẻ em chưa đáp ứng được yêu cầu (ở cả cấp trung ương và địa phương).

Đại diện của ngành công an cũng nêu một khó khăn trong công tác phòng ngừa XHTDTE (xâm hại tình dục trẻ em) là do đối tượng XHTDTE thường là người thân, quen với nạn nhân, chưa có tiền án tiền sự, chưa nằm trong danh sách quản lý nghiệp vụ của lực lượng công an, nên khi thực hiện hành vi, thậm chí thực hiện nhiều lần nhưng khó được phát hiện ngăn chặn. Theo một thống kê của Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam, có đến 93% trẻ em bị xâm hại tình dục bởi người thân, người quen [1].

Hầu hết các vụ XHTDTE xảy ra nơi vắng vẻ, đặc biệt tại các vùng nông thôn sông nước, miền núi hẻo lánh, thường được phát hiện muộn nên rất khó thu thập được chứng cứ; khó xác định độ tuổi vì nhiều trường hợp khai sinh muộn hoặc không có khai sinh. Việc giám định dấu vết và độ tuổi không được kịp thời nên khó chứng minh tội phạm.

Nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, chưa tích cực tố giác và cộng tác với cơ quan Công an trong các vụ XHTDTE. Ngoài ra, do áp lực sợ oan sai nên có tình trạng quá thận trọng, câu toàn của cơ quan Công an trong việc đánh giá và sử dụng chứng cứ, kiến nghị khởi tố.

2.2. Một số giải pháp phòng tránh xâm hại tình dục trẻ em

2.1.1. Về mặt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà Nước

Ngày 1/6/2017, Luật trẻ em 2016 chính thức có hiệu lực là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo vệ chăm sóc trẻ em. Chính phủ ban hành Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em (ngày 9/5/2017); Cục Trẻ em tham mưu Bộ LĐ-TB&XH trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg về việc tăng cường các giải pháp phòng, tránh bạo lực, xâm hại trẻ em; Quyết định số 856/QĐ-TTg về việc thành lập Ủy ban quốc gia về trẻ em (ngày 15/6/2017); Quyết định số 1354/QĐ-TTg về việc phê duyệt danh sách thành viên Ủy ban quốc gia về trẻ em (ngày 12/9/2017); Quyết định số 1216/QĐ-UBQGVTE của Chủ tịch Ủy ban quốc gia về trẻ em về ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban quốc gia về trẻ em (ngày 01/12/2017).

Cục Trẻ em đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 (ngày 17/1/2018, tại Hà Nội). Năm 2018, Cục Trẻ em đặt mục tiêu xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh cho mọi trẻ em để thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em. Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em. Góp phần đảm bảo cho mọi trẻ em được chăm sóc toàn diện và sống trong môi trường an toàn không bị tai nạn, thương tích. Đảm bảo việc can thiệp, trợ giúp kịp thời trẻ em có nguy cơ cao, trẻ em bị xâm hại. Trẻ em được tham gia vào các vấn đề có liên quan đến trẻ em thông qua các mô hình, hoạt động cụ thể ở các cấp.

Để tăng cường giải pháp phòng, tránh và xử lý kịp thời các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em, giảm tối đa các tổn hại và bảo đảm quyền, lợi ích của trẻ em phải nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường giải pháp phòng, tránh bạo lực, xâm hại trẻ em. Thủ tướng chỉ thị Bộ Công an và đề nghị Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao rà soát hồ sơ, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em để xử lý dứt điểm, không để tồn đọng, kéo dài; tiếp nhận, giải quyết kịp thời, xử lý nghiêm các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bao che, chậm trễ, cố tình kéo dài hoặc không xử lý vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em. Thủ tướng chỉ thị Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trước Thủ tướng về việc để xảy ra tình trạng không xử lý kịp thời các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em xảy ra trên địa bàn, không hỗ trợ, can thiệp kịp thời cho trẻ em bị bạo lực, xâm hại. Chủ tịch UBND của 33 tỉnh, thành phố đã ban hành chỉ thị, kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ [15].

Theo Cục trưởng cục trẻ em, ông Đặng Hoa Nam trước tình hình dự báo tình trạng trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại đang diễn biến ngày càng phức tạp, cần có những chủ trương, giải pháp thiết thực [10]:

- Chỉ đạo các bộ ngành hữu quan sớm rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực phòng tránh bạo lực, xâm hại trẻ em; nghiên cứu ban hành quy chế phối hợp trong chỉ đạo, điều hành, tạo điều kiện để mọi trẻ em được thực hiện đầy đủ các nhóm quyền cơ bản của mình và để bảo vệ trẻ em khỏi bị bạo lực, xâm hại, tạo hành lang pháp lý cần thiết cho việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành trung ương và chính quyền địa phương trong lĩnh vực này.

- Ban hành Nghị định quy định nghề công tác xã hội, quy định rõ vai trò, trách nhiệm của cán bộ xã hội; tiêu chuẩn thực hành nghề công tác xã hội; quy định việc theo dõi giám sát chất lượng cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong khi chưa xây dựng được luật về vấn đề này; ban hành văn bản chỉ đạo chính quyền địa phương, tiến hành rà soát, thẩm định điều kiện cấp phép

hoạt động, quản lý các “nhóm, lớp trẻ tự thực”, khắc phục tình trạng hoạt động tự phát và chưa đảm bảo sự an toàn cho trẻ em như hiện nay; nghiên cứu cho mở mã ngành đào tạo chức danh “Bảo mẫu”, quy định và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ bảo vệ, chăm nuôi trẻ em trong các nhóm trẻ tự thực này.

- Ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan hữu quan xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh, phù hợp để thu hút cán bộ có trình độ, có kinh nghiệm làm chuyên trách công tác bảo vệ trẻ em, đảm bảo số lượng và chất lượng bộ máy cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp.

- Chính phủ đầu tư, phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong gia đình và cộng đồng, đảm bảo sự đồng bộ, chất lượng để bảo vệ trẻ em khỏi bị bạo lực, xâm hại; có cơ chế phù hợp nhằm khuyến khích phát triển dịch vụ chăm sóc thay thế trẻ em tại cộng đồng để hạn chế việc đưa trẻ đến các cơ sở chăm sóc tập trung; phát triển, nhân rộng các mô hình dịch vụ bảo vệ, hỗ trợ trẻ em bị bạo lực, xâm hại.

- Sớm đưa chương trình giáo dục vấn đề xâm hại tình dục, giáo dục giới tính theo từng cấp độ bậc học nhà trường cho phù hợp .

- Kịp thời quy định bổ sung vào Bộ luật hình sự một số tội danh, chẳng hạn như tội: “Quấy rối tình dục trẻ em” để xử lý hình sự đối với một số hành vi liên quan đến việc xâm phạm tình dục trẻ em chưa được điều chỉnh bằng pháp luật hình sự - một trong những công cụ pháp luật có tính răn đe hiệu quả nhất.

- Giáo dục cho công chúng về những hậu quả tiêu cực của việc xâm phạm tình dục đối với trẻ em; ý thức trách nhiệm phát hiện, trình báo và việc giữ lại bằng chứng để làm cơ sở tố cáo kịp thời kẻ có hành vi xâm hại tình dục. Phổ biến tuyên truyền pháp luật về các quy định liên quan đến việc nghiêm cấm và xử lý các hành vi xâm phạm tình dục.

- Tập huấn các cán bộ thực thi pháp luật, cán bộ xã hội và giám sát viên các kiến thức về nạn xâm hại tình dục và kỹ năng tiếp nhận, theo dõi, điều tra và giải quyết các vụ việc xâm hại tình dục trẻ em một cách hiệu quả và phù hợp với tâm lý trẻ em.

- Tăng cường tư vấn, trợ giúp và hỗ trợ về mặt xã hội cho các nạn nhân cũng như gia đình của họ.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng (nhất là các cơ quan tư pháp: Công an- Viện Kiểm sát - Toà án) trong việc phát hiện, điều tra và xử lý nghiêm minh đối với các hành vi liên quan đến việc xâm phạm tình dục trẻ em và có cơ chế bảo vệ nạn nhân cũng như người tố cáo để họ mạnh dạn khai báo, tố cáo.

- Tiếp tục tăng cường các chiến lược cũng như chương trình quốc gia về phòng ngừa lạm dụng tình dục và buôn bán trẻ em.

- Hình thành một cơ chế thu thập số liệu về các thủ phạm và nạn nhân của những vụ xâm phạm tình dục trẻ em, phân chia theo giới tính, độ tuổi, nhằm đánh giá đầy đủ về tình trạng này và đề ra các chính sách, chương trình giải quyết vấn đề này.

- Tiến hành khảo sát toàn diện về số lượng trẻ em bị khiếm khuyết về thể chất, không nơi nương tựa; nhằm xây dựng chương trình kế hoạch bảo vệ và ngăn chặn các hành vi xâm phạm tình dục đối với các đối tượng này.

- Hoàn thiện hệ thống Tòa gia đình và người chưa thành niên với thủ tục tố tụng đặc thù riêng biệt.

2.2.2. Về phía gia đình, bạn bè, người thân

- Các bậc cha mẹ, người thân trong gia đình cần dạy cho trẻ các kỹ năng sống cần thiết để có thể nhận biết, phòng tránh các mối nguy hiểm về xâm hại tình dục.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cha mẹ và người thân nhằm xây dựng một mô hình bền vững đảm bảo đủ sự quan tâm và chia sẻ, xóa bỏ mọi khoảng cách giữa các thành viên trong gia đình, cha mẹ và con cái.

- Cung cấp cho trẻ em những kiến thức cơ bản nhất về giới tính. Có thể dạy cho trẻ em biết rằng không ai được chạm vào “chỗ riêng tư” của trẻ. Với trẻ lớn hơn, có thể dạy cho các cháu biết những hành vi lạm dụng tình dục là phạm pháp. Dạy cho trẻ biết quyền mình được bảo vệ và tự bảo vệ. Dạy cho trẻ hiểu thân thể là “tài sản riêng” của chúng. Trẻ có quyền từ

chối những cái ôm hoặc những tiếp xúc gây khó chịu. Dạy trẻ không bao giờ được đi vào chỗ kín, nơi vắng vẻ với một ai nếu không có sự đồng ý của bố mẹ.

- Bố mẹ cần thường xuyên trò chuyện với con cái về những vấn đề tế nhị. Khuyến khích con đặt câu hỏi về các vấn đề khác nhau trong cuộc sống cũng như câu hỏi về những vấn đề sâu kín.

- Bố mẹ cần cố gắng tìm hiểu và hòa đồng với bạn bè của con, vì qua đó bố mẹ có thể có được những thông tin cần thiết.

2.2.3. Về phía nhà trường

Ngoài gia đình thì nhà trường chính là môi trường gần bó thường xuyên trong quá trình trưởng thành của trẻ.

- Nhà trường cần đảm bảo một môi trường lành mạnh, an toàn để trẻ có thể học tập và phát triển toàn diện.

- Chú ý, quan tâm đặc biệt đến các vấn đề bạo lực trong nhà trường vì bạo lực học đường có mối liên quan đến vấn đề xâm hại tình dục ở trẻ em.

- Các hệ thống trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ mầm non đến tiểu học, trung học cơ sở cần xây dựng và hoàn thiện các quy trình tiêu chuẩn, biện pháp phòng ngừa bảo vệ trẻ em khỏi nguy cơ bị xâm hại.

- Thống nhất hoạt động phối hợp liên ngành để xác minh, điều tra xử lý khi có trường hợp trẻ em bị xâm hại, trong đó quy định rõ các thủ tục, quy trình và trách nhiệm phòng ngừa, phát hiện, tố giác, trợ giúp và giải quyết các trường hợp trẻ em bị xâm hại của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, nhà trường, gia đình, cá nhân và bản thân trẻ.

- Mỗi cơ sở giáo dục trên địa bàn Tỉnh cần kết hợp giáo dục kỹ năng cho học sinh tự bảo vệ mình bằng việc tổ chức nhiều buổi sinh hoạt, tọa đàm, ... cung cấp các kiến thức y học liên quan đến sinh lý để giáo dục để trẻ biết và bảo vệ sức khỏe của chính mình.

- Ngoài ra, thầy cô có vai trò quan trọng đồng hành cùng trẻ trong suốt quá trình còn ngồi trên ghế nhà trường. Thầy cô chính là những người bạn tâm giao, cảm thông, lắng nghe những chia sẻ và kịp thời phát hiện, hỗ trợ khi trẻ gặp vấn đề, nguy cơ.

2.2.4. Về mặt xã hội

Cần quan tâm đặc biệt hơn trước vấn nạn xâm hại tình dục ở trẻ em, mỗi cá nhân cần trang bị và có hiểu biết nhất định cụ thể để ngăn chặn và tố giác khi phát hiện có hành vi xâm hại tình dục trẻ diễn ra.

Tích cực tham gia các buổi truyền truyền, học tập và truyền thông lại với mọi người xung quanh. Mỗi người trong xã hội cần chung tay xây dựng một môi trường an toàn tại cộng đồng, tố giác các hành vi vi phạm, có cái nhìn tích cực hơn, cảm thông hơn với những nạn nhân của hành vi xâm hại tình dục nói chung và nạn nhân là trẻ nói riêng. Từ đó, sẽ góp phần thay đổi nhận thức, định kiến của xã hội khi phát hiện trường hợp trẻ bị xâm hại, để nạn không mặc cảm, lo sợ mà mạnh dạn khai báo, tố giác để xử lý và ngăn chặn kịp thời.

Các đơn vị, cơ quan, cá nhân tại địa phương trong Tỉnh cần chủ động phối kết hợp trong công tác truyền thông, phòng ngừa ngăn chặn xâm hại tình dục trẻ em bằng những hành động thiết thực cụ thể.

3. Kết luận

Sự phân hóa giàu nghèo và phân tầng xã hội một cách nhanh chóng, mạnh mẽ ở nước ta đã làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội, trong đó có xâm hại tình dục trẻ em. Sự biến đổi các giá trị xã hội; sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận dân cư; sự tác động của thông tin, truyền thông, văn hoá phẩm, trò chơi bạo lực, khiêu dâm; những áp lực về tâm lý và kinh tế trong đời sống gia đình, xã hội... đã dẫn đến nguy cơ cao nảy sinh bạo lực, xâm hại nói chung và bạo lực, xâm hại trẻ em nói riêng. Xâm hại tình dục vi phạm nghiêm trọng quyền trẻ em là không thể chấp nhận, bằng mọi cách phải phòng ngừa, ngăn chặn và nghiêm trị. Tuy nhiên, tình trạng xâm hại tình dục trẻ em gia tăng về số vụ và tính chất nghiêm trọng, nhất là ở vùng nông thôn; trong đó nhiều đối tượng bất chấp cả luân thường đạo lý để thực hiện hành vi phạm tội. Đồng Tháp là một tỉnh thuộc vùng Đồng Bằng sông Cửu Long, bên cạnh nền kinh tế xã hội đang trong giai đoạn phát triển, tình hình tội phạm xâm hại tình dục được dự báo vẫn tiếp tục

tăng lên. Do đó, cần có những giải pháp thiết thực, cụ thể, đồng bộ hơn nữa để ngăn chặn vấn nạn trên. Chính vì vậy, chúng tôi mong muốn thông qua bài viết này, mỗi cá nhân sẽ có cái nhìn đúng về vấn đề, tính chất nghiêm trọng của nó, biết được tầm quan trọng của các giải pháp phòng ngừa ngăn chặn tình trạng xâm hại tình dục trẻ em nói chung và trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Qua đó, trẻ em sẽ có được môi trường sống và học tập lành mạnh, tương lai sẽ trở thành người công dân có ích cho xã hội, tiền đề cho đất nước phát triển trong thời kì hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ngân Anh (17/12/2017). “Phòng, chống xâm hại trẻ em: Vẫn gặp khó”, Báo Nhân dân. (<http://nhandan.com.vn/xahoi/tin-tuc/item/34936502-phong-chong-xam-hai-tre-em-van-gap-kho.html>)
- [2]. Lê Hoàng (10/04/2017). “Đồng Tháp: Đẩy mạnh hoạt động ngăn chặn xâm hại tình dục trẻ em”, Báo dân sinh. (<http://baodansinh.vn/dong-thap-day-manh-hoat-dong-ngan-chan-xam-hai-tinh-duc-tre-em-d55759.html>)
- [3]. Đào Hiền (01/06/201). “Quý Bảo trợ trẻ em Đồng Tháp triển khai nhiều chương trình thiết thực”, Báo dân sinh. (<http://baodansinh.vn/quy-bao-tro-tre-em-dong-thap-ky-niem-20-nam-thanh-lap-d34726.html>)
- [4]. Nguyễn Triệu Luật (07/7/2018). “Xâm hại tình dục trẻ em – Thực trạng và giải pháp”, Tạp chí tòa án. (<https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/xam-hai-tinh-duc-tre-em-thuc-trang-va-giai-phap>).
- [5]. Lee New (14/3/2017). “Con số đáng báo động về xâm hại tình dục trẻ em tại Việt Nam”, Zing.vn. (<https://news.zing.vn/con-so-dang-bao-dong-ve-xam-hai-tinh-duc-tre-em-tai-viet-nam-post728356.html>).
- [6]. Đào Trọng Thi (11/5/2012), Báo cáo kết quả giám sát của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng về “việc thực hiện chính sách, pháp luật phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2008 - 2010”.
- [7]. <http://thdt.vn/27725/toi-pham-xam-hai-tinh-duc-tre-em-tang-cao.htm> (02/06/2017).
- [8]. <https://baomoi.com/nhung-so-lieu-bao-dong-ve-xam-hai-tinh-duc-tre%20em/c/22871256.epi> (28/3/2018).
- [9]. <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/ChiTiet.aspx?IDNews=26236>. (19/3/2017).
- [10]. <http://laodongxahoi.net/du-bao-tinh-trang-tre-em-bi-bao-luc-xam-hai-1309147.html> (13/02/2018).
- [11]. <https://news.zing.vn/3-nguyen-nhan-dan-den-cac-vu-xam-hai-tinh-duc-gia-tang-post640104.html> (15/04/2016).
- [12]. <https://benh.vn/hau-qua-tu-hanh-vi-xam-hai-tinh-duc-tre-em-4097/> (04/04/2018).
- [13]. http://baodongthap.com.vn/newsdetails/1D3FE18E4C3/Bao_ve_tre_em_khoi_bi_xam_hai_tinh_duc_can_su_chung_tay_cua_toan_xa_hoi.aspx (05/8/2017).
- [14]. <http://laodongxahoi.net/con-nhieu-khoang-trong-phap-luat-ve-phong-chong-xam-hai-tre-em-1306191.html> (27/3/2017).
- [15]. <https://luatvietnam.vn/chinh-sach/chi-thi-18-ct-ttg-thu-tuong-chinh-phu-114381-d1.html#noidung> (16/5/2017).
- [16]. <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=27541> (17/01/2018).

TÌM HIỂU NHẬN THỨC CỦA PHỤ NỮ MANG THAI Ở THÀNH PHỐ CAO LÃNH TỈNH ĐỒNG THÁP VỀ BỆNH TRẦM CẢM SAU SINH

SV: Võ Thị Mỹ Duyên - Lê Thị Nhân, Lớp ĐHCCTXH15A

GVHD: ThS. Đỗ Thị Thảo

Tóm tắt

Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu về nhận thức của phụ nữ mang thai về bệnh trầm cảm sau sinh. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu kết hợp với phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi với số lượng 100 người phụ nữ đang mang thai được lựa chọn một cách ngẫu nhiên trên địa bàn Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Từ những đánh giá, chúng tôi đề ra những giải pháp giúp cho phụ nữ nhìn nhận rõ ràng hơn về bệnh trầm cảm sau sinh cũng như các cách để phụ nữ vượt qua tình trạng đó.

Từ khoá: trầm cảm, trầm cảm sau sinh

1. Đặt vấn đề

Theo WHO: “Trầm cảm là một rối loạn tâm thần phổ biến, đặc trưng bởi sự buồn bã, mất đi hứng thú hoặc khoái cảm, cảm thấy tội lỗi hoặc tự hạ thấp giá trị bản thân, bị rối loạn giấc ngủ hoặc ăn uống và kém tập trung”.

“Trầm cảm có thể kéo dài hoặc tái phát nhiều lần, làm suy giảm đáng kể khả năng làm việc, học tập hoặc khả năng đương đầu với cuộc sống hằng ngày. Trường hợp nặng nhất, trầm cảm có thể dẫn đến tự tử. Ở mức độ nhẹ, bệnh có thể được hỗ trợ chữa trị không cần dùng thuốc. Mức độ vừa và nặng, người bệnh cần hỗ trợ điều trị bằng thuốc kết hợp liệu pháp tâm lý”.

Trầm cảm (TC) ở phụ nữ sau sinh (PNSS) là một trong những rối loạn tâm thần phổ biến, có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người phụ nữ, tình trạng hôn nhân và sự phát triển cảm xúc, xã hội, nhận thức và liên nhân cách của đứa trẻ. Nếu bệnh trầm cảm ở phụ nữ sau sinh không được điều trị dứt điểm có thể sẽ tái diễn và phát triển thành mãn tính, để lại hậu quả lâu dài. Hiện nay vấn đề trầm cảm ở phụ nữ sau sinh được nghiên cứu dưới góc độ khảo sát thực trạng (mức độ phổ biến), các yếu tố nguy cơ và phòng ngừa, can thiệp.

Sau sinh là thời kỳ xảy ra nhiều những sự thay đổi về sinh lý và tâm lý xã hội trong đời sống của người phụ nữ. Những yếu tố này luôn đặt các bà mẹ mới sinh con vào nguy cơ dễ mắc các bệnh tâm thần mà người bệnh, gia đình, các thầy thuốc sản khoa, nhi khoa và tâm thần cần nhận biết sớm để có những can thiệp kịp thời. Giai đoạn mang thai và sau sinh con đòi hỏi người phụ nữ phải có sự tổ chức lại và thích nghi về cả mặt cơ thể và tâm thần. Do đó các vấn đề cảm xúc và tâm thần thường xuất hiện ở giai đoạn này, trong đó có trầm cảm sau sinh.

Thống kê trên thế giới cho thấy, khoảng 10% phụ nữ mang thai và 13% phụ nữ vừa mới sinh có triệu chứng rối loạn tâm thần, chủ yếu là trầm cảm. Ở các nước đang phát triển, tỷ lệ này còn cao hơn, tương ứng với 15,6% trong thời kỳ mang thai và 19,8% sau khi sinh con.

Thống kê từ một bệnh viện tư chuyên khoa về phụ sản ở Hà Nội cho thấy, có tới 60%-70% phụ nữ sau sinh bị trầm cảm ở mức độ nhẹ. Theo một khảo sát của bệnh viện Từ Dũ TP.HCM năm 2002, 41% phụ nữ sau sinh từng có ý định tự tử. Đó là chưa kể rất nhiều phụ nữ có dấu hiệu trầm cảm sau sinh nhưng cố gắng che giấu, chỉ đến khi phát bệnh mới được đưa đi viện chẩn đoán và can thiệp.

Trong xã hội ngày nay, bệnh trầm cảm khá quen thuộc đối với nhiều người nhưng trầm cảm sau sinh là một khái niệm khá mới mẻ với phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ đang mang thai. Các chuyên gia tâm lý cho biết trầm cảm sau sinh là căn bệnh cực kì nguy hiểm nhưng có rất nhiều người không hề nhận thức đúng về căn bệnh này. Trong thời gian qua đã xảy ra một số trường hợp đáng tiếc liên quan đến chứng trầm cảm sau sinh.

Hậu quả của trầm cảm sau sinh:

- Không ít bà mẹ trẻ đã ra tay tàn độc, sát hại chính đứa con mình đứt ruột đẻ ra chỉ vì mắc chứng trầm cảm sau sinh, Nhiều người còn gặp khó khăn trong việc chăm sóc em bé dẫn đến mất hứng thú trong cuộc sống.

- Căng thẳng thường xuyên khiến họ dễ rơi vào tình trạng mất ngủ trường kì, mất đi ham muốn “chuyện ấy”, thường né tránh quan hệ tình dục với chồng và tình trạng càng trở nên trầm trọng nếu thời điểm ấy gia đình có xảy ra mâu thuẫn hay có khó khăn về tài chính sẽ dễ gây mất hạnh phúc gia đình.

- Nguy hiểm hơn, người bị trầm cảm sau sinh có thể bị ám ảnh, hoang tưởng. Một số người mắc bệnh luôn có cảm giác bị hại nên tìm cách trả thù hay đối phó. Trong khi đó, một số người khác lại nghĩ rằng mình là mối nguy hại của gia đình, đặc biệt là đứa trẻ và có cảm giác tội lỗi. Các ám ảnh này dẫn đến việc các bà mẹ có những hành động dại dột như bỏ nhà ra đi, tự tử,...

- Do mắc bệnh người phụ nữ trở nên cáu gắt hơn có thể gây mâu thuẫn với đồng nghiệp và không tập trung vào công việc dễ dẫn đến mất việc.

- Bệnh trầm cảm sau sinh có thể khiến người phụ nữ né tránh giao tiếp làm cho các mối quan hệ xã giao, bạn bè, hàng xóm, ... bị ảnh hưởng.

Trầm cảm sau sinh là tình trạng suy nhược cơ thể và suy nghĩ luôn lo lắng, căng thẳng của các bà mẹ sau khi sinh. Đó là một căn bệnh nguy hiểm, nó không những ảnh hưởng đến người mẹ mà còn nguy hiểm đến con và ảnh hưởng đến mối quan hệ trong gia đình. Trầm cảm sau sinh có thể xảy ra với bất kỳ bà mẹ nào có thể nhẹ, vừa hoặc nặng, có thể diễn ra một khoảng thời gian ngắn.

Theo PGS.TS. Hà Hoàng Kiệt, BV 103 đưa ra khái niệm: Trầm cảm sau sinh (postpartum depression) là một dạng của bệnh trầm cảm ảnh hưởng chủ yếu đến phụ nữ sau khi sinh và thường kéo dài khoảng 6 tuần. Khởi phát bệnh có khuynh hướng từ từ hoặc có thể dai dẳng hoặc có khi lẫn vào các triệu chứng khác thời sinh đẻ.

Theo DSM-IV cũng như ICD-10, rối loạn tâm thần sau sinh không được ghi thành một chương riêng biệt và không có tiêu chuẩn chẩn đoán rõ ràng. Hiện nay người ta vẫn chưa thống nhất được có nên xếp trầm cảm sau sinh là một rối loạn riêng biệt hay không. Trong khi một số tác giả cho rằng rối loạn tâm thần u sinh là một nhóm các rối loạn có liên quan đặc biệt đến việc mang thai và sinh đẻ nên cần tồn tại một chẩn đoán riêng biệt.

Trong bối cảnh trên và trước những hậu quả như vậy thúc đẩy chúng tôi mong muốn tìm hiểu thực trạng nhận thức của những phụ nữ mang thai về về trầm cảm sau sinh trên địa bàn thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp hiện nay như thế nào, thông qua đó đề xuất kiến nghị giải pháp nhằm góp phần giảm bớt tình trạng, hậu quả của bệnh trầm cảm sau sinh.

2. Nội dung

Chúng tôi đã thực hiện phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi với mẫu là 100 người phụ nữ đang mang thai trên địa bàn Thành phố Cao Lãnh - những người này có thể ở những xã, phường khác đến khám thai tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Tháp để tìm hiểu về nhận thức của họ về bệnh trầm cảm sau sinh.

Việc thống kê, xử lý và lấy kết quả dựa trên phần mềm SPSS 22.0. Kết quả nhận được cũng có nhiều thông tin đáng chú ý và đáng quan tâm.

2.1. Nhận thức về các dấu hiệu trầm cảm

2.1.1. Nhận thức về dấu hiệu rối loạn cảm xúc

Với câu hỏi khảo sát nhận thức 100 mẫu khảo sát nhận biết về dấu hiệu rối loạn cảm xúc trong bệnh trầm cảm chúng tôi thu thập được:

Bảng 2.1. Nhận thức về dấu hiệu rối loạn cảm xúc

	Responses		Percent of Cases
	N	Percent	
P1C1 ^a Hay khóc	50	21.2%	53.2%
Hay buồn chán, ủ dột	76	32.2%	80.9%
dễ nổi giận	59	25.0%	62.8%
Hay cáu gắt	35	14.8%	37.2%
Thường xuyên hoảng hốt với những chuyện rất bình thường	16	6.8%	17.0%
Total	236	100.0%	251.1%

Dựa trên những số liệu bảng 2.1. cho thấy nhận thức của phụ nữ mang thai về dấu hiệu rối loạn cảm xúc như sau: có 21,2% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu hay khóc; 32,2% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu hay buồn chán, ủ dột; 25% cho rằng có dấu hiệu dễ nổi giận chiếm; 14,8% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu hay cáu gắt; 6,8% có dấu hiệu thường xuyên hoảng hốt với những chuyện rất bình thường.

Phần lớn, nhiều người nhận biết được những dấu hiệu cơ bản như hay khóc, hay buồn chán, ủ dột, dễ nổi giận, hay cáu gắt. Nhưng đối với dấu hiệu thường xuyên hoảng hốt với những chuyện rất bình thường thì nhiều người lại không cho rằng đó là một dấu hiệu điển hình của trầm cảm sau sinh.

2.1.2. Nhận thức về các dấu hiệu mất rối loạn tâm trạng

Bảng 2.2. Nhận thức về các dấu hiệu mất rối loạn cảm xúc-hành vi

	Responses		Percent of Cases
	N	Percent	
P1C5 ^a Không có hứng thú với các sở thích của mình nữa	54	12.6%	55.7%
Giảm hứng thú trong quan hệ tình dục	57	13.3%	58.8%
Luôn cảm thấy căng thẳng, áp lực, lo lắng	70	16.4%	72.2%
Cảm thấy bản thân xấu xí hơn trước	53	12.4%	54.6%
Bi quan	46	10.8%	47.4%
Có ý nghĩ về cái chết nhiều lần trong ngày	34	8.0%	35.1%
Tự cảm thấy bản thân vô dụng hay mắc tội lỗi nào đó	34	8.0%	35.1%
có ý nghĩ giết chết con mới đẻ	26	6.1%	26.8%
Dự định giết con sau đó giết chết chính mình	26	6.1%	26.8%
Dự định tự tử	27	6.3%	27.8%
Total	427	100.0%	440.2%

Đọc bảng 2.2. Nhận thức về các dấu hiệu mất rối loạn tâm lý-hành vi, cho thấy: có 12.6% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu không có hứng thú với các sở thích của mình; có 13.3% cho rằng có dấu hiệu giảm hứng thú trong quan hệ tình dục; có

16.4% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu luôn cảm thấy căng thẳng, áp lực, lo lắng; có 12.4% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu cảm thấy bản thân xấu xí hơn; có 10.8% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu bi quan; 8.0% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu có ý nghĩ về cái chết nhiều lần trong ngày; 8.0% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu tự cảm thấy bản thân vô dụng hay mắc tội lỗi nào đó; 6.1% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu có ý nghĩ giết chết con mới đẻ; 6.1% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu dự định giết con sau đó giết chết chính mình; 6.3% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu dự định tự tử.

Qua điều này cho thấy rất ít phụ nữ mang thai nhận thức được các dấu hiệu rối loạn tâm trạng, nhất là đối với những dấu hiệu nặng, nguy hiểm là có ý nghĩ tự tử hay giết con. Hiện trạng người mẹ trầm cảm sau sinh giết con được đưa tin nhiều trên truyền hình lẫn các báo mạng, giấy. Nhưng với kết quả khảo sát cho thấy nhiều phụ nữ mang thai không biết đến nguyên nhân phạm tội nguy hiểm này chính là bệnh trầm cảm sau sinh.

2.1.3. Nhận thức về các dấu hiệu mất rối loạn xã hội

2.1.3.1. Nhận thức về các dấu hiệu mất rối loạn giao tiếp xã hội

Bảng 2.3. Nhận thức về các dấu hiệu mất rối loạn giao tiếp xã hội

	Responses		Percent of Cases
	N	Percent	
P1C7 ^a thích ở một mình	64	40.0%	66.0%
thích nói chuyện	2	1.3%	2.1%
không thích trò chuyện	52	32.5%	53.6%
không nói chuyện	42	26.3%	43.3%
Total	160	100.0%	164.9%

Kết quả này cho thấy phần lớn phụ nữ nhận thức được dấu hiệu trầm cảm có liên quan đến việc thích ở một mình, không thích và không nói chuyện với người khác. Từ số liệu bảng 2.3, xác định: 40.0% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu thích ở một mình; 1.3% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu thích nói chuyện; 32.5% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu không thích trò chuyện; 26.3% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu không nói chuyện.

2.1.3.2. Nhận thức về các dấu hiệu mất rối loạn trong môi thực hiện hành động xã hội

Bảng 2.4. Nhận thức về các dấu hiệu mất rối loạn trong môi thực hiện hành động xã hội.

	Responses		Percent of Cases
	N	Percent	
P1C8 ^a Khó suy nghĩ, tập trung, ra quyết định	48	29.3%	51.6%
Hay cáu gắt, mâu thuẫn với các đồng nghiệp	64	39.0%	68.8%
Không muốn làm việc	52	31.7%	55.9%
Total	164	100.0%	176.3%

Kết quả bảng 2.4. cho thấy, 29.3% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu khó suy nghĩ, tập trung, ra quyết định; 39.0% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu hay cáu gắt, mâu thuẫn với các đồng nghiệp; 31.7% cho rằng trầm cảm sau sinh có dấu hiệu không muốn làm việc. Điều này cho thấy rất nhiều phụ nữ mang thai vẫn chưa nhận thức đúng về tác động của bệnh trầm cảm đến suy nghĩ, ra quyết định, gây mâu thuẫn với các mối quan hệ đồng nghiệp, suy giảm động lực, hiệu quả việc làm.

2.1.4. Nhận thức về các dấu hiệu mất rối loạn hành vi bản năng trong bệnh trầm cảm sau sinh

2.1.4.1. Rối loạn giấc ngủ

Bảng 2.5. Nhận thức về rối loạn giấc ngủ

		Responses		Percent of Cases
		N	Percent	
PIC2 ^a	16 tiếng	1	1.1%	1.2%
	10 tiếng	8	9.0%	9.8%
	8 tiếng	9	10.1%	11.0%
	4 tiếng	43	48.3%	52.4%
	2 tiếng	28	31.5%	34.1%
Total		89	100.0%	108.5%

Theo bảng 2.5. cho thấy đa số phụ nữ mang thai nhận thức được trầm cảm sau sinh thường có rối loạn giấc ngủ, không thể ngủ được, chất lượng giấc ngủ kém, thời gian ngủ trong ngày rất ít so với người bình thường và ngủ khoảng từ 2 đến 4 tiếng/ ngày. Điều này được trình diễn rất rõ qua các số liệu sau: có 31.5% tổng số người được hỏi cho rằng người bị mắc bệnh trầm cảm sau sinh thường sẽ ngủ dưới 2 tiếng/ ngày; 48.3% cho rằng người bị mắc bệnh trầm cảm sau sinh thường sẽ ngủ dưới 4 tiếng/ ngày ; 10.1% cho rằng người bị mắc bệnh trầm cảm sau sinh thường sẽ ngủ 8 tiếng/ ngày; 9% cho rằng người bị mắc bệnh trầm cảm sau sinh thường sẽ ngủ 10 tiếng/ ngày; 1.1% cho rằng người bị mắc bệnh trầm cảm sau sinh thường sẽ ngủ 16 tiếng/ ngày.

2.1.4.2. Rối loạn ăn

Bên cạnh đó, đa số những người được hỏi điều cho rằng khi bị mắc bệnh trầm cảm sau sinh thì người phụ nữ sẽ hầu như sẽ ăn ít hoặc không ăn chiếm tỉ lệ cao. Điều này thể hiện thông qua kết quả nghiên cứu là có 31.5% tổng số người được hỏi cho rằng người bị trầm cảm sau sinh sẽ không ăn; 56.5% cho rằng người bị trầm cảm sau sinh sẽ ăn ít; 8.3% cho rằng người bị trầm cảm sau sinh sẽ ăn bình thường; 3.7% cho rằng người bị trầm cảm sau sinh sẽ ăn nhiều, không có bị rối loạn.

Bảng 2.6. Nhận thức dấu hiệu trầm cảm sau sinh có rối loạn ăn

		Responses		Percent of Cases
		N	Percent	
PIC3 ^a	Ăn nhiều, không có bị rối loạn	4	3.7%	4.4%
	ăn bình thường (duy trì chế độ ăn bình thường của chính họ)	9	8.3%	9.9%
	ăn ít	61	56.5%	67.0%
	không ăn	34	31.5%	37.4%
Total		108	100.0%	118.7%

2.1.4.3. Rối loạn tình dục

Bảng 2.7. Nhận thức về dấu hiệu rối loạn hành vi tình dục trong bệnh trầm cảm sau sinh

		Responses		Percent of Cases
		N	Percent	
P1C6 ^a	thích thú	8	7.1%	9.5%
	không thích	47	41.6%	56.0%
	khó chịu	58	51.3%	69.0%
Total		113	100.0%	134.5%

Theo như bảng 2.7. Có 51.3% phụ nữ mang thai được khảo sát cho rằng người bị trầm cảm sau sinh sẽ cảm thấy khó chịu khi quan hệ tình dục; 41.6% cho rằng người bị trầm cảm sau sinh sẽ cảm thấy không thích khi quan hệ tình dục, 7.1% cho rằng người bị trầm cảm sau sinh sẽ cảm thấy thích thú khi quan hệ tình dục. Điều này cho thấy đa phần người được khảo sát biết dấu hiệu rối loạn tình dục trong bệnh trầm cảm sau sinh.

2.1.5. Nhận thức về các nguyên nhân dẫn đến bệnh trầm cảm sau sinh

Nhận thức về nguyên nhân sinh lí, di truyền

Bảng 2.8. Nhận thức về nguyên nhân rối loạn sinh lí dẫn đến bệnh trầm cảm sau sinh

	Responses		Percent of Cases
	N	Percent	
P2C Thay đổi nội tiết tố	55	34.2%	62.5%
1 ^a Thiếu chất dinh dưỡng	42	26.1%	47.7%
Di truyền	25	15.5%	28.4%
Sự thay đổi về thể tích máu, huyết áp, hệ miễn dịch, hormone tuyến giáp giảm nhanh chóng	39	24.2%	44.3%
Total	161	100.0%	183.0%

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 55 người phụ nữ được hỏi cho rằng trầm cảm sau sinh có nguyên nhân từ việc **thay đổi nội tiết tố** chiếm 34.2%; 42 người phụ nữ được hỏi cho rằng trầm cảm sau sinh có nguyên nhân từ việc **thiếu chất dinh dưỡng** chiếm 26.1%; 25 người phụ nữ được hỏi cho rằng trầm cảm sau sinh có nguyên nhân từ việc **di truyền** chiếm 15.5%; 39 người phụ nữ được hỏi cho rằng trầm cảm sau sinh có nguyên nhân từ việc **sự thay đổi về thể tích máu, huyết áp, hệ miễn dịch, hormone tuyến giáp giảm nhanh chóng** chiếm 24.2%. Những thông số này cho thấy có rất ít phụ nữ mang thai hiểu được rằng bệnh trầm cảm sau sinh có thể phát sinh ở bất nhóm người có cha (mẹ) mắc bệnh trầm cảm cũng như do sự biến chuyển bất thường nội tiết tố,

Nhận thức về nguyên nhân xã hội

Kết quả nghiên cứu cho thấy nguyên nhân xã hội dẫn đến trầm cảm sau sinh như sau: 22.5% từ việc **căng thẳng kéo dài**; từ việc **mâu thuẫn** chiếm 16.1%; từ việc **lo lắng về trách nhiệm làm mẹ** 20.0%; từ việc **lo lắng về cuộc sống vợ chồng** 13.6%; từ việc **lo lắng về kinh tế gia đình sau khi có con** 16.8%; từ việc **lo lắng rằng bản thân đã xấu đi** chiếm 11.1%. Điều này cho thấy nhiều phụ nữ chưa nhận ra các vấn đề của bản thân cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến bệnh trầm cảm sau sinh.

	Responses		Percent of Cases
	N	Percent	
P2C2 ^a Căng thẳng kéo dài	63	22.5%	63.0%
Mâu thuẫn	45	16.1%	45.0%
Lo lắng về trách nhiệm làm mẹ	56	20.0%	56.0%
Lo lắng về cuộc sống vợ chồng	38	13.6%	38.0%
Lo lắng về kinh tế gia đình sau khi có con	47	16.8%	47.0%
Lo lắng rằng bản thân đã xấu đi	31	11.1%	31.0%
Total	280	100.0%	280.0%

Bảng 2.8. Nhận thức về nguyên nhân xã hội dẫn đến bệnh trầm cảm sau sinh

Bên cạnh đó, phụ nữ được hỏi cho rằng trầm cảm sau sinh có nguyên nhân từ việc **không có cuộc hôn nhân hạnh phúc** 25.0%; từ **nhiều sự việc căng thẳng trong quá trình mang thai** chiếm 26.4%; từ việc **con sinh ra gặp vấn đề về sức khỏe** chiếm 26.4%; từ việc **thiếu sự giúp đỡ từ người thân, xã hội** chiếm 22.1%. Điều này cho thấy rằng nhiều phụ nữ mang thai chưa nhận thức tốt về nguyên nhân từ cuộc sống hôn nhân, sức khỏe của con, thiếu sự giúp đỡ.

2.1.5. Nhận thức về hậu quả của bệnh trầm cảm sau sinh

Hậu quả đối với chính bản thân người bệnh

Kết quả nghiên cứu về nhận thức của 100 phụ nữ mang thai về hậu quả của bệnh trầm cảm sau sinh đối với chính bản thân người bệnh mất hứng thú trong cuộc sống, chiếm 28.4%; căng thẳng thường xuyên khiến họ dễ rơi vào tình trạng mất ngủ trường kì, mất đi ham muốn tình dục, chiếm 35.8%; **tự tử**, chiếm 25%; **không gây hậu quả gì** cho người phụ nữ, chiếm 10.8%.

Bảng 2.9. Nhận thức về những hậu quả nào của bệnh trầm cảm sau sinh gây ảnh hưởng đối với bản thân người phụ nữ

	Responses		Percent of Cases
	N	Percent	
P2C4 ^a Không có hậu quả gì	19	10.8%	19.6%
Mất hứng thú trong cuộc sống	50	28.4%	51.5%
Căng thẳng thường xuyên khiến họ dễ rơi vào tình trạng mất ngủ trường kì, mất đi ham muốn tình dục	63	35.8%	64.9%
Tự tử	44	25.0%	45.4%
Total	176	100.0%	181.4%

Hậu quả đối với những người xung quanh**Bảng 2.10. Nhận thức về hậu quả nào của bệnh trầm cảm sau sinh gây ảnh hưởng đối với những người xung quanh**

	Responses		Percent of Cases
	N	Percent	
P2C5 ^a Không ít bà mẹ trẻ đã ra tay tàn độc, sát hại chính đứa con đứt ruột đẻ ra chỉ vì mắc chứng trầm cảm sau sinh	49	23.4%	50.0%
Mâu thuẫn kéo dài với chồng gây mất hạnh phúc gia đình	58	27.8%	59.2%
Trở nên cáu gắt hơn có thể gây mâu thuẫn với đồng nghiệp và không tập trung vào công việc dẫn đến mất việc	54	25.8%	55.1%
Có thể khiến người phụ nữ né tránh giao tiếp làm cho các mối quan hệ xã giao, bạn bè, hàng xóm, ... bị ảnh hưởng	42	20.1%	42.9%
Không ảnh hưởng đến người khác	6	2.9%	6.1%
Total	209	100.0%	213.3%

Theo như bảng số liệu của cuộc khảo sát 100 phụ nữ mang thai về hậu quả đối với những người xung quanh cho thấy 23.4% tổng số người được hỏi rằng không ít bà mẹ trẻ đã ra tay tàn độc, sát hại chính đứa con đứt ruột đẻ ra chỉ vì mắc chứng trầm cảm sau sinh; 27.8% cho rằng bệnh trầm cảm sau sinh gây ra mâu thuẫn kéo dài với chồng gây mất hạnh phúc gia đình; 25.8% cho rằng bệnh trầm cảm sau sinh làm cho người phụ nữ trở nên cáu gắt hơn có thể gây mâu thuẫn với đồng nghiệp và không tập trung vào công việc dẫn đến mất việc; 20.1% cho rằng bệnh trầm cảm sau sinh có thể khiến người phụ nữ né tránh giao tiếp làm cho các mối quan hệ xã giao, bạn bè, hàng xóm, ... bị ảnh hưởng; 2.9% cho rằng bệnh trầm cảm sau sinh của phụ nữ không ảnh hưởng đến người khác

Kết quả nghiên cứu chung sau khi tìm hiểu nhận thức của phụ nữ mang thai về bệnh trầm cảm sau sinh cho thấy đa số phụ nữ mang thai chưa chú trọng, chưa biết nhiều thông tin đúng, đủ về bệnh trầm cảm sau sinh, nguyên nhân và hậu quả của bệnh lý này.

3. Khuyến nghị

Nhóm nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức để phòng ngừa bệnh trầm cảm sau sinh cho phụ nữ mang thai, phụ nữ sau sinh.

3.1. Đối với bản thân người phụ nữ

- Cần phải có một chế độ dinh dưỡng cân bằng, lành mạnh, ăn uống phải đúng thời gian và đảm bảo được chế độ ăn đầy đủ.

- Thường xuyên đi khám bác sĩ hay một nhà chuyên môn về sức khỏe

- Phải hiểu về sự thay đổi cảm xúc thai kỳ.

- Tự đánh giá được dấu hiệu bệnh trầm cảm qua việc tự trả lời các câu hỏi trong bảng đánh giá bệnh trầm cảm. Chấp nhận bệnh khi thấy tự đánh giá thấy có nhiều triệu chứng trầm cảm và nhanh chóng đến bệnh viện tâm thần khám để nhận được điều trị thích hợp, tích cực điều trị tránh dẫn đến hậu quả và chất lượng cuộc sống kém.

- Biết tận dụng lúc con ngủ để nghỉ ngơi, hồi sức. Nghỉ ngơi càng nhiều càng tốt, điều này giúp cho người phụ nữ đảm bảo được một sức khỏe tốt. Ngoài việc nghỉ ngơi thì người phụ

nữ cần nên tăng cường luyện tập thể dục để nâng cao sức khỏe. Bên cạnh đó, việc luyện tập thể dục thể thao còn giúp cho mẹ bầu được thư giãn, tâm lý luôn thoải mái và ổn định.

- Khi làm việc thì không nên ôm quá nhiều việc hoặc cố gắng làm để được hoàn hảo, điều này sẽ ảnh hưởng không tốt đối với bản thân người phụ nữ và cả thai nhi. Chính vì vậy, người phụ nữ mang thai nên cân bằng chế độ làm việc, nghỉ ngơi hợp lý, tránh làm việc quá sức, áp lực đè nặng cũng rất dễ bị trầm cảm sau sinh. Vì vậy cần phải hạn chế điều này đối với phụ nữ mang thai.

- Người phụ nữ đôi khi cũng nên đề nghị sự giúp đỡ của chồng, gia đình và bạn bè giúp đỡ khi gặp vấn đề mà bản thân không thể giải quyết được.

- Thường xuyên dành thời gian để đi ra ngoài, thăm bạn bè, tự đi mua sắm hoặc rủ ông xã ra ngoài để có những phút giây thư giãn, tránh những căng thẳng mệt mỏi. Đặc biệt thường xuyên đi ra ngoài ánh sáng mặt trời, ăn uống đủ chất, không được kiêng khem dẫn đến thiếu dinh dưỡng. Tự giải tỏa áp lực cho bản thân về vấn đề chăm sóc con.

- Dành một ít thời gian để có thể nói chuyện với các bà mẹ khác từ đó có thể học hỏi cũng như giải đáp thắc mắc và những câu hỏi về trầm cảm sau sinh. Ngoài ra, có thể tâm sự với một ai đó về những cảm xúc của mình, tìm người giúp đỡ để chăm sóc con, làm việc nhà và những việc vặt để bản thân có thể nghỉ ngơi. Hãy học hỏi kinh nghiệm chăm sóc con cái từ người thân, bạn bè hay sách vở để không áp lực trong việc chăm sóc con...

- Bản thân người cả phụ nữ nên đi học một lớp về tiền sản trước khi sinh để biết được tâm lý của những bà mẹ sau sinh và cách chăm sóc con tốt, hiệu quả. Để khi sinh con họ có được những kiến thức cũng như kỹ năng để có thể chăm sóc con mình tốt hơn.

- Trầm cảm sau sinh phần lớn là do bị ảnh hưởng tới tâm lý, vì thế người phụ nữ cần nên giữ tâm trạng luôn thoải mái. Hãy chia sẻ mọi chuyện với người thân, tin cậy nhất để được giải tỏa tâm lý. Đó là cách phòng tránh trầm cảm sau sinh hiệu quả nhất.

- Cân bằng chế độ làm việc, nghỉ ngơi hợp lý, tránh làm việc quá sức, áp lực đè nặng cũng rất dễ bị trầm cảm sau sinh.

3.2. Đối với gia đình, chồng và người thân

- Gia đình cần nên giúp người phụ nữ học cách thư giãn và nghỉ ngơi, tránh căng thẳng mệt mỏi trước và sau khi sinh. Thường xuyên động viên, gần gũi và chia sẻ với họ về các cách nuôi dạy con cái.

- Người chồng nên chủ động chia sẻ cảm xúc, trò chuyện riêng với vợ. Đồng thời cũng nên giúp vợ làm những công việc trong gia đình để vợ có thời gian nghỉ ngơi đầy đủ nhằm đảm bảo đến sức khỏe của họ. Ngoài ra, người chồng cũng nên thường xuyên san sẻ trách nhiệm chăm sóc con với người vợ để tránh họ bị căng thẳng và mệt mỏi.

- Tìm hiểu về dấu hiệu bệnh trầm cảm sau sinh để sớm phát hiện tình trạng bệnh, kiên quyết đưa bệnh nhân đi khám và hỗ trợ chăm sóc, giám sát điều trị bệnh nhân.

- Tìm kiếm tư vấn để có kế hoạch chăm sóc thể chất-tinh thần từ các thành viên trong gia đình dành cho bệnh nhân.

3.3. Đối với xã hội

- Tuyên truyền để mọi người biết rõ hơn về bệnh trầm cảm sau sinh bằng những phương tiện sách báo giấy, qua mạng, loa phát thanh, băng rôn, truyền hình, ...

- Tổ chức những câu lạc bộ dành cho người phụ nữ sau sinh để họ cùng nhau chia sẻ cách chăm sóc con và giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống.

- Mở các lớp tập huấn về vấn đề trầm cảm sau sinh cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ đang mang thai và chôn.

4. Kết luận

Rối loạn tâm thần hậu sản là dạng bệnh tâm thần cấp tính có thể xảy ra vào thời kỳ hậu sản ban đầu. Dù tương đối ít khi xảy ra, đây là tình trạng nghiêm trọng và nguy đến tính mạng khiến cả mẹ lẫn em bé có nguy cơ bị nguy hiểm. Điều quan trọng là phải nhận ra chứng rối loạn tâm thần hậu sản càng sớm càng tốt. Rối loạn tâm thần hậu sản có thể là trải nghiệm đáng sợ và khổ sở đối với mọi người: đối với người mẹ và người bạn đời cũng như gia đình. Do đó rất cần thiết phụ nữ mang thai và người bạn đời, gia đình của họ cần được trải qua ít nhất một buổi tập

huấn về tiền sinh sản trong đó có nội dung nhận biết dấu hiệu bệnh trầm cảm sau sinh, thông tin cơ sở điều trị bệnh, tiến trình điều trị, sự trợ giúp và chăm sóc kỹ trong suốt quá trình phục hồi. Điều đáng mừng là phụ nữ từ từ thường sẽ hồi phục hoàn toàn khi được điều trị đúng mức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] GS. Trần Đình Xiêm, Sách *Tâm Thân Học* in lần V, 1997.
- [2] Nguyễn Mỹ Lộc, Nguyễn Hồng Kiên, *Công tác xã hội trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần*, BLĐT BXH, 2013
- [3] Trương Tuấn Anh, *Điều dưỡng Tâm thần*, 2007
- [4] Tài liệu tham khảo, Bệnh viện tâm thần, TP.HCM, 2007.
- [5]<http://bvdkquangnam.vn/ao-to-nckh/tp-san-y-hc/2359-trm-cm-sau-sinh-va-thang-im-anh-gia-trm-cm-sau-sinh.html>
- [6]https://www.panda.org.au/images/resources/Resources-Factsheets/Translated-Factsheets/FactSheet_Viet.PDF

**THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG TẠI VIỆT NAM,
ĐỊNH HƯỚNG ĐỂ PHÁT TRIỂN**

SV: Nguyễn Thị Bé Thảo, Lớp: ĐHCCTXH16A

GVHD: ThS. Trần Văn Luận

Tóm tắt

Hiện nay tỉ lệ trẻ em chết do những vấn đề trong học đường ngày càng gia tăng, và nó cao đến mức chỉ đứng sau tai nạn giao thông, nó đang trở thành mối bận tâm lớn của toàn xã hội. Nguyên nhân phần lớn chính là do chưa được sự quan tâm đúng mức về công tác hỗ trợ tâm lý học đường. Có thể nói hoạt động tham vấn học đường là một bộ phận của quá trình giáo dục trong nhà trường, có vai trò quan trọng trong việc tạo nên những con người đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện. Mặc dù đã có những nhận thức nhất định về tầm quan trọng hoạt động của phòng tham vấn học đường tại các trường học tuy nhiên việc tổ chức và triển khai hoạt động của các trường vẫn chưa thực hiện một cách rỏ ràng đa phần chỉ là tổ chức, thực hiện một cách hình thức đối phó và không thiết thực. Nội dung bài viết tác giả xin nêu ra một số vấn đề cơ bản để khái quát về thực trạng cũng như tìm hiểu rõ hơn nguyên nhân và tính cấp bách của hoạt động tham vấn để từ đó có những biện pháp hữu hiệu nhất thúc đẩy quá trình hoạt động của công tác tham vấn trong học đường.

1. Đặt vấn đề

Với sự phát triển nhanh chóng của xã hội bên cạnh những cơ hội là những thách thức. Và thế hệ trẻ Việt Nam đang đối mặt với những yêu cầu khắt khe. Sự đòi hỏi ngày càng cao của nền giáo dục trong nhà trường, sự kỳ vọng quá mức từ các bậc phụ huynh, cả những điều bất cập trong thực tiễn giáo dục, các bạn chưa có đủ kỹ năng cho những sức ép, điều này tạo nên căng thẳng trong tâm lý, có người sẽ chọn cách trốn tránh có người sẽ chọn cách đối mặt nhưng dù đi theo hướng nào đi chăng nữa, nếu không gỡ được nút thắt ngay từ đầu thì các bạn dễ rơi vào trạng thái khủng hoảng. Trên thực tế không ít những trường hợp các bạn bị những rối loạn cảm xúc như lo âu, trầm cảm,... hay rối loạn về hành vi như gây rối, bỏ học,... những vấn đề trong học đường ngày càng tăng nhanh, nhu cầu cần được hỗ trợ về mặt tâm lý của các bạn ngày càng nhiều hơn. Một điều chúng ta phải công nhận và đáng thức tỉnh là khi tinh thần không tốt thì kéo theo nhiều hậu quả sau đó, đã bao lần các bạn nghe được những vụ án nghiêm trọng liên quan đến trường học, hình ảnh về một mái trường thân thương mất dần, nếu tiếp tục duy trì thực trạng này tôi tin rằng học đường sẽ trở thành một nỗi ám ảnh. Vì vậy nhu cầu được hỗ trợ tinh thần để đảm bảo cho sự phát triển thuận lợi ngày càng trở nên cấp bách hơn.

Theo khảo sát hiện nay thì nước ta đã bắt đầu tiếp cận dần với hoạt động trợ giúp tâm lý trong học đường. Song nó chưa thực sự phổ biến và được chú trọng một cách hợp lý, việc tổ chức còn rời rạc chưa có tính hệ thống cũng như chưa mang tính chuyên nghiệp. Bài viết sẽ là cái nhìn tổng quan để chúng ta thấy được thực trạng của vấn đề hiện nay, tìm hiểu phân tích những nguyên nhân và đề xuất những biện pháp nhằm nâng cao tính hiệu quả của hoạt động tham vấn học đường.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về tham vấn và tham vấn trong học đường

2.1.1. Tham vấn

Theo Hiệp hội các nhà tham vấn Hoa Kỳ (ACA, 1997) cho rằng tham vấn là sự áp dụng nguyên tắc tâm lý, sức khỏe tinh thần hay nguyên tắc về sự phát triển con người thông qua các chiến lược can thiệp một cách có hệ thống về nhận thức, cảm xúc, hành vi, tập trung vào sự lành mạnh, sự phát triển cá nhân, phát triển nghề nghiệp cũng như vấn đề bệnh lý. Vậy theo Hiệp hội các nhà tham vấn Hoa Kỳ xác định rằng quá trình tham vấn được hiểu như là một mối quan hệ tự nguyện giữa nhà tham vấn và thân chủ. Trong mối quan hệ này nhà tham vấn giúp thân chủ tự xác định và tự giải quyết vấn đề của mình.

Theo tác giả Phan Thị Tuyết Hương tham vấn (tham vấn tâm lý) là quá trình tương tác giữa nhà tham vấn có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và được pháp luật thừa nhận với những người có khó khăn về mặt tâm lý muốn được giúp đỡ, thông qua các kỹ năng trao đổi và chia sẻ tâm tình (dựa trên các nguyên tắc đạo đức và mối quan hệ mang tính nghề nghiệp) nhằm giúp họ hiểu, chấp nhận thực tế của mình, tự khơi dậy tiềm năng, nội lực của bản thân họ để họ tự giải quyết được những khó khăn của chính bản thân mình [1, tr23].

Theo tác giả Hoàng Anh Phước tham vấn là một hoạt động trợ giúp dựa trên sự tương tác giữa nhà tham vấn và thân chủ, trong đó nhà tham vấn sử dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn giúp thân chủ nâng cao năng lực tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong cuộc sống [7, tr 4].

Sau khi nghiên cứu nhiều khái niệm về tham vấn, tác giả Huỳnh Mai Trang [6, tr21] đã đưa ra những đặc điểm của tham vấn như sau:

- Tham vấn là một hoạt động diễn ra trong một quá trình với các hoạt động xây dựng mối quan hệ, khai thác tìm hiểu xác định vấn đề, giải quyết vấn đề.

- Về bản chất, tham vấn là hoạt động hay phương pháp trợ giúp đối tượng giải quyết vấn đề, chứ không phải hoạt động đưa ra lời khuyên. Sự trợ giúp ở đây được thể hiện qua việc giúp đối tượng hiểu được chính họ, hoàn cảnh của họ, khám phá và sử dụng nhiều tiềm năng nguồn lực đang tồn tại trong chính bản thân họ, hay xung quanh họ để giải quyết vấn đề. Với ý nghĩa này, tham vấn còn có tác dụng giúp đối tượng nâng cao khả năng đối phó với các vấn đề trong cuộc sống.

- Hoạt động tham vấn được diễn ra trên cơ sở mối quan hệ giao tiếp đặc biệt, đòi hỏi sự tương tác tích cực giữa người làm tham vấn và đối tượng có vấn đề tâm lý xã hội bởi nhiều lý do khác nhau. Mối quan hệ tương tác này chủ yếu được thực hiện một cách trực tiếp.

- Người làm tham vấn là người được trang bị các giá trị, thái độ đạo đức nghề nghiệp, những tri thức hiểu biết tâm lý người và các kỹ năng tham vấn để thấu hiểu đối tượng giúp đối tượng tự vượt lên chính mình.

- Người được tham vấn là những người do những nguyên nhân khác nhau mà trở nên mất cân bằng về tâm lý, khó khăn trong thích nghi, hòa nhập xã hội. Họ còn được gọi là thân chủ hay khách hàng.

- Tham vấn có thể là một hoạt động chuyên môn, hoặc một dạng dịch vụ xã hội, hay mối quan hệ trợ giúp được sử dụng bởi những người làm tham vấn chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp, được xem như những người làm công tác trợ giúp.

2.1.2. Tham vấn học đường

Trên thế giới hiện nay có hai hướng quan niệm về tham vấn học đường. Trước hết phải nói đến quan niệm tham vấn học đường là hoạt động chỉ dành cho học sinh, quan niệm thứ hai lại cho rằng không chỉ riêng học sinh được quan tâm trợ giúp trong hoạt động này mà đối tượng hướng đến bao gồm cả phụ huynh học sinh và các lực lượng giáo dục trong nhà trường. Và hai quan niệm này gần như đang tồn tại song song.

2.1.2.1. Quan điểm tham vấn học đường chỉ dành cho học sinh

Hiệp hội tham vấn học đường của Mỹ - ASCA (1990) định nghĩa tham vấn học đường là “Giúp đỡ tất cả các học sinh trong học tập, trong quan hệ xã hội, trong công việc, trong nâng cao năng lực cá nhân, giúp họ trở thành người có trách nhiệm và hữu ích. Nhà tham vấn học đường trợ giúp hình thành và tổ chức tất cả những chương trình này, cũng như cung cấp các hoạt động can thiệp tham vấn thích hợp” [6, tr25].

Trương Bích Nguyệt (2003), Trần Thị Hương (2006) định nghĩa tham vấn học đường là tiến trình tương tác giữa nhà tham vấn và học sinh nhằm khơi dậy tiềm năng của các em, để họ có đủ sức mạnh vượt qua những khủng hoảng của lứa tuổi và những khó khăn trong học tập cũng như trong cuộc sống để tự giải quyết các vấn đề của mình, ổn định học tập, phát huy nhân cách đúng đắn. [6, tr26]

Theo quan niệm này ta có thể thấy các tác giả cho rằng tham vấn học đường là sự tương tác giữa nhà tham vấn và đối tượng tham vấn là học sinh. Nhà tham vấn không làm thay làm giúp mà là người khai thác năng lực của thân chủ để các em có thể tự mình giải quyết các vấn

đề của bản thân như trong học tập hay các mối quan hệ hàng ngày và hoạt động này chỉ bó hẹp trong một đối tượng, tác động chủ yếu vào đối tượng đó - học sinh.

2.1.2.2. Quan điểm tham vấn học đường là hoạt động dành cho học sinh và tất cả những người tham gia trong quá trình giáo dục

Theo tác giả Trần Thị Minh Đức (2009) và một số tác giả khác thì tham vấn học đường là tất cả các hoạt động can thiệp nhằm mục đích giúp cho học sinh được phát triển tốt nhất, bao gồm cả hoạt động tham vấn cho giáo viên và cha mẹ học sinh [5, tr17].

Theo tác giả Hoàng Anh Phước (2012) tham vấn học đường là hoạt động trợ giúp tất cả các học sinh nâng cao năng lực tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong học tập, quan hệ xã hội, định hướng nghề nghiệp; phát hiện sớm và phát triển các chương trình phòng ngừa, can thiệp thích hợp trong nhà trường [7, tr4].

Ed. Neukrug (Thế giới của nhà tham vấn, 2000), tham vấn học đường là “Quá trình cộng tác liên quan đến một nhà tham vấn làm việc với một giáo viên, nhà quản lý, bậc phụ huynh hay các chuyên gia khác để chia sẻ những quan tâm về đứa trẻ, trong nỗ lực phát hiện ra những cách thức làm việc mới với đứa trẻ để đạt đến trình độ thực của mình. Công tác tư vấn giúp các nhà tham vấn học đường được nhiều kiến thức và kỹ năng hơn để tập trung vào các vấn đề của học sinh và điều đó trợ giúp họ trong việc trở nên khách quan hơn trong khi tiếp xúc với những mối quan tâm của trẻ” [6, tr27].

Từ sự tổng hợp các định nghĩa về tham vấn học đường, tác giả Huỳnh Mai Trang đã đưa ra những đặc điểm của hoạt động tham vấn học đường như sau: [6, tr27]

- Đối tượng hướng tới của tham vấn học đường: không chỉ là học sinh có “vấn đề” mà là tất cả học sinh và cha mẹ học sinh cũng như các lực lượng giáo dục trong nhà trường (giáo viên, giám thị, bảo mẫu, nhân viên văn phòng...)

- Nội dung của tham vấn học đường: không chỉ giải quyết những khó khăn, vướng mắc của học sinh mà còn giúp học sinh ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực trong học đường, cũng như huấn luyện cho học sinh các kỹ năng xã hội căn bản, để giúp các em ứng phó một cách tích cực hơn với những vấn đề trong học tập và trong cuộc sống.

- Hình thức của tham vấn học đường: được tổ chức đa dạng thông qua các hình thức tham vấn cho cá nhân, tham vấn cho nhóm và dạy ở lớp học.

- Vai trò của nhà tham vấn trong trường học: không chỉ là tham vấn cho học sinh mà còn tham vấn cho nhà quản lý, giáo viên cũng như các bậc phụ huynh về những vấn đề liên quan đến giáo dục học sinh và là cầu nối với lực lượng bên ngoài trường học (công tác xã hội, pháp luật, y tế,...) trong việc giải quyết vấn đề của học sinh.

- Phạm vi hoạt động của nhà tham vấn học đường: không chỉ ở trong phòng tham vấn mà còn trên lớp học cũng như bên ngoài trường học.

- Hoạt động tham vấn học đường: không chỉ giúp đỡ cho học sinh, cha mẹ học sinh, thầy cô giáo mà còn ở quy mô rộng hơn, đó là hỗ trợ hoạt động giáo dục bằng tri thức và công nghệ tâm lý học, tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động giáo dục cũng như sự phát triển nhân cách cho học sinh.

2.2. Sự cần thiết của trợ giúp tâm lý trong nhà trường hiện nay

Tham vấn tâm lý học đường là hình thức trợ giúp tâm lý đặc lực không những cho học sinh mà còn cho các lực lượng giáo dục khác từ ban giám hiệu, giáo viên, giám thị,... Quá trình hoạt động tham vấn tâm lý học đường giúp học sinh gặp khó khăn trong các vấn đề tâm lý khác nhau nảy sinh trong học tập, trong hoạt động hướng nghiệp, trong các mối quan hệ (bạn bè, thầy, cô giáo, người thân,...) ở bất kỳ thời điểm nào. Nghiên cứu mới đây của một số cán bộ khoa Tâm lý học Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội cho thấy, có 84,7% số học sinh THCS và THPT được hỏi cho rằng, hoạt động tư vấn tâm lý học đường là rất cần thiết và có 69,8% các bạn cho biết, nếu có các hoạt động này ở trường thì các bạn sẽ tham gia và sẵn sàng đến phòng tâm lý học đường khi bản thân có những khó khăn tâm lý.

Với xã hội ngày càng phát triển bên cạnh việc mức sống của con người được nâng cao, sự phát triển về thể chất lẫn tư duy. Xã hội ngày một đáp ứng những điều kiện giúp con người hoàn thiện thỏa mãn nhu cầu từ vật chất đến tinh thần như chính sách cho người nghèo, công

ăn việc làm cho người thất nghiệp, khu vui chơi cho học sinh, sinh viên, trẻ nhỏ,... Tuy nhiên bên cạnh những lợi ích của sự tiên bộ xã hội thì con người phải chịu những áp lực từ cộng đồng, nhà trường, gia đình, và chính bản thân. Mức sống ngày càng nâng cao, xã hội ngày càng phát triển đòi hỏi con người phải không ngừng phấn đấu để đuổi kịp sự vận hành của xã hội. Những kỳ vọng của các bậc phụ huynh trở thành gánh nặng tinh thần cho con trẻ, sự chạy theo thành tích của nhà trường bắt ép học sinh phải đạt tiêu chuẩn này, tiêu chuẩn khác,... rồi cái nhìn kỳ thị của cộng đồng với một người có trình độ học vấn không cao, ngay cả việc bản thân không xác định được đam mê, mục tiêu, thể mạnh,... tất cả tạo nên sức ép khiến chính các bạn rơi vào khủng hoảng và chông đống lại, trốn tránh hiện thực đó là môi trường thuận lợi để những cuộc vui lẩn áp khiến bạn đánh mất chính mình và tương lai của mình đây là kết quả của việc không nắm được tâm lý, không chia sẻ và hơn hết mọi việc muốn giải quyết triệt để cần tìm được nút thắt. Đây là lý do chúng ta cần quan tâm đến công tác tham vấn học đường, học sinh cảm nhận được sự hỗ trợ về tình cảm, xã hội, trí tuệ và tinh thần sẽ tìm thấy nhiều động lực, phụ huynh, nhà trường và cán bộ giáo viên sẽ chứng kiến được sự phát triển và nỗ lực học tập của các bạn thay vì phải bắt ép. Việc tham vấn học đường cũng góp phần giúp các bậc phụ huynh cũng như nhà trường hiểu và gần gũi với các bạn hơn để giúp các bạn đạt được mục tiêu trong tương lai.

Cùng đó trong bối cảnh thông tin bùng nổ, các phương tiện truyền thông phát triển, sự thay đổi nhanh chóng của xã hội làm nảy sinh nhiều vấn đề tác động trực tiếp đến việc học tập và cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của học sinh, những vấn đề không thể giải quyết trong khuôn khổ chương trình đào tạo theo nhiệm vụ được giao. Việc tiếp cận với những trào lưu từ văn hóa không lành mạnh sẽ tạo nên những lệch lạc trong cách sống, những quan hệ giao tiếp ứng xử, bạo lực học đường, tình cảm khác giới,... Bên cạnh nhiều vấn đề phát sinh trong xã hội đối với những lứa tuổi học sinh, sinh viên các bạn đang trong quá trình hình thành phát triển nhân cách phải đối mặt với nhiều thách thức, các vấn đề tâm lý, những khó khăn trong cuộc sống,... Tất cả những điều này nếu không được giải quyết kịp thời sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường.

Ngày càng nhiều hơn những trường hợp trầm cảm, khủng hoảng tinh thần của học sinh được đưa đến các bệnh viện tâm thần. Đáng tiếc hơn là những vụ tự tử vì áp lực học tập hay những vướng mắc trong đời sống tinh cảm của học sinh, sinh viên. Chắc hẳn nhiều người vẫn còn ám ảnh khi biết về câu chuyện của nữ sinh Thùy Trang (THPT Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước) tự tử để lại 5 lá thư tuyệt mệnh. Trong đó có 2 bức thư Trang gửi cho bố mẹ, 3 bức thư còn lại gửi đến cho chị gái và bạn bè. Tất cả đều thể hiện sự buồn chán vì kết quả học tập không đáp ứng được sự kỳ vọng của bố mẹ và chị. Trong thư Trang viết: “Tương lai sau này của con cũng không còn nữa, con xin lỗi bố mẹ. Không, không, con không thể chịu nổi nữa rồi... Tương lai con mù mịt, suy nghĩ con mù mịt, con đường con đi cũng mù mịt, mọi thứ xung quanh con mù mịt... Hết rồi, tất cả kết thúc rồi”. Câu chuyện là bài học cay đắng, thức tỉnh các bậc làm cha, làm mẹ trong việc giáo dục và định hướng con cái. Biết bao vụ việc đau lòng đã xảy ra, cái lứa tuổi còn cấp sách đến trường với bao ước mơ hoài bão, vậy mà phải đóng chặt cánh cửa tương lai vì những điều tưởng chừng như đơn giản mâu thuẫn với bạn bè, làm bài bị điểm kém, say nắng bạn cùng lớp,... chỉ cần một cái nhìn lạc hướng mọi hậu quả sẽ là khôn lường.

Theo kết quả y tế trường học giai đoạn 2011-2015 do Bộ Y tế và Bộ GD&ĐT công bố, số học sinh có ý định tự tử ngày càng tăng cao, cứ 5 em học sinh lại có 1 em có ý định tự tử. Mỗi năm, Bệnh viện Nhi đồng 1 tiếp nhận 20 trường hợp trẻ em uống thuốc độc tự tử. Tại Việt Nam, tự tử là nguyên nhân thứ 2 gây tử vong ở người trẻ tuổi, xếp sau nhóm nguyên nhân do tai nạn giao thông.

Bên cạnh hiện tượng tự tử, những đứa trẻ bị trầm cảm, lo âu, rối loạn cảm xúc vì áp lực học tập cũng đang có chiều hướng tăng. Không ở đâu, đứa trẻ phải dành quá nhiều thời gian cho việc học tập như ở Việt Nam.

Ngoài ra, kết quả khảo sát của Dự án hợp tác quốc tế giữa Sở Y tế Hà Nội, Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương với Đại học Melbourne (Australia) với tên gọi “Chăm sóc sức khỏe tâm thần học sinh trường học tại Hà Nội” năm 2015 cho thấy có 19,46% học sinh độ tuổi từ 10-16 gặp trục trặc về sức khỏe tâm thần; trong số 21.960 thanh thiếu niên được phát hiện, 3,7% số em có rối loạn hành vi, tỷ lệ này đối với nam và nữ, bậc học tuổi học và trung học cơ

sở, ở nội thành và ngoại thành không có gì khác biệt. Tại Hội thảo quốc gia “Sức khỏe tâm thần trong trường học” do Quỹ Tài năng trẻ Tâm lý học - Giáo dục học (Hội Khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam) tổ chức tại Đồng Nai năm 2014, nhiều chuyên gia tâm lý, sức khỏe tâm thần đã lên tiếng cảnh báo về tình trạng ngày càng sa sút của học sinh, trong đó tâm lý lo sợ không hoàn thành bài vở là nổi ám ảnh với các học sinh lứa tuổi trung học phổ thông, nhất là các em lớp 12. Từ đó, học sinh cảm thấy căng thẳng trong việc học, 13,6% học sinh khá cảm thấy ăn không ngon, 17,6% chỉ muốn uống nước hoặc sữa và gần 20% thường xuyên bỏ bữa. Thậm chí, một số em tâm sự đang đối mặt một kỳ thi quan trọng, sợ làm bài không tốt, sợ gia đình thất vọng và khi nghĩ đến những điều đó thì các em chỉ muốn... “nổ tung” [8]. Ngoài vấn đề học tập, mối quan hệ với bạn bè cũng là nguyên nhân gây bất ổn tâm lý ở học sinh. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy: Số học sinh bị bắt nạt sinh ra stress chiếm tỷ lệ tương đương với các em bị stress do học tập. Những học sinh có tranh cãi gay gắt với thầy cô giáo hoặc bị thầy cô la mắng, hăm dọa hoặc bị phạt thì tình trạng bị stress cao hơn từ 22-40% so với những học sinh không bị như vậy. [8]

Theo số liệu điều tra, tỷ lệ có dấu hiệu rối nhiễu tâm lý trong trẻ em ở tuổi học đường là khoảng 20% (theo điều tra của Bệnh viện Nhi Trung ương, tại Hà Nội và các tỉnh lân cận: 10-24% (năm 1999) và 20-30% (năm 2000); theo điều tra năm 2005 của Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương, tỷ lệ này trên 1.023 học sinh tiểu học và trung học cơ sở tại Hà Nội được điều tra là 19,46%; theo điều tra của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Đồng Nai năm 2000, tỷ lệ này tại Biên Hòa là 10-24%) [8].

Theo số liệu của năm học 2008-2009 do Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam cung cấp, trong học kỳ I toàn tỉnh có 4.500 học sinh bậc THCS xếp loại hạnh kiểm yếu và trung bình (4%), bậc THPT có 6.500 học sinh (10%). Phần lớn những học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu, trung bình do đánh nhau, hút thuốc, bỏ học dài ngày, vô lễ với giáo viên, có hành vi trả thù cô giáo, bạn học.

ThS. Nguyễn Thị Mai Lan (Viện Nghiên cứu Con người) khi nghiên cứu về thực trạng kỹ năng sống của học sinh phổ thông đã tiến hành khảo sát trên 500 học sinh từ lớp 10 đến lớp 12 tại hai trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (Hà Nội) và THPT Sông Lô (Tuyên Quang). Kết quả cho thấy phần lớn học sinh đang bị thiếu hụt những kỹ năng cần thiết để ứng phó và giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống; có đến 40% số học sinh được khảo sát không bao giờ tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội.

Bên cạnh đó, không thể không kể đến những khó khăn trong việc phát triển tâm lý học đường nhà trường hiện nay. Trước hết, hiểu biết và sự sẵn sàng tiếp nhận khoa học tâm lý nói chung, tâm lý học đường nói riêng ở Việt Nam của đa số người dân, trong đó có cả giáo viên phổ thông (tuy có được đào tạo sơ lược về tâm lý học) còn nhiều hạn chế. Thông thường, khi vướng mắc tâm lý, ít khi họ nghĩ đến việc tìm nhà chuyên môn để giải quyết. Giáo viên phổ thông khi gặp học sinh khó giáo dục chỉ nghĩ nhiều đến biện pháp giáo dục, gần như không nghĩ đến biện pháp của tâm lý học; những trường hợp mắc các rối nhiễu tâm lý nặng như trầm cảm, loạn thần... thường được chỉ định đến gặp bác sĩ tâm thần chứ không phải chuyên gia tâm lý. Mọi người rất ít khi tự động tìm đến các dịch vụ tâm lý, có chăng chỉ tâm sự trên điện thoại hay các nhà tư vấn trực tuyến. Các số liệu đã trình bày trên đây cho thấy, những vấn đề tâm lý ở học sinh ngày càng gia tăng ở tất cả các cấp học từ mầm non đến phổ thông. Với chương trình học nặng nề, áp lực thi cử khiến nhà trường chỉ tập trung vào việc dạy chữ, dạy kiến thức mà bỏ quên việc chăm sóc đời sống tinh thần cho học sinh. Các thế hệ thanh, thiếu niên không được nhà trường trang bị bản lĩnh đạo đức, kỹ năng sống dẫn đến những lối sống không lành mạnh, thậm chí vi phạm pháp luật hoặc phát triển lệch lạc. Thực trạng về đời sống tinh thần của học sinh trong các nhà trường hiện nay phản ánh nhu cầu về các mô hình hoạt động cung cấp dịch vụ tâm lý học đường tại chỗ trong các nhà trường. Hoạt động trợ giúp tâm lý trong nhà trường giúp hình thành cho học sinh nhiều kỹ năng về học tập, định hướng nghề nghiệp, phát triển nhân cách. Các mô hình hoạt động tâm lý học đường không chỉ hướng đến cá nhân mà còn hướng đến toàn thể học sinh để hỗ trợ các em phát triển nhân cách hoàn thiện, mở ra cho học sinh cơ hội để nhìn lại những khó khăn của mình theo cách thức khác nhau.

2.3. Một số bất cập liên quan đến hoạt động tham vấn học đường

2.3.1. Về trang thiết bị phục vụ công tác tham vấn tại các nhà trường

Nhìn chung nhiều trường vẫn chưa có phòng chuyên biệt phục vụ cho công tác tham vấn, những buổi làm việc với thân chủ thường diễn ra ở phòng giám thị hoặc thư viện của trường.

Qua nghiên cứu... cho thấy hiệu quả tổ chức các hoạt động tham vấn học đường chưa được giáo viên và học sinh đánh giá cao do hiện nay việc tổ chức hoạt động này vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, 100% các thầy cô lựa chọn là không có phòng tham vấn học đường và nhân viên chuyên trách; chưa có kế hoạch cụ thể cho hoạt động tham vấn học đường chiếm 86,1% [4].

Hoạt động tham vấn diễn ra trong không gian còn khá đơn giản không có quá nhiều trang thiết bị phục vụ cho quá trình tham vấn, phòng tham vấn chủ yếu chỉ có bàn ghế, một số tranh ảnh hoặc băng ron tuyên truyền, điện thoại, máy vi tính kết nối internet. Điều này dẫn đến việc cả người tham vấn và người được tham vấn bị tác động bởi những yếu tố từ môi trường bên ngoài như nhiệt độ hay tiếng ồn.

Qua kết quả khảo sát trong nghiên cứu của tác giả Phan Thị Tuyết Hương về “Thực trạng hoạt động tham vấn học đường trường trung học tại thành phố Hồ Chí Minh” cho thấy chỉ có 30,9% giáo viên xác nhận trường có bố trí phòng tham vấn chuyên biệt. Về mặt trang thiết bị như điện thoại máy vi tính chỉ có 40,8% giáo viên và 42,3% cán bộ quản lý xác nhận là có; tranh ảnh và tài liệu tuyên truyền (giáo viên: 33,0%; cán bộ quản lý: 34,6%)

Căn cứ số liệu có thể thấy với môi trường học tập và được đầu tư như ở TP Hồ Chí Minh – Nơi có chất lượng cơ sở vật chất dạy và học gần như tốp đầu của nước nhưng xét về công tác tổ chức đầu tư cho hoạt động tham vấn học đường vẫn còn nhiều hạn chế có thể thấy tỉ lệ phần trăm được khảo sát đều dưới 50% vậy là hơn một nửa nhiều trường vẫn chưa có sự quan tâm đặc biệt cho công tác xây dựng phòng tham vấn học đường cũng như chuẩn bị những trang thiết bị phục vụ cho công tác tham vấn, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe tâm thần giúp các bạn học sinh phát triển toàn diện. Ta thấy đã có những nhận thức cơ bản song cơ sở vật chất của hoạt động tham vấn trong nhà trường vẫn chưa được đầu tư đúng mức. Thiết nghĩ với thực trạng này nếu không sớm phát huy tối đa vai trò của sự chuyên biệt một phòng tham vấn học đường thì hoạt động chỉ dừng ở mức rời rạc đạt hiệu quả không cao và chỉ làm theo quy định.

2.3.2. Về đội ngũ tham vấn viên trường học

Bên cạnh việc thiếu thốn về điều kiện vật chất trang thiết bị, phòng chuyên biệt thì số lượng tham vấn viên trong học đường tính đến thời điểm hiện tại là khá hiếm hoi. Việc thành lập tổ tham vấn học đường còn chưa được quan tâm cũng như phân công cán bộ đảm trách nhiệm vụ này ở nhiều trường vẫn chưa được triển khai.

Mặt khác, nhiều trường có thực hiện công tác tham vấn học đường thì đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, quản sinh, giáo viên bộ môn sẽ kiêm nhiệm cho công việc này. Với suy nghĩ chủ quan mỗi thầy cô giáo đều đã được đào tạo và cung cấp kiến thức về tâm sinh lý ở các lứa tuổi khi học chuyên ngành sư phạm cùng đó với tính chất công việc những thầy cô đảm nhận vai trò này luôn gần gũi với học sinh, với những trải nghiệm trong cuộc sống họ sẽ đủ khả năng để giải quyết vấn đề. Nhưng về mặt khách quan để làm được công tác tham vấn bắt buộc mỗi người phải có những kỹ năng kiến thức được đào tạo một cách bài bản từ đó mới có thể lập kế hoạch cụ thể cho hoạt động mình cần thực hiện, đảm bảo vấn đề thân chủ phải được giải quyết một cách hiệu quả.

Về trình độ chuyên môn phần lớn tham vấn viên là những người có bằng cấp chuyên ngành khác, chưa được đào tạo một cách sâu rộng làm việc theo cảm tính và những tích lũy kinh nghiệm của bản thân. Theo một nghiên cứu tỷ lệ phần trăm giáo viên thiếu kiến thức và kỹ năng tham vấn học đường là 84,1% [4].

Tuy nhiên, bên cạnh nhiều trường chưa có tham vấn viên hoặc đội ngũ tham vấn viên chưa chuyên nghiệp thì một số trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã quan tâm đến sự cần thiết của tham vấn tâm lý học đường, vì vậy đã tổ chức thực hiện phòng tham vấn cũng như tham vấn viên chuyên trách bên cạnh những cán bộ kiêm nhiệm để đảm bảo thời gian làm việc cũng như hiệu quả công việc trong quá trình giải quyết vấn đề. Những trường có một tham vấn viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo ý kiến của giáo viên đạt :23,6%, ý kiến của cán

bộ quản lý đạt 30,8%; trường có hai tham vấn viên trên địa bàn ý kiến của giáo viên 23,0% của cán bộ quản lý: 23,1% điển hình như trường THPT Mạc Đĩnh Chi – Q3, THCS Khánh Hội A – Q4,... [1, tr48]

Mặt khác xét trên khía cạnh khách quan thì bởi lý do Việt Nam chúng ta hiện nay hầu như chưa có trường đại học hay cơ sở nào đào tạo chính quy cho bằng cử nhân hay những trình độ cao hơn cho công việc tham vấn học đường, chủ yếu chỉ dừng lại ở việc đào tạo ngắn hạn và cấp chứng chỉ. Trong khi để trở thành một nhà tham vấn học đường ở nhiều nước trên thế giới chương trình học khá nặng và khắc khe như học về lịch sử, quy trình tham vấn học đường, làm việc nhóm,... cùng đó các học viên phải có 600 giờ thực tập nội trú dưới sự giám sát của một nhà tham vấn học đường uy tín và để được thực tập nội trú người học phải có bằng thạc sĩ,...

2.3.3. Về các nội dung tham vấn học đường

Tại hội thảo “Đào tạo chuyên gia tham vấn học đường trong bối cảnh cách mạng 4.0” do đại học giáo dục, đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức ngày (23/4/2018) đại diện Bộ giáo dục và đào tạo hứa hẹn sẽ có những cán bộ tư vấn tâm lý theo hướng “bình cũ rượu mới”.

Tham vấn học đường vốn là chuyện mới mà cũ, thế nhưng trước đây, việc áp dụng triệt để vai trò của tham vấn trong học đường lại chưa được xem trọng đúng mức. Sau khi xảy ra nhiều sự việc lệch lạc quy chuẩn đạo đức trong nhà trường, Bộ giáo dục và đào tạo đã có những động thái mạnh mẽ hơn. Trong đó có việc đẩy mạnh thực hiện Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn. Theo kết quả cuộc khảo sát mà Bộ GD&ĐT từng công bố sau khi tiến hành ở một số trường phổ thông và đại học tại Hà Nội, Hải Dương, có đến 93,57% HS, sinh viên được hỏi gặp phải những khó khăn, vướng mắc cần phải chia sẻ trong học tập và đời sống hằng ngày. Tỷ lệ này ở bậc phổ thông là 95,33% và đại học là 85,92%. Đặc biệt, ở lứa tuổi học sinh phổ thông, mức độ thường xuyên có những vướng mắc và cần chia sẻ là 80,17%, cao hơn bậc đại học. Tuy nhiên những nội dung tham vấn hiện nay chưa phong phú, chủ yếu tập trung liên quan đến vấn đề học tập hướng nghiệp, những nhu cầu về chăm sóc sức khỏe tinh thần, thể chất chưa được quan tâm nhiều trong công tác tham vấn.

So với các quốc gia phát triển thì chúng ta đang lo lắng nhiều hơn đến việc dạy chữ, dạy tri thức mà chưa để ý nhiều đến sự phát triển sức khỏe tinh thần của học sinh” – TS Trần Thành Nam nhận định. Ở các quốc gia phát triển, công tác tham vấn học đường đã được chú ý từ lâu. Mỗi trường đều có các chuyên gia tâm lý tham vấn học đường được đào tạo bài bản.

Một điều đáng khích lệ tại Việt Nam, những năm gần đây, vấn đề tham vấn học đường đã bắt đầu được chú trọng, một số mô hình tư vấn học đường được triển khai thử nghiệm. Tại Hà Nội, có “Trung tâm tư vấn tâm lý” tại trường THPT Đinh Tiên Hoàng; “Trung tâm tham vấn học đường” tại trường THPT Trần Hưng Đạo, trường THPT Nguyễn Tất Thành; “Phòng tâm lý học đường” tại trường THPT Nguyễn Bình Khiêm,... Tại TP Hồ Chí Minh, mô hình “Tư vấn tâm lý trường học” theo đề án của Sở GD và ĐT được thí điểm triển khai từ năm học 2009-2010.

Tuy có những bước tiến mới trong công tác tổ chức hoạt động tham vấn tư vấn học đường, nhưng vẫn còn nhiều thiếu sót và hạn chế. Vì vậy việc hiểu rõ những nguyên nhân sâu xa để từ đó cải thiện thúc đẩy hoạt động này ngày càng phát triển là một nhiệm vụ cần thiết.

2.4. Một số nguyên nhân tồn tại

Hoạt động tham vấn học đường chịu sự ảnh hưởng của các cấp quản lý đồng thời cả ý thức trách nhiệm trình độ chuyên môn của mỗi cán bộ trong ngành. Có thể đưa ra một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Qua bài viết “Thực trạng và giải pháp nâng cao công tác tham vấn học đường ở các trường trung học cơ sở trên địa bàn thị xã Phúc Yên” (2016) ta có được kết quả rằng 90% giáo viên cho rằng giáo viên và học sinh không có thời gian dành cho hoạt động tham vấn; chưa có sự phối hợp của các lực lượng giáo dục (chiếm 75,2%); 33,6% giáo viên cho rằng cán bộ quản lý thiếu quan tâm đến hoạt động tham vấn.

- Cách nhìn nhận của các cấp quản lý về hoạt động tham vấn học đường chưa đồng bộ, chưa thống nhất. Điều này dẫn đến tình trạng mỗi cấp quản lý có những quy định khác nhau,

thậm chí trái ngược nhau. Hoặc mỗi ban ngành có cách nhìn nhận về vai trò của tham vấn học đường khác nhau nên trong cách quản lý và điều phối cũng khác nhau.

- Chưa xây dựng chuẩn đánh giá chung về hoạt động tham vấn học đường. Từ đó dẫn đến nhiều trường tự đặt ra quy chế rồi thực hiện theo đó để quy ra đã đạt chuẩn hay chưa của một tham vấn viên hay hoạt động tham vấn của trường, điều này khiến cho sự đánh giá không khách quan về lâu dần trở thành thói quen và không theo một quy định chính thức nào. Từ đó hiệu quả của hoạt động không cao.

- Ở Việt Nam do chưa có những cán bộ chuyên đầu ngành cho công tác tham vấn học đường, nên những người làm công tác này còn bỡ ngỡ và loay hoay cho việc xây dựng nội dung hay phương pháp cách thức giải quyết một vấn đề trong học đường. Tự đưa ra cách thức của mình và thực hiện áp dụng vào thực tế kết quả đạt được có hiệu quả hay không cũng được quyết định bởi cách nhìn chủ quan của người thực hiện.

- Nhận thức về vai trò của nhà tham vấn trong trường học chưa cao. Chưa nhận thấy được sự cần thiết và cấp thiết của hoạt động tham vấn nên việc tổ chức, tuyển dụng hay bồi dưỡng cán bộ bộ phận này còn chưa được đầu tư xác đáng.

- Các quy định từ Sở ban ngành chưa chi tiết còn khá chung chung gây ra sự lúng túng trong việc triển khai từ các cấp.

- Chưa có những văn bản cụ thể quy định về quyền hạn hay trách nhiệm, kiến thức kỹ năng chuyên môn cho người làm công tác tham vấn học đường. Cùng đó chưa có những chế tài rõ ràng và nghiêm khắc cho việc thực hiện tổ chức phòng tham vấn tư vấn học đường cũng như trình độ chuyên môn của những tham vấn viên.

- Những nguyên nhân khách quan khác như: Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động tham vấn chưa đầy đủ, khối lượng công việc quá lớn, quỹ thời gian dành cho công tác tham vấn chưa phù hợp, sự phối hợp của các đồng nghiệp trong nhà trường chưa tốt và đối tượng tham vấn chưa thấy được tầm quan trọng của công việc tham vấn học đường, chưa có sự đầu tư về người và cơ sở vật chất, hệ thống hỗ trợ hoạt động tham vấn trường học chưa được chú trọng, chưa có một khoản phí hỗ trợ nào cho việc duy trì hoạt động này,...

2.5. Định hướng để phát triển hoạt động tham vấn học đường tại Việt Nam

- Cần có sự thay đổi và bổ sung trong các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về việc tổ chức và thực hiện hoạt động tham vấn học đường để chính thức hóa đội ngũ các nhà tâm lý học đường cả về quy mô và chất lượng hoạt động.

- Cần nâng cao nhận thức về hoạt động tham vấn học đường cho tất cả các bộ phận từ ban lãnh đạo nhà trường, đội ngũ giáo viên, tham vấn viên, phụ huynh, học sinh. Trong đó Hiệu trưởng nhà trường là đầu tàu trong hoạt động cần phải nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí của hoạt động tham vấn tư vấn đối với việc giáo dục toàn diện cho học sinh. Để từ đó có những biện pháp động viên khích lệ sự tích cực thực hiện hoạt động từ mọi thành viên trong nhà trường cũng như những bộ phận có liên quan ngoài trường, và liên kết tạo sự đồng tình tham gia từ phía các bậc phụ huynh và các em học sinh.

- Dựa trên những hướng dẫn từ Bộ Giáo dục và đào tạo, Sở giáo dục và đào tạo, Ban lãnh đạo trường cần xây dựng một chương trình hoạt động cụ thể, giúp cho người quản lý cũng như người thực hiện có cái nhìn bao quát nhất, việc có một hướng đi rõ ràng cụ thể là điều kiện tốt để hoạt động diễn ra một cách hiệu quả. Mô hình tham vấn tư vấn cần được tổ chức và điều chỉnh một cách phù hợp theo hướng chuyên nghiệp kết hợp nhiều mô hình như tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm,...

- Nguồn nhân lực cho các tổ chức này cần được đào tạo bồi dưỡng, để tạo niềm tin cho người được phục vụ cũng như mỗi cá nhân cần tự ý thức để phát triển chính mình. Đây là điều kiện cho sự hoàn thiện bộ máy nhân sự làm công tác tư vấn tham vấn học đường.

- Hỗ trợ điều kiện cơ sở vật chất từ trung ương đến địa phương, việc hỗ trợ nguồn lực về tài chính là một yếu tố góp phần đẩy tiến độ đi nhanh và phát triển bền vững. Sự hỗ trợ từ phía nhà nước để xây dựng những phòng, tổ tham vấn trong trường học, sự kết nối giữa nhà trường với các mạnh thường quân hoặc các tổ chức có liên quan linh hoạt trong việc xây dựng và tổ chức hoạt động cũng như tạo nguồn thu cho hoạt động được duy trì.

- Tăng cường rèn luyện kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh Ban lãnh đạo nhà trường cũng như các cấp lãnh đạo tại địa phương cần ý thức để thực hiện việc tuyên truyền và kết hợp thực hiện những hoạt động ngoại khóa, những buổi giao lưu chia sẻ về các vấn đề kỹ năng sống và giáo dục giá trị sống. Chủ động phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội, tạo nên một quy trình khép kín thúc đẩy sự hiệu quả toàn diện của hoạt động.

- Tăng cường quản lý kiểm tra đánh giá hoạt động tham vấn học đường để điều chỉnh kế hoạch phương thức hoạt động ngày càng phù hợp và tiên bộ. Trao đi niềm tin để nhận lại được sự vững bền cho một tổ chức.

3. Kết luận

Xã hội ngày càng gia tăng những vấn đề trong học đường, nhưng trên thực tế việc triển khai hoạt động tâm lý học đường ở các trường hiện nay còn chưa đáp ứng được nhu cầu trợ giúp và sự kỳ vọng của xã hội. Có nhiều nguyên nhân chủ quan khách quan cho tình trạng này. Song để khắc phục nó chúng ta cần sự chung tay của tất cả không chỉ riêng nhà trường, cộng đồng và gia đình cũng là yếu tố quan trọng. Những thách thức của hiện tại sẽ là cơ hội cho sự phát triển hoạt động này ở tương lai. Tỷ phú Warren Buffet từng chia sẻ rằng: “IQ là một yếu tố cần nhưng chưa đủ. Quan trọng hơn, đó là lý trí và sự ổn định trong cảm xúc: EQ”. Điều này góp phần chứng minh sự quan trọng của việc thành lập phòng tư vấn tham vấn trong học đường để đảm bảo sự song hành giữa cung cấp kiến thức và điều tiết cảm xúc giúp các bạn học sinh có một môi trường tốt nhất cho việc học và rèn luyện bản thân tiến đến sự thành công nhất định trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thị Tuyết Hương (2014), *Thực trạng quản lý hoạt động tham vấn học đường trường trung học tại thành phố Hồ Chí Minh*, số 60 14 01 14, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
2. Lê Thục Anh (2017), *Tâm lý học đường và sự cần thiết trợ giúp tâm lý trong nhà trường phổ thông hiện nay*, Tạp chí khoa học, Tập 46, Số 3B (07/12/2017), Trường Đại học Vinh.
3. ThS. Nguyễn Thị Minh Huệ, *Tư vấn tâm lý học đường tại các trường THPT thành phố Đà Nẵng: Thực trạng và giải pháp*.
4. Nhóm nghiên cứu (2016), *Thực trạng và giải pháp nâng cao công tác tham vấn học đường ở các trường trung học cơ sở trên địa bàn thị xã Phúc Yên*, công thông tin điện tử sở khoa học và công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc, 04/04/2017.
5. Trương Thanh Chí, *Khó khăn tâm lý trong công tác tham vấn học đường tại thành phố Hồ Chí Minh*, Mã số 60 31 80, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
6. Huỳnh Mai Trang (2007), *Thực trạng hoạt động tham vấn học đường tại các trường trung học ở nội thành Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
7. Hoàng Anh Phước (2012), *Kỹ năng tham vấn của cán bộ tham vấn học đường*, mã số 62.31.80.05, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm Hà Nội.
8. Quỹ Tài năng trẻ - Tâm lý học – Giáo dục học Việt Nam, *Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc “Sức khỏe tâm thần trong trường học”*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2014.

GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA TRẺ VI THÀNH NIÊN VI PHẠM PHÁP LUẬT Ở THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

SV: Huỳnh Thanh Dũng, Lớp: ĐHCTXH15

GVHD: ThS Kiều Văn Tu

Tóm tắt

Bài viết trình bày khái quát thực trạng vấn đề trẻ vi thành niên vi phạm pháp luật ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Đây là vấn đề gây nhiều lo lắng và bức xúc cho gia đình, nhà trường, xã hội, làm xói mòn các giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống, ... có khả năng xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, tác động tiêu cực đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh và thành phố. Qua đó, tác giả đưa ra những khuyến nghị, giải pháp để góp phần kiểm chế được sự gia tăng tội phạm trong lứa tuổi này, làm giảm các hành vi vi phạm pháp luật và góp phần phát triển kinh tế, xã hội của thành phố Cao Lãnh trong thời gian đến.

Từ khóa: Vi phạm pháp luật, trẻ vi thành niên, phòng ngừa

1. Mở đầu

Mỗi xã hội luôn tồn tại những vấn đề bức xúc đòi hỏi sự quan tâm, đóng góp của toàn thể cộng đồng để giải quyết vấn đề đó. Bước sang thế kỷ XXI, Việt Nam không chỉ phải đối đầu với những khó khăn về kinh tế, chính trị mà còn cả về văn hóa, xã hội. Bên cạnh các vấn nạn như đói nghèo, thất nghiệp, tham nhũng, bất bình đẳng, ... công tác phòng chống tội phạm hình sự đã được Đảng, Nhà nước hết sức quan tâm; song do nhiều nguyên nhân, tình hình hoạt động của tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội ở nước ta vẫn diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng, đặc biệt trong thời gian gần đây xuất hiện một số loại vi phạm pháp luật mới. Trong đó đáng báo động là tình trạng đi xuống về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên ngày càng gia tăng, gây ra nhiều vụ án và tệ nạn xã hội rất nghiêm trọng.

Cùng với sự phát triển kinh tế, Thành phố Cao Lãnh cũng xảy ra nhiều vấn đề xã hội đáng lưu ý. Đây là địa bàn được coi là “điểm nóng” có số vụ trẻ vi thành niên vi phạm pháp luật gia tăng nhiều trong những năm gần đây. Các loại tội phạm chủ yếu như: Cướp giật, trộm cắp tài sản, buôn bán, tàng trữ chất ma túy, gây rối trật tự công cộng ... Ngoài ra còn có những loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng như: Giết người, hiếp dâm. Hiện nay, Thành phố Cao Lãnh có 673 số trẻ nguy cơ có hành vi vi phạm pháp luật như: thiết chế gia đình không bền vững, thất học, lao động sớm, thời gian rỗi nhiều, lui tới đến các khu được cảnh báo, nhiều nhóm đối tượng đã có những hành vi phạm pháp.

Với nguyên lý: “phòng bệnh hơn chữa bệnh” và nhận thấy công tác xã hội có thể ứng dụng những phương pháp để hỗ trợ các hoạt động tại địa phương để phòng ngừa trẻ vi thành niên vi phạm pháp luật. Cùng với việc sử dụng phương pháp trong công tác xã hội, Tác giả lựa chọn: “Giải pháp phòng ngừa hành vi vi phạm pháp của trẻ vi thành niên ở địa bàn Thành phố Cao Lãnh”.

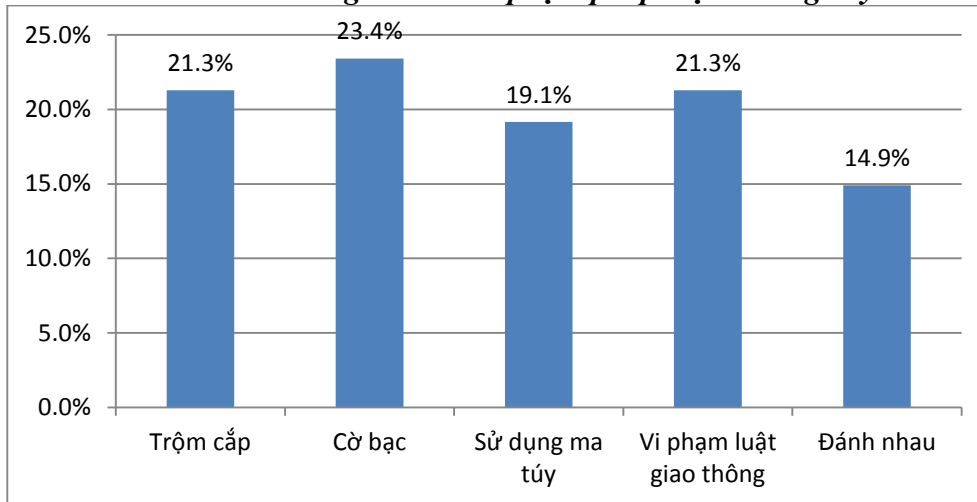
2. Nội dung chính

2.1. Thực trạng tình hình trẻ vi thành niên vi phạm pháp luật ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Những năm gần đây, tình hình vi thành niên vi phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp diễn biến phức tạp, tăng cả về số vụ, tính chất, mức độ nghiêm trọng và số đối tượng phạm tội bị khởi tố, truy tố trước pháp luật. Trẻ vi thành niên vi phạm pháp luật đa số là nam giới. Trong cả nước, theo phân tích trong tổng số 9.679 đối tượng vi phạm pháp luật trong 5 năm qua, thì nam có 9.096 đối tượng, chiếm 93,98%; nữ có 584 đối tượng, chiếm 6,03%. Về độ tuổi, theo thống kê trong 5 năm qua, tổng số 9.679 đối tượng trẻ vi thành niên vi phạm pháp luật bị xử lý, đa số trẻ vi thành niên có trình độ học vấn thấp, không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định, phần lớn có nhiều thói quen không tốt:

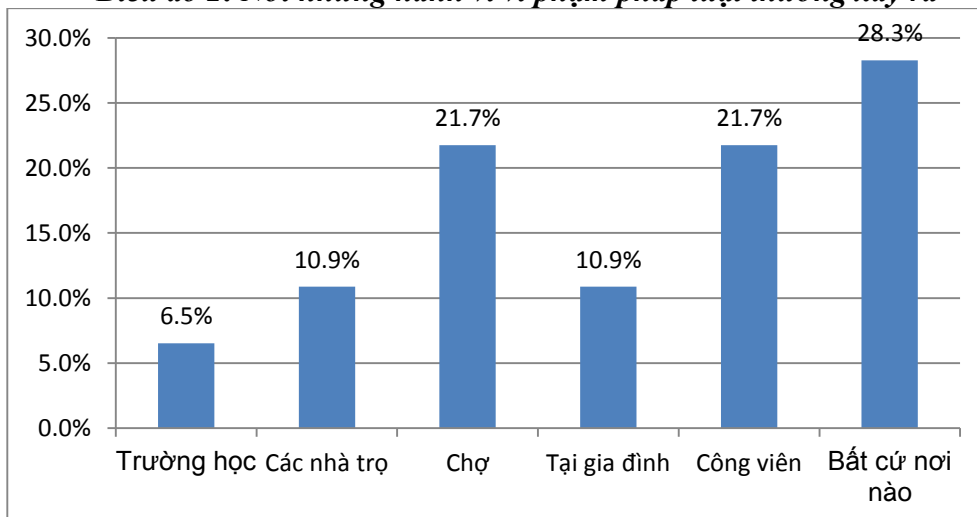
Về cơ cấu vi phạm pháp luật do thanh thiếu niên thực hiện: vi phạm pháp luật do trẻ vi thành niên thực hiện xảy ra ở hầu hết các lĩnh vực. Tuy nhiên, chủ yếu là vi phạm trên lĩnh vực trật tự an toàn xã hội, ít phạm trên lĩnh vực kinh tế.

Biểu đồ 1: Những hành vi vi phạm pháp luật thường xảy ra



Trong từng lĩnh vực cụ thể thì cơ cấu hành vi vi phạm của thanh thiếu niên thể hiện khá đa dạng. Kết quả khảo sát 20 cán bộ làm trong lĩnh vực công tác xã hội (bao gồm: Công tác viên CTXH, công chức văn hóa, công chức Phòng LĐ-TBXH) và 20 trẻ vị thành niên có nguy cơ có hành vi vi phạm pháp luật cho thấy rằng: Đối với hành vi vi phạm pháp luật trên lĩnh vực trật tự an toàn xã hội do đối tượng trong độ tuổi chưa thành niên (từ 14 đến dưới 18 tuổi) thực hiện thì hành vi vi phạm theo số liệu chúng tôi thu thập được thì có 23,4% hành vi vi phạm pháp luật thường xảy ra là cờ bạc, tiếp theo đó là hành vi trộm cắp và vi phạm luật giao thông chiếm tỷ lệ bằng nhau là 21,3%. Điều đáng ngạc nhiên hơn là có tới 19,1% là hành vi sử dụng ma túy. Cuối cùng là hành vi có tỷ lệ thấp nhất đó là đánh nhau chiếm 14,9%. Từ kết quả trên cho thấy rằng thực trạng trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật ở địa bàn thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp hiện nay tương đối phức tạp với rất nhiều hành vi phạm tội đa dạng. Đây là một thực trạng báo động mà chúng ta phải cần nhìn nhận lại.

Biểu đồ 2: Nơi những hành vi vi phạm pháp luật thường xảy ra



Kết quả khảo sát được thì có 28,3% người được hỏi cho rằng nơi những hành vi vi phạm pháp luật thường xảy ra ở bất cứ nơi nào, có 21,7% thường xảy ra ở chợ và công viên, còn lại 10,9% cho rằng hành vi vi phạm pháp luật xảy ra ở các nhà trọ và tại gia đình, thậm chí có tới 6,5% cho rằng xảy ra ở trường học. Đây là con số đáng buồn về những nơi xảy ra hành vi vi phạm pháp của trẻ vị thành niên ở thành phố Cao Lãnh.

Tính chất hành vi vi phạm pháp luật của trẻ vị thành niên trong những năm gần đây là sử dụng bạo lực để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật ngày càng tăng cả về tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả thiệt hại. Động cơ, mục đích thực hiện hành vi vi phạm pháp luật của trẻ vị thành niên cũng khá đa dạng, chủ yếu là do thiếu hiểu biết, bị rủ rê, lôi kéo, xúi giục, do

muốn có tiền tiêu xài cá nhân. Trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật xảy ra ở hầu hết các địa bàn xã, phường trên toàn địa bàn thành phố Cao Lãnh.

Những thiệt hại do các hành vi vi phạm của trẻ vị thành niên gây ra là rất nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến tình hình an ninh trật tự thể hiện sự thoái hóa về mặt đạo đức, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho các bậc cha mẹ và xã hội. Do đó, nghiên cứu hệ thống đặc điểm trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật giúp chúng ta rút ra được những qui luật, đặc điểm về tâm sinh lý, những nguyên nhân và điều kiện dẫn đến vi phạm pháp luật của họ, để từ đó có giải pháp hiệu quả, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng công tác phòng ngừa tình trạng này trong thời gian tới.

2.2. Các giải pháp

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình hình và công tác phòng ngừa vị thành niên vi phạm pháp luật trong thời gian qua, cũng như làm rõ nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm pháp luật trong lứa tuổi vị thành niên, bài viết đã đưa ra diễn biến, tính chất hành vi vi phạm pháp luật của vị thành niên. Từ đó, đề ra những giải pháp đồng bộ, phù hợp, khả thi nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa vị thành niên vi phạm pháp luật trong thời gian đến. Cụ thể:

2.2.1. Nhóm giải pháp phòng ngừa xã hội

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với từng đối tượng cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa vị thành niên vi phạm pháp luật: Đề công tác phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật nói chung, tội phạm và vi phạm pháp luật trong lứa tuổi vị thành niên nói riêng có hiệu quả thì công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là rất cần thiết nhằm nâng cao trình độ hiểu biết, ý thức tự giác chấp hành pháp luật trong nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú với nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng. Cụ thể:

Đối với quần chúng nhân dân là người tốt, lương thiện: tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật trong quần chúng nhân dân, phổ biến về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và các quy định pháp luật, tuyên truyền phát huy giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của nhân dân...;

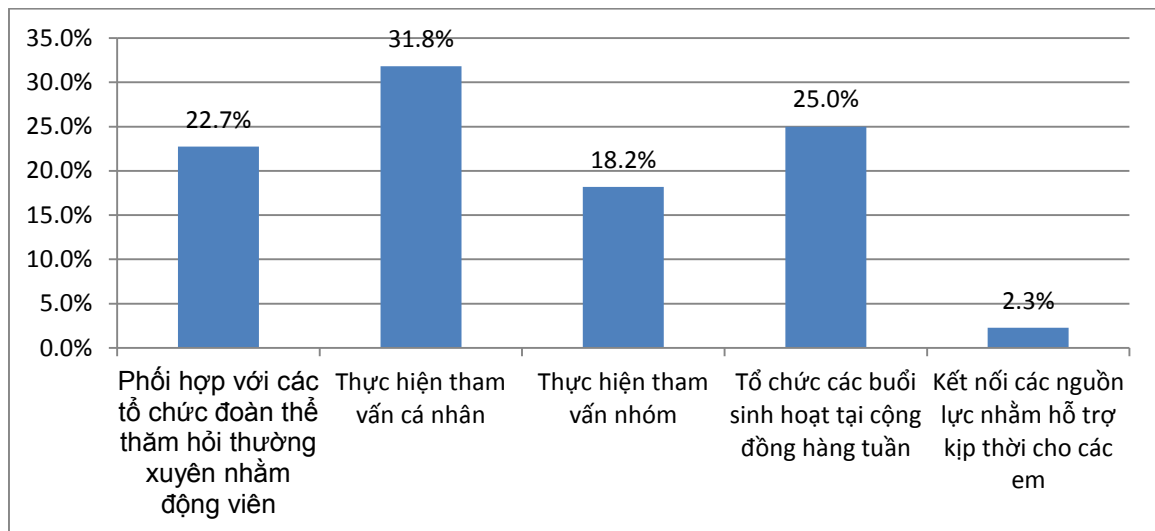
Đối với học sinh, sinh viên trong các trường học: Sở Giáo dục - Đào tạo, các trường trung học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp phải nghiên cứu, nâng cao chất lượng dạy, học; chú trọng giáo dục lối sống, đạo đức, văn hóa ứng xử, tăng cường phổ biến, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho trẻ, học sinh, sinh viên ở từng độ tuổi khác nhau;

Đối với các nhóm đối tượng có nguy cơ vi phạm pháp luật: Lực lượng Công an, nhất là cấp cơ sở phải chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Đoàn thanh niên, Mặt trận, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, thông qua công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, quản lý đối tượng thường xuyên rà soát, theo dõi, quản lý để có biện pháp giáo dục phù hợp và hiệu quả. Ngoài ra, lực lượng Công an phải trực tiếp triệu tập, mở các lớp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với nhóm thanh thiếu niên hư, vi phạm pháp luật ở địa bàn;

Đối với đối tượng đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người bị phạt tù được hưởng án treo: Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan, cộng đồng dân cư và gia đình người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người bị phạt tù được hưởng án treo tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng này. Tập trung phổ biến các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân, pháp luật về hình sự, thi hành án hình sự, xử lý vi phạm hành chính;

Đối với người đang chấp hành án phạt tù, người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc: Giám thị trại giam, trại tạm giam, hiệu trưởng trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, giám đốc cơ sở giáo dục cai nghiện bắt buộc, cán bộ công nhân viên phải thường xuyên rà soát, phân loại đối tượng theo từng nhóm (vi phạm nhiều lần hay lần đầu, tính chất hành vi vi phạm, thái độ sau khi vi phạm, động cơ, mục đích vi phạm...). Từ đó, có biện pháp quản lý, tuyên truyền, giáo dục phù hợp.

Biểu đồ 3: Biện pháp nhằm hạn chế hành vi vi phạm pháp luật của trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật



Kết quả khảo sát như sau: có 31,8% cho rằng thực hiện tham vấn cá nhân chiếm tỷ lệ cao nhất, có 25% cho rằng nên tổ chức các buổi sinh hoạt tại cộng đồng hàng tuần, kế đến có 22,7% nên phối hợp với các tổ chức đoàn thể thăm hỏi thường xuyên nhằm động viên, có 18,2% thực hiện tham vấn nhóm, cuối cùng là kết nối các nguồn lực nhằm hỗ trợ kịp thời cho các em chiếm 2,3%.

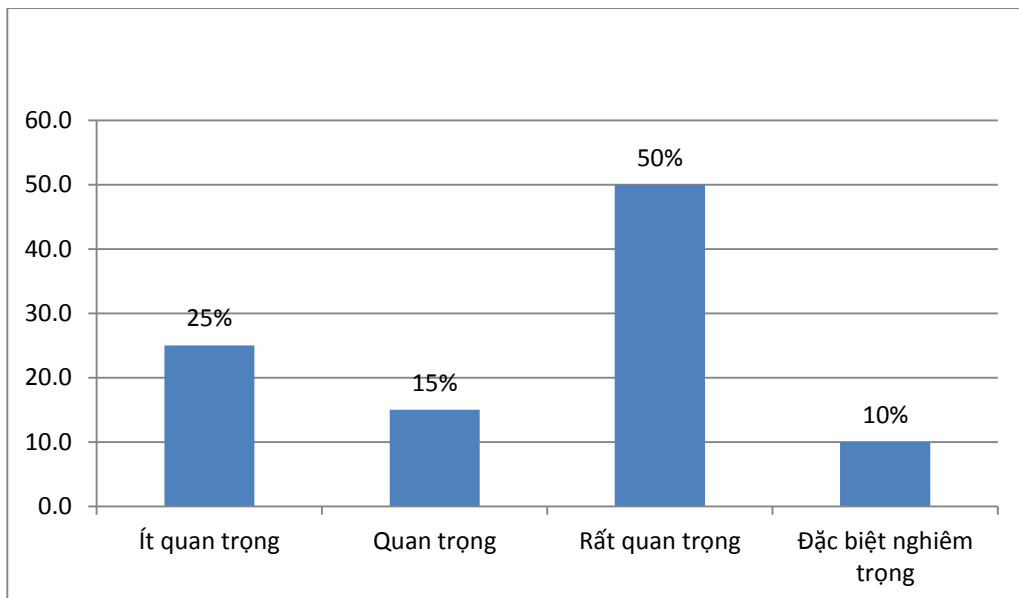
Những giải pháp phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề về an sinh xã hội, tạo việc làm đảm bảo thu nhập cho đời sống người lao động, xây dựng môi trường sống lành mạnh tại các địa bàn dân cư:

Các giải pháp phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề về an sinh xã hội, tạo công ăn, việc làm đảm bảo thu nhập cho đời sống người lao động: Các cấp chính quyền, các sở, ban, ngành cần phải làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp tăng cường kiểm tra, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách đảm bảo an ninh trật tự; Nghiên cứu thực hiện hệ thống các biện pháp phát triển kinh tế xã hội phù hợp với đặc điểm tình hình tại địa phương; Công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật, quản lý giáo dục đối tượng phải gắn với thực hiện chính sách phát triển kinh tế, văn hóa xã hội. Cần quan tâm đặc biệt tới việc quản lý lao động, phát triển mở rộng ngành nghề; Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, tạo chuyển biến trong phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường sống..., góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh;

Xây dựng môi trường sống lành mạnh tại các địa bàn dân cư: Cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và các chương trình phòng chống tội phạm; Vận động cùng cố, xây dựng gia đình lành mạnh, hoàn thiện. Kết hợp giáo dục ý thức pháp luật với giáo dục đạo đức, quyền lợi, nghĩa vụ công dân, tạo nên thói quen và hành động tuân thủ pháp luật ở con cái.

Giải pháp về phòng ngừa cá biệt đối với nhóm đối tượng có nguy cơ cao vi phạm pháp luật: Các lực lượng chức năng cần thu thập tất cả những thông tin về tình hình vi phạm pháp luật, các vụ việc có liên quan; Thường xuyên gặp gỡ, tiếp xúc với đối tượng vi phạm pháp luật và gia đình, giúp đối tượng giải quyết những mâu thuẫn, tiếp thu sự giáo dục của cộng đồng, từ bỏ ý định thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; Vận động quần chúng, lựa chọn, phân công những người có uy tín, có điều kiện, khả năng có thể trực tiếp giám sát, giáo dục, cảm hóa phù hợp với từng đối tượng; Tổ chức cho đối tượng kiểm điểm trước cộng đồng dân cư nhằm giáo dục, răn đe đối tượng; sử dụng những người có uy tín, người thân, gia đình, bạn bè... tác động để đối tượng từ bỏ ý định phạm tội, vi phạm pháp luật...

Biểu đồ 4: Tầm quan trọng của việc áp dụng phương pháp công tác xã hội trong trường học nhằm giảm thiểu tình trạng trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật hiện nay



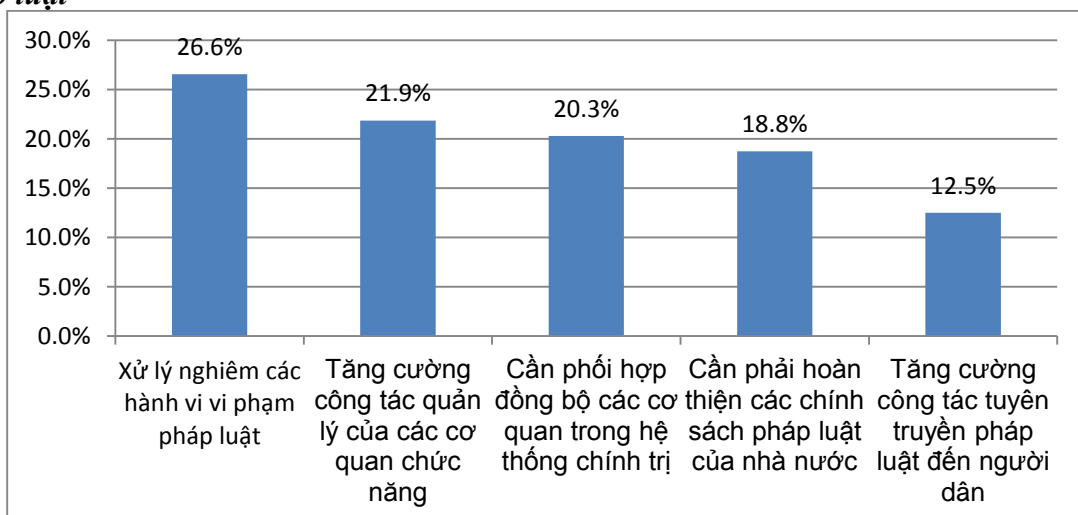
Kết quả khảo sát như sau: có 50% người được hỏi cho rằng việc áp dụng phương pháp công tác xã hội trong trường học nhằm giảm thiểu tình trạng trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật hiện nay rất quan trọng chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp đến có 25% cho rằng việc áp dụng phương pháp trên ít quan trọng chiếm tỷ lệ thứ 2, có 15% người được hỏi cho rằng quan trọng, cuối cùng có 10% người được hỏi cho rằng việc áp dụng phương pháp trên đặc biệt nghiêm trọng. Qua đó cho ta thấy được việc áp dụng phương pháp công tác xã hội trong trường học có vai trò rất quan trọng trong việc phòng ngừa trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật

2.2.2 Các giải pháp nhằm xây dựng, hoàn thiện pháp luật, các chế độ, chính sách đảm bảo điều kiện hoạt động có hiệu quả của các cơ quan bảo vệ pháp luật

Để công tác phòng ngừa vi phạm pháp luật nói chung, vi phạm pháp luật do thanh thiếu niên gây ra nói riêng đạt hiệu quả thì đòi hỏi phải có một hệ thống pháp luật hoàn thiện, qui định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, chế tài xử lý... từng hành vi vi phạm pháp luật; đồng thời, qui định rõ các biện pháp tổ chức phòng ngừa, cơ chế thực hiện và trách nhiệm cá nhân, tổ chức, làm cơ sở pháp lý để cơ quan chức năng, các chủ thể thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng của mình.

Bên cạnh hệ thống pháp luật hiện có, trong thời gian đến, cần phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các qui định của pháp luật có liên quan cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Biểu đồ 5: Giải pháp từ phía nhà nước trong việc phòng ngừa trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật



Qua biểu đồ trên chúng ta có thể nhìn thấy rõ có sự khác biệt về từng giải pháp từ phía nhà nước. Theo số liệu chúng tôi thu thập được, việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp

lượt thi có tỉ lệ đạt hiệu quả cao là 26,6%, tiếp theo là tăng cường công tác quản lý của các cơ quan chức năng chiếm 21,9%, có 20,3% cho rằng cần phải phối hợp đồng bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị, tuy nhiên có 18,8% người được hỏi cho rằng cần phải hoàn thiện các chính sách pháp luật của nhà nước, cuối cùng là tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đến người dân chiếm 12,5%. Điều này cho thấy rằng, việc áp dụng đồng bộ các giải pháp từ phía nhà nước là một yếu tố không kém phần quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc nhóm. Khi có sự phối hợp của các giải pháp trên thì việc phòng ngừa trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật ngày càng được hiệu quả, góp phần giảm thiểu tình trạng đang được xã hội quan tâm.

2.2.3 Tăng cường ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào phòng ngừa trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật

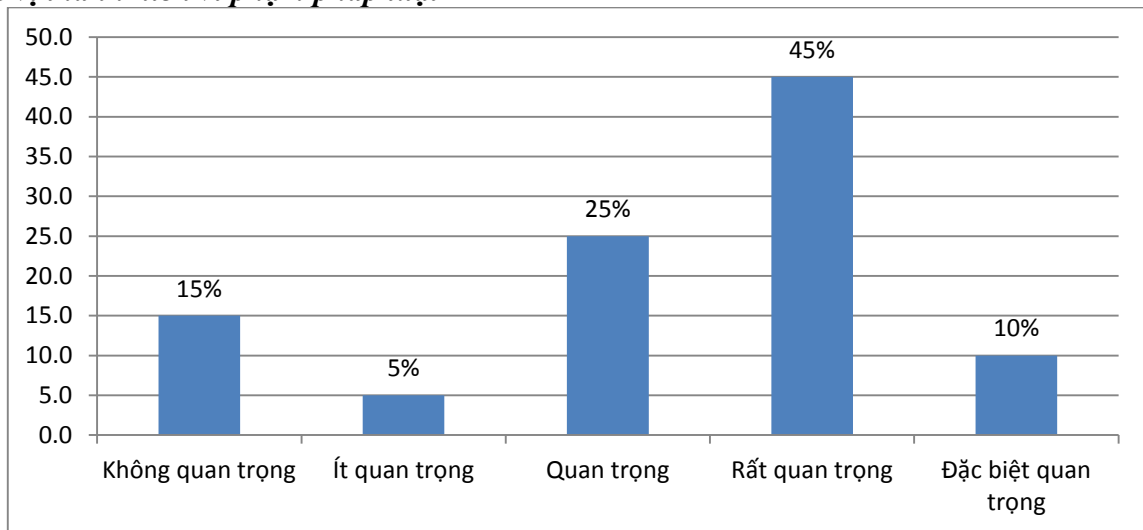
Những năm gần đây, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ mạng và máy tính đã mang lại nhiều lợi ích cho xã hội, nhưng đồng thời, đây cũng là điều kiện thuận lợi mà nhiều đối tượng lợi dụng mở rộng khả năng hoạt động, thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, nhất là trong lứa tuổi thanh thiếu niên, gây hậu quả hết sức nghiêm trọng, gây không ít khó khăn cho công tác phòng ngừa, điều tra, xử lý của cơ quan chức năng.

Thời gian qua lực lượng công an thành phố Cao Lãnh đã triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiều biện pháp công tác của ngành, trong đó có biện pháp khoa học kỹ thuật, đảm bảo giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn tạo môi trường thuận lợi phục vụ thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, nâng cao hiệu quả việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong thời gian tới cần phải chú trọng việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật trong phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật, từng bước trang bị hiện đại; mở rộng hợp tác tranh thủ kinh nghiệm và sự giúp đỡ về kỹ thuật của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên môn để cung cấp dịch vụ hỗ trợ và cảnh báo an ninh cho đơn vị, tổ chức và cá nhân trên địa bàn nhằm phục vụ nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự.

Khi ý thức đề cao cảnh giác của người dân được nâng lên kết hợp với việc ứng dụng các thiết bị kỹ thuật vào công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật được quan tâm hơn, thì công tác phòng ngừa tội phạm trong thời gian tới chắc chắn sẽ thu về những kết quả tích cực hơn, để mọi người cùng được sống trong một môi trường an toàn, bình yên.

Biểu đồ 6: Tầm quan trọng của việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào công tác phòng ngừa trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật



Kết quả khảo sát cho thấy: Có đến 45% người được hỏi cho rằng việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào công tác phòng ngừa trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật rất quan trọng chiếm tỷ lệ cao nhất, có 25% ý kiến cho rằng quan trọng, bên cạnh đó vẫn có 15% số người được khảo sát cho rằng không quan trọng, đặc biệt quan trọng chiếm chỉ 10 và cuối cùng là ít quan trọng chiếm 5%.

3. Kết luận

Để phòng ngừa trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật có hiệu quả thì vấn đề đầu tiên cần quan tâm thực hiện là phải quán triệt chủ trương, chính sách, quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác chăm lo, giáo dục cho thế hệ trẻ. Đó là, quan điểm: đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn dân; Đảng và Nhà nước có chính sách tạo điều kiện cho thanh thiếu niên học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng về đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân, ý chí vươn lên phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; Cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân có trách nhiệm góp phần tích cực vào việc chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng và phát huy vai trò của thanh niên.

Bài viết đưa ra nhóm giải pháp phòng ngừa xã hội, huy động, phối hợp các tổ chức Đảng và chính quyền cơ sở, các đoàn thể và tổ chức xã hội, nhà trường, gia đình tham gia phòng ngừa vị thành niên vi phạm pháp luật. Giải pháp xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật; đảm bảo điều kiện phục vụ hoạt động phòng ngừa vị thành niên vi phạm pháp luật. Đây là hệ thống các giải pháp nếu được thực hiện một cách thống nhất, đồng bộ thì công tác phòng ngừa vị thành niên vi phạm pháp luật nói chung và vi phạm pháp luật trong vị thành niên nói riêng tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp sẽ có hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu trong nước

- [1] Nguyễn Tiệp (1999), *Công tác xã hội với trẻ em làm trái pháp luật*, NXB LĐXH, Hà Nội
- [2] Nhiều tác giả: *Tài liệu tham khảo về công tác với trẻ em làm trái pháp luật* (1999), UB bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển (Radda Barnen)
- [3] Nguyễn Xuân Yêm, *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm* (2001), NXB Công an nhân dân, Hà Nội
- [4] Một số văn bản, tài liệu quan trọng về công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em (2008), Sở LĐTBVXH Đồng Tháp; lưu hành nội bộ; Đồng Tháp.
- [5] *Thực trạng và giải pháp phòng ngừa trẻ em và NCTN LTPL tại cộng đồng dân cư theo chức năng của lực lượng CS QLHC về TTXH* (2013), tài liệu hội thảo, Hà Nội.
- [6] UBND thành phố Cao Lãnh, Vai trò của Cấp ủy, chính quyền trong xây dựng mô hình quản lý giáo dục trẻ em và người chưa thành niên làm trái pháp luật tại cộng đồng dân cư và bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo thực hiện mô hình trên địa bàn thành phố Cao Lãnh.
- [7] UBND thành phố Cao Lãnh, Báo cáo về tình hình kết quả hoạt động trong công tác phòng chống tội phạm trên địa bàn thành phố Cao Lãnh năm 2017.

II. Tài liệu trực tuyến:

- [8] Theo cổng thông tin điện tử Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Đồng Tháp
- [10] Theo báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, *Nhức nhối tình trạng vi phạm pháp luật ở trẻ vị thành niên*, http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30091&cn_id=342948, cập nhật ngày 01/06/2009

VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC GIỚI TÍNH VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN CHO TRẺ VỊ THÀNH NIÊN

SV: Thái Hồng Hoài An, Lớp: ĐHCCTXH15A

GVHD: ThS. Trần Kim Ngọc

Tóm tắt

Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho trẻ vị thành niên là một trong những lĩnh vực đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống hiện nay. Đây cũng là một trong những lĩnh vực mà nghề Công tác xã hội hướng đến góp phần cụ thể hóa các vấn đề liên quan đến giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản. Từ đó nhân viên Công tác xã hội đóng nhiều vai trò quan trọng như vai trò giáo dục, vai trò tham vấn, vai trò biện hộ và vai trò vận động nguồn lực hỗ trợ cho trẻ vị thành niên. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập và làm rõ những vai trò của nhân viên Công tác xã hội chuyên nghiệp trong lĩnh vực này.

Từ khóa: Vai trò, nhân viên công tác xã hội, giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản, trẻ vị thành niên.

1. Mở đầu

Vấn đề giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho trẻ vị thành niên không chỉ đơn thuần là vấn đề sức khỏe, vấn đề xã hội mà còn là vấn đề kinh tế, văn hóa, đạo đức, lối sống, là vấn đề liên quan đến nòi giống của đất nước. Vì thế cho nên đây là một vấn đề rất quan trọng, thời gian qua nhà trường, gia đình và toàn xã hội đã rất quan tâm trong việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức về giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, tuy nhiên phải thừa nhận rằng đây là một vấn đề tương đối mới, khó và phức tạp.

“Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ nạo phá thai cao nhất thế giới. Điều đáng nói là trong số đó có hơn 20%” [3] nằm trong độ tuổi vị thành niên, các em không hiểu mình đang có thai do đó số ca tử vong và các tổn thất về tinh thần từ việc nạo phá thai và sinh con ngoài ý muốn là vô cùng to lớn. Thực trạng như trên đã làm cho vấn đề giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên trở nên cấp bách, làm thức tỉnh mỗi quan tâm, ý thức trách nhiệm và hành động của các cấp các ngành, các bậc cha mẹ, nhà trường và xã hội.

“Ngày nay, hầu hết các quốc gia nhất là ở những nước phát triển đã thấy rõ được tầm quan trọng của vấn đề giới tính nên đã đưa vào trong các chương trình học tại các trường tiểu học hay trung học cơ sở. Còn ở Việt Nam thì vấn đề đưa chương trình giáo dục giới tính cho học sinh vào chính khóa đã được nhắc đi nhắc lại hơn 20 năm qua, nhưng ngành giáo dục vẫn chưa có những “động thái” cần thiết để thực hiện yêu cầu trên” [1]. Có thể là do truyền thống Việt Nam còn xem vấn đề giáo dục giới tính là vấn đề tế nhị và không nên nói ra hay giảng dạy nhiều. Tuy nhiên Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra quyết định “Ban hành kế hoạch phát triển nghề Công tác xã hội trong ngành giáo dục giai đoạn 2017 - 2020”, đây chính là tiền đề cho sự phát triển cũng như khẳng định vai trò của Nhân viên Công tác xã hội trong ngành giáo dục và nhất là vai trò giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho trẻ vị thành niên.

2. Nội dung

2.1. Vai trò giáo dục, cung cấp kiến thức và kỹ năng về giới tính, sức khỏe sinh sản cho trẻ vị thành niên

Nhân viên Công tác xã hội đóng vai trò là người giáo dục cung cấp kiến thức về giới tính và sức khỏe sinh sản cho trẻ vị thành niên để trẻ có được kiến thức nhất định về vấn đề này. Tránh những sai lầm dễ mắc phải cũng như biết cách chăm sóc cho chính bản thân mình thì cách tốt nhất là trẻ phải có kiến thức về vấn đề giới tính và sức khỏe sinh sản. Từ đó thấy được vai trò giáo dục của nhân viên Công tác xã hội là rất cần thiết, từ việc nghiên cứu biên soạn các bài giảng phục vụ cho công tác truyền thông, cập nhật những kiến thức mới phù hợp để kịp thời giáo dục cho trẻ. “Một số kiến thức cơ bản mà nhân viên Công tác xã hội chú ý: Vị thành niên là ai? Khái niệm giới tính và sức khỏe sinh sản; Những thay đổi về thể chất, sinh lí và tâm sinh lí ở tuổi vị thành niên; Tình bạn, tình yêu và tình dục ở tuổi vị thành niên; Cơ quan sinh sản và

chức năng; Một số hiện tượng sinh lý bình thường và bất thường ở cơ quan sinh sản; Nhiễm khuẩn và bệnh lây truyền qua đường tình dục; Dinh dưỡng tuổi vị thành niên; Nguy cơ, rủi ro thường gặp ở tuổi vị thành niên; Biện pháp tránh thai và có thai ngoài ý muốn; Kỹ năng sống cần thiết cho trẻ vị thành niên;...” [5].

Bằng nhiều phương pháp khác nhau nhân viên Công tác xã hội linh hoạt để kiến thức có thể tiếp cận với trẻ một cách hiệu quả nhất. Loại bỏ được sự e dè hay ngại ngùng của trẻ khi phải đối mặt với vấn đề này vì đa số các trẻ cho đây là một vấn đề tế nhị, nhạy cảm. Để trẻ chủ động hơn trong quá trình tiếp thu các kiến thức từ nhân viên Công tác xã hội, thúc đẩy tinh thần tham gia của trẻ vào từng hoạt động, trẻ tham gia chia sẻ quan điểm cũng như đặt câu hỏi cho vấn đề này để xem mức độ hiểu biết của trẻ đến đâu từ đó có thể điều chỉnh giúp trẻ hiểu đúng và thực hành đúng.

Đây cũng là công việc chủ yếu của nhân viên Công tác xã hội trong trường học, tuy không trực tiếp đứng lớp giảng dạy nhưng thông qua các hoạt động cụ thể kiến thức về giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản sẽ đến gần hơn với mỗi em học sinh. Đối với các trẻ vị thành niên tại địa phương, các em vì một hoàn cảnh nào đó mà đã không tiếp tục đến trường, thì nhân viên Công tác xã hội tại địa phương có thể phối hợp với các tổ chức khác tập hợp các em lại sinh hoạt với nhau định kì mỗi tuần. Vận dụng phương pháp Công tác xã hội với nhóm, mỗi lần sinh hoạt nhân viên Công tác xã hội sẽ lồng ghép nội dung kiến thức về giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản để các em vẫn được trang bị kiến thức, kỹ năng mặc dù không thể tiếp tục con đường học vấn.

Khi các em không được giáo dục đầy đủ, kém hiểu biết về giới tính và sức khỏe sinh sản, bằng bản năng, dễ đưa các em vào các tệ nạn xã hội, ăn chơi sa đọa, cờ bạc, mại dâm... Từ đó sa vào vòng tội lỗi, trở thành những phần tử phá hoại xã hội.

Sự kém hiểu biết trong quan hệ giới tính cũng như chăm sóc sức khỏe sinh sản dẫn tới những hành vi cử chỉ thiếu văn hóa, vi phạm đạo đức xã hội. Một số em do nhận thức về giao tiếp nam nữ yếu kém hoặc sai lầm, dễ có hành vi cư xử với bạn khác giới một cách thô bạo. Các em thường nói năng thô tục, ăn, mặc lố lăng bất lịch sự nơi công cộng, phá rối trật tự xã hội.

Ngày nay tình trạng các em yêu sớm, yêu đương mù quáng, nếp sống sinh hoạt nam nữ trụy lạc, một số em yêu kiểu tự do, tình yêu không cần hôn nhân, sống thử... Các em bỏ cả học hành, ăn chơi trác táng... hủy hoại đi nhân cách và rơi vào vòng xoáy tội lỗi.

Một số khá đông các em hiện nay theo quan niệm tình dục tự do, tình dục không hôn nhân, yêu đương quá sớm... dẫn tới tình trạng quan hệ lang chạ, có thai ngoài ý muốn, mắc các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, nạo phá thai bị biến chứng. Tình trạng nạo phá thai hiện nay càng tăng trong lớp trẻ và gây nhiều hậu quả tai hại.

Còn nhiều những biểu hiện phức tạp khác trong đời sống gia đình sau này như: cuộc sống vợ chồng thiếu hạnh phúc, tỉ lệ li hôn ngày càng gia tăng, bạo hành trong gia đình... Đó cũng là những vấn đề của đời sống giới tính, nếu các em không được hướng dẫn, tìm hiểu, họ sẽ mắc những sai lầm đáng tiếc, khó có thể cứu vãn trong đời sống hôn nhân.

Những biểu hiện phức tạp trên gây nhiều khó khăn trong cuộc sống của trẻ vị thành niên sau này, làm cho các em khó có cuộc sống hạnh phúc và phát triển toàn diện mà nguyên nhân chủ yếu chính là sự thiếu hiểu biết về giới tính và sức khỏe sinh sản [1].

2.2. Vai trò tham vấn về các vấn đề về giới tính và sức khỏe sinh sản cho trẻ vị thành niên

“Tham vấn là một quá trình trợ giúp tâm lý, trong đó nhà tham vấn sử dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thái độ nghề nghiệp để thiết lập mối quan hệ tương tác tích cực với thân chủ nhằm giúp họ nhận thức được hoàn cảnh vấn đề để thay đổi cảm xúc, suy nghĩ, hành vi và tìm kiếm giải pháp cho vấn đề của mình” [2]. Ở vai trò này nhân viên Công tác xã hội sẽ là nhà tham vấn giúp trẻ vị thành niên tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề về giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản mà các em đang mắc phải. Khi các em chưa được trang bị một cách đầy đủ về kiến thức cũng như kỹ năng về giới tính và sức khỏe sinh sản thì các em sẽ dễ dàng mắc phải những sai lầm, khó khăn trong vấn đề này. Các vấn đề mà các em thường mắc phải là do chưa hiểu về những biểu hiện hay thay đổi về cơ thể, những thay đổi về tâm lý, sinh lý, các vấn đề

xoay quanh tình bạn hay tình yêu tuổi học trò và thậm chí các em đang gặp phải các vấn đề về quan hệ tình dục sớm hay mang thai ngoài ý muốn ở tuổi vị thành niên...

Có một số vấn đề các em sẽ tự giải quyết được thông qua việc chia sẻ với bạn bè, anh chị cũng như cha mẹ từ đó các em nhận được sự đồng cảm, chỉ bảo giúp các em vượt qua một cách dễ dàng. Tuy nhiên cũng có những vấn đề lớn hơn mà các em không biết cách hoặc không dám chia sẻ với người khác thậm chí là chia sẻ với cha mẹ mình, ví dụ như việc các em đã quan hệ tình dục và đang gặp một số vấn đề liên quan gây tổn thương hoặc ảnh hưởng đến tâm lí, quá trình học tập. Hoặc vấn đề mang thai ở tuổi vị thành niên, đây là một vấn đề vô cùng lớn đối với trẻ gây ảnh hưởng nặng nề và là một cú sốc đối với trẻ. Trước những vấn đề mà các em gặp phải ở độ tuổi vị thành niên gây ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình phát triển, nhằm hỗ trợ các em khi các em gặp phải các vấn đề khó chia sẻ thì nhân viên Công tác xã hội phải đóng vai trò là nhà tham vấn giúp các em tìm cách giải quyết vấn đề của mình.

Khi đóng vai trò là nhà tham vấn, nhân viên Công tác xã hội phải tuân thủ những nguyên tắc đạo đức trong tham vấn như: Nguyên tắc tôn trọng, chấp nhận thân chủ; Nguyên tắc dành quyền tự quyết cho thân chủ; Nguyên tắc không lên án, phê phán thân chủ; Nguyên tắc đảm bảo tính bí mật thông tin của thân chủ. Thân chủ của nhân viên Công tác xã hội lúc này chính là trẻ vị thành niên đang gặp các vấn đề về giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản. Mặc dù các em đang ở độ tuổi vị thành niên nhưng nhân viên Công tác xã hội vẫn phải tuân thủ đúng các nguyên tắc nghề nghiệp của mình và trợ giúp các em một cách hiệu quả nhất.

Căn cứ theo nhóm đối tượng can thiệp của tham vấn, nhân viên Công tác xã hội có thể thực hiện tham vấn với cá nhân, tham vấn với gia đình hay là tham vấn với nhóm. Hiệu quả sẽ hỗ trợ trẻ vượt qua các vấn đề về giới tính và sức khỏe sinh sản cũng như giúp các thành viên trong gia đình của trẻ tăng cường khả năng giao tiếp và tăng cường sự liên kết trong gia đình. Một số trường hợp cha mẹ khi biết trẻ mang thai ngoài ý muốn sẽ rất nóng giận và la mắng trẻ, khi đó cha mẹ cũng chưa biết cách xử lí như thế nào là phù hợp chỉ biết trút những cơn giận dữ của mình lên trẻ. Điều này chỉ làm mọi việc trở nên tồi tệ hơn. Đối với trường hợp này nhân viên Công tác xã hội sẽ sử dụng hình thức tham vấn gia đình giúp các thành viên trong gia đình bình tĩnh trở lại, tăng cường giao tiếp giữa các thành viên nhất là đối với trẻ. Từ đó cha mẹ biết được nguyên nhân, lắng nghe được tâm sự cũng như mong muốn của con mình, hiểu con và cả gia đình cùng nhau tìm ra hướng giải quyết phù hợp. Hay khi nhân viên Công tác xã hội tham vấn với nhóm thân chủ là các trẻ vị thành niên đang gặp những vấn đề về giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, vấn đề mà các trẻ gặp phải có thể giống nhau hoặc khác nhau. Thông qua quá trình thành lập và phát triển nhóm với những buổi sinh hoạt nhóm cộng với sự điều phối của nhân viên Công tác xã hội, mỗi thành viên nhóm sẽ tự định hướng các giải pháp cho vấn đề của mình khi được sinh hoạt và chia sẻ với những thành viên khác xoay quanh vấn đề chung mà nhóm gặp phải.

“Để thực hiện tốt vai trò tham vấn nhân viên Công tác xã hội phải thành thạo các kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng lắng nghe; Kỹ năng đặt câu hỏi; Kỹ năng phản hồi; Kỹ năng xử lí im lặng; Kỹ năng thấu hiểu...” [2]. Quan trọng nhất chính là kỹ năng đặt câu hỏi, nhân viên Công tác xã hội phải biết đặt câu hỏi cho thân chủ một cách phù hợp. Đây chính là cách giúp thân chủ cung cấp thông tin và bộc lộ tâm trạng của mình về vấn đề mình đang đối diện. Khuyến khích thân chủ nói thật nhiều về vấn đề của mình từ đó nhân viên Công tác xã hội có cơ sở đề ra những giải pháp và thân chủ sẽ nhận thấy giải pháp nào là thật sự phù hợp với mình. Cuối cùng, thân chủ sẽ chọn giải pháp phù hợp nhất và tự tin vượt qua vấn đề của mình bằng giải pháp đã chọn.

2.3. Vai trò biện hộ cho trẻ vị thành niên trong các vấn đề về giới tính và sức khỏe sinh sản

Theo Hiệp hội Công tác xã hội (2000), biện hộ là hoạt động thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, nhằm đem lại công bằng xã hội cho tất cả mọi người, đặc biệt là những người yếu thế trong cộng đồng.

Nhân viên Công tác xã hội là người đại diện và có trách nhiệm bênh vực quyền lợi chính đáng cho trẻ vị thành niên trong các vấn đề về giới tính và sức khỏe sinh sản. Giúp cho thân

chủ hiểu đúng hoàn cảnh và thực trạng của họ, đặc biệt là những chính sách và pháp luật của nhà nước, những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của trẻ vị thành niên. Nâng cao năng lực cho thân chủ về các chính sách, luật pháp của nhà nước, kỹ năng trình bày, diễn đạt vấn đề, nguyện vọng của mình. Chuyển tiếng nói của thân chủ đến các cơ quan ban ngành có liên quan.

Ở vai trò là người biện hộ, nhân viên Công tác xã hội có thể biện hộ cho thân chủ thông qua các hình thức như: “Trình bày trong các buổi họp, tổ chức diễn đàn cho trẻ vị thành niên tham gia phát biểu, đối thoại, viết bài đăng trên bản tin, bài báo, gửi kết quả nghiên cứu khảo sát đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, tham gia giải quyết các vụ việc liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản cho trẻ vị thành niên” [6].

Nhân viên Công tác xã hội sẽ biện hộ cho trẻ vị thành niên các vấn đề liên quan đến luật trẻ em, các quyền về chăm sóc sức khỏe sinh sản, trẻ bị lạm dụng tình dục, xâm hại tình dục. Một trong những vấn đề đang diễn biến phức tạp trong xã hội đó chính là nạn xâm hại tình dục. Vị thành niên là đối tượng chủ yếu của nạn xâm hại tình dục, trước những vấn đề liên quan đến tình dục như bị bạo hành, lạm dụng, xâm hại,... các em thường im lặng và chịu đựng một mình. Các em không dám chia sẻ với ai vì các em luôn cho đây là vấn đề khó nói. Nhân viên Công tác xã hội khi phát hiện trẻ vị thành niên mắc phải những vấn đề trên cần tiếp cận và cùng trẻ thực hiện vai trò biện hộ, để trẻ được bảo vệ tránh những hậu quả khôn lường về sức khỏe sinh sản.

2.4. Vai trò vận động nguồn lực trợ giúp trẻ vị thành niên trong các vấn đề về giới tính và sức khỏe sinh sản

“Vai trò vận động nguồn lực của nhân viên Công tác xã hội là việc nhân viên Công tác xã hội kết nối thân chủ với các nguồn lực để họ có thêm nguồn hỗ trợ giải quyết những vấn đề khó khăn mà mình đang gặp phải” [4]. Khi làm việc với thân chủ là trẻ vị thành niên đang gặp vấn đề về giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, nhân viên Công tác xã hội cần xác định thân chủ đang ở giai đoạn nào trong độ tuổi vị thành niên, giới tính, còn học hay đã nghỉ học và vấn đề gặp phải đang ở mức độ nào. Mỗi đối tượng thân chủ khác nhau gặp phải những vấn đề khác nhau vì vậy sẽ có những mong muốn và nhu cầu khác nhau.

Để dễ dàng xác định nguồn lực có thể áp dụng, nhân viên Công tác xã hội cần vẽ ra được sơ đồ hệ thống sinh thái của thân chủ. Từ đó xác định đâu là nguồn lực sẵn có, đâu là nguồn lực phải đi tìm, đâu là nguồn lực ở gần, đâu là nguồn lực ở xa. Ngoài ra nhân viên Công tác xã hội cần xác định nhu cầu mong muốn của thân chủ. Khi gặp vấn đề thân chủ có nhu cầu gì và mong muốn hiện tại của thân chủ là gì, căn cứ vào nhu cầu và mong muốn đó của thân chủ nhân viên Công tác xã hội đưa ra những nguồn lực có thể vận động để hỗ trợ thân chủ.

Sau khi xác định được những nguồn lực, nhân viên Công tác xã hội cần thảo luận với thân chủ về những nguồn lực đó nhằm tìm ra nguồn lực tốt nhất có thể hỗ trợ thân chủ. Đối với trẻ vị thành niên nguồn lực chủ yếu có thể giúp các em vượt qua các vấn đề về giới tính và sức khỏe sinh sản chính là những người thân trong gia đình, thầy cô, bạn bè, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, dịch vụ xã hội, y tế,... Nhân viên Công tác xã hội thực hiện vai trò là người biện hộ để thân chủ được tiếp cận với nguồn lực đó.

3. Kết luận

Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản là một vấn đề vô cùng quan trọng đối với xã hội hiện nay. Trước những hậu quả xảy ra làm nảy sinh các vấn đề xã hội ngày càng phức tạp, chỉ vì một bộ phận trẻ vị thành niên chưa có kiến thức về giới tính và sức khỏe sinh sản. Với sự phát triển ngày càng chuyên nghiệp của nghề Công tác xã hội tại Việt Nam, nhân viên Công tác xã hội đã và đang thể hiện mình đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho trẻ vị thành niên. Với các vai trò người giáo dục, tham vấn, biện hộ đến vai trò vận động nguồn lực. Nhân viên Công tác xã hội sẽ cung cấp kiến thức kỹ năng, hỗ trợ, can thiệp kết nối nguồn lực giúp đỡ trẻ vị thành niên giải quyết các vấn đề đang gặp phải. Bài viết đã phân nào chứng minh vị trí và vai trò của đội ngũ nhân viên Công tác xã hội chuyên nghiệp tại Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Thị Thu Hiền (2015), *Nhận thức về việc giáo dục giới tính của những bậc cha mẹ có con ở độ tuổi vị thành niên*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2]. Bùi Thị Xuân Mai (2008), *Tham vấn*, Nhà xuất bản Lao Động – Xã Hội, Hà Nội.
- [3]. Nạo phá thai tuổi vị thành niên: Đáng báo động, Báo giáo dục online. <https://www.giaoduc.edu.vn/nao-pha-thai-tuoi-vi-thanh-nien-dang-bao-dong.htm>
- [4]. Công tác xã hội trường học: Vấn đề cơ bản, tailieu.vn
<https://tailieu.vn/doc/cong-tac-xa-hoi-truong-hoc-van-de-co-ban-2089385.html>
- [5]. Dự án sẵn sàng cho sức khỏe Cao Bằng 2007-2011, “*Giáo dục và truyền thông trong trường học về sức khỏe sinh sản và tình dục vị thành niên*”.
- [6]. Trung tâm Nghiên cứu - Tư vấn CTXH & PTCĐ, Dự án “*Nâng cao năng lực cho Nhân viên Xã hội Cơ sở ở TP.HCM – Tháng 7/2012*”.

VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

SVTH: Lê Thị Thanh Tuyên, Lớp: ĐHCTXH16

GVHD: ThS Nguyễn Thị Bích Hưng

Tóm tắt

Bài báo viết về “Vai trò của nhân viên công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn” được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp phân tích tài liệu và phương pháp quan sát. Để có thể nhận thấy thực trạng của trẻ em có hoàn cảnh khó khăn hiện nay. Từ đó, xác định được những nguyên nhân dẫn đến tình trạng khó khăn cho trẻ và đề ra những giải pháp khắc phục những khó khăn cho trẻ, dưới góc nhìn của nhân viên công tác xã hội. Qua đó, thể hiện tầm quan trọng và vai trò của nhân viên công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Từ khóa: Trẻ em

1. Đặt vấn đề

Trẻ em là đối tượng dễ bị tác động và tổn thương nhất trong xã hội. Hiện nay, cấu trúc gia đình truyền thống bị phá hủy, tỷ lệ ly hôn, ly thân ngày càng tăng, mà người phải chịu những hậu quả đó không ai khác lại là những búp măng non của đất nước, phải rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Tỷ lệ trẻ em lang thang, tự mưu sinh kiếm sống... Đó là những vấn đề nhức nhối của xã hội, đòi hỏi cần có sự quan tâm, chăm sóc với phương pháp chuyên môn đặc thù và tính chuyên nghiệp cao của người làm công tác xã hội, nhằm hỗ trợ cho các em và cộng đồng giải quyết những vấn đề khó khăn của cuộc sống hằng ngày. Tuy được đảng và nhà nước quan tâm, được thể hiện qua các chính sách chương trình nhưng tình hình trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội vẫn còn cao, vẫn còn các trẻ tuổi còn nhỏ phải bán vé số, mưu sinh những công việc nặng trong môi trường làm việc nặng nhọc. Trẻ em là tương lai và chủ nhân của đất nước, là nguồn nhân lực chất lượng cao trong sự phát triển của đất nước hướng đến hội nhập với quốc tế trên tất cả các phương diện. Từ đó, trong những năm qua, Đảng và nhà nước ta luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho trẻ em, đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình mục tiêu, các dự án,... dành cho trẻ em, đặc biệt là đối với những trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Năm 2016, Luật trẻ em ra đời khẳng định sự quan tâm và những quyền của trẻ em. Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020, Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016-2020.

Tuy nhiên, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn vẫn chưa được chăm sóc đầy đủ, tình trạng bóc lột và bỏ mặc vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi diễn biến bất thường và tính chất mức độ phức tạp ngày càng cao.

Về thực trạng các qui định của pháp luật và việc thực hiện pháp luật về quyền của trẻ em nói chung và trẻ em có HCĐB nói riêng cũng được nêu và phân tích ở các bộ luật hay một số luận án, luận văn và các tài liệu khác như: Bộ luật Dân sự, Bộ Luật Hình sự, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em; Luật Giáo dục; Luật Người khuyết tật; Luật Phòng, Chống HIV/AIDS... hoặc tài liệu của Cục Bảo trợ Xã hội - Bộ Lao động Thương binh Xã hội (2009), Định hướng chính sách và hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, NXB Thông tin Truyền thông; Nguyễn Hải Hữu (2012), Một số văn bản về Chăm sóc, Giáo dục và Bảo vệ trẻ em trong tình hình mới, Cục Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em; ...

Thông qua các nghiên cứu cho thấy phần lớn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, tại khu vực nông thôn, đặc biệt là các xã nghèo. Trong đó Đồng Tháp là tỉnh có nhiều xã gần biên giới, đặc thù của nền kinh tế chủ yếu là làm nông, công việc nặng nhọc, mang lại kinh tế thấp cho một số gia đình khó khăn đó cũng là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng trẻ phải tự mưu sinh, sống trong hoàn cảnh khổ sống xa gia đình vì người lớn phải rời quê kiếm sống để chăm lo cuộc sống gia đình, dẫn đến có nhiều khó khăn trong sản xuất, sinh hoạt, việc tiếp cận về chính sách, quyền trẻ em cũng như những vấn đề tiếp cận các chính sách, dịch vụ xã hội còn rất hạn chế. Để khắc phục tình trạng trên dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, chính quyền xã đã huy động triển khai các đường lối chủ trương, chính sách nhằm giảm thiểu số lượng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và giúp các em và gia đình ổn định, phát triển cuộc sống. Tuy nhiên do còn

nhiều hạn chế từ điều kiện kinh tế xã hội nên quá trình thực hiện công tác bảo vệ trẻ em tại xã vẫn còn nhiều bất cập

Thống kê toàn cầu mới nhất của ILO – theo Báo cáo toàn cầu về Lao động trẻ em 2013 – cho thấy có 78 triệu trẻ em bị lao động cưỡng bức ở Châu Á và Vùng Thái Bình Dương, tức là chiếm gần phân nửa số trẻ lao động trên toàn thế giới. Báo cáo toàn cầu đã quan sát thấy một sự giảm thiểu so với con số trước đây đối với khu vực này, vào năm 2000 con số đó là 114 triệu trẻ lao động. Số lượng rõ ràng là chưa giảm bớt nhanh chóng và ta cần nỗ lực nhiều hơn để có thể giải quyết hết vấn nạn lao động trẻ em. Tham gia hoạt động làm thuê rất dễ dẫn đến việc sức lao động của trẻ em bị lạm dụng. Vì vậy, vấn đề lao động trẻ em cần được quan tâm hơn nữa nhằm tránh những tổn hại đến sự phát triển toàn diện của trẻ em. Tháng 5 - 2002, tại phiên họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc về trẻ em đã đưa ra một cam kết: “Xoá nghèo, đầu tư vào trẻ em: chúng ta khẳng định quyết tâm phá vỡ vòng luẩn quẩn của nghèo đói trong một thế hệ cùng liên kết khẳng định rằng đầu tư vào trẻ em và thực hiện quyền trẻ em là những cách hữu hiệu nhất để xoá nghèo” (Báo cáo phát triển Việt Nam 2004)

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là đối tượng nhận được nhiều sự quan tâm của xã hội. Trong thời gian qua, đã có rất nhiều công trình, đề tài, bài báo trên nhiều lĩnh vực khác nhau hướng đến đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn là lĩnh vực khoa học xã hội.

Nhìn chung các nghiên cứu trên đã bước đầu tiếp cận các vấn đề bức thiết của thực tiễn đặt ra, cung cấp được các luận cứ làm cơ sở cho việc rà soát, đánh giá thực trạng trẻ em nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đồng thời còn có nhiều công trình khoa học khác nghiên cứu vấn đề trẻ em ở nhiều khía cạnh khác nhau. Có thể khẳng định, các công trình nghiên cứu về trẻ em ở nước ta là rất phong phú. Nhiều mô hình CTXH khẳng định tính ưu việt, thừa nhận những thành tựu nhất định về chủ trương của Đảng và Nhà nước mang lại cho đối tượng song cũng còn không ít ý kiến nhận thấy hiệu quả của mô hình còn rất hạn chế, thiếu tính bền vững.

Với vai trò là một nhân viên công tác xã hội, cùng với những kiến thức kỹ năng trong thực hành nghề nghiệp trong việc thúc đẩy sự thay đổi các đối tượng yếu thế trong xã hội, tăng quyền, tăng năng lực cho các đối tượng. Trong đó, đối tượng thân chủ là những búp măng non của đất nước là sự ưu tiên hàng đầu, với tư cách là nhân viên công tác xã hội chúng ta có vai trò rất lớn trong việc hỗ trợ các em nhất là đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

2. Nội dung

2.1 Thực trạng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Theo một báo cáo mới của Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF), có hơn 30% trẻ em và thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15-17 đang sống ở các quốc gia bị ảnh hưởng bởi chiến tranh hoặc thiên tai và cụ thể là 104 triệu người. Bên cạnh đó còn có 303 triệu trẻ em không được đến trường trên toàn thế giới.

Theo xu hướng hiện tại, số lượng trẻ em từ 10 đến 19 tuổi sẽ tăng lên hơn 1,3 tỷ vào năm 2030 (tăng 8%). Đây chính là lực lượng lao động trong tương lai vì vậy cần giáo dục chất lượng hơn để họ sẽ cống hiến cho một xã hội tốt hơn.

Số trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong phạm vi cả nước tính đến cuối năm 2014 là 1,5 triệu em chiếm khoảng 1,7% dân số và khoảng 5% dân số trong độ tuổi trẻ em, bao gồm 10 nhóm đối tượng theo Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em. Trong số 10 nhóm trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đó thì sự biến động về số lượng trẻ em ở mỗi nhóm trong mỗi năm là khác nhau, trong đó, trẻ nhiễm HIV/AIDS, trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em nghiện ma túy có xu hướng gia tăng còn trẻ em khuyết tật, tàn tật, trẻ em lang thang, trẻ em lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại có xu hướng giảm

Đến năm 2017, theo báo cáo của Bộ LĐ-TB-XH, tính đến cuối năm 2017, cả nước có khoảng 26 triệu trẻ em (dưới 16 tuổi), trong đó có gần 1,5 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và khoảng 2,1 triệu trẻ em có nguy cơ bị rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phù hợp cho nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt như: chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ giáo dục, bảo vệ trẻ em, hỗ trợ trẻ em thực hiện quyền tham gia,... Tuy nhiên, do điều kiện nguồn lực đất nước còn khó khăn, nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn chưa có điều kiện thực hiện đầy đủ quyền của mình.

Điều quan trọng trong tình hình hiện nay, cần tìm ra giải pháp để khắc phục tình hình trẻ em lang thang, không có điều kiện đến trường, không nơi nương tựa, cùng với những kỹ năng nghề nghiệp từ việc nghiên cứu từ thực trạng từ đó đưa ra những nguyên nhân để phát huy vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

2.2 Nguyên nhân gây ra trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

2.2.1 Nguyên nhân về kinh tế

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường khó tránh khỏi sự phân hoá giàu nghèo, phân hoá xã hội. Gốc rễ của vấn đề này là qui luật cạnh tranh, một bộ phận dân cư giàu lên nhanh chóng và bộ phận dân cư khác không đủ sức cạnh tranh sẽ bị rơi vào tình trạng nghèo, nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối.

Sự chênh lệch mức sống giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng dẫn đến làm gia tăng trẻ em lang thang kiếm sống, lao động trẻ em và trẻ em bị xâm hại tình dục... Mặt khác, lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền làm một số giá trị đạo đức xã hội bị đảo lộn: li dị, li thân, bỏ rơi con cái, mức độ quan tâm của cộng đồng, làng, xã đối với trẻ em ngày càng giảm sút. Trẻ em thường rất nhạy cảm với sự thay đổi của môi trường, do vậy tình trạng bỏ nhà ra đi, trộm cắp, bụi đời, nghiện hút ngày càng gia tăng ở lứa tuổi các em.

Cũng do kinh tế phát triển, mức sống dân cư tăng, chi phí cho các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, nước sạch... và các chi phí vui chơi giải trí cho trẻ ngày càng tăng. Thêm vào đó, nghèo đói ngày càng gay gắt, bộ phận dân cư nghèo không đủ điều kiện để đáp ứng nhu cầu của trẻ, hiển nhiên những đứa trẻ này có xu hướng bỏ học, đi làm, đi lang thang...

2.2.3 Nguyên nhân về điều kiện tự nhiên

Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, thiên tai, bão lũ thường xuyên xảy ra, hàng năm gây thiệt hại lớn về người và tài sản của nhân dân dẫn đến cảnh đói nghèo, dịch bệnh, người chết, tàn tật, mất tích..., trong số đó có không nhỏ trẻ em bị mồ côi, tàn tật, mắc bệnh, thiếu ăn, phải đi lang thang... Địa hình phức tạp, chia cắt các vùng, hạ tầng cơ sở cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch... là những nguyên nhân chung dẫn đến tình trạng khó khăn của nhân dân và trẻ em, biểu hiện của sự thiếu thốn là những quyền cơ bản của trẻ em chưa được đảm bảo và trẻ rơi vào tình trạng có hoàn cảnh khó khăn

Thiên tai và ảnh hưởng của thiên tai có xu hướng phức tạp hơn trong bối cảnh biến đổi khí hậu; tác động mạnh, phạm vi rộng và đa dạng hơn. Các dạng rủi ro khác chưa được đề cập rõ ràng, thiếu hướng dẫn như tai nạn lao động, tai nạn giao thông, đuối nước nên khó thực hiện ở cơ sở.

2.2.4. Nhận thức về vấn đề trẻ em có hoàn cảnh khó khăn còn hạn chế

Không chỉ riêng nhận thức của trẻ em, gia đình mà còn cả xã hội về vấn đề trẻ em có hoàn cảnh khó khăn còn nhiều hạn chế, chưa thấy được trách nhiệm tổ chức thực hiện và nguy hại đối với xã hội, đặc biệt là mối quan hệ gắn liền với vấn đề trẻ em có hoàn cảnh khó khăn với phát triển nguồn nhân lực cao trong tương lai. Sự thiếu hụt về đầu tư của Nhà nước vào một số vùng, địa phương, sự thiếu quan tâm của các cấp, chính quyền, sự thiếu trách nhiệm của một số bậc cha mẹ trong việc chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em, sự nhạy cảm của trẻ em với môi trường sống đang là những nguyên nhân làm cho tình trạng trẻ rơi vào hoàn cảnh khó khăn ngày càng tăng.

2.2.5. Những nguyên nhân thuộc về gia đình

Những biến đổi nhanh chóng của sản xuất, đời sống, giao thông liên lạc, thông tin đại chúng... đang làm thay đổi những mối quan hệ của con người trong gia đình và xã hội. Hiện tượng li hôn, li thân, sinh con ngoài giá thú, bỏ rơi con... không còn là cá biệt mà đã trở thành phổ biến tăng lên nhiều lần trong những năm qua. Một số bậc cha mẹ khác do phải lo kinh tế thiếu sự chăm sóc, bỏ mặc con cái khi các em bỏ học hoặc đi lang thang, kiếm sống, bụi đời... Một số khác có xu hướng khuyến khích con cái bỏ học đi làm nhằm tăng thêm thu nhập cho gia đình và bớt gánh nặng về kinh tế. Số gia đình khác do quá nghèo hoặc bệnh tật, sức khoẻ yếu... không đủ điều kiện để chăm sóc hoặc cho con đi học...

Ngoài ra, một số gia đình bố mẹ quá khắt khe, cư xử thô bạo, hắt hủi con cái làm chúng sợ hãi, xa lánh... Chính sự thiếu hiểu biết, nhận thức hạn chế, thiếu trách nhiệm hoặc thiếu biện

pháp quản lý trong việc chăm sóc con cái của một số bậc cha mẹ và gia đình là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng gia tăng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

2.2.6 Những nguyên nhân thuộc về chính bản thân các em

Đây là những nguyên nhân chủ quan thuộc về chính bản thân các em, trong điều kiện môi trường sống khó khăn và nhiều cạm bẫy, ý thức vượt khó của trẻ giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Trên thực tế đã có không ít trẻ không chịu được sức ép, sự cám dỗ của môi trường sống, sức ép kinh tế, không chịu học tập, tu dưỡng, rèn luyện, ăn chơi, đàn đúm hoặc bỏ nhà đi lang thang chạy theo lối sống đua đòi, mắc vào tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật... trở thành những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

2.2.7. Nguyên nhân thuộc về cơ chế chính sách và sự quản lý của Nhà nước

Một trong những nguyên nhân quan trọng ở đây là do Nhà nước thiếu một hệ thống chính sách đồng bộ về đầu tư, giáo dục, y tế, chính sách xã hội. Sự thiếu hụt chính sách xã hội đi cùng với việc đầu tư không đồng bộ dẫn đến sự chênh lệch mức sống giữa các vùng, các địa phương, làm gia tăng số trẻ em lang thang từ nông thôn ra thành thị. Sự thiếu biện pháp mạnh trong công tác quản lý cộng đồng dân cư làm gia tăng tệ nạn xã hội, kéo theo trẻ em nghiện ma túy, lao động trẻ em, trẻ em lang thang, trẻ em làm trái pháp luật ngày một tăng.

Chủ trương phân cấp quản lý Nhà nước chưa được làm triệt để, một số địa phương khó khăn, nghèo có tư tưởng trông chờ vào sự trợ cấp của Nhà nước dẫn đến nhiều chính sách và giải pháp chưa được tổ chức thực hiện và cũng không phải chịu trách nhiệm. Trong vấn đề chăm sóc và bảo vệ trẻ em cũng bị một tình trạng chung như vậy hay nói cách khác là hiệu lực pháp luật chưa cao. Ngoài ra, ở một số địa phương, cơ sở thiếu sự quan tâm chỉ đạo hoặc quan tâm chưa đúng mức cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng gia tăng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp thiếu ở hầu hết các địa phương, nhất là ở miền núi và nông thôn, vùng có khó khăn về kinh tế. Ngoài ra, trẻ em rơi vào tình trạng điều kiện khó khăn còn do một số nguyên nhân khác như khuyết tật bẩm sinh, bệnh tật của bố, mẹ di truyền, dịch bệnh, lạm dụng thuốc chữa bệnh, hoá chất bảo vệ lương thực và thực phẩm, tai nạn giao thông...

2.2.8. Một số nguyên nhân khác

Thiếu sự phối hợp giữa các ngành: Mặc dù đặt ra yêu cầu lồng ghép hoạt động, song không thể thực hiện được do sự phối hợp giữa các ngành/cơ quan khá hình thức. Kết quả của quá trình này là việc hình thành vô số ban chỉ đạo ở các cấp và nhiều ban chỉ đạo rất hình thức, không có vai trò rõ nét trong việc thực thi chính sách, gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện.

Tư duy xây dựng chính sách: Dường như mỗi sự điều chỉnh chính sách để gắn với một văn bản qui định và mỗi văn bản ban hành chỉ để thay đổi một vài điểm của chính sách.

Tóm lại, tình trạng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đang là vấn đề xã hội bức xúc, do nhiều nguyên nhân gây ra. Có những nguyên nhân do nội tạng mang tính bản chất của vận động và phát triển kinh tế thị trường, cũng có những nguyên nhân thuộc về chính bản thân người lớn, bản thân các em, thuộc về nhận thức và về cơ chế, chính sách...

2.3 Giải pháp đối với trẻ có hoàn cảnh khó khăn

2.3.1 Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức về quyền trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Nâng cao nhận thức của cộng đồng về quyền trẻ em có hoàn cảnh khó khăn chính là nâng cao nhận thức của Nhà nước, của các cơ quan bảo vệ quyền trẻ em hay các tổ chức, thiết chế xã hội ở chính môi trường sống của trẻ (gia đình, làng xóm, thôn bản, nhà trường) và các tổ chức chính trị-xã hội-nghề nghiệp...

Nâng cao nhận thức của cơ quan nhà nước ở địa phương về quyền trẻ em có HCĐB Cơ quan nhà nước ở địa phương phụ trách công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có thể kể đến đó là hệ thống các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ở địa phương (Ủy ban nhân dân các cấp, sở, phòng, ban).

Nâng cao các quyền của các em cũng giống như bao đứa trẻ khác, được yêu thương, chăm sóc, được học tập, được thể hiện bản thân.

2.3.2 Giải pháp củng cố hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em

Phát triển các loại hình dịch vụ bảo vệ trẻ em, một cách thống nhất quản lý nội dung và đa dạng hoá các nguồn cung cấp: Hướng dẫn cách làm cha mẹ, phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ, tổ chức các hoạt động văn hoá, giáo dục, vui chơi, hoạt động tư vấn, tham vấn bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em,...

Xây dựng quy trình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em và gia đình. Nên xây dựng cơ chế và qui trình phối hợp để có được sự hiểu biết rõ ràng về qui trình can thiệp bảo vệ trẻ em. Xây dựng một hệ thống quản lý gồm có một chính sách thống nhất trên toàn quốc gia, tiêu chí để xác định hoàn cảnh khó khăn mà trẻ em gặp phải.

Cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ, chăm sóc tập trung vào nhu cầu và mong muốn của trẻ.

Xây dựng các chương trình đào tạo cấp quốc gia bao gồm: năng lực nghề nghiệp và phát triển nghề để có thể hỗ trợ và giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn một cách tốt nhất.

2.3.3 Giải pháp về nâng cao nhận thức thay đổi hành vi của các thành viên trong gia đình

Truyền thông, vận động hướng vào nâng cao nhận thức góp phần thay đổi hành vi, hành động của các thành viên trong gia đình có cái nhìn khách quan về cuộc sống cũng như những vấn đề dễ tác động đến tâm lý của trẻ đặc biệt là trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Hạn chế thấp nhất các vấn đề trong gia đình như mâu thuẫn, kinh tế,.. ảnh hưởng đến tâm lý của các em. Để thực hiện được các điều trên, cần phải nhận thức đầy đủ và sâu sắc về tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của việc thực hiện các quyền của trẻ em và giải quyết những điều cơ bản của trẻ.

2.3.4 Nghiên cứu phát triển khuôn khổ luật pháp, cơ chế, chính sách, phù hợp để giải quyết hài hoà các nhu cầu cơ bản của trẻ em với quá trình phát triển.

Trong giai đoạn công nghiệp hoá hiện đại hoá như hiện nay, sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, cùng những biến động của xã hội xuất hiện nhiều hình thức bạo lực, ngược đãi,.. đối với trẻ em đặc biệt là trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

Việc nghiên cứu, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn can thiệp, trợ giúp bảo vệ, chăm sóc trẻ em là cần thiết để nhanh chóng hoàn thiện chức năng và cơ sở pháp lý của hệ thống tổ chức quản lý của nhà nước về bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

Củng cố tổ chức bộ máy, cán bộ và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp.

2.3.5 Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực thực thi, giám sát chính sách về quyền trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc bảo đảm quyền trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp ủy Đảng về công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Tăng cường vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm quyền trẻ em hoàn cảnh khó khăn. Đó là việc Nhà nước phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các ngành chức năng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn như: ngành Tư pháp, ngành Giáo dục, ngành Y tế, các cơ quan bảo vệ pháp luật (cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án). Đặc biệt đối với cơ quan Quốc hội và Ủy ban nhân dân các cấp...

Tăng cường sự kết hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc bảo đảm quyền trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Kết hợp giáo dục gia đình, nhà trường đối với trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn cần được duy trì thường xuyên. Bởi hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục cho trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn chỉ thực sự có hiệu quả thiết thực khi có sự kết hợp giữa gia đình và nhà trường.

Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình hành động quốc gia vì trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Các chương trình hành động quốc gia vì trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn ở Việt Nam cần tập trung vào các hoạt động chủ yếu đó là: Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông vận động chính sách, vận động xã hội và chuyển đổi hành vi thực hiện quyền trẻ em và các mục tiêu vì trẻ em.

2.3.6 Nhóm giải pháp về tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong công tác bảo đảm quyền trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Mở rộng và đẩy mạnh hợp tác quốc tế cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được thể hiện thông qua các quan hệ của nhà nước ta với các tổ chức quốc tế, bao gồm các tổ chức đa phương, song phương và các tổ chức phi chính phủ (NGOs) trên cả ba lĩnh vực kỹ thuật, kinh nghiệm và tài chính để trợ giúp trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

2.3.6 Giải pháp cải thiện nền kinh tế.

Để có thể cải thiện được kinh tế cho gia đình, trước hết cần định hướng cho các thành viên trong gia đình có nhận thức đúng về hoàn cảnh gia đình và biết cố gắng vươn lên để thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn.

Ngoài ra, nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ các thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm ổn định, thông qua việc cho vay vốn để xóa đói giảm nghèo, dạy nghề góp phần cải thiện đời sống kinh tế cho gia đình trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Hạn chế thấp nhất nguy cơ trẻ phải mưu sinh kiếm sống, lao động sớm vì kinh tế gia đình khó khăn.

3. Vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với trẻ có hoàn cảnh khó khăn

Nhân viên xã hội có nhiệm vụ giúp những cá nhân, nhóm và cộng đồng nhận ra vấn đề, giải quyết các vấn đề khó khăn thân chủ đang gặp phải; can thiệp hoặc làm công tác biện hộ trong tiến trình tổ chức hoạt động xã hội.

Những hoạt động chữa trị, ngăn ngừa và phát triển nhằm mục đích giúp thân chủ hội nhập vào cuộc sống bình thường của gia đình và cộng đồng. Tạo điều kiện cho thân chủ tham gia vào các hoạt động xã hội, giúp tăng năng lực cho cá nhân, cho nhóm trẻ có hoàn cảnh khó khăn hội nhập cuộc sống. Hiện nay, nhân viên xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh giữ một vai trò rất quan trọng. Họ là những người giúp cho trẻ em nghèo, trẻ bị bỏ rơi, trẻ khuyết tật, trẻ đường phố, trẻ nghiện hút, trẻ di dân, trẻ lao động sớm, trẻ tự kỷ, trẻ bị lạm dụng tình dục v.v... giúp phục hồi về thể lý, tâm lý cho trẻ khuyết tật và trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Để giải quyết những vấn đề xã hội này, hiện vẫn còn nhiều những hoạt động mang tính từ thiện. Những hoạt động từ thiện chỉ nhằm giải quyết những vấn đề trước mắt. Thiếu kiến thức, kỹ năng trong hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp sẽ dẫn đến cách giải quyết vấn đề không tận gốc. Tuy nhiên, trong tình hình thực tế hiện nay, đôi khi cũng cần kết hợp giữa công tác từ thiện với các hoạt động xã hội chuyên nghiệp.

Theo điều 40 của luật bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em qui định: “trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm: trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em khuyết tật, tàn tật, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học, trẻ em nhiễm HIV/AIDS, trẻ em phải làm việc nặng nhọc nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại, trẻ phải làm việc xa gia đình, trẻ lang thang, bị xâm hại tình dục, nghiện ma túy”.

Từ khái niệm trên, để giúp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn cần có những hoạt động cụ thể của nhân viên công tác xã hội.

3.1 Đánh giá nhu cầu, cùng xây dựng kế hoạch trợ giúp các em.

Dựa vào tháp nhu cầu của Maslow để đánh giá những nhu cầu thiết thực của các em. Qua đó, tiếp cận, đánh giá tâm lý, để cùng các em giải quyết những vấn đề của chính bản thân các em. Để có thể đạt được điều đó với kết quả cao với tư cách là nhân viên công tác xã hội cần thực hiện theo một tiến trình cụ thể.

Tiếp nhận ca, đánh giá sơ bộ vấn đề

Thu thập thông tin, đánh giá chi tiết

Xây dựng và thực hiện kế hoạch can thiệp/trợ giúp

Đánh giá và kết thúc tiến trình

3.2 Tham vấn trẻ và gia đình

Tham vấn là quá trình trợ giúp cần có những kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thái độ của nhân viên công tác xã hội với thân chủ, để có thể đạt được kết quả, cần tạo ra lòng tin cho thân chủ, từ đó có mối quan hệ tốt với họ, ở đó ta sẽ có sự tương tác tích cực, qua đó nhân viên công tác xã hội sẽ cảm nhận được tâm tư, tình cảm, suy nghĩ, tình cảm của thân chủ, sẽ đưa ra hướng giải quyết tốt vấn đề.

Công tác xã hội trong trợ giúp trẻ có hoàn cảnh khó khăn, hoạt động trợ giúp tham vấn luôn là hoạt động chủ đạo hướng đến nâng cao năng lực tự giải quyết vấn đề cho Trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

3.3 Biện hộ

Nhân viên công tác xã hội phải bảo vệ quyền lợi cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn, là những chủ nhân tương lai của đất nước. Đảm bảo cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn được hưởng đầy đủ những chính sách, dịch vụ, quyền lợi. Giúp trẻ nói lên những quan điểm hoặc là người đại diện cho trẻ đưa ra tiếng nói và cố gắng đảm bảo rằng quyền của trẻ em luôn được tôn trọng và nhu cầu của trẻ em được thỏa mãn cũng như cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn được hưởng sử dụng những dịch vụ như bao nhiêu trẻ khác trong xã hội.

Nhân viên công tác xã hội phải là người đại diện để giúp các em có các quyền và đáp ứng những nhu cầu thiết thực cho các em, thúc đẩy các hoạt động của các cơ quan cung cấp dịch vụ xã hội chú trọng vào đối tượng là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội hơn để bù đắp phần nào mất mát ở các em.

3.4 Vận động, kết nối, giới thiệu nguồn lực trợ giúp trong xã hội.

Nhân viên công tác xã hội đóng vai trò là người trung gian, tạo thêm sức mạnh để cho các đối tượng là trẻ em tự giải quyết những vấn đề. Để đạt được mục tiêu hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, kết nối nguồn lực là hoạt động xúc tác chính, là yếu tố rất quan trọng đối với các đối tượng yếu thế.

Trong quá trình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, nhân viên công tác xã hội phải tìm kiếm, xác định các nguồn lực trong cộng đồng: chính sách, thông tin,... Mỗi trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đều có những nhu cầu và các nguồn lực khác nhau, do vậy, nhân viên xã hội cần xác định nguồn lực của từng đối tượng để có hướng hỗ trợ cho phù hợp với các em.

4. Kết luận

Qua bài tham luận trên, cần nhấn mạnh tầm quan trọng của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ giúp đỡ đối với những trẻ có hoàn cảnh khó khăn, từ những kiến thức và kỹ năng người nhân viên công tác xã hội đã được học và thực hành trong thực tiễn đối với trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Qua đó, nhận thấy sự quan tâm của đảng và nhà nước đối trẻ có hoàn cảnh khó khăn được thể hiện trong các chính sách chủ trương của đảng và nhà nước. Tuy vậy, để thực hiện theo những quán triệt đó cần có một lực lượng nhân viên công tác xã hội có chuyên môn nghề nghiệp cao để thực hiện các chính sách đó, phát huy tối đa các vai trò của nhân viên công tác xã hội, trong các tiến trình giúp đỡ và là cầu nối giữa các em có hoàn cảnh khó khăn với các nguồn lực để các em thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn và có điều kiện tốt hơn để phát triển bản thân và góp phần giúp xã hội phát triển. Ngoài ra, người nhân viên công tác xã hội còn có những vai trò là người biện hộ, người kết nối, người giáo dục, để cho gia đình, nhà trường, xã hội hiểu rõ tâm lý của các em. Từ đó, các em có thể tự tin thể hiện khả năng và có một thái độ tích cực đối với xã hội, có sự đồng cảm và cố gắng vươn lên trong cuộc sống và trong các em luôn có sự giúp đỡ từ xã hội và đặc biệt là nhân viên công tác như những người thân trong gia đình của các em, thể hiện qua các tiến trình và phương pháp tiếp cận làm việc hỗ trợ các em có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Vũ Nhi Công. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong tiến trình giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hội nhập cuộc sống.

[2] Bùi Thị Loan 2016. Thực trạng công tác bảo vệ trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn và vai trò của Công tác xã hội tại xã Châu Khê- huyện Con Uông- tỉnh Nghệ AN. Hà Nội.

[3] Luật trẻ em 2016.

[4] Thạc sĩ. Kiều Văn Tu 2018. Bài giảng công tác xã hội với trẻ em. Thành phố Cao Lãnh.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VĂN HÓA TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP HIỆN NAY

SV: Đoàn Thị Anh Thư, Lớp: ĐHCCTXH15

GVHD: ThS. Trần Kim Ngọc

Tóm tắt

Bài viết trình bày sơ lược về thực trạng xây dựng gia đình văn hóa tại tỉnh Đồng Tháp trong những năm qua; đề cập đến quan điểm của Đảng về biện pháp xây dựng gia đình văn hóa. Từ đó, nêu lên một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng gia đình văn hóa đối với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và đối với các hộ gia đình tại tỉnh Đồng Tháp. Tôi hy vọng bài viết sẽ đóng góp một phần nhỏ cho công tác xây dựng gia đình văn hóa tại tỉnh Đồng Tháp cũng như giúp mọi người hiểu hơn về tầm quan trọng của việc xây dựng gia đình văn hóa đối với mỗi con người.

Từ khóa: Giải pháp, xây dựng gia đình văn hóa.

1. Mở đầu

Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình, chính vì muốn xây dựng Chủ nghĩa xã hội mà phải chú ý hạt nhân cho tốt”. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã khẳng định: “Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Các chính sách của Nhà nước phải chú ý tới xây dựng gia đình no ấm, hoà thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người”. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) đã bàn đến trách nhiệm của gia đình trong việc giữ gìn và phát huy những đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam, nêu cao vai trò gương mẫu của các bậc cha mẹ, coi trọng xây dựng gia đình văn hoá, xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, giá trị gia đình một lần nữa được Đảng nhấn mạnh: “Nâng cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hoá, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội”. [4]

Xác định xây dựng gia đình văn hóa có ý nghĩa rất quan trọng trong chiến lược xây dựng con người, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã chủ trương đưa nội dung công tác gia đình trở thành những tiêu chí cụ thể trong phong trào xây dựng đời sống văn hóa. Tỉnh ủy đã đưa ra 3 tiêu chuẩn thực hiện tốt việc xây dựng Gia đình Văn hóa, cụ thể: Gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương; Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng; Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả. [2] Các địa phương đã xây dựng và nhân rộng các mô hình về gia đình phù hợp với địa bàn, đối tượng. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, của các hộ gia đình ổn định và từng bước phát triển. Từ năm 2000 - 2016, số lượng Gia đình văn hóa ngày càng tăng, chất lượng từng bước được nâng lên, tỷ lệ Gia đình văn hóa bình quân đạt 65,57%/năm. Các địa phương trong tỉnh đã xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình về gia đình phù hợp, thiết thực, hiệu quả. [3] Năm 2017, toàn tỉnh có 387.003/416.883 hộ gia đình được công nhận là Gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 92,83%. [1]

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tích cực, việc xét và công nhận danh hiệu gia đình văn hóa tại một số địa phương còn bộc lộ nhiều hạn chế. Hàng năm, tỷ lệ Gia đình văn hóa đạt khá cao nhưng chưa phản ánh đúng tình hình thực tế đời sống xã hội, vẫn còn biểu hiện chạy theo thành tích, trong quá trình bình xét Gia đình văn hóa còn mang tính hình thức, thiếu tính đấu tranh, góp ý phê bình, còn tình trạng nể nang, ngại đụng chạm, thiếu tính dân chủ, thiếu ý kiến

đóng góp của người dân. Gia đình văn hóa vẫn đạt tỷ lệ cao trong khi những vấn đề xã hội như: tình trạng sinh con thứ 3, số vụ ly hôn ở các gia đình trẻ khá cao; vấn đề ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội và bạo lực gia đình tuy được kéo giảm nhưng vẫn còn ở mức cao... từ đó làm hạn chế chất lượng Gia đình văn hóa.[3] Hơn nữa, trong tình hình hiện nay, mặt trái của cơ chế thị trường cùng với lối sống thực dụng tôn thờ đồng tiền, các sản phẩm văn hóa độc hại bên ngoài tràn vào cùng với các tệ nạn xã hội đang tiến công mạnh mẽ vào các gia đình. Từ đó, tình trạng ly hôn, ly thân, sống thử không đăng ký kết hôn, quan hệ tình dục, nạo phá thai trước hôn nhân gia tăng. Nhiều giá trị đạo đức gia đình đang xuống cấp. Các tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, rượu chè bê tha và đại dịch HIV/AIDS đang len lỏi thâm nhập vào các gia đình... Đặc biệt, bạo lực gia đình đang là vấn đề nổi cộm. Giai đoạn 2014-2017, toàn tỉnh có 1.301 vụ bạo lực gia đình và có 1.237 vụ có nạn nhân là phụ nữ và trẻ em. Gần đây nhất, trong năm 2017, toàn tỉnh đã xảy ra 196 vụ bạo lực gia đình, gây ra hậu quả rất nghiêm trọng, gây tổn hại đến các mối quan hệ trong gia đình, là phần lớn nguyên nhân dẫn đến tình trạng ly hôn ngày càng nhiều giữa các cặp vợ chồng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng và tâm lý của nạn nhân bị bạo lực, đặc biệt là đối với phụ nữ và trẻ em. Ngoài ra, trẻ em trong gia đình có bạo lực thường bị ảnh hưởng về tâm lý, tác động tiêu cực đến việc hình thành nhân cách... dễ sa vào tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật. [5]

Như vậy, việc xây dựng Gia đình văn hóa đang đứng trước những thách thức lớn đòi hỏi không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động với phương châm xây đi đôi với chống và lấy xây làm chính. Nhận thức được vấn đề đó, tôi chọn đề tài “**Một số giải pháp xây dựng gia đình văn hóa tại tỉnh Đồng Tháp hiện nay**” nhằm nêu lên quan điểm của Đảng về biện pháp xây dựng gia đình văn hóa, đồng thời đề xuất một số giải pháp xây dựng gia đình văn hóa tại tỉnh Đồng Tháp hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm của Đảng về công tác xây dựng gia đình văn hóa [6]

Vận dụng quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về gia đình, Đảng ta luôn xem vấn đề gia đình và xây dựng gia đình văn hóa ở vị trí mang tầm chiến lược quốc gia. Theo Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, để đạt được mục tiêu: “Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách”, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong thời gian tới ngoài nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế, chú ý đến kinh tế trang trại và hộ gia đình, Đảng ta chỉ rõ cần tập trung vào một số khâu chủ yếu sau:

Một là, Sớm có chiến lược quốc gia về xây dựng gia đình Việt Nam, góp phần giữ gìn và phát triển những giá trị truyền thống của văn hóa, con người Việt Nam, nuôi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ

Trên cơ sở tổng kết xây dựng gia đình văn hóa để phát huy những điểm tích cực, tìm cách khắc phục những điểm yếu, Đảng ta chỉ rõ, Chính phủ và các bộ, ngành cần phải hoàn thiện Chiến lược quốc gia về xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, trong đó cần làm rõ một số nội dung chủ yếu như:

- Nâng cao nhận thức của toàn xã hội cũng như mỗi cá nhân về vai trò, vị trí đặc biệt của gia đình đối với xã hội và trách nhiệm của gia đình và cộng đồng trong việc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực trong gia đình, ngăn chặn sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội vào gia đình. Cấp ủy và chính quyền các cấp phải đưa nội dung công tác xây dựng văn hóa gia đình và gia đình văn hóa vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình kế hoạch công tác hằng năm của các bộ, ngành, địa phương.

- Xây dựng gia đình Việt Nam phải trên cơ sở kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc các giá trị tiên tiến của thời đại về gia đình. Đề cao trách nhiệm của mỗi gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng nhân cách cho mỗi thành viên trong gia đình nhằm hướng tới những phẩm chất của con người Việt Nam mà Đại hội XI của Đảng đã chỉ ra.

Hai là, Xây dựng gia đình văn hóa phải gắn với các phong trào khác, như xây dựng khu dân cư văn hóa, làng, xóm văn hóa... Đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả; xây dựng nếp sống văn hóa trong các gia đình, khu dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... tạo điều kiện cho mọi người được tiếp cận với các kiến thức kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học, kỹ thuật và phúc lợi xã hội, giúp các gia đình có kỹ năng sống, chủ động phòng, chống sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Tại Đại hội XI, Đảng ta chỉ rõ: Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam. Đây là điểm mới trong nhận thức của Đảng ta về nhiệm vụ xây dựng, phát triển nguồn lực con người trong bối cảnh hiện nay. Con người Việt Nam chỉ có thể được trang bị những phẩm chất về lòng yêu nước, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân, tri thức, sức khỏe, lao động giỏi, sống văn hóa, tình nghĩa... nếu có một môi trường xã hội tốt. Môi trường đó trước hết là từ mỗi gia đình, mỗi tế bào của xã hội. Các gia đình chịu trách nhiệm trước xã hội về sản phẩm của gia đình mình, phải có trách nhiệm nuôi dưỡng và giáo dục con cái, cung cấp cho xã hội những công dân hữu ích. Nhà trường có vai trò rất lớn trong việc đào tạo chiến lược con người. Phải chịu trách nhiệm trước xã hội về nhiệm vụ “dạy chữ, dạy người”, tạo ra lực lượng lao động tương lai có chất lượng cao. Cùng với hai chủ thể chính là gia đình, nhà trường thì các tổ chức đoàn thể khác, cộng đồng dân cư phải chung tay, sát cánh trong chiến lược đào tạo con người, vì bản chất của con người như C. Mác đã chỉ rõ là Tổng hòa các mối quan hệ xã hội.

Ba là, Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em

Để mỗi tế bào xã hội mạnh khỏe thì công tác chăm sóc sức khỏe, trước hết là sức khỏe của bà mẹ, trẻ em, thực hiện gia đình ít con là biện pháp quan trọng cần được quan tâm. Về vấn đề này, Đảng ta chỉ rõ: Thực hiện nghiêm chính sách và pháp luật về dân số, duy trì mức sinh hợp lý, quy mô gia đình ít con. Có chính sách cụ thể bảo đảm tỷ lệ cân bằng giới tính khi sinh. Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của toàn xã hội vào công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình. Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, giảm mạnh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, góp phần nâng cao chất lượng dân số,... Đồng thời, phải tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác dân số, gia đình và trẻ em các cấp; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác gia đình.

Bốn là, Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật xây dựng gia đình văn hóa

Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chính sách liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến xây dựng gia đình văn hóa như: Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2000); Luật Bình đẳng giới (năm 2007); Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (năm 2008); Pháp lệnh Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Chiến lược quốc gia về xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020... Tuy nhiên, gia đình luôn vận động và biến đổi theo sự vận động của xã hội, vì vậy, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục ban hành, bổ sung một số chính sách mới phù hợp với điều kiện xây dựng gia đình văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Đồng thời, phải đổi mới nội dung và giải pháp truyền thông về gia đình, nâng cao hiểu biết về Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới, cùng các kiến thức, kỹ năng về cuộc sống gia đình.

Năm là, Tiếp tục sự nghiệp giải phóng phụ nữ nhằm thực hiện bình đẳng giới

Phụ nữ là một nửa nhân loại, là những người mẹ, người vợ, có vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng gia đình văn hóa. Hiện nay, phụ nữ còn chịu nhiều thiệt thòi, bất bình đẳng so với nam giới, do vậy, họ chưa phát huy hết vai trò của bản thân trong xây dựng gia đình, đồng thời hạn chế sự đóng góp của họ cho toàn xã hội. Phụ nữ cần tiếp tục được giải phóng, được chia sẻ về công việc gia đình, hỗ trợ về các dịch vụ gia đình để họ có thời gian phát triển sự nghiệp. Phụ nữ không chỉ được hỗ trợ về công việc gia đình mà còn được tạo điều kiện để nâng cao trình độ, phát triển cá nhân. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao học vấn đối với phụ nữ; có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành; chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ

em; tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt chức năng thiên chức người mẹ; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Đại hội XI của Đảng chỉ rõ: Xây dựng và triển khai chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ, tập trung ở những vùng và khu vực có sự bất bình đẳng và nguy cơ bất bình đẳng cao; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn bán phụ nữ và bạo lực trong gia đình. Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ. Đồng thời, phải nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện pháp luật, chính sách đối với lao động nữ. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình; tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy và bộ máy quản lý nhà nước. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

2.2. Một số giải pháp xây dựng gia đình văn hóa tại tỉnh Đồng Tháp hiện nay

2.2.1. Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương

Trong Báo cáo kết quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và công tác gia đình tỉnh Đồng Tháp năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã nêu lên một số giải pháp để nâng cao chất lượng xây dựng gia đình văn hóa:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Phong trào giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch về PCBLGD giai đoạn 2014-2020 và các Kế hoạch, chương trình, đề án về công tác gia đình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang.

- Thường xuyên rà soát, kiểm tra toàn Ban Chỉ đạo, Ban Công tác và Ban Vận động Phong trào nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo công tác tham mưu, phối hợp, chỉ đạo Phong trào chặt chẽ, hiệu quả, chất lượng.

- Nâng cao chất lượng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, mạnh dạn đánh giá đúng thực chất kết quả thực hiện Phong trào xây dựng gia đình văn hóa tại địa phương; lấy lợi ích thiết thực và đời sống vật chất, tinh thần của người dân làm thước đo cho hiệu quả của phong trào và trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

- Duy trì và phát huy hiệu quả của mô hình Phòng chống bạo lực gia đình, các Câu lạc bộ “Gia đình phát triển bền vững”; xây dựng và nhân rộng các mô hình mới, cách làm hay trong Phong trào và công tác gia đình.

- Đổi mới nội dung, hình thức và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền trên tất cả các phương tiện, cả chiều rộng lẫn chiều sâu nhằm nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về vai trò, ý nghĩa của các danh hiệu văn hóa, tác động của Phong trào, công tác gia đình trong đời sống xã hội.

- Tăng cường công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực để nâng cao hiệu quả các hoạt động tại đơn vị, địa phương, tạo sự phong phú, hấp dẫn, thu hút sự tham gia đông đảo của nhân dân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự chỉ đạo của chính quyền các cấp đối với công tác gia đình; tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác dân số, gia đình và trẻ em các cấp: Cần huy động đủ cán bộ, đào tạo, hỗ trợ cán bộ có năng lực phụ trách công tác gia đình; nâng cao mức phụ cấp để cán bộ yên tâm công tác.

- Quan tâm đến phát triển kinh tế gia đình, mở rộng các hoạt động khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, xây dựng và hoàn thiện hệ thống dịch vụ có liên quan. Khuyến khích phát triển thêm ngành nghề mới và sử dụng lực lượng được đào tạo về kỹ thuật, công nghệ. Khuyến khích các gia đình hỗ trợ nhau sản xuất kinh doanh trong các hội, câu lạc bộ, cá hình thức liên doanh, liên kết, hợp đồng giữa gia đình với doanh nghiệp để tạo sự gắn kết giữa kinh tế gia đình và kinh tế tập thể.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức chính trị xã hội, cộng đồng tham gia xây dựng và thực hiện chương trình, dự án, các loại hình dịch vụ gia đình nhằm củng cố, ổn định, phát triển gia đình. Lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các

chương trình mục tiêu quốc gia, Dân số kế hoạch hóa gia đình, Xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để giảm nhanh tỉ lệ các hộ nghèo và tăng các hộ giàu, hộ khá.

- Xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ gia đình và cộng đồng; tạo điều kiện cho mọi gia đình tiếp cận được kiến thức pháp luật, văn hoá, y tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật và phúc lợi xã hội,... Xây dựng một số loại hình dịch vụ gia đình và cộng đồng như giáo dục gia đình, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, dịch vụ phục vụ sinh hoạt gia đình, cứu trợ nạn nhân của bạo lực gia đình,...

2.2.2. Các hộ gia đình

Dựa trên Hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa số 74/HD-BCĐ UBND tỉnh Đồng Tháp, ngày 01 tháng 07 năm 2014, tôi xin đề xuất một số giải pháp xây dựng gia đình văn hóa đối với các hộ gia đình như sau:

- Mỗi thành viên trong gia đình phải thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân; không vi phạm pháp luật Nhà nước, quy định của địa phương và quy ước của cộng đồng, có trách nhiệm bảo vệ của công, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ trong các quan hệ dân sự, nghĩa vụ do chính quyền địa phương vận động, tích cực tham gia các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở khóm, ấp,...

- Gia đình không được vi phạm các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không sử dụng và lưu hành sản phẩm độc hại (xuất bản phẩm độc hại); không mắc các tệ nạn xã hội; tham gia tích cực bài trừ tệ nạn xã hội và phòng chống các loại tội phạm.

- Thực hiện vợ chồng bình đẳng, thương yêu giúp đỡ, tin cậy lẫn nhau, cùng giúp nhau học tập, trau dồi kinh nghiệm; có trách nhiệm nuôi dạy con cái; con cháu hiếu thảo với cha, mẹ, ông, bà; không có bạo lực gia đình dưới mọi hình thức; thực hiện bình đẳng giới. Mỗi cặp vợ chồng có một hoặc hai con, không sinh con thứ ba trở lên, chăm sóc sức khỏe và nuôi dạy con tốt.

- Gia đình cần phải thực hiện đầy đủ các phong trào thi đua; các sinh hoạt, hội họp ở cộng đồng. Thực hiện gia đình nề nếp, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Chủ động bài trừ, xóa bỏ các nghi thức, hủ tục, định kiến về giới, tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa mới phù hợp với phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; thực hiện tốt luật Bình đẳng giới, coi trọng vai trò phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội.

- Các thành viên trong gia đình phải có nếp sống văn hóa lành mạnh, tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí các loại hình văn hóa lành mạnh khác đúng chuẩn mực đạo đức xã hội; thường xuyên luyện tập thể dục thể thao, giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh tốt.

- Quan hệ xóm, làng, khu phố: tôn trọng, đoàn kết yêu thương lẫn nhau; có tinh thần giúp đỡ về vật chất lẫn tinh thần đối với mọi người trong khu phố, khóm, ấp vượt qua những khó khăn, hoạn nạn; đoàn kết giúp nhau phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, giúp đỡ trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, chăm sóc tốt người già cô đơn, người có công với nước.

- Các thành viên trong gia đình phải tích cực học tập, lao động để góp phần tăng thu nhập trong gia đình; không được cưỡng bức, bóc lột sức lao động hoặc yêu cầu đóng góp tài chính vượt quá thu nhập của thành viên trong gia đình.

- Phải có kế hoạch và chăm lo phát triển kinh tế gia đình vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các thành viên; phải đề cao ý thức tự lực, tự cường, xây dựng gia đình theo hướng phát triển bền vững.

3. Kết luận

Gia đình là tế bào của xã hội, là cầu nối giữa cá nhân với xã hội, hội nhập với thế giới. Cùng với sự phát triển của đất nước, bên cạnh những thành tựu đạt được trong việc nâng cao chất lượng sống của các gia đình, vẫn còn có nhiều vấn đề cần quan tâm, giải quyết như tình trạng ly hôn, ly thân, tảo hôn, phụ nữ lấy chồng nước ngoài qua môi giới bất hợp pháp, mua bán người... diễn biến phức tạp. Tệ nạn xã hội vẫn đang tiếp tục xâm nhập vào gia đình, đặc biệt là giới trẻ. Vấn đề bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em nghiêm trọng gây lo lắng, bức xúc trong dư luận xã hội. Chính những vấn đề này đã đem đến cho gia đình Việt Nam những nguy cơ,

thách thức ngày càng phức tạp. Vai trò của gia đình trong việc ngăn chặn sự tha hóa cá nhân, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống sẽ ngày càng mang ý nghĩa sống còn. Do đó, đối với cả nước nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng, việc tăng cường, đẩy mạnh chất lượng công tác xây dựng gia đình văn hóa, đồng thời giải quyết, đẩy lùi các tệ nạn xã hội là vấn đề cấp thiết cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền và toàn thể nhân dân. Chính vì vậy, thông qua đề xuất một số giải pháp nêu trên, tôi hy vọng có thể góp một phần nhỏ vào việc xây dựng gia đình văn hóa trong tỉnh ngày càng ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Báo cáo kết quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và công tác gia đình tỉnh Đồng Tháp năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ năm 2018.

[2] Hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa số 74/HD-BCĐ UBND tỉnh Đồng Tháp, ngày 01 tháng 07 năm 2014.

[3]<http://toquoc.vn/dong-thap-cong-tac-gia-dinh-mot-trong-nhung-tieu-chi-cu-the-trong-phong-trao-xay-dung-doi-song-van-hoa-2018111314143115.htm>

[4]<http://luanvan.co/luan-van/luan-van-van-hoa-gia-dinh-va-xay-dung-gia-dinh-van-hoa-o-tinh-ha-tinh-hien-nay-43686/>

[5]<http://toquoc.vn/dong-thap-thuc-hien-co-hieu-qua-cong-tac-phong-chong-bao-luc-gia-dinh-99205559.htm>

[6]<http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/sach-chinh-tri/books-0105201511342446/index-310520151134004663.html>

[7] <https://khotrithucso.com/luan-van-do-an-bao-cao/khoa-hoc-xa-hoi/xahoi-hoc/thuc-trang-va-giai-phap-xay-dung-gia-dinh-viet-nam-hien-nay.html>

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM Ở HỌC SINH TIỂU HỌC

SVTH: Đào Vị Thảo, Lớp: ĐHCCTXH16A

GVHD: ThS. Trần Kim Ngọc

Tóm tắt

Vấn đề xâm hại tình dục trẻ em trong xã hội diễn ra ngày càng phức tạp, gây ra các hậu quả nghiêm trọng. Bài viết xin giới thiệu một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức cho học sinh tiểu học về xâm hại tình dục trẻ em như trang bị kiến thức phòng tránh xâm hại tình dục; giáo dục kỹ năng sống; giáo dục giới tính với những nội dung và phương pháp phù hợp với lứa tuổi; đẩy mạnh công tác truyền thông về xâm hại tình dục đến trẻ em và gia đình. Thông qua bài viết, tác giả hy vọng các phụ huynh, thầy cô giáo và những người quan tâm có thể trang bị cho con em mình, đặc biệt là học sinh tiểu học những kiến thức cơ bản về xâm hại tình dục và những giải pháp để phòng ngừa xâm hại tình dục ở trẻ em.

Từ khóa: Trẻ em, giải pháp, nhận thức, xâm hại tình dục, xâm hại tình dục trẻ em, học sinh, học sinh tiểu học

1. Mở đầu

Hiện nay, tình hình tội phạm xâm hại tình dục trẻ em (XHTDTE) diễn ra phức tạp, tính chất mức độ ngày càng nghiêm trọng và có chiều hướng gia tăng, gây bức xúc trong dư luận và để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Theo thống kê của Quỹ dân số Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, 93% đối tượng XHTDTE là người thân quen. Trên thế giới cứ 4 bé gái, một bé bị xâm hại tình dục (XHTD). Các bé trai cũng không an toàn khi trung bình cứ 6 em, một bé bị xâm hại. Tuy nhiên, nhiều phụ huynh hiện nay vẫn lầm tưởng quấy rối, XHTD chỉ xảy ra ở bé gái.⁹

Theo thống kê, mỗi năm có đến 1.500 vụ XHTDTE, đồng nghĩa với việc cứ 6 giờ trôi qua lại có 1 vụ trẻ bị xâm hại. Theo báo cáo, 5 tháng đầu năm 2018 đã có hơn 700 trẻ bị xâm hại, trong đó, XHTD chiếm hơn 80%. Tuy nhiên, các chuyên gia cho rằng con số này chỉ là những vụ việc được báo cáo, còn rất nhiều vụ nạn nhân bị chính kẻ xâm hại dọa dẫm hoặc vì lý do nào đó đã không được thông kê.¹⁰ Đáng chú ý là tình trạng loạn luân (bố đẻ hiếp dâm con gái nhiều lần; bố dượng hiếp dâm con gái riêng của vợ; anh trai hiếp dâm em gái) hay tình trạng hiếp dâm tập thể, hiếp dâm trẻ em (TE) dưới 5 tuổi, hiếp dâm rồi giết TE, thầy giáo xâm hại học sinh (HS)... đang có chiều hướng gia tăng, phản ánh những hiện tượng tâm lý xã hội không bình thường; số TE ít tuổi bị XHTD có chiều hướng gia tăng.¹¹

Theo các chuyên gia, việc cung cấp cho trẻ những “mẹo thoát hiểm” đơn giản là hết sức cần thiết. Chẳng hạn, khi bị nắm tay kéo đi, trẻ cần quấy đạp vào chân đối tượng, miệng vừa kêu cứu thật to. Hoặc khi trẻ bị tóm tóc thì cần làm gì để chạy trốn... “Độ tuổi dậy thì của bé gái từ 9-11 tuổi. Do đó, cần dạy con các kỹ năng bảo vệ thân thể cần thiết ngay từ khi 3 tuổi, nếu không sẽ quá muộn”.¹²

Việc giúp trẻ nâng cao nhận thức (NT) về XHTDTE, đặc biệt là ở học sinh tiểu học (HSTH) là điều hết sức cần thiết. Thông qua bài viết “Một số giải pháp nâng cao nhận thức về xâm hại tình dục trẻ em ở học sinh tiểu học” tác giả hy vọng có thể cung cấp một số giải pháp (GP) cơ bản để các phụ huynh, thầy cô giáo và những người quan tâm có thể trang bị cho con em mình, đặc biệt là HSTH những kiến thức cơ bản về XHTD và những GP để phòng ngừa XHTDTE.

2. Một số giải pháp nâng cao nhận thức về xâm hại tình dục trẻ em ở học sinh tiểu học

⁹ <https://news.zing.vn/con-so-dang-bao-dong-ve-xam-hai-tinh-duc-tre-em-tai-viet-nam-post728356.html>

¹⁰ Báo Kinh tế Đô Thị: <http://kinhthedothei.vn/5-thang-dau-nam-2018-co-735-tre-em-bi-xam-hai-317976.html>

¹¹ Nguyễn Thị Ngọc Dung - Ngô Xuân Tinh, “Tình trạng trẻ em bị xâm hại tình dục - Những vấn đề cần quan tâm”, Tạp chí nghiên cứu lí luận, nghiệp vụ, khoa học của Học Viện Cảnh sát nhân dân.

¹² Báo Đời sống Việt Nam: <https://doisongvietnam.vn/bai-hoc-giao-duc-gioi-tinh-cho-tre-theo-tung-do-tuoi-me-nhat-dinh-phai-biet-de-day-cho-con-18639-9.html>

2.1. Trang bị kiến thức phòng tránh xâm hại tình dục cho học sinh Tiểu học

XHTDTE là tội ác cần phải lên án và trừng trị thích đáng. Thế nhưng, nhiều người vẫn rất chủ quan và thường phớt lờ về tội ác đó. XHTDTE đã và đang là một thách thức đối với tất cả các quốc gia trên thế giới, đòi hỏi cần có chiến lược và GP kịp thời ứng phó.

Tại Việt Nam, việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục TE, bảo đảm quyền TE được sống hạnh phúc, vừa là mục tiêu, vừa là động lực và tương lai phát triển bền vững đất nước. Đây là một quá trình và sự nghiệp quốc gia, đòi hỏi sự phối hợp, kết hợp đồng bộ, hiệu quả trách nhiệm và hoạt động của toàn hệ thống chính trị với sự nỗ lực của gia đình, nhà trường và toàn xã hội, cũng như các nguồn lực trong nước và quốc tế. Công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ TE ở nước ta từ lâu đã được Đảng và Nhà nước quan tâm chú ý, quan điểm của Đảng được nêu rõ tại Chỉ thị 38-CT/TW và được cụ thể hóa ở hệ thống pháp luật liên quan đến quyền TE. Trong đó nhấn mạnh: “Trẻ em là nguồn hạnh phúc của gia đình, là tương lai của dân tộc, là lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, cần được ưu tiên bảo vệ, chăm sóc và giáo dục.”¹³

XHTD có thể được hiểu là hành vi tình dục không tự nguyện, trong một số trường hợp còn dùng đến vũ lực. XHTD có thể bao gồm việc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên, loạn luân, cưỡng hiếp và bóc lột tình dục bởi những người được xem là đáng tin cậy, chẳng hạn như bác sĩ, giáo viên hoặc giới tăng lữ. Các nạn nhân bị quấy rối tình dục, dù qua lời nói hay về thể chất, thường bị đe dọa hãm hại nếu nói ra sự việc.¹⁴

Có thể thấy rằng, hậu quả của tội phạm XHTDTE là hết sức nghiêm trọng đối với bản thân nạn nhân và gia đình, xã hội. Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, công tác tuyên truyền, theo dõi, làm bạn với con trẻ là hết sức quan trọng để phát hiện loại tội phạm XHTDTE. Nạn XHTDTE đang gia tăng đến mức báo động. Đây là một loại tội ác đặc biệt nghiêm trọng, cần phải bị cả xã hội lên án và loại bỏ. Để nâng cao hiệu quả phòng chống nạn XHTDTE, cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa gia đình, nhà trường, truyền thông, các cơ quan chức năng cũng như sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội.

Theo các nhà giáo dục, trong chương trình mới, học sinh lớp 4-5 đã được tiếp cận với các vấn đề về giới tính, sự phân biệt giữa nam và nữ, được học về “Sự sinh sản”, “Vệ sinh tuổi dậy thì”... Dù đã có chủ trương giáo dục giới tính cho học sinh bậc tiểu học càng sớm càng tốt nhưng nhiều giáo viên lẫn phụ huynh vẫn có ý kiến, quan điểm khác nhau. Có không ít ý kiến nghi ngại, cho rằng giáo dục kiến thức giới tính quá sớm giống như con dao hai lưỡi và phương pháp dạy không phù hợp, nửa vời sẽ dễ kích thích trẻ quan tâm đến chuyện tế nhị này nhiều hơn, khó kiểm soát.

Tuy nhiên, kinh nghiệm ở các nước phát triển cho thấy, họ dạy chuyện này cho học sinh rất sớm và cách dạy về giới tính rất tự nhiên, không khiên cưỡng như ở ta. Vấn đề đặt ra là giáo dục, truyền đạt kiến thức, kỹ năng sống, cách phòng vệ tránh bị xâm hại như thế nào để ở mỗi độ tuổi, lớp học các em lĩnh hội nó một cách đúng đắn, khoa học nhất. Song song đó, các bậc cha mẹ cũng phải quan tâm bảo vệ con mình bằng cách đồng hành, trang bị kiến thức, kỹ năng phòng ngừa rủi ro, nguy cơ xâm hại luôn rình rập.

Vì vậy việc cha mẹ, thầy cô và các ban ngành đoàn thể tuyên truyền, giáo dục cho trẻ nhận biết các hành vi quấy rối, XHTD là điều hết sức cần thiết. Ngoài việc trẻ có thể tự bảo vệ bản thân tránh những tình huống, hành vi xâm hại còn là việc phát hiện, thông báo kịp thời với người giám hộ về các hành vi khi bị XH.

2.2. Giáo dục trẻ nhận biết về những bộ phận cơ thể

Trong những năm gần đây, tình trạng tội phạm xâm hại TE có xu hướng gia tăng, trong đó, tội phạm XHTD chiếm một tỉ lệ lớn. Hành vi XHTD không chỉ gây ra cho các em nỗi đau đớn về thể xác mà còn để lại những sang chấn tâm lí lâu dài và hết sức nặng nề. Vì vậy, gia đình và phía nhà trường cần phải có nhiều GP để ngăn chặn những hành vi đáng lên án này.

¹³ Tạp chí lí luận, nghiệp vụ, khoa học của học viện cảnh sát nhân dân: <http://www.csnd.vn/Home/Print/902/Xam-hai-tinh-duc-tre-em-o-Viet-Nam-Nguyen-nhan-va-cac-giai-phap-phong-chong/>

¹⁴ JW.ORG Nhân Chứng Giê-hô-va: <https://www.jw.org/vi/kinh-thanh-giup-ban/thanh-thieu-nien/thac-mac/x%C3%A2m-h%E1%BA%A1i-t%C3%ACnh-d%E1%BB%A5c/>

Quy tắc bàn tay giao tiếp là một trong những quy tắc cực kì quan trọng trong việc giúp trẻ NT được sự quan trọng trong từng mối quan hệ được tiếp xúc thế nào và từ đó ngăn ngừa trẻ bị xâm hại bởi những người không đáng tin. Cha mẹ cần dạy trẻ biết quy tắc bàn tay giao tiếp (mỗi ngón tay là một quy tắc). Cụ thể, ngón cái ôm hôn, dùng với người thân ruột thịt trong gia đình như ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột. Ngón trỏ nắm tay với bạn bè, thầy cô, họ hàng. Ngón giữa bắt tay khi gặp người quen. Ngón áp út vẫy tay nếu đó là người lạ. Ngón út xoa tay không tiếp xúc, thậm chí hét to và bỏ chạy nếu những người xa lạ mà bé cảm thấy bất an, tiến lại gần và có cử chỉ thân mật.

Dạy trẻ về giới tính và các vùng nhạy cảm trên cơ thể. Kỹ năng đầu tiên về phòng chống XHTDTE mà các bậc cha mẹ cần dạy cho con mình đó là những kiến thức về giới tính và nhận biết các vùng nhạy cảm trên cơ thể như: vùng mặt và vùng cơ thể... Nhiều trường hợp trẻ bị xâm hại mà không thể tự nhận biết được mức độ nghiêm trọng của vấn đề do còn quá nhỏ và thiếu hiểu biết về các vấn đề trên. Thế nên những kẻ biến thái có thể dễ dàng đụng chạm vào cơ thể các bé. Cha mẹ cần chú tâm hơn trong việc giáo dục giới tính cho trẻ, dù ở tuổi nào trẻ con cũng cần biết tùy theo mức độ. Hãy chỉ cho trẻ nhận biết rằng các vùng nhạy cảm trên cơ thể là nơi quan trọng nghiêm cấm bất kỳ ai động chạm. Kể cả cô chú người thân quen có xin phép thì con cũng hãy từ chối và nhớ quy tắc bàn tay giao tiếp để cân nhắc về mối quan hệ.

Ngoài việc dạy con nhận biết các vùng nhạy cảm quan trọng ở trên xong rồi thì cha mẹ cần dạy cho trẻ biết cách tự bảo vệ cơ thể trước sự động chạm của người khác một cách cố ý. Hãy hướng dẫn con như là: “Nếu ai đó cố ý động chạm con bằng được và con không thích điều đó, hãy xử lý nhanh nhất bằng cách bỏ chạy” hoặc “nếu cảm thấy sự nguy hiểm lớn hơn thì con vừa bỏ chạy vừa la lớn, nhờ sự giúp đỡ của những người xung quanh khi không có người thân bên cạnh”. Để giúp con có kỹ năng phòng chống xâm hại TE tốt nhất, các bậc cha mẹ hãy nên dạy cho trẻ cách bảo vệ cơ thể của mình ngay từ khi trẻ nghe NT được ngôn ngữ để đủ hiểu.¹⁵

Bên cạnh việc dạy trẻ tự bảo vệ cơ thể của mình rồi thì các bậc cha mẹ cũng cần dạy trẻ chú ý không chạm vào vùng nhạy cảm của người khác, đặc biệt là một người khác giới. Tuyệt đối không nên tò mò về cơ thể người khác để tránh bị lợi dụng, dụ dỗ hay vô tình kích thích thú tính của những kẻ xấu xa. Trẻ cần được dạy những kiến thức về giới tính và bảo vệ mình tránh những điều nuối tiếc xảy ra trong tương lai.

Hãy dạy cho trẻ cách nói “không” và tránh xa người lạ mặt. Trẻ sẽ không nên bắt chuyện hay làm quen với bất kỳ ai mà bé gặp trên đường nếu không có sự đồng ý của cha mẹ. Bởi bất kỳ ai cũng có thể dễ dàng khiến bé rời xa cha mẹ và gây hại cho bé, hãy dạy con về điều này và đảm bảo trẻ không dễ bị dụ dỗ bởi những món bé yêu thích.

Phụ huynh cần dạy cho trẻ cách giữ bình tĩnh, con không phải sợ hãi hay lo lắng khi có bất kỳ kẻ nào đe dọa sẽ hoặc làm tổn thương đến con nếu con mách lại với bố mẹ. Trong trường hợp có kẻ xấu đe dọa trẻ phải giữ bí mật thì trẻ nên thông báo cho cha mẹ và người thân biết để giúp trẻ xử lý kẻ xấu vì có như vậy mới là biện pháp giúp con tốt nhất. Bên cạnh đó, khi các bé không thích tiếp xúc với bất kỳ người nào, bé cũng nên chia sẻ cho cha mẹ biết và tránh xa những người mà bé không thích hay có những hành vi đụng chạm hay vượt ngoài giới hạn. Cha mẹ sau khi nghe hãy tin tưởng con và cố gắng tâm sự với con để con bớt lo lắng và đề phòng.

2.3. Giáo dục giới tính phù hợp với lứa tuổi của trẻ

Theo lời khuyên từ các chuyên gia, ngay từ khi trẻ còn nhỏ, cha mẹ hãy cung cấp cho con một cái nhìn chính xác về những vấn đề liên quan đến cơ thể. Trong 3 môi trường giáo dục giúp hình thành nên nhân cách của một con người gồm: Gia đình – Nhà Trường – Xã hội thì gia đình đóng vai trò quan trọng nhất.¹⁶

Trong lúc trò chuyện với trẻ, cha mẹ nên xem những vấn đề liên quan giới tính như một điều tốt đẹp, là bình thường mà ai cũng trải qua. Khi được nghe cha mẹ nói về những giá trị,

¹⁵ Báo Tuổi trẻ: <https://tuoitre.vn/huong-dan-ky-nang-phong-chong-xam-hai-tinh-duc-cho-tre-em-20170928160043977.htm>

¹⁶ Báo Mới: <https://baomoi.com/cha-me-can-lam-gi-de-tre-khong-bi-bao-hanh-va-xam-hai-tinh-duc/c/24131535.epi>

đâu là những điều tốt và không tốt, nên làm và không nên làm thì trẻ sẽ thỏa chí tò mò và bớt nghĩ đến chuyện tìm hiểu về vấn đề này ở các nguồn khác. Điều quan trọng nhất trong vấn đề giáo dục giới tính là truyền đạt thông tin phù hợp với lứa tuổi và trình độ hiểu biết của trẻ.

Khi bé vừa biết đi, hãy nói với trẻ về cấu tạo chung của cơ thể chúng. Dạy bé biết tên gọi tất cả các bộ phận trên người, bao gồm cả các bộ phận sinh dục. Bắt đầu dạy cho con về những hành động gì không nên làm, một vài bộ phận cơ thể là riêng tư và không thể chỉ cho người khác thấy hay đụng chạm (ngoại trừ cha, mẹ và bác sĩ khám bệnh).⁸

Khi trẻ sắp đến tuổi đi học, cần nói cho trẻ biết những bộ phận nhạy cảm và những bất thường liên quan đến giới tính có thể xảy ra có thể khiến chúng cảm thấy hoang tưởng và lo sợ.

Đối với trẻ 5 đến 8 tuổi, hãy cung cấp cho trẻ những thông tin đầy đủ chính xác để thỏa mãn sự tò mò bên cạnh những miêu tả về mặt y học. Từ 8 đến 10 tuổi, Đây là giai đoạn thích hợp nhất để cha mẹ tạo ra ảnh hưởng trên con trẻ, dạy chúng về những giá trị của tình dục và các hành vi liên quan.¹⁷

2.4. Đẩy mạnh công tác truyền thông về xâm hại tình dục đến trẻ em và gia đình

Trẻ em là những người đang trong độ tuổi phát triển, chưa hoàn thiện về mặt thể chất và tâm sinh lý. Vì vậy, khi trẻ bị xâm hại tình dục sẽ dẫn đến những hậu quả lâu dài không chỉ cho trẻ em – nạn nhân trực tiếp mà còn gây ra những ảnh hưởng tiêu cực cho gia đình trẻ bị xâm hại và cộng đồng xã hội.

Về mặt tinh thần, hậu quả lớn nhất khi trẻ bị xâm hại tình dục là trẻ tổn thương về tinh thần và ảnh hưởng đến tương lai (84,3%). Trẻ dễ bị mặc cảm, phát triển không bình thường (65,7%). Trẻ khó hoà nhập với xã hội (55,7%).¹⁰

Về sức khỏe, tổn thương về sức khoẻ thể chất chiếm (69,1%). Gây ra những tổn thương nặng nề tại bộ phận sinh dục: bị nhiễm trùng đường tiết niệu, chảy máu kéo dài ở bộ phận sinh dục,... Bị nhiễm các bệnh xã hội, bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS. Với các em nữ việc bị xâm hại tình dục có thể khiến các em mang thai ngoài ý muốn gây nguy hiểm cho bản thân và thai nhi (vì cơ thể các em chưa phát triển hoàn chỉnh). Những trường hợp xâm hại tình dục đi kèm với bạo lực có thể dẫn tới tử vong.

Từ các tài liệu nhi khoa và tâm lý bệnh nhi cho thấy: Nhiều trẻ sau khi bị xâm hại tình dục có sự hoảng loạn, xuất hiện các ảo giác bệnh lý (luôn có cảm giác bất an, giật mình, tưởng tượng ra hình ảnh kẻ xâm hại hay tiếng nói của kẻ xâm hại,...). Nghiêm trọng hơn, sau khi bị xâm hại tình dục không ít em có suy nghĩ tìm đến cái chết do bị sốc về mặt tinh thần. Các em rơi vào trạng thái hoảng sợ và cảm thấy không có lối thoát. Một phần do xấu hổ, một phần khác do bị kẻ lạm dụng đe dọa nên các em không dám thổ lộ cùng ai.

Để đấu tranh phòng ngừa và hạn chế loại tội phạm này một cách hiệu quả, rất cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Đồng thời cũng cần trang bị cho trẻ kiến thức và ý thức tự bảo vệ mình.

Để gia đình và TE có NT cao hơn về XHTD thì việc đẩy mạnh công tác truyền thông là cần thiết. Về phía nhà trường cần tổ chức nói chuyện chuyên đề về sức khỏe sinh sản cho HS thường xuyên. Tổ chức các buổi ngoại khóa, các cuộc thi về XHTD, tổ chức trò chơi, xây dựng tiểu phẩm về XHTD cho TE. Để các em có cái nhìn rõ nét hơn về vấn nạn này.

Các địa phương cần thực hiện tốt luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục TE, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình bảo vệ TE. Đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục TE nhằm nâng cao NT của các tầng lớp nhân dân về XHTDTE và hậu quả của nó.

Cần đẩy mạnh việc thực hiện phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư... Chú trọng hình thức tư vấn, tham vấn và vận động trực tiếp đối với gia đình và cộng đồng dân cư về kỹ năng bảo vệ TE khỏi bị xâm hại.

Các cơ quan chức năng cần khảo sát và thống kê số lượng TE, nhất là TE có hoàn cảnh đặc biệt để có biện pháp hỗ trợ vật chất, ổn định tâm lý, học văn hóa và học nghề cho trẻ.

¹⁷ VNEXPRESS: <https://vnexpress.net/topic/giao-duc-gioi-tinh-cho-tre-17344>

¹⁰ BENH.vn: <https://benh.vn/hau-qua-tu-hanh-vi-xam-hai-tinh-duc-tre-em-4097/>

UBND các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền về bảo vệ trẻ em tại cộng đồng; tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tập trung vào các cơ sở giáo dục mầm non tư thục trên địa bàn quản lý. Chủ tịch UBND các địa phương chịu trách nhiệm nêu để xảy ra tình trạng xâm hại trẻ em tại địa phương.

Sở Giáo dục Đào tạo thực hiện đưa các nội dung kiến thức bảo vệ trẻ em, phòng chống xâm hại tình dục trẻ em, giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên vào các giờ học hoặc tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa, tăng thời lượng tiết học, đổi mới hình thức giáo dục đối với nội dung này cho phù hợp; phát triển các mô hình điểm tham vấn bảo vệ trẻ em trong trường học; tuyên truyền, tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý các kiến thức bảo vệ trẻ em; thiết lập cơ chế trong trường học để học sinh báo cáo khi phát triển các dấu hiệu, hành vi xâm hại trẻ em; phối hợp với UBND các địa phương tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tập trung vào các cơ sở giáo dục mầm non tư thục.

Ngoài ra, cần xây dựng gia đình hạnh phúc để phòng tránh XHTD ở HSTH. Gia đình là một tế bào của xã hội, có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc và bảo vệ TE. Hạnh phúc gia đình có tầm quan trọng đặc biệt đối với cuộc đời mỗi con người. Hạnh phúc gia đình tan vỡ sẽ đem đến bất hạnh cho nhiều người, nhất là con trẻ. Gia đình yên ấm hạnh phúc là điều kiện, tiền đề quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách. Tình trạng ly hôn, ly thân càng gia tăng thì kéo theo những hệ lụy không nhỏ đối với từng gia đình và toàn xã hội: TE hư hỏng, mối quan hệ giữa con và cha dượng, con và mẹ kế,...

3. Kết luận

Muốn nâng cao NT của trẻ về XHTD cần xây dựng một hệ thống bảo vệ trẻ một cách hoàn chỉnh từ tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa,... Tuyên truyền cho các gia đình về trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc con cái. Khi chẳng may trẻ bị xâm hại thì nên đưa trẻ đi giám định càng sớm càng tốt để có chứng cứ truy tố đối tượng vi phạm. Cần cung cấp cho TE những kiến thức cơ bản nhất về giới tính. Có thể dạy cho TE biết rằng không ai được chạm vào “chỗ riêng tư” của trẻ. Với trẻ lớn hơn, có thể dạy cho các cháu biết những hành vi lạm dụng tình dục là phạm pháp. Dạy cho trẻ biết quyền mình được bảo vệ và tự bảo vệ.

Bảo vệ trẻ em nói chung và bảo vệ trẻ em khỏi nạn XHTD nói riêng rất cần sự chung tay mạnh mẽ hơn nữa của gia đình, nhà trường, các cơ quan chức năng, các tổ chức xã hội và cả cộng đồng. Hãy làm tất cả để đem lại cho trẻ thơ một cuộc sống yên bình và hạnh phúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Thị Ngọc Dung - Ngô Xuân Tính, “*Tình trạng trẻ em bị xâm hại tình dục - Những vấn đề cần quan tâm*”, ngày 29/5/2015, *Tạp chí nghiên cứu lý luận, nghiệp vụ, khoa học của Học Viện Cảnh sát nhân dân*, <http://csnd.vn/Home/Nghien-cuu-Trao-doi/1104/Tinh-trang-tre-em-bi-xam-hai-tinh-duc-Nhung-van-de-can-quan-tam>

[2]. Thanh Đỗ, “*Xâm hại tình dục trẻ em ở Việt Nam - Nguyên nhân và các giải pháp phòng, chống*”, ngày 17/4/2015, *Tạp chí lý luận, nghiệp vụ, khoa học của học viện cảnh sát nhân dân*, <http://www.csnd.vn/Home/Print/902/Xam-hai-tinh-duc-tre-em-o-Viet-Nam-Nguyen-nhan-va-cac-giai-phap-phong-chong>

[3]. Hồ Hạ, *Báo Kinh tế Đô Thị*, ngày 05-06-2018, <http://kinhtedothi.vn/5-thang-dau-nam-2018-co-735-tre-em-bi-xam-hai-317976.html>

[4]. Hằng Thanh, “*Cha mẹ cần làm gì để trẻ không bị bạo hành và xâm hại tình dục?*”, ngày 30/11/2017, *Báo Mới*, <https://baomoi.com/cha-me-can-lam-gi-de-tre-khong-bi-bao-hanh-va-xam-hai-tinh-duc/c/24131535.epi>

[5]. Phạm Phúc Thịnh, “*Giáo dục giới tính cho trẻ*”, ngày 19/12/2014, VNEXPRESS, <https://vnexpress.net/topic/giao-duc-gioi-tinh-cho-tre-17344>

[6]. “*Bài học giáo dục giới tính cho trẻ theo từng độ tuổi, mẹ nhất định phải biết để dạy cho con*”, ngày 15-03-2017, *Báo Đời sống Việt Nam*, <https://doisongvietnam.vn/bai-hoc-giao-duc-gioi-tinh-cho-tre-theo-tung-do-tuoi-me-nhat-dinh-phai-biet-de-day-cho-con-18639-9.html>

[7]. “*Những điều nên biết về nạn xâm hại tình dục?—Phần 1: Đề phòng*”, JW.ORG Nhân Chứng Giê-hô-va, <https://www.jw.org/vi/kinh-thanh-giup-ban/thanh-thieu-nien/thac-mac/x%C3%A2m-h%E1%BA%A1i-t%C3%ACnh-d%E1%BB%A5c/>

[8]. “*Hướng dẫn kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ em*”, ngày 28/09/2017, Báo Tuổi trẻ, <https://tuoitre.vn/huong-dan-ky-nang-phong-chong-xam-hai-tinh-duc-cho-tre-em-20170928160043977.htm>

[9]. <https://news.zing.vn/con-so-dang-bao-dong-ve-xam-hai-tinh-duc-tre-em-tai-viet-nam-post728356.html>

[10]. “*Hậu quả từ hành vi xâm hại tình dục trẻ em*”, ngày 02/6/2018, Trang thông tin y học thường thức, <https://benh.vn/hau-qua-tu-hanh-vi-xam-hai-tinh-duc-tre-em-4097/>

ĐỘC ĐÁO BÙA CHÚ CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

SV: Nguyễn Thị Thanh Trúc, Huỳnh Thế Phong, Lớp: ĐHVNH16A

GVHD: TS. Nguyễn Thị Song Thương

Tóm tắt

Bùa chú – một thuật ngữ trong thế giới tâm linh mà phần lớn ngày nay khi nhắc đến đa phần chúng ta đều có những lo ngại và bán tín bán nghi bởi màu sắc hoang đường, và sự siêu hình của nó. Có những loại bùa chú tuy mang màu sắc hoang đường nhưng bản chất của nó là văn hóa tâm linh và nếu không hiểu cận kề về văn hóa thì không dễ để nhận ra giá trị văn hóa của những loại bùa chú đó dẫn đến việc lầm lẫn với các loại bùa chú tiêu cực, mê tín. Điển hình cho bùa chú trong văn hóa tâm linh chính là bùa chú trong sinh hoạt tín ngưỡng lâu đời của người Khmer Nam bộ. Đây là một hình thức sinh hoạt tín ngưỡng lâu đời trong văn hóa của cộng đồng người dân tộc Khmer ở rất nhiều tỉnh miền Tây Nam bộ như An Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh,...

Từ khóa: Bùa chú, tín ngưỡng, người Khmer, Nam bộ

Nội dung chính

1. Khái quát về bùa chú

1.1. Bùa chú là gì?

Bùa chú là gì? Vấn đề khái niệm về bùa chú đã tồn tại từ rất lâu đời và có nhiều cách để định nghĩa cho bùa chú. Bùa chú là một loại hình sinh hoạt mang tính chất ma thuật, có nguồn gốc từ tự nhiên hay nhân tạo, thông qua nghi lễ, thần chú để kết nối với thế giới siêu nhiên,... Nhưng tùy vào hình thức, nội dung và mục đích của bùa chú trong một hoàn cảnh, thời gian, không gian nhất định, sẽ có những định nghĩa khác nhau.

Nhưng để định nghĩa một cách khác có thể nói bùa chú là một vật chất tối vô hình được tạo ra từ ý thức của con người thông qua các niềm tin vào thế giới siêu nhiên, màu sắc hoang đường.

1.2. Cách thức thể hiện của bùa chú

Bùa chú được biểu hiện thông qua các vật thể hữu hình trong đời sống sinh hoạt của con người và các nghi lễ cúng tế, hình thức sinh hoạt mang tính chất tâm linh. Cách thức để triệu hồi một sức mạnh bùa chú từ thế giới tâm linh đến với các vật thể trong đời sống hiện thực là chú ngữ (Lời tụng niệm, thần chú...) hay những hành động của con người mang tính chất tâm linh để tạo niềm tin kết nối giữa ý thức và vật chất. Bùa chú được biểu hiện qua các vật thể hữu hình trong thế giới duy vật nên dễ tạo niềm tin cho con người vào vật thể đó, đồng nghĩa với việc tin vào ý thức bùa chú được truyền tải. Những vật mà ta thường thấy và gọi nó là bùa như: một mảnh giấy, một nhúm tóc, dây chuyền... Tất cả những thứ đó không thuộc về ý thức và nó cũng không phải là bùa chú cho đến khi ý thức về một sức mạnh siêu nhiên. “Bùa chú” được con người truyền tải vào cùng với một nội dung nhất định cho loại bùa chú ấy. Lúc này vật thể đó không còn mang bản chất tầm thường của nó là một mảnh giấy hay sợi dây mà là một loại bùa chú, là phương tiện để biểu hiện nội dung tâm linh của loại bùa chú đó.

Vậy theo cách hiểu này ta nhìn bùa chú ở một góc độ khác. Nó không có nguồn gốc từ tự nhiên hay nhân tạo từ thế giới vật chất. Cái mà chúng ta có thể va chạm và nhìn thấy đều thuộc về vật chất hữu hình (duy vật). Bùa chú là một ý thức của con người hình thành trong thế giới duy tâm và kết nối với thế giới thực thông qua nhận thức của con người truyền tải ý thức đó vào các vật thể của thế giới duy vật để biểu hiện và tồn tại.

1.3. Bản chất của bùa chú đến nhận thức của con người về bùa chú

Bản chất chung của tất cả các loại bùa chú bao giờ cũng mang tính chất siêu nhiên, nhiệm màu, nhờ niềm tin từ ý thức để tạo ra một sức mạnh gần như hữu hình và tồn tại bằng niềm tin của con người vào thế giới siêu hình. Bùa chú luôn mang tính chất thần bí, phá bỏ các định luật, định lý thuộc về khoa học, hiện thực để hướng tới bản chất hoang đường, tồn tại và quyết định được những điều vô lý nhất bất chấp các quy luật vốn có của vạn vật trong thế giới này.

Nhận thức về bùa chú ở những người có thể bắt gặp ba cách thức phản ứng.

Một là, họ khẳng định rằng thế giới của bùa chú tồn tại thực sự và những tác dụng của bùa chú là điều tất nhiên sẽ xảy ra.

Hai là, họ sẽ bác bỏ hoàn toàn sự tồn tại của bùa chú trong thế giới duy vật này và cho rằng thế giới này chỉ có các định lý, định luật của khoa học hiện thực và không tồn tại một sức mạnh siêu nhiên nào khác.

Ba là, một cách phản ứng cân bằng, họ có những tư duy rất khoa học và hiện thực. Tuy nhiên ở một góc độ khoa học nào đó con người nhận thức được sự tồn tại của sức mạnh vô hình không thể nhìn thấy hay cảm nhận trực tiếp bằng giác quan cơ bản.

Nếu nhìn và áp dụng bùa chú ở một góc độ vừa phải, không lạm dụng thì nó có tác dụng cân bằng thế giới và là một cơ sở tạm thời để giải thích chính cái thế giới duy vật mà chúng ta đang sống và nhận thức. Bùa chú, nếu được điều tiết, ngừng lại ở tâm linh, tín ngưỡng hay một niềm tin tôn giáo sẽ tạo cho con người một điểm tựa tinh thần vô cùng vững chắc để lao động sản xuất và phát triển. Vì thế, không vì điều vô lý, hoang đường của bùa chú mà ta đánh giá sự tồn tại của nó là tiêu cực hoàn toàn.

2. Cơ sở hình thành và phân loại bùa chú của người Khmer Nam Bộ

2.1. Cơ sở hình thành bùa chú của người Khmer Nam Bộ

2.1.1. Quan niệm nhận thức về thế giới quan của người Khmer Nam Bộ

Vào thời đại con người còn nhận thức chủ quan về vạn vật và thế giới, cộng với sự tồn tại và phát triển của các triết học duy tâm, định nghĩa thế giới là một thế giới siêu hình, ý thức ra đời trước và quyết định vật chất. Từ đó, con người với cách nhìn chủ quan như triết học duy tâm nên giải thích mọi hiện tượng trong đời sống theo lối thần thánh hóa vạn vật.

Từ việc nhận thức thế giới một cách chủ quan mà con người có cách đối phó, ứng xử với tự nhiên một cách tương tự. Dần dần việc tin vào các thế lực siêu nhiên trở thành chân lý trong nhận thức và hình thành các nghi lễ, cúng bái, niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo thuyết đa thần.

2.1.2. Niềm tin vào các thế lực siêu nhiên, tôn giáo, tín ngưỡng của dân tộc

Bùa chú của người Khmer Nam Bộ ban đầu bắt nguồn từ các vị chân tu trong đạo Bà La Môn. Tuy nói thế bùa chú của họ ngày nay không thuộc hoàn toàn gốc rễ từ Brahman mà bùa chú vốn dĩ là một hoạt động mang tính chất ma thuật, có mặt ở rất nhiều tôn giáo và mỗi tôn giáo, mỗi thầy bùa có một cách quy định riêng cho bùa phép của họ. Bùa chú của người Khmer ban đầu do các vị chân tu của đạo Bà La Môn sử dụng. Trong giáo lý của Brahman, những lời Preara, tức những lời khấn cầu với thần thánh và được tập hợp thành những câu từ kinh điển để tụng trong các buổi lễ, nghi thức cúng bái thần thánh. Trong Phật giáo có các bài tụng niệm Mantra với nội dung, mục đích cầu may, trừ tà... Nếu những nội dung đó được đọc lên thành tiếng thì sẽ sinh ra tác dụng tương tự.

Từ các giáo lý đó mà các chân tu của người Khmer sử dụng làm thân chú để luyện thành bùa chú, biểu hiện qua các hiện vật và đôi khi là những nghi thức mang tính ma thuật với nội dung nhất định để tạo ra một loại bùa chú vô hình tác dụng lên một người nhất định.

Trong hệ thống tâm linh cơ bản lúc nào cũng tồn tại hai thế lực là thần linh và tà ma. Con người một khi đã tin vào thế giới tâm linh thì ít nhiều cũng có sợ hãi, lo lắng sự tấn công vô hình của các thế lực tà ma. Vì thế, để tránh thấy những điều đó họ thường cầu khấn đến thần linh và bùa chú được coi như một vật thể duy nhất hiện hình và minh chứng cho cái gọi là phép thuật trừ khử tà ma.

2.1.3. Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội

Môi trường tự nhiên là một yếu tố không thể thiếu trong việc hình thành các hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng của người Khmer Nam Bộ. Nam Bộ là vùng đất với điều kiện thiên nhiên ưu đãi từ xưa đến nay. Bởi thế, nơi đây đã trở thành nơi định cư của dân lưu vong, trong đó có người Khmer. Với điều kiện thiên nhiên đó, người Khmer Nam Bộ sống chủ yếu với nghề nông và có một cách tư duy đơn giản về vạn vật và cuộc sống của họ. Cộng thêm sinh sống trong môi trường đầy các tư tưởng, quan niệm đa thần khiến họ dễ tin vào những hoạt động, tư tưởng mang tính chất thần bí, ma thuật.

2.2 Phân loại bùa chú của người Khmer

Bùa chú của người Khmer có hai dạng.

Dạng bùa chú vô hình. Bùa chú ở dạng này không thể nhìn thấy, nó thuộc về kinh sách, thần chú. Dạng bùa này sử dụng lời tụng niệm trong kinh sách và thực hiện các nghi lễ để truyền ý thức bùa chú vào trực tiếp trong con người. Sau khi nghi thức kết thúc, người đó mặc định đã nhận được từ thế giới thần linh một quyền năng đặc biệt siêu hình nào đó để thay đổi thực tại theo ý muốn của người đó và theo nội dung của thần chú đã được tụng niệm. Mặt khác biểu hiện qua tính chất cầu nguyện, chỉ cần một người đọc lên một câu thần chú nào đó thì nội dung đó mặc nhiên sẽ linh ứng không thông qua một nghi thức nào.

Dạng bùa chú hữu hình, là loại bùa chú mà chúng ta dễ dàng bắt gặp và nhận diện. Đối với loại bùa chú này thì ý thức bùa chú được truyền tải một cách gián tiếp đến người sử dụng thông qua các vật dẫn (tóc, mảnh giấy, chữ viết, hình xăm,...) bất kể thứ gì chỉ cần nó mang tính chất gắn liền với đời sống sẽ được mang ra làm phép, cúng bái để truyền ý thức bùa chú. Từ đó mà quy định nên loại bùa chú qua hiện vật đó. Loại bùa chú này có tác dụng đối với nhiều người nhưng không đồng loạt, nó có tác dụng lên người sở hữu. Đôi khi có một số do quy định trong quy tắc mà chỉ có tác dụng cho một người duy nhất. Bản chất đặc trưng của nhóm bùa này là phải giữ bên mình hiện vật đã được truyền phép.

2.3. Vật dẫn, đối tượng thờ cúng và một số loại bùa chú thường gặp của người Khmer Nam Bộ

2.3.1. Vật dẫn và cách thức luyện bùa của người Khmer Nam Bộ

Nói về vật dẫn trong luyện bùa phép, vật dẫn là hiện vật bất kỳ mà người muốn thỉnh bùa mang tới hoặc người luyện bùa sẽ tự quy định để làm nơi gửi gắm sức mạnh bùa chú. Các vật dẫn thường là tóc, giấy, đồng xu, mảnh gỗ, hình xăm... Sau khi vật dẫn đã được luyện thành bùa chú sẽ có hai cách để sử dụng bùa. Cách trực tiếp, người dùng sẽ đốt vật dẫn và uống hoặc trong trường hợp vật dẫn là thực phẩm thì sẽ ăn trực tiếp hoặc là hình xăm. Cách gián tiếp là giữ vật bên người trong thời gian quy định hoặc vĩnh viễn.

Nghi thức luyện bùa thường diễn ra trong 3 bước. Chuẩn bị đồ cúng, nghi thức tổ nhập và cuối cùng là sử dụng bùa. Trong nghi thức tổ nhập, các pháp sư thường tụng niệm kinh sách, thần chú và sau đó là vài động tác múa may tương tự với hầu đồng ở người Kinh. Tuy nhiên, nghi thức Tổ nhập của người Khmer diễn ra nhanh hơn và không gian thờ cúng diễn ra nghi thức hạn chế màu sắc tâm linh siêu thực hơn so với nghi thức hầu đồng của người Kinh.

Người thực hiện bùa chú là những vị pháp sư lâu năm trong nghề luyện bùa hoặc những pháp sư được truyền nghề từ các thầy đi trước. Bên cạnh đó, một vài người tự nhận là có sức mạnh quyền năng kết nối hai thế giới, kích hoạt sức mạnh siêu nhiên và họ chứng minh qua các nghi lễ, một vài loại bùa chú do chính họ làm ra và thuyết phục mọi người tin vào quyền năng đó.

2.3.2. Đối tượng thờ cúng

Đối tượng thờ cúng, những thế lực có khả năng cung cấp sức mạnh bùa chú cho các pháp sư ở người Khmer là Arak – Vị Thần bảo vệ của dòng họ, gia tộc, Đức Phật và Tổ nghiệp. Tổ nghiệp là linh hồn của các bậc thầy trong nghề làm bùa đã khuất.

Bên cạnh việc cầu xin sự giúp đỡ từ thần linh, pháp sư trong một số trường hợp hay do đặc tính của bùa chú có thể gọi các linh hồn của quỷ Kôn krot, không chế và bắt linh hồn đó phải phục tùng, giúp con người thay đổi một thực tế nào đó. Tuy nhiên, với hình thức này không giống như cầu xin thần linh con người chỉ cần thờ cúng và tâm hướng lành mà kèm theo đó là sự chiều chuộng linh hồn đó như một sự ép buộc, nếu không làm theo lời của pháp sư có thể nhận lại kết quả không tốt.

2.3.3. Một số loại bùa chú thường gặp của người Khmer Nam Bộ

Bùa chú của người Khmer rất đa dạng, tùy vào từng trường hợp, hoàn cảnh, nhu cầu và đối tượng mà có các loại bùa thích hợp.

Bùa hộ thân, là loại bùa chú dùng khi con người cảm nhận được sự tấn công của một thế lực tà ma siêu hình mà họ không nhìn thấy, chỉ cảm nhận qua trực giác. Hoặc đơn giản hơn chỉ là để xua tan những âm khí, tà khí ve vãn xung quanh người sống. Những phụ nữ mang thai ở tộc người Khmer thường rất cẩn trọng trong việc cách ly hoàn toàn với âm khí nên thường họ sẽ đeo một sợi bùa cho đến khi sinh nở với cầu mong mẹ tròn con vuông.

Bùa trị bệnh có công dụng trong việc chữa trị một số bệnh thông thường như đau nhức, cảm mạo,... hoặc chữa vết thương do rấn cắn thực chất là một chất thuốc dưới dạng lỏng hoặc viên được chế tạo từ sáp ong rừng và vài loại nguyên liệu bí truyền như lá trầu, vỏ tỏi, thân dâu tằm ăn,... Loại bùa này chỉ được sử dụng trong nhất thời, chứ không như các loại bùa khác phải thêm vào “vật dẫn” và người xin bùa có thể mang theo bên mình. Khi người bệnh có nhu cầu, pháp sư sẽ cho người bệnh sử dụng thuốc đồng thời kết hợp với các nghi lễ mang tính tôn giáo như đọc chú bằng tiếng Pali, thổi bùa hoặc rảy nước, phun rượu trắng vào bộ phận cần chữa trị của người bệnh.

Bùa kinh doanh, công dụng của loại bùa này là tạo ra sự may mắn, thịnh vượng đồng thời giảm thiểu nguy cơ rủi ro trong kinh doanh buôn bán. Nó có thể được sử dụng cho hầu hết mọi hoạt động kinh doanh buôn bán mà không phân biệt quy mô, tính chất: từ buôn bán nhỏ lẻ tới hoạt động kinh doanh các loại tài sản có giá trị lớn. Người kinh doanh buôn bán sử dụng bùa này khi họ muốn cải thiện tình hình kinh doanh, chuyển từ xấu thành tốt, hoặc thu hút khách hàng, giành ưu thế tích cực trong cạnh tranh với đối thủ, hoặc cũng có khi dùng để đòi lại số nợ lâu ngày mà người khác không muốn trả.

Đây là loại được biết đến và sử dụng phổ biến nhất, phổ biến đến độ người ta chỉ coi nó như một chất xúc tác giúp công việc làm ăn được trôi chảy hơn chứ không phải một điều gì quá đổi ghê gớm mang tính tà thuật.

Bùa yêu, đối với một số tôn giáo hay hình thức tâm linh thì bùa yêu sẽ mang tính chất rù quén, làm cho đối tượng nào đó suy mê một người một cách vô thức. Tuy nhiên, đối với bùa chú của người Khmer Nam Bộ, bùa yêu chỉ là loại bùa giúp vun đắp tình cảm vốn có của các cặp tình nhân hay tình cảm vợ chồng hoặc cầu duyên.

Bùa dục tình, là một dạng phát triển hơn của bùa yêu. Đầu tiên bùa dục tình cũng mục đích hàn gắn vết rạn nứt trong tình cảm đôi lứa, vợ chồng. Tuy nhiên mặt khác với mục đích chiếm hữu, bùa dục tình sẽ có vật dẫn là các loại thuốc, nước, chất lỏng nào đó làm cho một người say mê dục vọng.

Bùa cầu an, là loại bùa mang tính chất cầu nguyện tương tự gần giống với bùa hộ thân. Loại bùa này người ta có thể xin bất cứ lúc nào không phải đến lúc gặp khó khăn hay cảm nhận thể lực tà ma nào cả mà chỉ đơn giản là xin về để cầu cho bình an luôn tồn tại và đến với cuộc sống cá nhân và cả người thân bạn bè.

Thư ếm, đây là một loại bùa chú sử dụng sức mạnh của quỷ thực hiện hành động tiêu cực nhất trong ý thức bùa chú và thường được sử dụng khi sự thù hận lên đến tột cùng. Thư ếm sẽ làm cho người bị ếm gặp xui rủi liên tục hoặc ở một mức độ nội dung nào đó mà người yêu cầu muốn. Đây là loại bùa chú phát sinh, không nằm trong các lời dạy, kinh sách nguồn gốc tạo nên các ý thức bùa chú. Thư ếm khi thực hiện sẽ làm hao tổn dương khí, tuổi thọ của người pháp sư lẫn người dùng và thường không thực hiện công khai như các nghi thức cầu nguyện, tổ nhập như của các loại bùa chú khác. Mặc dù giúp đối phó với kẻ thù, song thư ếm luôn mang đến cho người dùng một tác động tiêu cực về mặt tinh thần như tác dụng phụ của một liều thuốc. Có thể nói thư ếm là đứa con ngoài giá thú của hệ thống bùa chú người Khmer Nam bộ bởi nó không được hoan nghênh hay khuyến khích ở bất kỳ giai đoạn hay hình thức nào.

Nếu đã tồn tại những loại bùa nhằm hình thức gây hại cho đối phương, trục lợi cho người sử dụng thì đương nhiên cũng sẽ có loại bùa giải trừ những điều đó. Bùa giải trừ tức là hoá giải hay làm vô hiệu hoá bùa chú mà người khác đã thư yếm lên cơ thể người bị trúng bùa. Bùa giải được sử dụng cho hai trường hợp giải thư yếm và bùa dục tình.

Bên cạnh đó còn rất nhiều loại bùa chú với các chức năng khác nhau. Tùy vào lời cầu xin, khẩn nguyện của người xin bùa mà pháp sư sẽ tận dụng ý nghĩa từ trong kinh sách, bùa chú để luyện thành.

Qua các loại bùa chú cơ bản nói trên có thể thấy rằng vẫn còn đâu đó những chi tiết tiêu cực ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức và đời sống con người. Tuy nhiên, đó là điều không thể tránh khỏi bởi thuộc tính ma mị, hoang đường vốn có của bùa chú.

2.4. Giá trị văn hóa dân tộc độc đáo trong bùa chú của người Khmer Nam Bộ

Nói về giá trị văn hóa, qua khái quát hình một số bùa chú cơ bản cho thấy so với các loại bùa chú khác trên thế giới thì bùa chú của người Khmer Nam bộ có phần tiết chế các yếu tố tâm linh, màu sắc hoang đường, cân bằng nhận thức con người về hai thế giới. Các tác dụng mà bùa chú ở đây mang lại phần lớn chỉ mang tính chất cầu nguyện và con người lấy đó là niềm tin, điểm tựa tinh thần trong cuộc sống chứ không quá lạm dụng hay cho đó là một sức mạnh mặc nhiên hiện hữu khi cần đến.

Lại nói về nguồn gốc cấu thành của bùa chú người Khmer Nam bộ từ các lời tụng niệm trong kinh sách hệ thống giáo lý của Bà La Môn và Phật giáo mà dần hình thành cơ sở ra đời các loại bùa chú này. Nhưng mặt khác, sử dụng giáo lý để thực hiện các hành vi bùa chú, phù chú là hành vi trái với lời phật dạy và thực hiện với mục đích xấu xa, ích kỷ sẽ tạo nghiệp báo luân hồi. Những nguyên tắc trong Phật giáo đã vạch ra ranh giới những hành vi được phép, không được phép trong thực hiện các thuật bùa chú. Nhờ đó mà bản chất của các loại bùa chú được tiết chế để trở thành sức mạnh tinh thần cho con người như một niềm tin tôn giáo.

Bùa chú trong đời sống của người Khmer Nam Bộ là một hoạt động không thể thiếu, nó như nguyên liệu để vận hành mọi hoạt động, tư tưởng và niềm tin của con người trong sinh hoạt, lao động, sản xuất.

Bùa chú phản đời sống của người dân qua các vật dẫn làm bùa chú, phản ánh tính cộng đồng trong các buổi lễ xin bùa. Qua bùa chú không chỉ là cầu nguyện mà việc làm nên một miếng bùa, một vật linh nào đó đều trải qua một quá trình lao động, ngoài các nghi thức đọc niệm còn là những chi tiết tỉ mỉ trên từng vật linh. Qua đó phản ánh trình độ con người và sự nghiêm túc của họ trong sinh hoạt tâm linh.

Có bùa chú trong tay, con người sẽ yên tâm hơn để lao động và phát triển tốt. Bởi đối với họ, bùa chú là như thần hộ mệnh luôn bên cạnh phù hộ cho họ trong mọi hoạt động. Cũng tương tự với tục thờ cúng ông bà tổ tiên, luôn phù hộ cho con cháu.

2.5. Vấn đề mê tín xung quanh bùa chú của người Khmer Nam Bộ

2.5.1 Thực trạng và nguyên nhân hình thành vấn đề bùa chú của người Khmer Nam Bộ

Giá trị là thế nhưng lý do vì sao giá trị đó lại mờ nhạt đến mức có những người trong xã hội lại không chấp nhận đó là giá trị văn hóa mà còn bảo đó đi ngược lại với văn hóa.

Hiện nay bên cạnh các mặt tiêu cực vốn có do bản chất cổ xưa của bùa chú là thư ếm và một phần của bùa dục tình xuất hiện những thầy bùa, pháp sư tự xưng là truyền nhân của nhiều thế hệ hay hô to tài phép của mình cho nhiều người tin để rồi lợi dụng kinh doanh thành một hình thức hoạt động mê tín dị đoan. Do thành phần này mà nhiều người có ấn tượng xấu khi nhắc đến bùa chú của người Khmer và cho đó là lừa đảo trong khi họ chưa hề tiếp xúc được với các loại hình bùa chú truyền thống đúng nghĩa thì đã bị lừa.

Mặc khác, bởi bùa chú của Người Khmer được tạo ra từ văn hóa của người Khmer, tất cả những gì thuộc về giá trị của bùa chú ở đây, xấu hay đẹp, tốt hay xấu đều được quy định trong ý thức cộng đồng của họ nên người bên ngoài không cảm nhận được và cảm nhận một cách chủ quan qua hai từ “Bùa chú” nên có những phản ứng không tốt về vấn đề này.

Tóm lại, việc giá trị văn hóa tâm linh của “Bùa chú” của người Khmer Nam Bộ còn bị mờ nhạt bởi hai nguyên nhân chính. Thứ nhất, sự biến tướng của một số cơ sở bùa chú khiến nó trở thành mê tín. Thứ hai, nhận thức về văn hóa của con người chưa tường tận, nhận thức còn chủ quan đối với các hiện tượng văn hóa tâm linh.

2.5.2 Phương hướng loại bỏ tiêu cực về bùa chú của người Khmer Nam Bộ

Để giá trị văn hóa tâm linh trong sinh hoạt tín ngưỡng của người Khmer Nam Bộ được công nhận rộng rãi và có ảnh hưởng thiện cảm hơn cần có một quá trình điều chỉnh cụ thể nhận thức và hành động của mọi tầng lớp, bộ phận con người trong xã hội.

Tác động, thay đổi nhận thức con người. Phải đi từ nền tảng văn hóa chung, truyền tải giúp mọi người biết nhận thức văn hóa là gì, thế nào là văn hóa, cách nhìn nhận và đánh giá mọi vấn đề ở góc độ văn hóa một cách khách quan. Phân biệt giữa hoạt động mê tín và hoạt động sinh hoạt văn hóa tâm linh tín ngưỡng. Chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm của sự tồn tại các ý thức tâm linh trong đời sống văn hóa. Nói không việc tuyệt đối hóa sự tồn tại của thế giới vật chất mà phủ định những ý thức duy tâm. Từ những kiến thức về văn hóa và nhận thức thế

giới, con người sẽ có cách nhìn nhận, phán xét các hiện tượng trong văn hóa một cách khách quan hơn. Từ đó, hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng bùa chú của người Khmer sẽ được công nhận các điểm tốt, các nét đẹp văn hóa dân tộc và những yếu tố hoang đường vô lý một cách quá đáng hay ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh hoạt, ý thức, sức khỏe con người sẽ bị đào thải theo thời gian.

Khi đã có nền tảng kiến thức về văn hóa cũng như thế giới, con người sẽ tránh khỏi các hoạt động mê tín dị đoan bởi những hoạt động đó chủ yếu đánh vào những người tin mù quáng vào các yếu tố ma mị với mong muốn thay đổi tuyệt đối thực tại theo ý muốn ích kỷ cá nhân.

Bên cạnh đó, việc lên án những người hành nghề mê tín dị đoan, lợi dụng niềm tin của con người và hoạt động văn hóa tâm linh để biến tướng thành một hình thức kinh doanh trục lợi cá nhân mà làm ảnh hưởng xấu đến đời sống và xã hội. Những hoạt động này cần phải nghiêm cấm bởi pháp luật. Bởi đây không phải là văn hóa sinh hoạt của một cộng đồng dân tộc nào cả, những người hành nghề này biết rõ và nhận thức được rằng những phép thuật của mình chỉ là lừa gạt nhưng vẫn cố tình làm.

Đối với trường hợp các hoạt động mang tín chất mê tín nhưng nguồn gốc do ảnh bản chất của các loại bùa chú mang tính chất tà chú, thư ếm... vốn tồn tại trong hệ thống bùa chú của người Khmer Nam bộ nên việc sử dụng pháp luật để nghiêm cấm là không thể. Tuy nhiên như đã nói, khi con người ngày càng nhận thức được thế giới một cách khách quan thì sẽ tự động nhận thức được những yếu tố cần thiết, không cần thiết, tốt, xấu cho thế giới này thì tự động các yếu tố tà chú cũng sẽ dần bị đào thải khỏi lòng tin con người.

3. Kết luận

Qua tất cả cho ta thấy, bùa chú trong sinh hoạt tín ngưỡng của người Khmer Nam Bộ là một hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng mang đậm bản sắc văn hóa của người Khmer Nam Bộ. Do một số yếu tố nội sinh và tác động xấu từ xã hội nên hình thành một số góc khuất ngoài ý muốn khiến việc nhìn nhận giá trị văn hóa trong hoạt động này bị hạn chế. Việc điều chỉnh nhận thức xã hội về vấn đề văn hóa này và thay đổi một số yếu tố tiêu cực vốn tồn tại lâu đời là cả một quá trình nhận thức và công nhận, một quá trình biến đổi tư duy chung của một xã hội.

Vì thế, để bùa chú trong sinh hoạt tín ngưỡng của người Khmer Nam bộ được công nhận giá trị cần lắm sự nỗ lực của tất cả những phân tử trong xã hội. Giá trị của hoạt động bùa chú trong sinh hoạt tín ngưỡng của người Khmer Nam bộ không chỉ mang bản sắc của cộng đồng người Khmer Nam bộ mà còn góp phần phản ánh văn hóa và sự phong phú đa dạng, thẩm mỹ chung cho văn hóa Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Ngọc Thanh (cb) (2018), *Đặc trưng văn hóa Nam bộ*, NXB KHXH.
- [2]. Nhiều tác giả, 2017, *Văn hóa dân gian Nam bộ*, Tín ngưỡng dân gian NXB Văn hóa – Văn Nghệ.
- [3]. GS. TS Đỗ Huy (2005), *Văn hóa và phát triển*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội – 2005.

ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TÂY NAM BỘ TRONG CA DAO

SV: Nguyễn Thị Ngọc Liễu, lớp ĐHVNH16

GVHD: ThS. Nguyễn Văn Lược

Tóm tắt

Tây Nam Bộ - vùng đất hiền lành, nơi đất lành chim đậu và có những con người giàu tình cảm, nhân ái. Trải qua hơn 300 năm hình thành và phát triển, có những lúc thăng trầm trong xã hội, sự nhiễu loạn của chính trị đã sinh ra nhiều anh hùng nổi trội. Sát cánh với các đấng nam nhi là các anh thư, kỳ nữ ra đời, nhưng còn biết bao người phụ nữ khác chỉ sống âm thầm, an vui bên gia đình, làng xóm... Ca dao Tây Nam Bộ về nữ giới rất nhiều, tất cả có điểm chung là ngắn gọn, cô đọng, ý tứ tận mạn. Những khía cạnh đời sống, tâm tư tình cảm của người phụ nữ Nam bộ được thể hiện một cách khéo léo, hòa quyện vào ca dao, câu hò, câu hát. Nội dung bài viết này thể hiện về hình ảnh và cách ứng xử của người phụ nữ Tây Nam Bộ trong ca dao.

Từ khóa: ca dao Việt Nam, người phụ nữ Nam Bộ, ứng xử của người phụ nữ Tây Nam bộ trong ca dao.

1. Đặt vấn đề

Tục ngữ, ca dao cùng với những thành phần khác trong văn học dân gian Việt Nam được coi là nền văn học khởi nguồn. Nếu nói dân tộc Việt Nam đã có 4000 năm lịch sử, thì tục ngữ ca dao Việt Nam cũng đã có 4000 năm tuổi. Tục ngữ ca dao phản ánh mọi mặt cuộc sống của người dân Việt qua quá trình lịch sử, thể hiện một cách sâu sắc rạch ròi thế giới quan, nhân sinh quan của nhân dân. Đó là một bức tranh sinh động, đầy màu sắc Việt Nam.

Khi nói về phụ nữ Việt Nam, ai ai cũng đều thừa nhận rằng từ ngàn xưa cho đến nay họ là những người đàn bà dịu hiền, thùy mị, đoan trang, đảm đang, trung trinh tiết hạnh, giàu lòng hy sinh; trong gia đình thì hiếu thảo với cha mẹ, tảo tần lo cho chồng con, ra ngoài là những bậc anh thư liệt nữ. Chính những đức tính đẹp này đã nâng cao phẩm giá của người phụ nữ Việt Nam:

“Phụ nữ Việt Nam trung trinh tiết hạnh,
Trang điểm cuộc đời muôn cánh hoa thom.
Ra ngoài giúp nước, giúp non,
Về nhà tận tụy chồng con một lòng”.

Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, phụ nữ Việt Nam đã góp phần viết nên những trang sử vàng son, làm vẻ vang giống nòi như: Bà Trưng, Bà Triệu; nữ tướng Bùi Thị Xuân của Quang Trung... Về thi ca, các bà Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Sương Nguyệt Ánh... đều là những nữ sĩ tài hoa, mức tiếng trên văn đàn, là những cánh hồng tươi thắm trong vườn hoa văn học. Ngoài ra, còn có biết bao nhiêu phụ nữ Việt Nam khác sống một cuộc sống bình thường, thắm lạng nơi thôn trang, xóm làng nhưng những nét đẹp tâm hồn của họ vẫn được dân gian ca tụng bằng những áng văn, những vần thơ, điệu hát, câu hò hay những vãn ca dao phong phú. Trong đó tiêu biểu là những bài ca dao viết về hình ảnh đẹp đẽ của người phụ nữ Tây Nam bộ thể hiện qua cách ứng xử của họ trong mọi mặt của đời sống xã hội.

2. Nội dung chính

Ca dao, tục ngữ là một trong những thể loại của văn học dân gian. Ca dao, tục ngữ được ví như là những khúc hát tâm tình, thiên về khía cạnh tinh thần, tình cảm, có chức năng chủ yếu là đúc kết kinh nghiệm trên rất nhiều lĩnh vực của cuộc sống hằng ngày. Với đề tài phong phú, đa dạng, ca dao tục ngữ là những lời nói có tính nghệ thuật thể hiện sự đúc kết những kinh nghiệm đời sống, kinh nghiệm lịch sử – xã hội, những bài học ứng xử, những phương châm xử thế của nhân dân. Không khó để ta bắt gặp hình ảnh của người phụ nữ trong ca dao, tiêu biểu là hình ảnh của người phụ nữ Tây Nam Bộ với những đức tính cao quý và phong thái ứng xử rõ ràng, chừng mực trong những hoàn cảnh sống khác nhau mà họ gặp phải:

2.1. Ứng xử của người phụ nữ Tây Nam Bộ trong tình yêu nam nữ

Tình yêu của người lao động như người Việt ở Nam Bộ nó giản dị, mộc mạc như chính công việc của họ. “ Nam nữ thanh niên Nam Bộ gặp nhau trong lao động, thông qua lao động và nhờ lao động để phát hiện những phẩm chất tốt đẹp của nhau” (ca dao dân ca Nam Bộ, tr27,

Bảo Định Giang, Nguyễn Tấn Phát, Trần Tấn Vĩnh, Bùi Mạnh Nhị, NXB TP Hồ Chí Minh, 1984), như một buổi hội hè hay vui xuân, một buổi gặt lúa ngoài đồng... Từ đó, lao động trở thành một thước đo chuẩn mực và là điều kiện để người phụ nữ chọn người sánh đôi :

“Chẳng thà em lấy thằng chồng khờ, chồng dại,
Lo kinh thương phản mại,
Tính công nghệ nông trang,
Không ham nhiều bạc lăm vàng,
Mai sau chuyện điếm đàng bỏ em”.
“Em là phận gái ở đồng,
Làm ăn lam lũ em không lướt là,
Phấn son không có trong nhà,
Trồng dâu em dệt vải ta em xài”.

Tất cả hòa quyện vào công việc lao động. “Cùng là bày tỏ tình yêu, cùng quan điểm tình yêu gắn liền với lao động, với giai cấp và với hôn nhân” (Ca dao dân ca Tây Nam Bộ, tr44, Bảo Định Giang, Nguyễn Tấn Phát, Trần Tấn Vĩnh, Bùi Mạnh Nhị, NXB TP Hồ Chí Minh, 1984). Dường như không có đặc điểm nào để có thể phân biệt được là đang trao đổi tình duyên hay đang lao động.

Chàng trai của Tây Nam Bộ nếu có tình cảm với một cô gái thì tỏ ra mạnh mẽ và bộc trực nhưng cũng không thể giấu được chút ngại ngùng của họ:

“Con éch ngồi dựa gốc bung,
Nó kêu cái quệt, biểu ưng cho rồi”.

Ở Bắc Bộ, ở xã hội phong kiến xưa, đã tạo nên nhiều cuộc tình ai oán do lễ giáo phong kiến, kỉ cương trói buộc. Khác với các cô nàng Bắc Bộ sẽ e ngại, thẹn thùng cùng với sự nhút nhát do lễ giáo. Các cô gái ở Tây Nam Bộ thì không, họ thể hiện tình yêu cũng táo bạo và mãnh liệt không kém chi là các đấng nam nhi. Phải chăng sự kỉ cương ràng buộc người phụ nữ đã phần nào bị phá bỏ?

“Thò tay ngắt đọt trâm bầu,
Thôi anh có thương thì thương đại đừng cầu ông mai”.

Hai tiếng “thương đại” nghe sao mà hiền lành và gần gũi quá, đó là tiếng lòng thành thật nhưng không e dè. Câu nói của người phụ nữ thật tự nhiên như tính cách của người dân Tây Nam Bộ.

Tính cách của người Tây Nam Bộ chân thật, mộc mạc trọng cái tình hơn vật chất tiền tài, kéo theo tình yêu của người phụ nữ, họ trọng cái tình cái nghĩa, đạo đức con người:

“Mới gặp nhau đây chớ buông lời nói quấy,
Tiền tài chẳng trọng mấy em quý nghĩa tào khang
Miễn anh giữ đặng tấm lòng vàng đừng phai”.

Hoặc

“Chẳng tham nhà ngói ba tòa,
Tham vì một nỗi mẹ cha anh hiền”.
Hoặc “Bạc tình phủ có tơ óng,
Dầu mà lao khổ, tôi không bỏ chàng”.

Trong tình cảm lứa đôi, người phụ nữ ở đây thường gắn liền tâm tư với hành động. Bằng ánh mắt và nụ cười đối với họ là chưa đủ, tình yêu còn phải thể hiện bằng lời nói. Câu thương yêu không quá sỗ sàng mà là tự nhiên thêm chút giản dị, mộc mạc:

“Thương sao thương quá bất nhơn,
bữa nay gặp mặt thương hơn bữa nào”.

Người Tây Nam Bộ, họ thẳng thắn, không giấu được tình cảm, họ phơi bày hết sự thật lòng mình. Người phụ nữ khi trao tình duyên, nói với nhau bằng những lời nói tự nhiên, chân thật cùng với cái táo bạo. Không chỉ riêng các chàng trai yêu thương bạn đời cao độ mà cái sự nhưng nhớ chàng trai của các cô gái cũng chẳng hề thua kém:

“Đêm năm canh ngày sáu khắc rõ ràng
Đặt lưng xuống chiếu mơ màng thấy anh”.

Hoặc “Trông điếm ba nhịp sáu ình ình
Em bầm gan tím ruột để cho mình có đôi”.

Thương yêu thì không thể tránh khỏi sự nhung nhó khi xa cách. Nỗi nhung nhó quyện vào máu thịt cùng với đức hi sinh và sự kiên nhẫn đợi chờ đã làm nên đức tính thủy chung của người phụ nữ Tây Nam Bộ nói riêng và người phụ nữ khắp mọi miền đất nước nói chung:

“Nhớ chàng sáng đứng trông xa,
Trưa đi gió ngược, tối về trông xa”.

Con người ở vùng đất mới này sống hòa vào thiên nhiên, phụ thuộc vào thiên nhiên nên chẳng mấy khó khăn khi hiểu người phụ nữ tuyên thệ dưới sự chứng giám của đất trời:

“Mình có thương thì mình chặt tóc mình thề
Chỉ trời vạch đất chớ hề bỏ nha”.

Tất cả những biểu lộ của người phụ nữ Tây Nam Bộ trong tình yêu như thế có lẽ phần nào cho thấy những sắc thái độc đáo của họ khác với những vùng miền khác trên đất nước.

2.2. Ứng xử của người phụ nữ Tây Nam Bộ với gia đình

- Với tình cảm cha mẹ, con cái:

Nói đến người phụ nữ là phải nói đến cái đức tính hiếu thảo với ông bà cha mẹ- đức tính cao quý của người phụ nữ, và đức tiết hạnh đối với bản thân.

Không chỉ riêng một mình nàng Thúy Kiều của đại thi hào Nguyễn du mới biết báo hiếu mẹ cha, mà người phụ nữ cũng không riêng gì người phụ nữ Tây Nam Bộ cũng biết báo hiếu:

“Quyết lòng lập miếu chạp rông,
Đền ơn phụ mẫu ăm bồng ngày xưa”.
“Tu đâu cho bằng tu nhà
Thờ cha kính mđấng sẹ hơn là đi tu.”
“Khó nghèo củi núi rau non
Nuôi cha nuôi mẹ cho tròn nghĩa con.”

Ở gia đình Tây Nam Bộ, nếu gia đình nhiều con trai, họ ra đi lập nghiệp hoặc lập gia đình ra ở riêng thì cha mẹ ở với con gái út. Do đó nếu như có việc ở rể ở Tây Nam Bộ thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên so với Bắc và Trung bộ. Vai trò của người phụ nữ vào đây được coi trọng hơn rất nhiều. Nhưng một khi con gái mà đi lấy chồng chưa kịp báo hiếu cho đấng sanh thành thì bị quy vào tội bất hiếu. Từ đây, nếu như không đặt vào hoàn cảnh của cô gái ở Tây Nam Bộ sẽ thấy khó hiểu, như việc các cô gái chấp nhận cuộc hôn nhân không tình yêu để có điều kiện hơn giúp mẹ cha đỡ đàn cuộc sống, nuôi các em ăn học...

Người phụ nữ khi đã làm mẹ thì thiên chức ấy được biểu hiện mang “chuẩn mực Tây Nam Bộ”: sâu lắng, lặng thầm và đầy đức hi sinh. Trong gia đình, người mẹ có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách của con cái. Ngoài việc chăm sóc, an ủi, vỗ về, động viên, còn là người giúp con định hình tương lai, dạy con những kiến thức của cuộc sống, chuẩn bị hành trang vào đời.

“Có con, nghĩ mẹ thương thay,
Chín tháng mười ngày mang nặng đẻ đau”.

Tính chất “cha truyền con nối” vẫn còn ở Tây Nam Bộ nên tính cách cách của người con sẽ được người mẹ rèn giũa như người cha:

“Con ơi con ngủ cho say,
Cha con đi giết sạch loài Lang sa
Lớn lên con nối chí cha
Ra đi giết giặc, nước nhà bình yên”.

- Với tình nghĩa vợ chồng:

Một khi đã lập gia đình, họ sống nguyên tắc đạo đức “thủy chung tuyệt đối”, sẽ bị phê phán gay gắt nếu có sự phản bội. Nghĩa vụ của người phụ nữ trong gia đình chồng là phải phụng dưỡng cha mẹ chồng, giúp chồng xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái, nội trợ...

“Anh đi đánh giặc Lang sa
Để thiếp ở nhà lo tằm lo tảo,
Chén cơm manh áo, nhà cửa ruộng vườn,

Đề anh lên ngựa để thương,
 Thiếp về mặc thiếp, liệu lòng nuôi con”.
 Tình ghĩa vợ chồng trọng lắm chữ “muối mặn gừng cay”:
 “Ai chèo ghe bí qua sông
 Đạo nghĩa vợ chồng nặng lắm anh ơi”.
 “Cây khô nghe sấm nứt chồi
 Đạo chồng nghĩa vợ giận rồi lại thương “.
 Cũng không giấu được những lúc buồn, than thân trách phận về nợ duyên với chồng:
 “Lấy chồng biết chữ là tiên,
 Lấy chồng dốt chữ là duyên nợ đời”.
 “Lấy chồng xứng lứa vừ đôi,
 Dầu đi cũng đẹp, dầu ngồi cũng xinh”.

Than thân trách phận là điều không thể giấu ở người phụ nữ Nam bộ và ngay cả người phụ nữ các vùng miền khác:

“Trách lòng quân tử bạc tình,
 Gieo neo cho thiếp một mình biển đông”.
 “Ru con con ngủ cho rồi,
 Mẹ ra chỗ vắng mẹ ngồi than thân”.

Về nhà chồng việc làm dâu, phụng dưỡng cha mẹ chồng là bổn phận nhưng không tránh khỏi những lúc:

“Nước lên khỏi chậu tràn âu,
 Qua lo cho bầu làm dâu không tròn”.
 - Đối với môi trường xã hội:
 “Trai thời trung hiếu làm đầu,
 Gái thời tiết hạnh làm câu trao mình”

Quy chế đạo Nho vẫn còn áp đặt lên người phụ nữ Tây Nam Bộ nhưng không nhiều. Cũng như các đảng nam nhi, danh dự cũng là một thứ quý giá của người phụ nữ, một lẽ sống “thà chết vinh còn hơn sống nhục”:

“Chị Hanh Ngươn thủ tiết,
 Ai có biết chẳng là,
 Sống như không chịu, chẳng thà chết thom”.

Tức nước rồi cũng vỡ bờ, người phụ nữ Tây Nam Bộ cũng mạnh mẽ, bộc trực khác hẳn so với người phụ nữ Bắc và Trung bộ nhẫn nhịn, cam chịu. Lấy ví dụ về cảnh mẹ chồng cay nghiệt. Họ tỏ thái độ phản kháng có phần quyết liệt, con dâu “đội nón về nhà mình”, dầu biết hành động ấy sẽ bị xã hội lên án, cười chê, không ít tiếng thị phi cay độc vì “lấy chồng phải làm ma nhà chồng”:

“Cô kia đội nón đi đâu
 Tôi làm phận gái làm dâu mới về
 Mẹ chồng ác nghiệt đã ghê
 Tôi ở chẳng được, tôi về nhà tôi”.

Dù bất hạnh, gặp tiếng xấu ở đời nhưng tâm hồn của họ vẫn sáng lên lấp lánh ánh sáng của trái tim đôn hậu, đẹp đẽ thủy chung vươn lên tỏa sáng khiến cho họ tỏa sáng, lấp lánh giữa đời.

Xã hội Tây Nam Bộ cũng ngày càng mở thoáng hơn, việc than thân trách phận của người phụ nữ cũng vơi đi dần. Không còn cảnh “chồng chúa vợ tôi”, họ cùng người chồng gánh vác việc gia đình. Giỏi việc nước, đảm việc nhà, kiên cường anh dũng, quả cảm cùng các đảng mày râu chống kẻ thù xâm lược, “giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh”, “giặc đến, còn cái lai quần cũng đánh” (Út Tịch- anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam). Cũng không quên kể đến đội quân tóc dài làm cho quân thù khiếp sợ.

3. Kết luận

Vùng đất Chín Rồng ở thời nào cũng vậy, vẻ đẹp của người phụ nữ luôn là hằng số bất biến ngàn đời. Đó là sự nhẫn nại, chịu thương, chịu khó, sự cam chịu và lòng thủy chung son sắt. Họ biết nội trợ, điều phối cuộc sống gia đình, chăm lo cuộc sống cho chồng con, chăm lo sản

sóc cha mẹ già, cho người ốm... Dù cho trải qua khó khăn gian khổ, nhưng vẫn không thể nào vùi lấp được những vẻ đẹp tuyệt vời đó. Mượn ca dao để giấy bày tâm sự đồng thời cũng để khẳng định giá trị của bản thân người phụ nữ. Ca dao Tây Nam Bộ về người phụ nữ đã góp vào bách khoa thư về hàng trăm, hàng vạn tâm trạng, nỗi lòng người phụ nữ Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bảo Định Giang (1984), *Ca dao dân ca Nam Bộ*, NXB TP. Hồ Chí Minh.
- [2]. Nguyễn Thanh Du (2004), *Vấn đề phân tích ca dao- dân ca*, Ngôn ngữ số 4.
- [3]. Nguyễn Văn Nở (2000), *Hình ảnh “Thân em...” trong ca dao trữ tình đồng bằng sông Cửu Long*, Ngôn ngữ và đời sống số 9.
- [4]. Phan Kế Hưng (2007), *So sánh ẩn dụ*, Ngôn ngữ số 4.
- [5]. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- [6]. Trần Văn Nam (1999), *Ý nghĩa biểu trưng của hình tượng thiên nhiên trong ca dao Nam Bộ*, Văn hóa dân gian số 2.

PHÁT TRIỂN TIỀM NĂNG DU LỊCH SINH THÁI TẠI ĐỒNG THÁP (2020 – 2025)

SVTH: Trần Vũ Phi, Lớp: ĐHVNH15A

GVHD: Ths. Võ Nguyên Thông

Tóm tắt

Đồng Tháp nằm trong vùng Đồng Tháp Mười, một vùng đất ngập nước của Đồng Bằng Sông Cửu Long rộng lớn. Trong những năm qua Đồng Tháp ngoài phát triển đã và đang chú trọng đầu tư khai thác tiềm năng nhằm tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo hấp dẫn nhất là loại hình du lịch sinh thái (DLST) mang đặc trưng vùng Đồng Tháp Mười để thu hút khách du lịch.

Đến với Đồng Tháp, du khách như được trở về với cội nguồn thiên nhiên bởi bầu không khí trong lành, mát mẻ của những cánh đồng lúa phì nhiêu, đi trên những chiếc xuồng ba lá trên sông rạch khám phá thiên nhiên còn đậm nét hoang sơ.

Từ khóa: Sản phẩm du lịch, tiềm năng du lịch, du lịch sinh thái.

1. Đặt vấn đề

Với những điểm du lịch nổi bật như: Khu di tích (KDT) Nguyễn Sinh Sắc, Vườn quốc gia Tràm Chim, KDT Gò Tháp, di tích kiến trúc cổ Kiến An Cung, KDT Xẻo Quýt, làng hoa kiểng Tân Quy Đông, các vườn cây ăn trái ở Cao Lãnh, Châu Thành, Lai Vung...

Đến với Đồng Tháp du khách sẽ được thưởng thức những thú vị của sông nước, đặc sản sông nước, con người sông nước hiền hòa; đây là những điều hết sức hấp dẫn du khách mọi nơi. Thiên nhiên, truyền thống lịch sử và con người là những nguồn lực quý báu trong hành trang vào thế kỷ XXI của Đồng Tháp để phát triển một nền kinh tế tổng hợp, đa ngành theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trong đó có du lịch.

Tuy nhiên, sự phát triển hoạt động du lịch của tỉnh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng đã có, đây là một bài toán cho du lịch tỉnh Đồng Tháp. Vấn đề này có nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch của tỉnh còn hạn chế, chất lượng và số lượng các dịch vụ còn thấp. Tài nguyên du lịch hầu như chưa được khai thác và chưa sử dụng có hiệu quả; các khu vui chơi giải trí có khả năng hấp dẫn nhằm kéo dài ngày lưu trú của du khách hầu như chưa có; sản phẩm du lịch nghèo nàn, đơn điệu làm hạn chế hoạt động và phát triển du lịch.

2. Thực trạng phát triển loại hình DLST tại Đồng Tháp

Nói về DLST Đồng Tháp, mô hình homestay hiện đang có sự phát triển đột phá. Nhiều hộ dân đã mạnh dạn đầu tư các hình thức du lịch cộng đồng nhằm đẩy mạnh phát triển DLST cho địa phương với kinh phí đầu tư từ vài tỷ đến vài chục tỷ đồng, đáp ứng nhu cầu tham quan, trải nghiệm của một lượng lớn du khách, tạo sự phong phú, hấp dẫn cho các sản phẩm và thương hiệu du lịch của tỉnh Đồng Tháp. Nổi bật như: điểm tham quan du lịch vườn quýt hồng, đồng sen Tháp Mười, vườn Thanh Long ở Lai Vung, mạnh dạn cho du khách tham gia hái trái cây tại vườn, tạo sự hứng khởi đối với khách tham quan.

Đặc biệt ở Đồng Tháp các điểm DLST phát triển mạnh phải kể đến Vườn Quốc gia Tràm Chim, Khu di tích Xẻo Quýt, khu DLST Gáo Giồng. Đây là những điểm tham quan góp phần tăng kinh tế du lịch cho địa phương và thu hút được nhiều nguồn đầu tư cho sản phẩm loại du lịch sinh thái.

2.1. Các sản phẩm DLST được khai thác tại Đồng Tháp

Sản phẩm tiêu biểu nhất là DLST theo mùa, du lịch sông nước, du lịch trải nghiệm, làng nghề, ẩm thực... gắn liền với các địa danh nổi tiếng như: Khu di tích Xẻo Quýt là khu căn cứ kháng chiến chống Mỹ tiêu biểu của vùng đồng bằng sông nước. Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vườn quốc gia Tràm Chim được công nhận là khu Ramsar thứ 04 của Việt Nam và thứ 2000 của thế giới. Khu DLST Gáo Giồng, nơi được mệnh danh là lá phổi xanh của vùng Đồng Tháp Mười Làng hoa kiểng Sa Đéc.

Phát triển sản phẩm du lịch tham quan, trải nghiệm cuộc sống của cộng đồng gắn với những giá trị cảnh quan sông nước và văn hóa bản địa. Đối với loại hình này, tỉnh sẽ phát triển sản phẩm du lịch thường ngoạn cảnh quan sông nước gắn với các hoạt động tham quan cảnh quan thiên nhiên mùa nước, ngắm cánh đồng sen, tham quan Di chỉ khảo cổ văn hóa Phù Nam... Đồng Tháp còn phát triển sản phẩm du lịch tìm hiểu cuộc sống cộng đồng dân cư vùng Đồng Tháp Mười tại Vườn quốc gia Tràm Chim với các hoạt động của người dân trong mùa nước nổi...

Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái, gồm: phát triển sản phẩm du lịch sinh cảnh rừng tràm ngập nước với các hoạt động tham quan cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, tìm hiểu các giá trị di tích lịch sử, văn hóa ẩm thực đồng quê tại Khu di tích Xẻo Quýt và Khu DLST Gáo Giồng. Tỉnh cũng sẽ chú trọng phát triển sản phẩm du lịch sinh cảnh đất ngập nước nội địa vùng trũng Đồng Tháp Mười với các hoạt động tham quan, tìm hiểu về môi trường, môi sinh và các giá trị đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Tràm Chim.

2.2 Phân tích tiềm năng DLST tại Tỉnh Đồng Tháp theo mô hình SWOT

Điểm mạnh

Với cảnh quan sông nước miệt vườn, Đồng Tháp có đủ điều kiện để kéo dài mùa vụ du lịch. Trong 2 năm qua, Đồng Tháp đã đưa vào nhiều sản phẩm du lịch theo mùa, hiệu quả bước đầu khá khả quan: Quý I khai thác các tour du lịch xuân (Sắc Xuân trên dòng Sa Giang, quýt hồng Lai Vung); quý II triển khai chương trình du lịch chào hè dành cho học sinh, sinh viên (tham quan di tích cách mạng Xẻo Quýt, mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc); quý III tập trung du lịch mùa nước nổi, trải nghiệm làm nông dân tại Vườn Quốc gia Tràm Chim (săn bắt chuột đồng, giăng lưới bắt cá, tham quan bãi chim sinh sản...), trải nghiệm cuộc sống sinh hoạt của người dân vùng sông nước tại Xẻo Quýt (bắt vịt trên sông, dỡ chà), đến Gáo Giồng bắt chim cò, thưởng thức đặc sản mùa nước nổi, ghé đồng sen Tháp Mười thưởng ngoạn sen và ẩm thực chế biến từ sen; quý IV khai thác du lịch tâm linh, lễ hội với lễ giỗ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, lễ hội Gò Tháp...

Điểm yếu

Cơ sở hạ tầng còn yếu kém, nhất là các tuyến đường dẫn vào các khu điểm du lịch chưa thuận tiện cho xe vận chuyển khách đạt du lịch nhiều chỗ ngồi.

Sản phẩm du lịch đơn điệu, thô sơ, trùng lặp, chất lượng dịch vụ thấp, chưa có nhiều hoạt động vui chơi, giải trí, nghỉ ngơi, trải nghiệm để tạo cảm giác hứng thú để giữ chân khách du lịch

Trình độ chuyên môn, kỹ năng của lao động ngành du lịch chưa đáp ứng yêu cầu. Đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên và phục vụ khách du lịch chưa được đào tạo kỹ lưỡng, sự am hiểu về du lịch chưa được sâu, bộc lộ nhiều yếu kém trong cách phục vụ và quảng bá du lịch.

Công tác tuyên truyền quảng bá du lịch thiếu ấn tượng, hiệu quả chưa cao.

Nguồn kinh phí đầu tư phát triển cho du lịch còn hạn chế, dàn trải, thiếu đồng bộ; mức độ tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch còn thấp, chủ yếu mang tính tự phát.

Công tác quản lý Nhà nước về du lịch có lúc, có nơi, có việc còn hạn chế.

Cơ hội

Trong những năm gần đây, việc phát triển di lịch của tỉnh Đồng Tháp đã có những “màu sắc” mới cả hình thức, lẫn nội dung. Với mục đích “**Du lịch Đồng Tháp – Thuần khiết như hồn sen**” trở thành điểm đến DLST văn hóa cộng đồng và tâm linh.

Mặt khác, Đồng Tháp còn phát triển mạnh du lịch với phương thức khai thác “tài nguyên bản địa” đây là cốt phát triển DLST của những quốc gia có thể mạnh về phát triển du lịch: Nhật Bản, Hàn Quốc,... du lịch gắn liền với phát triển kinh tế, văn hóa, đời sống của con người nơi sản phẩm nơi sản phẩm du lịch sinh thái. Có thể minh chứng như: du lịch trải nghiệm làng nghề dệt choàng, tấm cò Long Khánh (Hồng Ngự); tham quan vườn quýt hồng (Lai Vung), trải nghiệm các hoạt động, tham quan các khu lịch sử, căn cứ địa Xẻo Quýt, Gáo Giồng (huyện Cao Lãnh): Tràm Chim (Tam Nông); Làng Hoa Sạc Đéc...

Thách thức

Việc phát triển DLST của tỉnh Đồng Tháp vẫn chưa đáp ứng kịp thời với tiềm năng vốn có và cũng chưa khai thác hết những “tiềm năng” về con người du lịch và sản phẩm du lịch.

3. Định hướng phát triển DLST tại tỉnh Đồng Tháp

3.1. Phát triển và đào tạo nguồn nhân lực:

Phát triển nguồn nhân lực chuyên môn là hướng đi lâu dài và trọng tâm, vừa để định hướng và tăng cường năng lực hoạch định chính sách, vừa hình thành khung pháp lý và cơ chế cho phát triển nhân lực du lịch.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phát triển du lịch, kỹ năng giao tiếp chăm sóc khách hàng, các kỹ năng nghề du lịch chuyên sâu, ngoại ngữ giao tiếp thông dụng cho đội ngũ lao động phục vụ du lịch tại địa phương như hộ gia đình, con em của cộng đồng dân cư địa phương vừa lao động ngành nghề khác vừa có thể tham gia hướng dẫn khách du lịch tham quan hoặc phục vụ lưu trú, ăn uống, trải nghiệm tại các điểm tham quan du lịch cộng đồng, làng nghề thủ công truyền thống.

Tăng cường nguồn nhân lực chuyên về du lịch, tìm kiếm những sinh viên chuyên ngành du lịch để đào tạo chuyên sâu, góp phần tăng nhân lực cho địa phương, sử dụng nguồn nhân lực có sẵn như; đào tạo người dân thành hướng dẫn viên du lịch địa phương, và làm đội ngũ nhân viên phục vụ cho khu du lịch sinh thái, đẩy mạnh công tác đào tạo quản lý có chuyên môn và nhận thức đúng về du lịch sinh thái.

Mở các khoá đào tạo ngắn hạn, tại chỗ, vừa đào tạo kỹ năng phục vụ, vừa xây dựng ý thức bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và an ninh, an toàn trong phục vụ khách du lịch. Các kiến thức về nhu cầu, sở thích, thói quen, tập quán giao tiếp ứng xử của khách du lịch (cả khách quốc tế và khách nội địa).

3.2. Định hướng phát triển tuyến điểm giao thông:

Nghiên cứu phát triển các tuyến xe buýt theo các tour tuyến du lịch đã được định vị. Khôi phục và sử dụng hợp lý các loại xe lôi, xích lô để đón khách tham quan đảm bảo tiện lợi, hấp dẫn, chất lượng, an toàn, giá cả hợp lý.

Sử dụng các phương tiện vận chuyển thân thiện với môi trường như: xe điện, thuyền tham quan sử dụng năng lượng mặt trời, hoặc xe đạp để tiện tham quan khu du lịch sinh thái.

3.3. Định hướng phát triển cơ sở dịch vụ lưu trú và ăn uống:

Xây dựng hệ thống cơ sở dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn cấp biển hiệu phục vụ khách du lịch. Nghiên cứu phát triển những món ăn truyền thống của người dân Nam bộ nói chung, các món ăn đặc trưng của địa phương nói riêng để xây dựng thương hiệu gắn với cơ sở ăn uống.

Đồng Tháp đa dạng về ẩm thực sử dụng nguồn động thực vật có sẵn, tạo ra những món ăn hấp dẫn thu hút khách du lịch. Đầu tư và hoàn chỉnh các cơ sở phục vụ ăn uống đảm bảo hợp vệ sinh.

Đầu tư xây dựng các cơ sở lưu trú đảm bảo tiện nghi và xây dựng các homestay trong khu DLST cho du khách trải nghiệm các hoạt động thường ngày của người dân tại địa phương.

4. Một số giải pháp phát triển DLST tại Tỉnh Đồng Tháp

4.1. Giải pháp phát triển bền vững về kinh tế

Để có thể phát huy hết tiềm năng du lịch thì tìm ra giải pháp phát triển bền vững về kinh tế là vấn đề đầu tiên. Trong đó cần quan tâm tới việc thực hiện các nội dung:

Sát sao quản lý thực hiện quy hoạch, chuẩn bị tốt hệ thống nhà nghỉ dưỡng và cơ sở hạ tầng: Cần có các khu nhà nghỉ dưỡng cũng với các công trình khác đi kèm và các dịch vụ đời sống tốt. Các khu nghỉ dưỡng phải bố trí hài hòa và cảnh quan đẹp. Tại mỗi khu nghỉ dưỡng, các khu vui chơi giải trí, các khu cắm trại cần có các tuyến đường đi dạo trong rừng. Bố trí các hình ảnh hấp dẫn du khách trên mỗi đoạn đường đi, gây sự chú ý cho du khách;

Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch: Đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch nhằm đáp ứng được nhu cầu của du khách, đồng thời tăng cường được sức cạnh tranh của sản phẩm du lịch Đồng Tháp trên thị trường. Dựa trên các đặc trưng văn hoá, các thế mạnh về sinh thái cảnh quan và các yêu cầu đòi hỏi của thị trường mà tạo ra các sản phẩm du lịch mang tính đặc thù của vùng và của Đồng Tháp. Xây dựng các tour du lịch sinh thái, du lịch văn hoá tâm linh

gắn với các di tích lịch sử, lễ hội truyền thống. Đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm lưu niệm của du lịch Đồng Tháp, sớm khắc phục tính thời vụ trong du lịch như hiện nay;

Tích cực nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch bằng cách đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch về nghiệp vụ và nâng cao năng lực quản lý: Nhiệm vụ trọng tâm của những năm tới là phải tập trung đào tạo, bồi dưỡng và đào tạo lại đội ngũ cán bộ là công tác quản lý nhà nước về du lịch, cán bộ quản lý và nhân viên của các khách sạn, nhà hàng trên địa bàn tỉnh. Phân đầu cơ bản cán bộ, nhân viên làm trong lĩnh vực du lịch được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học, đáp ứng yêu cầu phát triển của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế;

Xây dựng thương hiệu, bảo tồn và phát triển thương hiệu du lịch sinh thái: Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch bằng nhiều hình thức có tính hiệu quả, thiết thực như xây dựng Website chuyên ngành, tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng, tham gia hội chợ du lịch trong và ngoài nước, các ấn phẩm du lịch khác.

4.2. Giải pháp phát triển bền vững về văn hóa – xã hội

Nâng cao nhận thức của cộng đồng về phát triển du lịch và phát triển DLST bền vững. Phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật, nâng cao dân trí, nâng cao hiểu biết về phát triển du lịch bền vững cho cư dân địa phương;

Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia tích cực vào hoạt động du lịch, nỗ lực bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch.

4.3. Giải pháp phát triển bền vững về tài nguyên, môi trường

Thường xuyên báo cáo đánh giá tác động tới môi trường của các dự án;

Giám sát, kiểm tra định kỳ và kiểm tra bất thường nhằm xác định các nguồn gây tác động đến môi trường để kịp thời ngăn chặn;

Thường xuyên kiểm tra hệ thống nước thải và thu gom xử lý rác thải tại các địa điểm du lịch để có biện pháp xử lý kịp thời khi có vi phạm.

5. Kết luận

Du lịch có vai trò quan trọng, không chỉ đối với kinh tế mà còn góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao hình ảnh và niềm tự hào của nhân dân địa phương, vừa có ý nghĩa thúc đẩy nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế, vừa góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động dôi dư trong quá trình tái cơ cấu, hiện đại hóa nền nông nghiệp của Tỉnh và tiêu thụ xuất khẩu tại chỗ sản phẩm đặc sản nông sản, sản phẩm làng nghề. Cốt lõi của Đề án là: đặt du lịch Tỉnh trong mối quan hệ tổng thể với du lịch ĐBSCL và cả nước; phân công từng điểm du lịch với những chuyên đề và sản phẩm đặc thù, tìm hướng đi riêng, không trùng lặp, tạo sự hấp dẫn thu hút du khách; coi trọng giải pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội và đổi mới quản lý tại các khu điểm du lịch cho phù hợp, có cơ chế linh hoạt, thông thoáng để xã hội hóa, thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế cả trong Tỉnh, trong nước và nước ngoài để phát triển, sớm đưa du lịch của Tỉnh Đồng Tháp trở thành ngành kinh tế quan trọng vào năm 2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp. Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2001 – 2010 và định hướng đến 2020.
2. Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp (2015). Báo cáo tổng kết ngành văn hóa, thể thao và du lịch năm 2014.
3. Hoàng Thị Ánh Nguyệt. Một số giải pháp phát triển du lịch Tỉnh Đồng Tháp. Tạp chí Kinh tế và dự báo.
4. Phạm Xuân Viễn. Nâng cao chất lượng nhân lực ngành du lịch tỉnh Đồng Tháp. Tạp chí Kinh tế và dự báo.

KHAI THÁC GIÁ TRỊ CỦA LỄ HỘI DẠ CỔ HOÀI LANG, TÌNH BẠC LIÊU VÀO HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

SV: Nguyễn Văn Khoa, lớp ĐHVNH17

GVHD: ThS. Lê Thị Thanh Yến

Tóm tắt

Di sản văn hóa là linh hồn của nhiều tour du lịch nhân văn và lễ hội Dạ cổ hoài lang chính là linh hồn của các tour du lịch đến Bạc Liêu, là chất men say để thu hút và giữ chân du khách. Mặc dù được hình thành và phát triển khá muộn, song lễ hội Dạ cổ hoài lang hiện nay không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động du lịch tỉnh Bạc Liêu mà còn góp phần vào tiềm năng du lịch đa dạng của hoạt động du lịch ĐBSCL. Do vậy, việc tìm ra các giải pháp hợp lý cho việc khai thác giá trị của lễ hội Dạ cổ hoài lang vào hoạt động du lịch là điều cần thiết nhất hiện nay.

Từ khóa: Lễ hội Dạ cổ hoài lang, Du lịch Bạc Liêu, lễ hội tưởng nhớ Cao Văn Lầu.

1. Đặt vấn đề

Như chúng ta đều biết, không kể các lễ hội tôn giáo, mỗi lễ hội cổ truyền cũng như lễ hội lịch sử, cách mạng đều được hình thành trong quá trình lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Mỗi lễ hội đều có nét tiêu biểu riêng và chứa đựng trong đó nhiều giá trị văn hóa cao đẹp, đậm đà bản sắc Việt. Trong giai đoạn hiện nay, cùng với sự thay đổi nhiều mặt của đất nước, lễ hội ngày càng phát triển phong phú và đa dạng hơn. Lễ hội chính là thái độ thể hiện lòng biết ơn và sự ngưỡng vọng, tôn vinh của người đời sau đối với công lao và đức độ của các đối tượng đáng kính mà họ tôn thờ. Do vậy mà lễ hội được coi là nhịp cầu nối quá khứ với hiện tại, là một trong những môi trường giáo dục truyền thống và văn hóa dân tộc rất tốt cho lớp trẻ, là một nhu cầu tinh thần chính đáng của mọi người, cần được trân trọng. Một đất nước có nhiều lễ hội như nước ta chứng tỏ người Việt ta đã có một bề dày văn hóa phong phú và lâu đời, tinh thần “uống nước nhớ nguồn” biết ơn người có công, điều đó rất đáng tự hào.

Lễ hội "Dạ cổ Hoài lang" là một lễ hội nghệ thuật độc đáo của người Bạc Liêu nhằm tưởng nhớ, tri ân công lao của cố nhạc sĩ Cao Văn Lầu, người đã có công đóng góp cho quá trình ra đời và phát triển của bản vọng cổ ngày nay. Lễ hội không chỉ nhằm tôn vinh cố Nhạc sĩ Cao Văn Lầu và tôn vinh bản Dạ Cổ Hoài Lang, mà còn để tôn vinh những nghệ sĩ, nghệ nhân đã có công lao đóng góp để duy trì, phát triển và làm phong phú thêm cho vốn âm nhạc truyền thống Nam Bộ. Lễ hội được tổ chức vào ngày 15 tháng 8 âm lịch hàng năm, đó là ngày ra đời bản Dạ cổ hoài lang tại khu lưu niệm nhạc sĩ Cao Văn Lầu, phường 2, thành phố Bạc Liêu. Mặc dù được hình thành rất muộn, từ năm 2016 nhưng lễ hội đã có đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của du lịch Bạc Liêu nói riêng và du lịch ĐBSCL nói chung. Do vậy, việc bảo tồn và khai thác các giá trị văn hóa của lễ hội Dạ cổ Hoài Lang, tỉnh Bạc Liêu trong điều kiện đất nước bước vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay là vấn đề cấp thiết mà xã hội ta cần phải chú trọng.

2. Nội dung

2.1. Quá trình hình thành và phát triển của Lễ hội Dạ cổ hoài lang

Nếu có dịp đi du lịch Bạc Liêu, du khách sẽ được nghe kể nhiều về Nhạc sĩ Cao Văn Lầu. Nhạc sĩ Cao Văn Lầu (1890 – 1976) vốn là người con của đất Long An, nhưng do hoàn cảnh gia đình, nhạc sĩ đã đặt chân đến nhiều nơi và cuối cùng gắn bó với mảnh đất Bạc Liêu. Trong quá trình sinh sống tại đây, nhạc sĩ Cao Văn Lầu kết hôn với bà Trần Thị Tấn. Sau nhiều năm chung sống, vợ chồng người nhạc sĩ tài hoa vẫn chưa có được một đứa con nối dõi. Trước sự việc ấy, mẹ của ông đã buộc bà Trần Thị Tấn phải ra đi, chia xa tình chồng vợ. Nhạc sĩ Cao Văn Lầu đã vô cùng đau đớn, nhưng nhớ, xót xa cho tình cảnh của người vợ thủy chung. Bản Dạ cổ hoài lang cũng từ đó mà ra đời. Cho đến nay, Dạ cổ hoài lang không chỉ là niềm tự hào của người dân Bạc Liêu mà còn là khúc ca chung, một báu vật của người dân Tây Nam Bộ. Mỗi khi lời hát được cất lên, từng sợi dây cảm xúc như nối liền vào trái tim người mộ điệu. Bạc Liêu rất tự hào là quê

hương của bản “Dạ cổ hoài lang”, quê hương của vọng cổ và cũng là một trong những cái nôi lớn của nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ. Gần một thế kỷ trôi qua, thế hệ đi trước truyền dạy cho thế hệ đi sau, từ đời này qua đời khác, người Bạc Liêu đã tự khẳng định mình và ngày càng tô điểm cho kho tàng nghệ thuật Đờn ca tài tử và sân khấu Cải lương thêm phong phú.

Để tưởng nhớ và tri ân cố nhạc sỹ Cao Văn Lầu, năm 1989 tỉnh Minh Hải đã tổ chức Hội thảo khoa học về thân thế, sự nghiệp của nhạc sỹ Cao Văn Lầu nhân kỷ niệm 70 năm ra đời của bản Dạ cổ hoài lang. Năm 1997 Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định xếp hạng Khu lưu niệm Nhạc sỹ Cao Văn Lầu là di tích lịch sử cấp tỉnh và lấy ngày 15 tháng 8 (âm lịch) hàng năm để kỷ niệm ngày ra đời của bản Dạ cổ hoài lang. Năm 2008 UBND Tỉnh Bạc Liêu quyết định tổ chức Lễ hội Dạ cổ hoài lang (còn gọi là Lễ giỗ tổ cố nhạc Bạc Liêu) là lễ hội cấp tỉnh và hai năm được tổ chức một lần vào dịp kỷ niệm ngày ra đời của bản Dạ cổ hoài lang.

Các hoạt động diễn ra trong lễ hội bao gồm các chương trình biểu diễn nghệ thuật, giao lưu đờn ca tài tử, lễ giỗ tổ cố nhạc, rước đèn trung thu và thả hoa đăng, trưng bày hiện vật, hình ảnh nhạc sỹ Cao Văn Lầu và các sản phẩm nghệ truyền thống... Giữa phòng trưng bày có tượng nhạc sỹ Cao Văn Lầu với khói hương nghi ngút, hai bên án thờ là hai bản “Dạ cổ hoài lang” cùng nhiều tác phẩm khác của ông được viết bằng nét bút thi pháp điêu luyện. Đối diện với phòng trưng bày là khu nhà dành để bày bán những quyển sách viết về Cao Văn Lầu và một số hàng lưu niệm. Ngoài ra, khu lưu niệm còn có sân khấu ngoài trời phục vụ biểu diễn, lễ hội thu hút nhiều nghệ sỹ nổi tiếng về biểu diễn và tham dự ngày giỗ tổ nghệ.

Thực hiện Thông tư 04 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trên cơ sở chọn lọc các di sản văn hóa phi vật thể đã kiểm kê, Ban kiểm kê tỉnh Bạc Liêu nhận thấy lễ hội “Dạ cổ hoài lang” đạt giá trị tiêu biểu có tính đại diện, thể hiện bản sắc của cộng đồng, địa phương; phản ánh sự đa dạng văn hóa và sự sáng tạo của con người, được kế tục qua nhiều thế hệ; có khả năng phục hồi và tồn tại lâu dài; được cộng đồng đồng thuận, tự nguyện đề cử và cam kết bảo vệ”, do đó đã lập hồ sơ đề nghị đưa lễ hội vào danh mục lễ hội văn hóa cấp quốc gia.

2.2. Thực trạng của việc khai thác giá trị của lễ hội Dạ cổ hoài lang vào hoạt động du lịch tỉnh Bạc Liêu

Lễ hội Dạ cổ hoài lang khi tổ chức lần đầu đã tạo được dấu ấn khó phai trong lòng du khách gần xa. Lễ hội không chỉ đơn thuần là một sự kiện đa dạng màu sắc, mà còn là nơi tri ân, là nơi nhớ về nguồn cội, là nơi người dân Bạc Liêu tỏ lòng thành kính tri ân đối với những người nhạc sỹ tài hoa đã tạo nên một Bạc Liêu hoài cổ, một Bạc Liêu mà ai ai cũng biết đến mỗi khi nhớ về.

Lễ hội mang ý nghĩa trang trọng và thể hiện sâu sắc sự tri ân công lao của cố nhạc sỹ Cao Văn Lầu và các bậc tiền bối đã có công đóng góp cho sự ra đời, phát triển bản Dạ cổ hoài lang, tiền thân bản vọng cổ. Các hoạt động lễ hội nhằm bảo tồn và tôn vinh bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc; động viên, khích lệ các nghệ sỹ, nghệ nhân nâng cao ý thức gìn giữ nét đẹp văn hóa truyền thống, không ngừng phát huy, sáng tạo, từng bước làm cho nền văn hóa truyền thống của tỉnh nhà đậm đà bản sắc dân tộc.

Ngoài ra, các hoạt động đã đảm bảo về nội dung và hình thức của một lễ hội cấp tỉnh và tính chất của lễ hội văn hóa du lịch, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho nhân dân. Đặc biệt, đây là dịp giới thiệu quảng bá hình ảnh quê hương Bạc Liêu thu hút khách du lịch trên tinh thần quán triệt thực hiện Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển du lịch và kế hoạch của UBND tỉnh hưởng ứng Năm Du lịch quốc gia 2016. Lễ hội đã giúp giới thiệu, quảng bá hình ảnh đất và người Bạc Liêu, đem lại tiềm năng, lợi thế về nhiều mặt của tỉnh, trong đó có những giá trị văn hóa bản địa độc đáo đã giúp rút ngắn khoảng cách địa lý giữa Bạc Liêu với các vùng miền trong và cả ngoài nước. Và minh chứng cho sự hấp dẫn của lễ hội Dạ cổ hoài lang chính là việc Hiệp hội du lịch ĐBSCL đã công nhận lễ hội là một điểm hẹn văn hóa, một điểm nhấn tiêu biểu trong du lịch của khu vực. Đặc biệt lễ hội còn là dịp để giới thiệu, quảng bá nghệ thuật Đờn ca tài tử đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Tuy nhiên, do lễ hội Dạ cổ hoài lang được tổ chức khá muộn (từ năm 2016), chỉ được 2 lần, mỗi năm lại chỉ tổ chức một lần và chỉ là lễ hội cấp Tỉnh nên còn chưa được nhiều người biết đến mà chỉ phổ biến đối với người dân Bạc Liêu. Do vậy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị

văn hóa của lễ hội Dạ cổ hoài lang trong điều kiện đất nước bước vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay là vấn đề cấp thiết mà tỉnh Bạc Liêu cần phải chú trọng.

2.3. Đề xuất một số giải pháp nhằm khai thác giá trị lễ hội Dạ cổ hoài lang vào hoạt động du lịch

Trong công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở hiện nay, việc kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc là rất cần thiết. Do đó, việc bảo tồn, kế thừa và phát huy giá trị của lễ hội tiếp tục là một vấn đề cấp bách, bảo đảm cho lễ hội ngày càng thực sự là nhu cầu đời sống xã hội, sáng tạo và làm phong phú hơn những mô hình mới phù hợp với thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Để công tác tổ chức và quản lý lễ hội ngày càng hiệu quả, phát huy tốt các giá trị văn hóa, góp phần khai thác tiềm năng kinh tế - văn hóa du lịch, đồng thời khơi dậy và tạo ra những tiềm năng kinh tế mới, tôi xin đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tạo sự chuyển biến nhận thức của các ban, ngành, đoàn thể trong Tỉnh về nội dung và ý nghĩa hoạt động lễ hội; chú trọng tuyên truyền các giá trị lịch sử văn hóa của lễ hội, làm cho việc tổ chức lễ hội ngày càng văn minh, thực sự trở thành ngày hội văn hóa của nhân dân, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ hai, tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng, có kế hoạch chi tiết, cụ thể về tổ chức lễ hội. Chính quyền địa phương cần quản lý chặt chẽ việc quy hoạch sắp xếp các dịch vụ, các hoạt động vui chơi giải trí hợp lý, tạo điều kiện để nhân dân địa phương có thêm thu nhập nhưng vẫn bảo đảm tính văn hóa trong các hoạt động này, không để nảy sinh các hiện tượng tiêu cực, đánh mất bản sắc văn hóa và mục đích tốt đẹp của lễ hội.

Thứ ba, khai thác nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân đóng góp cho việc bảo tồn, phát huy, khai thác giá trị của lễ hội; khuyến khích các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, nhất là kiều bào ta ở nước ngoài đầu tư và tham gia hoạt động tổ chức lễ hội để hưởng đồng bào về với nguồn cội, tổ tiên. Sử dụng nguồn thu từ lễ hội đúng mục đích, phục vụ tốt công tác bảo tồn và hoạt động lễ hội.

Thứ tư, đặc biệt coi trọng tính đặc thù, tính độc đáo riêng của lễ hội. Phải bằng mọi cách khôi phục, giữ lại nét riêng của lễ hội, gắn với truyền thống văn hóa của địa phương.

Thứ năm, chú trọng bảo tồn, giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống và làm phong phú hơn các giá trị mới trong lễ hội. Khuyến khích những sáng tạo mới trên nền truyền thống để luôn luôn có cái mới gắn với nhịp sống văn hóa của thời đại, từ hiện đại làm vững bền hơn truyền thống, làm cho lễ hội thêm sức sống mới, phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Nhưng, tập trung là, thứ nhất phải Tinh: nội dung phải phù hợp với đặc điểm của địa phương; thứ hai phải Giản: tổ chức phải gọn, nhẹ, an toàn và chu đáo; thứ ba phải Kiệm: tiết kiệm thời gian, sức người, sức của và tiền bạc, tránh phô trương hình thức lãng phí; và thứ tư phải Lạc: vui tươi, lành mạnh, thiết thực và bổ ích.

Thứ sáu, lồng ghép hoạt động của lễ hội vào các tour du lịch của các công ty lữ hành. Tỉnh Bạc Liêu cần liên kết với các công ty lữ hành đưa du khách đến tham quan nhân dịp lễ hội diễn ra. Cần coi trọng việc quảng bá hình ảnh của lễ hội bằng nhiều hình thức khác nhau một cách rộng rãi đến nhân dân cả nước.

3. Kết luận

Lễ hội Dạ cổ hoài lang là một giá trị văn hóa độc đáo không chỉ của người dân Bạc Liêu nói riêng mà còn của cả dân tộc Việt Nam nói chung bởi nó mang đậm những truyền thống tốt đẹp của người dân Việt. Chính vì thế, cần phải trân trọng, giữ gìn, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa độc đáo của lễ hội như một việc làm không thể thiếu trong cuộc sống hằng ngày. Với thực trạng như đã nêu trên, mỗi người chúng ta cần phải có những việc làm, những đóng góp thiết thực để việc tổ chức lễ hội ngày một văn minh hơn, tốt đẹp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] - Nguyễn Kim Loan, Nguyễn Trường Tân (2014), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam*, nhà xuất bản Văn hóa - thông tin.

[2] - Lê Hồng Lý, Dương Văn Sáu, Đặng Hoài Thu (2013), *Giáo trình Quản lí di sản văn hóa với phát triển du lịch*, nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội.

[3] - Dương Văn Sáu (2004), *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*, trường ĐH Văn hóa Hà Nội.

TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI HUYỆN THÁP MƯỜI TỈNH ĐỒNG THÁP

SV: Võ Thị Ngọc Thơ, Lớp: ĐHVNH16A

GVHD: ThS. Đỗ Thị Kiều Hoa

Tóm tắt

Trong bối cảnh môi trường đang bị ô nhiễm nghiêm trọng như hiện nay, loại hình du lịch sinh thái (DLST) gắn liền với sứ mệnh bảo vệ môi trường được nhiều người lựa chọn và trở thành xu hướng du lịch trên toàn thế giới. DLST được xem như một giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường sinh thái hướng tới sự phát triển bền vững thông qua quá trình làm giảm sức ép khai thác nguồn lợi tự nhiên, phục vụ nhu cầu của du khách, của người dân địa phương khi tham gia vào các hoạt động DLST.

Từ khóa: du lịch, DLST, Tháp Mười

NỘI DUNG

1. Khái niệm về DLST

Năm 1991, khái niệm về DLST lần đầu tiên được đề cập với nội dung: “DL sinh thái là loại hình DL diễn ra trong các vùng có hệ sinh thái tự nhiên còn bảo tồn khá tốt nhằm mục tiêu nghiên cứu, chiêm ngưỡng, thưởng thức phong cảnh, động thực vật cũng như các giá trị văn hoá hiện hữu” (Boo, 1991).

Theo Hiệp hội DL Sinh Thái (The International Ecotourism society) thì “DLST là DL có trách nhiệm với các khu thiên nhiên là nơi bảo tồn môi trường và cải thiện phúc lợi cho nhân dân địa phương”.

Theo Luật Du lịch Việt nam, DLST là loại hình DL dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường.

2. Đặc trưng của DLST

Tùy theo từng điều kiện khác nhau mà DLST được đầu tư, khai thác và phát triển theo nhiều hướng khác nhau nhưng để đáp ứng yêu cầu của loại hình DLST thì phải có các đặc trưng cơ bản sau:

- Là loại hình DL dựa vào thiên nhiên, các điểm tham quan chính là các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển...
- Các công ty DL, hãng lữ hành, nhà cung ứng dịch vụ, nhân viên phục vụ và cả khách DL đều phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu các tác động tiêu cực của DL đối với môi trường và văn hóa.
- Hướng dẫn viên chuyên về DLST phải là người có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm về môi trường, hệ sinh thái, nguồn tài nguyên, các loài sinh vật... luôn góp phần tuyên truyền và giáo dục về ý thức bảo vệ môi trường đối với du khách.
- Thông qua DL, khách DL tăng thêm nhận thức và hiểu biết về tự nhiên, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, giữ gìn văn hóa bản địa.
- Hoạt động DLST mang lại lợi ích kinh tế – xã hội cho cộng đồng, góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

3. Tiềm năng phát triển DLST tại Tháp Mười

3.1. Vị trí địa lý

Huyện Tháp Mười hiện nay có diện tích tự nhiên 52.800ha bằng gần 17% diện tích của tỉnh Đồng Tháp, phía Bắc giáp huyện Vĩnh Hưng tỉnh Long An và huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp; phía Đông giáp huyện Tân Thạnh tỉnh Long An; phía Tây và Tây – Nam giáp huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp; phía Nam và Đông – Nam giáp huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang.

Huyện có vị trí địa lý thuận lợi, tiếp giáp với nhiều địa phương lại là vùng trũng của ĐTM xưa nên dễ dàng phát triển loại hình DLST.

3.2. Khí hậu

Khí hậu, thời tiết huyện Tháp Mười cũng chịu ảnh hưởng chung của khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Nhiệt độ bình quân trong năm 26,9°C, ẩm độ không khí bình quân trong năm 82%, nắng bình quân 2.733 giờ và lượng mưa bình quân hàng năm là 1.410 mm. Với điều kiện khí hậu này rất thuận lợi cho các loài động thực vật sinh sống và phát triển, đây chính là hình ảnh của hệ sinh thái ĐTM năm xưa hoang sơ và đa dạng.

3.3. Sông ngòi, kênh rạch

Sông ngòi chính của Tháp Mười là Kênh Nguyễn Văn Tiếp có chiều dài 93 km, chảy qua các tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp; cung cấp lượng nước phục vụ tưới tiêu của cả vùng.

Hàng năm, Tháp Mười còn chịu ảnh hưởng của mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, nước từ thượng nguồn Mê Kông tràn về hàng năm thường từ tháng 7 đến tháng 11, mực nước ngập trung bình 4,20m (so với mặt nước biển), trên đồng nước ngập sâu 1m.

3.4. Địa hình huyện Tháp Mười

Địa hình toàn vùng Đồng Tháp Mười giống như lồng chảo, xung quanh cao ở giữa lõm thấp. Huyện Tháp Mười nằm ở vùng thấp, tương đối bằng phẳng, nhưng vùng đất phía Nam và phía Tây có độ cao hơn phía Đông, phía Bắc. Gồm 2 dạng địa hình: gò và trũng.

ĐTM có 3 nhóm đất chính là đất xám, đất phèn và đất phù sa; trong đó đất phèn chiếm diện tích lớn nhất khoảng hơn 273.000ha. Với các đặc điểm về tự nhiên như trên đã tạo nên sự đa dạng và phong phú về hệ sinh thái động thực vật của vùng, đặc biệt đây chính là điều kiện phát triển thuận lợi cho cây sen – thực vật đặc trưng của vùng, là tiềm năng để phát triển loại hình DLST kết hợp với nông nghiệp.

3.5. Hệ động thực vật

ĐTM hết sức đa dạng gồm hệ sinh thái đồng cỏ ngập nước theo mùa, hệ sinh thái đầm lầy, hệ sinh thái rừng tràm, hệ sinh thái lúa mùa và lúa nước....

Theo danh mục các khu bảo tồn đa dạng sinh học vừa được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thì Đồng Tháp có 3 khu nằm trong danh mục này, đó là Khu bảo tồn Tràm Chim với 7.313 ha, thuộc huyện Tam Nông; Khu bảo tồn Xẻo Quýt với trên 62 ha, thuộc huyện Cao Lãnh và Khu bảo tồn Gò Tháp với gần 290 ha, thuộc huyện Tháp Mười.

Khu bảo tồn Gò Tháp do đáp ứng tiêu chí về bảo vệ cảnh quan nên được chuyển tiếp thành Khu bảo vệ cảnh quan. Đến Gò Tháp, du khách sẽ bất ngờ bởi đây không chỉ là khu di tích mà còn có cảnh quan thiên nhiên đẹp và hoang sơ. Gò Tháp có chiều dài gần 500 m, ngang 200 m, vào mùa khô nhiều gò cát lớn nhỏ uốn lượn quanh co, tạo thành khu gò nổi, trên gò có nhiều cây cổ thụ trăm tuổi xòe bóng mát, sừng sững vươn cao. Mùa nước nổi thì đồng nước mênh mông xen lẫn màu xanh cây cỏ, tạo thành phong cảnh thiên nhiên kì vĩ.

Khu di tích Gò Tháp còn là một danh lam thắng cảnh của vùng sinh thái ngập nước. Nơi đây môi trường sinh thái còn mang nhiều dấu vết hoang sơ, đã và đang bảo tồn được các thảm thực vật, động vật như tràm, sen, sậy, năng, lúa trời, trăn, rắn, các loài chim cá...

Khu di tích Gò Tháp được quy hoạch tổng thể với diện tích 300ha để làm khu di tích bảo tồn, bảo tàng; khu rừng sinh thái; khu du lịch nhằm xây dựng Gò Tháp thành một nơi du lịch sinh thái mang đậm bản sắc của vùng Đồng Tháp Mười.

Theo thống kê của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp: Khu du lịch sinh thái Đồng Sen hiện có hơn 11 ha đang được khai thác để phát triển du lịch.

Thời gian tới, UBND huyện Tháp Mười sẽ quy hoạch mở rộng diện tích trồng sen, đồng thời đầu tư xây dựng nơi nghỉ chân, ăn uống và các sản phẩm đặc trưng để thu hút khách du lịch.

4. Thực trạng phát triển DLST tại huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp

Hiện nay, trên địa bàn huyện Tháp Mười đã có 5 hộ nông dân đưa cánh đồng sen vào phục vụ du lịch với tổng diện tích khoảng 10 ha.

Khu du lịch Đồng sen Tháp Mười không chỉ có thể quảng bá hình ảnh quê hương Tháp Mười đến với du khách, mà còn giúp một số hộ dân trong vùng và lân cận có việc làm ổn định, tăng thu nhập từ việc phát triển dịch vụ phục vụ nhu cầu khách tham quan.

4.1. Lượng khách

Trong 2 năm trở lại đây, lượng du khách đến với Khu DLST Đồng Sen Tháp Mười ngày càng tăng, nhất là vào mùa hè và các dịp lễ, Tết. Trung bình mỗi ngày, đón từ 150 - 200 khách,

riêng thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ thì lượng khách du lịch đông hơn rất nhiều, tăng gần gấp đôi so với ngày thường.

Du khách đến đây ngoài tham quan, ngắm sen, chụp ảnh lưu niệm còn được tham gia trải nghiệm các hoạt động câu cá, thưởng thức các món ăn đồng quê, đờn ca tài tử, hò Đồng Tháp...

Theo thống kê của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp chỉ trong 6 tháng đầu năm 2017, khu DLST Đồng Sen đã thu hút được hơn hơn 36.000 lượt khách du lịch trong và ngoài nước; tăng 55,55% so với cùng kỳ năm 2016.

4.2. Về CSHT, CSVC kỹ thuật du lịch

4.2.1. Về cơ sở hạ tầng

Đến nay các tuyến đường phục vụ du lịch đã được nâng cấp trải nhựa thông suốt, xe 4 bánh đều đã đi đến các điểm du lịch trọng điểm trong tỉnh. Tuy nhiên, tồn tại lớn nhất trong xây dựng hạ tầng là “cầu yếu, mặt đường hẹp”.

Tuyến đường N2 dù đã đưa vào hoạt động nhưng nhiều chỗ vẫn chưa hoàn thành và lưu lượng xe lưu thông chưa nhiều, chưa kết nối được Tháp Mười với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

Chưa có sự kết nối tuyến điểm giữa khu di tích Gò Tháp và khu du lịch này, hệ thống cầu không có. Du khách sau khi tham quan khu di tích Gò Tháp muốn qua khu đồng sen phải đậu xe bên kia đường và kéo phà sang; không có bãi đậu xe, hệ thống tàu bè qua sông gặp khó khăn.

Hệ thống điện đã đảm bảo các hoạt động phục vụ khách nhưng chỉ ở khu vực các nhà phục vụ, các không gian như nhà ăn, đài quan sát... thì chưa được đảm bảo.

Nước sạch trong chế biến, phục vụ sinh hoạt của khách nhưng vào mùa nước lên thì hệ thống này không được đảm bảo, có lúc hộ kinh doanh còn sử dụng nước sông, nước trên ruộng... để cho khách rửa tay chưa đảm bảo được yêu cầu nước sạch và vệ sinh an toàn cho du khách.

4.2.2. Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật du lịch

Ngoài 5 điểm tham quan tại khu du lịch Đồng Sen Tháp Mười đã có đầu tư nhà ăn, đường tham quan, chòi để phục vụ khách du lịch, các phương tiện như xuồng chèo, phà đưa đón... thì những nơi khác hoàn toàn chưa có sự đầu tư về du lịch.

Các chòi tham quan cũng như hệ thống các khu vực phục vụ đã xuống cấp, các lối đi ra khu Đồng Sen một số đã bị gãy có thể gây nguy hiểm cho du khách.

Quà lưu niệm chưa đa dạng, ẩm thực phục vụ khách ăn uống chưa phong phú, các hoạt động tham quan chỉ là ngắm sen ăn uống ca hát câu cá... còn chưa thật sự thu hút du khách thiếu đột phá còn trùng lặp giữa các hộ kinh doanh du lịch.

4.3. Về nguồn nhân lực

Đa phần các điểm tham quan là do tự phát, chủ hộ trực tiếp tham gia vào phục vụ du lịch nên về cơ bản nhân lực trong du lịch chưa chuyên nghiệp, thái độ phục vụ chưa tốt, kỹ năng chuyên môn cũng chưa được đào tạo nhiều.

Nhân viên phục vụ chủ yếu là người thân trong gia đình của hộ kinh doanh hoặc lao động nhàn rỗi ở địa phương. Chưa đào tạo cụ thể về chế biến thực phẩm phục vụ du khách vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn chưa được chú trọng...

5. Giải pháp phát triển loại hình DLST tại huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp

5.1. Định hướng hoàn thiện về CSHT

Một là: Định hướng phát triển giao thông đường bộ để phục vụ nhu cầu đi lại thuận tiện cho người dân và khách tham quan.

Hai là: Phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng tại các khu điểm du lịch lân cận, bên cạnh đó xây dựng hệ thống tour tuyến để khai thác hiệu quả tiềm năng của vùng.

Ba là: Định hướng mục tiêu về công tác vệ sinh môi trường và xử lý chất thải tại các khu, điểm du lịch qua đó từng bước nâng cao ý thức thói quen sinh hoạt của nhân dân và du khách trong việc bảo vệ môi trường.

5.2. Giải pháp phát triển DLST huyện Tháp Mười

Thứ nhất: Tuyên truyền nâng cao nhận thức về hoạt động kinh doanh du lịch tại các điểm tham quan của địa phương.

-Ví dụ: Bằng các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, thăm hỏi, gặp gỡ trao đổi những hạn chế của địa phương, kịp thời có hướng giúp đỡ phù hợp.

Thứ hai: Xây dựng phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng của khu, điểm du lịch và xây dựng được thương hiệu du lịch của vùng.

-Ví dụ: Xây dựng nhiều mô hình về bé sen, các sản phẩm từ sen, các món ăn bổ dưỡng từ sen, thay đổi hộp đựng, bao bì về sản phẩm liên quan đến sen đến tay khách du lịch và người tiêu dùng.

Thứ ba: Truyền thông quảng bá hình ảnh, tài nguyên, sản phẩm du lịch để quảng bá du lịch “Đồng Tháp thuần khiết như hồn sen”.

-Ví dụ: Tạo ra nhiều cuộc thi “Người đẹp đất SEN HỒNG”, các bài hát Tỏa ngát hương sen... ngoài ra khi nhắc đến du lịch Đồng Tháp người ta nghĩ ngay đến con người thật thà, chất phát, giản đơn gần gũi mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Thứ tư: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, am hiểu về lịch sử văn hóa bản địa, các điểm tham quan trong và ngoài tỉnh nhằm nâng cao chất lượng phục vụ du khách.

-Ví dụ: Sinh viên ngành Việt Nam học của Trường đại học Đồng Tháp luôn được cung cấp kiến thức về lịch sử văn hóa thuở khai hoang mở cõi cho đến những chuyện thực tế về nguồn hay những môn học về nghiệp vụ tạo cho sinh viên có thái độ ân cần, nhỏ nhẹ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ qua đó tạo cho sinh viên sự trải nghiệm, học hỏi tìm hiểu thêm kiến thức ngoài giảng đường đại học để khi ra trường không còn ngỡ ngàng.

Thứ năm: Kêu gọi đầu tư phát triển du lịch của vùng nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch cho địa phương.

-Ví dụ: Đồng Tháp mảnh đất đầy tiềm năng cho việc phát triển du lịch, nhưng còn hạn chế cụ thể tại một số điểm du lịch xe loại lớn không thể đưa khách vào được, nhà hàng khách sạn thì còn ít, không có điểm vui chơi giải trí về đêm. Vì vậy, cần lắm nguồn đầu tư về nhu cầu giải trí vui chơi tại các điểm du lịch.

5.3. Đảm bảo CSVCKT du lịch

- Về cơ sở lưu trú: Có thể đầu tư hệ thống nhà nghỉ, khách sạn hoặc homestay cho du khách khi khách có nhu cầu lưu trú qua đêm.

- Về cơ sở kinh doanh ăn uống: Xây dựng hệ thống cơ sở dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn cấp biển hiệu phục vụ khách du lịch. Nghiên cứu phát triển những món ăn truyền thống của người dân Nam bộ nói chung và các món ăn đặc trưng của địa phương nói riêng nhằm phục vụ nhu cầu thưởng thức ẩm thực của du khách. Đặc biệt chế biến những món ăn gắn liền với sen tạo điểm nhấn trong ẩm thực phục vụ khách khi đến với khu du lịch đồng sen Tháp Mười như: cá lóc nướng trui cuốn lá sen non, cơm gạo huyết rồng gói lá sen, gỏi sen, rượu sen, chè hạt sen, trà tim sen, sữa sen, bánh quy sen, hạt sen tươi – sen sấy, dưa ngó sen...

- Về cơ sở thương mại - dịch vụ: Xây dựng quầy đặc sản Đồng Tháp, xây thêm một số cơ sở mua sắm, nhà hàng, khách sạn, cửa hàng bán các sản phẩm lưu niệm, quà tặng đạt tiêu chuẩn cấp biển hiệu phục vụ khách du lịch tại các khu, điểm du lịch.

5.4. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực du lịch

Tăng cường các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư địa phương quanh vùng có khu, điểm du lịch; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm...

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phát triển du lịch, kỹ năng giao tiếp chăm sóc khách hàng, các kỹ năng nghề du lịch chuyên sâu, ngoại ngữ giao tiếp thông dụng cho đội ngũ lao động phục vụ du lịch tại địa phương như hộ gia đình, con em của cộng đồng dân cư địa phương vừa lao động ngành nghề khác vừa có thể tham gia hướng dẫn khách du lịch tham quan hoặc phục vụ lưu trú, ăn uống, trải nghiệm tại các điểm tham.

5.5. Kết hợp phát triển DLST với các loại hình du lịch khác

❖ Về du lịch văn hóa – tâm linh

Bên cạnh những điểm tham quan về du lịch sinh thái thì ở huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp còn có một địa chỉ tham quan thu hút hàng nghìn lượt khách khi đến đây đó là Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp.

Lễ hội Gò Tháp diễn ra hằng năm vào tháng 3 và tháng 11 âm lịch, đã thu hút hơn 350.000 lượt khách dự kiến sẽ tăng mạnh trong những năm sắp tới.

Trong khu di tích Gò Tháp đặt viên gạch xây dựng Thiền viện Trúc lâm Phương Nam vào ngày 21/1/2018 dự kiến hoàn thành trong những năm gần đây ... sẽ là điểm nhấn làm phong phú thu hút nhiều du khách đến tham quan du lịch.

Lễ hội diễn ra long trọng theo phong tục cổ truyền như lễ cầu an, thỉnh sanh, tế thần nông, du khách thập phương dâng hương bái cúng, bày tỏ lòng biết ơn đối với hai vị anh hùng dân tộc đã có công lao chiến đấu chống giặc giữ nước tại vùng Đồng Tháp Mười. Bên cạnh đó, du khách còn đến viếng Miếu bà chúa xứ, thăm các khu di tích khảo cổ trong cụm di tích Gò Tháp và tham gia các trò chơi dân gian, mua sắm tại các gian hàng trong lễ hội.

❖ Dịch vụ lưu trú tại địa phương:

Hiện nay, Tháp Mười bao nhiêu cơ sở lưu trú 3-4 nhà nghỉ ... 1 Homestay: Hai Lua Homestay (Lotus Lake Homestay), Khách sạn Mỹ An... với số lượng cơ sở lưu trú như hiện tại cơ bản chưa đáp ứng được nhu cầu du khách đến tham quan, nhưng trong tương lai tỉnh chủ trương kêu gọi đầu tư nhằm thu hút quảng bá phát triển du lịch ở Tháp Mười...

❖ Các hoạt động trải nghiệm và vui chơi giải trí

Du khách đến với một số điểm quan du lịch tại Huyện Tháp Mười có thể trải nghiệm hết tất tần tật các món ăn dân dã Nam Bộ mang đậm chất đồng quê sông nước. Với các món ăn được khai thác từ tự nhiên bằng các dụng cụ nôm, cần câu cắm, chài lưới..., sau đó du khách có thể tự tay chế biến món ăn mình yêu thích qua sự hướng dẫn của chủ quán. Ngoài ra quý khách có thể câu cá, ra đồng cấy lúa, cắt lúa, hái hoa sen, búp sen bắt chuột cùng người dân địa phương vào mùa thu hoạch. Đặc biệt nhất là du khách có thể giao lưu “Hò Đồng Tháp”, đờn ca tài tử Nam Bộ.

5.6. Bảo tồn hệ sinh thái, khai thác hiệu quả giá trị hệ động thực vật

Khai thác các nguồn tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn phải đi đôi với việc gìn giữ bảo tồn và phát huy các hệ giá trị văn hóa địa phương. Khai thác hệ sinh thái từ sen duy trì các giống sen tự nhiên. Khai thác các giá của cây sen làm cho sản phẩm từ sen phong phú đa dạng hơn.

Ngoài khu đồng sen thì các khu rừng tràm, cánh đồng năng... mang giá trị sinh hoạt rất cao, cần có sự quy hoạch hợp lý, khai thác đúng giá trị của các loài động thực vật để tạo sự hấp dẫn nhiều hơn trong du lịch.

Kết luận

Dù còn nhiều khó khăn trong việc đưa du lịch huyện Tháp Mười phát triển so với các địa phương khác nhưng chính quyền địa phương sẽ luôn đồng hành cùng với nhân dân và doanh nghiệp để du lịch Tháp Mười được vang xa hơn. Chỉ cần có sự đầu tư, chung sức chung lòng của người dân bản địa tôi tin chắc rằng du lịch ở đây sẽ thu hút được một lượng khách khá lớn. Vì ở huyện có 2 nguồn tài nguyên du lịch rất lớn là tài nguyên du lịch nhân văn và tài nguyên du lịch sinh thái là một điểm du lịch rất đáng được mong đợi cũng như mang tới một sự đột phá lớn cho địa phương trong những năm sắp đến. Chỉ cần hoạt động du lịch này mang lại nhiều lợi ích cho nhân dân, thì tất nhiên người dân sẽ ủng hộ cùng chung tay làm du lịch để làm giàu cho mình và cho địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Huy Bá (Chủ biên), 2016, *Du lịch sinh thái*, NXB Đại Học Quốc Gia.
2. Phạm Trung Lương, 2002, *Du lịch sinh thái những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo Dục.
3. Trần Thị Mai, 2005, *Du lịch cộng đồng-du lịch sinh thái: Định nghĩa, đặc trưng và quan điểm phát triển*, Trường Trung cấp nghiệp vụ du lịch Huế.

TRIẾT LÝ ÂM – DƯƠNG QUA MỘT SỐ BIỂU TƯỢNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

SV: Huỳnh Minh Nhứt, Lớp: ĐHVNH2016A

GVHD: ThS. Trần Hoàng Phong

Tóm tắt

Được hình thành vào những năm 20 của thế kỷ XX, đạo Cao Đài được đánh giá là một tôn giáo mang tính tổng hợp. Có nhiều tư tưởng và triết lý được vận dụng trong đạo trong đó tiêu biểu là triết lý âm – dương và ngũ hành. Hai triết lý này được thể hiện một cách vừa cụ thể vừa mang tính tượng trưng thông qua một số biểu tượng trong đạo như: kiến trúc Tòa Thánh, điện thờ Phật Mẫu, hàm Bát Quái, Bát Quái đài, quả Càn Khôn, Thiên Nhân... Trên cơ sở giới thiệu khái quát về lý luận triết lý âm - dương ngũ hành, bài viết tập trung làm rõ những biểu hiện của triết lý này thông qua một số biểu tượng của đạo.

Từ khóa: triết lý âm – dương, đạo Cao Đài, biểu tượng tôn giáo

1. Đặt vấn đề

Trong 5.000 năm lịch sử Trung Hoa, người Hán đã có những thành tựu to lớn về văn hóa, văn minh, có thể kể đến như triết học – tư tưởng Khổng - Mạnh, Đạo giáo, thuốc súng và la bàn. Trong đó, phải kể đến triết lý âm – dương để vừa giải thích nguồn gốc vũ trụ vừa vận dụng vào đời sống thực tiễn như xây cất, chữa bệnh, thờ tự, lễ hội, ...

Triết lý âm – dương đã phát huy khả năng của nó trong quá trình phát triển của Trung Hoa về chính trị, quân sự, các công trình kiến trúc, tâm linh tín ngưỡng và còn nhiều hơn nữa.

Trong quá trình giao lưu văn hóa với các nước xung quanh như Cao Ly (Triều Tiên), Đông Doanh (Nhật Bản), Tây Hạ, triết lý âm - dương đã được các nước này tiếp thu, trong đó có cả Đại Việt (Việt Nam).

Vào những năm hai mươi của thế kỷ XX, tại miền Nam Việt Nam có một tôn giáo nội sinh tổng hợp lại những triết lý, tư tưởng của một số trường phái tư tưởng và tôn giáo lớn trên thế giới đó là đạo Cao Đài. Qua tìm hiểu về giáo lý, giáo luật của đạo Cao Đài và quan sát Tòa thánh Tây Ninh - cơ sở thờ tự và làm việc lớn nhất của đạo, ta thấy hiện hữu hình ảnh của Đạo giáo và triết lý âm – dương ở nhiều nơi.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về triết lý âm – dương

Xét về nguồn gốc triết lý âm – dương, một số giả thuyết cho rằng: “Triết lý âm – dương, ngũ hành, bát quái” xuất hiện vào thời thượng cổ của Trung Hoa, do người Hán nghiên cứu dựa vào các hiện tượng lạ và được họ đem áp dụng vào đời sống thực tiễn mà ta vẫn còn thấy đến ngày hôm nay.

“Truyền thuyết kể rằng vào đời vua Phục Hy (4477 – 4363 TCN) trên lưng con Long Mã xuất hiện ở Hoàng Hà, có các dãy số từ 1 đến 10 sắp xếp như một bản vẽ, nhà vua gọi đó là Hà Đồ (Đồ biểu trên sông Hoàng Hà).

Đời vua Hạ Vũ (2205 – 2163 TCN), một con Kim Quy nổi lên trên mặt nước sông Lạc trên mai có 45 chấm tròn vừa rộng vừa đặc, nếu liên kết sẽ thành 9 hàng, vua Hạ Vũ gọi đó là Lạc Thư (Sách trên sông Lạc).

Người đời sau, khi nghiên cứu giữa Hà Đồ và Lạc Thư thấy chúng có mối tương quan với nhau:

- Hà Đồ gồm 5 nhánh mang 10 số định ra Âm Dương Ngũ Hành gồm Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

- Lạc Thư gồm 9 vị trí, phân ra bốn phương tám hướng gọi là Bát quái, mỗi hướng định cho một tên gọi Khảm, Khôn, Cấn, Chấn, Kiền (còn gọi là Càn), Đoài, Tốn, Ly, tượng trưng cho Trời Đất.

Khởi đầu khi chưa có chữ viết, con người chỉ biết tư duy qua các biểu tượng bằng hình vẽ của vua Phục Hy, với vạch dài là *dương* (-) mang số Lẻ, còn vạch đứt ngang là *âm* (- -) mang số Chẵn, là các quẻ *Tiên thiên* (Gồm 3 hào)”. [6, tr. 7]

Nếu theo triết học Mác – Lênin hiện đại cho rằng: mặt đối lập là khái niệm dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính, những khuynh hướng vận động trái ngược nhau nhưng đồng thời lại là điều kiện, tiền đề tồn tại của nhau thì triết lý âm – dương cũng vận động như mặt đối lập, luôn đấu tranh, luôn tiêu trừ lẫn nhau nhưng đồng thời dựa vào nhau mà phát triển.

“Thuyết Âm Dương cho rằng sự hình thành, biến hóa và phát triển của vạn vật đều do sự vận động của hai khí Âm và Dương mà có.

Từ đầu chỉ có Thái cực, khi chia ra làm 2 khí Âm và Dương gọi là lưỡng nghi.

Hai khí Âm và Dương tuy bên ngoài mang tính đối lập, trái ngược như nước với lửa, cứng với mềm, nam với nữ... nhưng bên trong khi phối hợp lại sinh hiện tượng sinh tiêu (Tạo ra và tiêu diệt), vì thế khi thấy từ Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, từ Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái, Bát Quái sinh ra 64 rồi 128... 256 theo hệ số nhân 2 vì phải có Âm và Dương.” [6, tr. 285]

Trong Bát Quái ta cũng có thể thấy âm Ngũ Hành, nếu bát quái là tám hướng (Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc) thì ngũ hành cũng chia theo bốn hướng và một hướng trung tâm theo đặc tính của các hướng. Đông – Mộc, Nam – Hỏa, Tây – Kim, Bắc – Kim và Trung – Thổ.

2.2. Triết lý âm – dương qua cấu trúc và mô hình của Tòa Thánh Tây Ninh

2.2.1. Tòa Thánh – Báo Ân Từ

Tòa Thánh và Báo Ân Từ là một trong hai cơ sở thờ tự quan trọng bậc nhất trong hệ thống cơ sở thờ tự của “Tòa Thánh Tây Ninh” nói riêng và đạo Cao Đài nói chung trong đó Tòa Thánh là nơi thờ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (đại diện cho Nam phái - dương) và Báo Ân Từ là nơi thờ Diêu Trì Kim Mẫu (đại diện cho Nữ phái - âm).

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế còn gọi là Ngọc Đế, là Đấng-Chí-Tôn, là Thầy, là Đại Từ-phụ hay theo dân gian là Ông Trời, ... là người chưởng quản khí dương kết hợp với khí âm của Diêu Trì Kim Mẫu mà hình thành vạn vật. Vì công lao của người quá to lớn nên tín đồ bôn đạo gọi người bằng “Cha”.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu còn gọi là Đức Mẹ, là Cửu-Thiên Huyền-Nữ, Tây vương Mẫu, Phật Địa Mẫu, Lão giáo gọi là Lão Mẫu, ... là người chưởng quản khí âm trong vũ trụ kết hợp với khí dương của Đấng Từ Phụ mà sinh ra vạn vật. Vì công lao của người quá to lớn nên tín đồ bôn đạo gọi người bằng “Mẹ”.

“Trước không có chi trong Càn-Khôn, Thế-giái là vô-vi. Thoạt-nhiên, hai lần không-khí chẳng biết gốc nơi đâu, kêu là "hư-vô chi khí" đụng nhau mới có chơn-linh của Thầy và Ngôi của Thầy là Thái-Cực. Trái lửa Thái-Cực là cơ của hữu-hình, vâng lệnh Thầy mà phân ra Lưỡng-Nghi, Tứ-Tượng và biến Bát-Quái... rồi sanh ra vùn-vùn muôn-muôn địa-cầu cùng khắp Càn-Khôn Thế- Giái...”

Khi chia mình mà lập ra Càn-Khôn Thế-Giái rồi, thì khối lửa Thái-Cực của Thầy tiêu mất trở lại vô-vi... Ấy là một cuộc hữu-hình, mà trọn cuộc hữu-hình này dường như vâng mạng-lệnh của một quyền-hành Thầy rất lớn, nhứt nhứt có trật-tự... không xâm-phạm lẫn nhau...” [4, tr. 13,14]

Có thể nói triết lý âm – dương là triết lý đầu tiên và cơ bản trong đạo Cao Đài, họ cho rằng nguyên thủy của vạn vật là do âm – dương mà thành, từ vạn vật mà hình thành nên đạo.

Đức Cha (Ngọc Hoàng Thượng Đế) là một người đàn ông (là khí dương), Đức Mẹ (Diêu Trì Kim Mẫu) là người đàn bà (là khí âm) nhờ vào sự dung hòa mà sinh sôi nảy nở. Từ đó trong tâm thức của những người đạo Cao Đài luôn mặc định rằng: Tòa Thánh là ngôi thờ của Cha là dương và Báo Ân Từ là ngôi thờ của Mẹ là âm.

2.2.2. Cấu trúc nền Tòa Thánh Tây Ninh

Nền của Tòa Thánh Tây Ninh được xây theo hình con Long Mã – con vật mang đến nền tảng cơ bản cho con người sự hiểu biết về triết lý âm – dương qua bản Hà Đồ.

Nhìn tổng thể Tòa Thánh Tây Ninh, người ta thấy Tòa Thánh mang hình tượng Long Mã bái sư. Long Mã là con vật linh huyền thoại mang Hà đồ trên mình, gợi ý cho vua Phục Hy vẽ nên Bát Quái Tiên Thiên.

“Đầu Long Mã là mặt tiền nhìn thẳng về phía Tây. Hai lầu chuông và trống vươn lên như hai sừng nhọn. Nằm giữa hai lầu chuông trống là toà nhà lầu với tầng trệt (Tịnh Tâm Đài) như miệng Long Mã há ra.

Tầng hai (Phi Tướng Đài) như cái trán với 2 cửa được coi như hai con mắt. Giữa là mắt Huệ (Thiên Nhân). Trên cao có tượng Đức Di Lạc ngồi trên lưng cọp và tòa sen.

Đuôi Long Mã là Bát Quái Đài hướng thẳng phía Đông.

Thân Long Mã là phần ở giữa Đền (Cửu Trùng Đài) chia thành 9 gian cao dần từ phía trước ra sau, nối liền Hiệp Thiên Đài với Bát Quái Đài”. [5, tr. 34]

Nếu chúng ta nói triết lý âm – dương là một phần của những nền triết học cổ đại thì tín đồ bổn đạo xây nên Tòa Thánh Tây Ninh theo hình Long Mã, chắc họ muốn hình ảnh này mang ngụ ý đạo đã xuất hiện từ xa xưa nhưng mỗi lần hạ thế độ chúng sanh thì có một biểu hiện khác nhau. Ngoài ra, Long Mã gắn liền với hình ảnh Hà đồ, biểu trưng cho trên nền móng này là một nền kiến thức cho con người tu học, độ tha vạn vật cũng như Long Mã mang đến kiến thức cổ xưa cho con người mà về sau vẫn còn được vận dụng nhiều trong đời sống.

2.2.3. Hàm bát quái

“Phần dưới của 12 cấp Bát Quái Đài, tức là thuộc phần nền của Bát Quái Đài, có đào một cái hầm lớn, được xây cất kiên cố theo hình Bát Quái, có thông hơi và có nắp đậy chắc chắn, có cầu thang đi xuống, gọi là Hàm Bát Quái. Hàm Bát Quái được dùng làm nơi cất giữ tro thiêu hài cốt của các chức sắc Đại Thiên Phong từ hàng Tiên vị trở lên, tức là từ phẩm Đầu Sư hay tương đương trở lên. Hài cốt này đặt trong liên đài, được lấy ra từ các bửu tháp, đem làm lễ hỏa thiêu tại Cửu Trùng Thiên nơi Đại Đồng Xã trước Tòa Thánh, lấy tro đựng vào thố, bên ngoài có ghi rõ phẩm tước, Thánh danh, năm sanh năm tử, và ngày hỏa thiêu, để lưu truyền kỷ niệm về sau... Trong Hàm Bát Quái hiện nay có đặt 6 cái thố đựng tro thiêu hài cốt của 6 vị Chức sắc Đại Thiên phong đã đăng Tiên, kể ra sau đây:

- Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.
- Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh.
- Thái Đầu Sư Thái Thơ Thanh.
- Ngọc Đầu Sư Ngọc Trang Thanh.
- Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư.
- Bảo Đạo Ca Minh Chương”. [2, tr. 389,390]

Bát quái tượng trưng cho trời đất, vũ trụ việc cho nhập cốt vào bát quái là nhập vào vũ trụ thành thân tiên. Vì Đức Chí Tôn từ hư vô mà có, người tạo ra cần – khôn, người ngự ngôi Thái Cực mà Thái Cực là nguồn gốc của Bát Quái thì các chức sắc nhập vào Bát Quái là về gần với Đức Chí Tôn.

2.2.4. Bát quái đài

Nơi Đức Chí Tôn ngự, nơi mà tín đồ trong đạo thờ phụng Người, bản vẽ được làm theo lời dạy mà Người đưa ra giống ngôi ngự của người trong vũ trụ.

Bát Quái Đài là cái đài cao có hình 8 cạnh đều nhau, mỗi cạnh là một cung của Bát Quái. Tám cạnh là 8 cung Bát Quái, gồm: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tồn, Ly, Khôn, Đoài. Bát Quái Đài dùng làm nơi thờ Đức Chí Tôn, các Đấng Giáo chủ và chư Thần Thánh Tiên Phật. Mỗi khi cúng đàn tại Tòa Thánh, đều có Đức Chí Tôn và chư Thần Thánh Tiên Phật giáng ngự chứng lễ. Khoảng giữa Bát Quái Đài và Cửu Trùng Đài là Cung Đạo. Các cây cột Rồng (Long trụ) nơi Bát Quái Đài đều quấn rồng vàng.

Ở tầng trệt, Bát Quái Đài có 12 cấp hình 8 cạnh đều nhau, bên ngoài lớn và thấp, vô trong nhỏ lại và cao hơn, xếp như bậc thang, mỗi cấp cao 10 phân. Tất cả các cấp Bát Quái đều làm bằng đá mài màu vàng, cả các mái cong trên nóc cũng được sơn màu vàng. Trung tâm của Bát Quái Đài ở tầng trệt này là một cây trụ lớn, rất chắc chắn để giữ vững Quả Càn Khôn bên trên. Trên mặt của phần Trung tâm Bát Quái có cần đủ 8 Cung Bát Quái, 8 Cung này có vị trí đặc biệt khác hơn Tiên Thiên Bát Quái Đồ của Phục Hy và Hậu Thiên Bát Quái Đồ của Văn Vương, vì đây là Bát Quái Cao Đài”. [2, tr. 387,388]

2.3. Triết lý âm – dương qua biểu tượng Quả Càn – Khôn và Thiên Nhân của Tòa Thánh Tây Ninh

2.3.1. Quả Càn – Khôn

Càn có biểu tượng ba gạch dài, thể hiện cho dương. Trong không gian Càn là “trời” (Trên cao), trong thời gian Càn là “mùa hạ”, trong gia đình Càn là “cha”, ...

Khôn có biểu tượng ba gạch đứt, thể hiện cho âm. Trong không gian Khôn là “đất” (Dưới thấp), trong thời gian Khôn là “mùa đông”, trong gia đình Khôn là “mẹ”, ...

Càn – Khôn là hai cung căn bản, chúng tác động lẫn nhau lúc mạnh, lúc yếu mà tạo thành các cung còn lại trong bát quái.

Trong chính điện của Tòa Thánh Tây Ninh tại vị trí trung tâm gian thờ tự là quả càn khôn được đắp bằng xi măng với biểu tượng con mắt trái và 3072 vị tinh tú xung quanh. Đối với tín đồ đạo Cao Đài, đây là biểu tượng cho Đức Chí Tôn, là hình ảnh thiêng liêng nhất trong đạo. Sự tôn thờ quả càn khôn như là sự cụ thể hóa triết lý âm dương qua hình tượng cụ thể của bồ đạo.

2.3.2. Thiên Nhân

Thiên Nhân và ý nghĩa thờ Thiên Nhân là vấn đề vô cùng lớn lao và sâu xa mà cả nhiều tín đồ bồ đạo cũng chưa hiểu hết huyền cơ ấy, chúng ta chỉ khai thác một phần nhỏ là triết lý âm – dương qua biểu tượng Thiên Nhân mà thôi.

Thiên là Trời, Nhân là Mặt, thờ Thiên Nhân là thờ Mặt của Ông Trời. Biểu tượng Thiên Nhân được ông đốc phủ Ngô Văn Chiêu phát hiện vào lúc 8 giờ sáng, ngày 13-3-Tân Dậu (Dương lịch 20/4/1921).

Trong việc chọn biểu tượng thờ tự thì tín đồ đạo Cao Đài cũng dùng triết lý âm – dương để định hình biểu tượng. Nhằm ngụ ý rằng đây là biểu tượng của thượng đế, người ta chỉ vẽ một bên mắt thay vì là đôi mắt (Số 1 là số của Thái Cực – ngôi Trời ngụ), chỉ chọn mắt bên trái (Bên của nam – Bên dương).

“1. Tiên Nho thường nói : *Hoàng Thiên hữu Nhân*, hay trong dân gian cũng thường nói : *Trời cao có mắt*, để chỉ rằng Ông Trời, tức là Đấng Thượng Đế, nhìn thấy rõ tất cả những hành vi thiện ác của khắp chúng sanh, dầu bộc lộ ra ngoài hay giấu giếm kín đáo bên trong, Mặt Trời đều thấy rõ hết thảy, để khen thưởng hay xử phạt một cách công bình.

Do đó, trong Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế có câu :

Càn kiện cao minh,
Vạn loại thiện ác tất kiến.

Nghĩa là:

Càn là Trời, ngôi Càn mạnh mẽ, cao tột, sáng tỏ,
Ắt hẳn thấy rõ điều thiện và ác của muôn loài vật.

Thờ Thiên Nhân với con mắt mở, để chúng ta luôn luôn nhớ rằng, bất cứ ta làm việc gì, Trời đều thấy rõ, không thể giấu giếm, cũng không thể sau này chối cãi được.

2. Vẽ một con mắt để thờ, mà không vẽ 2 con mắt (một cặp) là bởi vì 1 là số khởi thủy của Càn khôn Vũ trụ và vạn vật (theo Dịch học): 1 sanh 2, 2 sanh 3, 3 sanh vạn vật. Tức là Nhứt bản tán Vạn thù, Vạn thù qui Nhứt bản. Cho nên, số 1 là gốc, lại là số Dương, mà Đức Chí Tôn làm Chủ Dương quang, thì rất hợp lẽ. Số 1 cũng chỉ ngôi Thái Cực, là ngôi độc nhứt trong Càn Khôn Vũ trụ.

3. Vẽ con mắt bên trái để thờ, chớ không phải vẽ con mắt bên Mặt, bởi vì bên trái thuộc về Dương, bên mặt thuộc về Âm, nên khi vào Thánh Thất qui cúng Đức Chí Tôn, phái Nam qui bên Trái của Đức Chí Tôn; phái Nữ qui bên Mặt của Đức Chí Tôn (Nam tả Nữ hữu). Do đó, con mắt trái tượng trưng Đức Chí Tôn và Đức Chí Tôn chương quản Khí Dương quang.” [2, tr. 150, 151]

2.4. Triết lý âm – dương qua một số biểu tượng khác của Tòa Thánh Tây Ninh

2.4.1. Long Mã phụ hà đồ

Long mã phụ hà đồ gắn liền với sự tích vua Phục Hy phát hiện ra Hà Đồ – nền móng đầu hình thành nên triết lý âm dương. Ngoài ra nó còn thể hiện cho sự xuất hiện của các tôn giáo trên thế giới từ Đông sang Tây. Việc dùng hình tượng Long Mã phụ Hà Đồ là sự biểu hiện của triết lý âm dương hết sức rõ ràng, điều đó thể hiện qua đoạn trích sau:

“Trở lại hình Long Mã trên nóc Nghinh Phong Đài: Long là rồng, bay lên Trời, tượng trưng Dương; Mã là ngựa, chạy trên mặt Đất, tượng trưng Âm. Long Mã tượng trưng Âm Dương, tức là tượng trưng cho Đạo. Minh Long Mã hướng theo chiều Tòa Thánh, bộ điệu như đang chạy về hướng Tây, ý nghĩa là Đạo xuất nơi hướng Đông và truyền qua hướng Tây, nhưng đầu Long Mã ngoéo lại hướng Đông, ý nghĩa là Đạo cuối cùng lại trở về hướng Đông, vì hướng Đông là gốc của Đạo. Hướng Đông ở đây là chỉ nước Việt Nam, vì người Tây phương gọi Việt Nam là nước Viễn Đông. Long là rồng, cũng tượng trưng Không gian, vì rồng bay trong không trung; Mã tượng trưng thời gian vì ngựa chạy có mau có chậm, cho nên Long Mã tượng trưng Không gian và Thời gian, tức là tượng trưng Càn khôn Vũ trụ, luôn luôn vận chuyển không ngừng” [2, tr. 403, 404]

2.4.2. Búp sen ô cửa sổ

“Hai bên vách Đền Thánh tạc hình hoa sen, gương sen và ngó sen trong khung hình chữ nhật đứng, ở giữa có khung tam giác tạc Thiên Nhân phản chiếu các tia rẽ quạt rất sinh động. Khung hình này mang nhiều ý nghĩa màu nhiệm:

- Thiên Nhân tượng trưng cho Thái cực.
- Hình tam giác tượng trưng cho Tam giáo đồng nguyên.
- Búp sen trên, búp sen dưới tượng trưng Âm Dương tức Lưỡng Nghi
- 4 trái sen hai bên tượng trưng Tứ Tượng
- 8 lá sen tượng trưng Bát Quái
- 12 ngó sen tượng trưng Thập nhị Khai Thiên.” [5, tr. 47]

2.4.3. Đền thái cực và lưỡng nghi

“Trước quả Càn Khôn là bàn thờ. Trên Thiên bàn có đủ 12 phẩm vật:

- Thiên Nhân
- 1 Thái Cực Đãng (ngọn đèn luôn luôn cháy tượng trưng cho linh hồn vũ trụ)
- Hai cây đèn ở hai bên tượng trưng cho lưỡng nghi (âm - dương)
- 1 bình hoa (tượng trưng cho Tinh) và 1 đĩa trái cây
- 3 ly rượu (tượng trưng cho Khí)
- 1 tách trà (tượng trưng cho Thần) và 1 tách nước lạnh (nước Âm Dương)
- 1 lư hương

Khi cúng sẽ đốt 5 cây nhang và cắm thành hai hàng: hàng trong 3 cây, hàng ngoài 2 cây. Năm cây nhang tượng trưng cho sự vận chuyển của ngũ hành để cho vũ trụ điều hòa, vạn vật sanh trưởng. Trong phép tu luyện, người tu phải qua 5 giai đoạn tu tập: Giới, Định, Huệ, Tri kiến và Giải thoát.

Tinh, Khí, Thần là ba vật báu của con người:

- Tinh là xác thân do cha mẹ sinh ra, còn gọi là đệ nhất xác thân.
- Khí là trí não của chúng ta, còn được gọi là đệ nhị xác thân hay là chơn thần, do Đức Phật Mẫu- Mẹ Thiêng liêng ban cho.

- Thần là yếu tố Thiêng liêng, bất tiêu bất diệt, còn được gọi là đệ tam xác thân hay là chơn linh, do Đức Chí Tôn ban cho. Nhờ có chơn linh, con người mới hiểu biết, khôn ngoan hơn vạn vật.

Nếu Trời có ba báu là Nhựt, Nguyệt, Tinh; Đất có ba báu là Thủy, Hỏa, Phong thì người có Tinh, Khí, Thần”. [5, tr.51, 53]

2.4.4. Ông Thiện – Ông Ác

“Hai bên cửa chánh Tòa Thánh, có đặt 2 pho tượng lớn:

Pho tượng đứng sát Bạch Ngọc Chung Đài (phía bên Nam phái), đầu đội kim khôi, mình mặc áo giáp, tay cầm đại đao, gương mặt hiền từ, đứng trên tòa sen, đó là Ông Thiện, gọi đúng là Thiện Thần, tượng trưng điều thiện, điều chánh.

Pho tượng bên kia, đứng sát Lôi Âm Cổ Đài, (phía bên Nữ phái), đầu đội kim khôi, mình mặc giáp, một tay cầm cái búa, một tay cầm cục Ngọc Tỷ, gương mặt hung dữ, đứng trên tòa lửa (Hỏa đài), đó là Ông Ác, gọi đúng là Ác Thần, tượng trưng điều Ác, điều tà.” [2, tr. 376]

Nếu nói triết lý âm – dương cũng tương đồng với mặt của mâu thuẫn trong triết học Mác – Lênin hiện đại thì cặp phạm trù Thiện – Ác cũng như âm – dương luôn tác động qua lại và tạo điều kiện cho nhau phát triển.

Ngoài ra, Tòa Thánh Tây Ninh còn rất nhiều biểu tượng mang trong mình triết lý âm – dương như: Bạch Ngọc kinh, Bạch Ngọc Chung đài, Lô Âm Cổ đài, mặt trời và mặt trăng,...

3. Kết luận

Đạo Cao Đài là một tôn giáo dung hợp. Tư tưởng của đạo là sự tổng hợp nhiều nền tảng tư tưởng lớn của nhân loại từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây. Tuy nhiên, các vị chức sắc khai đạo đã khéo léo kết hợp và dung hòa các tư tưởng và triết lý đó lại thành một hệ thống và trình bày nó một cách hài hòa, nhẹ nhàng qua chính cơ sở thờ tự cao nhất cũng như những biểu tượng được sử dụng trong các công trình kiến trúc của đạo. Qua việc phân tích một số biểu tượng tiêu biểu của đạo Cao Đài dễ dàng nhận thấy triết lý âm – dương ngũ hành là một trong những triết lý tiêu biểu nhất, chi phối toàn bộ quá trình thiết kế, xây dựng nên Tòa Thánh – Thánh địa và nơi thờ tự tối cao của đạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lạp Chúc, Nguyễn Huy (2015), *Âm dương ẩm thực*, Thánh Thất Seattle Ấn tổng - Hoa Kỳ.
- [2]. Nguyễn Văn Hồng (1999), Giới Thiệu Tòa thánh Tây Ninh, sách đạo.
- [3]. Kim Hương (1999), *Báo ân từ và Hội yến Diêu Trì cung*, Tủ Sách Đại Đạo.
- [4]. Đức Nguyễn (2013, sưu tầm), *Diễn văn và thuyết đạo của Phạm Hộ Pháp (Mậu Thìn - Canh Thìn)*, Sách đạo.
- [5]. Tùng Thiên – Từ Bạch Hạc (2005), *Tìm hiểu đạo Cao Đài qua kiến trúc Tòa thánh Tây Ninh*, Tủ Sách Đại Đạo.
- [6]. Thiên Việt (2012), *Theo những bí ẩn của Hà đồ - Lạc thư qua bát tự*, Nxb Tự điển Bách khoa.

BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ DỆT CHIẾU ĐỊNH YÊN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

SV: Phan Mạnh Nhân, Phạm Thị Mỹ Duyên, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – lớp ĐHVNH17
GVHD: ThS. Lê Thị Thanh Yến

Tóm Tắt

Trong suốt chặng đường lịch sử dựng nước và giữ nước, ông cha ta đã để lại một kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đồ sộ, phong phú. Trong kho tàng di sản quý báu đó có các làng nghề truyền thống Việt Nam và ở Đồng Tháp nổi bật nhất là làng nghề dệt chiếu Định Yên. Trong phạm vi trình bày, bài viết nêu lên thực trạng và đề xuất một số giải pháp cho việc bảo tồn và phát triển làng nghề dệt chiếu Định Yên nhằm phục vụ cho hoạt động du lịch tại Đồng Tháp nói riêng và du lịch ĐBSCL nói chung.

Từ khóa: Định Yên, Dệt chiếu, Chợ ma, Làng nghề dệt chiếu.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một đất nước có nhiều nghề thủ công truyền thống gắn liền với lịch sử dân tộc. Các làng nghề hình thành, tồn tại, trải qua nhiều thăng trầm và phát triển cho đến tận bây giờ. Những làng nghề đã chứng tỏ được sức sống bền bỉ của mình góp phần gìn giữ nét đẹp văn hóa của cha ông chúng ta để lại và tạo điều kiện cho xã hội phát triển. Các làng nghề truyền thống Việt Nam đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo việc làm cho người lao động nông thôn, tận dụng một cách triệt để các yếu tố về vốn, lao động, kỹ thuật của từng hộ gia đình, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn ngày càng hợp lý hơn và góp phần xây dựng nông thôn mới. Sản phẩm của những làng nghề truyền thống là sự kết hợp giữa văn hóa và trình độ kỹ thuật của người làm nghề tạo nên. Những sản phẩm có độ thẩm mỹ cao, kết tinh tài hoa qua nhiều thế hệ. Nó không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế cho người dân mà còn phản ánh sinh động lối sống và ước vọng của người lao động, thấm đẫm tâm hồn người Việt Nam đồng thời gìn giữ truyền thống từ đời này sang đời khác.

Định Yên là một xã nông thôn thuộc huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Người dân nơi đây sống chủ yếu bằng nghề sản xuất nông nghiệp và nghề dệt chiếu truyền thống. Nói đến Định Yên là người ta nghĩ đến làng nghề dệt chiếu truyền thống, đây là một nét văn hóa đặc trưng của địa phương. Tháng 9 năm 2013, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã chính thức công nhận làng nghề dệt chiếu Định Yên là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Nghề dệt chiếu Định Yên có thể đã hình thành từ hơn 100 năm nay và được truyền từ đời này sang đời khác.

Đến nay, nghề dệt chiếu vẫn tồn tại trong mỗi gia đình bởi nó mang lại thu nhập ổn định cho người dân trong lúc nông nhàn, góp phần xóa đói giảm nghèo địa phương đáng kể. Đối với người dân Đồng Tháp nói riêng và ĐBSCL nói chung, làng nghề dệt chiếu Định Yên là một Di sản văn hóa phi vật thể quý giá của cộng đồng cần được trân trọng, gìn giữ và phát huy.

Tuy nhiên, khi xã hội ngày nay đang ngày càng phát triển đã kéo theo những đổi thay về suy nghĩ và nhận thức, nghề dệt chiếu đang bị thu hẹp và làng nghề dệt chiếu Định Yên đang đứng trước nguy cơ bị mai một dần. Chính vì thế, cùng với niềm tự hào thì vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị của làng nghề dệt chiếu Định Yên đang trở thành nhiệm vụ quan trọng của địa phương và khu vực trong việc khai thác các giá trị của làng nghề vào phục vụ hoạt động du lịch hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu khái quát về làng nghề dệt chiếu Định Yên

Theo quốc lộ 80 từ thành phố Sa Đéc đi gần 30km là đến mép huyện Lấp Vò gỏi đầu lên bắc Vàm Cống. Qua thị trấn có tên nghe rất lạ độ 3km rẽ trái về phía sông Hậu đi thêm 10km đường ruộng là đến với làng chiếu Định Yên. Mỗi khi đi qua đây, đến đoạn đường nào mà thấy những sợi lác đủ màu sắc phơi đầy hai bên lối đi thì đoạn đường đó đã thuộc địa phận xã Định Yên. Chiếu nằm la liệt trước ngõ là “tín hiệu mở đường” cho vùng đất đầu sông cuối bãi này. Cũng bắt đầu từ đây, tiếng khung dệt kêu lách cách đều đều từ đầu thôn đến cuối xóm nghe rất vui tai, rộn rã.

Theo thống kê của chính quyền địa phương, nghề dệt chiếu tập trung ở 4 ấp: An Bình, An Khương, An Lợi A và An Lợi B. Các ấp này có tới 70% hộ dân theo nghề làm chiếu. Chiếu Định Yên có hai loại chính: một loại chiếu trơn không nhuộm màu và một loại chiếu bông có nhuộm màu. Riêng chiếu con cò và chiếu cưới thì được in hoa trang trí lộng lẫy và cầu kỳ hơn. Qua bàn tay khéo léo của người thợ dệt, hàng năm các hộ dân nơi đây đã cho ra đời hàng triệu sản phẩm chiếu có hoa văn rực rỡ, mịn màng và bền chắc. Sản phẩm chiếu Định Yên có rất nhiều chủng loại, kích cỡ, mẫu mã đa dạng và phong phú, gồm chiếu bông vuông hình con cò, chiếu bông động phòng hoa chúc, chiếu Trà Niên, chiếu trắng, chiếu hoa văn, chiếu vảy ốc, chiếu cò.

Khi nhắc đến làng chiếu Định Yên là phải nhắc đến chợ “ma” ở nơi đây. Vì họp vào ban đêm nên người dân nơi đây gọi là chợ “ma”. Mỗi phiên chợ có cả trăm ghe thuyền thương hồ buôn chiếu từ nhiều nơi đổ về lấy hàng. Trong ánh sáng lung linh, mờ ảo của những ngọn đèn chong leo lét, thuyền ghe thương hồ cắm sào đậu san sát dưới bên sông.

Thời điểm hưng thịnh và phát triển nhất của làng chiếu Định Yên là vào những năm 80 của thế kỷ 20. Thời kỳ đó chiếu Định Yên đã theo xe lửa, tàu thủy xuất khẩu sang các nước Đông Âu, Liên Xô cũ, Campuchia, Thái Lan... Làng nghề dệt chiếu Định Yên ngày đó rất nhộn nhịp, hàng làm ra không đủ bán, tạo nguồn lao động và thu nhập đáng kể cho người dân trong vùng.

Tiếng máy dệt lách cách là nhịp thở hàng ngày của làng chiếu Định Yên rộn ràng tới tận đêm khuya. Bộ mặt nông thôn Định Yên càng thêm tươi trẻ bởi sắc màu rực rỡ của những đôi chiếu hoa mang lại. Manh chiếu, chiếc chiếu, đôi chiếu từ xa xưa đã gắn liền với đời sống người Việt. Hơn thế, nó đã trở thành biểu tượng cho tình cảnh, tình cảm của bản thân, gia đình.

Chính những giá trị vật chất và tinh thần vô cùng đặc sắc này mà trong tháng 9 năm 2013, người dân Định Yên nói riêng và tỉnh Đồng Tháp nói chung vinh dự đón nhận một tin vui đó là Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã chính thức công nhận làng nghề dệt chiếu Định Yên là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

2.2. Thực trạng của việc bảo tồn và phát triển làng nghề dệt chiếu Định Yên phục vụ hoạt động du lịch

Nghề dệt chiếu ở Định Yên được hình thành và phát triển từ hơn 100 năm. Hiện có hơn 3.000 hộ tham gia sản xuất thường xuyên, thời vụ trong hoạt động liên quan đến nghề dệt chiếu. Mỗi năm, các hộ sản xuất ở đây làm ra hàng triệu sản phẩm tiêu thụ khắp vùng đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam bộ và Campuchia.

Nghề dệt chiếu đã đem lại bức tranh tươi sáng cho cuộc sống người dân Định Yên, tạo ra nguồn thu nhập chính cho nhiều hộ gia đình, giải quyết việc làm, giúp ổn định về mặt kinh tế, góp phần nâng cao đời sống của bà con nông thôn. Tuy thăng trầm, vất vả nhưng người dân Định Yên với nghề cha truyền con nối vẫn một lòng nuôi dưỡng, theo đuổi để nghề dệt chiếu nơi đây trở thành làng nghề truyền thống có hơn trăm năm tồn tại và phát triển này.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của xã hội và nhu cầu tiêu thụ về chiếu không còn mạnh như trước, đặc biệt là sau thị trường Liên Xô và Đông Âu không còn tiêu thụ mặt hàng chiếu nữa, nghề dệt chiếu bị thu hẹp lại, các tổ hợp sản xuất chiếu bị giải thể chỉ còn các hộ gia đình sản xuất nhỏ lẻ. Mặt khác những khó khăn về nguyên liệu và giá thành sản xuất cũng ảnh hưởng không nhỏ nghề thủ công truyền thống này. Trước nguy cơ làng nghề bị mai một, tỉnh Đồng Tháp đã có nhiều chương trình hỗ trợ thiết thực như: hỗ trợ vốn vay mua máy dệt, vay giải quyết việc làm ... để giúp các gia đình khôi phục và duy trì lại sản xuất.

Đến Định Yên hôm nay, chúng ta sẽ không còn thấy không khí nhộn nhịp của “chợ ma” trên bến dưới thuyền ngày nào. Nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống giao thông nông thôn đã được đầu tư khá hoàn chỉnh, các phương tiện chuyên chở như xe đạp, xe máy, xe tải có thể đi sâu vào tận thôn, xóm để thu mua trực tiếp sản phẩm một cách nhanh chóng và tiện lợi.

Trong những năm gần đây, chiếu cói Định Yên phải cạnh tranh với các sản phẩm chiếu nhựa, chiếu tre, chiếu gỗ... nhưng người dân Định Yên đã biết tìm hướng đi mới để giữ vững thương hiệu của mình. Đến Định Yên hôm nay, chúng ta cũng sẽ không còn được thấy nhiều người ngồi đan chiếu bên đường nữa mà thay vào đó là máy móc, công nghệ tiên tiến. Số lượng chiếu làm ra ngày một nhiều, sản phẩm mẫu mã đẹp, chất lượng so với dệt truyền thống

không thua kém là mấy. 01 người thợ có thể điều khiển 01 máy dệt chiếu, mỗi ngày làm được hơn chục chiếc, thu nhập được gần 200 ngàn đồng trở lên.

Nhằm khôi phục và phát huy các giá trị văn hóa – lịch sử của làng chiếu Định Yên, tỉnh Đồng Tháp đang xây dựng Đề án quy hoạch, khôi phục chợ chiếu Định Yên với quy mô hiện đại trên diện tích 1,5 ha; trong đó, nhà lồng chợ và sân có diện tích khoảng 3.000m². Xây dựng chợ chiếu Định Yên là nơi không chỉ để người dân trong làng nghề buôn bán sản phẩm mà còn nhằm tái hiện lại nét văn hóa truyền thống của chợ chiếu Định Yên ngày xưa (chợ đêm - chợ ma) để phục vụ khách du lịch.

Song song đó các cấp chính quyền cũng hỗ trợ cho người dân vay vốn sản xuất, theo ước tính khoảng 20 tỷ đồng. Từ nguồn vốn được vay người dân sử dụng để mua nguyên liệu, máy dệt chiếu công nghiệp để ổn định kinh tế gia đình. Ngoài ra, để phát triển bền vững làng nghề, chính quyền địa phương còn đầu tư xây dựng chợ đầu mối tạo điều kiện cho việc mua bán chiếu thành phẩm và nguyên vật liệu, hợp tác xã cũng được hình thành để người dân làng nghề có một nơi chia sẻ kinh nghiệm cũng như là kỹ thuật với nhau. Hệ thống cầu đường ngày càng khang trang, giờ đây vận chuyển chiếu dễ dàng không còn dùng xuồng hay ghe chở chiếu trên kênh, sông... như ngày xưa nữa. Bên cạnh đó địa phương cũng đang huy hoạch nguồn nguyên liệu vùng nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của làng nghề, tránh tình trạng phải phụ thuộc vào nguyên liệu của các tỉnh khác.

2.3. Đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển làng nghề dệt chiếu Định Yên phục vụ hoạt động du lịch

Trong công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở hiện nay, việc kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc là rất cần thiết. Do đó, việc bảo tồn, kế thừa và phát huy giá trị của các làng nghề truyền thống nhằm phục vụ cho hoạt động du lịch là một vấn đề quan trọng và cấp bách hiện nay. Với những giá trị mà làng nghề chiếu Định Yên mang lại cho đời sống xã hội của người dân Định Yên nói riêng và tỉnh Đồng Tháp nói chung, để bảo tồn và phát triển làng nghề dệt chiếu Định Yên nhằm phục vụ hoạt động du lịch chúng ta cần phải làm gì?

1. Cần quan tâm đến các công tác bảo vệ, trùng tu các di tích lịch sử văn hóa có trong địa phận làng nghề như Đình Định Yên, chùa An Phước,... nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa của làng nghề tạo sức hút với khách du lịch.

2. Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh làng nghề cho du khách trong và ngoài nước biết đến nhiều hơn thông qua mạng xã hội, báo đài,... liên kết làng chiếu với các điểm du lịch trong và ngoài tỉnh.

3. Giáo dục ý thức cộng đồng dân cư làng nghề có văn hóa giao tiếp với khách du lịch. Mở các lớp tập huấn ngắn hạn tại làng nghề nhằm trang bị cho cán bộ địa phương và nhân dân làng nghề những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong hoạt động du lịch.

4. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế cho khách du lịch khi đến với làng Chiếu, Ví dụ như dệt chiếu, nhuộm lác, phơi chiếu... Phục dựng lại chợ ma vào những ngày cố định hàng tuần hoặc hàng tháng để du khách có thể trải nghiệm được không khí mua bán của làng chiếu ngày xưa.

5. Xây dựng các những điểm dừng chân để khách du lịch có thể nghỉ ngơi sau khi trải nghiệm làng mà khỏi phải đi xa làng Chiếu như Homestay Huỳnh Gia.

6. Gia công đồ thủ công được làm từ lác để làm quà lưu niệm về cho du khách ví dụ như hình những con vật, các đồ dùng sinh hoạt hàng ngày. Mở các sạp bán hàng lưu niệm có thể bán chiếu thành phẩm cho khách du lịch cũng có thể bán ngay tại nhà.

7. Xây dựng cảnh quan môi trường của làng nghề sạch đẹp, gọn gàng. Các công đoạn sản xuất tại làng nghề phải được bố trí và có phương pháp xử lý để không ảnh hưởng đến môi trường chung để tạo thiện cảm với khách tham quan xây dựng bối cảnh background để thu hút các bạn trẻ đến khám phá tìm hiểu và chụp hình.

8. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ đối với việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, nghệ thuật đờn ca tài tử Nam bộ nói riêng.

9. Có chính sách đãi ngộ, khen thưởng và phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước cho các nghệ nhân dệt chiếu có nhiều đóng góp xuất sắc trong việc bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề truyền thống.

3. Kết Luận

Với những giá trị đặc sắc và vô tận, làng nghề dệt chiếu Định Yên đã góp phần quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa đặc sắc của tỉnh Đồng Tháp nói riêng và ĐBSCL nói chung. Việc bảo tồn và phát huy những giá trị nổi bật của làng nghề dệt chiếu Định Yên không chỉ cần sự cố gắng nỗ lực từ phía chính quyền, các tổ chức xã hội mà còn ở cộng đồng dân cư trong mối liên hệ mật thiết với văn hóa Nam bộ. Thiết nghĩ, nếu có những giải pháp đồng bộ từ các cấp cùng với sự tâm huyết và quyết tâm của những người yêu thích đôi chiếu Định Yên, hy vọng việc bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống này sẽ có những bước chuyển mới trong tương lai không xa./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]- Đỗ Thị Ngọc Bích Tuyên Em (2016), *Làng nghề dệt chiếu Định Yên huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp*, Trường Đại Học Quốc Gia, Thành Phố Hồ Chí Minh.

[2] - Văn Khương, Làng chiếu Định Yên- di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, Công thông tin điện tử Đồng Tháp.

<https://www.dongthap.gov.vn/wps/wcm/connect/DTP/sitinternet/sitdukhach/sitatimhieudongthap/sitalangnghetruyenthong/201310-lang+chieu+ding+yen+-+di+san+van+hoa+phi+vat+the>

[3]- Lê Anh (2017), Làng chiếu Định Yên Đồng Tháp, tạp chí Heritage

DU LỊCH TÔN GIÁO – PHẬT GIÁO Ở TỈNH VĨNH LONG

SV: Đinh Hoàng An, Nguyễn Thị Thanh Ngân, Lớp: ĐHVNH18A

GVHD: ThS. Trần Công Danh

Tóm tắt

Du lịch tôn giáo là loại hình du lịch không quá xa lạ đối với đông đảo người dân cả nước nói chung và người dân ở Vĩnh Long nói riêng. Loại hình này cũng được biết đến ở Vĩnh Long song chưa được thực hiện nhiều, mặc dù Vĩnh Long là một tỉnh đa tôn giáo (Phần đông là Phật giáo) có nhiều công trình tôn giáo khác nhau ở khắp các huyện thị... Bên cạnh đó tỉnh Vĩnh Long có nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú với nhiều chùa, chiền, khu thờ tự, thiền viện... được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh, quốc gia như: Chùa Tiên Châu, Chùa Phước Hậu, Chùa Ông... Đây là nguồn tài nguyên vô giá để phát triển loại hình du lịch tôn giáo - Phật Giáo của tỉnh nhà. Chính vì lẽ đó bài viết này phân tích tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch tôn giáo, tâm linh bên cạnh đó cũng đề ra một số giải pháp thúc đẩy phát triển loại hình du lịch này trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Từ khóa: Phật giáo, Vĩnh Long, Du lịch tôn giáo

1. Đặt vấn đề

Vĩnh Long là một tỉnh nằm ở Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, thuộc Miền Nam Việt Nam. Vĩnh Long cách Thành phố Hồ Chí Minh 135 km về phía Nam và cách Thành phố Cần Thơ 40 km về phía Bắc theo đường Quốc lộ 1A. Tỉnh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, dạng địa hình khá bằng phẳng với độ dốc nhỏ hơn 2 độ, không có núi đồi, địa hình lòng chảo, trũng ở trung tâm và cao dần về phía Bắc, Đông Bắc và Nam Đông Nam, bị chia cắt bởi nhiều con sông và kênh rạch.

Trải qua quá trình phát triển và đổi mới Vĩnh Long vẫn còn lưu giữ và bảo tồn được nhiều di tích lịch sử, văn hóa và làng nghề truyền thống với 11 Di tích cấp quốc gia trong khoảng 450 di tích của cả tỉnh, tiêu biểu là Văn Thánh Miếu – Một trong 4 Văn Thánh Miếu của cả nước, ngoài ra còn có nhiều đình chùa như: Chùa Phước Hậu, Chùa Tiên Châu, Chùa Bồ Đề, Chùa Hạnh Phúc Tăng, Đình Long Thanh, Đình Tân Hoa, Miếu Công Thần, Thất Phủ Miếu (chùa Ông)... Đây là điều kiện tốt để phát triển loại hình Du lịch tôn giáo của tỉnh Vĩnh Long

2. Nội dung

2.1. Khái niệm Du lịch tôn giáo

Du lịch tôn giáo trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng có những quan niệm khác nhau và đến nay vẫn chưa có một khái niệm chung nhất. Tuy nhiên, xét về nội dung và tính chất hoạt động, du lịch tôn giáo thực chất là loại hình văn hóa, lấy yếu tố tôn giáo làm cơ sở vừa làm mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh của con người trong đời sống tinh thần.

Theo cách nhìn nhận đó, du lịch tôn giáo khai thác những yếu tố văn hóa trong quá trình diễn ra các hoạt động du lịch, dựa vào những giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể gắn với lịch sử hình thành nhận thức của con người về thế giới, những giá trị về đức tin, tôn giáo, tín ngưỡng và những giá trị tinh thần đặc biệt khác. Theo đó, du lịch tôn giáo mang lại những cảm xúc và trải nghiệm thiêng liêng về tinh thần của con người trong lúc trải nghiệm du lịch.

Khách du lịch tôn giáo ở Việt Nam thường hội tụ về các điểm du lịch tôn giáo như: đền, chùa, đình, khu thờ tự... và những vùng đất linh thiêng với phong cảnh đặc sắc gắn kết với văn hóa truyền thống, lối sống địa phương. Ở đó du khách tiến hành các hoạt động tham quan, tìm hiểu văn hóa lịch sử, triết lý Phật giáo, cầu nguyện, cúng tế, chiêm bái, báo hiếu, hành thiện, tham gia lễ hội... Thông qua đó, hoạt động du lịch mang lại những cảm nhận, giá trị trải nghiệm, giúp du khách tìm đến tâm thức an lành, tự tại và củng cố đức tin, hướng tới những giá trị chân - thiện - mỹ, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

2.2. Tài nguyên của tỉnh Vĩnh Long để phát triển Du lịch tôn giáo - Phật giáo

Do địa thế và lịch sử hình thành, từ ba dân tộc Kinh, Khmer, Hoa cùng sinh sống lâu đời ở đây đã hòa quyện và tạo nên một nền văn hóa đặc trưng cho vùng đất này. Vĩnh Long có

hơn 10 ngôi chùa được công nhận là Di tích lịch sử cấp Quốc gia như Chùa Tiên Châu (12/12/1994), Chùa Phước Hậu, Đình Long Thanh, Văn Thánh Miếu, Miếu Công Thần, Chùa Ngọc Sơn Quang, Đình Tân Hoà...

Với các hoạt động lễ nghi, các buổi thuyết pháp, khóa tu mùa hè, an cư kiết hạ, các hoạt động thiện nguyện... được tổ chức thường xuyên tương xứng với vị trí, vai trò của mình đã thu hút ngày càng đông Phật tử, du khách đến chiêm bái, học Phật và làm nhiều việc từ thiện ý nghĩa cho đời. Nếu đưa các công trình tôn giáo này vào du lịch chắc hẳn sẽ phát triển một cách mạnh mẽ bởi nơi đây không chỉ đón khách hành hương - giao lưu Phật giáo ở từng địa phương mà còn có thể đón khách tham quan, chiêm bái Phật cũng như tìm hiểu các thông tin tư liệu về lịch sử, văn hóa nói chung và về Phật giáo nói riêng phục vụ cho việc nghiên cứu học tập.

2.2.1. Chùa Tiên Châu

Chùa Tiên Châu ở cù lao sông Tiên thuộc làng Bình Lương và An Thành (nay là ấp Bình Lương, xã An Bình huyện Long Hồ, cách thành phố Vĩnh Long khoảng một cây số, nhưng phải qua sông Cổ Chiên). Tên chính thức của chùa Tiên Châu là Di Đà Tự (Tiên Châu Di Đà Tự) vì chùa này thờ phật Di Đà, giáo chủ cõi Tây Phương cực lạc. Theo truyền thuyết, hai làng Bình Lương và An Thành mặc dù cách nơi đô hội không xa nhưng không khí tĩnh mịch, cây cối tốt tươi. Tại nơi đây có xóm chài lưới, cửa nhà thưa thớt. Bãi sông này được đặt tên là Bãi Tiên (Tiên Châu) hay bãi Bích Trân. Vùng đất này lại có nhiều rạch lớn, rạch nhỏ, ghe thuyền có thể đi tắt qua lại nên còn tên là bãi Bát Tân (có nghĩa là đi bốn phương tám hướng). Chùa Di Đà ở tại thắng cảnh đẹp như xứ lụa Tô Châu nên còn có tên là chùa Tô Châu.

Điều hấp dẫn nhất mà thiết nghĩ chỉ có duy nhất ở chùa Tiên Châu là việc các sư thầy tăng ni phật tử, khách thập phương cùng nhau chế biến thức ăn chay như nem, bì, bánh bao, chè... thức ăn chế biến được chùa đãi tất cả chư vị đồng đạo có mặt ở chùa, mặc khác chùa còn chuẩn bị thức ăn “phần” cho các bà con buôn bán cực khổ và gia đình khó khăn như các cô chú bán vé số, các cô chú bị tay nạn làm khuyết tật giảm đi sức lao động... song chùa cũng thường xuyên mở các khóa tu tập, thường là trong ngày hoặc một tuần. Tất cả các hoạt động điều hướng cho những thành viên tham gia nhận thấy được cái thiện tiềm ẩn bên trong mình và giáo dục con người sống chan hòa, tình thương, sống theo giáo lý tốt đẹp của phật giáo và truyền thống lá lành đùm lá rách.

Chùa Tiên Châu được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận Di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1994 (Quyết định số 3211-QĐ, ngày 12/12/1994).

2.2.2. Chùa Hạnh Phúc Tăng (Sanghamangala)

Chùa Hạnh Phúc Tăng – Tiếng Khmer là Sanghamangala – Tọa lạc tại ấp Trung Trạch, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm. Theo các nhà sư và một số tín đồ cao niên kể lại thì chùa này có niên đại cao nhất so với các chùa Khmer khác trên địa phận hai tỉnh Vĩnh Long - Trà Vinh. Ngôi chùa đầu tiên dựng bằng cây lá đơn sơ vào thế kỷ XIII. Sau nhiều lần trùng tu, ngôi chùa xây năm 1971. Lần trùng tu gần nhất vào năm 1999.

Điều không thể bỏ qua ở ngôi chùa Phật giáo Nam tông lớn nhất tỉnh Vĩnh Long này là những lễ hội lớn của đồng bào Khmer như tết Chol Chnam Thmay cổ truyền (Tết năm mới), Lễ hội Sen Đôn Ta (Phchum Banh - Lễ hội cúng ông bà tổ tiên) và Lễ hội Dâng Y Kathinat. Ngoài ra còn có lễ hội Ok-om-bok cúng trăng, lễ Dâng bông, lễ Phật Đản, lễ hội Phum sóc... Những lễ hội được tổ chức đều đặn hàng năm và lớn nhất đậm nét nhất là tết năm mới, ở đây khi đến tết người dân ở khu vực bất kể là dân tộc Khmer hay Kinh, Hoa ai nấy cũng đến chung vui trong khuôn viên chùa, chỉ có điều đồng bào Khmer, họ phải tất bật hơn một tí vì chuẩn bị thức ăn, trái cây, hoa tươi... hay nói cách khác không phân biệt giàu nghèo, ai có gì mang nấy vào chùa để chung vui cái tết năm mới đầy nghĩa tình.

Khi du khách đến đây ngay thời điểm ấy chắc hẳn sẽ cảm nhận được hết thấy những gì bản địa nhất, cảm nhận được cái nghĩa tình mến khách của đồng bào, cái đoàn kết yêu thương nhau trong việc cùng nhau vui tết, san sẻ cùng nhau từng nắm xôi, miếng cơm trong lễ hội Ok-om-bok, cái nhiệt huyết và lòng chân thành trong ngày tắm phật, cái khí thế nhịp nhàng trong lễ hội đua ghe ngo... Và chắc chắn rằng chẳng có nơi nào thích hợp hơn chùa Hạnh Phúc Tăng khi du khách muốn tìm hiểu về Phật giáo Nam tông và các lễ hội của người Khmer Nam Bộ

2.2.3. Thất Phủ Miếu (Chùa Ông)

Miếu Thất Phủ tại Vĩnh Long có từ thời Nguyễn. Thời đó, chợ Vĩnh Long phố xá tấp nập. Theo Đại Nam nhất thống chí, hai mặt chợ Vĩnh Long đều giáp sông, phố xá liên tiếp, trăm mỗi hàng hóa tấp nập đủ cả, chạy dài năm dặm, ghe thuyền đậu đầy bên sông. Có đình miếu thờ thần rục rỡ, đờn ca náo nhiệt, là chỗ phố phường lớn. Như thế, vàm sông Long Hồ, trước mặt Miếu Thất Phủ hoặc Miếu Minh Hương là bến thuyền, nên họ chọn nơi này đặt *Hội quán giao tiếp*.

Thất Phủ Hội Quán (Vĩnh An Cung) nay thuộc Khu A, phường 5, Thành phố Vĩnh Long, đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích lịch sử – văn hóa (Quyết định số 152 QĐ/BT, ngày 25/1/1994).

2.2.4. Chùa Bồ Đề

Chùa Bồ Đề tọa lạc tại ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Hoà, huyện Bình Minh, cách thành phố Vĩnh Long chừng 30 km về phía Tây, cách thành phố Cần Thơ 2 km về phía Đông Nam.

Khi đến tham quan chùa du khách không chỉ được biết chiến tích lịch sử của chùa qua hai cuộc kháng chiến mà còn có thể trải nghiệm kiến trúc độc đáo của ngôi chùa như tháp hồ lô, và tượng Quan Âm cao vút ở khuôn viên chùa, được thưởng thức những món chay tại chùa, được trải nghiệm bình minh và hoàng hôn dưới chân cầu Cần Thơ. Song đó chùa cũng mở ra các cuộc đàm đạo dành cho các tăng ni, Phật tử cùng nhau khai tuệ, mở các cuộc chăm sóc sức khỏe bằng thuốc đông y, thuốc nam miễn phí. Mở các cuộc nghỉ dưỡng ở tại chùa dành cho các du khách cao tuổi... Và chắc hẳn khi du khách đến đây bất kể mục đích gì cũng là một điều cực kì thú vị.

Chùa Bồ Đề được UBND tỉnh ra quyết định số 970/QĐ-UBT ngày 17/4/2003 công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

2.3. Thực trạng cũng như tiềm năng phát triển Du lịch tôn giáo - Phật giáo tỉnh Vĩnh Long

Hiện nay thu nhập cũng như đời sống kinh tế ngày một ổn định và được nâng cao nên nhu cầu đi du lịch cũng như du lịch kết hợp tôn giáo cũng nhiều hơn. Phật giáo với tinh thần từ bi hỉ xả bên cạnh đó Phật giáo cũng là Quốc giáo ở Việt Nam nên số người đi chùa cầu bình an và sức khỏe cũng như làm từ thiện, nối tiếp truyền thống “Lá lành đùm lá rách”, “Tương thân tương ái”, giúp đỡ người kém may mắn hơn ngày một tăng. Tuy nhiên, hoạt động du lịch này hầu như chỉ mang tính tự phát chẳng hạn như từ khâu xây dựng, quảng bá, tổ chức, điều hành các tour du lịch tôn giáo chưa thật sự được tổ chức một cách thường xuyên và chuyên nghiệp. Các số liệu thống kê về số lượng khách cũng như doanh thu gần như không có. Số lượng các công ty du lịch hay các chùa có các hoạt động du lịch liên quan cũng chưa được chú ý và tổ chức một cách một cách bài bản.

Với nhiều thế mạnh về địa hình, giao thông tương đối thuận tiện và đặc biệt nguồn tài nguyên du lịch rất phong phú tỉnh Vĩnh Long đang dần phát triển nhiều loại hình du lịch, giữ vai trò khá quan trọng góp phần thúc đẩy kinh tế, nâng cao mức sống của người dân địa phương, tích cực khai thác và kết hợp bảo tồn các di sản văn hóa lịch sử.

Chính sự hấp dẫn đó mà tỉnh Vĩnh Long có lượt khách du lịch thời gian qua ngày càng tăng, hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh được duy trì ổn định, công tác quản lý của nhà nước và môi trường kinh doanh được đảm bảo. Tuy nhiên, do du lịch tôn giáo là loại hình du lịch còn rất mới ở Vĩnh Long nói riêng cũng như Việt Nam nói chung cho nên còn nhiều hạn chế, cần được quan tâm nhiều hơn từ du khách, doanh nghiệp du lịch, các cơ quan quản lý về du lịch.

Công tác tuyên truyền, quảng bá và phát triển du lịch đã hỗ trợ tốt cho các nhà đầu tư, cung cấp thông tin kịp thời cho khách du lịch về điểm đến du lịch. Chính vì sự đổi mới đó đã cho ta thấy được du lịch Vĩnh Long ngày càng được tỉnh chú trọng và tình hình giao lưu các khóa tu giữa các chùa trong và ngoài địa bàn ngày càng nhiều từ đó thông tin cũng như giá trị của các chùa cũng được phổ biến rộng rãi... Và tất cả những điều đó cho chúng ta thấy và tạo một lòng tin rằng du lịch tôn giáo sẽ được phổ cập và phát triển trong một thời gian không xa. Và sự thật hiện nay các nhà đầu tư, các công ty du lịch đã chú ý đến loại hình du lịch này, các

cơ quan chính quyền từ Trung ương đến địa phương cũng như người dân, du khách ngày một quan tâm.

Thời gian gần đây, du lịch tôn giáo còn được sự giới thiệu và quảng bá rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, góp phần cho việc đi du lịch trải nghiệm, nghỉ ngơi, thư giãn mà còn làm được những điều thiện nguyện cho xã hội, cộng đồng dân cư tại điểm đến du lịch. Minh chứng là số người đi du lịch, tham quan đến các chùa chiền ngày một đông đảo, đặc biệt những ngày Tết, ngày vía, lễ lớn của Phật giáo. Sự xuất hiện ngày càng nhiều các công ty du lịch có kinh doanh loại hình du lịch mới này, các trang thông tin du lịch tôn giáo điện tử như: Công ty TNHH Mytour Việt Nam, Công ty CP Du lịch Cửu Long, Công ty Du lịch Star Travel, dulichvietnam.com.vn...

2.4. Một số hạn chế trong khai thác loại hình Du lịch tôn giáo tại Vĩnh Long

Tình hình phát triển loại hình du lịch này vẫn còn một số hạn chế nhất định. Mặc dù các di tích mang đậm giá trị lịch sử, văn hóa tâm linh nhưng du khách thường chỉ đi tham quan, văn cảnh, cúng bái trong một khoảng thời gian ngắn, hoặc các điểm đến tâm linh chỉ là điểm phụ trong cuộc hành trình. Do đó, những giá trị đặc sắc tâm linh, di tích, lễ hội, sẽ ít đọng lại trong lòng mỗi du khách sau chuyến đi.

Cơ sở hạ tầng phục vụ ngành du lịch còn yếu kém, nhất là hệ thống đường giao thông dẫn vào các khu, điểm du lịch, chưa thuận tiện cho xe khách loại lớn vào. Các di tích, chùa chiền... nơi diễn ra các lễ hội thường nằm xa trung tâm. Bên cạnh đó một số di tích, chùa đã xuống cấp cần được sửa chữa trang hoàng lại. Các cơ sở lưu trú chưa được mở rộng hoặc có thì cũng nằm rất xa nơi tham quan ...

Khi đến các mùa lễ hội lớn tình trạng bán hàng rong mất an toàn vệ sinh thực phẩm, chèo kéo, chặt chém du khách và nạn ăn xin vẫn còn phổ biến. Nhiều du khách còn thiếu ý thức trong việc giữ gìn sự sạch đẹp và trang nghiêm của các di tích tín ngưỡng, tôn giáo.

Trình độ chuyên môn, kỹ năng và nghiệp vụ du lịch chưa đáp ứng đủ yêu cầu. Đội ngũ hướng dẫn, thuyết minh viên và phục vụ khách du lịch chưa được đào tạo kỹ lưỡng về kiến thức, sự am hiểu chưa sâu sắc, nhất là về giá trị và ý nghĩa của các di tích, lễ hội. Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá còn thiếu ấn tượng.

Các công ty du lịch chưa mở rộng loại hình du lịch tôn giáo mà chỉ kết hợp như một điểm tham quan phụ...

2.5. Giải pháp khai thác tiềm năng phát triển Du lịch văn hóa tâm linh tỉnh Vĩnh Long

Để thực hiện thành công Đề án phát triển du lịch tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030, ngành du lịch cần có các giải pháp đồng bộ, hợp lý, hiệu quả để phát triển tổng hợp loại hình du lịch, trong đó có du lịch văn hóa tâm linh với tiềm năng rất lớn. Nhằm phát triển loại hình du lịch này bài viết đưa ra một số khuyến nghị như sau:

+ Tăng cường quảng bá, giới thiệu các di tích lịch sử, văn hóa, điểm đến các khu du lịch tâm linh trên các phương tiện truyền thông...

+ Phát huy giá trị các di tích tín ngưỡng, tôn giáo. Khuyến khích tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch như cung cấp dịch vụ ăn uống với các món ăn đặc sản địa phương.

+ Hướng dẫn các du khách tham quan và tìm hiểu về lễ hội truyền thống; Sản xuất và cung ứng các mặt hàng lưu niệm, cung cấp dịch vụ lưu trú tiện nghi, thoải mái và các hình thức vui chơi giải trí thích hợp cho khách du lịch...

+ Cần mở lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nhằm nâng cao sự hiểu biết của cộng đồng về lợi ích và trách nhiệm phát triển du lịch, về kỹ năng, nghiệp vụ, cách hướng dẫn giao tiếp với du khách để người dân thực sự là đối tượng được hưởng lợi từ du lịch.

+ Nâng cấp các tuyến đường giao thông, đặc biệt là các tuyến đường dẫn vào các khu tham quan...

+ Cần tiến hành quy hoạch cụ thể điểm du lịch, lấy giá trị văn hóa Phật giáo làm trung tâm, xác định văn hóa tâm linh gắn với Phật giáo là mục đích chính của du khách để quy hoạch tổ chức không gian du lịch.

+ Hình thành các tuyến du lịch, xây dựng các chương trình du lịch đến với các đền chùa; đồng thời kết nối các điểm đến khác quanh vùng.

+ Khuyến khích các tăng ni, phật tử hoạt động tích cực hướng tới mang đến những giá trị chân - thiện - mỹ cho du khách; Các hoạt động làm gương cho quần chúng noi theo về tư duy và hành vi theo đạo đức Phật giáo trong quan hệ giữ người với người và giữ con người với thiên nhiên, giúp cho người ta tìm thấy giá trị cực lạc từ, bi, hỷ, xả...

+ Tổ chức các khóa tu, lớp giảng giáo lý kinh Phật, khóa thiền, làm từ thiện... kết hợp với hoạt động tham quan du lịch cho người dân địa phương cũng như du khách.

+ Kết hợp du lịch tôn giáo với các loại hình vui chơi giải trí, ẩm thực chay.

+ Tổ chức các cuộc tranh tài liên quan đến kiến thức Phật giáo giữa các thành viên trong đoàn hoặc kết hợp tổ chức liên đoàn, gây cảm giác tò mò, thích thú cho du khách và giao lưu học hỏi kinh nghiệm...

Kết luận

Vĩnh Long là một vùng đất trù phú về thiên nhiên và có nhiều tôn giáo với nhiều công trình tôn giáo, với hệ thống đền chùa, chiền, khu thờ tự... cho nên du lịch tôn giáo còn là cách tiếp cận hữu hiệu giúp nâng cao hiểu biết của công chúng về giá trị tâm linh, Phật giáo. Thông qua hoạt động du lịch, du khách được trực tiếp tiếp xúc, cảm nhận và trải nghiệm, từ đó nuôi dưỡng và phát triển các giá trị tâm linh tín ngưỡng từ sâu trong tiềm thức của chính mình.

Phát triển du lịch văn hóa tâm linh, tôn giáo là hướng đi phù hợp với xu thế phát triển xã hội, góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Tiềm năng phát triển du lịch tôn giáo rất lớn nhưng nó chỉ thực sự tỉnh dậy khi được khai thác đúng cách, có hiệu quả. Nếu có sự hợp tác tích cực của cơ quan chức năng, doanh nghiệp du lịch, lữ hành và người dân địa phương, trong tương lai không xa, du lịch văn hóa tâm linh, tôn giáo sẽ có vị thế vững chắc trong chiến lược phát triển du lịch của tỉnh, góp phần nâng cao hình ảnh của tỉnh Vĩnh Long với bạn bè trong và ngoài nước. Hơn thế nữa phát triển du lịch tôn giáo tỉnh Vĩnh Long góp phần làm đa dạng loại hình du lịch, sản phẩm du lịch nâng cao mức thu nhập cá nhân cũng như của tỉnh, nâng cao sự cạnh tranh trên thị trường du lịch, có một vị trí xứng đáng hơn trên “Bản đồ du lịch” của Đồng bằng Sông Cửu Long nói riêng và Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nhóm Tri Thức Việt (2013), Các Di Tích Lịch Sử - Văn Hóa Tín Ngưỡng Nổi Tiếng Ở Việt Nam, NXB Lao Động.

[2]. Võ Văn Thành - Phan Huy Xu (2018), Du Lịch Việt Nam - Từ Lý Thuyết Đến Thực Tiễn, NXB Tổng Hợp TP. HCM.

[3]. Trần Ngọc Thêm (2013), Văn Hóa Người Việt Vùng Tây Nam Bộ, NXB Văn Hóa Văn Nghệ

[4]. Cổng thông tin điện tử Sở VH – TT – DL tỉnh Vĩnh Long.

KHAI THÁC TIỀM NĂNG MÙA NƯỚC NỔI TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRẢI NGHIỆM TẠI VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM

SV: Hoàng Phương Hồng Thủy, Lớp: ĐHVNH15B

GVHD: ThS. Trần Thanh Thảo Uyên

Tóm tắt

Cứ đến tháng 7 Âm lịch hàng năm, cư dân Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và cư dân tại Vườn quốc gia (VQG) Tràm Chim nói riêng lại bước vào mùa nước nổi. Mặc dù nước nổi nhưng người dân nơi đây không xem là hiện tượng thiên tai mà họ xem là mùa no đủ. Vì những hoạt động sản xuất, đánh bắt thủy sản, sinh hoạt văn hóa diễn ra trong mùa nước nổi được xem là những điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Du lịch mùa nước nổi tại VQG Tràm Chim theo đó đã thành loại hình du lịch mới đặc trưng thể hiện sự gắn gũi giữa con người với thiên nhiên vùng sông nước miền Tây.

Từ khóa: Đồng Tháp Mười, mùa nước nổi, VQG Tràm Chim, du lịch mùa nước nổi

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, khoa học công nghệ phát triển, xu thế toàn cầu hóa đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch phát triển nhanh và trở thành một trong những ngành kinh tế hàng đầu của thế giới. Với vị trí đặc biệt quan trọng, nguồn tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn đa dạng và phong phú. Đồng Tháp có nhiều tiềm năng và cơ hội để phát triển mạnh mẽ, vững chắc nền kinh tế, trong đó đáng quan tâm nhất là ngành du lịch. Từ những năm cuối thế kỷ XX, số lượng khách du lịch đến với Đồng Tháp tăng nhanh, du lịch góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế địa phương, làm cho bộ mặt kinh tế - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, nếu du lịch chỉ dựa trên thế mạnh về tiềm năng sẵn có và khai thác một số loại hình du lịch đơn điệu, sản phẩm du lịch mang tính trùng lặp thì ngành du lịch Đồng Tháp không đủ sức thu hút khách. Làm thế nào để vừa phát triển du lịch trên cơ sở khai thác được lợi thế so sánh, vừa phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của du khách trong và ngoài nước đó là mục tiêu mà du lịch Đồng Tháp cần đạt tới. Chính vì vậy, bài viết “*Khai thác tiềm năng mùa nước nổi trong phát triển du lịch trải nghiệm vườn quốc gia Tràm Chim*” tỉnh Đồng Tháp nhằm hiểu rõ tiềm năng và thực trạng phát triển loại hình du lịch trải nghiệm, từ đó đề xuất các giải pháp để nâng cao hoạt động và góp phần bảo tồn tài nguyên môi trường du lịch, đồng thời đem lại lợi ích cho người dân địa phương.

2. Nội dung chính

2.1. Khái quát tiềm năng du lịch ở Vườn quốc gia Tràm Chim

Tràm Chim tiếp giáp 05 xã và một thị trấn nằm trên huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đó là xã Phú Thọ, Phú Thành B, Phú Hiệp, Phú Đức, Tân Công Sính và thị trấn Tràm Chim. Tổng diện tích của Vườn quốc gia là 7.313ha được chia thành 05 phân khu từ khu A1 đến khu A5 và khu dịch vụ, hành chính C. Đây là một trong các khu rừng đặc dụng của Việt Nam, có nhiều loại chim quý, đặc biệt là sếu đầu đỏ - một loại chim quý hiếm, có tên trong sách đỏ Việt Nam và thế giới. Vùng đất này có cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp với bao la sông nước, rừng tràm xanh ngút ngàn và thảm thực vật phong phú.

Mang đặc thù "sáu tháng đồng khô cỏ cháy, sáu tháng nước ngập trắng đồng", song khí hậu, thổ nhưỡng nơi này rất lý tưởng, là môi trường sống phù hợp của các loài cá, gần 400 loài động vật nổi, động vật đáy và hơn 200 loài chim, chiếm khoảng 1/4 số loài chim có ở Việt Nam, trong đó có 16 loài quý hiếm như ô tác, te vàng, già dầy, chơi chơi... Nổi bật hơn hết là nét đẹp thuần khiết của sen trắng, sen hồng, sen nửa trắng nửa hồng, bông súng, lúa trời, năng, lác, rau muống đồng...

Ở đây, loại hình du lịch nổi bật là du lịch sinh thái kết hợp tham quan nghiên cứu khoa học, thu hút số lượng lớn du khách trong và ngoài nước. Tuy nhiên, các điểm tham quan trong khu du lịch được đầu tư chưa tốt, trong tương lai VQG Tràm Chim cần có sự đầu tư nhiều hơn để phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Xuồng là phương tiện phổ biến nhất để du khách có thể khám phá VQG Tràm Chim. Xuồng theo dòng rẽ nước, đưa du khách đến chiêm ngưỡng vẻ đẹp của những cánh đồng sen hồng, sen trắng, lúa trời, năng kim,... đang vươn mình trong nắng sớm. Ngồi trên xuồng, du khách có thể ngắm nhìn đủ loại chim bay lượn tìm mồi, cất tiếng gọi bầy sồi động cả không gian. Nghe tiếng xuồng máy đến gần, bầy còng cọc, vịt trời, cò trắng cả trăm con, bay vụt lên rồi dang đôi cánh sải dài như chào đón các vị khách đến thăm. Nếu muốn khám phá Tràm Chim từ trên cao, du khách có thể leo lên đài vọng cảnh. Tại đây, du khách sẽ được ngắm nhìn một màu xanh bát ngát, thư giãn thả hồn theo những cơn gió nhẹ mon man, cảm nhận sự gần gũi với thiên nhiên và thấy lòng thanh bình đến lạ.

Mùa nước nổi là mùa du lịch chính ở VQG Tràm Chim, bởi đây là thời điểm mà nguồn sản vật trở nên dồi dào, nên các loài chim tụ họp về đây rất đông. Trải nghiệm cuộc sống vùng ngập nước, du khách sẽ được tự tay thực hiện những công việc sinh kế của cư dân vùng lũ như giăng lưới, đặt lợp, đặt tróm,... Một điều thú vị nữa là du khách có thể tham quan khu vực các loài chim tập trung sinh sản với hàng ngàn tổ chim, cận cảnh quan sát những chú chim non xinh xắn của một số loài chim như còng cọc, điên điển cùng một số loài chim khác.

Cảnh tượng kỳ thú và đặc sắc nhất mà du khách muốn khám phá ở Tràm Chim là được ngắm nhìn những chú Sếu đầu đỏ. Tràm Chim là môi trường sinh thái rất lý tưởng, phù hợp cho Sếu cư trú vì có nhiều nguồn thức ăn và nhiều cây che khuất đảm bảo yên tĩnh. Khác với nhiều loài chim trong vùng, Sếu đầu đỏ chỉ kiếm ăn trên mặt đất, nên vào mùa nước nổi ở Đồng Tháp Mười thì chúng phải đi kiếm ăn ở nơi khác. Vì vậy, nếu muốn ngắm nhìn loài chim quý hiếm này thì du khách nên đến tham quan Tràm Chim vào mùa khô, tốt nhất là từ tháng 2 đến tháng 5.

Sau hành trình khám phá, bạn có thể thưởng thức các món đặc sản hấp dẫn của miền sông nước như canh chua cá linh bông điên điển, cá lóc nướng trui,... Và khi màn đêm buông xuống, du khách có thể ngủ lại trong rừng, giữa trời nước mênh mông, nghe tiếng chim kêu, tiếng cá đớp mồi, tiếng gió rì rào trong đêm vắng,... sẽ thêm một trải nghiệm thú vị ở VQG Tràm Chim.

Cánh rừng tràm ngút ngàn tầm mắt, những đồng cỏ xanh mướt giữa mênh mông sông nước, những đàn chim chao nghiêng trên mặt hồ hay vẻ đẹp kiêu kỳ của Sếu đầu đỏ là những ấn tượng khó phai trong lòng du khách khi đến thăm Tràm Chim.

2.2. Thực trạng của việc khai thác tiềm năng mùa nước nổi trong phát triển du lịch trải nghiệm vườn quốc gia Tràm Chim

2.2.1. Khái quát mùa nước nổi ở Tràm Chim

Hàng năm cứ từ tháng 8 đến tháng 11 âm lịch, miền Tây lại bước vào mùa nước nổi. Nước từ thượng nguồn sông Mê Kông tràn về hai tỉnh đầu nguồn là An Giang và Đồng Tháp, mang lại cho cư dân trong vùng nguồn lợi thủy sản lớn. Còn với nhiều du khách, cứ đợi mùa nước nổi để tìm về hưởng trọn cái mênh mông nước cùng vô vàng những đặc sản mùa nước nổi như bắt chuột, chài lưới, giăng câu, tắm đồng, đến những món ăn rất đổi bình dân từ bông súng, bông điên điển, cá linh, cá rô non...

Mùa nước nổi chẳng qua chỉ là cách gọi của dân du lịch. Mùa này những địa danh như Tràm Chim ở Tam Nông (Đồng Tháp), Láng Sen (Long An), Châu Đốc – Tịnh Biên – An Phú (An Giang) mênh mông con nước. Những cư dân sống vùng sông nước đã quá quen nên với họ, mùa nước nổi về cũng là một mùa thu hoạch. Những sản vật phong phú từ mùa nước nổi đem lại cho họ những lợi ích vật chất nhất định. Còn với dân du lịch, khi mùa nước nổi về lại là mùa cao điểm của du lịch.

Mùa nước nổi còn là điều kiện thuận lợi để các loài thủy sản, thực vật sinh sôi, tạo nên sản phẩm du lịch đặc trưng như cây tràm là loài cây đặc trưng của vùng Tràm Chim do đặc tính thích nghi với vùng đất phèn trũng, rất có ích trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, chắn sóng, lũ, giữ nước.... Ngoài rừng tràm tự nhiên, người dân còn trồng thêm tràm trong quá trình khai hoang, góp phần đưa diện tích rừng tràm gia tăng đáng kể. Hiện nay, ở Tràm Chim hoạt động du lịch sinh thái ngập nước kết hợp cùng cây tràm. Nhưng trên thực tế, tiềm năng về cây tràm của vùng Tràm Chim vẫn chưa được khai thác có hiệu quả. Bên cạnh đó, cây sen ở Tràm Chim mọc một cách tự nhiên khắp mọi nơi cùng lau sậy, cỏ lác, cỏ năng. Đây là loại cây mà toàn bộ

các bộ phận đều được sử dụng như lá sen để gói bánh, ngó sen dùng nấu canh hay xào, hoa sen dùng trang trí,... Ngoài hiệu quả kinh tế cao, hoa sen còn làm cho cảnh quan Đồng Tháp trở nên đẹp hơn giữa thiên nhiên mùa nước nổi. Bông điên điển chỉ xuất hiện vào mùa nước nổi. Đây là loài cây thân thảo, mọc hoang ở ven các bờ ruộng, bờ kênh. Bông điên điển được dùng kèm với nhiều món ăn như: cháo, bún nước lèo, bún mắm, canh chua nấu với cá linh, đặc biệt còn dùng làm nhân bánh xèo, dưa chua hoặc ăn sống. Bông súng mọc đầy dưới ruộng, đìa, ao, được người dân dùng với mắm kho, nấu canh chua. Rau choại là loại dây leo thuộc họ dương xỉ, thân bò đến đâu thì rễ bám đến đó, sống được trong vùng bùng trũng nhờ bộ rễ có sức hút nước mạnh, đặc biệt rất thích nghi với vùng đất nhiễm phèn. Tùy vào môi trường sống, rau choại có nhiều loại khác nhau như choại đá, choại vườn, choại rừng, chột lụi, rau ván. Rau choại có thể dùng để luộc và ăn kèm với các món khác. Hẹ nước là loài thủy sinh sống quanh năm nhưng sinh trưởng mạnh vào mùa nước nổi. Hẹ nước có thể sống ở vùng phèn nên trở thành đặc sản của vùng Tràm Chim và không thể thiếu trong bữa cơm của người dân ở đây. Cá linh, vào đầu mùa nước nổi cũng chính là lúc những con cá linh theo dòng phù sa trôi về sông rạch. Trong suốt mùa nước nổi, cá trốn vào ruộng đồng để tránh sóng gió mưa bão. Ngày nay, cá linh không còn nhiều như trước đây nhưng sức hấp dẫn của những món ăn chế biến từ cá linh thì không dễ quên đối với người dân nơi đây. Cá bóng trứng thường theo các đê lục bình trôi theo dòng nước, có thể dùng chế biến nhiều món ăn bằng cách chiên hay kho. Ngoài ra, còn có các loại cá đồng, lươn, tôm, cua, ốc...

Hoạt động du lịch không tách rời với ẩm thực. Tràm Chim là nơi có một nền ẩm thực hoang dã, hào phóng, cộng đồng. Những món ăn ở đây được chế biến theo điều kiện tự nhiên, sản vật tự nhiên, không gian tự nhiên, cách thưởng thức cũng tự nhiên không cầu kì. Ví dụ như món nướng, cái gì cũng có thể nướng được, không chỉ tôm, cua, cá, heo, gà, vịt mà còn có các loại rau củ như khoai, cà tím, đậu bắp,... và có nhiều cách nướng như nướng trực tiếp trên lửa, trên khói, nướng trui, bọc đất nướng, bọc lá vùi vào lửa.... Tràm Chim là vùng đất có nhiều tiềm năng cho việc phát triển các loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch sông nước miệt vườn, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tìm hiểu thời khẩn hoang Nam Bộ. Sự hiếu khách, thân thiện cùng với cuộc sống sinh hoạt của người dân vùng nước nổi tạo nên đặc trưng văn hóa, là thế mạnh trong việc khai thác du lịch tại địa phương.

Du lịch mùa nước nổi phát triển dẫn đến hàng loạt vấn đề như tự nhiên, văn hóa, đời sống cũng thay đổi theo. Cảnh quan vùng Tràm Chim sẽ thay đổi theo chiều hướng tích cực nếu có sự quản lý và đầu tư phù hợp. Khi hoạt động du lịch diễn ra trong mùa nước nổi, tài nguyên tự nhiên của vùng sẽ được sử dụng tối đa. Người dân không chỉ làm công việc đánh bắt, nuôi trồng mà còn tham gia phục vụ du lịch, tạo cơ hội giải quyết việc làm trong mùa nước nổi, tăng nguồn thu nhập. Bên cạnh đó, hoạt động du lịch còn giúp họ trao đổi kinh nghiệm, hiểu biết thêm về đời sống, văn hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống. Du lịch mùa nước nổi của vùng Đồng Tháp Mười (ĐTM) khẳng định giá trị của việc bảo tồn diện tích tự nhiên, cảnh quan thiên nhiên dưới sự tác động của thời tiết, khí hậu. Từ đó các điểm, khu du lịch, khu bảo tồn và vườn quốc gia của vùng có điều kiện phát triển. Cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng sẽ được quan tâm và đầu tư phù hợp hơn với tình hình phát triển du lịch và kinh tế của vùng (chẳng hạn như hệ thống đường giao thông, hệ thống xử lý chất thải, phương tiện di chuyển, bến bãi) Về nguồn tài nguyên tự nhiên, bên cạnh những mặt tích cực có những vấn đề tiêu cực cần được quan tâm, như do phụ thuộc vào mùa, khí hậu, thời tiết, tài nguyên trong mùa nước nổi được khai thác nhiều không kịp tái tạo, động thực vật tự nhiên được sử dụng làm thực phẩm bị tiêu thụ nhiều... trong khi quá trình tái tạo cần có thời gian. Vì vậy, nếu khai thác không hợp lý sẽ dẫn đến nguồn tài nguyên khó tái tạo và có thể mất đi. Cuộc sống người dân vùng Tràm Chim gắn liền sông nước, các sông rạch vốn chịu tác động nhiều từ sinh hoạt của người dân như giặt giũ, tắm rửa, phóng uế, xả rác thải, nuôi gia cầm, gia súc, nên khi du lịch phát triển sẽ phải gánh thêm một lượng rác thải nữa từ du khách. Rác thải là bài toán khó mà các cấp lãnh đạo cần phải tìm cho ra lời giải. Vấn đề tiếng ồn từ phương tiện giao thông (xe, ghe, tàu thuyền...) của du khách đến vùng cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân địa phương, đến các động vật hoang dã cần bảo tồn.

Khai thác thế mạnh mùa nước nổi, nhiều năm qua các doanh nghiệp lữ hành ở ĐBSCL và thành phố Hồ Chí Minh đã khai thác mùa nước nổi tạo sản phẩm du lịch đặc trưng phục vụ du khách trong và ngoài nước.

2.2.2. Thực trạng khai thác các loại hình du lịch mùa nước nổi tại VQG Tràm Chim hiện nay

Việc tham quan, trải nghiệm mùa nước nổi tại Vườn quốc gia Tràm Chim sẽ được tổ chức từ tháng 8-12 hằng năm. Tuy nhiên, mực nước lũ năm nay lên chưa cao nên dự kiến tour tham quan này sẽ bắt đầu từ tháng 9, với nhiều hoạt động hấp dẫn.

2.2.2.1. Thu hoạch lúa trời

Tràm Chim mùa nước nổi khung cảnh hoàn toàn khác, nổi bật lên hình ảnh một vùng đất ngập nước là biển nước mênh mông, rừng cây xanh um, tươi mát. Tươi trong tâm hồn, mát về hình ảnh một cánh đồng lúa ma, lúa trời một trong những loài thực vật đặc hữu của vùng Đồng Tháp Mười.

Lúa trời là một loại lúa tự nhiên, tự mọc và tự đơm bông kết hạt mà không cần qua bàn tay gieo xạ hay chăm bón của con người.

Hiện nay thì diện tích lúa trời được bảo tồn ở hai nơi là một phần ở Khu bảo tồn Láng Sen (Long An), một phần ở VQG Tràm Chim (trên dưới khoảng 1000 ha).

Trong dân gian, lúa trời cũng thường được gọi là lúa ma. Bởi lẽ muốn thu hoạch thì phải đi đập thật khuya, nếu sớm quá lúa chưa chín và hễ mặt trời mọc lên thì lúa chín rụng hết.

Lúa trời phát triển mạnh và trở bông vào mùa nước nổi. Nước nổi lên tới đâu, cây lúa vượt khỏi mặt nước tới đó, cả đọt và bông. Hạt chín dần trong cả tháng trời (từ rằm tháng 9 đến rằm tháng 10 âm lịch), mỗi lần chín chỉ vài hạt, mà chỉ chín vào lúc ban đêm.

Lúc lúa chín, gặp ánh mặt trời thì rụng, hạt lúa rơi xuống nước một cách tự nhiên, nhờ cái râu (đuôi) chúng ghim xuống bùn non và ần nhẩn nằm đó cho đến khi nước rút, qua mùa khô, đến lúc mưa xuống thì nảy mầm... Để rồi một “thế hệ” lúa khác lại vươn lên.

Người ta dùng một chiếc xuồng con, dựng một cây tre, hơi ngã đọt theo chiều chiếc xuồng, từ đầu đọt tre có hai sợi dây thả thòng xuống và được buộc vào hai đoạn sào bằng tre treo lơ lửng cao quá bề xuồng độ một tấc, nó dùng làm cần đập để đập lúa rơi vào xuồng. Ở giữa xuồng có một tấm phen mỏng (bằng cà tăng hay đệm bàng) ngăn đôi theo chiều dọc để lúa rơi xuống lòng xuồng.

Thu hoạch lúa trời, chỉ đập sáng, vì mặt trời lên cao, nắng nóng những hạt lúa chín rụng dần xuống nước. Trên xuồng phải có hai người, một người cầm sào chống xuồng lướt trên mặt nước, giữa đám lúa, còn người kia ngồi trước mũi xuồng đối mặt với người chống xuồng, điều khiển cần đập nhịp nhàng làm cho bông lúa chín rơi xuống khoang không văng ra ngoài. Cứ như thế mà xuồng từ từ chống về phía trước. Xuồng qua rồi, những hạt còn lại sẽ tiếp tục chín vào đêm sau.

Lúa thu hoạch về ngâm nước độ ba hôm rồi đem phơi thì đuôi lúa sẽ rụng đi. Cũng có thể, sau khi gom lúa về, thì đem phơi, xong dùng chày giã nhẹ cho đuôi lúa gãy đi. Làm cách này, khi ra gạo nấu sẽ dẻo, thơm và ngon hơn cách ngâm nước.

Gạo lúa trời dài hơn gạo thường và có hàm lượng dinh dưỡng cao. Khi nấu, đổ gạo và nước vào nồi đất, úp một lá sen vào nồi trước khi đậy vung, chỉ đun bằng củi hoặc rơm để không làm giảm hương vị lúa trời. Com nấu bằng gạo lúa trời có màu hồng nhạt và ngọt, thơm, dẻo ngon..., hương vị đặc trưng của miền quê sông nước Tây Nam bộ. Một cách nấu khác là com gói lá sen như hiện nay được nhiều nhà hàng, quán ăn lựa chọn.

Lúa trời, một nguồn lợi tự nhiên giúp nhân dân Đồng Tháp Mười vượt qua cơn thiếu ăn giữa những ngày giáp hạt để chờ ngày mùa chính vụ. Nó còn là nguồn lương thực dự trữ đáng kể giúp bộ đội, ăn no đánh thắng quân thù, đưa công cuộc kháng chiến- kiến quốc giành thắng lợi.

“Ai ơi về miệt Tháp Mười

Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn”

Vì thế, khi quý khách đến tham quan VQG Tràm Chim là quý khách về với cảnh quan Đồng Tháp Mười, về với văn hóa và lịch sử của nhân dân Đồng Tháp Mười, chứ không phải các khu vui chơi giải trí khác.

2.2.2.2. *Trải nghiệm làm ngư dân*

Mùa nước nổi là mùa mà người dân vùng Đồng Tháp Mười nói riêng, người dân đồng bằng sông Cửu Long nói chung bước vào mùa thu hoạch cá đồng nhộn nhịp nhất trong năm. Vào mùa này, các ngư dân sẽ tất bật với việc chuẩn bị các loại ngư cụ truyền thống như: lưới, lợp, lờ, trúm, xà di... để mưu sinh.

Khi quý khách đến tham quan VQG Tràm Chim vào mùa nước nổi, độ khoảng từ tháng 9 đến tháng 11 dương lịch hằng năm, quý khách sẽ được chiêm ngưỡng cảnh quan Đồng Tháp Mười ngập trong biển nước và đây chính là cảnh quan đặc trưng của vùng sông nước Nam Bộ mỗi độ mùa nước về. Du khách không chỉ được thưởng ngoạn cảnh sắc thiên nhiên tuyệt đẹp mà còn được hòa mình vào cuộc sống sinh hoạt của người dân địa phương.

Mùa nước nổi chính là lúc mà du khách có thể tham gia được rất nhiều các dịch vụ trải nghiệm mà trung tâm du lịch đã và đang tổ chức dịch vụ trong vài năm gần đây. Một số dịch vụ trải nghiệm như: trải nghiệm cuộc sống ngư dân, trải nghiệm thu hoạch lúa trời, vó cất, đặt chà chuột, chà cá, chà đất và săn chuột đồng... Trong đó có chương trình trải nghiệm cuộc sống ngư dân sẽ hứa hẹn mang đến cho du khách rất nhiều thú vị và ý nghĩa.

Khi tham gia các chương trình trải nghiệm du khách sẽ được trang bị những loại công cụ phù hợp với loại hình trải nghiệm, bên cạnh đó thì du khách được phát mỗi người 01 cái áo phao và du khách phải luôn mặc áo phao trong quá trình trải nghiệm để đảm bảo an toàn cho du khách. Trải nghiệm cuộc sống ngư dân thì du khách sẽ được trang bị các loại ngư cụ truyền thống quen thuộc như lưới, lợp, lờ, trúm, xà vi,... tùy theo mỗi loại ngư cụ mà sẽ có cách thức sử dụng khác nhau và mục đích khai thác các loại thủy sản khác nhau.

Để tham gia được dịch vụ này thì du khách phải đến VQG Tràm Chim vào độ xế chiều, khoảng 16h đến nhận phòng và đến khoảng 17h thì sẽ bắt đầu cho chương trình trải nghiệm. Đầu tiên đây là công đoạn quan trọng nhất trong quá trình trải nghiệm, vì giai đoạn này có thể quyết định có bắt được cá hay không. Lúc này du khách phải chú ý người hướng dẫn thực hiện các công đoạn như chuẩn bị ngư cụ, cách chọn địa điểm đặt từng loại ngư cụ, cách đặt ngư cụ...

Sau khi đặt các loại ngư cụ xong sẽ quay lại nơi xuất phát, du khách sẽ được nghỉ ngơi và ăn tối. Tiếp theo, đến khoảng 21h là thời gian xuất phát đi thăm, vì lúc chập tối là thời gian cá sẽ di chuyển nên có thể cá sẽ vào các loại ngư cụ đã được đặt. Thăm xong thì sẽ thu hoạch mẻ cá đầu tiên, sản phẩm thu hoạch được chúng ta có thể sử dụng cho buổi ăn khuya như nấu cháo cá với các loại cá thu hoạch được. Sáng hôm sau lại tiếp tục đi thu hoạch thêm một lần nữa, xuất phát càng sớm càng tốt vì tránh nắng lên cá sẽ chết, thịt cá sẽ mất ngon. Tốt nhất là từ 6h đến 6h30 là có thể xuất phát được. Vì đây là chương trình trải nghiệm nên sản phẩm chúng ta thu hoạch được không nhất thiết phải chế biến thành thức ăn, mà nên thả về môi trường tự nhiên để chúng có thể tiếp tục phát triển và đặc biệt là các con cá còn quá nhỏ. Còn các con cá lớn thì chúng ta có thể sử dụng trong các buổi ăn trong chương trình.

2.2.2.3. *Tham quan bãi chim sinh sản*

Chương trình thứ hai là chương trình tham quan Bãi chim sinh sản, hoạt động chủ yếu vào các tháng 9, 10, 11 dương lịch. Khi tham gia chương trình này, quý khách không những mãn nhãn với hàng nghìn, hàng vạn tổ chim và con chim trong Bãi chim sinh sản mà quý khách còn thấu hiểu quá trình sinh sản, sinh trưởng của các loài chim tại Vườn. Qua đó, quý khách sẽ hiểu hơn về công tác bảo tồn, tuyên truyền của các cán bộ, viên chức, nhân viên VQG Tràm Chim nói chung, Trung tâm du lịch nói riêng.

Đến đây chắc chắn du khách sẽ ngợp mắt trước sân chim rộng hàng chục hécta cùng nhiều loài chim bay rợp cả một góc trời. Trên những vạt rừng rộng mênh mông, hàng chục loài chim nước sinh sống và làm tổ quanh năm như: trích, còng cọc, lele, diệc, vịt trời...

Ngoài ra, tham gia tour tham quan mùa nước nổi ở Vườn quốc gia Tràm Chim, du khách sẽ được trải nghiệm đua xuồng, xe đạp nước, ngủ trong rừng tại đài quan sát, làm ngư dân, đi săn chuột đồng...

Đồng thời, Vườn quốc gia Tràm Chim cũng mở thêm các dịch vụ và trò chơi mới hấp dẫn như: tham quan nơi trưng bày trứng chim, cá nước ngọt, dịch vụ cho cá ăn, nặn tò he, xe ô tô điện, tàu chạy bằng tấm pin năng lượng Mặt Trời thân thiện với môi trường...

Khi nước rút Vườn quốc gia Tràm Chim còn tổ chức tour tham quan tại một cánh đồng hoa đầu ấn có diện tích 8ha hứa hẹn là điểm tham quan lý tưởng đối với du khách.

2.3. Giải pháp nhằm nâng cao việc khai thác tiềm năng mùa nước nổi nhằm phát triển du lịch VQG Tràm Chim

Về sản phẩm du lịch, hiện tại, VQG Tràm Chim đang chuẩn bị khai thác các tuyến điểm du lịch kết hợp nhằm tạo sự hấp dẫn đối với du khách như: làm chợ nổi trên sông chuyên bán các loại động, thực vật đặc trưng của vùng Đồng Tháp Mười như rần, chuột, các loại cá, bông điên điển, bông súng...; mở những gian hàng trên sông bán bưu ảnh, tranh, lịch, tài liệu lịch sử khoa học mang tên “Tràm Chim Tam Nông”... Trong thời gian tới, Ban Quản lý VQG Tràm Chim cần đầu tư phát triển các loại hình du lịch, đặc biệt chú trọng phát triển loại hình du lịch sinh thái kết hợp với nghiên cứu. Bên cạnh đó, cần phát triển các dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, nhất là các món ăn đặc sản của vùng, các trò chơi sông nước như du thuyền, bơi thuyền, câu cá, chế biến tại chỗ, đặc biệt là thưởng thức nghệ thuật đờn ca tài tử... nhằm tăng thời gian lưu trú cho khách du lịch.

Về đầu tư, để phát triển du lịch tại VQG Tràm Chim, rất cần sự đầu tư của các dự án liên quan đến phát triển cơ sở lưu trú, hệ thống giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, đặc biệt cần chú trọng đến vấn đề cung cấp nước sạch cho khu du lịch. Tuy nhiên, việc đầu tư phải đảm bảo các tiêu chí về tác động môi trường, tránh làm tổn hại đến hệ sinh thái của VQG, vừa phải đáp ứng được nhu cầu của du khách.

Về nhân lực, cần có chính sách đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ trong thời gian tới. Mặt khác, chính sách ưu đãi đối với nguồn nhân lực tại VQG Tràm Chim nói chung và phục vụ du lịch nói riêng cần sớm được nghiên cứu. Bên cạnh đó, cần phải tạo điều kiện cho nguồn nhân lực tham gia giao lưu với các khu bảo tồn, VQG có cùng chức năng ở các địa phương khác để giao lưu, học hỏi và trao đổi kinh nghiệm, như thế chất lượng nguồn nhân lực sẽ sớm được cải thiện.

Về môi trường, thường xuyên thực hiện các chương trình giáo dục về môi trường thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hội đoàn thể địa phương... để cộng đồng địa phương hiểu được sự biến đổi của môi trường theo chiều hướng xấu đi phần lớn là do tác động của con người trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, cần tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường cho khách du lịch khi đến VQG để cùng nhau chung tay bảo vệ môi trường.

Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện tốt quy chế phối hợp an toàn, an ninh và du lịch trong các cơ sở lưu trú, đặc biệt là đảm bảo an toàn tuyệt đối cho du khách tại các điểm du lịch, trong quá trình vận chuyển và phục vụ du khách. Phối hợp tốt với các cấp chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân cùng thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn và đảm bảo văn minh, lịch sự trong giao tiếp.

Việc phát triển du lịch tại VQG Tràm Chim không những góp phần nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương mà còn bảo tồn và phát huy nguồn tài sản thiên nhiên vô giá của đất nước. Vì thế, rất cần sự chung tay của người dân bản địa, Ban Quản lý VQG, các cơ quan, ban, ngành hữu quan để các giải pháp được triển khai một cách đồng bộ.

3. Kết luận

Từ bao đời nay người dân Đồng Tháp Mười *nói chung và người dân Tràm Chim nói riêng* đã quen thuộc với hình ảnh “nửa mùa nắng cháy, nửa mùa nước dâng”. Mùa nắng thì đất đai nứt nẻ, đồng khô cỏ cháy còn khi mùa nước về thì nước tràn trắng xóa cả cánh đồng, toàn vùng là một biển nước mênh mông. Mùa nước nổi đã trở thành nét đặc trưng vốn có của nơi đây.

Du lịch VQG Tràm Chim mùa nước nổi có ý nghĩa quan trọng trong việc khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, sản vật và cảnh quan sinh thái, kết hợp với những nét văn hóa truyền thống và sinh hoạt thường ngày của con người nơi đây,... tất cả đã tạo nên một loại hình du lịch đặc trưng của vùng, mang lại nhiều hứa hẹn trong tương lai. Du lịch mùa nước nổi tại VQG Tràm Chim còn sử dụng tài nguyên một cách có hiệu quả, hạn chế tối đa sự lãng phí tài nguyên, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, tăng thu nhập nâng cao chất lượng cuộc sống cho họ và phát triển kinh tế cho toàn vùng, đi đôi với việc giữ gìn, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và nét văn hóa truyền thống của vùng đất Tràm Chim.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Hữu Hiếu (2010), *Văn hóa dân gian vùng Đồng Tháp Mười*, NXB Dân Trí.
- [2]. Nhiều tác giả (1990), *Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Khoa học Xã hội.
- [3]. Đặng Kim Sơn (1983), *Các hệ thống sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long*, Sở Văn hóa Thông tin Long An.
- [4]. Lê Quang Vũ (2012), “Tinh sông nước – nét nổi bật của văn hóa đồng bằng sông Cửu Long”, *Đồng Tháp xưa và nay* số 37 – tháng 7/2012.

PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH Ở ĐỒNG THÁP

SV: Nguyễn Thị Quế Trân, Lớp: ĐHVNH17A

GVHD: Th.S Đỗ Thị Kiều Hoa

Tóm tắt

Đồng Tháp là tỉnh có khá nhiều cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng với lịch sử lâu đời, kiến trúc lễ hội độc đáo, cổ kính, chứa đựng các hoạt động tôn giáo và tín ngưỡng mang nét đặc trưng như: chùa Kiến An Cung, khu di tích Gò Tháp, đền thờ Ông Bà Đỗ Công Tường... và đây chính là nguồn tài nguyên phong phú để phát triển du lịch tâm linh. Với bài viết này tôi tiến hành phân tích những cơ sở lý luận và nêu lên thực trạng phát triển du lịch tâm linh ở Đồng Tháp, cũng như đề xuất các giải pháp nhằm phát triển loại hình du lịch này trong địa bàn tỉnh nhà.

Từ khóa: du lịch, tỉnh Đồng Tháp, tâm linh, tôn giáo- tín ngưỡng.

1. Đặt vấn đề

Về di tích văn hóa hiện tại tỉnh Đồng Tháp có 82 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng: trong đó di tích cấp quốc gia đặc biệt là 1 di tích, 14 di tích cấp quốc gia và còn lại là 67 di tích cấp tỉnh. Và một điều đặc biệt, đa số các di tích được công nhận là các di tích tôn giáo, tín ngưỡng: Di tích chùa Bửu Hưng, Đình Định Yên, chùa Kiến An Cung... Chính sự tồn tại nhiều địa danh thờ tự nên tâm linh của người Việt trong tôn giáo, tín ngưỡng mang những nét đặc trưng và ghi dấu ấn riêng đối với người dân địa phương. Việc tồn tại nhiều cơ sở tôn giáo là điều kiện để phát triển loại hình du lịch tâm linh. Phải chăng là một người con của mảnh đất sen hồng, chúng ta nên góp bàn tay của mình vào sự phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp.

2. Tình hình du lịch tâm linh ở đồng tháp hiện nay

2.1 Khái quát về du lịch tâm linh

Du lịch tâm linh là khai thác những yếu tố văn hóa tâm linh trong quá trình diễn ra các hoạt động du lịch, dựa vào những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của con người địa phương, cũng là những giá trị về đức tin, tôn giáo, tín ngưỡng và những giá trị tinh thần đặc sắc khác. Theo đó, du lịch tâm linh mang lại những trải nghiệm rất linh thiêng và cảm xúc về tinh thần của con người khi đi du lịch, giúp du khách cảm thấy thanh thản.

Du lịch tâm linh ở Việt Nam gắn với tín ngưỡng thờ cúng, tri ân những vị anh hùng dân tộc, những vị tiền bối có công với nước, dân tộc (Thành Hoàng) trở thành du lịch về cội nguồn dân tộc với đạo lý uống nước nhớ nguồn. Du lịch tâm linh ở Việt Nam gắn tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, dòng tộc, tri ân báo hiếu đối với bậc sinh thành.

2.2 Thực trạng hoạt động du lịch tâm linh tại Đồng Tháp hiện nay

2.2.1 Về lượng khách:

Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp: Khu di tích Gò Tháp đón hơn 1 triệu lượt khách tham quan, hành hương. Nơi đây được định hướng phát triển du lịch gắn với “vương quốc sen, văn hóa Phù Nam và tâm linh Phật giáo nguyên thủy”. Lễ hội Gò Tháp được tổ chức trên địa bàn hai xã Mỹ Hòa và Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Mỗi năm lễ hội thu hút hàng trăm ngàn lượt khách đến cúng viếng, tham quan. Về dự lễ hội, bạn có thể thăm các di tích cổ: Gò Tháp Mười, Tháp Cổ tự, miếu Bà Chúa Xứ,...sau đó còn được hoà mình vào không khí lễ hội dân gian, các hoạt động văn hoá nghệ thuật. Từ chiều 14 đến rạng sáng 16 tháng 3 âm lịch là lễ hội tưởng niệm Bà Chúa Xứ. Từ chiều 14 đến rạng sáng 16 tháng 11 âm lịch là lễ tưởng niệm hai vị anh hùng dân tộc Thiên hộ Dương (Võ Duy Dương) và Đốc binh Kiều (Nguyễn Tấn Kiều).

Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc: tọa lạc ở số 123/1 Phạm Hữu Lầu, phường 4, thành phố Cao Lãnh. Năm 2018, có khoảng hơn 291 ngàn lượt khách trong, ngoài nước đến tham quan. Hằng năm, vào ngày 27/10 âm lịch, đông đảo nhân dân các vùng lân cận lại tụ hội về tham dự lễ giỗ Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc trong không khí trang nghiêm, thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời đây cũng là hoạt động

có ý nghĩa góp phần giáo dục chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Đền thờ Ông Bà Đỗ Công Tường: Tọa lạc tại đường Lê Lợi, phường 2, TP Cao Lãnh. Mỗi năm đền tổ chức cúng tế 2 lần: Ngày vía ông bà: 09 -10 tháng 6 âm lịch; Ngày sanh ông bà: 16 -17 tháng 3 âm lịch. Đón tiếp hàng trăm ngàn lượt khách đến tham quan, cầu nguyện. Vào dịp này du khách đến đây sẽ được xem phim tư liệu ôn lại tiểu sử, quá trình hình thành chợ Cao Lãnh và những đóng góp của ông bà Đỗ Công Tường, cũng như dâng hương tưởng niệm ông bà tại đền thờ. Ngoài ra còn có nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, phục vụ nhân dân trong ngày diễn ra lễ giỗ như: hội thi làm bánh dân gian, thi đá gà nghệ thuật,... Đặc biệt lúc nào trong đền cũng có người dân đến để tỏ lòng tôn kính, biết ơn Ông Bà Chủ chợ Cao Lãnh và cầu xin những điều tốt lành cho bản thân và những người thân trong gia đình.

2.2.2 Đánh giá về hoạt động du lịch tâm linh tại Đồng Tháp

- Tích cực:

Du lịch tâm linh tạo việc làm và thu nhập trực tiếp cho người dân địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn từ nông nghiệp sang kết hợp dịch vụ.

Hình thức du lịch tâm linh còn góp phần củng cố, thắt chặt các quan hệ xã hội, tình cảm giữa các tín đồ tôn giáo và cộng đồng bản hội thực hành nghi lễ tôn giáo mà tạo ra những nguồn vốn xã hội rất quan trọng cho phát triển cá nhân, gia đình người Việt Nam.

Từ số tiền đóng góp tự nguyện khá lớn nên nó là nguồn thu chính cho việc trùng tu, quản lý vận hành các điểm du lịch tâm linh.

Khách ngày càng đông với nhiều thành phần; xã hội hướng đến các hoạt động thiện nguyện, tâm linh... điều đó cho thấy hình thức du lịch tâm linh có tiềm năng phát triển tại Đồng Tháp.

- Hạn chế:

Việc tuyên truyền quảng bá về sản phẩm du lịch tâm linh hiệu quả chưa cao, chủ yếu vẫn diễn ra theo mùa vụ (các lễ hội, sự kiện văn hóa – tâm linh...).

Tình trạng thương mại hóa các cơ sở tâm linh tôn giáo với nhiều biểu hiện không lành mạnh như quy định không thành văn bắt buộc phải mua đồ lễ.

Các tệ nạn cướp giật, móc túi, chen lấn xô đẩy, mất an ninh, thậm chí gây gổ đánh nhau cũng xảy ra.

Tình trạng ô nhiễm môi trường trở nên nghiêm trọng sau mỗi dịp lễ hội, hoạt động tâm linh... gây ảnh hưởng tới đời sống người dân.

Một số hoạt động mê tín, dị đoan... làm ảnh hưởng khách, các hoạt động du lịch chưa hấp dẫn, chưa khai thác đúng giá trị tâm linh tại các điểm tham quan du lịch.

3. Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển hoạt động du lịch tâm linh tại Đồng Tháp.

3.1 Giải pháp chung

Cần phải xây dựng những phương tiện cần thiết để phục vụ du lịch (cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực...), thực hiện những đề án du lịch để góp phần phát triển du lịch tâm linh tại Đồng Tháp.

Thực hiện các quan điểm phát triển của Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030, triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch tâm linh phù hợp với xu hướng chung và sự phát triển bền vững.

3.2 Giải pháp cụ thể

Giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về du lịch tâm linh, đảm bảo thực hiện đúng các quan điểm phát triển du lịch tâm linh mang lại những giá trị tinh thần tiến bộ cho xã hội, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế xã hội bền vững.

Thực hiện chương trình nâng cao nhận thức về du lịch tâm linh cho các đối tượng từ cấp hoạch định chính sách cho tới phổ biến kiến thức, kinh nghiệm cho dân cư trong việc phát triển du lịch cộng đồng gắn với điểm du lịch tâm linh.

Quảng bá các địa điểm du lịch tâm linh Đồng Tháp trên các phương tiện truyền thông và mạng xã hội, liên kết với các địa danh với nhau.

Xây dựng sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

Tổ chức cung cấp dịch vụ tại điểm du lịch tâm linh và tăng cường quản lý điểm đến du lịch tâm linh.

Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp.

Thực hiện các chính sách du lịch có trách nhiệm hướng tới hỗ trợ cộng đồng dân cư tăng cường năng lực tham gia phục vụ du lịch tại khu, điểm du lịch tâm linh.

Đẩy mạnh kêu gọi đầu tư, hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng du lịch.

Phải có cơ chế điều tiết, tái đầu tư vào quản lý điểm đến du lịch tâm linh bằng nguồn tài trợ, công đức, đóng góp tự nguyện của du khách.

Cần có những biện pháp về bảo tồn, tôn tạo các khu, điểm du lịch tâm linh để góp phần nâng cao chất lượng phục vụ du lịch.

Có biện pháp quản lý các hoạt động văn hóa, tâm linh,... để tránh xuất hiện các tệ nạn mê tín dị đoan, lạm dụng tâm linh để thực hiện các hoạt động vi phạm pháp luật. Đảm bảo du lịch tâm linh phát triển đúng hướng.

Liên kết phát triển loại hình du lịch tâm linh với các loại hình khác như: sinh thái, trải nghiệm,...

4. Kết luận

Du lịch tâm linh đang trở thành xu hướng phổ biến, gắn kết các nền văn hóa trong thế giới tinh thần. Việt Nam nói chung và Đồng Tháp nói riêng có nhiều tiềm năng phát triển du lịch tâm linh bởi nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc với nhu cầu hướng tới những giá trị tinh thần cao cả, đức tin, tín ngưỡng và tôn giáo. Chính vì vậy chúng ta nên đầu tư phát triển loại hình du lịch này. Để làm nên mảnh đất sen hồng trở thành địa điểm du lịch tâm linh nổi tiếng của Việt Nam cũng như xa hơn là thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ngô Đức Thịnh(2012), *Tín ngưỡng & văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, NXB Trẻ.

[2] Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB giáo dục.

[3] Trang web cổng thông tin điện tử Đồng Tháp:

<https://dongthap.gov.vn/wps/portal/ctt>

VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA NHÂN VIÊN NHÀ HÀNG HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

SV. Nguyễn Phú Toàn, Lớp ĐHVNH15A

GVHD: ThS. Trần Thanh Thảo Uyên

Tóm tắt

Giao tiếp có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động kinh doanh khách sạn – nhà hàng, văn hóa giao tiếp góp phần tạo dựng nên văn hóa doanh nghiệp đó. Văn hóa giao tiếp đối với nhân viên nhà hàng rất quan trọng vì ảnh hưởng tới sự phát triển của nhà hàng và thể hiện được hình ảnh đẹp trong mắt du khách. Văn hóa giao tiếp cần phải được nhận thức đúng đắn trong môi trường khách sạn – nhà hàng, trong du lịch, trong môi trường giáo dục và mọi lĩnh vực. Việc xây dựng nét riêng trong văn hóa giao tiếp là điều hết sức cần thiết, và cần xác định những giải pháp cụ thể, lâu dài để giúp nhà hàng làm được điều đó.

Từ khóa: nhân viên nhà hàng, văn hóa giao tiếp, nhà hàng – khách sạn

1. Mở đầu

Văn hóa vừa biểu hiện các hoạt động của con người để xây dựng môi trường sống nhân văn đối với thế giới bên ngoài, vừa biểu hiện các hoạt động của con người để xây dựng chính nó. Và suy cho cùng thì văn hóa là sự tinh luyện con người để biến cái dở thành cái hay, cái xấu thành đẹp, làm cho con người trở nên thanh lịch.

Giao tiếp là quá trình chuyển giao, tiếp nhận và xử lý thông tin giữa người này với người khác. Giao tiếp vừa biểu hiện văn hóa của mỗi người, vừa biểu hiện mức độ văn minh của xã hội. Thế thì hiểu nôm na văn hóa giao tiếp là làm cho quá trình giao tiếp trở nên đẹp đẽ. Có thể thấy rằng văn hóa giao tiếp là phạm trù mang tính xã hội, có liên quan đến hành vi, phương thức ứng xử của con người trong các mối quan hệ xã hội. Chính vì vậy, văn hóa giao tiếp là một bộ phận trong tổng thể văn hóa nhằm chỉ quan hệ giao tiếp có văn hóa của mỗi người trong xã hội, là tổ hợp của các thành tố: lời nói, cử chỉ, hành vi, thái độ, cách ứng xử và cả trang phục phù hợp...

Trong đời sống, giao tiếp đã là một trong những nhu cầu thiết yếu của con người. Ngày nay trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng cần có giao tiếp, ngành du lịch cũng không ngoại lệ, đặc biệt nhất là trong hoạt động kinh doanh nhà hàng và nhân viên nhà hàng.

Khi du lịch càng phát triển kéo theo hệ thống khách sạn, nhà hàng cũng phát triển. Theo thống kê của Tổng cục du lịch về các cơ sở nhà hàng thì văn hóa giao tiếp là sự cần thiết trong ngành về dịch vụ. Chính điều này đã buộc các nhà hàng phải nâng cao uy tín và chất lượng dịch vụ. Việc xây dựng uy tín và nâng cao chất lượng dịch vụ không chỉ là việc chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất, mà trong đó có sự góp phần không nhỏ của lực lượng nhân viên thông qua biểu hiện về văn hóa giao tiếp. Nó thể hiện văn hóa giao tiếp ứng xử của một nhân viên và văn hóa của một doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

Trong quá trình nghiên cứu và tiếp xúc với những người làm trong du lịch giúp tôi nhận ra nhiều vấn đề mà nhà hàng và kể cả các doanh nghiệp, cơ quan cần quan tâm hơn về văn hóa giao tiếp. Là một người làm du lịch trong tương lai, giao tiếp ứng xử có văn hóa là một yếu tố đặc biệt quan trọng cho sự thành công trong công việc sau này. Hơn thế nữa, giao tiếp càng không thể tách rời khỏi cuộc sống của mỗi con người, hướng chỉ là hoạt động trong ngành du lịch. Vì tất cả những lí do trên nên tôi đã chọn đề tài: “*Văn hóa giao tiếp của nhân viên nhà hàng*” làm đề tài báo cáo tham luận Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học.

Với những giải pháp sẽ đưa ra trong bài viết, hy vọng rằng nó hữu ích, để một số cơ sở nhà hàng có thể áp dụng nhằm góp phần cải thiện hoặc làm cho tốt hơn nữa tình hình văn hóa giao tiếp của nhân viên.

2. Nội dung chính

2.1. Vai trò của văn hóa giao tiếp đối với nhân viên nhà hàng

Giao tiếp giúp nhân viên nắm thông tin từ khách hàng để phục vụ. Các nhân viên của một khách sạn – nhà hàng cần phải hiểu rõ khách hàng của mình để thực hiện tốt công việc. Muốn

biết khách hàng cần phục vụ những gì thì phải thông qua giao tiếp, và nhờ có giao tiếp mà không bị nhầm lẫn các khách hàng.

Thông qua hoạt động giao tiếp giúp hình thành các mối quan hệ đồng nghiệp. Trong phân công nhiệm vụ, truyền đạt hay chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ công việc với nhau luôn cần có giao tiếp. Từ đó giúp hình thành các mối quan hệ tốt đẹp giữa nhân viên với nhân viên, giữa nhân viên với lãnh đạo.

Văn hóa giao tiếp góp phần thể hiện văn hóa doanh nghiệp, quảng bá hình ảnh khách sạn – nhà hàng. Giao tiếp là một trong những yếu tố cấu thành mặt nội dung của văn hóa doanh nghiệp. Thái độ phục vụ cùng với văn hóa giao tiếp của nhân viên là một công cụ quảng bá hữu hiệu cho hình ảnh khách sạn – nhà hàng.

2.2. Thực trạng văn hóa giao tiếp của nhân viên trong lĩnh vực nhà hàng hiện nay

Nói về thực trạng văn hóa giao tiếp của nhân viên tức là đề cập đến những hành vi ngôn ngữ, thái độ, cử chỉ trong văn hóa giao tiếp của nhân viên nhà hàng. Chủ yếu là nhân viên nhân viên phục vụ nhà hàng. Đây là những nhân viên trực tiếp tham gia vào quá trình phục vụ khách nhiều nhất trong một nhà hàng. Nhân viên tại nhà hàng nguồn nhân lực tại địa phương và các tỉnh trong vùng. Trình độ chuyên môn tương đối, bởi chủ yếu họ đều tốt nghiệp các ngành liên quan đến du lịch, khách sạn – nhà hàng, bên cạnh đó cũng có một số lao động phổ thông.

* **Giao tiếp của nhân viên bộ phận nhà hàng:**

Trong số nhân viên các bộ phận thì nhân viên nhà hàng ở đây tuân thủ quy định về đồng phục nhất. Với áo ghi lê, nơ cổ, giày đen, đối với nữ thì kẹp tóc gọn và quấn vào trong. Khi nhìn thấy nhân viên nhà hàng, điều đầu tiên là ấn tượng về đồng phục của họ rất chỉnh chu và gọn gàng.

Vốn ngoại ngữ tương đối tốt, họ có thể giao tiếp được trong phạm vi công việc, phục vụ của mình. Bởi họ chia sẻ rằng quan trọng nhất là nhớ tên các món ăn, cách chào và hỏi thực khách dùng gì,... chỉ cần sử dụng hàng ngày sẽ thành quen.

Đa số các nhân viên nhà hàng tại đây rất niềm nở với khách, khi tư vấn giới thiệu thức ăn các nhân viên ân cần và nói rõ từng món ăn cho khách dễ dàng lựa chọn. Đôi khi thông qua lời gợi ý và tư vấn của nhân viên mà thực khách cảm thấy kích thích vị giác và muốn ăn nhiều hơn các món đó. Bên cạnh đó cũng có một số ít nhân viên rất ít nói, không buồn bắt chuyện với khách, chỉ chăm chăm làm công việc của mình.

Mối quan hệ đồng nghiệp của họ cũng rất tốt, thường xuyên giúp đỡ nhau trong công việc. Họ tận tình chỉ dạy các công việc, luôn trả lời những thắc mắc và không lớn tiếng quát tháo các sinh viên làm việc bán thườn gian. Nhân viên nhà hàng cũng thường xuyên gặp gỡ cấp trên, họ trò chuyện khá thân thiết, chủ yếu là các cấp trên hỏi thăm về tình hình công việc thường ngày.

* **Đánh giá văn hóa giao tiếp của nhân viên nhà hàng:**

Ưu điểm:

Nhân viên biết phát huy thế mạnh là nụ cười rạng rỡ, thân thiện. Nhìn chung các nhân viên đều cười tươi khi gặp khách.

Khá nhiệt tình trong việc hỗ trợ khách, hướng dẫn những nhu cầu của khách. Chẳng hạn như việc hướng dẫn khách xuống khu ăn sáng, chỉ cho khách các khu vực dịch vụ, vị trí các nơi của nhà hàng, bộ phận Bếp làm việc rất tích cực...

Nhân viên có sự chu đáo cần có, quan tâm khách một cách chân thành, không vụ lợi, giả tạo, đặc biệt là ở bộ phận nhân viên phục vụ nhà hàng.

Mối quan hệ đồng nghiệp giữa họ cũng khá tốt, luôn giúp đỡ nhau trong công việc, giao tiếp với nhau gần gũi và rất thân mật.

Nhược điểm:

Nhân viên tuy được đánh giá là thân thiện, hay cười nhưng có đôi khi vì họ thể hiện điều đó một cách miễn cưỡng, mà khách không nhìn thấy được sự vui vẻ đó toát ra một cách tự nhiên.

Một nhược điểm rất lớn của nhân viên mà ai cũng nhận ra đó chính là vốn ngoại ngữ còn yếu, nhất là nhân viên bộ phận phục vụ. Đây là những nhân viên vừa được khen mà cũng vừa bị đánh giá nhược điểm nhiều nhất.

Chưa có sự năng động trong lối giao tiếp, phong cách giao tiếp chưa định hình rõ ràng. Chủ yếu là nhân viên chỉ giao tiếp theo trình tự, phạm vi của công việc.

2.3. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả về văn hóa giao tiếp của nhân viên phục vụ nhà hàng

Khách hàng là người nghiên cứu, tập trung sự chú ý và muốn tiêu dùng sản phẩm. Đồng thời, họ được quyết định và nhận được sự phục vụ chu đáo từ nhân viên phục vụ tại nhà hàng. Sau khi tiêu dùng sản phẩm của nhà hàng, khách sẽ thanh toán và bộ lộ thái độ sau khi tiêu dùng. Vì vậy người phục vụ cũng cần những giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng để giao tiếp đối với khách hàng và thuyết phục khách hàng sử dụng dịch vụ của nhà hàng.

2.3.1. Nghệ thuật giao tiếp bằng lời nói

Cách xưng hô: xưng hô theo tuổi tác và địa vị/ cấp bậc

+ Với đồng nghiệp: người lớn tuổi hơn thì phải gọi bằng anh/ chị/ chú/ bác/ cô/ dì... – người bằng hoặc chênh lệch ít tuổi thì có thể xưng tên

+ Với khách hàng: xưng em/ con tùy từng vị khách

+ Với cấp trên: tùy cấp bậc mà người làm chức vụ thấp hơn có thể gọi cấp trên là anh/ chị.

+ Lưu ý: tuyệt đối không được nói chuyện trống không, lời lẽ cộc cằn, thô lỗ; không xưng hô quá thân mật so với mối quan hệ

Cách nói chuyện: lời nói phải rõ ràng, dễ nghe, dễ hiểu – nội dung lời nói phải phù hợp với trình độ và độ tuổi của người nghe, sử dụng câu từ đơn giản, phổ thông và hợp hoàn cảnh – nói chuyện bằng thái độ tự nhiên, lịch sự và chân thành; không tỏ ra khó chịu, gượng ép hay tỏ thái độ vui vẻ, quan tâm thái quá đến người khác – khi giao tiếp cần giữ khoảng cách vừa phải...

Cách dùng từ: không dùng tiếng lóng, từ địa phương, khẩu ngữ hay ngôn ngữ teen, ngôn ngữ mạng; từ chuyên ngành, từ cổ hay ngôn từ quá hoa mỹ khiến người nghe khó hiểu, ít biết hoặc hiểu nhầm ý

Giao tiếp qua điện thoại: là hình thức giao tiếp gián tiếp có sử dụng lời nói, nhân viên sẽ không nhìn thấy được phản ứng của khách hàng nhưng có thể đoán được cảm xúc của họ thông qua lời nói – hãy nói rõ, âm lượng vừa nghe, nghe rõ, đúng – đủ các thông tin từ khách hàng

Không nói chuyện kiêu mĩa mai, xía xói với đồng nghiệp: không dùng lời nói để chỉ trích người khác theo kiểu bóng gió, văn hoa; giọng điệu tưởng khen mà chê; lời nói mỉa mai thể hiện bạn là người có thái độ thù địch, kém vị tha và hay xét nét người khác – không nhận xét, đánh giá sự việc một cách thái quá sẽ làm tăng cảm giác tồi tệ cho đối phương; thay vào đó, hãy nói những lời an ủi, động viên người khác khi họ đang ở trong giai đoạn không tốt

Khi nói chuyện, không đột nhiên im lặng hay nói lấp lửng, làm ra vẻ bí mật để bắt người khác tò mò và chờ đợi – không ngắt lời người khác – không thì thầm vào bên tai hay ghi giấy chuyển cho người khác khi đang giao tiếp trong một nhóm đồng nghiệp – không tâm sự chuyện riêng tư với khách hàng hay những người không liên quan

Tuyệt đối không nói về các chủ đề nhạy cảm như tôn giáo, chính trị, pháp luật, giới tính; những chủ đề mà người nghe không hiểu hoặc không quan tâm

Lắng nghe một cách cẩn thận những điều mà khách hay nhân viên, cấp trên đang nói; đồng thời kiểm tra lại một cách cẩn trọng để xem mình đã hiểu chính xác và đầy đủ chưa, từ đó, giúp phục vụ và thực hiện công việc đảm bảo chất lượng

2.3.2. Nghệ thuật giao tiếp bằng văn bản

- Ngôn ngữ và thông tin rõ ràng: hãy tập trung vào mục đích thật sự của việc giao tiếp, thông tin truyền đạt đúng – đủ – rõ ràng – mạch lạc

- Ghi lại ngày – giờ nhận tin nhắn bằng điện thoại của khách hoặc của nhân viên khác để sử dụng khi cần thiết

- Trả lời yêu cầu một cách nhanh chóng, nhất là những yêu cầu bằng văn bản hay thư điện tử.

2.3.3. Nghệ thuật giao tiếp phi ngôn ngữ

Qua ánh mắt: mắt nhìn thẳng vào người đối diện nhưng không quá lâu, không nhìn chăm chăm; thỉnh thoảng hãy đưa mắt nhìn xung quanh để giảm căng thẳng cho cả hai; không đảo mắt liên hồi, không nhìn xéo sang người khác khi đang nói chuyện với người này; không hướng mắt nhìn xuống chân; không nhìn vào khuyết điểm trên thân thể của người đối diện, dù vô tình.

Qua nét mặt, tác phong: gương mặt thiện cảm, luôn vui vẻ, hòa nhã; miệng cười tươi nhưng cười đúng lúc; trang điểm nhẹ (với nữ), tóc gọn gàng.

Qua trang phục, đồng phục: mặc đúng trang phục, đồng phục theo quy định; đảm bảo gọn gàng, sạch sẽ, không nhăn nhúm; sự đồng nhất trong trang phục của nhân viên thuộc từng bộ phận giúp thể hiện trình độ tổ chức, kỷ cương và chất lượng dịch vụ của nhà hàng – khách sạn đó; đồng thời thể hiện sự tôn trọng khách hàng.

3. Kết luận

Văn hoá giao tiếp trong nghề nghiệp của nhân viên nhà hàng cũng là một bộ phận cấu thành nên văn hoá, là nét đẹp trong giao tiếp giữa những con người đang ngày đêm làm công tác phục vụ để góp phần tạo ra những dịch vụ tốt nhất. Vậy tại sao ta không khéo léo hơn trong văn hoá giao tiếp?

Khi đã chấp nhận làm nghề này, nhân viên phải tự biết phấn đấu, học hỏi trau dồi chuyên môn lẫn kỹ năng giao tiếp. Khả năng giao tiếp của nhân viên nhà hàng như thế là khá tốt, đem lại sự hài lòng cho du khách. Tuy nhiên vẫn còn những hạn chế nhất định như trình độ ngoại ngữ, tác phong giao tiếp chưa chuyên nghiệp,... cần cố gắng khắc phục nhanh chóng.

Tôi thiết nghĩ vấn đề văn hóa giao tiếp và giao tiếp có văn hóa đang cần thiết đối với mọi doanh nghiệp, cơ quan trong đó có cả những ngôi trường đại học như trường của chúng ta. Nếu doanh nghiệp xây dựng được văn hóa doanh nghiệp thông qua giao tiếp của nhân viên thì trường học cũng cần phải xây dựng văn hóa trường học, thông qua văn hóa giao tiếp của cán bộ giảng viên, sinh viên, học sinh. Trường học là nơi truyền bá những nét đẹp văn hóa một cách khôn mầu và bài bản nhất, vì thế không lý nào không xây dựng được tác phong giao tiếp có văn hóa. Để từ đó các học sinh, sinh viên, giáo viên sẽ là những đại sứ hình ảnh cho ngôi trường của mình, tạo nên một môi trường giáo dục lành mạnh hơn, thân thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nhóm Sống Đẹp (2010), *Đắc nhân tâm - Nghệ thuật nói chuyện và giao tiếp hằng ngày*, NXB Đồng Nai.

[2]. Chu Văn Đức (2005), *Kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội.

[3]. Nguyễn Văn Mạnh và Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[4]. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo Dục.

[5]. <http://www.vietnamtourism.gov.vn>

SỨC SỐNG CỦA NGƯỜI NAM BỘ QUA KHÔNG GIAN TẾT CỔ TRUYỀN CỦA DÂN TỘC

SV: Phan Thị Yến Nhi, Lớp ĐHVNH17

GVHD: TS. Nguyễn Thị Song Thương

Tóm tắt

Nam Bộ là một vùng đất bên cạnh vẻ hoang sơ mộc mạc, còn mang khá nhiều nét độc đáo đặc trưng riêng biệt trong phong tục, cách thức sinh hoạt đời sống của người dân, đặc biệt là vào dịp Tết cổ truyền. Tết ở Nam Bộ không chỉ đặc sắc trong văn hóa ẩm thực, cách thức sinh hoạt, mà còn cả trong các phong tục cúng kiến... Tết ở Nam Bộ mang một nét đặc trưng rất riêng so với các vùng miền khác trên đất nước ta.

Từ khóa: Tết, Nam Bộ, sức sống, dân tộc, cổ truyền

1. Đặt vấn đề

Năm hết Tết đến, người dân cả nước lại hân hoan đón chào năm mới. Đối với người dân đất Việt, Tết không chỉ là dịp để quây quần sum họp bên gia đình, mà còn là thời điểm để bảo tồn bản sắc dân tộc qua việc duy trì những phong tục cổ truyền. Có trải qua ngày Tết mới thấy, những nét đẹp trong cách thức sinh hoạt, ăn uống, phong tục ngày Tết không phải là hình thức, mà chúng đề cao về đẹp của tâm hồn, về đẹp cội nguồn văn hoá của dân tộc Việt. Do vậy, dù đi xa mấy nhưng cứ đến ngày này, người người đều cố gắng trở về quê hương đoàn viên cùng với gia đình. Dù bao nhiêu năm trôi qua, những người con đất Việt vẫn không quên đi cội nguồn, mỗi ngày đều góp phần xây dựng và bảo trì nền văn hóa truyền thống đẹp đẽ.

Trong không khí vui tươi của một mùa Xuân mới, mỗi vùng miền lại có một nét đặc trưng riêng tạo nên sự độc đáo, hấp dẫn. Riêng đối với người dân Nam Bộ, Tết cũng có thật nhiều điều thú vị. Dù xã hội có phát triển, cuộc sống có hiện đại đến mấy nhưng những giá trị văn hóa, tập quán truyền thống bao đời vẫn không thay đổi, đặc biệt là ở ngày Tết cổ truyền của người dân Nam bộ.

2. Những nét độc đáo trong ngày Tết cổ truyền của người dân Nam bộ

Khác với không khí lạnh buốt của miền Bắc thì người dân Nam Bộ đón lại đón Tết trong cái tiết trời với không khí ấm áp với nhiều phong tục khác so với miền Bắc khi chào đón năm mới.

Tết cổ truyền là dịp để gia đình tụ họp sum vầy, vui vẻ và hạnh phúc bên nhau, đối với miền Nam năm nào cũng vậy cứ từ đầu tháng Chạp, ở Nam Bộ đã bắt đầu rộn ràng không khí Tết, các chợ hoa, chợ Tết đã bắt đầu dựng sập. Ngày Tết nhà nào cũng có một nhành mai, cây cảnh, mâm ngũ quả cùng những món ăn đặc trưng ngày Tết của Nam Bộ. Nói về mâm ngũ quả của người miền Nam thường có các loại quả: Mãng cầu, dừa, đu đủ, xoài, sung theo câu “Cầu sung vừa đủ xài”, đó không chỉ đơn thuần là những lời chúc về tài lộc mà còn nhắn nhủ khuyên răn con người biết vừa đủ, biết tiêu xài đúng lúc đúng chỗ. Đặc biệt mâm ngũ quả ở miền Nam không thể thiếu cặp dưa hấu ruột đỏ vỏ xanh nhằm tạo cho không gian thờ cúng thêm phần vui tươi ấm áp rực rỡ và có ý nghĩa là cát tường tốt lành. Nói đến Tết là không thể nào không nhắc đến hoa mai, một loại hoa mang nét đẹp đặc trưng của Nam Bộ, đối với người miền Bắc thì không thể thiếu hoa đào trong mỗi dịp Tết đến xuân sang, thì ngược lại ở miền Nam thì hoa mai là loại hoa mang cái hồn của Tết Nam Bộ. Vào khoảng 22, 23 Tết âm lịch ở Nam Bộ có phong tục lật lá mai rất độc đáo. Nhà nào cũng trồng trước cửa nhà mình một hoặc hai cây mai vàng rồi vào khoảng 22,23 âm lịch các thành viên trong gia đình sục xít lại để nhặt lá, để vào khoảng 28, 29 Tết mai bắt đầu khai nhị nở hoa để người dân đón Tết, bởi vì người dân Nam Bộ quan niệm rằng hoa mai đồng nghĩa với sự may mắn, sắc mai vàng rực vào những ngày đầu năm báo hiệu đều tốt lành cho cả năm. Bên cạnh khoảng thời gian đó nhà nào ở Nam Bộ cũng rôm rã chuẩn bị làm bánh mứt để đón Tết, có thể kể đến một vài loại bánh mứt như: Mứt bí, mứt dừa, bánh mứt chùm ruột...bánh thì không thể nào không kể đến bánh phồng...Đây chính là các loại bánh mứt gắn liền với người dân bởi vì những nguyên liệu để làm ra nó rất gần gũi và gắn liền với đời sống hằng ngày, chính vì thế người dân đã tận dụng chúng để làm bánh mứt, vừa ngon vừa rẻ vừa bình dị thân thương.

Tôi nhớ như in cái hình ảnh “giã nếp vào ban đêm” để làm ra những cái bánh phồng thơm ngon, cứ vắn vương mãi trong tâm trí tôi mà không thể nào quên được. Cứ sau một vụ mùa làm lúa nếp xong thì nhà nào cũng cất giữ lại vài chục kí lúa nếp thơm ngon nhất để dành làm bánh khi Tết đến Xuân sang, và để làm ra một chiếc bánh phồng thơm ngon, thì người dân phải chọn lọc chất chiu từng hạt lúa nếp ngon nhất, sau đó đem ngâm nước và vo sạch và đem đi hấp cho nếp chín, sau đó cho nếp chín vào một cái cối dùng chày để quết cho đến khi nếp dẻo quện chặt vào nhau, sau đó cho thêm một chút đường, một chút nước cốt dừa và khi nếp thấm đều gia vị thì đem nắn thành viên rồi cán ra, và cuối cùng là đem phơi dưới nắng ngày nắng thì bánh đã khô thế là đã có một chiếc bánh phồng thơm ngon để dành đón Tết.

Đón Tết trên mảnh đất Nam Bộ chúng ta còn thấy sự thú vị trong món ăn. Tết Nguyên Đán trong gia đình miền Nam, dù mâm cao cỗ đầy nhưng không thể nào thiếu nôi thịt kho tàu, khác dưới người miền Bắc là món thịt đông. Món thịt kho tàu với miếng thịt vuông quả trứng tròn biểu hiện cho tính hài hòa âm dương sự vuông tròn cho cả năm, ngoài ra còn có món bánh tét, bánh tét ở miền Nam có hình ống dài có nơi gọi là bánh đòn, bánh tét biểu trưng cho sức sống sự trường tồn sự hùng mạnh. Miền Nam ăn kèm với bánh tét là kiệu muối chua, dưa dứa cải muối chua, với hình dáng đơn giản nhưng không kém phần tỉ mỉ, bánh tét được bọc bên ngoài với nhiều lớp lá chuối, ví như người mẹ đang bọc lấy người con. Ăn bánh tét lại nghĩ về mẹ, nhớ về mẹ, không chỉ vậy bánh tét nhân xanh nhị vàng gọi cho ta màu xanh của đồng quê của đời sống chăn nuôi, của an vui xóm làng, gọi cho ta niềm mơ ước an cư lạc nghiệp của con người về một mùa xuân an bình cho mọi nhà. Canh khổ qua cũng là một món ăn không thể thiếu của người dân Nam Bộ. Có tô canh khổ qua trên mâm cỗ tạo cho gia đình yên tâm về mặt tâm lý, vì món canh khổ qua có ý nghĩa hy vọng về một năm mới suôn sẻ may mắn mọi khó khăn vất vả của năm cũ qua đi. Canh khổ qua có vị ngọt thanh nhẹ, hơi nhả đắng, canh khổ qua còn có tác dụng thanh nhiệt giải độc giúp giải ngán khi ăn các món ăn nhiều đạm nhiều chất béo trong ngày Tết, loại quả này rất dân dã, bình dị, dễ trồng cách chế biến đơn giản, chỉ cần vài ba quả khổ qua tươi nạo bỏ hạt, thịt băm nhỏ trộn với các thái lát nhồi vào bên trong rồi dùng nước hầm xương hoặc nước lã để nấu là đã hoàn tất món ăn, đơn giản đúng với chất mộc mạc của người dân Nam Bộ. Kiệu muối chua và tôm khô là hai món ăn bình dị nhưng cũng không thể thiếu trong dịp tết, ngày tết chỉ cần một đĩa củ kiệu và tôm khô là có thể lai rai suốt mùa, vị ngọt đậm đà của tôm khô hòa quyện với vị chua ngọt thơm thơm của kiệu rất dễ đưa mồi, nếu có thêm đĩa Lạp xưởng ăn kèm nữa thì tuyệt hảo, kiệu thì có thể kết hợp với nhiều món ăn, ăn kèm bánh chưng bánh tét, các loại thịt luộc quay, nướng... Đây là hai món ăn vừa bình dân vừa cao cấp, dễ mua, dễ làm, giá rẻ.

Ngoài những món ăn truyền thống kể trên của người Nam Bộ, tùy theo điều kiện của mỗi gia đình có thêm các món khác nhau như: Lạp xưởng, giò chả, thịt khìa... cùng hòa chung với hương vị tết của Nam Bộ. Ngày nay các món ăn tết của người Nam Bộ cũng có nhiều thay đổi, đơn giản hơn rất nhiều, những món ăn truyền thống vẫn còn hiện diện trong ngày Tết, trên mâm cơm thờ cúng tổ tiên của người dân Nam Bộ thể hiện tính chất thiết thực, mộc mạc, thoáng mở của người dân vùng sông nước.

Giáp tết các gia đình sẽ tổ chức đi chạp mộ để tỏ lòng uống nước nhớ nguồn, ngày 23 tháng chạp cùng tiền đưa ông táo về trời. Ngày 30 nấu một bữa cơm tổ tiên gọi là ngày rước ông bà, trong những ngày Tết trên bàn thờ gia tiên luôn luôn nghi ngút khói hương và sau đó, đến ngày mùng ba tháng Giêng thì làm lễ tiễn đưa ông bà. Trước giao thừa, gia đình thắp hương mời vong linh ông bà tổ tiên và những người thân đã khuất về ăn cơm, vui tết cùng với con cháu, cúng tất niên chiều 30 tết thường quy tụ đủ mọi mặt người thân trong gia đình, đêm 29, 30 là lúc vui nhất mọi người thức đón giao thừa trò chuyện... Rất huyền ảo, ba ngày tết là ba ngày vui chơi ăn uống, viếng thăm chúc mừng nhau những điều mới mẻ tốt lành.

Một phong tục độc đáo được duy trì và phát triển mạnh của dân Nam Bộ mà bất cứ đứa trẻ nào cũng thích thú, đó là tục lì xì đầu năm, tục lì xì phổ biến ở miền Nam trước sau đó lan rộng ra các vùng khác của Việt Nam. Tiền mới được bỏ vào phong bao đỏ rực tặng trẻ nhỏ trong gia đình để lấy may, ước mong trẻ mau ăn chóng lớn mọi sự như ý, không câu nệ về giá trị mà chủ yếu là đem lại niềm vui tốt lành may mắn.

Bên cạnh những điều thú vị trên, người Nam Bộ xưa có một số phong tục kiêng kỵ vào dịp tết. Chẳng hạn như sáng mừng một, ngoài đường trước ngõ phải tĩnh lặng. Cãi cọ, quét nhà... là những điều cấm kỵ, không được mở cửa cho tới khi có người xông đất đến, trong nhà thì ngược lại đám trẻ thì lảng xãng diện áo mới chờ chúc tết ông bà cha mẹ để được lì xì, rồi xúm xít ăn bánh tét, chơi lô tô, bầu cua cá cọp... Quý nhân đến xông đất đầu năm thể hiện niềm may mắn hay xui xẻo cho gia chủ trong cả năm mới, mấy ngày tết việc cúng kiến rất được coi trọng bữa cơm nào cúng tổ tiên xong mới được dùng. Tục tết nhà phải thức dậy trước canh năm, cứ ba đĩa bánh ít, ba đĩa tam sên (tôm khô, thịt luộc, trứng gà), ba đĩa mứt, ba đĩa trái cây để cúng. Chợ búa, tiệm quán tận mừng ba mới lác đác vài gánh rau lá chuối, gà để người ta mua về làm bữa tiễn ông bà, ngày này gà bán rất đắt, vì món gà tiềm không thể nào thiếu trong mâm cúng. Và những phong tục cổ truyền của người Nam Bộ vào dịp lễ Tết giờ có lẽ cũng được dần dần đơn giản hơn cho phù hợp với cuộc sống hiện đại.

3. Kết luận

Người dân Nam Bộ ăn mừng tết với niềm thiêng liêng. Tết luôn là ngày đoàn tụ của mọi gia đình, dù ai mua bán làm việc hay đi xa thì họ thường cố gắng dành tiền và thời gian để về ăn tết với gia đình, đó là mong mỏi của tất cả mọi người. Ngày Tết ở Nam Bộ mang nét đặc trưng độc đáo, nó trở nên thiêng liêng đối với mỗi con người Việt Nam. “Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ/Cây nêu tràng pháo bánh chưng xanh”, thêm sắc màu vàng rực của nhánh mai, mâm ngũ quả đậm tình dân tộc, nó mang tới một cái Tết bình yên đậm âm cho miền quê của Việt Nam. Tôi yêu Tết nguyên đán, yêu cái Tết cổ truyền của vùng Nam bộ quê tôi, nó luôn đem đến cho con người những khởi đầu mới mẻ và mang đến những giá trị truyền thống với những nét đẹp riêng biệt tạo nên bản sắc của cả dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Thanh Huệ - Kim Xuyên (2015), *Phong tục ngày TẾT nghi lễ đi chùa đầu năm*, NXB Hồng Đức.
- [2]. Nhiều tác giả (2008), *Tết trong đời sống tâm linh người Việt*, NXB Văn hóa thông tin.
- [3]. Nguyễn Ngọc Thanh (cb) (2018), *Đặc trưng văn hóa vùng Nam Bộ*, NXB KHXH
- [4]. Quảng Tuệ (2004), *Phong tục nghi lễ dân gian truyền thống Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc
- [5]. Trần Ngọc Thêm (cb) (2018) *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, NXB Văn hóa nghệ thuật

NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH ĐỒNG THÁP TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

SV: Trương Thị Tuyết Anh, Lớp ĐHVNH18A

GVHD: ThS. Trần Thanh Thảo Uyên

Tóm tắt

Vùng ĐBSCL nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng có nhiều thắng cảnh đẹp, nhiều di tích lịch sử - văn hóa độc đáo tạo nên được lợi thế và tiềm năng phát triển du lịch. Đồng Tháp là một địa danh du lịch giàu tiềm năng nhưng vẫn chưa được khai thác hiệu quả. Do tour tuyến du lịch khá đơn giản, loại hình vui chơi giải trí còn đơn sơ, nên khó có thể giữ chân được du khách. Bên cạnh đó, còn có nhiều khó khăn như: thiếu nguồn nhân lực, khu ăn uống nhỏ hẹp, sản phẩm du lịch còn hạn chế, phương tiện phục vụ du lịch ít, nhân viên chưa có đầy đủ trình độ chuyên môn nên phong cách phục vụ thiếu tính chuyên nghiệp... Đó cũng là những nguyên nhân khiến du khách vẫn chưa mặn mà với Đồng Tháp.

Từ khóa: Đồng Tháp, du lịch Đồng Tháp, thực trạng du lịch, giải pháp phát triển du lịch.

1. Mở đầu

Trong giai đoạn hiện nay, tuy kinh tế có nhiều biến động tình trạng kinh tế tri trệ xảy ra hầu như ở các quốc gia, thế nhưng nhu cầu du lịch vẫn là một nhu cầu không thể thiếu, quốc gia nào làm tốt ngành công nghiệp không khói này sẽ nhanh chóng vượt qua khó khăn và khắc phục được sự trì trệ của kinh tế, giúp đất nước cải thiện rõ rệt, đồng thời mối giao lưu văn hóa cũng diễn ra mạnh mẽ. Nhu cầu tìm hiểu về những giá trị nhân văn cũng theo đó mà lớn dần, việc quảng bá hình ảnh của quốc gia ra thế giới cũng dễ dàng hơn.

Riêng ở Việt Nam mà đặc biệt tỉnh Đồng Tháp là một tỉnh có bề dày về văn hóa, lịch sử, con người thân thiện giàu lòng mến khách với hệ thống các di tích, đền thờ, làng nghề, lễ hội, văn hóa nghệ thuật dân gian... vô cùng đặc sắc mà ít nơi nào có được. Hình ảnh Đồng Tháp xuất hiện khá nhiều trong thơ văn, ca dao, dân ca là một vùng “đất lành chim đậu” là một điểm hẹn du lịch lý tưởng. Công tác đầu tư phát triển du lịch nhất là du lịch nhân văn đang có nhiều cơ hội để phát triển trong thời kì mở cửa hội nhập của đất nước. Tuy nhiên việc phát triển du lịch ở Đồng Tháp chưa được quan tâm đúng mức, chưa thể đưa hình ảnh về quê hương và con người Đồng Tháp đến gần với mọi người hơn. Nguồn tài nguyên du lịch khá phong phú nhưng Đồng Tháp còn đang nằm ở dạng tiềm năng chưa thể đánh thức, kinh doanh du lịch phần nào còn nhiều hạn chế. Chúng ta có thể nhận thấy một điều rằng mảng du lịch nhân văn chúng ta vẫn chưa khai thác tốt lắm, với nhiều di tích lịch sử được phong tặng cấp quốc gia và cấp tỉnh, đồng thời lại có nhiều loại hình nghệ thuật văn hóa dân gian có thể khai thác được nhưng chúng ta vẫn chưa ứng dụng thành công, chưa mang lại lợi ích thực sự cho tỉnh nhà.

Vùng đất Đồng Tháp rất thích hợp cho loại hình du lịch sinh thái. Mùa nước nổi về, càng có lý do để khách du lịch đến với xứ sen Đồng Tháp. Ngoài ra còn có rất nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Về với Đồng Tháp du khách như trở về với cội nguồn thiên nhiên bởi bầu không khí trong lành, mát mẻ của những cánh đồng lúa phì nhiêu, đi trên những chiếc xuồng ba lá trên sông rạch, đến thăm những giá trị văn hóa có từ lâu đời của dân tộc. Tuy nhiên sản phẩm du lịch sinh thái còn đơn điệu, sản phẩm du lịch trùng lặp dễ gây sự nhàm chán cho du khách.

Chính vì vậy, nếu biết khai thác sẽ giúp tỉnh nhà cải thiện về kinh tế, nâng cao mức sống cho người dân, góp phần thúc đẩy sự phát triển các vùng lân cận. Đồng Tháp có nhiều cơ hội để phát triển du lịch mà có thể khai thác tốt ở hai mảng là du lịch nhân văn và du lịch sinh thái. Khai thác tốt được hai mảng này sẽ góp phần rất lớn cho sự phát triển kinh tế của tỉnh nhà, hình ảnh của tỉnh cũng từ đó được nâng cao hơn.

2. Nội dung chính

2.1. Khái quát các sản phẩm du lịch tỉnh Đồng Tháp

2.1.1. Sản phẩm du lịch sinh thái

- Vườn quốc gia Tràm Chim (khu Ramsar thứ 200 của thế giới)

Vườn quốc gia (VQG) Tràm Chim ở Đồng Tháp là nơi có hệ thống sinh vật đa dạng tiêu biểu cho vùng ĐBSCL. Với ưu thế những động vật quý hiếm bậc nhất như Sếu đầu đỏ (còn gọi là Hạc) được ghi vào sách đỏ Việt Nam cùng một số loài chim khác có khả năng tuyệt chủng trên toàn cầu như diên điển, ô tác, giang sen...

Dịch vụ du lịch sinh thái: với các tuyến điểm tham quan ở VQG Tràm Chim, du khách có thể trải nghiệm được khoảng không gian vô cùng thú vị của vùng đất hoang sơ Đồng Tháp Mười, tìm hiểu tất cả các loài chim nước nơi đây, du khách có thể thỏa thích ngắm từng đàn chim đang tìm ăn trên đồng cỏ, thưởng thức những âm thanh êm ả và thanh thót của cò, vạc.

Dịch vụ công trình nghiên cứu: hỗ trợ công tác nghiên cứu của các tổ chức khoa học quốc gia và quốc tế, về môi trường sinh thái Đồng Tháp Mười, các công trình nghiên cứu các loài chim quý hiếm có ở VQG Tràm Chim, đặc biệt là Sếu đầu đỏ.

Các sản phẩm bổ trợ: hiện nay trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái VQG có hệ thống phòng nghỉ với 7 phòng nghỉ có thể phục vụ khách vào ban đêm, 1 nhà trưng bày kết hợp giới thiệu về VQG Tràm Chim, đài quan sát có thể phục vụ khách tham quan sinh thái, tấp ráng có thể đưa khách vào VQG,...

Ngoài ra khu du lịch còn có 5 tuyến tham quan để du khách có thể lựa chọn.

➤ *Khu du lịch Gáo Giồng*

“Ai ơi về với Gáo Giồng

Mà nghe sự sống này mầm sinh sôi,

Không tin đến đó mà coi

Diệc, Cò, Nhan Điển đầy trời lượn bay”.

Khi đặt chân đến với Đồng Tháp, du khách hãy đến với Gáo Giồng. Nằm cách thành phố Cao Lãnh khoảng 20 km. Diện tích khu sinh thái khoảng 1.700 ha, khu bảo tồn là 350 ha rừng tràm trên 10 năm tuổi để phục vụ DLST. Nơi đây được xem là lá phổi của Đồng Tháp Mười.

Đến Gáo Giồng, du khách sẽ được hòa mình vào không gian thoáng mát, không khí trong lành; tận mắt ngắm nhìn toàn cảnh khu du lịch với thảm xanh bạt ngàn của rừng tràm ở độ cao 18m. Sau đó, sẽ được trải nghiệm loại hình du lịch bằng xuồng cùng với cô thôn nữ trong chiếc áo bà ba mộc mạc, đội những chiếc nón lá, nhíp nhàng đưa du khách nhẹ lướt trên mặt nước trong veo xuyên vào rừng tràm nguyên sinh để đến với vườn chim rộng 40ha với đủ các loài chim nước: cò, còng cọc, nhan điển, giang sen, vạc, tu hú, trích, bìm bịp, le le... làm náo nhiệt cả một vùng trời. Bên mạng xuồng là đa dạng các loài rau, cây cỏ, điểm sắc của các loài hoa đồng nội: hoa sen, súng, bằng lăng, bông gáo, bông diên điển, hoa tràm...

Sau khoảng thời gian tận hưởng cảnh quan của rừng, du khách sẽ được thưởng thức các món ăn đặc sản của vùng Đồng Tháp Mười với các loại cá đồng như: cá lóc, cá linh, cá rô..., cùng với các loài: rắn, chuột, ốc, lươn hòa với hương vị của bông diên điển, bông súng, rau muống đồng... nhấm một chút rượu mật ong thiên nhiên từ hoa tràm và đậu đó đọng lại câu vọng cổ, câu hò mượt mà giữa không gian tĩnh lặng ru hồn du khách về với thời quá khứ xa xăm. Tất cả đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên tuyệt mỹ giữa Đồng Tháp Mười nguyên sơ.

➤ *Khu DLST Đồng Sen (Tháp Mười)*

“Tháp Mười đẹp nhất bông sen

Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ”

Như chúng ta đã biết, hoa sen Đồng Tháp tưởng không còn lạ gì với du khách, nhưng để ngắm sen hồng cho thỏa thích thì cũng không phải dễ. Đáp ứng nhu cầu thưởng thức hoa sen của du khách. Khu du lịch mang tên “Đồng Sen” đã được thành lập. Có thể nói, đây là một điểm nhấn rất riêng và cũng là cách xây dựng loại hình DLST đặc trưng của Đồng Tháp.

Khu du lịch Đồng Sen – Tháp Mười là một quần thể Sen với diện tích rộng vài chục héct ta. Địa điểm này cách khu di tích Gò Tháp gần 1km. Nằm trên địa bàn xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười. Đến với khu du lịch Đồng Sen, du khách sẽ được đắm mình với tự nhiên của đồng sen bạt ngàn, bao la trong không khí yên bình. Một trong những điểm đặc sắc khi tạo ra điểm du lịch này chính là việc biết tận dụng những điều kiện lợi thế tự nhiên sẵn có của tỉnh để phát triển du lịch.

Hình ảnh thuần khiết của hoa sen ở vùng đất Tháp Mười từ lâu đã được biết đến nhiều qua ca dao, tục ngữ nhưng lại ít được du khách tận mắt nhìn thấy. Chính việc hình thành khu du lịch như thế này sẽ là điều kiện thuận lợi để du khách có thể hiểu hơn về hoa sen Tháp Mười từ cái nhìn thực tế. Đồng thời cũng quảng bá được hình ảnh của quê hương Đồng Tháp.

2.1.2. Sản phẩm du lịch văn hóa

➤ Khu di tích lịch sử văn hóa Gò Tháp

Khu di tích Gò Tháp thuộc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Quần thể di tích Gò Tháp gồm có 5 di tích tiêu biểu, tính từ con lộ Mỹ Hòa đi vào: Gò Tháp Mười, tháp Cổ Tự, mộ và đền thờ cụ Đốc Bình Kiều, gò Minh Sư, miếu Bà Chúa Xứ.

Hàng năm có hai kỳ lễ hội truyền thống dân gian vào rằm tháng 3 âm lịch: vía Bà Chúa Xứ và rằm tháng 11 âm lịch để tưởng niệm hai vị anh hùng dân tộc Thiên Hộ Dương và Đốc Bình Kiều.

➤ Đền thờ ông bà Đỗ Công Tường

Nằm cạnh Trung tâm chợ Cao Lãnh, thành phố Cao Lãnh, nhằm ghi nhớ công ơn và tấm lòng nghĩa hiệp, bác ái, nhân từ của ông bà nhân dân lập đền thờ (năm 1820) ngay tại ngôi mộ ông bà để thờ phượng, lấy ngày mùng 9 và mùng 10 tháng 6 (âm lịch) làm ngày giỗ.

➤ Khu di tích lịch sử cách mạng Xẻo Quýt

Đồng Tháp có khá nhiều di tích lịch sử tuy nhiên Xẻo Quýt là một trong những điểm du lịch về nguồn độc đáo, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách. Khu căn cứ Xẻo Quýt rộng khoảng 50ha, trong đó có 20ha rừng tràm nguyên sinh, thuộc 2 xã Mỹ Hiệp và Mỹ Long. Với môi trường thiên nhiên tuyệt đẹp, gió mát trong lành nằm giữa vùng đất trũng với nhiều loại cây như tràm, gáo, sậy, trâm bầu, sen, súng,... Khi xưa, nơi này hoang vu cỏ dại, kênh rạch chằng chịt, lau sậy mịt mù nên từ năm 1960-1975 đã được Tỉnh ủy Kiến Phong (nay là Đồng Tháp) chọn làm căn cứ chiến lược để lãnh đạo nhân dân kháng chiến.

Đặt chân đến Xẻo Quýt, du khách sẽ thấy những đoạn đường còn giữ nguyên trạng “chiến khu xưa”, được các nữ du kích trong trang phục áo bà ba đen khăn rằn quần cổ, đội nón tai bèo, bơi chiếc xuồng ba lá nhỏ đưa du khách len lỏi giữa rừng tràm, thưởng thức cảnh vật hoang sơ, lắng nghe những tiếng chim hót véo von. Không dừng lại ở đó, chắc hẳn du khách sẽ bị sức hút của những cây tràm có tuổi thọ gần 50, sừng sững vươn cao và còn được tận mắt tham quan những di tích như: Hội trường tỉnh ủy, công sự chiến đấu, hầm bí mật, hầm tránh bom được bảo tồn nguyên vẹn. Tất cả như dẫn dắt du khách về với chiến trường xưa.

➤ Khu di tích Lăng mộ cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc

Khu di tích mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc có diện tích 15.000m², khu di tích là một quần thể kiến trúc văn hoá độc đáo, được Bộ Văn hoá xếp hạng di tích cấp quốc gia ngày 9 tháng 4 năm 1992.

UBND tỉnh Đồng Tháp đã quyết định nâng ngày giỗ Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc lên thành lễ hội cấp tỉnh, tổ chức nhiều hoạt động văn hóa tâm linh ý nghĩa nhằm giáo dục thế hệ con cháu hôm nay luôn trân trọng đạo lý và truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”.

2.1.3. Các sản phẩm đặc thù khác ở Đồng Tháp

2.1.3.1. Các làng nghề truyền thống

Trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử, với sức người cần lao giữ gìn, xây dựng, những lớp cha ông của các thời đại trước đã mở đường, khai hoang lập nghiệp đã để lại cho con cháu Đồng Tháp hôm nay những ruộng lúa, vườn cây, làng quê trù phú, di tích văn hóa – lịch sử... và cả những làng nghề truyền thống với nhiều nét đặc trưng của vùng đồng bằng châu thổ Nam Bộ, nói đến làng nghề truyền thống chúng ta phải nói đến các làng nghề tiêu biểu như: nghề làm bánh phồng tôm Sa Giang, nghề trồng hoa kiểng ở Tân Quy Đông, nghề làm nem ở Lai Vung, nghề làm chiếu ở Định Yên...

2.1.3.2. Sản phẩm từ ẩm thực Đồng Tháp

Do đặc điểm địa hình và sinh hoạt kinh tế, văn hóa với nguồn lương thực – thực phẩm chính là lúa, cá và rau quả kể cả các loại rau đồng, rau rừng. Sự phong phú, dư dật ấy mà trải suốt quá trình khai hoang dựng nghiệp, món ăn, thức uống hàng ngày của người dân Đồng Tháp dù trong hoàn cảnh nào, thiếu thốn đạm bạc hay đầy đủ, họ không thể không khám phá và sáng

tạo nhiều phương thức nuôi trồng, đánh bắt để chế biến vô số miếng ngon một cách có bầy bản từ những đặc sản địa phương như canh chua cá linh bông điên điên, bông súng mắm kho, cá lóc nướng trui, cá rô kho tộ, chuột đồng, cơm gói lá sen,... Ngoài các món ăn đặc sản gắn liền với vùng quê thanh bình mà thắm đượm tình người trên thì Đồng Tháp còn có nhiều loại trái cây miệt vườn đã trở thành thương hiệu nổi tiếng như: xoài Cao Lãnh, nhãn Châu Thành, quýt hồng Lai Vung, bưởi Phong Hòa... với những hương vị đặc trưng khác nhau khiến du khách không thể quên được khi đã đặt chân đến nơi đây.

2.2. Thực trạng khai thác sản phẩm du lịch tại Đồng Tháp

Tỉnh Đồng Tháp đã sớm phát hiện tài nguyên du lịch trong tình phong phú, đa dạng, đặc biệt là tài nguyên du lịch sinh thái hấp dẫn và du lịch nhân văn khá độc đáo. Tuy nhiên, du lịch của Tỉnh phát triển vẫn còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, hiệu quả hoạt động kinh doanh du lịch còn thấp, sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chất lượng dịch vụ chưa cao... đây cũng chính là bước khởi đầu trong việc phát triển du lịch của tỉnh.

Sớm thấy được hiệu quả mà du lịch đem lại cho tỉnh nhà, mang lại thu nhập ngày một cao cho xã hội, hoạt động du lịch thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế và các tầng lớp nhân dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động, tạo ra khả năng tiêu thụ hàng hóa tại chỗ, thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, khôi phục các lễ hội và làng nghề thủ công truyền thống, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, mở rộng giao lưu văn hóa giữa các vùng, miền trong nước và ngoài nước.

Xác định tài nguyên du lịch sẽ xây dựng trong những năm sắp tới gồm: tài nguyên du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, lễ hội, du lịch sông nước miệt vườn, làng nghề, du lịch nghỉ dưỡng và du lịch MICE.... Tỉnh còn đề ra một số giải pháp nhằm khai thác các nguồn tài nguyên để phục vụ cho phát triển du lịch.

Như vậy, trong kế hoạch phát triển du lịch ở tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 đã xác định nguồn tài nguyên để phát triển du lịch, không chỉ có nguồn tài nguyên thiên nhiên mà còn nhận thấy được tầm quan trọng của tài nguyên du lịch văn hóa, lễ hội trong việc phát triển du lịch tỉnh nhà, góp phần trong việc bảo tồn và phát huy lễ hội dân gian trong thời đại hiện nay, đồng thời cũng quảng bá được hình ảnh con người của vùng đất Đồng Tháp thông qua các lễ hội dân gian.

2.3. Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp theo mô hình SWOT

2.3.1. Điểm mạnh

Đồng Tháp đã tham dự Hội chợ Du lịch Quốc tế - VITM (Vietnam International Travel Mart) Hà Nội 2013 (03/05/2013). Với khẩu hiệu “Đồng Tháp thuần khiết như hồn sen”, tham dự hội chợ lần này, gian hàng Đồng Tháp ngoài những biểu tượng lúa, sen, sếu đầu đỏ đặc trưng cho thế mạnh du lịch vùng sông nước còn được trưng bày các hình ảnh về văn hóa, di tích lịch sử gắn với sinh hoạt đời sống người dân địa phương.

Có nguồn tài nguyên du lịch phong phú, đặc biệt là tài nguyên DLST, có nhiều động vật quý hiếm và cảnh quan tự nhiên.

Nền ẩm thực phong phú đậm chất ẩm thực miền sông nước.

Hệ thống giao thông của tỉnh tương đối thuận lợi, là cầu nối giao thông với các tỉnh lân cận tạo sự liên kết với các tỉnh bạn.

Hạ tầng du lịch của tỉnh được đầu tư có trọng điểm, các khu du lịch được hình thành và phát triển.

Đồng Tháp có nhiều địa điểm du lịch tiềm năng, bước đầu được quan tâm đầu tư như: Vườn Quốc gia Tràm Chim, Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng,... Lượng khách du lịch đến Đồng Tháp và doanh thu dịch vụ du lịch năm sau cao hơn năm trước.

2.3.2. Điểm yếu

Mặc dù tiềm năng du lịch nhân văn rất lớn nhưng chúng ta chỉ giữ được khách ở lại trong khoảng thời gian ngắn.

Vẫn còn tồn tại hiện tượng tiêu cực như chèo kéo khách, ăn xin.

Nguồn nhân lực phục vụ du lịch còn thiếu. Đa số nhân viên và hướng dẫn viên của các điểm DLST chưa qua đào tạo chuyên về du lịch.

Hoạt động quảng bá, truyền thông còn yếu, tour tuyến còn đơn giản.

2.3.3. Cơ hội

Đồng Tháp có nhiều cơ hội phát triển du lịch nhân văn vì ở đây có 12 di tích được công nhận là cấp quốc gia và 49 di tích cấp tỉnh. Đây là cơ hội rất lớn để ngành du lịch Đồng Tháp khai thác tiềm năng du lịch tinh nhà và đặc biệt là du lịch nhân văn.

Nhu cầu du lịch nội địa đang phát triển và tăng lên.

Các tour du lịch về với đồng bằng sông Cửu Long ngày một phong phú, đa dạng.

Chính quyền địa phương của tỉnh quan tâm đến sự phát triển của ngành du lịch.

2.3.4. Thách thức

Môi trường sinh thái của loại hình DLST dễ bị phá vỡ.

Với hệ thống rừng tràm nhiều nên dễ xảy ra nguy cơ cháy rừng.

Công tác xúc tiến đầu tư quảng bá cho du lịch còn yếu, các điểm du lịch nhân văn Đồng Tháp chưa được du khách biết đến.

2.4. Đề xuất các giải pháp phát triển sản phẩm du lịch Đồng Tháp

2.4.1. Giải pháp về đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch tỉnh Đồng Tháp

Dựa vào tiềm năng tài nguyên DLST về thiên nhiên, xã hội – nhân văn, sản xuất đặc thù của tỉnh Đồng Tháp, giải pháp về đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch như chú trọng đầu tư, khắc phục những hạn chế về tính trùng lặp của tài nguyên du lịch để mở rộng quy mô và nâng cao tính hấp dẫn của các loại hình du lịch hiện đang khai thác ở địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Đó là các loại hình: dã ngoại, tham quan miệt vườn, tham quan vườn chim, tham quan nghiên cứu rừng nguyên sinh, săn bắn, câu cá. Hình thành các loại hình du lịch mới và đầu tư mở rộng các loại hình du lịch đã có nhưng chưa phát huy được hiệu quả: du lịch mạo hiểm, du lịch bảo vệ môi trường, du lịch học tập nghệ thuật ở các làng nghề.

Đa dạng hóa sản phẩm du lịch theo các đối tượng du khách như du lịch phục vụ người cao tuổi (điểm du lịch có khí hậu trong lành, kết hợp chăm sóc sức khỏe), du lịch kết hợp giao lưu, du lịch gắn với hội nghị.

Ngoài các sản phẩm hiện đang khai thác, cần tạo thêm nhiều sản phẩm du lịch khác như sản phẩm dành cho những nhà nghiên cứu khoa học nghiên cứu về các hệ sinh thái đặc thù, sản phẩm dành cho việc nghiên cứu học tập cho học sinh – sinh viên, sản phẩm dành cho các du khách nghỉ cuối tuần.

2.4.2. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- *Về đào tạo:* Cần có chính sách kết hợp đào tạo giữ các trường đại học, cao đẳng, trung cấp với các công ty du lịch trong và ngoài tỉnh. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích đào tạo đội ngũ nhân lực phục vụ cho du lịch ngày càng chuyên môn, góp phần giải quyết nạn thiếu nguồn nhân lực chuyên môn và giải quyết tình trạng sinh viên chuyên ngành ra trường mà lại không có việc làm, giảm bớt gánh nặng thất nghiệp cho xã hội.

- *Về phát triển nguồn nhân lực:* Nguồn nhân lực sau khi qua đào tạo sẽ tiếp tục được phát triển về mặt chuyên môn, cần phát triển nguồn nhân lực theo hướng lấy chất lượng chứ không phải về số lượng.

2.4.3. Giải pháp về vốn đầu tư và phát triển du lịch

Cần có chính sách khuyến khích mạnh mẽ nhằm thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch của tỉnh. Ngoài các chính sách khuyến khích đầu tư theo các văn bản hiện hành của nhà nước áp dụng chung trong khuôn khổ pháp lý như luật khuyến khích đầu tư trong nước, luật khuyến khích đầu tư nước ngoài.

Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư trực tiếp (FDI), đầu tư vào lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh. Kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ chính thức (ODA), tiêu biểu là hai nhà tài trợ đầu tư lớn là ngân hàng phát triển thế giới (WB) và ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), đầu tư vào cơ sở hạ tầng, trục giao thông, hệ thống điện.

Sử dụng quỹ đất cho phát triển cơ sở hạ tầng, quy hoạch quỹ đất phát triển du lịch, sử dụng một phần vốn “kích thích” từ ngân sách để thu hút các nhà đầu tư. Phát hành trái phiếu công phiếu nhằm huy động nguồn lực để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, quảng bá và xúc tiến du lịch, cho vay kinh doanh để đầu tư cơ sở kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn và có lãi.

2.4.4. Giải pháp cho tiếp thị quảng cáo

Việc đẩy mạnh quảng bá thương hiệu, hình ảnh du lịch là yếu tố quan trọng để thu hút lượng du khách tìm về. Vì vậy tỉnh cần đẩy mạnh quảng bá và xúc tiến du lịch với các nội dung cụ thể sau:

- Nâng cao nhận thức về phát triển du lịch
- Tổ chức thực hiện quảng bá rộng rãi hình ảnh tỉnh Đồng Tháp bằng cách kết hợp quảng bá hình ảnh trên kênh truyền thông như Báo Đồng Tháp, Đài Phát thanh – Truyền hình Đồng Tháp, Cổng Thông tin điện tử, đặc biệt là trên các trang web du lịch, hội chợ xúc tiến du lịch, các ấn phẩm, sách, tạp chí hướng dẫn du lịch ở trong và ngoài nước và quảng bá trên các trang mạng xã hội,...
- Đẩy mạnh hoạt động marketing vào việc quảng bá cho du lịch tham quan, nghiên cứu các di tích lịch sử, văn hóa, làng nghề,... tạo đà thuận lợi cho phát triển du lịch.

2.4.5. Giải pháp về giữ gìn và bảo tồn đối với các sản phẩm du lịch văn hóa

Nâng cao nhận thức bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị của các di tích tín ngưỡng, tôn giáo. Khuyến khích và tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch như cung cấp dịch vụ ăn uống với các món ăn đặc sản địa phương; hướng dẫn du khách tham quan, tìm hiểu các di tích, lễ hội; sản xuất và cung ứng các mặt hàng lưu niệm đặc trưng của địa phương; cung cấp dịch vụ lưu trú tiện nghi, thoải mái và các hình thức vui chơi giải trí cho du khách...

Đầu tư trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc cổ, các công trình tín ngưỡng, tôn giáo gắn với phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Thời gian qua, nhiều di tích được trùng tu, tôn tạo từ việc huy động nguồn vốn đóng góp của nhân dân, như kinh phí xây dựng đền thờ Ông Bà Đỗ Công Tường do Ban quản lý di tích vận động trong cộng đồng nhân dân đóng góp và nguồn tiền do người dân hiến cúng. Do đó, cần huy động tối đa nguồn vốn xã hội hóa trong việc tôn tạo các di tích trong điều kiện ngân sách địa phương còn hạn chế.

2.4.6. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng

Nhìn chung, các con đường đến với các điểm, các khu DLST của tỉnh còn hoang sơ và rất khó đi lại, hẻo lánh. Do vậy, cần phải có sự đầu tư nhanh chóng nâng cấp đường sá khang trang, sạch sẽ, hệ thống các nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ cần trang bị đầy đủ tiện nghi, hiện đại để thu hút du khách trong và ngoài nước.

Các cấp lãnh đạo tỉnh cần ưu tiên xây dựng và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng và cần có những cơ sở vật chất, trang thiết bị tiện nghi, phục vụ khách tham quan nhằm tạo tính hấp dẫn, thu hút khách đặc biệt bằng những đặc thù của tỉnh Đồng Tháp.

3. Kết luận

Tiềm năng phát triển du lịch của Đồng Tháp là sẵn có, nếu được khai thác một cách hợp lý thì lợi ích mang lại sẽ rất lớn góp phần nâng cao mức sống cho người dân địa phương, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển du lịch một cách bền vững.

Xây dựng phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng của từng khu, điểm du lịch trọng điểm, đa dạng hóa sản phẩm và xây dựng thương hiệu du lịch. Trong đó, sẽ tập trung phát triển 3 loại hình du lịch đặc trưng: Du lịch sinh thái - tham quan - nghỉ dưỡng; du lịch sông nước - ngắm cảnh - canh nông - trải nghiệm; du lịch tham quan di tích văn hóa - lịch sử - tâm linh thiền học.

Nhằm khắc phục những tồn tại tiêu cực hiện có, một số giải pháp đưa ra để góp phần nâng cao hiệu quả trong việc khai thác tài nguyên du lịch của tỉnh hợp lý hơn để từ đó tạo nên những sản phẩm du lịch đặc thù của vùng đất Đồng Tháp mà không bị trùng lặp với một địa phương nào khác trong vùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Huy Bá (2006), *Du lịch sinh thái*, NXB Khoa học - kỹ thuật, Hà Nội.
- [2]. Bảo tàng Đồng Tháp (1997), *Đồng Tháp Di tích lịch sử - Danh lam thắng cảnh*, Sở Văn hóa – Thông tin.
- [3]. Phạm Trung Lương (2000), *Du lịch sinh thái, những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4]. Phạm Xuân Phú (2003), *Để phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*, Bộ môn Khoa học Đất – TNTN, Trường Đại học An Giang.

[5]. Bùi Thị Hải Yến (2009), *Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo dục Hà Nội.

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH SINH THÁI DỪA Ở TỈNH BẾN TRE

SV: Lê Thị Mỹ Duyên, Lớp: ĐHVNH15A

GVHD: ThS. Võ Nguyên Thông

Tóm tắt

Là một tỉnh nằm ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Bến Tre có điều kiện tự nhiên thuận lợi trong khai thác phát triển du lịch sinh thái nhất là du lịch sinh thái dừa loại cây chủ yếu của Tỉnh. Hiện nay, trong các loại hình du lịch của tỉnh, du lịch sinh thái miệt vườn là loại hình ưu thế (chiếm 64% các hình thức hoạt động du lịch), được du khách ưa chuộng nhờ đặc tính gần gũi với thiên nhiên và thân thiện với môi trường.

Với tiềm năng về sinh thái miệt vườn đặc biệt cây dừa bài viết trình bày những ưu thế và thực trạng phát triển du lịch sinh thái (DLST) dừa. Từ đó, đưa ra giải pháp và một số định hướng phát triển loại hình du lịch này để tương xứng với tiềm năng góp phần nâng cao vị thế ngành du lịch của Bến Tre.

Từ khóa: du lịch sinh thái dừa, định hướng phát triển, tỉnh Bến Tre

1. Đặt vấn đề

Với vị trí địa lý thuận lợi nằm ở hạ lưu sông Mekong, tiếp giáp với biển Đông, Bến Tre có mạng lưới sông ngòi chằng chịt, Tỉnh được 4 sông bao bọc là sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên, sông Ba Lai và sông Mỹ Tho, hợp thành ba dãy lao Cù Lao Minh, Cù Lao Bảo và Cù Lao An Hóa. Được thiên nhiên ưu đãi, khí hậu quanh năm thuận lợi, với khoảng 27% diện tích đất phù sa là điều kiện thuận lợi cho những vườn trái cây phát triển xum xuê, trĩu quả cùng những vườn dừa xanh mướt thu hút nhiều du khách.

Nhờ những lợi thế tự nhiên này, trong những năm qua, tỉnh Bến Tre đã và đang khai thác phát triển du lịch miệt vườn, tạo sức hút đối với khách du lịch trong và ngoài nước. Trong quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, tỉnh đã xác định ưu tiên tập trung đầu tư cho loại hình du lịch này. Bởi ngoài việc đáp ứng nhu cầu giải trí, khám phá thiên nhiên của du khách, đem lại lợi ích kinh tế, thì loại hình du lịch này còn góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của du khách và cộng đồng dân cư địa phương về bảo vệ môi trường thiên nhiên.

Cây dừa cùng nhân dân Bến Tre đánh giặc đã làm nên lịch sử phong trào Đồng Khởi, dừa đem lại kinh tế, công ăn việc làm cho người dân. Bến Tre được gọi với tên khác là quê hương xứ dừa vì có diện tích dừa lớn nhất nước, năm 2015 chiếm 71.125ha. Toàn bộ cây dừa từ thân đến ngọn, hầu hết mỗi bộ phận đều được sử dụng triệt để để chế biến thành các sản phẩm để phục vụ nhu cầu trong cuộc sống. Dừa được sử dụng trong ẩm thực, trong xây dựng nhà ở, trong thơ ca và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ độc đáo như đan những con cào cào, châu châu hay thắt một chiếc nón từ lá dừa, bộ ấm trà, chén, hộp tăm...

Với giá trị kinh tế rất lớn từ cây dừa bên cạnh giá trị văn hóa của vùng đất Bến Tre là điều kiện rất thuận lợi khai thác du lịch sinh thái dừa nhằm đa dạng sản phẩm du lịch góp phần thu hút du khách đến với Bến Tre.

2. Thực trạng khai thác phát triển sản phẩm du lịch sinh thái dừa ở tỉnh Bến Tre

2.1. Khu tham quan mua sắm

Với bộ óc sáng tạo, thẩm mỹ cùng đôi bàn tay khéo léo, tài hoa các nghệ nhân xứ dừa đã biến những thứ có giá trị thấp của cây dừa thành những sản phẩm có hồn, có giá trị mỹ thuật cao, đặc sắc với hàng trăm mẫu mã phong phú, độc đáo. Bến Tre hiện có đến hàng chục cơ sở làm thủ công mỹ nghệ dừa có quy mô lớn, sản phẩm của các cơ sở này cung ứng cho thị trường trong và ngoài nước như Malaysia, Philippines, Hàn Quốc... hiện nay, các sản phẩm mỹ nghệ dừa đã được các nghệ nhân sáng tạo nên gần 500 sản phẩm đa dạng.

Gỗ từ thân dừa được sử dụng tạo ra như túi xách, ví, đĩa, muống... các con vật trong đời sống hàng ngày như gà, heo... cọng dừa ngoài để bó chổi, qua đôi bàn tay khéo léo của thợ

thủ công được đan thành những lồng hoa, giỏ quà, chà dừa có thể biến thành những chiếc lồng đèn với kiểu dáng đa dạng, gáo dừa được mài nhẵn thành chén, xơ dừa được chế biến thành thảm được sử dụng trong các khách sạn lớn có tác dụng chống trơn trượt và được khuyến dùng thay cho thảm nhung, thảm lông cừu. Gỗ dừa làm sản phẩm mỹ nghệ phải có tuổi thọ cao vì gỗ lâu năm mới có vân đẹp và bền chắc. Tùy theo sản phẩm đơn giản hay phức tạp mà các khâu thực hiện sẽ khác nhau. Nghề thủ công mỹ nghệ từ dừa đã góp phần quan trọng trong việc phát triển du lịch ở Bến Tre.

Ngoài các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, các loại kẹo mứt đặc biệt là kẹo dừa, bánh tráng, rượu dừa cũng là những món quà thơm thảo, thân tình có thể mua về tặng người thân, bạn bè.

“Bến tre nước ngọt sông dài

Nơi chợ Mỏ Cà có kẹo nổi danh”

Kẹo dừa - đặc sản danh tiếng của Bến Tre mấy chục năm qua luôn đứng vững trên thị trường trong và ngoài nước. Kẹo dừa có nhiều loại khác nhau như kẹo dừa đậu phộng sâu riêng, kẹo dẻo nước cốt dừa, kẹo dừa lá dừa, kẹo dừa cacao... với các thương hiệu nổi tiếng như kẹo dừa Thanh Long, kẹo dừa Tuyết Phụng, kẹo dừa Bà Hai Tô - năm 1998 bà đã sang Trung Quốc kiện hãng kẹo dừa bên đó làm nhái kẹo Bến Tre và bà đã thắng kiện,... Buổi chiều tối gia đình cùng quây quần trò chuyện nhâm nhi tách trà nóng cùng một viên kẹo ngọt thì còn gì bằng, những người con đi xa chỉ cần thưởng thức một viên kẹo ngọt ngọt, beo béo, mùi nước cốt dừa hòa quyện với nhau thì cũng đủ làm nhớ quê hương da diết.

2.2. Khu lưu trú

Homestay là loại hình du lịch dựa vào cộng đồng, tức lưu trú tại nhà dân, địa phương nơi khách đến, giúp nơi đó quảng bá văn hóa, con người và cảnh đẹp một cách chân thật nhất. Loại hình du lịch homestay ở Bến Tre những năm gần đây khá phát triển, nếu như ở khách sạn dừa Coconut Hotel ở Ben Tre Riverside Resort khá đắt đỏ thì du khách có thể đến homestay dừa vừa chi phí phải chăng, vừa gần gũi, hòa mình với thiên nhiên, vừa trải nghiệm cuộc sống cùng những người dân xứ dừa nói riêng và người dân miền Tây nói chung hiền lành, chân chất, cởi mở, hiếu khách và hào sảng.

Nếu muốn tránh những ồn ào, xô bồ chốn thị thành thì “homestay dừa” ở Bến Tre là một lựa chọn khá tuyệt vời. Những ngôi nhà nhỏ xinh xắn bên cạnh những vườn dừa rộng lớn, bình yên tạo cho du khách cảm giác gần gũi, bình dị nơi miền Tây sông nước, ví dụ như Homestay Coconut ở huyện Mỏ Cà Bắc, tỉnh Bến Tre.

Gọi “homestay dừa” không chỉ vì ở đây là xứ dừa mà còn là các vật bên trong homestay tất cả hầu hết từ các bộ phận của cây dừa chế biến thành. Các ngôi nhà được làm hoàn toàn từ dừa tạo cho du khách cảm giác ấm áp, gần gũi vì homestay được thiết kế theo lối xưa. Gian nhà gồm phòng khách và bên trong là phòng ngủ. Phòng khách gồm bộ bàn ghế, bộ bình tách dùng nước. Khu nhà vệ sinh chung được thiết kế xây dựng sạch sẽ, khô thoáng nhằm tạo cảm giác thoải mái, dễ chịu cho du khách người Việt và nước ngoài.

Khi đến với homestay du khách sẽ được mặc bộ quần áo bà ba nâu và quần chiếc khăn rằn của người nông dân xưa, sau đó sẽ đến với vườn nông sản hữu cơ để bắt đầu trải nghiệm. Tại đây chia làm hai khu vực là khu trồng trọt và khu thu hoạch, ở đây khách sẽ được trồng và thu hoạch các loại rau quả thường được dùng trong bữa ăn hàng ngày như cải, rau muống, bí, mướp... Khu trồng trọt du khách sẽ được hướng dẫn cách xới đất, trộn mụn dừa cùng các loại phân rồi gieo hạt tưới nước, xong quy trình này du khách sẽ được qua khu thu hoạch tự hái những loại rau quả mà khách muốn dùng trong bữa ăn cuối ngày, như vậy khách vừa được trải nghiệm vừa được thưởng thức rau sạch từ khu vườn trong homestay.

2.3. Khu ăn uống

Các món ăn ở đây rất đa dạng và phong phú như bánh xèo hến tép thịt, gỏi củ hủ dừa, tôm sông luộc nước dừa, gà thả vườn quay/nướng, cá tai tượng chiên xù,... mang nét đặc trưng của miền Tây nói chung và Bến Tre nói riêng. Nói về dừa ở Bến Tre thì có một món đặc sản đối với những người sành ăn đó là món đuông dừa nhúng nước mắm, vị béo ngậy của đuông cùng vị mặn của nước mắm làm cho món ăn thêm đậm đà hơn, hay đuông dừa chiên bơ cũng không làm thực khách thất vọng. Đến đây ít nhiều gì du khách cũng nên thưởng thức một vài

chung rượu dừa, rượu dừa có hai loại loại được đóng trong chai thủy tinh và loại được chứa hoàn toàn trong trái dừa, nếu ai đã từng nếm rượu dừa thì chắc sẽ say, say tình, say người, say mảnh đất xứ dừa vừa hiền hòa, vừa kiên cường từng chịu qua bao bom đạn của kẻ thù. Nước giải khát từ dừa hiện nay có nước dừa tươi, dừa đóng hộp Vietcoco, sữa dừa Cocoxim, đặc biệt cuối năm 2017 trên thị trường có thêm một loại sản phẩm nữa, chính sản phẩm này đã giúp giá trị của quả dừa tươi thường ngày tăng lên gấp ba lần và hiện tại đã có mặt ở nhiều tỉnh thành của Việt Nam đó là sản phẩm dừa nướng ba đốt. Nước dừa thường ngày đã thơm ngon ngọt, bây giờ đem nướng hương vị đặc biệt hơn nhiều, sản phẩm này khá thuận lợi, chỉ cần mở nắp, thưởng thức nước và dùng cơm dừa một cách dễ dàng.

Dừa đem nướng phải được chọn lựa kỹ, không quá non, cũng không quá già, độ dày vỏ vừa phải, khi nướng lên vỏ dừa không bị nứt. Đầu tiên, dừa nguyên trái được đem vào lò nướng với nhiệt độ 100°C, thời gian nướng tầm khoảng 30 phút. Kế đến, người thợ gọt bỏ lớp vỏ ngoài, gọt đều lớp vỏ trông sao cho đẹp mắt. Sau đó, quả dừa thành phẩm được đem đi khắc logo thương hiệu bằng băng máy khắc tia laser chuyên dụng. Cuối cùng, sản phẩm được hút chân không để kéo dài thời gian bảo quản. Không cần đũa gọt như dừa tươi, trái dừa nướng chỉ cần bật nắp là có thể uống, vị thơm, ngọt đậm. Phần cơm dừa thì tróc hoàn toàn khỏi gáo, lột ra dễ dàng, vị dẻo ngọt.

2.4. Khu vui chơi, giải trí

Sau khi đã dùng bữa với những món ăn miền Tây, đã nạp đầy năng lượng từ các đặc sản của xứ dừa thì bắt đầu vui chơi, trải nghiệm cùng nhau các trò chơi có tại đây. Các trò chơi dân gian như kéo co, múa sạp, đánh đu, cò chệp, nhảy dây... đến đây giúp du khách ôn lại tuổi thơ của mình, cùng bạn bè vui chơi, giải trí sau khoảng thời gian làm việc mệt nhọc, tăng thêm tinh đoàn kết, tinh thần đồng đội, tạo sự linh hoạt, nhạy bén trong mỗi trò chơi. Tát mương bắt cá cũng là một trò chơi rất thú vị, những con mương len lỏi trong từng rặng dừa, với không gian mát mẻ của những lá dừa rợp bóng, cùng bạn bè xuống mương tát nước rồi bắt bắt từng con cá, con tép... sau đó đem chiên lợi phẩm về tự làm bữa cơm chiều tại homestay thì thật tuyệt.

3. Những giải pháp phát triển sản phẩm du lịch sinh thái dừa ở tỉnh Bến Tre

Đề thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến với Bến Tre, Tỉnh cần đa dạng hóa các loại hình du lịch kết hợp. Chú trọng phát triển du lịch sinh thái gắn với cảnh quan, sông nước, vườn dừa, vườn cây ăn trái và hoa kiểng nhưng đi đôi với bảo vệ môi trường bền vững và đặc biệt là du lịch sinh thái dừa loại cây chủ lực của địa phương.

Nhạy bén, linh hoạt, tạo ra tính đa dạng cho việc phát triển thêm các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ dừa, nhằm góp phần cho ra đời các sản phẩm vừa thể hiện tính sáng tạo của con người Bến Tre, vừa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường, vừa tạo được tính đặc thù cho sản phẩm ở địa phương.

Liên kết với các cơ sở kinh doanh, quảng cáo, quảng bá trên các trang mạng thông tin điện tử nhằm tạo đầu ra rộng rãi, ổn định cho các sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

Kết hợp các loại thực phẩm hiện có tại địa phương để tạo nên những món ăn mới, lạ miệng nhằm kích thích vị giác, tạo hương vị khó quên trong lòng thực khách mỗi khi đến "quê hương Đồng Khởi".

Chú trọng hỗ trợ - đầu tư - tư vấn cho cộng đồng nông thôn trong khai thác phát triển du lịch sinh thái dừa gắn với homestay. Mở các lớp tập huấn, giáo dục, tuyên truyền, phổ biến đến người dân tầm quan trọng của du lịch đối với địa phương, cách thức làm du lịch homestay nhằm góp phần cải thiện kinh tế quê hương, phát triển hình ảnh Bến Tre đến khách tham quan trong khu vực và cả nước, xa hơn nữa là nước ngoài.

Phát huy các lợi thế so sánh của địa phương để đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch sinh thái "xứ dừa", cũng nhằm nâng cao vị thế của địa phương du lịch sinh thái miệt vườn nổi trội với thương hiệu du lịch sinh thái dừa đặc trưng, từng bước khẳng định giá trị và thế mạnh của du lịch Bến Tre trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Tổ chức các tour tham quan làng nghề, du khách vừa có thể quan sát quy trình chế biến sản phẩm, vừa có thể tham gia vào quy trình, vừa thưởng thức được sản phẩm tại chỗ, vừa có

thể mua đem về sản phẩm ngon tại lò như khu chế biến kẹo dừa ở Cồn Phụng, làng nghề bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc ở Giồng Trôm,...

Phát triển du lịch sinh thái dừa gắn với các giá trị văn hóa, lễ hội truyền thống, bảo vệ và phát huy truyền thống bản sắc địa phương trong quảng bá thu hút khách du lịch.

Tổ chức thêm nhiều trò chơi gắn liền với sông nước một cách an toàn nhằm giúp du khách vừa được xả stress, vừa được hòa mình với thiên nhiên như đua ghe, bắt vịt trên sông,...

Bổ sung thêm các trò chơi dân gian tạo cảm giác quay về tuổi thơ, gắn với miền quê dân dã, đôn hậu, hiền hòa như múa sạp, xích đu, ô ăn quan,...

Duy trì và mở rộng phát huy lợi thế của khu chợ nổi dừa ở chợ Thom, Mỏ Cày Nam, đến đây du khách được ngắm nhìn các loại ghe xuồng mua bán trao đổi dừa, hai bên bờ sông là các bãi dừa người dân đang lột dừa, cạo com dừa để vận chuyển sản xuất thành các sản phẩm từ dừa.

Xây dựng lịch trình trải nghiệm nông nghiệp phù hợp với thời điểm mùa vụ trong năm. Chuẩn bị nông cụ, trang phục cần thiết cho thao tác nông nghiệp, trải nghiệm thu hoạch chế biến các sản phẩm từ dừa để thu hút du khách.

Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức và kinh nghiệm trong việc hướng dẫn tham quan, du lịch sinh thái dừa từ các kỹ năng cụ thể hoạt động hướng dẫn du lịch, giao tiếp, ngoại ngữ, chế biến phục vụ cho du khách.

Gắn mô hình đổi mới tổ chức quản lý với yêu cầu đảm bảo tính hiệu quả, đồng bộ, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ trong nhiệm vụ chung bảo vệ tài nguyên và môi trường phát triển bền vững.

Đẩy mạnh các hoạt động kết nối liên vùng trong du lịch với các địa các ngành kinh tế khác, tạo điều kiện để các ngành kinh tế khác phát triển. Tăng cường liên kết vùng trong du lịch với các địa phương, đặc biệt là các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Tp HCM để tạo dựng hệ thống sản phẩm đa dạng, loại hình du lịch phù hợp với thế mạnh, nhằm thu hút mạnh mẽ lượng du khách quốc tế và nội địa.

Kết luận

Loại hình du lịch sinh thái gắn với cộng đồng những năm gần đây được ưu tiên phát triển mạnh, và được khách du lịch đến tham quan trải nghiệm khá nhiều. Giữa năm 2018, ở chợ Thom, Mỏ Cày Nam mới hình thành nên khu chợ nổi dừa, đến đây du khách được ngắm nhìn các loại ghe xuồng mua bán trao đổi dừa, hai bên bờ sông là các bãi dừa người dân đang lột dừa, cạo com dừa để vận chuyển sản xuất thành các sản phẩm.

Nếu kết hợp giữa khu du lịch sinh thái dừa cùng với chợ nổi dừa sẽ cho du khách chuyến tham quan rất tuyệt vời, rất dừa, rất Bến Tre. Du lịch sinh thái dừa vừa góp phần phát triển kinh tế địa phương, vừa góp phần quảng bá du lịch Bến Tre đến các tỉnh trong vùng và cả nước. tuy nhiên, muốn phát triển bền vững thì cần phải đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra sản phẩm đặc thù và tránh sự trùng lặp với các sản phẩm khác trong vùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Hòa (2000), *Môi trường và phát triển bền vững*, Nxb Giáo dục.
2. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái*, Nxb Giáo dục.
3. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre (2013), *Số liệu thống kê về doanh thu, lượt khách du lịch đến Bến Tre giai đoạn 2010 đến 2012*.
4. Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch Bến Tre (2014), *Sức hút từ du lịch sinh thái Bến Tre*.
5. Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (2014), *Đề án điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020*.
6. https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%BFn_Tre
7. <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/14883>
8. <https://kenhhomestay.com/cocohut-homestay-ben-tre/>
9. <http://tinnhanhbentre.net/2018/04/02/dua-nuong-ba-dot/>
10. https://vi.wikipedia.org/wiki/K%E1%BA%B9o_d%E1%BB%ABa

Một số hình ảnh du lịch sinh thái dừa ở Bến Tre



Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ được làm từ dừa



Homestay dừa



Tát mương bắt cá



Chợ nổi dừa trên dòng sông Thơm

NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI LÀNG HOA SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

SV thực hiện: Nguyễn Văn Tuấn, lớp ĐHVNH15A

GVHD: ThS. Lê Thị Thanh Yến

Tóm tắt

Sa Đéc là một trong ba vùng phát triển lớn mạnh về hoa kiểng ở khu vực ĐBSCL nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Việc phát triển hoạt động du lịch tại Làng hoa Sa Đéc nhận được sự quan tâm rất lớn của chính quyền các cấp, các ngành chuyên môn cùng với tâm huyết và kinh nghiệm của các nghệ nhân. Xác định mục tiêu lâu dài cho sự phát triển của làng hoa, Đồng Tháp đang nghiên cứu phát triển làng hoa kiểng kết hợp với tham quan du lịch nhằm khai thác và phát huy lợi thế sẵn có làng hoa này. Trong phạm vi trình bày, bài viết nêu lên thực trạng và đề xuất một số giải pháp cho việc phát triển hoạt động du lịch tại làng hoa Sa Đéc.

Từ khóa: làng hoa Sa Đéc, du lịch làng hoa Sa Đéc.

1. Đặt vấn đề

Sa Đéc là một trong những trung tâm kinh tế, tài chính, giáo dục và văn hóa của Đồng Tháp. Trải qua gần trăm năm hình thành và phát triển, Sa Đéc đã từng bước khẳng định là trung tâm kinh tế và đầu mối giao lưu buôn bán ở khu vực ĐBSCL. Đến với Sa Đéc chúng ta có thể tham quan những nơi khá thú vị như nhà cổ Huỳnh Thủy Lê, Công viên Sa Đéc, chùa Kiến An Cung, chùa Kim Huệ, cánh đồng sen ngoại ô Sa Đéc. Tại Thành phố Sa Đéc, quý du khách có thể thưởng thức ẩm thực như lẩu cua đồng, hủ tiếu Sa Đéc, cá cuộn lá sen nướng, chuột đồng nướng sả ớt, ốc bươu hấp sả,... Ngoài ra, Sa Đéc còn vang danh với nhiều làng nghề truyền thống nổi tiếng. Mà gây ấn tượng với du khách gần xa hơn cả chính là làng hoa kiểng Tân Quy Đông hay còn gọi là Làng hoa Sa Đéc.

Làng hoa Sa Đéc là làng hoa lớn nhất ở ĐBSCL với vẻ đẹp tự nhiên của ngàn hoa muôn màu muôn sắc vì vậy cảnh nơi đây đã làm say đắm biết bao trái tim du khách. Làng hoa đã hình thành trên trăm năm, mặc dù đã trải qua nhiều thăng trầm nhưng vẫn tồn tại và phát triển cho đến hôm nay. Tuy mang bên mình nhiều tiềm năng để phục vụ tốt cho du lịch nhưng thực tế hoạt động du lịch tại làng hoa lại không có gì nổi bật. Chỉ trong mấy năm gần đây, làng hoa Sa Đéc mới chú ý đến lợi ích của việc kết hợp phát triển kinh tế với tham quan du lịch, tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập xảy ra. Do vậy, việc nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm phát triển hoạt động du lịch tại làng hoa Sa Đéc đang trở thành nhiệm vụ quan trọng của địa phương và khu vực trong việc khai thác các giá trị của làng hoa vào phục vụ hoạt động du lịch trong thời gian tới.

2. Nội dung

2.1. Lịch sử một làng hoa

Nằm cách trung tâm thành phố Sa Đéc 3km về phía Bắc, với diện tích 340 ha, làng hoa kiểng Tân Quy Đông – thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp đã nổi tiếng từ rất lâu đời, được mệnh danh là “Trung tâm hoa kiểng miền Nam”. Lịch sử địa phương đã khẳng định, nghề hoa kiểng bắt đầu hình thành vào những năm khai hoang phục hoá vùng đất này. Ban đầu, trong lúc đi làm đồng, người dân phát hiện ra những gốc cây, cây kiểng có dáng đứng đẹp và đem về nhà trồng trước sân để tạo dáng cắt tỉa, khi ấy hoa kiểng chưa thành hàng hoá mà chỉ là thú chơi tao nhã. Dần dần những người xung quanh ở gần đến thường ngoạn thấy thích hỏi mua, chia lại, coi như trả thù lao cho người tìm được cây đẹp. Sau đó, hoa cũng xuất hiện vì trong sân có cây kiểng với dáng, thế và lá xanh mà thôi nên cần có thêm màu sắc cho thêm phần tươi tắn. Ban đầu, hoa cũng trồng để chơi, để thưởng ngoạn, để cúng kiểng với các loại như vạn thọ, bông trang hay còn gọi hoa mẫu đơn. Lâu dần, nhà nhà đều có bộ sưu tập hoa kiểng, trở thành thú sưu tầm, chăm sóc, tạo dáng và nhân rộng nhiều chủng loại, sau này còn lai ghép để cho ra các tác phẩm đẹp, lạ mắt và nhất là độc đáo trong giới trồng, chơi hoa kiểng.

Trải qua nhiều cuộc thăng trầm của lịch sử, làng hoa kiểng Tân Quy Đông, Sa Đéc cũng lắm bề dâu. Thời Pháp thuộc, xuất hiện hệ thống giao thông đường bộ lẫn đường thủy dành cho

mục đích vớt vạt tài nguyên của thực dân, nhưng người trồng bông, trồng kiểng có thể tận dụng giao thương đưa cây, hoa đi nơi khác bán nên hoa kiểng đã trở thành hàng hoá để buôn bán cho cả vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh. Nhiều giống hoa mới được du nhập, đặc biệt là hoa hồng. Tại Làng Hoa còn có tên đường Vườn Hồng ghi nhận tính lịch sử của loài hoa hồng với hơn 50 loại tại làng hoa này. Thế hệ người trồng hoa kiểng giai đoạn này quyết định sự hình thành làng hoa vì đã áp dụng, lưu giữ giống mới và đưa hàng hóa đi khắp nơi trong cả nước.

Sau giải phóng, kinh tế đất nước còn khó khăn, người trồng hoa đã xếp lại thú chơi hoa kiểng để lo đời sống kinh tế. Có những chủ vườn sẵn sàng dẹp vườn hoa kiểng của mình để trồng khoai. Nhưng cũng có những người trụ lại bám giữ lấy nghề bằng mọi cách. Ngày nay, lớp trẻ hình thành và áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học để lai giống, ghép cho ra những giống mới và đưa hoa đi khắp nơi, hội nhập kinh tế thị trường. Lúc này, hoa không những là hoa mà còn là hàng hoá đặc biệt trong đời sống tinh thần của nhân dân.

Tuy thế, làng hoa Sa Đéc hiện nay còn nhiều trở trờ. Mặc dù, có một số giống hoa mới nhưng so với nhu cầu của thị trường thì chưa được như mong muốn. Kiểng có phát triển với nét đặc thù riêng, nhưng hoa thì còn chưa phong phú và tuyển chọn loài, chất nên luôn mang dáng “chân què”, khác hẳn nét kiêu sang của hoa Đà Lạt. Sa Đéc cần lắm những trung tâm nghiên cứu cây giống mới để đáp ứng thị hiếu khát khe của người tiêu dùng. Đây quả là một bài toán khó cần có sự quan tâm, đầu tư quy hoạch và công nghệ của chính quyền địa phương. Làm sao thu hút đầu tư khoa học kỹ thuật vào sản xuất hoa kiểng, phải có những trung tâm nghiên cứu cây giống mới hoặc nhập giống, lai tạo để cho ra nhiều loài đa hương, đa sắc, cũng là để vực dậy làng hoa, phát triển mạnh và bền vững.

Trước đây do chưa được đầu tư đúng mức làng hoa kiểng Sa Đéc đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm. Hiện nay, đất nước trên đà phát triển, hội nhập, đời sống vật chất, tinh thần người dân được nâng lên, làng hoa kiểng Sa Đéc khởi sắc bước vào thời kỳ hoàng kim, được bổ sung nhiều chủng loại quý hiếm, mới lạ...; được đầu tư hạ tầng kỹ thuật; định hướng quy mô bổ sung Quy hoạch làng hoa, xây dựng chợ đầu mối hoa kiểng và trung tâm lai tạo nhân giống cây mô làm cho hoa kiểng Sa Đéc thêm hương sắc; được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận làng nghề truyền thống hoa kiểng Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc.

2.2. Thực trạng hoạt động du lịch tại Làng hoa Sa Đéc

Làng hoa Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp là một trong những vựa hoa lớn nhất khu vực phía Nam có diện tích trên 400ha với hơn 2.000 hộ làm nghề. Nơi đây có đến 1.000 chủng loại hoa, sản lượng mỗi năm trên 20 triệu giỏ hoa các loại, tổng doanh số 170 tỉ đồng. Không chỉ bó hẹp ở phường Tân Quy Đông, nghề sản xuất hoa kiểng đã mở rộng đến các xã, phường lân cận, hình thành nên một làng hoa Sa Đéc nổi tiếng trong và ngoài nước. Hoa kiểng nơi đây dùng để trang trí nội thất, tạo cảnh quan cho công viên, cơ quan, công sở, công trình văn hóa, nhà ở nên có rất nhiều chủng loại.

Tuy nhiên, theo đánh giá của các nhà chuyên môn, hiện nay, việc sản xuất hoa ở Làng hoa Sa Đéc mới phát triển ở quy mô, gia đình, diện tích đất nhỏ, manh mún nên quy mô chưa lớn. Người trồng hoa chủ yếu dựa vào kinh nghiệm truyền thống, chưa áp dụng mạnh mẽ những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên chất lượng hoa chưa cao, hình thức liên kết và hợp tác trong sản xuất còn sơ khai. Bên cạnh đó, các nhà vườn chưa tìm được đầu ra ổn định để tiêu thụ sản phẩm, dễ dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, dễ bị ép giá... Đồng thời, đa số các hộ trồng hoa thiếu vốn dài hạn để mở rộng đầu tư, nhất là đầu tư công nghệ mới, công nghệ sinh học về lai tạo, nhân giống, công nghệ bảo quản, đóng gói Anh Trương Hữu Hùng, nhà vườn ở xã Tân Khánh Trung, cho biết: Gia đình anh có 2.200m² trồng khoảng 10 loại hoa kiểng, như: hoa hồng, thược dược, cát tường, hoa chuông, đồng tiền... Mỗi năm, anh đưa ra thị trường hàng ngàn giỏ, chậu hoa các loại. "Tôi trồng hoa kiểng vì đam mê nên theo đuổi hàng chục năm nay. Trên thực tế, "đời sống" với nghề trồng hoa rất khó. Mỗi năm, nhà vườn lo lắng giá cả đầu vào tăng cao, thời tiết thất thường, giá đầu ra không ổn định □ Do vậy, chúng tôi rất mong muốn được chính quyền quan tâm hỗ trợ giống mới, đầu ra sản phẩm để có thể an tâm làm nghề.

Do vậy, xây dựng mô hình sản xuất hoa kiểng kết hợp du lịch là điểm nhấn, quảng bá hình ảnh làng kiểng Sa Đéc và góp phần nâng cao giá trị tăng thêm cho nông dân. Để làm được điều đó, cần nhiều chương trình hỗ trợ nông dân, như: kết nối cung cầu; hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây trồng theo công nghệ mới; giúp bảo hộ sản phẩm khi ra thị trường; cung cấp thông tin về thị trường, sản phẩm. Đồng thời, định hướng cho nông dân trồng hoa, cây trái theo nhu cầu của thị trường. Chính quyền địa phương quan tâm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các dự án cơ sở hạ tầng giao thông kết nối các điểm đến.

Đáng lo ngại là một số loài hoa kiểng mang nét độc đáo và đặc trưng riêng chỉ có ở làng hoa Sa Đéc đang có nguy cơ mai một. Các nghiên cứu khoa học về công nghệ sinh học, cây mô, xử lý ra hoa, sâu bệnh và bảo quản sau thu hoạch chưa được ứng dụng rộng rãi.

Mặt khác về mặt thương mại ta chưa tổ chức được ngành hàng từ SX đến dịch vụ cung ứng vật tư, kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm, hạ tầng kỹ thuật và du lịch chưa đáp ứng cho nhu cầu phát triển SX gắn với phát triển du lịch. Do đó, nếu không có những giải pháp đồng bộ để tạo thành chuỗi SX giá trị cao thì việc giữ được những giống hoa kiểng quý trở nên khó khăn và ngành SX hoa kiểng ở Sa Đéc có nguy cơ tụt hậu so với một số làng hoa kiểng trong khu vực.

2.3. Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển hoạt động du lịch tại Làng hoa Sa Đéc

Sa Đéc từ vùng chuyên sản xuất hoa kiểng, giờ đây đang chuyển mình thành điểm du lịch hấp dẫn. Thời điểm này, các nhà vườn đang tất bật với vụ hoa Tết nhưng rất mến khách khi sân vườn, công nhà đều được chuẩn bị, trang trí tươm tất. Những giò hoa đẹp nhất được chọn đưa lên giàn phục vụ khách tham quan, chụp ảnh.

Ông Võ Minh Thông, Chủ tịch UBND phường Tân Quy Đông (TP Sa Đéc) cho biết trước đây người dân chủ yếu sản xuất hoa để bán nhưng từ khi có chủ trương sản xuất hoa kiểng kết hợp du lịch thì nhà vườn bày trí, sắp xếp hoa kiểng phục vụ khách tham quan. Lượng hoa kiểng được tiêu thụ ngày một tăng lên nhờ bán cho du khách.

Các ngày lễ, Tết và cuối tuần, Sa Đéc có khoảng 5.000 lượt khách quan quan. Thu nhập của người dân nhờ vào việc trồng hoa và phục vụ du khách tăng đáng kể. Bà Lê Kim Cương (ngụ xóm Tân Hiệp, phường Tân Quy Đông) phấn khởi: “Khách du lịch tới đây nhiều hơn, hoa bán cũng dễ hơn. Các nhà vườn, ai cũng quan tâm trang trí, chỉnh trang khu vườn, làm công hoa và trưng bày, trồng thêm nhiều loài hoa mới lạ”.

Để tạo đà cho thành phố hoa tương lai, chính quyền địa phương đã quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng. Ngay từ đầu năm 2018, địa phương xây dựng con đường hoa và công viên hoa phối hợp với làng hoa, chợ hoa tạo điểm nhấn cho thành phố. Đường hoa Sa Nhiên - Cai Dao (thuộc phường Tân Quy Đông) trưng bày hoa tươi quanh năm, có chiều dài hơn 2,3 km, mặt đường rộng 5,5m, vỉa hè dành cho khách đi bộ tham quan mỗi bên rộng 1m đã hoàn thành vào tháng 1 -2019. Công viên hoa ở Sa Đéc là công viên hoa lớn nhất Việt Nam với diện tích trên 23 ha, được thiết kế trên hiện trạng một phần công viên Sa Đéc cũ. Đây là điểm nhấn thu hút du khách tham quan, các nhà đầu tư, góp phần hiện thực hóa chủ trương xây dựng thành phố hoa Sa Đéc.

Hướng tới, Trung tâm xây dựng nhà màng trồng hoa kiểng; phối hợp liên kết chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước. Đảm bảo cung ứng cây giống hoa kiểng theo đơn đặt hàng trong và ngoài tỉnh. Bên cạnh đó, Trung tâm thực hiện chế độ ưu đãi cho bà con đặt hàng sớm hoa kiểng.

Trước mắt chúng ta cần tập trung giải quyết các vướng mắc về kỹ thuật cho làng hoa để nâng cao hiệu quả SX, hỗ trợ nhà vườn tiếp cận các nguồn vốn vay để đầu tư phát triển SX. Cũng có hoạt động của Hội Sinh vật cảnh, HTX, tổ hợp tác hoa kiểng để hỗ trợ và phát huy vai trò kinh tế hộ, quy tụ các nhà vườn tâm huyết phát triển SX theo hướng quy mô lớn với những vùng SX tập trung; đầu tư một trung tâm nghiên cứu và SX giống hoa kiểng tại xã Tân Khánh Đông thực hiện chức năng nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này...

Tiếp tục thực hiện xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm hoa kiểng Sa Đéc thông qua việc tổ chức tham gia lễ hội, hội chợ trong và ngoài nước. Tìm hiểu thị trường hoa

kiêng theo thu nhập của người tiêu dùng và nhu cầu tiêu thụ cho trang trí trong nhà, ngoài sân, đền chùa, công viên, hoa kiêng công trình; kết hợp phát triển SX hoa kiêng gắn với du lịch.

Muốn vậy trong năm 2019 cần tiến hành điều chỉnh quy hoạch tổng thể TP Sa Đéc để làm cơ sở quy hoạch chi tiết từng khu vực theo hướng gắn việc phát triển hoa kiêng với phát triển du lịch và xây dựng đô thị, từ đó kích thích, thu hút các doanh nghiệp, người dân tham gia đầu tư phát triển SX hoa kiêng, mở rộng kinh doanh dịch vụ du lịch và cùng nhau xây dựng thành phố hoa Sa Đéc. Hiện nay, làng hoa đang đầu tư các tuyến đường và mở rộng mô hình trồng hoa phục vụ khách du lịch.

Sự tham gia của cộng đồng địa phương như mở rộng mô hình trồng hoa và xây dựng thêm khu vui chơi giải trí, xây dựng đài ngắm hoa phục vụ du khách và cho du khách cưới ngựa tham quan làng hoa và xe đạp đôi chạy vòng quanh ngắm toàn cảnh làng hoa.

Đối với chính quyền địa phương có cải tiến mở rộng các tuyến đường, cho người dân vay vốn trồng hoa cải thiện đời sống, phối hợp với người dân mở rộng bãi đậu xe, trang trí thùng rác công cộng, nhà nghỉ mát cho du khách. Hướng mới của làng hoa Sa Đéc là xây dựng cổng chào và thu vé nhằm đầu tư và tu bổ du lịch tại làng hoa, với giá vé 10.000 đồng đối với người lớn và miễn phí đối với trẻ em dự kiến đầu năm 2019. Đó là tiền đề để phát triển du lịch tại làng hoa và thúc đẩy phát triển kinh tế cho người dân.

3. Kết luận

Đến tham quan làng hoa Tân Quy Đông Sa Đéc, dù bất cứ tháng nào trong năm bạn cũng có thể ngắm hoa và chụp ảnh thỏa thích, trực chính là đường hoa Sa Nhiên - Cai Dao dài hơn 2km với bạt ngàn hoa kiêng, đủ chủng loài, màu sắc, hương thơm. Nơi đây còn hấp dẫn du khách với những quán cà phê làng hoa Sa Đéc có không gian rộng mở, được bài trí rất bắt mắt với những chiếc xuồng ba lá, xe lôi, cầu khỉ, lều tranh... chắt đây hoa xinh xắn.

Phía đầu đường là Hội quán làng hoa, có quầy tư vấn, thuyết minh về làng hoa Sa Đéc, giới thiệu sản phẩm đặc sản, quà lưu niệm; có kết nối với câu lạc bộ hướng dẫn viên trẻ địa phương đưa khách đi tham quan các điểm vườn nổi tiếng; và cung cấp một số tour làng hoa Sa Đéc đến các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh...

Hơn nữa, một số hộ dân đã thiết kế vườn hoa của mình thành điểm du lịch Homestay thú vị như Ngôi nhà Hoa ếch, Phong La Vent..., nơi du khách có thể tìm hiểu làng hoa Sa Đéc sâu hơn, nghe các nghệ nhân giới thiệu về đặc điểm, xuất xứ, ý nghĩa và giá trị tinh thần lẫn kinh tế của từng loài hoa kiêng; và được nghỉ lại qua đêm, hòa vào nếp sống địa phương, trải nghiệm làm nông dân, học cách trồng hoa, sửa kiêng, bón phân, tưới nước...; hay cùng gia chủ đi chợ, nấu các món ngon dân dã như: bánh canh bột xắt, bánh xèo, lẩu mắm, vịt nấu chao...

Đặc biệt, khi những cánh én chao lượn báo hiệu mùa xuân đến cũng là lúc làng hoa tung bừng vào hội, các loài hoa đua nhau tỏa hương, khoe sắc trong ánh nắng vàng nhẹ gió xuân như đón chào lũ khách về thăm. Theo người dân địa phương, từ rằm tháng Chạp (tháng 12 âm lịch), các vườn hoa Sa Đéc bắt đầu vào mùa thu hoạch cho dịp Tết cổ truyền. Không khí nhộn nhịp khắp vùng, từng đoàn xe tấp lập đổ về vận chuyển hoa kiêng, rồi hôi hả tỏa đi khắp nơi. Dọc bờ sông, trên bến dưới thuyền cũng tấp tểnh chợ hoa những ngày giáp Tết. Những ngõ nhỏ quanh làng cũng được tận dụng xấp đầy hoa kiêng. Trong vườn, các chậu hoa đua nhau nở rộ, xếp thành từng hàng dài đều tấp trên giàn tre, kết thành những thảm màu rực rỡ. Những người nông dân bận rộn cắt cành, tỉa lá, chăm chút cho từng chậu hoa, chuẩn bị đưa ra chợ... Và những ngày này, rất đông du khách từ khắp nơi đến tham quan làng hoa Sa Đéc vào xuân, khiến bức tranh du lịch Đồng Tháp thêm bừng sáng. Có thể nói rằng, làng hoa kiêng Sa Đéc đã trở thành hội hoa xuân thơ mộng của miền Tây Nam Bộ vào dịp cuối năm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]- Nhất Thống (2005), *Sa Đéc vùng đất văn minh miệt vườn*, Đồng Tháp xưa và nay, số 13, trang 38 – 39.
- [2]- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2008), Đề án phát triển hoa, cây kiêng, cá cảnh tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2009 – 2020.
- [3] - UBND Tỉnh Đồng Tháp (2012), Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2015 – 2020.

ĂN CHAY TRONG CÁC TÔN GIÁO – QUAN NIỆM VÀ THỰC HÀNH

SV: Trần Quốc Huy, Lớp: ĐHVNH15B

GVHD: ThS. Trần Hoàng Phong

Tóm tắt

Ăn chay hay ăn kiêng là một trong những việc làm đạo đức quan trọng mang tính giáo luật bắt buộc phải thực hiện đối với tín đồ. Tuy nhiên quan niệm xuất phát và thực hành ở mỗi tôn giáo lại có sự khác biệt. Nếu như trong đạo Phật người tu hành không được ăn thịt động vật và kiêng tất cả các ngày trong năm thì trong đạo Công giáo chức sắc phải kiêng ăn thịt vào hai ngày lễ lớn trong năm là Thứ tư Lễ Tro và Thứ Sáu Tuần Thánh hay tín đồ Hồi giáo không được ăn uống khi có ánh mặt trời trong suốt tháng Ramadan... Bài viết này tập trung phân tích những nguyên lý hay quan niệm xuất phát và cách thực hành của việc ăn chay trong các tôn giáo từ đó thấy được ý nghĩa thực sự của nghi thức này.

Từ khóa: ăn chay, ăn kiêng, kiêng thịt, giáo luật, ăn chay trong tôn giáo

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới, tín đồ của các tôn giáo xem việc thực hiện giáo lý, giáo luật việc trọng cần làm gọi là hành đạo. Họ xem đây là việc là lời dạy của đấng bề trên, nó sẽ mang lại bình an và hạnh phúc cho gia đình hiện tại và cuộc sống ở kiếp lai sinh. Ăn chay cũng là một phần trong giáo lý, giáo luật. Nhìn chung, các tôn giáo lớn trên thế giới đều thực hiện việc ăn chay, họ coi đó là một trong những việc làm đạo đức, chuẩn mực.

Tuy ăn chay là việc làm mà các tôn giáo đều thực hiện nhưng mỗi một tôn giáo sẽ có hình thức khác nhau, tùy theo quy định, luật lệ, kiêng kỵ và quá trình hình thành nên mỗi tôn giáo có hình thức ăn chay riêng biệt. Sự khác biệt này xuất phát từ những tín điều cơ bản trong mỗi tôn giáo.

2. Nội dung**2.1. Ăn chay là gì?**

Ăn (chữ Nôm: 喫): Đưa thực phẩm vào bao tử

Chay (chữ Nôm 齋, 齋): Chữ chay này là chữ trai (齋, Hán Việt) chuyển sang, nên chay đồng nghĩa với trai. Chay nghĩa là: Kiêng ăn.

Vậy ăn chay cũng có nghĩa là ăn kiêng. Theo nghĩa hẹp ăn chay là ăn hạn chế một số thực phẩm. Theo nghĩa tôn giáo ăn chay ngoài ăn kiêng thì còn tuân theo một số giáo luật và qui định của các đấng giáo chủ ban ra.

Ăn chay vốn là một từ bên Phật Giáo và đã được cha Alexandre de Rhodes giảng trong Từ điển Annam - Bồ Đào Nha - Latinh như sau: “Ăn chay. Đích thực có nghĩa là kiêng thịt và cá, nhưng bây giờ để chỉ sự ăn chay của những Kitô hữu. Ăn chay (jejunium) có nghĩa là giới hạn lượng lương thực được ăn vào những ngày cụ thể. Còn kiêng cũ (abstinentia) có nghĩa là từ bỏ một thức ăn khoái khẩu như thịt, cá, tôm...”

Ăn chay, theo nghĩa hẹp, là ăn uống có kiêng cử. Chẳng hạn, kiêng ăn thịt, cá... đối với Phật tử; kiêng ăn ngoài bữa và giảm lượng thức ăn... đối với người Công giáo, kiêng ăn uống ban ngày đối với người Hồi giáo.

Ăn chay, theo nghĩa rộng, là thực hành việc khổ chế bằng cách kiêng cử không chỉ về món ăn thức uống mà còn cả những phương tiện hưởng thụ và thỏa mãn khác. Theo nghĩa này thì “ăn chay” không chỉ là việc ăn uống mà còn là một thái độ (tinh thần thống hối), một lối sống (khiêm cung, từ bỏ những thú vui chính đáng) nhằm biểu lộ lòng thống hối, tưởng nhớ đến cuộc khổ nạn của Chúa Kitô (theo Công Giáo) - mà ta quen gọi là “giữ chay”.

Giữ chay là tuân thủ những yêu cầu về việc chay tịnh, giữ chay bao hàm ý nghĩa rộng hơn là ăn chay (theo nghĩa hẹp). Tương tự như khi chúng ta nói bỏ phận "giữ ngày Chúa Nhật" thì rộng nghĩa hơn là bỏ phận “dự (xem) lễ ngày Chúa Nhật” [7]

2.2. Ăn chay trong Phật giáo

Phật giáo là tôn giáo có hệ thống lý luận khá biện chứng. Theo đó, một trong số những lý luận chính của nhà Phật là luận về luân hồi và nghiệp. Theo đó, con người và muôn vật trên

đời đều có mối quan hệ với nhau. Mỗi suy nghĩ, hành động của con người ở thời điểm này, nơi này đều có tác động để gây ra kết quả ở thời điểm khác, nơi khác. Muôn vật có được là do sự hợp nhất của nhiều cái “duyên”. Con người và muôn vật sinh ra rồi phát triển và mất đi trong một vòng tuần hoàn không ngừng nghỉ gọi là “luân hồi”. Trong quá trình tồn tại của mình, những suy nghĩ và hành động trong hiện tại sẽ góp phần tạo ra những điều trong tương lai xảy đến với chính chủ thể hoặc những chủ thể có liên hệ. Do đó, để thoát khỏi vòng luân hồi con người cần tạo ra duyên tốt, cắt lia duyên xấu, vì duyên xấu sẽ tạo nên “nghiệp” khiến con người phải nhận “quả” xấu vào kiếp sau, mãi không thoát khỏi vòng luân hồi.

Xuất phát từ quan niệm đó, Phật giáo đưa ra giáo luật yêu cầu tín đồ phải thực hiện để tránh tạo “nghiệp”, gồm:

- Bất sát sinh (Không được giết hại người và các loài động vật).
- Bất đạo tặc (Không được trộm cướp).
- Bất tà dâm (Không tà dâm)
- Bất vọng ngữ (Không được nói dối, nói hai chiều, nói sai sự thật)
- Bất ẩm tửu (Không được uống rượu và các chất kích thích).

Việc ăn chay trong Phật giáo Bắc tông và Nam tông có đôi điều khác biệt:

Theo Phật giáo Bắc tông, ăn chay là không ăn thịt động vật, cốt sao cho không phạm giới sát sinh.

Có thể thấy rằng, việc ăn chay xuất phát từ điều giới thứ nhất và thứ năm của đạo Phật. Ăn chay, uống sạch để nuôi dưỡng lòng từ bi và tinh thần bình đẳng. Đức Phật khuyên rằng con người không được giết hại (sát sinh) bao gồm cả con người và các con vật. Theo quan niệm của đạo Phật thì mọi sinh linh đều có Phật tính; nếu sát hại sinh linh tức là làm tổn hại Phật tính. Khi tính mạng bị đe dọa thì từ con vật lớn như: voi, hổ, trâu, ngựa... đến các con vật nhỏ như: chim, cá, ong, kiến... đều tìm cách tự vệ để thoát khỏi sự tiêu diệt. Ai đó nhẫn tâm giết một con vật, làm cho nó phải đau đớn, giãy giụa trước khi chết là tự mình đánh mất lòng từ bi và mất dần Phật tính. Để không sát sinh thì tín đồ nên ăn chay một cách thường xuyên. Do đó, ăn chay theo Phật giáo là không ăn các loại thịt động vật, chỉ ăn thực vật.

Phật giáo khuyên ăn chay có thể xuất phát từ thuyết nhân quả, luân hồi của Phật giáo, cho rằng khi chúng sinh (người và vật) chết đi sẽ được đầu thai vào kiếp khác, nếu kiếp trước làm điều ác thì kiếp sau phải chịu hình phạt quả báo. Sống kiếp người làm điều tốt đẹp thì khi chết đi, luân hồi đến kiếp sung sướng, giàu sang phú quý; khi còn sống kiếp người gây nhiều tội ác, thì lúc chết phải chịu kiếp tàn tật, nghèo nàn và đói khát. Luân hồi ở đây được hiểu rằng thân xác này chết đi, thì hình thức sống khác lại tiếp tục ở mức độ cao hơn (được lên cõi trời), hay thấp hơn là loài cầm thú; hoặc là loài ngạ quỷ (quỷ đói). Chỉ có đức Phật và các vị A La Hán là được giải thoát không tái sinh. Do tin vào thuyết luân hồi mà người ta cho rằng nếu sát sinh thì không tránh khỏi trường hợp con cái giết kiếp sau của ông bà, cha mẹ mình. Như vậy chủ trương ăn chay của đạo Phật về mặt nào đó có ý nghĩa tích cực giáo dục lòng từ bi hỉ xả, bình đẳng, bác ái, không sát sinh súc vật một cách tùy tiện, không vì miếng ăn của mình mà làm cho người khác hoặc súc vật phải chết chóc đau khổ.

Theo Phật giáo Nam Tông, ăn chay ngoài ăn thực vật thì thịt động vật vẫn dùng được miễn sao nó thuộc ngũ tịnh nhục (có nơi quan niệm là tam tịnh nhục) và việc ăn uống phải diễn ra trước giờ Ngọ.

Ngũ tịnh nhục theo quan niệm của Phật giáo Nam tông là các loại thịt thanh tịnh mà tín đồ và tăng được dùng mà không phạm tội sát sinh, gồm:

- Thịt con vật mà ta không thấy cảnh nó bị người ta giết thịt.
- Thịt con vật mà ta không nghe tiếng kêu la của nó khi bị giết thịt.
- Thịt con vật mà nó bị giết không phải để cho ta ăn.
- Thịt con vật tự chết đi.
- Thịt con vật do động vật ăn thịt khác ăn còn dư lại.

Ngoài ra, trong cả Phật giáo Bắc tông và Nam tông còn kiêng 5 loại gia vị gọi là ngũ vị tân gồm: hành, hẹ, kiệu, tỏi, nén. Theo quan niệm của Phật giáo thì những thức ăn này làm ta mê muội, cơ thể không sạch sẽ kích thích dục vọng và sân hận dễ phạm giới cấm.

2.3. Ăn chay trong Công giáo

Người Công giáo ăn chay là để noi theo tấm gương thánh thiện của tổ tiên. Kinh Thánh đã mô tả Mô-sê và Ê-li-a đã ăn chay bốn mươi ngày trước khi đến trước nhận Thánh Chúa (Xh 34:28). Bà tiên tri Anna đã ăn chay để dọn mình đón Đấng Mê-si đến (Lc 2:37). Tất cả họ đều muốn nhìn thấy Thiên Chúa và xem việc ăn chay là một điều kiện tiên quyết cơ bản. Tín đồ Công giáo cũng muốn Chúa hiện diện, vì vậy họ ăn chay.

Thực ra, trong Công giáo không có ăn chay mà gọi là ăn kiêng. Ăn kiêng trong Công giáo xuất phát từ quan niệm người trong đạo cần có những khoản thời gian để tâm thanh tịnh, để thân sạch sẽ, để lòng rộng mở để đón Thiên Chúa, để thờ phụng người. Do đó, ăn kiêng trong Công giáo không phải ăn thực vật mà kiêng ăn thịt, nên ăn cá và không ăn vật dành thời gian và tâm lòng thanh sạch thờ phụng Chúa. Ngoài ra, ăn kiêng trong Công giáo còn là ăn ít đi, từ bỏ những lạc thú thường ngày để thể hiện tấm lòng với Chúa và có thêm điều kiện vật chất để làm việc bác ái, giúp đỡ đồng đạo gặp khó khăn.

Chúa Giêsu nói: “Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo” (Lc 9:23). Vì vậy, chúng ta “bỏ” điều gì đó mà chúng ta thường ưa thích: kẹo, nước ngọt, một chương trình truyền hình yêu thích hoặc ngủ nán thêm.

Công giáo quan niệm rằng ăn chay là rèn luyện cho bản thân cách chống lại những ham muốn xác thịt và tỏ lòng sám hối tội lỗi đối với thiên chúa. Công giáo Rôma phân biệt giữa “giữ chay” và “kiêng thịt” (nhưng hai việc này lại thường đi đôi với nhau), thông thường được hiểu như sau:

Giữ chay (jejunium) có nghĩa là giới hạn lượng lương thực được tiếp nạp vào cơ thể. Cụ thể, giữ chay là không được ăn và uống những thứ gì ngoài bữa ăn chính trong ngày (như kẹo, bánh, nước ngọt, cà phê, trái cây...), chúng chỉ được dùng như một cách tráng miệng sau bữa ăn chính đó (bữa ăn chính là bữa trưa hoặc bữa tối) nhưng không khuyến khích sử dụng.

Kiêng thịt (abstinentia) có nghĩa là từ bỏ một thức ăn khoái khẩu thường ngày, cụ thể, cấm ăn thịt hay bộ phận của các động vật máu nóng (như thịt heo, thịt bò, thịt gà, thịt các loài thú...) nhưng lại cho phép ăn cá, các sinh vật biển hay động vật máu lạnh (tôm, cua, ếch...). Trứng, sữa và các chế phẩm từ trứng, sữa (như bơ, pho mát, sữa chua...) không thuộc danh mục những thứ buộc phải kiêng.

Việc ăn chay được cho là rất nghiêm khắc trong danh mục thức ăn, Công giáo lại đề cao tinh thần của việc ăn chay. Đôi khi, ăn ít hơn hoặc ăn đạm bạc hơn bình thường cũng được cho là một hình thức ăn chay.

Giáo hội không đưa ra một bản luật hay danh mục nào để hướng dẫn cái gì được ăn và cái gì là không được ăn mà để cho lương tâm tín đồ thẩm định việc ăn chay của mình. Họ chỉ đưa ra quy định về thời gian và lứa tuổi áp dụng.

Theo quy định, ngày Thứ Tư Lễ Tro, ngày Thứ Sáu Tuần Thánh và tất cả các ngày thứ sáu trong tuần buộc các tín đồ phải giữ chay và kiêng thịt. Nhưng ngày nay, luật này được nới lỏng và chỉ buộc giữ chay kiêng - thịt vào Thứ tư Lễ Tro và Thứ Sáu Tuần Thánh.

- Giáo luật, điều 1251 ghi: “Phải kiêng thịt, hay kiêng của ăn nào khác theo qui định của Hội đồng Giám mục, các ngày thứ Sáu trong năm, trừ khi những ngày ấy trùng với một ngày nào khác trong số những ngày lễ trọng”. Như vậy, ngày giữ chay kiêng thịt theo luật có thể được dời vào một ngày khác nếu nó trùng vào một sự kiện đặc biệt. Thực tế là có nhiều năm, Thứ Tư Lễ Tro trùng vào một trong ba ngày Tết Nguyên Đán, không thể buộc tín đồ người Việt phải giữ chay - kiêng thịt vào những ngày này, vì thế, Tòa Thánh có cho phép đổi ngày giữ chay - kiêng thịt sang một ngày khác.

- Ai phải giữ chay? Điều 1252 Giáo luật: “Ai đã trọn 14 tuổi buộc phải giữ luật kiêng thịt; còn luật ăn chay buộc tất cả những người thành niên cho đến khi bắt đầu 60 tuổi. Tuy nhiên, các vị chủ chăn và cha mẹ phải lo sao để cả những người vị thành niên không buộc ăn chay kiêng thịt cũng được thấm nhuần tinh thần sám hối đích thực”.

- Về việc thay thế việc ăn chay, Giáo luật, Điều 1253 ghi: Hội đồng Giám mục có thể ấn định rõ hơn luật giữ chay và kiêng thịt, cũng như có thể thay thế toàn phần hay một phần

việc kiêng thịt và ăn chay bằng những hình thức sám hối khác, nhất là bằng những việc bác ái và việc đạo đức.

2.4. Ăn chay trong Islam (Hồi giáo)

Tín đồ Hồi giáo không ăn chay suốt năm mà tập trung vào tháng Ramadan (Ramadān, tháng 9 Hồi lịch). Trong suốt tháng ăn chay Ramadan, những tín đồ đạo hồi thực hiện nghiêm túc quy định: không ăn, không uống, không hút thuốc,... áp dụng vào ban ngày, từ sáng cho đến lúc mặt trời lặn. Người ốm, trẻ em, phụ nữ có thai và binh lính, người lao động nặng nhọc được miễn trừ.

Các tín đồ Hồi giáo tin rằng, thánh Allah truyền đạt những câu thơ đầu tiên trong kinh Koran vào tháng 9 Hồi lịch. Bởi vậy, tháng ăn chay Ramadan thường diễn ra vào khoảng tháng 9 Hồi lịch. Tương truyền, một thương nhân là Mohammed khi đang trầm tư suy tưởng trong hang núi Hira (thuộc Ả-rập Xê-út) đã được thiên sứ Gabriel gọi tên và nói rằng anh chính là người được chọn để tiếp nhận lời nói của thánh Allah (Thượng đế). Sau đó, Mohammed bắt đầu đọc những câu nói và dần dần chúng được chép lại thành kinh của Hồi giáo (Qur'an hay Koran). Kinh Koran viết: “Tháng ramadan là tháng mà Kinh Koran đã được ban xuống với nhiều bằng chứng rõ ràng về sự hướng dẫn và phân biệt thiện ác để làm phương châm cho nhân loại. Vì vậy kẻ nào ở nhà trong tháng này thì phải nhịn ăn”¹⁸. Tháng ăn chay Ramadan như là một hình thức thể hiện lòng biết ơn của các tín đồ với sứ giả Mohammed. Tín đồ Hồi giáo ăn chay vào tháng này dưới hình thức như kể trên nhằm thể hiện lòng kiên nhẫn, sự quyết tâm và niềm tin tuyệt đối của mình vào đạo. Trong ngày họ dành thời gian để đọc kinh, cầu nguyện và hướng về Allah.

Những trường hợp ngoại lệ trong việc giữ chay trong tháng này cũng được quy định cụ thể trong Kinh. “Nếu kẻ nào trong các người bị bệnh hoạn hoặc đang trên đường lữ hành thì phải nhịn ăn trong cùng một số ngày vào lúc khác. Nếu kẻ nào có thể nhịn ăn mà không thực hành được thì kẻ đó phải chia thức ăn cho một người nghèo”¹⁹.

Trong những ngày này, người Hồi giáo nhịn ăn từ khi mặt trời mọc cho tới hoàng hôn, có nghĩa là trong cả một ngày họ không ăn gì. Tuy nhiên, sau buổi tối, đó là một bữa tiệc thực sự.

Bữa ăn trước bình minh được gọi là Suhoor, bữa tối sau khi mặt trời lặn được gọi là Iftar, diễn ra trong gia đình hoặc cộng đồng địa phương. Cả 2 bữa ăn đều có trái cây tươi, rau, thịt halal, bánh mì, pho mát, đồ ngọt.

Bữa chiều tối với nhiều món ăn đa dạng như thịt cừu cà ri, một loạt các món ăn nhẹ được nấu chín như Dal roti, pho mát Paneer, trái cây tươi trộn bột ớt, kem tuyết tráng miệng.

Lễ Ramadan là thời gian vui vẻ nhất trong năm. Khi nghỉ lễ ăn chay Ramadan kết thúc, mọi tín đồ Hồi giáo ngoan đạo sẽ có được sự che chở bởi các thánh thần linh thiêng. Một tháng ăn chay, một tháng cầu nguyện kết thúc với sự hoan hỉ của các tín đồ trên mọi miền thế giới ...

3. Kết luận

Ăn chay hay ăn kiêng là một trong những giới luật bắt buộc với tín đồ. Thực phẩm chay về dinh dưỡng học cũng là thức ăn tốt cho sức khỏe. Cuộc sống sẽ nhẹ nhàng và thanh tịnh hơn khi bữa ăn gia đình xa rời các món thịt và không đem hình ảnh các con vật bị giết vào trong từng bữa ăn của mình. Sẽ là một cuộc sống an bình, khi từng món ăn mang hương vị thiên nhiên, mang hình ảnh của hoa đồng cỏ nội, có sự hòa đồng với cội cây gần gũi, và biến cuộc sống của mình thành một phần trong chuỗi sinh tồn tự nhiên. Người ăn chay, vì thế mà cũng tự tập cho mình thói quen yêu quý thiên nhiên, yêu quý từng phút giây mình được sống, thấy mình là một phần của vạn vật... Và từ đó, người ta hướng những việc làm, những tạo tác của mình sao cho hài hòa với thiên nhiên, phấn đấu để lòng đam mê công việc của mình chuyển dịch từ ham thích thỏa mãn bản thân sang ham thích làm đẹp cho đời. Từ việc nhìn nhận bữa ăn chay đạm bạc nhưng vẫn có thể đủ chất sẽ dần dần hình thành nhận thức về nhu cầu cá nhân: thực ra người ta hoàn toàn có thể giảm thiểu nhu cầu bản thân để phục vụ tốt hơn cho cộng đồng, cho

¹⁸ Thiên Kinh Koran, bản dịch tiếng Việt, Chương 2, câu 179.

¹⁹ Thiên Kinh Koran, bản dịch tiếng Việt, Chương 2, câu 185.

môi trường sống xung quanh. Và đó chính là giá trị lớn nhất của việc ăn chay, nó từng bước hướng con người ta đến gần thêm với những giá trị Chân - Thiện - Mỹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ban Giáo lý giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh (1997), *Giáo lý Hội thánh Công giáo*, Số 575, 1387, 1430, 1434, 2043, 2742.

[2]. Nguyễn Bình (2012), *Đạo hồi tri thức cơ bản*, NXB Từ điển bách khoa.

[5] Cổng thông tin Phật giáo Việt Nam thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Phật tử và việc ăn chay*, truy cập ngày 26/9/2013 (<https://phatgiao.org.vn/phat-tu-va-viec-an-chay-d12192.html>)

[3] Hội đồng Giám mục Việt Nam (2006), *Bộ Giáo luật 1983*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.

[4] Stêphanô Huỳnh Trụ (2017), *Chữ và nghĩa: "ăn chay" và "giữ chay"*, *Nhip Cầu Tâm Giao* 4, NXB Phương Đông (3/2011), tr. 85-93.

[6] Thiên kinh Qur'an và bản dịch ý nghĩa nội dung bằng Việt ngữ bản in do Quốc Vương Ả-rập Xêút (Fahad bin Abdul Aziz al-Saud) chỉ thị xuất bản, Trung tâm ấn loát Quốc Vương.

ĐÌNH TÂN TỊCH - MỘT THIẾT CHẾ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG LUÔN PHÁT HUY VAI TRÒ QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

SV: Lê Trường Giang, Lớp: ĐHQLVH17A

GVHD: ThS. Đinh Văn Nhân

Tóm tắt

Đình làng là một thiết chế văn hóa truyền thống có vai trò quan trọng trong cộng đồng. Qua biến đổi của thời gian nhưng nhiều ngôi đình ở Đồng Tháp vẫn thể hiện được các chức năng, vai trò của mình trong xã hội đương đại. Bài viết trình bày về quá trình hình thành và phát triển của ngôi đình Tân Tịch, cũng như những đóng góp của ngôi đình này qua từng thời kỳ lịch sử của địa phương.

Từ khóa: Đình Tân Tịch, đình làng, thiết chế văn hóa, lịch sử - văn hóa.

1. Đặt vấn đề

Công cuộc khẩn hoang vùng đất Nam bộ nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng đã góp phần tích cực vào sự hình thành các di sản văn hóa vật chất, tinh thần cùng những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc được trao truyền qua nhiều thế hệ, mà ở đó đình làng là biểu tượng tiêu biểu nhất. Ngôi đình ra đời gắn liền với công cuộc khai hoang lập ấp, đồng thời nó còn là cơ sở vật chất đánh dấu thành tựu trong công cuộc mở cõi. Nhà văn Sơn Nam rất tinh tế khi cho rằng: “Xây dựng đình làng là nhu cầu tinh thần, có đình thì mới tạo được thế đứng, gắn bó vào cộng đồng dân tộc và cần khôn vũ trụ, bằng không thì chỉ là lục bình trôi sông, viên gạch rời rạc, một dạng lưu dân tập thể, mặc dầu làng lăm gạo nhiều tiền” [2, tr.26].

Đình là nơi sinh hoạt thể hiện rõ tính cộng đồng làng xã vì mọi sinh hoạt truyền thống của cộng đồng đều hầu như diễn ra nơi đây, nên đình làng có vai trò như một thiết chế văn hóa với những chức năng là: trung tâm hành chính, quyền lực của làng; trung tâm tín ngưỡng, tâm linh của làng; trung tâm văn hóa, vui chơi giải trí của làng [1, tr.95]. Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam: “Thiết chế văn hóa là chỉnh thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí; chỉ riêng ngôi nhà hoặc công trình văn hóa chưa đủ để gọi là thiết chế văn hóa”.

Hay, thiết chế văn hóa là một trung tâm, hay một cơ quan, tổ chức các hoạt động có mục đích tuyên truyền giáo dục về một tư tưởng, lĩnh vực nào đó phục vụ công tác chính trị tư tưởng hay nghiên cứu khoa học kỹ thuật - lịch sử văn hóa nghệ thuật, được tổ chức theo những quy chế, nội quy nhất định, được thể chế hóa pháp luật do Nhà nước ban hành, được xã hội công nhận và tuân thủ, có mục đích, yêu cầu và những chức năng riêng được xã hội quy định. Như vậy qua định nghĩa trên, chúng ta thấy rằng đình làng đã hội tụ các yếu tố và chức năng trở thành một dạng thiết chế văn hóa truyền thống trong xã hội.

Tuy nhiên, qua thời gian các chức năng của đình làng Nam bộ dần mất đi, các ngôi đình chỉ hoạt động vào những ngày cúng tế (hạ điền, thượng điền...) còn những ngày thường hầu như không hoạt động chỉ có duy nhất “ông Tù” hàng ngày nhang khói, quét dọn. Nhưng hiện nay, đâu đó chúng ta vẫn thấy còn những ngôi đình có những hoạt động thay đổi thích ứng để trở thành một “thiết chế văn hóa trong thời đại mới” với đầy đủ các chức năng như ngày trước. Trong đó đáng chú ý phải nhắc đến là ngôi đình Tân Tịch.



Hình 1. Quang cảnh đình Tân Tịch - Ảnh: Văn Nhân

2. Chức năng Đình Tân Tịch qua những thời kỳ lịch sử

Đình Tân Tịch được dựng khoảng đầu thế kỉ XIX xưa thuộc huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang [4, tr.65], (nay thuộc khóm 1, phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Sau hơn 150 năm tồn tại, ngày 19 tháng 12 năm 2014, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ra Quyết định xếp hạng đình Tân Tịch là di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh.

Ban đầu đình được cất bằng vật liệu đơn giản: tre, nứa, lá, đung... Năm Tự Đức thứ 7 (1854) thôn Tân Tịch được triều đình cấp sắc Thành hoàng bốn cảnh. Lúc này, ông hương cả Lê Văn Bích (ông Cả Bích) cùng với dân trong thôn kể công người của góp vào tôn tạo ngôi đình thêm to đẹp. Tuy nhiên, do địa thế chật hẹp không có hậu nên đến năm 1928 đình di dời về vị trí như hiện tại. Năm 2010, nhận thấy đình có nhiều chỗ xuống cấp, ông Lê Văn Bên – Trưởng Ban Tế tự đã xin phép chính quyền địa phương và đứng ra vận động người dân thực hiện trùng tu lại đình được to đẹp như ngày hôm nay.

Đình Tân Tịch dù qua nhiều lần trùng tu vẫn giữ được lối kiến trúc truyền thống của đình Nam bộ: cột bằng gỗ, 4 nóc liền nhau lợp tol giả ngói kiểu âm dương; gồm 4 gian: gian tiền đình, gian võ ca, gian võ qui và gian chánh điện, vách được xây bằng gạch bê tông. Sân đình có đàn Thần Nông, miếu ông Hồ, miếu Ngũ Hành. Chánh điện thờ Thành hoàng bốn cảnh, Chánh lãnh binh Nguyễn Hương, chức sắc, Tiên sư, Tiền hiền, Hậu hiền, Bạch Mã thái giám, Ngũ Hành, Thổ Công. Đình là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của người dân trong thôn ấp và luôn phát huy chức năng là thiết chế văn hóa của cộng đồng qua các thời kỳ lịch sử.

2.1. Thời kỳ phong kiến

Thời các vua Nguyễn, đình Tân Tịch không chỉ là nơi hội họp để xử lý việc làng việc nước, là nơi tín ngưỡng của người dân trong làng, là nơi vui chơi giải trí của người dân nông trong thôn mỗi dịp lễ hội... mà ngôi đình còn là chứng nhân lịch sử cho các sự kiện xảy ra trong thôn xóm và gắn với thời niên thiếu của vị Chánh Lãnh binh tỉnh Hà Tiên – Nguyễn Hương (1819 - 1876). Ngày trước nơi vàm sông gần đình là nơi ông Nguyễn Hương và thầy mình thuận phục cạp rắn dữ, to gần bằng người ôm, thường xuyên quấy phá người dân đi xuống qua khúc sông này. Nền đình Tân Tịch khi xưa cũng là nơi ông được thầy dạy võ nghệ và binh pháp (có tài liệu cho rằng thầy của ông Nguyễn Hương lúc bấy giờ là ông Đoàn Văn Huyền, sau này là Phật Thầy Tây An giáo chủ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương) [4, tr.66-70]. Về sau khi được triều đình phong tước, cử về trấn nhậm Hà Tiên, trước khi đi nhận chức ông và quân cơ theo hầu được dân chúng thôn Tân Tịch tiếp đón trọng thể trong lễ vinh quy bái tổ cũng nơi tại đây, điều đó cho thấy vai trò và bề dày lịch sử - văn hóa của ngôi đình Tân Tịch. Mộ ông Nguyễn Hương hiện nay tọa lạc ở Xóm Câu, phường 6, thành phố Cao Lãnh, cạnh bờ sông Tiên hiền hòa. Qua bao cuộc chiến tranh loạn lạc, hiện nay, hậu duệ đời thứ 6 của ông vẫn giữ được 6 đạo sắc do triều đình phong tước cho ông. Với những công lao đóng góp cho quê hương, dân tộc, người dân Tân Tịch ngoài thờ Thần hoàng Bốn cảnh còn thờ bài vị của Chánh lãnh binh Nguyễn Hương như vị phúc thần ở chánh điện đình Tân Tịch.

2.2. Thời kỳ đấu tranh cách mạng và độc lập dân tộc

Thời kỳ phong kiến đã qua, ngoại bang bước vào giày xéo quê cha đất tổ, đình Tân Tịch không quên chức năng, nhiệm vụ lịch sử của mình tiếp tục lại là nơi diễn ra các sự kiện đấu tranh cách mạng của địa phương. Tiêu biểu là sự kiện treo cờ Đảng trên cây dầu gần đình Tân Tịch trong ngày Quốc khánh 02/9/1945 để thị uy với Pháp (cần nói thêm cây dầu này hiện nay vẫn còn, theo các cụ cao niên kể lại ước tính có trên 250 năm tuổi, chu vi khoảng 3-4 người ôm, cao khoảng 30m, với rất nhiều câu chuyện dân gian mang đậm màu sắc tâm linh liên quan đến cây dầu), hình ảnh lá cờ bay phất phới trên ngọn cây dầu cổ thụ càng khơi gợi và hun đúc thêm tinh thần yêu nước của quần chúng nhân dân. Tiếp theo đó, vào năm 1954 sau khi Hiệp định Geneve được ký kết, Việt Nam bị chia cắt đất nước lấy vĩ tuyến 17 – tỉnh Quảng Trị làm ranh giới, theo tinh thần Hiệp định các chiến sĩ cách mạng đang ở miền Nam phải tập kết ra Bắc, cũng chính tại đình Tân Tịch là điểm dừng chân để chuẩn bị tập kết chuyển quân ra Bắc ở địa bàn Cao Lãnh. Ngày nay gần bến Phà Cao Lãnh ta thấy đang xây dựng tượng đài kỷ niệm sự kiện này. Trong kháng chiến chống Mỹ, đình vẫn tiếp tục là cơ sở hoạt động cách mạng, nuôi

giáo cán bộ... Sau ngày giải phóng đất nước, đình Tân Tịch được dùng vào việc chung của xóm làng và dùng làm Trường tập huấn cán bộ kế toán tài chính, huấn luyện quân sự, chính trị và đào tạo cán bộ Văn hóa Thông tin, là hậu cứ của Đoàn văn công Đồng Tháp. Đến năm 1995 thì đình được giao lại cho nhân dân sử dụng là nơi sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh [3, tr.4]. Trong giai đoạn này dù trải qua bao biến cố chiến tranh, thời cuộc nhưng đình Tân Tịch vẫn thể hiện rõ các chức năng là thiết chế văn hóa truyền thống quan trọng của địa phương.

2.3. Thời kỳ hiện nay

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử cùng vùng đất Cao Lãnh, đình Tân Tịch vẫn hiện diện trong tâm thức và sinh hoạt tín ngưỡng của người dân địa phương, thể hiện vai trò là thiết chế văn hóa truyền thống trong đời sống cộng đồng. Theo lệ hàng năm, đình vẫn còn duy trì nhiều lệ cúng như cúng Khai Sơn (mùng 7 tháng Giêng), cúng Rằm (tháng Giêng, tháng Bảy, tháng Mười). Cúng Chánh lãnh binh Nguyễn Hương (16 tháng 8 âm lịch). Trong đó có hai lệ cúng lớn là cúng Thượng Điền (15-16 tháng Mười âm lịch), cúng Hạ điền (15-16 tháng Tư âm lịch). Mỗi kỳ cúng thu hút hàng ngàn người dân từ trong và ngoài làng đến chiêm bái, cầu mong “*phong điều vũ thuận, người yên vật thịnh, tống ôn tống gió*”... Qua thời gian, lịch sử truyền thống ngày càng tích lũy thêm giá trị mới, nhất là trong giai đoạn hiện nay, giá trị mới đó là chủ nghĩa dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội nên đình còn trân trọng đưa chân dung Bác Hồ và danh sách anh hùng liệt sĩ của hai thời kỳ kháng chiến vào thờ, thể hiện truyền thống tốt đẹp “*uống nước nhớ nguồn*” của dân tộc [1, tr.129]. Điều này thể hiện rõ *chức năng là trung tâm tín ngưỡng tâm linh của làng xã và vai trò giáo dục giá trị truyền thống cho các thế hệ ngày nay*. Bên cạnh đó, hàng năm vào các ngày lễ cúng (hạ điền, thượng điền) Ban tế tự tùy theo tình hình tài chính còn mời các đoàn hát bội, đờn ca tài tử, các trò chơi dân gian, ăn uống... qua đó đình đã *thể hiện chức năng là trung tâm văn hóa, vui chơi giải trí của cộng đồng*.



Hình 2. Ban tế tự thực hiện nghi thức chánh tế Thần - Ảnh: Văn Nhân



Hình 3. Hát Bội ở đình Tân Tịch - Ảnh: Văn Nhân

Ngày nay, ngoài các chức năng tín ngưỡng tâm linh, vui chơi giải trí, đình Tân Tịch vẫn thể hiện chức năng là thiết chế văn hóa hành chính của mình, là nơi sinh hoạt của cộng đồng, hội họp của chính quyền địa phương với người dân trong việc triển khai các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến người dân địa phương. Tiêu biểu là Ban bầu cử còn phối hợp với Ban tế tự tận dụng không gian của đình, tổ chức buổi tiếp xúc cử tri và là khu vực bỏ phiếu số 1 ở phường 6, thành phố Cao Lãnh bầu Đại biểu Quốc hội khóa XIV và Đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021 (22/5/2016); tổ chức ngày Hội Đại đoàn kết toàn dân tộc của khóm 1, phường 6, thành phố Cao Lãnh (14/11/2016). Mọi người đến tham dự rất đông, đủ mọi thành phần, lứa tuổi, ai nấy điều vui vẻ nhất là những cô chú lớn tuổi, vì dường như họ được sống lại với không gian văn hóa và các sinh hoạt thời xưa.

Không những thế, Ban tế tự đình Tân Tịch còn phối hợp với Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ Bảo tồn Di sản văn hóa (Khoa văn hóa – Du lịch, trường Đại học Đồng Tháp) tổ chức các hoạt động như: các buổi học tập lịch sử văn hóa của địa phương ngay trong không gian của đình Tân Tịch, các bạn sinh viên còn thường xuyên có các hoạt động quét dọn, hỗ trợ sửa chữa và tham gia tìm hiểu, hỗ trợ trong các ngày lễ cúng cũng như các hoạt động khác... đây cách giáo dục thực tế hiệu quả, ý nghĩa đối với các bạn sinh viên (nhất là sinh viên ngành Quản lý Văn hóa và Việt Nam học) có cơ hội được trực tiếp tham gia nghiên cứu học tập thực tiễn về di sản văn hóa, lễ hội truyền thống...



Hình 4. Lớp học lịch sử - văn hóa địa phương của sinh viên trong không gian đình
- Ảnh: Văn Nhân

3. Kết luận

Có thể thấy rằng, đình Tân Tịch là thiết chế văn hóa truyền thống nhưng vẫn luôn phát huy được các chức năng và vai trò trong xã hội đương đại. Ban tế tự cùng chính quyền địa phương cần tiếp tục thực hiện những hoạt động đã làm được và nghiên cứu trao đổi phối hợp với các đơn vị để có những hoạt động thiết thực hơn nữa trong thời gian tới. Đồng thời ngành văn hóa và chính quyền địa phương các cấp cần nghiên cứu, quan tâm hơn nữa để phát huy các chức năng, nhiệm vụ, vai trò của đình Tân Tịch nói riêng và các ngôi đình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp nói chung, thật sự trở thành những thiết chế văn hóa - “nhà văn hóa” của địa phương trong thời đại mới.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Hữu Hiếu (2005), *Diễn trình văn hóa đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Thời đại.
- [2]. Sơn Nam (2018), *Đình miếu và lễ hội dân gian miền Nam*, Nxb Trẻ.
- [3]. Nguyễn Thanh Thuận (2015), *Đình Tân Tịch*, Ấn phẩm Đồng Tháp xưa và nay số 48- Hội khoa học lịch sử Đồng Tháp, tr.4.
- [4]. Nguyễn Thanh Thuận (2018), *Nhân thân trong tín ngưỡng dân gian Đồng Tháp*, Nxb Hội nhà văn.

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO SINH VIÊN KHOA VĂN HÓA – DU LỊCH

SV: *Giang Ngọc Quyên, Lớp: ĐHQLVH17*

GVHD: *ThS. Lương Thị Huỳnh Như*

Tóm tắt

Giao tiếp có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống và sự phát triển của mỗi cá nhân. Bài viết nêu lên những bất cập trong giao tiếp của sinh viên Khoa Văn hóa – Du lịch. Trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho sinh viên, tạo môi trường học đường thân thiện, năng động, sáng tạo.

Từ khóa: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng mềm, văn hóa giao tiếp, giao tiếp sinh viên

1. Đặt vấn đề

Giao tiếp có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển của xã hội loài người, cũng như quá trình hình thành và phát triển nhân cách của từng cá nhân. Có thể nói rằng, giao tiếp là điều kiện để con người tồn tại, thông qua giao tiếp con người gia nhập vào các mối quan hệ xã hội, tiếp thu nền văn hóa, đạo đức, chuẩn mực xã hội biến nó trở thành cái riêng của mình, đồng thời góp phần vào sự phát triển nền văn hóa của nhân loại. Xã hội phát triển, khoa học - kỹ thuật càng hiện đại càng ảnh hưởng đến hành vi, sự suy nghĩ và cuộc sống con người nên mối quan hệ giữa con người với con người càng được quan tâm. Với xu thế hội nhập quốc tế như hiện nay, giao tiếp là phương tiện để con người hợp tác cùng nhau, hướng tới những mục đích chung.

Giao tiếp không chỉ quan trọng trong đời sống của con người nói chung mà còn đối với việc hình thành nhân cách nghề nghiệp. Giao tiếp tốt không những chỉ hình thành và phát triển tâm lí, ý thức, nhân cách mà còn giúp con người làm việc đạt được năng suất, chất lượng, hiệu quả trong mọi lĩnh vực. Ông cha ta cũng đã từng nói: “Sự ăn cho ta cái lực, sự ở cho ta cái trí và sự bang giao cho ta cái nghiệp”. Vì vậy, một trong ba điều kiện tuyển dụng hàng đầu của các cơ quan, doanh nghiệp là ứng cử viên phải có khả năng giao tiếp tốt.

Hiện nay, Sinh viên (SV) các trường đại học thường quá chú trọng vào chuyên môn nên tính năng động trong môi trường giao tiếp còn hạn chế, rất nhiều SV không biết cách bắt đầu một câu chuyện, ngại ngần phát biểu trước đám đông, lẩn tránh tiếp xúc với người lạ... Tuy nhiên, dù tốt nghiệp ở bất cứ ngành học nào, với những trở ngại này SV sẽ không biết cách thể hiện thế mạnh của mình trước nhà tuyển dụng và có thể dẫn đến mất cơ hội khi xin việc làm. Do đó, việc xây dựng văn hóa trường học trước hết là phải xây dựng văn hóa giao tiếp giữa giảng viên (GV) với GV, SV với GV, SV với SV đó là cơ sở nền tảng để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hoàn thiện nhân cách của SV. Từ năm học 2013 – 2014 đến nay, Khoa Văn hóa – Du lịch (VHDL) được nhà trường giao nhiệm vụ đào tạo SV các ngành: Ngành Việt Nam học, ngành quản lý văn hóa, ngành thư viện thông tin và ngành công tác xã hội. Đây là những ngành đào tạo nguồn nhân lực nhằm cung cấp các dịch vụ cho xã hội, cộng đồng. Bên cạnh đó, những công việc đòi hỏi SV phải thường xuyên gặp gỡ, tiếp xúc và giao tiếp với nhiều người. Vì thế đòi hỏi mỗi SV cần hình thành được phong cách giao tiếp chuẩn mực và có khả năng giao tiếp tốt sau khi tốt nghiệp ra trường đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp. Vì vậy, đối với SV Khoa VHDL thì việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho SV càng trở nên cần thiết hơn trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Các khái niệm cơ bản

2.1. Khái niệm Kỹ năng

Theo Từ điển Tiếng Việt 2000, Nhà Xuất bản Thanh Niên, Viện Ngôn ngữ học Việt Nam thì Kỹ năng là năng lực làm việc khéo léo.

Tác giả Trần Trọng Thủy cho rằng: Kỹ năng là mặt kỹ thuật của hoạt động, con người nắm được cách hành động tức là có kỹ thuật hành động, có kỹ năng.

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Ánh Tuyết, Ngô Công Hoàn, Trần Quốc Thành quan niệm: Kỹ năng là năng lực của con người khi thực hiện một công việc có kết quả trong những điều kiện nhất định, trong một khoản thời gian tương ứng.

Như vậy, Kỹ năng là một biểu hiện năng lực con người chứ không phải đơn thuần là mặt kỹ thuật của hành động. Coi kỹ năng là năng lực thực hiện một công việc kết quả với chất lượng cần thiết trong một thời gian nhất định.

2.2. Kỹ năng giao tiếp

Kỹ năng giao tiếp (KNGT): Là hệ thống những thao tác, cử chỉ, điệu bộ, hành vi được con người phối hợp hài hòa, hợp lý nhằm đảm bảo kết quả cao trong hoạt động có sự tiếp xúc giữa con người với con người.

Trong KNGT bao gồm cả tri thức và logic các thao tác, hành động và hướng tới thực hiện mục đích của hoạt động giao tiếp. Khi thực hiện KNGT, con người phải sử dụng các phương tiện giao tiếp (ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh giao tiếp.

Như vậy, KNGT là sự thực hiện có hiệu quả một hành động trong đó hoạt động giao tiếp bằng cách sử dụng các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để tác động đến đối tượng, điều khiển bản thân, tổ chức quá trình giao tiếp nhằm đạt được mục đích đề ra.

3. Thực trạng kỹ năng giao tiếp của sinh viên Khoa Văn hóa – Du lịch

Trong quá trình giao tiếp chúng ta phải thường xuyên sử dụng những phương tiện giao tiếp, phương tiện này được phân chia thành giao tiếp bằng ngôn ngữ (ngôn ngữ nói hoặc viết) và giao tiếp phi ngôn ngữ. Ngoài ra, đánh giá kỹ năng giao tiếp của SV còn đánh giá đến đối tượng giao tiếp, nhu cầu giao tiếp, nội dung giao tiếp và môi trường giao tiếp... Bài viết này sẽ đề cập đến các vấn đề: giao tiếp bằng ngôn ngữ nói (trên lớp, ngoài lớp...), ngôn ngữ viết, trang phục và cách ăn mặc của SV Khoa VHDL trong giai đoạn hiện nay.

Hiện nay SV Khoa VHDL đã có những chuyển biến tích cực trong giao tiếp, SV đã có sự chủ động hơn trong việc rèn luyện các KNGT, có động cơ học tập nghiêm túc và tích lũy kiến thức để quá trình giao tiếp đạt hiệu quả cao.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay chỉ ra rằng, có một bộ phận không nhỏ SV còn e ngại trong giao tiếp, ngại thể hiện bản thân trước đám đông, thậm chí ngại tham gia phát biểu xây dựng bài và nêu quan điểm cá nhân trong giờ học. Khi thầy cô giảng bài đưa ra câu hỏi muốn SV trả lời để có sự tương tác hay biết được khả năng tiếp thu của SV đến đâu, đều đáng buồn là chỉ có một số bạn tích cực phát biểu còn lại im lặng. Qua trao đổi với các bạn SV thì không phải các bạn SV không biết giảng viên hỏi gì mà các bạn ngại trả lời “không biết trình bày như thế nào”, “không biết có đúng không”, “ngại phát biểu trước đám đông”. Có những bạn khi được gọi đứng lên phát biểu thì lắp bắp không bày tỏ được mạch lạc câu từ. Các vấn đề mà các bạn thắc mắc, không hiểu trong các môn học lại ngại trao đổi với giảng viên. Có những SV gặp gỡ mọi người xung quanh, thầy cô, bạn bè, thường không có thói quen chào hỏi và nêu có lại sử dụng câu thiếu chủ ngữ... Chúng ta có thể bắt gặp ở thư viện, văn phòng khoa, căn tin, thu ngân, không ít sinh viên nói gọn lọn “trả sách”, “tính tiền”, có khi cố vấn học tập hỏi lớp vấn đề lập kế hoạch, đăng kí học phần sinh viên chỉ trả lời “chưa”, “rồi” thiếu tự tin trong giao tiếp, không có thói quen phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm của cá nhân, thụ động không có khả năng sáng tạo trong học tập. Điều này dần tạo ra một thói quen không tốt, làm hạn chế khả năng giao tiếp của bản thân, và xa hơn, có thể làm giảm khả năng tiếp cận thông tin, giảm hiệu quả công việc.

Bên cạnh đó, vấn đề “viết” của SV cũng là điều đáng quan tâm. Thực tế một số SV Khoa VHDL không biết viết một lá đơn gửi về khoa, các bạn thường hỏi đơn này có mẫu sẵn không và khi viết đơn SV thường mắc phải các lỗi: viết sai chính tả, viết tắt, viết hoa lung tung, câu cú lủng củng. Như vậy, kỹ năng viết còn hạn chế, sau khi tốt nghiệp ra trường SV nộp hồ sơ xin việc, các nhà tuyển dụng yêu cầu viết lá đơn bằng tay, có thể SV không thể vượt qua vòng tuyển dụng. Điều này cho thấy kỹ năng viết là một phần không thể thiếu trong công việc và cuộc sống.

Về trang phục và cách ăn mặc của SV vẫn còn một bộ phận SV thích thể hiện mình, không mặc đồng phục của lớp hay trang phục không đúng quy định của nhà trường. Vì vậy, SV cần phải rèn luyện cho mình cách ăn mặc phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể. Đây là điều các nhà tuyển dụng quan tâm, ngoài việc đánh giá về tố chất, kiến thức, kỹ năng chuyên môn còn để

tâm đến phong cách ăn mặc của bạn. Vì chính phong cách ăn mặc đôi khi lại thể hiện được con người, phong cách và lối sống của cá nhân.

Từ thực trạng nêu trên, có nhiều nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong quá trình giao tiếp của SV. Trước hết là do nhà trường chưa chú trọng vấn đề này trong đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện cho SV các kỹ năng mềm nói chung và KNGT nói riêng. Đoàn thanh niên chưa chú trọng đẩy mạnh sinh hoạt văn hóa, các chuyên đề về giao tiếp trong SV, chưa có môi trường giao tiếp đa dạng. Về phía nhà trường có một số thầy cô chưa thật sự gương mẫu, chuẩn mực trong giao tiếp làm cho SV có những ứng xử chưa phù hợp. Bên cạnh đó, môi trường giáo dục của gia đình rất quan trọng và bản thân SV...

4. Biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Khoa Văn hóa – du lịch

4.1. Về phía nhà trường, Khoa

Nhà trường, khoa với chức năng dạy chữ, dạy người, không chỉ đào tạo ra những con người có năng lực mà phải có phẩm chất đạo đức của một công dân tốt, có trách nhiệm với xã hội. Vai trò và trách nhiệm ấy đòi hỏi nhà trường phải xây dựng môi trường văn hóa tiên tiến, trong đó, văn hóa giao tiếp đóng vai trò rất quan trọng.

Sự giao tiếp của mọi thành viên trong nhà trường có ảnh hưởng trực tiếp SV. Trước hết, đó là đội ngũ cán bộ quản lý trong nhà trường với thái độ cởi mở thân thành, sự quan tâm sâu sắc đến tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, tinh thần dân chủ, trung thực, thẳng thắn. Nhà trường chú trọng xây dựng văn hóa giao tiếp trong nhà trường tạo sự đồng thuận để mỗi thầy cô là những tấm gương, những chuẩn mực đạo đức mà SV cần noi theo. Xây dựng trong SV niềm tin vào tương lai, là động lực để SV phấn đấu, gắn bó với nhà trường, từ bỏ những thói quen xấu để tập trung tư tưởng học tập rèn luyện.

Nhà trường tăng cường việc lồng ghép nội dung giáo dục KNGT vào các môn học và các hoạt động giáo dục khác, không chỉ ở giờ học trên lớp mà trong mọi hoạt động khác như lao động, vui chơi, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao... Tạo môi trường giao tiếp lành mạnh trong SV, từ đó, giúp cho SV có thái độ học tập đúng đắn, trung thực, tự tin mạnh dạn hơn trong giao tiếp.

Khoa phối hợp với Đoàn thanh niên cần tích cực đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức nhiều buổi báo cáo chuyên đề về KNGT hoặc tổ chức các cuộc thi về thuyết trình và cho SV nghiên cứu, tìm hiểu những câu chuyện về nghệ thuật giao tiếp, qua đó SV có cơ hội tham gia các hoạt động giúp SV tự tin, bản lĩnh hơn trong giao tiếp.

4.2. Về phía sinh viên

Để đạt hiệu quả cao trong quá trình giao tiếp đòi hỏi mỗi SV phải nắm vững kiến thức chuyên môn và không ngừng luyện tập. Vì thế, việc bồi dưỡng, rèn luyện những kỹ năng văn hóa giao tiếp là việc làm cần thiết, quan trọng hàng đầu. Để đạt được điều đó mỗi SV cần phải:

- Thường xuyên đọc nhiều tài liệu, sách, báo, tạp chí... (chuyên ngành và kỹ năng) để hình thành hệ thống kiến thức về giao tiếp, đồng thời tiếp xúc với những chuyên gia về giao tiếp, những thầy cô, bạn học có lối giao tiếp khéo léo. Từ đó, giúp cho kỹ năng nghe, nói và trình bày quan điểm của mình trước mọi người đạt kết quả cao.

- Tích cực tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể (đoàn thanh niên, các câu lạc bộ, sinh hoạt nhóm...), đó chính là môi trường giáo dục thực tiễn lí tưởng, tạo điều kiện cho SV bồi dưỡng, rèn luyện KNGT, tạo nên sự tự tin, khả năng thuyết phục người khác qua một vấn đề nào đó và biết điều chỉnh những hành vi chưa phù hợp của bản thân.

- Luôn tôn trọng đối tượng mình đang giao tiếp, thể hiện ở chỗ biết chăm chú lắng nghe một cách thân thiện, cởi mở, biết mỉm cười đúng lúc, đúng chỗ, bày tỏ sự tập trung chú ý, không nên ngắt lời người khác (trừ khi cần làm rõ vấn đề gì đó), không châm biếm, đả kích, miệt thị, bình tĩnh lắng nghe và giải quyết thấu đáo những tình huống xảy ra, tránh hiểu nhầm, hiểu không đúng trong quá trình giao tiếp.

- Bên cạnh đó, SV cũng nên sử dụng trang phục lịch sự, phù hợp với tính chất và môi trường hoạt động, học tập; tránh ăn mặc phản cảm hay xuề xòa làm khó chịu người khác trong giao tiếp. Tham gia mạng xã hội (zalo, facebook, ...) bằng sự văn minh với hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu, trong sáng, phù hợp với lứa tuổi, thể hiện tính văn hóa của SV đại học.

5. Kết luận

Giao tiếp có ý nghĩa cực kì quan trọng trong cuộc sống. Xã hội ngày càng văn minh, hiện đại thì những quy tắc ứng xử, những phong cách giao tiếp lịch sự, văn minh càng cần được quan tâm. Vì vậy, SV muốn giao tiếp tốt phải luôn trau dồi kiến thức, rèn luyện tính cách, phong cách và cách diễn đạt ngôn từ của cá nhân... Đặc biệt đối với SV Khoa VHDL, nhiệm vụ rèn luyện KNGT càng được chú ý nhiều hơn. Thầy cô cần tích cực tạo nhiều cơ hội cho SV thảo luận, làm bài tập nhóm, trình bày quan điểm cá nhân. Để đạt hiệu quả cao trong giao tiếp, SV cần phải có sự chuẩn bị chu đáo, tập luyện kỹ lưỡng và quá trình này phải được thực hiện thường xuyên, ở mọi lúc mọi nơi./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chu Văn Đức (2005), *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội, Hà Nội.
- [2]. Trần Thị Phụng Hà và Nguyễn Ngọc Lệ (2015), *Nhu cầu và kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Cần Thơ*, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 41, 61-70.
- [3]. Nguyễn Thị Kim Ngân (2011), *Văn hóa giao tiếp trong nhà trường*, NXB Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA HỘI ĐUA BÒ BẢY NÚI - AN GIANG*Sĩ: Nguyễn Thị Huỳnh Như, Lớp: ĐHQLVH15A**GVHD: ThS. Đinh Văn Nhân***Tóm tắt**

Hội đua bò Bảy Núi – An Giang là một hoạt động văn hóa, thể thao, một nét đẹp văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer nói riêng và Nam bộ nói chung. Hội đua bò được tổ chức cùng lễ Sen-Dolta (lễ cúng ông bà của đồng bào Khmer diễn ra từ 29/8 đến mùng 1/9 âm lịch) nên thu hút không chỉ cư dân vùng Bảy Núi, mà còn nhiều người dân đến các tỉnh thành lân cận. Qua đó góp phần làm lan tỏa những giá trị văn hóa đặc sắc của con người và vùng đất nơi đây.

Từ khóa: Lễ hội, hội đua bò, Bảy núi, An Giang, Khmer, giá trị văn hóa.

1. Đặt vấn đề

Người Khmer An Giang sống tập trung đông nhất ở hai huyện miền núi Tri Tôn và Tịnh Biên, nơi có biên giới giáp với vương quốc Campuchia. Văn hóa người Khmer trong quá khứ và hiện tại có vai trò quan trọng, là một trong những nguồn lực cho sự phát triển của bản thân tộc người cũng như của Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xu thế hội nhập ở nước ta hiện nay, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của người Khmer là một vấn đề cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Lễ hội truyền thống của người Khmer, trong đó lễ Sen-Dolta cùng hội đua bò giúp chúng ta hiểu được văn hóa và phong tục tập quán của dân tộc này. Nghiên cứu về hội đua bò, một mặt làm cơ sở khoa học cho việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc. Mặt khác, phản ánh văn hóa và định hướng trong việc xây dựng và phát triển đời sống văn hóa của người Khmer, trên cơ sở bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa tộc người, phát triển lễ hội đua bò thành sản phẩm văn hóa du lịch của An Giang.

2. Đặc điểm tự nhiên và xã hội

Bảy Núi (Thất Sơn) là vùng đất thuộc hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Vùng có địa hình đồi núi xen kẽ các cánh đồng nhỏ, đất cát pha nằm sát chân núi. Chính vì địa hình cao ráo như vậy nên tập quán lao động sản xuất nông nghiệp của người dân nơi đây khác hẳn với vùng đồng bằng thấp xung quanh, mà chủ yếu là việc sử dụng bò thay vì trâu.

Ngoài ra, do đặc thù lịch sử nên vùng Bảy Núi có nhiều cư dân là đồng bào Khmer, do đó ảnh hưởng tập quán lao động sản xuất và hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần của đồng bào Khmer thể hiện rất đậm nét trên địa bàn này, trong đó có sở trường về nuôi bò và sử dụng bò làm sức kéo phục vụ không chỉ cho hoạt động nông nghiệp mà cả trong việc đi lại (xe bò chở khách thay vì xe ngựa).

Cũng như người Việt, đồng bào Khmer là cư dân nông nghiệp lúa nước điển hình. Do đó mà hệ thống lễ hội nói chung của người Khmer đều mang dấu ấn nông nghiệp và gắn với nông lịch truyền thống.

Theo nông lịch của đồng bào Khmer Bảy Núi thì cuối tháng 8 âm lịch cũng đã vừa cấy lúa xong, đây là giai đoạn lúa bắt đầu có đòng đòng, công việc đồng áng bắt đầu rảnh rỗi. Đây là lúc diễn ra lễ Sen-Dolta (cúng ông bà) và hội đua bò ở vùng Bảy Núi. Lễ Cúng ông bà (Sen-Dolta) diễn ra trong 3 ngày 29, 30/8 và 1/9 âm lịch nhằm cầu siêu cho ông bà đã khuất và các vong hồn nói chung.

Nhìn chung mật độ bò ở hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn (vùng Bảy Núi) cao gấp hơn 10 lần các huyện còn lại trong tỉnh An Giang. Chính vì vậy, sau mùa vụ vào tháng 8 âm lịch là lúc nông dân và đàn bò ở Bảy Núi rảnh rỗi, là lại là thời gian có nguồn thức ăn (cỏ) dồi dào nên

thuận lợi cho việc tổ chức đua bò.⁽²⁰⁾ Các cuộc tranh tài trở thành nét sinh hoạt văn hóa đặc trưng của cư dân nơi đây.

3. Lịch sử hình thành và phát triển của hội đua bò Bảy Núi

Theo các trụ trì chùa Khmer thì ban đầu hội đua này xuất phát vào dịp các chủ bò tập trung về đám ruộng chùa để bừa “công quả” cho chùa, sau khi đã bừa ruộng nhà xong. Sau khi bừa xong đám ruộng chùa, để tạo không khí phấn khởi, các vị sư tổ chức thi đấu tài khéo và sự nhanh nhẹn giữa các cặp bò này. Phần thưởng cho đôi bò thắng cuộc ngày xưa chỉ đơn giản là cặp dây cà-tha⁽²¹⁾ gắn lục lạc bò do sư cả chùa trao cho chủ của nó. Tuy nhiên, giá trị tinh thần của giải thưởng rất lớn lao, là niềm tự hào không chỉ của chủ đôi bò này mà còn là của cả phum sóc. Vì vậy, cuộc tranh tài diễn ra vô cùng sôi nổi và hào hứng.

Kể từ năm 1989, UBND xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn bắt đầu đứng ra tổ chức đua bò và đến năm 1992 Phòng Văn hóa Thông tin và Trung tâm Văn hóa huyện Tri Tôn chính thức vào cuộc. Năm 2003, hội đua bò được Tổng cục Du lịch công nhận là sản phẩm du lịch, đến năm 2009 được nâng cấp thành Hội đua bò Bảy Núi mở rộng và tranh Cúp Truyền hình An Giang.

Chính vì quy mô hội thi được mở rộng nên giải thưởng cũng lớn hơn, gồm có: cúp, cờ lưu niệm và tiền thưởng lên tới 30 triệu đồng, chưa kể các phần thưởng khác của các nhà tài trợ. Những năm gần đây hội đua bò Bảy Núi thu hút khoảng 60 - 70 đôi bò đua và khoảng 50.000 khán giả đủ mọi tầng lớp từ các địa phương lân cận.

4. Khảo tả toàn diện một hội đua bò Bảy Núi

Các cuộc đua bò bừa được tổ chức hàng năm tại hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên (vùng Bảy Núi) vào ngày 29/8 âm lịch, tức ngày đầu tiên trong 3 ngày lễ Cúng ông bà của đồng bào Khmer (Sen-Dolta) và do nhà chùa tổ chức. Từ năm 1992, chính quyền và các đoàn thể địa phương bắt đầu đứng ra tổ chức đua bò nhưng vẫn phải dựa vào nhà chùa.

Đây là thời điểm giữa mùa mưa nên sân đua (đám ruộng chùa) có nước xâm xấp. Đồng thời đây cũng là tiết tiêu nông nhàn nên bà con nông dân có thời gian rảnh rỗi để tham gia huấn luyện và tổ chức đua bò. Tham gia đua bò và dự khán là mọi người dân không phân biệt nơi cư trú, thành phần dân tộc, tôn giáo..., nhưng chủ yếu là cư dân vùng Bảy Núi (thuộc hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên) mà chủ yếu là người Khmer và người Việt. Có năm còn có các cặp bò ở các tỉnh khác và của nước bạn Campuchia về Bảy Núi cùng tham gia thi đấu.

Đua bò ngày xưa chỉ là hoạt động tự phát trong phạm vi phum sóc, nhưng ngày nay càng lúc càng có quy mô lớn hơn⁽²²⁾ vì có sự tham gia tổ chức và quản lý của chính quyền, trở thành một sinh hoạt văn hóa truyền thống của tỉnh An Giang và cả ĐBSCL nói chung. Do đó, hàng năm lượng khán giả đổ về xem đua bò Bảy Núi lên đến khoảng 30.000 người (theo số liệu thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang năm 2011).

“Sân đua” là đám ruộng chùa và nằm sát khuôn viên chùa, thường có hình chữ nhật diện tích chuẩn là 160m x 60m⁽²³⁾, xung quanh sân đua có bờ mấp cao khoảng 1m để khán giả đứng xem. Vì là ruộng chùa nên sân đua thường nằm cạnh bên hông chính điện chùa. Sân đua có mực nước mưa xâm xấp (khoảng vài cm) giúp giảm độ ma sát của răng bừa đồng thời tạo cảnh nước văng tung tóe hấp dẫn khi cặp bò chạy nước rút. Tuy có nước xâm xấp nhưng chân bò

⁽²⁰⁾ Tháng 8 âm lịch cũng diễn ra nhiều hội chơi trâu ở miền Bắc như: ở TX Đồ Sơn, TP Hải Phòng vào ngày 9/8; ở xã Vũ Lăng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình vào ngày 10/8; ở xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An cũng vào ngày 10/8 âm lịch.

⁽²¹⁾ Cà-tha là một loại bừa hộ mạng của người Khmer được làm từ các loại chỉ màu kết lại với nhau, dùng để đeo theo bên người. Ở đây cà-tha cũng dùng để đeo cho bò, mang ý nghĩa hộ mạng.

⁽²²⁾ Cá biệt, trong hai năm 2014 và 2015 do chính quyền địa phương chỉ tổ chức đua vòng huyện (Tri Tôn và Tịnh Biên) và hai huyện lại tổ chức đua cùng ngày nên sức hấp dẫn của nó giảm đi và lượng khán giả cũng giảm theo.

⁽²³⁾ Diện tích sân đua không nhất thiết cố định như vậy mà có thể thay đổi. Chẳng hạn, diện tích sân đua chùa Tà Miệt (xã Lương Phi, huyện Tri Tôn) khoảng 135m x 45m (khoảng 6.000m²); sân đua chùa Thơ Mít (xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên) là 65m x 115m (khoảng 7.500m²); sân đua chùa Rô (xã An Cư, huyện Tịnh Biên) là 33m x 110m (khoảng 3.500m²).

không bị lún bùn vì mặt ruộng toàn đất cát pha. Đây chính là điều kiện thuận lợi về mặt thổ nhưỡng cho hội đua bò Bảy Núi.

Ở một đầu thuộc cạnh ngắn của sân đua có bãi tập kết bò. Đây là khoảnh đất tương đối cao ráo để tập kết các cặp bò đua và là nơi chủ bò chăm sóc bò của mình. Đường đua được quy định và dùng vật chỉ thị (cắm cờ) có bề ngang rộng 8m và kéo dài theo hình chữ nhật của chu vi “sân đua”. Nếu trong cuộc đua, đôi bò nào lọt ra khỏi đường đua trọn một con bò thì coi như thua cuộc. Xung quanh “sân đua” này được đắp bờ bao bằng đất cao khoảng 1m để khán giả đứng xem.

Mỗi đội đua gồm có một cặp bò mang chung chiếc ách, kéo một chiếc bừa và người điều khiển (gọi là “tài xế”) đứng trên bản bừa, một tay nắm dây vàm để điều khiển bò, một tay cầm cây xà-lục đâm vào cạnh sườn cặp bò để chúng đau mà lao về phía trước.

Ngày xưa Hội đua bò còn ở quy mô nhỏ trong từng phum sóc nên điều lệ đua bò rất đơn giản. Nhìn chung không có quy định nghiêm ngặt về đường đua, miễn sao cặp bò nào về đích trước thì thắng cuộc. Tuy nhiên, kể từ năm 1992, khi chính quyền địa phương đứng ra tổ chức giải thì cuộc đua phát triển quy mô rộng lớn hơn nhiều, do đó điều lệ cuộc đua cũng được quy định chặt chẽ và nghiêm ngặt hơn rất nhiều nhằm tạo thuận lợi cho công tác tổ chức, tránh tiêu cực và đòi hỏi kỹ năng điều luyện của mỗi cặp bò và người điều khiển.

Khi vào đường đua, hai đội không xếp thành hàng ngang mà xếp thành hàng dọc trước sau cách nhau 4m và ở đích đến cũng có hai mức cách nhau 4m tương ứng cho từng đội. Việc xác định đội nào đứng trước, đội nào đứng sau là do sự thỏa thuận của hai đội hoặc bốc thăm ngẫu nhiên. Thể lệ cuộc đua khá phức tạp. Một cuộc đua gồm có vòng “hồ” và vòng “thả”.

- Vòng “hồ” là vòng khởi động và trình diễn nên hai đội thường chạy chậm để thăm dò ý tứ nhau. Trong vòng “hồ”, đôi bò sau được quyền vượt mặt đôi bò trước nhưng không được lọt ra khỏi đường đua trọn một con bò. Đồng thời đôi bò sau không được đạp lên bừa của đôi bò trước, ngược lại đôi bò trước không được cố tình ngừng lại để ép đôi bò sau đạp lên bừa của mình. Nếu đôi bò nào vi phạm coi như thua cuộc.

- Vòng “thả” là vòng tranh chấp quyết liệt, được đánh dấu từ cờ vàng cho đến đích, dài 120m, và chính thức bằng cờ màu xanh (hai cờ này nằm trước sau và cách nhau 20m), kết thúc bằng hai cờ có ô vuông màu đen-trắng nằm trước sau và cách nhau 4m. Trong vòng “thả”, cả hai đội đều ra sức quyết liệt để tranh nhau về đích trước. Tuy nhiên, đoạn đầu (dài 20m) của vòng thả, từ cờ vàng đến cờ xanh, cặp bò sau vẫn không được phép đạp bừa của cặp bò trước (nếu cặp nào đạp thì cặp đó sẽ bị loại), chỉ từ vị trí cờ xanh trở đi mới được phép đạp bừa (cặp nào đạp được bừa của cặp đi trước sẽ thắng cuộc). Ngoài ra, trong suốt cuộc đua, nếu đội nào bị sút chốt bừa hay gãy gọng bừa, hoặc “tài xế” bị té văng hoàn toàn (tay chân không còn chạm chiếc bừa của mình) thì coi như thua cuộc. Khi đó, đội còn lại tuy đương nhiên thắng cuộc nhưng vẫn phải chạy cho đủ số vòng “hồ” và “thả”, về đến đích thì mới được công nhận bản thắng.

Ngày xưa, mỗi cuộc đua bò bừa gồm có 3 vòng “hồ” - 1 vòng “thả”, sau đó giảm xuống còn 2 vòng “hồ” - 1 vòng “thả”, rồi 1 vòng “hồ” - 1 vòng “thả”, cho đến hiện nay chỉ còn 1 vòng vừa “hồ” vừa “thả”, tức chạy “hồ” khoảng 2/3 đường đua, đến đoạn cuối còn khoảng 100m mới bắt đầu “thả” cho đến đích. Về cách đấu loại, hiện nay áp dụng 4 vòng loại: vòng 1 (đấu loại trực tiếp), vòng 2 (tứ kết), vòng 3 (bán kết), và vòng 4 (chung kết).

5. Tri thức bản địa và tín ngưỡng liên quan đến hội đua bò Bảy Núi

Bò đua theo truyền thống địa phương Bảy Núi phải là bò đực và thuộc các giống bò cỏ, còn gọi là *bò ta* hay *bò sóc*⁽²⁴⁾, có màu vàng nhạt, thân hình thon gọn và cơ bắp săn chắc, có tính thích nghi cao với khí hậu và thổ nhưỡng địa phương. Theo các tay đua bò có kinh nghiệm ở vùng Bảy Núi thì để đua bò phải chọn những giống bò bản địa thuần chủng (bò ta, bò cỏ hay bò sóc) có thể hình cân đối và cao ráo, không quá mập, không quá ốm. Tuy nhiên, thực tế hiện nay trên địa bàn Bảy Núi còn rất ít các giống bò này mà thay vào đó là việc phổ biến các giống

(24) Sóc hay srok là đơn vị dân cư của người Khmer.

bò lai, như bò lai Sind (có màu vàng sậm), bò lai Brahman (có màu trắng) có thân hình vạm vỡ hơn bò thuần chủng.

Để chuẩn bị đua, từ trước đó khoảng 2 tháng người ta đã cho cặp bò nghỉ làm việc để tập trung luyện tập tại các sân đua cho quen với sân và đường đua cũng như các hiệu lệnh từ tài xế. Bò đua có chế độ dinh dưỡng khác với bò thường. Ngoài việc cho ăn cỏ tươi ra, đặc biệt giai đoạn gần ngày đua còn được bồi dưỡng bằng nhiều thứ khác như: nước dừa tươi, trứng gà sống, nước uống tăng lực (vitamin), món cháo loãng vào buổi tối. Có người còn cho bò ăn/uống trứng vịt lộn sống chung với bia.

Tại các chuồng bò của đồng bào Khmer Bảy Núi hiện nay vẫn còn phổ biến ngai thờ Neak-ta (Ông Tà) để cầu mong cho thần phù hộ bò mạnh khỏe, tránh được dịch bệnh và những điều không may khác. Ở khắp phum sóc Khmer, hầu như nơi nào cũng có miếu⁽²⁵⁾ thờ thần Neak-ta, bất kể là tại các ngã ba ngã tư đường, ven đường, chân núi, sau hè, bờ ruộng, gốc cây cổ thụ, v.v... Đặc biệt, tại các sân đua bò luôn có miếu thờ Neak-ta để các chủ bò cúng vái cầu mong Ông Tà phù hộ cho bò mình mạnh khỏe và gặp may mắn trong cuộc đua. Miếu thờ Neak-ta vô cùng đơn giản, chỉ là ngôi miếu nhỏ xíu bằng bất cứ thứ vật liệu gì, bên trong chỉ cần một lư hương, một cục đá cuội là đủ.

Lễ vật cúng thông thường là các thứ có vị ngọt như: nải chuối sứ, trái dừa tươi và một ít bánh trái... Vì con bò là “đầu cơ nghiệp”, là gia sản lớn của mỗi gia đình, và đua bò là “thời điểm mạnh” của cộng đồng Khmer Bảy Núi nên ở đây vai trò tâm linh của thần Neak-ta cũng rất lớn. Ngay từ giai đoạn tập luyện bò để chuẩn bị thi đấu, các chủ bò cũng đã thường xuyên cúng vái Neak-ta tại sân đua để mong thần phù hộ. Trong ngày đua bò thì các chủ bò càng cúng vái, cầu khẩn thần Neak-ta hết lòng phù hộ cặp bò của mình trên đường đua gặp nhiều may mắn thuận lợi để giành chiến thắng. Do ảnh hưởng của giao lưu văn hóa nên những chủ bò là người Việt mang lễ vật đến cúng Neak-ta ngoài lễ vật như đã nêu trên, còn có thêm giấy tiền vàng bạc và đốt (hóa vàng) ngay tại miếu.

Ngoài ra, để tăng thêm sức mạnh tâm linh, nhiều chủ bò còn nhờ các vị thầy pháp ban cho các đạo bùa được viết trên giấy, đốt lấy tro pha vào nước cho bò uống trước và trong ngày thi đấu để được phù hộ. Nói chung, đua bò ở Bảy Núi không chỉ là một kỹ thuật mà là cả một nghệ thuật, thậm chí những gia đình có nhiều thế hệ đoạt giải quán quân được xem như là có những ngón bí truyền gia bảo mà người ngoài không dễ gì biết được. Cũng vì vậy mà ngày trước trong phum sóc của đồng bào Khmer Bảy Núi rải rác có các vị thầy chuyên về huấn luyện bò đua.

Do đua bò đã vượt lên trên một trò chơi thể thao giải trí đơn thuần để đến ngưỡng của một thứ tín ngưỡng địa phương nên dụng cụ đua bò đặc biệt như chiếc xe bò, chiếc ách, chiếc bừa, cây xà-lul chuyên dùng để đua và đã giành nhiều giải quán quân thường được mỗi gia đình cẩn thận cất giữ như một thứ gia bảo, để trao truyền cho các thế hệ sau. Nếu chẳng may một gia đình vì lý do gì đó không thể tiếp tục “nối nghiệp” đua bò thì người ta thường không bán các thứ đồ nghề gia bảo đó đi mà đem hiến cúng cho chùa.

Bên cạnh đó, trong ngày đua bò, chủ bò và “tài xế” rất hạn chế cho người lạ tiếp xúc hay chạm vào bò của mình, vì người ta sợ rằng sẽ làm bò hoảng sợ hoặc bị “dính” thuốc lạ, khi ra sân sẽ bị rung chân không chạy được hoặc chạy lạc lên bờ đê dẫn đến thua cuộc. Tài xế khi đứng bừa cũng có những bài thuốc để nhai trong miệng để phòng bản thân mình cũng bị “dính” thuốc lạ không thể đứng vững, hay trước khi ra sân sẽ uống trước một ly rượu mạnh để có khí thế ra đường đua.

6. Những giá trị văn hóa của hội đua bò Bảy Núi

Thứ nhất, Hội đua bò Bảy Núi là một hoạt động văn hóa biểu dương sức mạnh cộng đồng, hướng về cội nguồn.

Trong suốt chiều dài lịch sử, đồng bào Khmer Bảy Núi đã hun đúc, gìn giữ và trao truyền nhiệt huyết tình cảm đối với con bò và hội đua bò. Điều đáng lưu ý là cách thức tiến hành cuộc

⁽²⁵⁾ Trong phương ngữ Nam Bộ, miếu là ngôi thờ nhỏ còn miễu là ngôi thờ lớn, uy nghi.

đua bò mang tính mô phỏng hoạt động sản xuất nông nghiệp thường ngày của đồng bào Khmer vùng Bảy Núi. Do đó có thể xem hội đua bò ở đây như một hình thức khuyến nông tự phát của cộng đồng nông dân Khmer Bảy Núi. Đồng thời, do con bò gắn liền với đời sống nông nghiệp của cư dân địa phương nên hội đua bò có thể xem như một hành động ma thuật nhằm cầu mong cho gia súc mạnh khỏe, mùa màng thuận lợi, đời sống ấm no.

Hội đua bò Bảy Núi diễn ra vào thời điểm mùa mưa bắt đầu nặng hạt, giai đoạn thời tiết không thuận lợi khiến bò dễ bị bệnh, nên hội đua này còn mang ý nghĩa như là cách tạo ra một “thời điểm mạnh” để bò vượt qua bệnh tật. Do đó, hội đua này còn là sản phẩm của sự thích nghi với thời tiết.

Đua bò Bảy Núi diễn ra vào cuối tháng 8, đầu tháng 9 âm lịch, tức vào giai đoạn tiểu nông nhàn, nằm trong giai đoạn cầu bông của cư dân nông nghiệp lúa nước. Do đó, đây chính là một lễ hội nông nghiệp điển hình của đồng bào Khmer Bảy Núi. Hội đua bò này còn nằm trong khuôn khổ của lễ hội Cúng ông bà (Sen-Dolta), một hình thức sinh hoạt cộng đồng nhằm tưởng nhớ ông bà quá vãng và để ông bà có cái thưởng thức trong ngày vui về đoàn tụ với con cháu nên càng mang ý nghĩa về nguồn. Đây thời điểm của cộng đồng cư dân Bảy Núi trong việc củng cố nhiều vẻ đẹp văn hóa truyền thống đáng quý: lòng hiếu thảo, đức vị tha xen lẫn tinh thần thượng võ và ý chí quả cảm trong cuộc sống.

Nếu như Tết Năm mới (Chol Chnam Thmay) là lễ hội hướng tới tương lai (năm mới) với ước vọng mưa thuận gió hòa nhằm bảo đảm miếng cơm manh áo của người đang sống thì lễ Cúng ông bà (Sen-Dolta) lại hướng về quá khứ, về ông bà quá vãng để tưởng nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục.

Ngoài ra, những phẩm chất dũng mãnh, điêu luyện của cặp bò và tài xế trong cuộc đua bò như thế góp phần khuyến khích nghề nuôi bò nói chung và thuần dưỡng bò nói riêng để đáp ứng yêu cầu lao động sản xuất ở vùng đất bán sơn địa có địa hình phức tạp, hiểm trở như vùng Bảy Núi.

Thứ hai, thỏa mãn nhu cầu về tinh thần, nhu cầu giải trí của người dân sau những giờ lao động mệt nhọc.

Người dân nơi đây sống bằng nông nghiệp, nên những cuộc vui hay giải trí cũng gắn liền với hoạt động nông nghiệp. Đua bò vừa là hình thức thể hiện sự khéo léo, tài huấn luyện bò của “tài xế”, vừa thể hiện sự mạnh mẽ của những đôi bò khi lướt nhanh trên mảnh ruộng, nước bắn tung tóe. Người ta đợi đến ngày Tết Sen-Dolta để cùng rủ nhau đi xem đua bò, sau đó cùng ngồi lại với nhau uống vài ly để kể về chuyện... con bò. Người Kinh có câu “con trâu là đầu cơ nghiệp” còn đối với người Khmer vùng Bảy Núi thì con bò là cả cơ nghiệp, nên họ yêu quý và chăm sóc chúng rất chu đáo. Có thể thấy, bò trong cuộc sống nông nghiệp của người dân Khmer là vô cùng quan trọng, là một tài sản lớn lao của gia đình.

Hội đua bò là ngày hội đông vui và náo nhiệt nhất của người dân Khmer vùng Bảy Núi. Sau những ngày miệt mài với công việc đồng áng, người ta dắt bò ra cùng đua với nhau để xem đôi bò nào khỏe hơn, những cuộc đua vui như thế này lâu dần thành cuộc đua lớn, thu hút nhiều người dân đến xem.

Đua bò là một hình thức thể hiện sự trân trọng những con bò luôn gắn liền với công việc đồng áng vùng đất bán sơn địa. Trẻ con trong vùng theo ông cha, theo chú, theo anh đến xem đua bò, đây là dịp để hun đúc trong lòng thế hệ sau về những giá trị văn hóa lớn lao và tốt đẹp của ông cha.

Thứ ba, tính nhân văn của Hội đua bò Bảy Núi.

Trong khi đua bò, “tài xế” dùng sà-lul đâm mạnh vào hai bên mạng bò cho bò đau mà chạy về phía trước. Những khán giả chứng kiến có thể thấy điều này dã man hoặc gây quá đau đớn cho bò. Nhưng theo những chủ bò và tài xế, trước khi đua vài ngày, bò được ăn các loại rau có tính mát để kháng viêm như: cỏ màn trâu, cây cát lồi, cỏ mật... bò được chăm sóc rất cẩn thận, chu đáo.

Tuy nhiên, khác với các cuộc đua thú thông thường (thú đua thường rất hung hãn), hội đua bò Bảy Núi chỉ dung nạp được những cặp bò đua hiền lành (bò đực đã thiến khoảng hai năm), vì nếu không sẽ dễ dàng phạm quy và thua cuộc ngay từ đầu. Như thế, ngay từ trong luật

chơi, hội đua bò Bảy Núi cũng đã thể hiện rõ nếp sống hiền lành, chân chất và đậm đà của người dân nơi đây.

Ở Việt Nam, ngoài vùng Bảy Núi ra không thấy nơi nào khác có hội đua bò. Ở miền Bắc có hội chơi trâu truyền thống ở nhiều nơi (như Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Nghệ An, v.v...) nhưng mang nhiều nét khác biệt so với hội đua bò Bảy Núi: con trâu thắng cuộc luôn bị giết thịt⁽²⁶⁾ để cúng thần và chia cho người dân. Trong khi đó, ở hội đua bò Bảy Núi, cặp bò thắng cuộc chẳng những không bị giết mà còn được giữ lại nâng niu và chăm sóc cẩn thận. Điều này cho thấy rõ tình cảm yêu quý của người Khmer dành cho con bò.

Thứ tư, tính giao thoa và hòa hợp giữa các dân tộc trong Hội đua bò Bảy Núi.

Hội đua bò truyền thống của đồng bào Khmer Bảy Núi luôn diễn ra tại đám ruộng chùa, nằm sát sân chùa, do nhà chùa tổ chức và phát giải. Từ năm 1992, chính quyền địa phương mới đứng ra tổ chức nhưng vẫn phải dựa vào nhà chùa, vì hệ thống nhà chùa chính là thiết chế văn hóa quan trọng nhất của đồng bào Khmer. Không gian sân đua mở thoáng tối đa, đám ruộng có bờ mấp lơn xung quanh và việc không có rào chắn ngăn cách đường đua với khán giả cũng đã chỉ rõ tính cộng đồng và hòa hợp cao của hội đua bò Bảy Núi.

Đua bò từ chỗ là một hình thức sinh hoạt văn hóa cổ truyền của đồng bào Khmer, từ lâu đã có người Việt tham gia, thậm chí nhiều năm quán quân vô địch chính là người Việt. Đồng thời, Chính vì có quy mô như thế nên đua bò trở thành ngày hội lớn không những của đồng bào Khmer Bảy Núi mà còn của đồng bào Khmer các tỉnh lân cận và nhiều lần thi đấu có cả các cặp bò ở các tỉnh khác của ĐBSCL và ở nước bạn Campuchia tham gia. Điều đó cho thấy sức thu hút mãnh liệt và tính chất liên kết cộng đồng mạnh mẽ của hội đua bò Bảy Núi. Mỗi dịp đua bò đồng bào lại có dịp trải hội đông vui, hàng quán đông đặc ở xung quanh “sân đua”. Do đó, đây chính là một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng truyền thống giàu ý nghĩa của cộng đồng dân cư Bảy Núi, mang tính giao thoa hòa hợp giữa các dân tộc và gắn chặt với truyền thống Phật giáo Nam tông cũng như bản sắc văn hóa nông nghiệp độc đáo của đồng bào Khmer nơi đây.

Thứ năm, giá trị là tài nguyên khai thác phát triển du lịch văn hóa

Tất cả những điều đó cho thấy rõ, hội đua bò Bảy Núi không còn là hoạt động thể thao mang tính giải trí đơn thuần mà nó nằm trong hệ thống lễ hội nông nghiệp lúa nước của đồng bào Khmer ở vùng đất bán sơn địa, gắn với truyền thống Phật giáo Nam tông, mang đậm bản sắc văn hóa dân gian. Do đó, có thể nói hội đua bò này chính là một dạng thức đặc trưng nhất của văn hóa nông nghiệp Khmer vùng Bảy Núi.

Vừa qua trong “Đề án phát triển du lịch vùng ĐBSCL đến năm 2020”, một trong những vấn đề cần được ưu tiên đầu tư phát triển được Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch đưa ra, là: “Đầu tư phục hồi, phát triển các lễ hội nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch và nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của lễ hội”, trong đó, dự kiến kinh phí đầu tư cho lễ Sen-Dolta và lễ hội đua bò là 10 triệu USD, thực hiện giai đoạn 2016 - 2020. Và cần nhất hiện nay là xây dựng một trường đua hiện đại mà vẫn mang những giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân gian của người Khmer và cộng đồng các dân tộc tại An Giang, nhằm thu hút, giữ chân khách du lịch ở lại lâu hơn và tạo thêm thu nhập cho người dân trong khu vực. Nếu dự án này sớm thực hiện sẽ tạo thêm sức hấp dẫn cho lễ hội đua bò vùng Bảy Núi - An Giang.

7. Kết luận

Hội đua bò là di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của cư dân vùng Bảy Núi - An Giang, thể hiện nét đẹp sinh hoạt văn hóa dân gian đặc sắc của người Khmer ở Nam bộ. Lễ Sen Dolta cùng với hội đua bò luôn gắn liền với đời sống người dân nơi đây. Trong tương lai không xa, hội đua bò Bảy núi sẽ trở thành lễ hội quốc gia, không chỉ phát huy giá trị văn hóa dân tộc, tôn vinh văn hóa truyền thống mà còn là điểm đến du lịch không thể thiếu của du khách trong và ngoài nước.

Tài liệu tham khảo

⁽²⁶⁾ Riêng hội chơi trâu ở Đồ Sơn, Hải Phòng ngày xưa, con trâu thắng cuộc được ném xuống biển để tế Thủy thần.

- [1]. Châu Đạt Quan (1296, tái bản 2007), *Chân Lạp phong thổ ký*, Nxb Văn nghệ TP HCM.
- [2]. Chi cục Thống kê huyện Tri Tôn (2012), *Niên giám thống kê 2011*, Chi cục Thống kê huyện Tri Tôn.
- [3]. Dật Sĩ - Nguyễn Văn Hầu (1972), *Thất Sơn màu nhiệm*, Nxb Từ Tâm, SG.
- [4]. Lê Trung Vũ - Nguyễn Hồng Dương (1997), *Lịch lễ hội*, Nxb Văn hóa - Thông tin, HN.
- [5]. Nhiều tác giả (2013), *Địa chí An Giang*, Nxb UBND tỉnh An Giang.
- [6]. Viện Văn hóa (1988), *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*, Nxb Tổng hợp Hậu Giang.
- [7]. Lê Công Lý (2016), *Hội đua bò Bảy Núi*, *An Giang*, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 4 (130).
- [8]. Hoài Phương (2015), *Văn hóa dân gian vùng Bảy Núi*, Nxb Hội Văn nghệ Dân Gian Việt Nam, HN.

NGƯỜI NAM BỘ VỚI TRUYỆN VÀ PHIM KIỂM HIỆP CỦA NHÀ VĂN KIM DUNG

SV: Trần Thánh Tông, Lớp: ĐHQLVH15A

GVHD: ThS. Trần Hoàng Phong

Tóm tắt

Cách đây khoảng 60 năm, những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của tác giả người Trung Quốc – Kim Dung bắt đầu xuất hiện ở miền Nam Việt Nam đã tạo nên một trào lưu đọc tiểu thuyết võ hiệp hết sức sôi động. Sau đó không lâu, những bộ phim được chuyển thể từ tiểu thuyết đó cũng tiếp tục được người dân đón nhận nồng nhiệt. Sự thành công của tiểu thuyết và phim kiếm hiệp của Kim Dung ở miền Nam Việt Nam là sự kết hợp của nhiều yếu tố. Trong đó, phải kể đến sự tương đồng về hoàn cảnh chính trị - xã hội của miền Nam với bối cảnh trong truyện, cốt truyện hấp dẫn, tính cách nhân vật, đội ngũ lồng tiếng và kỹ xảo điện ảnh.

Từ khóa: tiểu thuyết võ hiệp, phim kiếm hiệp, Kim Dung, người Nam Bộ

1. Đặt vấn đề

Khoảng những năm 60 của thế kỷ trước, những bộ tiểu thuyết võ hiệp của tác giả Kim Dung bắt đầu thâm nhập vào nền văn học nước nhà, chủ yếu là ở khu vực miền Nam. Tại đây, gặp những điều kiện thuận lợi, tiểu thuyết Kim Dung tiếp tục được phát triển hết sức mạnh mẽ, tạo nên một phong trào đọc tiểu thuyết kiếm hiệp Kim Dung khắp miền Nam Việt Nam. Sau sự thành công của tiểu thuyết, sau đó là các bộ phim kiếm hiệp được dựng dựa trên nó cũng được người miền Nam đón nhận một cách nồng nhiệt, không kém so với tiểu thuyết. Có một điều đặc biệt là ở miền Nam, tiểu thuyết và phim võ hiệp của Kim Dung phát triển và được đón nhận một cách nồng nhiệt hơn hẳn so với ở miền Trung và miền Bắc. Vậy đâu là nguyên nhân của vấn đề? Bài viết này tập trung làm rõ những nguyên nhân đó.

2. Nội dung

2.1. Vài nét về nhà văn Kim Dung và sự nghiệp sáng tác:

Kim Dung tên thật là Tra Lương Dung sinh vào ngày 10 tháng 3 năm 1924 tại trấn Viên Hoa, huyện Hải Ninh, địa cấp thị Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, trong một gia tộc khoa bảng. Thuở nhỏ ông là người thông minh, lanh lợi, yêu thiên nhiên, thích nghe kể chuyện thần thoại, truyền thuyết. Đặc biệt ông rất mê đọc sách. Dòng họ Kim Dung có một nhà để sách gọi là “Tra thị tàng thư” nổi tiếng khắp vùng.

Từ thời học trung học, ông đã bắt đầu có những tác phẩm gây được sự chú ý của nhiều người. Lớn lên, ông có nhiều thời kì làm việc cho các tờ báo khác nhau với các vai trò viết báo, viết bình luận, dịch thuật...

Ngoài các tiểu thuyết võ hiệp, ông còn viết các truyện lịch sử Trung Quốc. Ông đã được trao tặng nhiều huân chương danh dự.

Kim Dung đã được trao tặng huân chương OBE của Vương Quốc Anh năm 1981, và Bắc đầu bội tinh năm 1982, Commandeur de l’Ordre des Arts et des Lettres năm 2004 của chính phủ Pháp.

Ông cũng là giáo sư danh dự của nhiều trường đại học như Bắc Kinh, Chiết Giang, Nam Khai, Hồng Kông, British Columbia cũng như là tiến sĩ danh dự của đại học Cambridge.

Tháng 3 năm 2017, Bảo tàng Di sản Hong Kong đã mở cuộc triển lãm các tranh ảnh có liên quan đến các tác phẩm của Kim Dung.

2.2. Thử lý giải nguyên nhân người miền Nam mê truyện và phim kiếm hiệp

2.2.1. Hoàn cảnh chính trị - xã hội Nam bộ lúc bấy giờ

Lịch sử Nam bộ chỉ mới được khai phá và phát triển khoảng 300 năm trở lại đây, nhưng vùng đất Nam bộ cách đây 4000 – 5000 năm đã có người sinh sống.

Tình hình chính trị - xã hội vùng đất Nam bộ lúc bấy giờ có nhiều phức tạp và có thể chia theo nhiều giai đoạn. Sau khi đánh đuổi được Pháp thì Mỹ nhảy vào miền Nam tiếp tục đô

hộ từ chính quyền tay sai. Sau rất nhiều cuộc khởi nghĩa nổi dậy đấu tranh và sự hỗ trợ quen mình của miền Bắc thì miền Nam được giải phóng và thống nhất đất nước. Nhưng hậu quả mà chiến tranh để lại đối với con người Nam bộ thì không thể nào kể hết được, sự khó khăn, gian khổ đối với con người Nam bộ không biết phải chăng có được giảm phần nào so với trước không, chính vì thế trong tâm thức họ luôn nghĩ về cái tốt đẹp, cái nghĩa, cái nhân với tính cách thật thà, chất phác vốn có của con người Nam bộ, mà chính những tác phẩm kiếm hiệp giúp họ thỏa mãn về mặt tinh thần. Mang đến một niềm lạc quan về một tương lai tươi sáng cho số phận con người và đất nước lúc bấy giờ.

Bối cảnh trong tác phẩm kiếm hiệp của Kim Dung là thời tộc du mục Nữ Chân và Mông Cổ lấn vào Trung Nguyên đầu thế kỷ 13, Thanh triều diệt Minh và đô hộ Trung Quốc mấy thế kỷ sau đó. Những người Trung Hoa ở thế thua trận, mất nước chỉ có tìm vào võ công thần bí với niềm tin tự tôn dân tộc, và kể cả vậy thì cuối cùng các nhân vật cũng đều thất bại, hoặc bị giết hoặc phải xa lánh trần thế tìm đến chôn tu hành nơi hoang vu. Rõ ràng, bối cảnh truyện và phim của Kim Dung có nhiều nét tương đồng với bối cảnh mà Nam bộ vừa mới trải qua, nó như những thước phim quay lại lịch sử của chính con người nơi đây. Có lẽ chính điều này đã là một yếu tố làm nên sức hấp dẫn của truyện và phim Kim Dung với người Nam Bộ.

2.2.2. Cốt truyện, tình tiết hấp dẫn, lôi cuốn

Cốt truyện cho một truyện và phim kiếm hiệp điển hình phải khắc họa rõ nét hình ảnh nhân vật chính phải trải qua nhiều bi kịch, gia đình gặp nạn hay thất lạc gia đình từ nhỏ, vì vậy phải trải qua nhiều khó khăn, gian khổ của cuộc sống hoặc “vô tình học được bí kiếp” mà có được võ công cao cường. Cuối cùng sử dụng những võ công ấy để hành hiệp trượng nghĩa, giúp đỡ người khó khăn và làm trong sạch giang hồ (xã hội). Ví dụ như nhân vật Tiêu Phong (Kiều Phong) trong Thiên Long Bát Bộ. Xuất phát từ một sự hiểu lầm mà dẫn đến bao nhiêu ân oán chỉ có cửa Phật từ bi mới có thể giải hết, rồi đến cuối vẫn là một đại anh hùng oanh liệt dùng thân mình để đổi muôn dân.

Vài truyện mô tả một anh hùng đã thành danh đối đầu với một nhân vật phản diện là một địch thủ ngang ngửa mình. Nội dung sẽ dần dần dạt tới một trận tử chiến giữa 2 nhân vật. Loại truyện này rất phổ biến trong thời kỳ có những phong trào phản Thanh.

Những tiểu thuyết kiếm hiệp hiện đại phần lớn lấy bối cảnh Trung Quốc cổ hay cận đại. Bối cảnh lịch sử có thể trong phạm vi từ rất cụ thể hoặc giả định. Những yếu tố kỳ bí như võ công cao cường đến ma quỷ và quái vật, là những yếu tố phổ biến trong tiểu thuyết võ hiệp, nhưng không phải là quan trọng nhất. Võ công mới là yếu tố tiên quyết khi những nhân vật phải biết vài loại võ công. Chuyện tình cảm cũng được khắc họa mạnh mẽ trong vài tiểu thuyết võ hiệp. Đó chính là những tình tiết vô cùng hấp dẫn của truyện và phim kiếm hiệp Kim Dung. Tình tiết không quá ủy mị, lãng mạn mà hùng tráng hay bi hùng mà không bi thương rất phù hợp với tính cách và sở thích của người Nam bộ vốn là những người ít học và thích tự do, ghét phức tạp, màu mè, ủy mị.

2.2.3. Xuất thân và tính cách của người Nam bộ với nhân vật kiếm hiệp

Người Nam bộ và các nhân vật kiếm hiệp có những điểm gần giống nhau về xuất thân, tất cả họ đều có xuất thân là người phải tha hương vì những khó khăn, nhu cầu hay do ân oán. Buộc họ phải tìm một nơi mới, một công việc mới vì thế sẽ có những sự đồng cảm trong suy nghĩ của người Nam bộ khi thưởng thức truyện và phim kiếm hiệp mà người Nam bộ dường như không để ý và không nhận ra, là nét tính cách “Nghĩa – Nhân – Phác”.

“Nghĩa”: Giữa cái mệnh mông của đồng lầy, của rừng ngập mặn, của biển cả và sông nước, con người cần phải nương tựa vào nhau. Nhưng sự liên kết đó dựa trên cơ sở nào? Phải lấy cái gì để điều chỉnh mối quan hệ giữa người với người. Trong hoàn cảnh và môi trường sống như vậy, con người Nam Bộ đã lấy tình nghĩa làm chỗ dựa tinh thần cho sự gắn bó, liên kết giữa người với người. Thế giới giang hồ trong kiếm hiệp cũng thế, chữ “Nghĩa” là trụ cột tinh thần của hiệp khách và là chuẩn tắc cơ bản của thế giới giang hồ. Thế giới giang hồ trong kiếm hiệp sơ dĩ vượt ra ngoài xã hội bình thường mà trở thành môi trường hoạt động của các hiệp khách là do nó có cả một hệ thống quan niệm giá trị và chuẩn tắc hành vi độc đáo.

Người dân Nam bộ thường hay kết nghĩa với nhau cũng như trong kiếm hiệp kết nghĩa anh em, “Từ khi kết nghĩa, anh em tình như cốt nhục, lạnh dữ thì giúp đỡ lẫn nhau, sang hèn đều cùng đồng kham công khổ”. Anh em với nhau là “nghĩa khí”, trên giang hồ thì là “đạo nghĩa”, “lộ kiến bất bình bạt đao tương trợ”.

“Nhân”: yếu tố ảnh hưởng đến tính cách con người Nam bộ là hoàn cảnh xã hội- lịch sử. Không thể hiểu đúng tính cách con người Nam Bộ, nếu không chú ý đúng mức đặc điểm lịch sử xã hội của cư dân vùng đất này trong lịch sử. Khác với các vùng miền khác trên dải đất Việt Nam, người Nam Bộ mang trong mình hào khí của người đi mở cõi. Đất nước khó khăn thì những người trượng phu sẽ đứng lên gánh vác. Đó cũng là một trong những nét tương đồng mà truyện và phim kiếm hiệp thể hiện, điển hình như Quách Tĩnh là một đại hiệp sĩ suốt đời truy cầu nhân cách lý tưởng.

“Phác”: chúng ta dễ dàng nhận thấy được sự chất phác thật thà của người Nam bộ và truyện phim kiếm hiệp vô cùng giống nhau. Người Nam bộ rất thật thà chất phác biểu hiện qua nội dung hơn là hình thức trong cách ăn, mặc, ở, tư duy, giao tiếp. Một hiệp khách cũng phải thể phải luôn thật thà, chất phác dù bất cứ chuyện gì xảy ra đó mới là người hiệp khách chân chính, những nhân vật thật thà chất phác ấy luôn luôn được sự may mắn và sự thành công trên con đường sự nghiệp của bản thân. Ví như Thạch Phá Thiên (Cẩu Tạp Chủng) trong Hiệp Khách Hành là một gã ăn mày không hơn không kém nhưng lại có thể lĩnh hội được tuyệt học võ công trong bài thơ của Lý Bạch được khắc trên vách đá trong hang động ở đảo Hiệp Khách mà biết bao người là chương môn Thiếu Lâm, Võ Đang, Cái Bang lại không tài nào hiểu được. Trong Phật học cũng có đề cập đến cái gọi là “sở tri chướng”, quá nhiều tri thức dễ biến thành “định kiến” ngăn cản sự nhận thức chân lý.

“Nghĩa” – “Nhân” – “Phác” là ba tính cách điển hình mà chúng ta có thể dễ dàng thấy rõ sự tương đồng giữa con người Nam bộ và nhân vật trong truyện kiếm hiệp. Có lẽ chính vì những nét tương đồng trong tính cách nhân vật kiếm hiệp so với bản thân con người Nam bộ những con người này đây mai đó, nên khi thường thức những tác phẩm truyện hay phim kiếm hiệp họ thêm phần yêu mến và ngày càng mê những tác phẩm kiếm hiệp ấy.

2.2.4. Đội ngũ lồng tiếng và Kỹ xảo điện ảnh lúc bấy giờ.

Đối với Nam bộ lúc bấy giờ mà nói những thứ kỹ xảo điện ảnh trong phim kiếm hiệp của Kim Dung là một thứ gì đó hết sức hấp dẫn và kỳ diệu. Với một nền kinh tế chính trị vừa trải qua một thời kỳ chiến tranh dài thì vấn đề thưởng thức sản phẩm nghệ thuật và điều kiện để thưởng thức là không hề đủ. Cả một làng, một xã vài trăm người nhưng chỉ có 1 hay 2 chiếc tivi thì chỉ cần được xem 1 hay 2 lần 1 tuần phim kiếm hiệp thì cũng đủ làm thỏa mãn con người Nam bộ rồi.

Đó là còn chưa kể đến vào thời điểm bấy giờ điện ảnh Hoa ngữ đang đứng đầu châu Á thì làm sao mà những con người chân chất, thật thà giàu tình cảm như Nam bộ không mê được.

Ngoài ra, đội ngũ lồng tiếng với ngôn ngữ đậm chất Nam Bộ, đậm chất kiếm hiệp không thể lẫn vào đâu được đã tạo nên một sức thu hút tuyệt vời cho loạt phim kiếm hiệp Kim Dung. Có thể nói, nếu không có đội ngũ lồng tiếng như vậy, hoặc phim được thuyết minh hay lồng tiếng theo giọng Trung Bộ hay Bắc bộ thì các bộ phim kiếm hiệp Kim Dung không thể có được sự thành công như đã từng có.

3. Kết luận

Có thể mọi người sẽ thấy kỳ lạ là tại sao người Nam bộ lại mê truyện và phim kiếm hiệp như thế? Hầu như mọi người từ trẻ con đến người lớn tuổi ở Nam bộ đều biết về những nhân vật như Tiêu Phong, Đoàn Dự, Hư Trúc, Quách Tĩnh – Hoàng Dung, Dương Quá, Trương Vô Kỵ,... và rất nhiều nhân vật kiếm hiệp khác.

Chính những yếu tố trên khiến cho truyện và phim kiếm hiệp Kim Dung rất hấp dẫn với một bộ phận lớn người Nam bộ vì sự tương đồng về văn hóa, và giá trị của một thời. Nhưng những người thường thức, trừ những người gốc Hoa ở Nam bộ, lại nhìn vào vấn đề của truyện và phim Kim Dung theo một cách khác. Sự thích thú đến mê của người Nam bộ đối với truyện và phim kiếm hiệp Kim Dung xuất phát từ những tình tiết ly kỳ, tinh thần phản kháng trước giặt ngoại xâm, trước quan lại tàn ác.

Tính bình dân và sự chất phác trong truyện và phim kiếm hiệp Kim Dung dễ khiến bất cứ con người Nam bộ nào cũng có thể tìm cho mình một nhân vật điển hình mà mình yêu thích.

Bên cạnh đó người dân Nam bộ trong và sau chiến tranh lúc nào cũng ngưỡng mộ tinh thần xả thân vì nghĩa, dám hy sinh cho tình bạn, tình yêu trong truyện Kim Dung, một điều mà thực ra khi đó cũng rất ít thấy trong cuộc sống và ngày nay thì điều đó còn ít hơn bao giờ hết.

Tài liệu tham khảo

[1]. Kim Dung (2016), *Thiên Long Bát Bộ* (Đông Hải dịch, trọn bộ 3 tập), NXB Văn học.

[2]. Nhiều tác giả (2008), *Nam Bộ Xưa và Nay*, NXB TP. Hồ Chí Minh.

[3]. Ôn Tử Kiên (2004), *Văn hóa Võ hiệp*, NXB Hội Nhà Văn.

[4]. Thích Chơn Thiên (2004), *Bàn về tư tưởng Phật học trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung*, Thư viện hoa sen (<http://nigioikhatsi.net/kinhsach-pdf/ban-ve-tu-tuong-phat-hoc-trong-tieu-thuyet-kim-dung-ht-chon-thien.pdf>).

YẾU TỐ PHẬT GIÁO TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

SV: Huỳnh Minh Nhật, Lớp: ĐHVNI6A

GVHD: ThS. Trần Hoàng Phong

Tóm tắt

Đạo Cao Đài – một tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ được hình thành trên nền tảng kết hợp các tôn giáo khác như: Bàlamôn giáo, Đạo giáo, Phật giáo và Thiên Chúa giáo. Trong đó, Phật giáo có phần trội hơn so với các tôn giáo khác.

Chúng ta có thể thấy qua việc: Chọn nhân vật Phật giáo để thờ, danh hiệu Phật giáo được dùng trong tôn giáo này, kinh văn giáo lý mang yếu tố Phật giáo và yếu tố của nhà Phật được biểu hiện qua kiến trúc của Tòa Thánh Tây Ninh – thánh địa và tổ đình của đạo.

Từ khóa: Cao Đài, yếu tố Phật giáo, dung hợp tôn giáo

1. Đặt vấn đề

Vào thời kỳ Bắc thuộc, Phật giáo Bắc Tông đặt những nền móng đầu tiên trên đất Việt. Phật giáo đã hòa nhập với các tôn giáo – tín ngưỡng bản địa để tạo được chỗ đứng ổn định cho mình. Không dừng lại đó, tôn giáo này ra công hoằng hóa và góp công xây dựng đất nước phát triển. Vào thời Lý – Trần, Phật giáo đã vươn lên mạnh mẽ trở thành hệ tư tưởng chính trong xã hội. Những công lao to lớn của đạo Phật có thể kể đến: Thời kỳ đất nước yên bình, nhà chùa giúp tổ chức cộng đồng làng xã, chăm lo đời sống tinh thần và hỗ trợ đời sống sinh hoạt vật chất cho nhân dân. Thời kỳ kháng chiến, tự viện là nơi căn cứ kháng chiến, che giấu các chiến sĩ và là hậu phương cho tiền tuyến. Còn các công trình kiến trúc, nghệ thuật của Phật giáo cũng đạt đến trình độ thẩm mỹ cao.

Sự phát triển lớn mạnh của Phật giáo cũng có sự ảnh hưởng đến một số tôn giáo nội sinh ở miền Nam Việt Nam, vào thế kỷ XIX và những năm đầu thế kỷ XX. Các tôn giáo này đã dùng một phần tinh hoa của Phật giáo làm nền tảng cơ sở để hình thành nên tư tưởng của đạo, tiêu biểu là các tôn giáo như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo.

Trong các tôn giáo kể trên, chúng ta có thể nói đạo Cao Đài là một tôn giáo dung hợp, được hình thành dựa trên nhiều nền tảng tư tưởng của nhiều tôn giáo khác nhau, trong đó Phật giáo chiếm ưu thế, điều này được minh chứng qua nhiều khía cạnh được trình bày ở phần dưới.

2. Nội dung

2.1. Nhân vật Phật giáo được thờ trong đạo Cao Đài

2.1.1. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Cao Đài là một tôn giáo mang tính tổng hợp. Tinh thần nhất quán của Đạo là Quy nguyên tam giáo và Ngũ chi phục nhất tức là quy 3 mỗi đạo (Nho, Phật, Lão) về một; thống nhất 5 ngành đạo (Thánh đạo của Kitô giáo, Tiên đạo của Đạo giáo, Phật đạo của Phật giáo, Nhân đạo của Khổng giáo, Thần đạo của Khương Thái Công).

Theo đạo Cao Đài, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người chương quản của một giáo phái trong tam giáo Phương Đông – một trong ba nền tảng lớn của Đại Đạo.

“Kinh sách đạo Cao Đài có câu:

*Di-Lạc thất bá thiên niên quảng khai Đại Đạo,
Thích Ca nhị thập ngũ thế chung lập Thiên môn.*

Nghĩa là:

Đức Phật Di-Lạc truyền bá rộng rãi nền Đại Đạo trong 700 ngàn năm,

Đức Phật Thích Ca lập Đạo Phật (Thiên môn) trong 25 thế kỷ là dứt (25 thế kỷ tức là 2500 năm)”. [1]

Qua đây, chúng ta có thể nhận thấy tại sao Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lại chọn Phật Thích Ca Mâu Ni làm một trong ba vị giáo chủ ở vị trí thờ cao thứ hai sau Thượng Đế và Diêu Trì Kim Mẫu, tôn giáo của ngài trở thành một trong ba nền tảng lớn để khai đạo.

2.1.2. Quán Thế Âm Bồ Tát

Trong Phật giáo Bắc Tông, Quán Thế Âm Bồ Tát (nữ phái) là một vị Bồ Tát có tâm lòng đại từ, đại bi, cứu khổ cứu nạn. Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ, Quán Thế Âm Bồ Tát giữ nhiệm vụ chấn hưng Phật giáo vào thời Nhị Kỳ Phổ độ.

Kỳ Phổ Độ thứ ba này, thừa lệnh Đức Chí Tôn cùng Diêu Trì Phật Mẫu, cảm quyền Nhi Trần Oai Nghiêm, thay mặt Thích giáo, rọi gương bác ái từ bi, tế độ đoàn Nữ phái.” [2, tr. 299]

2.1.3. Di Lạc Vương Phật

Trong các ngôi chùa theo Phật giáo Bắc Tông thường có đặt tượng ba vị Phật ngồi ở vị trí ngang nhau và có hình tướng giống như Đức Thích Ca Mâu Ni, đó là Tam Thế Phật (Gồm đức Thích Ca Mâu Ni ngồi giữa, bên trái ngài là Đức Phật A Di Đà, bên phải ngài là Đức Phật Di Lạc) – Đây là ba lần chuyển hóa cứu thế của Đức Thích Ca Mâu Ni đại diện cho Phật giáo.

Trong đạo Cao Đài, họ xem lần chuyển thế thứ ba của Đức Thế Tôn có nhiệm vụ quan trọng thay mặt Ngọc Hoàng Thượng Đế cứu độ chúng sinh. Như thế Phật giáo phải mang tầm ảnh hưởng rất lớn trong tôn giáo này cho nên chọn nhân vật Phật giáo mà thay thế cho Đấng Chí Tôn.

“Di-Lạc Vương Phật là vị Phật tương lai, giáng sanh xuống cõi trần vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, đắc đạo tại cội cây Long Hoa, làm giáo chủ Đại hội Long Hoa, thay mặt Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mà làm vua cai trị Càn khôn thế giới và Vạn linh.

Trong Kinh Thiên Đạo của Đạo Cao Đài, Đức Phật Thích Ca giáng cơ ban cho 2 Bài Kinh: Kinh Đại Tường và Di-Lạc Chơn Kinh, nhờ đó chúng ta biết được nhiệm vụ và quyền hành của Đức Di-Lạc Vương Phật.

Khi Ngài làm nhiệm vụ cai quản Càn khôn thế giới thì gọi Ngài là Đức Di-Lạc Vương Phật; nhưng khi Ngài làm nhiệm vụ cứu độ chúng sanh (năng cứu khổ ách, năng cứu tam tai, năng cứu tật bệnh, năng độ dẫn chúng sanh thoát chur nghiệt chướng) thì gọi Ngài là Di-Lạc Vương Bồ Tát. Theo lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp trong Con đường Thiêng liêng Hằng sống: Tam Kỳ Phổ Độ này, Đức A-Di-Đà Phật giao quyền lại cho Đức Di-Lạc Vương Phật chưởng quản Cực Lạc Thế Giới, nên Đức Di-Lạc Vương Phật hiện nay ngự tại cửa Kim Tự Tháp, dưới tàn cây dương tối cổ ở Kinh đô Cực Lạc Thế Giới, còn Đức A-Di-Đà Phật vào ngự trong Lôi Âm Tự và Đức Phật Thích Ca ngự tại Kim Sa Đại điện trong Kim Tự Tháp.” [2; tr.175]

2.2. Danh hiệu Phật giáo được dùng trong đạo Cao Đài

2.2.1. Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát

Chúng ta có thể nhận thấy được yếu tố Phật giáo đã xuất hiện qua cách xưng tên trong đạo Cao Đài. Khi giáng cơ, Giáo chủ đạo Cao Đài đã xưng danh là “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”. Như vậy, lúc bấy giờ, tín đồ đạo Cao Đài chỉ biết được người giáng cơ khai đạo là “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”. Cho đến lúc “Đức Thích Ca Mâu Ni” giáng cơ nói về đạo này, tín đồ đạo Cao Đài mới biết thêm danh xưng khác của vị giáo chủ là Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Theo Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Phật Thích Ca giáng cơ dạy về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lần đầu tiên vào ngày 8-4-1926 (âl 26-2-Bính Dần) tại đàn cơ nơi Vĩnh Nguyên Tự, Cần Giuộc.

Kinh của đạo Cao Đài viết:

“Thích Ca Mâu Ni Phật giáng cơ:

THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Chuyên Phật đạo, Chuyên Phật pháp, Chuyên Phật tăng, qui nguyên Đại Đạo. Tri hồ chur chúng sanh?

Khánh hỷ! Khánh hỷ! Hội đắc TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

Chư Thân, Thánh, Tiên, Phật, đại hỷ phát đại tiếu.

Ngã vô lự Tam đồ chi khổ.

Khả tùng giáo Ngọc Đế, viết Cao Đài Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.”

Bài Thánh ngôn Nho văn trên nghĩa là:

Đức Phật Thích Ca nói rằng: Chuyên toàn thể Phật đạo, Phật Pháp, Phật Tăng trở về gốc là nền Đại Đạo. Chư chúng sanh biết chăng?

Vui mừng! Vui mừng! Hội được vào Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Chư Thân Thánh Tiên Phật quá vui mừng, phát ra tiếng cười lớn.

Ta không còn lo lắng về Ba đường khổ. Khả tùng theo lời dạy bảo của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, nay gọi là Đấng Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Đây là một điểm sáng tạo cực đặc mà người giảng cơ mang đến cho mỗi đạo mới này qua ý nghĩa danh xưng của một vị giáo chủ.

“Bồ Tát là một danh từ được phiên âm tiếng Phạn là “Bồ Đề Tát Đa (Bodhisatta hay Bodhisattva) được gọi tắt. Nguyên nghĩa là “Giác hữu tình”, cũng được dịch nghĩa là “Đại sĩ”.

Trong Quốc Phật Học Đại Từ Điển (Bắc Kinh – 2002) đã định nghĩa về Bồ Tát như sau: “Bồ Tát là khái niệm tổng thể và giàu ý nghĩa để chỉ những vị chứng quả diệu thâm trong Phật Giáo, nhưng còn theo đuổi tâm nguyện độ thoát chúng sanh, nên còn lưu lại trong tam giới để hành trì đại nguyện này. Tư tưởng chính của Đại Thừa Phật giáo.” [3]

“Bồ Tát là danh hiệu dành cho những vị tu hành đạo Phật đã chứng quả. Tuy vậy, theo đẳng thứ, thì Bồ Tát vẫn còn dưới chư Phật một cấp bậc, cho nên phải tu thêm một kiếp nữa mới thành Phật.

Vì còn muốn giác ngộ cho chúng sanh, cho nên chư Bồ Tát vẫn còn giữ chức năng cứu độ mọi loài trong ba cõi, theo ý nghĩa căn bản trong giáo lý của Đại Thừa Phật Giáo”. [4]

Như vậy chúng ta có thể hiểu Bồ Tát Ma Ha Tát là một Bồ Tát lớn, là người đứng bậc nhất và cứu độ chúng sanh. Phải chăng đạo Cao Đài muốn dùng danh hiệu Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát để nói Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế là người đứng bậc nhất và cứu độ chúng sanh?

2.2.2. Phật Mẫu (Phật Địa Mẫu)

“Trong Cao-Đài giáo ngoài tôn thờ Đức Chí-Tôn Ngọc-Hoàng Thượng-Đế, còn tôn thờ Đấng thứ hai là Thiên-Hậu Chí-Tôn còn gọi là Diêu-Trì Kim-Mẫu hay là Phật-Mẫu đó là Đấng sinh-thành dưỡng dục vạn linh.

Loài người đã nhận biết Phật-Mẫu rất sớm, nhờ các vị Tiên-nương giảng trần chi-giáo, mà các dân-tộc nhất là phương Đông thờ phượng người từ lâu đời, ngày nay chúng ta còn thấy lưu lại hình-tượng đồng cốt, có đề-cập đến Phật-Mẫu dưới danh hiệu Bà Chúa Tiên, Thánh-Mẫu hay là Mẫu.

Phật-Mẫu được nhân-loại tôn thờ dưới nhiều danh xưng khác nhau: Tây phương gọi là Đức Mẹ, Đông-phương gọi là Cửu-Thiên Huyền-Nữ, Thái-Dương Thần-Nữ, Tiên-Thiên Thánh-Mẫu, Lão-giáo gọi là Lão Mẫu, Ấn-độ giáo xưng tụng NGƯỜI là Devi Bhagava, Thông-Thiên-học gọi là Đức Mẹ Thế-Gian. Việt-Nam gọi là Bà Chúa Tiên hay là Mẫu, Mẹ-Sanh... đa số nữ phái Việt-Nam đã tín-ngưỡng Phật-Mẫu từ lâu đời, hiện nay ở Cố-đô Huế có hội Tiên-Thiên Thánh-Mẫu, thờ-phụng NGƯỜI tại Điện Hòn-chén, hằng năm có tổ-chức lễ hội rất là linh-đỉnh trọng thể”. [5, tr. 9]

Như vậy, đạo Cao Đài đã nhìn nhận “Phật Mẫu” như một vị nữ thần có quyền năng tối thượng đứng thứ hai trong vũ trụ, sau một nam thần. Ví dụ: Đức Chí Tôn – Ngọc Hoàng Thượng Đế và Vương Mẫu Nương Nương

Đạo Cao Đài không nhìn nhận “Phật Mẫu” là một vị Phật đã thành đạo nhờ vào lối tu hành theo Phật giáo vì “Phật Mẫu” có quyền năng hơn cả, Người là mẹ sanh của chư Phật, Tiên, Thánh, thần và nhân loại.

Nếu chúng ta nói danh xưng “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” là sự kết hợp của Phật giáo và Đạo giáo thì có lẽ Danh xưng “Phật Mẫu” là sự kết hợp giữa Phật giáo và đạo Mẫu Việt Nam – Tôn giáo bản địa.

2.3. Một số biểu tượng mang yếu tố Phật giáo trong đạo Cao Đài

Màu sắc

Trong đạo Cao Đài, mỗi một màu sắc đều biểu thị cho một hoặc nhiều ý nghĩa, tiêu biểu là ba màu xanh, đỏ và vàng tượng trưng cho tam giáo qui nguyên (Nho, Phật, Lão).

- Phái Thái: màu vàng (Phật đạo)
- Phái Thượng: màu xanh (Tiên đạo)
- Phái Ngọc: màu đỏ (Thánh đạo)

Trong đó, màu vàng được dùng làm màu áo cho tất cả chức sắc của đạo theo ngành Thái. Ngoài ra, màu vàng còn được thấy xuất hiện rất nhiều trong trang trí trên các công trình kiến trúc của đạo. Như đã biết, màu vàng từ lâu đã là màu được chọn để làm y phục chính của

các nhà tu hành của Phật giáo Bắc tông và Nam tông. Sự xuất hiện của màu vàng trong đạo Cao Đài đã thể hiện sự ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo với đạo Cao Đài.

Biểu tượng tam giáo – Cổ pháp

Bước vào cổng của Tòa Thánh Tây Ninh hay bất kỳ một Thánh Thất nào ta cũng đều dễ dàng nhận thấy hình ảnh cổ pháp được đắp trên mái ngói của cổng vào. Cổ pháp của đạo Cao Đài gồm: Bình Bát Vu tượng trưng cho Bình Bát đi khát thực của Phật và các đệ tử, cây phát chủ của Đức Thái Thượng Lão Quân và quyển Xuân Thu của Đức Khổng Tử.

Đạo Cao Đài chọn ba cổ pháp trên để nói lên sự đồng nguyên của Phật giáo, Tiên giáo, Nho giáo trong nền Đại đạo.

Bậc thang

Ngay từ cửa bước vào chánh điện ta thấy có 5 bậc thang, đó là một con số có ý nghĩa biểu tượng. “Đạo Cao Đài xem con đường tiến hóa của nhân loại chia làm 5 chặng hay 5 nấc thang tiến hóa cho chúng sanh đắc đạo tùy theo công đức tu hành được nhiều hay ít. 5 nấc thang tiến hóa ấy là 5 phẩm bậc từ thấp lên cao là: Nhon, Thần, Thánh, Tiên, Phật. Rõ ràng, quan niệm của đạo cũng xem Phật là nấc thang tiến hóa cao nhất của nhân loại. Từ đó có thể thấy, Phật giáo được đặt ở vị trí rất cao trong quan niệm của đạo”. [1]

Ông thiện và ông Ác

Hai bên cửa chánh Tòa Thánh, trên hai lầu đài (Bạch Ngọc Chung Đài và Lôi Âm Cổ Đài), người ta có đặt 2 pho tượng lớn một hiền và một dữ, đây là hộ pháp của nhà Phật được chuyển hóa qua đạo Cao Đài thành ông Thiện và ông Ác đứng canh giữ hai bên cửa vào chánh điện. Tuy nhiên, lai lịch hai đức Hộ pháp của Phật giáo không hoàn toàn trùng khớp với ông Thiện và ông Ác trong đạo Cao Đài.

Tuy có vài chi tiết không tương đồng nhưng hình ảnh ông Thiện và ông Ác xuất hiện trong Phật giáo đã được đưa sang cả Cao Đài với những chức năng tương đối giống nhau là khuyến khích con người làm việc thiện, từ bỏ việc ác, trừng phạt kẻ làm việc ác, bảo vệ giáo pháp nhà Phật, giữ bên ngoài chùa (Thánh thất) những kẻ ác. Có thể thấy, từ ý tưởng motif đến hình thức thể hiện, vị trí sắp đặt, nhiệm vụ của ông Thiện và ông Ác trong đạo Cao Đài có liên hệ mật thiết đến hình ảnh của hai Hộ pháp trong Phật giáo đủ để nói lên một lần nữa ảnh hưởng của Phật giáo đến đạo Cao Đài.

3. Kết luận

Đạo Cao Đài ra đời ở Nam Bộ sau đạo Phật hơn 26 thế kỷ. Dù mang màu sắc tổng hợp các tôn giáo từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim với nguyên lý truy nguyên về nguồn gốc của Tam giáo (Nho, Phật, Lão) và thống nhất 5 ngành đạo (Thánh đạo, Tiên đạo, Nhân đạo, Thần đạo, Phật đạo) nhưng trong đó vẫn thấy nổi bật lên vai trò và sức ảnh hưởng to lớn của Phật giáo ở nhiều phương diện. Dấu ấn Phật giáo được tìm thấy từ màu sắc dùng trong lễ phục, màu sắc trang trí cơ sở thờ tự, danh xưng của vị giáo chủ, sự dung hợp các vị Phật, Bồ Tát, Hộ Pháp đến những yếu tố trang trí tạo hình trong Thánh Thất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đức Nguyên, *Đạo Cao Đài & các tôn giáo lớn trên thế giới*, Tủ Sách Đại Đạo (<https://www.daotam.info/tusachdd.htm>).
- [2]. Nguyễn Văn Hồng (1999), *Giới thiệu tòa thánh Tây Ninh*, sách đạo.
- [3]. <http://www.daophatngaynay.com/vn/phat-phap/giao-phap/bo-tat-dao/10361-Khai-niem-ve-Bo-Tat.html>.
- [4]. <http://www.tuvienquangduc.com.au/luan/34daitrido1-5.html>
- [5]. Dã Trung Tử (2002), *Đức Phật Mẫu – Điều Trì Kim-Mẫu*, Tư-liệu tu-học Lưu-hành nội-bộ, Tủ Sách Đại Đạo (<https://www.daotam.info/tusachdd.htm>).

VAI TRÒ CỦA CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA TRONG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO THANH NIÊN ĐỒNG THÁP

SV: Đặng Đình Bằng, Lớp: ĐHQLVH15A

GVHD: ThS. Đinh Văn Nhân

Tóm tắt

Thiết chế văn hóa đã hình thành và phát triển cùng những giai đoạn thăng trầm của đất nước và khẳng định được vai trò của mình đối với xã hội. Bài viết nêu lên sự phát triển của các thiết chế văn hóa ở Đồng Tháp và vai trò của các thiết chế văn hóa trong việc giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống, nhất là đối với tầng lớp thanh niên trong xã hội hiện nay.

Từ khóa: Thiết chế văn hóa, Đồng Tháp, giáo dục, thanh niên.

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, dân tộc Việt Nam đã hình thành nên một hệ giá trị đạo đức truyền thống giàu bản sắc. Đó chính là tinh thần yêu nước, nhân ái, vị tha nhưng cũng giàu nghĩa khí, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo và tiết kiệm. Những tinh thần đó là động lực để toàn thể nhân dân Việt Nam đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Trong thời bình, các giá trị đạo đức truyền thống cũng là hành lang quan trọng cho mỗi người dân Việt Nam trong quá trình lao động sản xuất, vui chơi giải trí. Về cơ bản, các giá trị đạo đức truyền thống, văn hóa truyền thống Việt Nam thường tồn tại ở các di tích lịch sử - văn hóa, trong các câu chuyện cổ dân gian, các câu ca dao, tục ngữ, hò, vè, các loại hình nghệ thuật truyền thống khác...

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường và giao lưu với nhiều nền văn hóa mới (có tích cực và cũng có tiêu cực), đã làm cho các giá trị đạo đức truyền thống ít nhiều đã bị phai nhạt, đặc biệt là ở tầng lớp thanh niên Việt Nam nói chung, thanh niên Đồng Tháp nói riêng. Chính vì thế, việc làm thế nào để các giá trị đạo đức truyền thống không bị phai nhạt trong thế hệ thanh niên và vẫn phát huy được vai trò quan trọng của mình là điều cần phải xem xét.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong những năm qua, các thiết chế văn hóa ở tỉnh Đồng Tháp đã phát huy được vai trò của mình trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho thanh niên Đồng Tháp như truyền tải các bài viết giới thiệu quê hương, đất nước; tăng cường sưu tầm, giảng dạy các văn hóa nghệ thuật truyền thống của dân tộc và Đồng Tháp.

Bên cạnh đó, việc giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho thanh niên tỉnh Đồng Tháp vẫn còn nhiều bất cập. Với những điều kiện thuận lợi hiện có, còn nhiều vấn đề đặt ra cho công tác này đó là: Hiện trạng những tệ nạn xã hội, nạn tham nhũng, sự suy thoái đạo đức của một bộ phận nhỏ cán bộ, đảng viên, người lớn tuổi đã ảnh hưởng trực tiếp đến tâm tư, tình cảm của thanh niên; phương pháp và hình thức giáo dục xơ cứng, cơ sở vật chất chưa tốt; sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, công nghệ thông tin và mạng xã hội.

2. Khái quát về tỉnh Đồng Tháp và các thiết chế văn hóa ở Đồng Tháp

2.1. Khái quát về tỉnh Đồng Tháp

Là một trong 13 tỉnh, thành thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng Tháp có vị trí địa lý thuận lợi để phát triển các lĩnh vực kinh tế, văn hóa – xã hội và giao lưu hội nhập quốc tế khi phía Bắc giáp với tỉnh PreyVeng thuộc Campuchia (đường biên giới quốc gia giáp Campuchia có chiều dài khoảng 50km từ Hồng Ngự đến Tân Hồng, với 4 cửa khẩu là Thông Bình, Dinh Bà, Mỹ Tân và Thường Phước), phía Nam giáp với tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ, phía Tây giáp với tỉnh An Giang, phía Đông giáp với tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang. Hiện nay, tỉnh Đồng Tháp có 2 thành phố, 1 thị xã và 9 huyện; theo số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2011, Đồng Tháp có tổng diện tích 3.378,8 km² và tổng dân số là 1.680.300 người. Đồng Tháp với địa bàn khá rộng lớn, dân số đông và năng động cùng sự giao thoa, hội tụ mạnh mẽ đã tạo nên những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc mà các thiết chế văn hóa đang giữ vai trò giáo dục, bảo lưu và trao truyền giá trị ấy.

2.2. Các thiết chế văn hóa ở Đồng Tháp

Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*: “Thiết chế văn hóa là chỉnh thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí; chỉ riêng ngôi nhà hoặc công trình văn hóa chưa đủ để gọi là thiết chế văn hóa”.

Thiết chế văn hóa có vai trò quan trọng trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho con người nói chung, thanh niên nói riêng, bởi đây là những nơi có chức năng lưu giữ, phát huy và sáng tạo các giá trị văn hóa. Tuy nhiên, không phải tất cả những nơi có chức năng lưu giữ, phát huy và sáng tạo ra các giá trị văn hóa đều là thiết chế văn hóa, mà nó phải có 4 yếu tố cơ bản: Có một bộ máy nhân sự được tổ chức thành hệ thống; Có thể chế để vận hành; Có trụ sở và các thiết bị chuyên dùng, gọi chung là cơ sở vật chất để tồn tại, hoạt động lâu dài và có sự tham gia của người dân.

Thiết chế văn hóa có thể là những cơ quan văn hóa, đồng thời cũng là những thiết chế văn hóa xã hội, ví dụ như: Trung tâm Văn hóa, Bảo tàng, Thư viện, Nhà hát,... Ở tỉnh Đồng Tháp hiện có hệ thống thiết chế văn hóa cơ bản như:

- *Về Trung tâm Văn hóa tỉnh Đồng Tháp*: Được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 3 năm 1991. Đến năm 2013, đổi tên thành Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh tỉnh trên cơ sở hợp nhất giữa Trung tâm Văn hóa tỉnh và Điện ảnh tỉnh (theo Quyết định số 137/QĐ-UBND-TL ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đến năm 2018, đổi tên thành Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh trên cơ sở hợp nhất giữa Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh tỉnh và Đoàn Văn công Đồng Tháp (theo Quyết định số 92/QĐ-UBND-TL ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Bên cạnh đó toàn tỉnh còn có 12 Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện, thị xã, thành phố; 144/144 xã, phường, thị trấn trong tỉnh có Trung tâm Văn hóa – Học tập cộng đồng; 158/591 ấp có Nhà Văn hóa.

- *Về Bảo tàng*: Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp là nơi sưu tầm, bảo quản, trưng bày những tài liệu, hiện vật và di tích của địa phương (với hơn 30.000 hiện vật, trong đó có các cổ vật quý của di chỉ văn hóa Óc Eo được công nhận là bảo vật quốc gia), nghiên cứu khoa học và phổ biến khoa học, nhằm giáo dục văn hóa truyền thống, nâng cao lòng tự hào dân tộc, lòng yêu quê hương, tổ quốc, đồng bào, đồng viên nhân dân ra sức thi đua hoàn thành tốt những nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước.

- *Về hệ thống Thư viện*: Đồng Tháp hiện có 09 Thư viện cấp huyện được tổ chức theo hình thức kho kín, bạn đọc chọn tài liệu trên cơ sở dữ liệu, phục vụ mượn về nhà, đọc tại chỗ, 11 thư viện xã và 160 phòng đọc cơ sở. Riêng Thư viện tỉnh Đồng Tháp sưu tầm và giới thiệu với bạn đọc khoảng 190.000 đầu sách các loại, 150 loại báo, tạp chí, 500 quyển luận văn, luận án; hơn 2.000 tài liệu địa chí; hơn 500.000 trang tài liệu điện tử.

- *Về thiết chế văn hóa – thể thao*: Có khu liên hợp Thể dục Thể thao tỉnh với tổng diện tích 24ha gồm các công trình như: 01 sân vận động, 01 nhà thi đấu đa năng, 02 bể bơi, Trường Năng khiếu Thể dục thể thao, 02 sân quần vợt và các công trình phụ trợ khác. Ở cấp huyện, thị xã, thành phố có 06 nhà thi đấu, 11 nhà tập, 06 sân bóng đá 11 người, 10 hồ bơi, 36 sân quần vợt, 25 sân bóng chuyền, 50 sân cầu lông, 18 phòng tập thể dục thể thao và các điểm tập ở các khu công viên, sân cơ quan, trường học,... được sử dụng cho người dân tập thể dục, chơi thể thao rèn luyện sức khỏe. Trong đó, hồ bơi, phòng tập thể dục thể thao đa số là của người dân tự đầu tư làm dịch vụ theo chủ trương xã hội hóa. Ở cấp xã, phường hiện có 45 sân bóng đá 11 người, 71 sân bóng đá 5 người dạng cỏ nhân tạo do tư nhân đầu tư xây dựng, 13 hồ bơi, 623 sân bóng chuyền, 240 sân cầu lông, 38 sân đá cầu,...

Những số liệu trên cho thấy, Đồng Tháp đã phấn đấu đạt những tiêu chí về phát triển các thiết chế văn hóa trong Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ đề ra: “Xây dựng đồng bộ và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2015, 100% số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đủ các thiết chế văn hóa; đến năm 2015 và năm 2020, 90 – 100% số quận, huyện, thị xã có nhà văn hóa và thư viện; 80 – 90% số xã, thị trấn có nhà văn hóa; 60 – 70% số làng, bản, ấp có nhà văn hóa”.

3. Vai trò của thiết chế văn hóa đối với việc giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống cho thanh niên tỉnh Đồng Tháp

Theo tác giả Lê Thị Anh thì “*Thiết chế văn hóa đang hằng ngày, hằng giờ đồng hành với đời sống nhân dân và là một phần không thể thiếu của xã hội. Nó đóng vai trò quan trọng đối với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, ... của đất nước*”. Có thể thấy, với chức năng, nhiệm vụ và vai trò của mình, trong những năm qua, hệ thống thiết chế văn hóa đã có những đóng góp quan trọng trong quá trình giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho thanh niên nói riêng, cho các tầng lớp nhân dân nói chung như:

3.1. Trung tâm Văn hóa (Nhà Văn hóa) các cấp

Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh tỉnh (*nay là Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật*) đã thực hiện công tác tuyên truyền, cổ động trực quan, triển lãm, tuyên truyền lưu động, chiếu phim lưu động, ... từng bước được đổi mới về nội dung, hình thức, phong trào nghệ thuật quần chúng trong tỉnh phát triển sâu rộng; chất lượng các cuộc thi, hội diễn, liên hoan được tập trung nâng cao, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương và nhu cầu hưởng thụ các các tầng lớp thanh niên và nhân dân. Trong năm tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi cấp tỉnh; đăng cai thành công các cuộc thi cấp khu vực; tham gia hội diễn, liên hoan cấp khu vực và toàn quốc đạt nhiều giải cao. Công tác đào tạo năng khiếu và hướng dẫn nghiệp vụ cho cơ sở được tăng cường; duy trì thường xuyên hoạt động các câu lạc bộ tại chỗ để tạo nguồn cộng tác viên nòng cốt; sáng tác, biên tập, dàn dựng và tổ chức thực hiện nhiều chương trình nghệ thuật quy mô và hoành tráng phục vụ các ngày lễ lớn, những sự kiện trọng đại của đất nước và địa phương. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng các nguồn lực trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và hoạt động nghiệp vụ điện ảnh. Trung tâm Văn hóa – Thể thao các huyện, thị xã, thành phố: Đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa – thể thao phong phú, quy mô hoành tráng phục vụ nhân dân vào những dịp lễ hội mừng Đảng – mừng xuân, kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện trọng đại tại địa phương. Chất lượng phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ở cơ sở từng bước được nâng lên thông qua mô hình hoạt động các câu lạc bộ. Quan tâm cử cán bộ chuyên môn hướng dẫn nghiệp vụ và hỗ trợ tổ chức hoạt động cho Trung tâm Văn hóa – Học tập cộng đồng cấp xã trên địa bàn.

Tất cả những hoạt động của Trung tâm văn hóa (Nhà văn hóa) các cấp đã tạo nên không gian, môi trường thu hút một số lượng lớn thanh niên tham gia. Thông qua đó, giáo dục cho thanh niên thị hiếu văn hóa nghệ thuật lành mạnh và trân trọng các loại hình nghệ thuật truyền thống của Đồng Tháp nói riêng và của dân tộc nói chung. Quan trọng hơn, các thiết chế văn hóa này còn giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị - xã hội ở địa phương đến các tầng lớp thanh niên và nhân dân được biết, là nơi để nâng cao tinh thần và hiểu biết pháp luật cho thanh niên, cho nhân dân. Từ đó, giảm thiểu các tệ nạn xã hội như: Ma túy, mại dâm, trộm cắp, vi phạm trật tự an toàn giao thông, vi phạm cảnh quan đô thị, ... Các buổi sinh hoạt văn hóa ở cơ sở cũng chính là môi trường thuận lợi để thanh niên mạnh dạn đóng góp, đề xuất ý kiến với các cấp Ủy đảng, chính quyền góp phần xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh. Đây cũng là nơi để thanh niên, để nhân dân “tăng thêm sức đề kháng” đối với những luận điệu sai trái, chống phá cách mạng, chống phá Đảng và Nhà nước trong tình hình nước ta vẫn phải cảnh giác, đấu tranh với âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

3.2. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp

Thường xuyên mở những đợt sinh hoạt chuyên đề, tổ chức trưng bày lưu động giới thiệu những hiện vật lịch sử - văn hóa từ buổi hình thành vùng đất Đồng Tháp Mười đến quá trình đấu tranh giành độc lập, xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Tháp ngày nay, qua đó giúp mọi người, trong đó có tầng lớp thanh niên, hiểu sâu sắc hơn về lịch sử dân tộc và của vùng đất Sen Hồng oai hùng. Tổ chức sưu tầm, lập hồ sơ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đề nghị các cấp công nhận.

3.3. Thư viện tỉnh Đồng Tháp và thư viện các cấp

Từng bước ổn định và phát triển với nhiều đầu sách, đa dạng về lĩnh vực đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin, nghiên cứu, học tập cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn (riêng Thư viện tỉnh đang triển khai hiệu quả 10 phòng đọc, hằng năm phục vụ trên 600.000 lượt người/năm). Qua các hoạt động của thư viện đã góp

phần nâng cao dân trí, phát huy hiệu quả nét văn hóa đọc truyền thống trong nhân dân, trong đó có tầng lớp thanh niên.

3.4. Khu liên hợp Thể dục Thể thao tỉnh và Trung tâm Văn hóa – Thể thao các cấp

Hàng năm, khu liên hợp Thể dục Thể thao tỉnh tổ chức và phối hợp tổ chức đăng cai các giải thể thao cấp tỉnh, cấp khu vực, quốc gia, quốc tế; hướng dẫn, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thể dục thể thao cho cơ sở; thể thao thành tích cao duy trì, giữ vững thành tích trong top mạnh cả nước; tham dự các giải thể thao cấp khu vực, quốc gia và quốc tế với các môn như: Cờ vua, Cờ tướng, Xe đạp, Taekwondo, Bì sắt, Judo, ... Song song đó ở các địa phương cũng triển khai các dự án xây dựng sân vận động, nhà tập và bãi thể thao cấp huyện, thị xã, thành phố kết hợp chặt chẽ với chương trình xây dựng nông thôn mới. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho thể thao trường học phân đầu theo quy chuẩn quốc gia. Đáp ứng nhu cầu luyện tập và thi đấu của quần chúng nhân dân. Thông qua hoạt động của các thiết chế văn hóa – thể thao góp phần giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho các tầng lớp thanh niên về tinh thần thượng võ, đoàn kết, phát triển thể chất con người Việt Nam trong thời đại mới, giáo dục cho thanh niên ý thức rèn luyện thể dục thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại, có sức khỏe xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thời gian gần đây nền kinh tế Đồng Tháp phát triển khá sôi động, tạo điều kiện cho sự phát triển hệ thống thiết chế văn hóa nhằm đáp ứng đời sống văn hóa tinh thần ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân nói chung, thanh niên Đồng Tháp nói riêng. Bằng những hoạt động thiết thực của các thiết chế văn hóa ở Đồng Tháp đã thu hút một lượng đông đảo thanh niên tham gia, không chỉ với tư cách là đối tượng thưởng thức các giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, mà còn với tư cách là người sáng tạo và bảo lưu, trao truyền cho các thế hệ. Qua các hoạt động của thiết chế văn hóa, một cách tự nhiên nhất, các giá trị văn hóa truyền thống được thanh niên tiếp thu, giữ gìn và phát triển, góp phần chung tay cùng Đảng, Nhà nước thực hiện tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

4. Kết luận

Thanh niên hiện nay nói chung, thanh niên Đồng Tháp nói riêng rất năng động, sáng tạo và ham học hỏi những cái mới, ... Tuy nhiên, để họ có được sự phát triển toàn diện, nhất là hoàn thiện nhân cách cần có sự tập trung, đầu tư giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc cho họ. Để nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho thanh niên Đồng Tháp hiện nay, cần thiết phải kết hợp đồng bộ nhiều giải pháp, thay đổi phương thức hoạt động của từng loại hình thiết chế văn hóa với nhau; phải có sự hỗ trợ, phối hợp giữa các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở. Đồng Tháp với bề dày truyền thống và kinh nghiệm trong tổ chức và quản lý hoạt động của các thiết chế văn hóa, chắc chắn rằng, trong một thời gian gần đây, Đồng Tháp sẽ có được một thế hệ thanh niên đủ sức kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nhằm đưa Đồng Tháp lên một bước phát triển mới, cùng chung sức với các tỉnh, thành khác đưa Việt Nam trở thành một nước “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, có nền văn hóa “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Lê Thị Anh (2014), *Vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa*, Tạp chí Cộng sản điện tử, (20/8/2014).

[2]. Bảo tàng Đồng Tháp – Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Tháp (2018), *Số liệu di tích, lễ hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*, <http://baotangdongthap.vn/>

[3]. Đinh Văn Nhân (2018), *Vai trò của các thiết chế văn hóa ở Đồng Tháp trong giáo dục giá trị văn hóa truyền thống*, Tạp chí thiết bị giáo dục, số 175 kỳ 2-8/2028, tr.141-144.

[4]. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Tháp (2017), *Báo cáo số 158/BC-SVHTTDL ngày 04/8/2017 về việc Báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*, Đồng Tháp.

[5]. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 2164/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 – 2020, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.

[6]. Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 2474/QĐ-TTg về việc ban hành Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011 – 2020, Hà Nội.

[7]. Thủ tướng Chính phủ (2009), Quyết định số 581/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020, Hà Nội.

QUẢN LÝ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở THÀNH PHỐ CAO LÃNH - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

SV: Trần Thánh Tông, Lớp: ĐHQLVH15A

GVHD: ThS. Đinh Văn Nhân

Tóm tắt

Thành phố Cao Lãnh là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội và an ninh quốc phòng của tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay, lễ hội truyền thống là một trong những thành phần rất được quan tâm của cộng đồng và xã hội ở thành phố Cao Lãnh, nó thể hiện sự gắn kết cộng đồng, sự sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của mỗi con người, mà sự sáng tạo ấy được bảo tồn và trao truyền cho thế hệ sau. Vì vậy, việc nghiên cứu về thực trạng và giải pháp quản lý lễ hội sẽ góp phần làm rõ vai trò và giá trị của lễ hội truyền thống đối với địa phương, nhằm giúp các bạn sinh viên, các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu về văn hóa có thêm cái nhìn mới về quản lý lễ hội truyền thống để phục vụ cho công tác quản lý và học tập.

Từ khóa: quản lý lễ hội, lễ hội truyền thống, thành phố Cao Lãnh.

1. Đặt vấn đề

Lễ hội truyền thống là hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian, là nơi thể hiện truyền thống dân tộc *uống nước nhớ nguồn*, cũng là môi trường lưu giữ và giáo dục cho các thế hệ những giá trị văn hóa của tiền nhân. Di sản văn hoá (DSVH) là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hoá nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta [3, tr.31]. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng đã khẳng định: DSVH (trong đó có lễ hội) là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa [2, tr.58]. Chính vì thế lễ hội truyền thống không chỉ có ý nghĩa trong nền văn hóa xưa mà còn ý nghĩa hơn trong nền văn hóa xã hội đương đại. Việc đánh giá đúng thực trạng và tìm ra những giải pháp hợp lý góp phần bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể này là điều cần thiết, đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong giai đoạn hiện nay.

2. Lễ hội truyền thống ở thành phố Cao Lãnh

Theo số liệu thống kê từ công trình nghiên cứu về lễ hội truyền thống người Việt ở Đồng bằng sông cửu Long của tác giả Nguyễn Xuân Hồng thì tỉnh Đồng Tháp có 72 lễ hội truyền thống [4, tr.65], còn theo danh mục thống kê của Phòng Quản lý di sản – Sở Văn hóa, thể Thao và Du lịch Đồng Tháp đến năm 2017 thì toàn tỉnh Đồng Tháp có 118 lễ hội (2 cấp Tỉnh, 9 cấp huyện, thị xã, thành phố và 107 cấp xã/phường) diễn ra tại đình, đền, miếu, gò... Trong đó ở thành phố Cao Lãnh có 12 lễ hội truyền thống (1 lễ hội cấp Tỉnh, 4 lễ hội cấp Thành phố và 7 lễ hội cấp xã/phường) [6], một con số khá khiêm tốn so với tổng số lễ hội ở toàn Tỉnh. Tuy nhiên đó là một phần tài sản vô giá gắn với những trang sử oai hùng, cũng như những sắc thái văn hoá độc đáo của vùng đất và con người thành phố Cao Lãnh - Đồng Tháp. Trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử, những giá trị cao quý, tinh hoa văn hoá của *đất sen hồng* đã trao truyền và tồn tại cho đến ngày nay. Các lễ hội truyền thống được duy trì tổ chức hàng năm tại các cơ sở đình, đền và khu di tích như sau:

- *Lễ hội tại Đình*: Phần lớn các lễ hội ở thành phố Cao Lãnh được tổ chức tại Đình (7 lễ hội) như: lễ hội đình Tân An (phường 11), lễ hội đình Tân Tịch (phường 6), lễ hội đình Mỹ Ngãi (xã Mỹ Tân), lễ hội đình Bằng Lăng (xã Tân Thuận Tây), lễ hội đình Tịnh Mỹ (xã Tịnh Thới), lễ hội đình An Nhơn (phường 6), lễ hội đình Mỹ Thạnh (xã Mỹ Trà).

- *Lễ hội tại Đền*: Ở thành phố Cao Lãnh có 3 lễ hội, đó là lễ hội đền thờ Ông Bà Đỗ Công Tường (phường 2) lễ hội đền thờ Tam vị đại thần hay còn gọi là đền thờ Thống Linh (xã Mỹ Tân), đền thờ Hùng Dông tướng Nguyễn Công Nhân (xã Tân Thuận Tây).

- *Lễ hội ở khu di tích (khu tưởng niệm)*: đó là lễ hội ở khu di tích Nguyễn Sinh Sắc – thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (Phường 4), lễ hội khu di tích mộ Cụ Nguyễn Quang Diêu (xã Tân Thuận Tây).

Như vậy, chúng ta có thể thấy ở thành phố Cao Lãnh hiện nay tồn tại các loại hình lễ hội truyền thống đó là tín ngưỡng thần hoàng, các vị phúc thần, các nhân vật lịch sử - văn hóa diễn ra tại đình, đền và khu di tích.

3. Thực trạng quản lý lễ hội truyền thống ở thành phố Cao Lãnh

3.1. Những mặt được

Lễ hội truyền thống luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ Thành phố đến cơ sở, công tác quản lý lễ hội truyền thống ở thành phố Cao Lãnh ngày càng đi vào nề nếp, cụ thể hoá các quy định trong Quy chế tổ chức lễ hội, các thông tư nghị định của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL) về văn hóa, lễ hội để tổ chức quán triệt, hướng dẫn các ngành, các xã/phường trên địa bàn thực hiện.

Liên tục thực hiện công tác tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân bằng nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, đã kịp thời chuyển tải thông tin, làm thay đổi nhận thức và hành động của mỗi người dân và du khách đến tham gia lễ hội chấp hành nội quy, quy chế lễ hội, ý thức giữ tôn nghiêm nơi thờ tự, việc giao tiếp ứng xử văn hoá, giữ gìn vệ sinh môi trường... Đồng thời, thông qua tuyên truyền, đã giới thiệu các giá trị của lễ hội truyền thống của thành phố Cao Lãnh đã góp phần quảng bá hình ảnh tiềm năng văn hoá, du lịch của *Thủ phủ đất sen hồng* đến du khách trong và ngoài tỉnh, từ đó thu hút đông đảo du khách về tham dự lễ hội, làm tăng nguồn thu phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.

Bộ máy tổ chức, quản lý bao gồm Ban quản lý di tích, Ban tổ chức lễ hội... được thành lập và thường xuyên kiện toàn qua các năm đã hoạt động hiệu quả, trợ giúp đắc lực cho công tác tổ chức và vận hành lễ hội. Ban Tổ chức các lễ hội đã cơ bản điều hành theo đúng chương trình, kế hoạch đề ra, đúng quy định pháp luật, quy chế tổ chức lễ hội và đảm bảo an ninh trật tự, đảm bảo không khí trang nghiêm, trọng thể trong phần lễ và vui tươi, lành mạnh trong phần hội.

Trong thời gian qua, Thành phố đã đầu tư tôn tạo, tu bổ nhiều Di tích LSVH có sự chung tay của người dân và nguồn xã hội hóa theo thông tin từ Ban quản lý các di tích thì kinh phí trùng tu đền thờ ông bà Đỗ Công Tường hơn 12 tỷ đồng, đình Tân An hơn 300 triệu, đình Tân Tịch 220 triệu... Bên cạnh đó, một số lễ hội tiêu biểu cũng được nâng tầm hơn so với trước đây, phù hợp với nhu cầu nhân dân và điều kiện kinh tế của từng địa phương.

Việc kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng DSVH vật thể (di tích) và phi vật thể (lễ hội) và công tác sưu tầm, nghiên cứu khoa học được triển khai liên tục, để đảm bảo việc phục dựng lễ hội truyền thống, phục dựng những nghi thức, trò diễn phải dựa trên căn cứ khoa học, lãnh đạo Thành phố đã chỉ đạo ngành văn hóa thông tin (VHTT) quan tâm đến việc sưu tầm, nghiên cứu, tổ chức các hội thảo khoa học để lấy ý kiến của các nhà quản lý, các nhà chuyên môn. Nhiều tư liệu được in ấn và phát hành như: *cuốn Di tích lịch sử danh lam thắng cảnh Đồng Tháp; Lịch sử cách mạng thị xã Cao Lãnh; Ông bà chủ chợ và thành phố Cao Lãnh, Thư Ngọc hậu Nguyễn Văn Thư, Hùng Dũng tướng Nguyễn Công Nhân, các ấn phẩm tờ gấp...*

Do đa số các thành viên trong Ban quản lý di tích, Ban tổ chức lễ hội là những người có đạo đức, có uy tính được người dân và chính quyền đồng thuận giao các trọng trách liên quan đến di tích, lễ hội trong đó có tài chính. Nên công tác quản lý nguồn tài chính thu – chi trong tổ chức lễ hội được thực hiện bài bản, chặt chẽ; sử dụng đúng mục đích, đúng quy định và hiệu quả, đến nay chưa để xảy ra hiện tượng tiêu cực, lãng phí, không minh bạch trong thu, chi nguồn tài chính xã hội hóa, công đức từ nhân dân và khách thập phương. Đối với nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho tổ chức lễ hội hàng năm, đều được thực hiện thanh quyết toán theo quy định nhà nước hiện hành.

Công tác quản lý vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm được đảm bảo; công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ được thực hiện dần hoàn thiện qua các năm, hạn chế để xảy ra tình trạng mất an ninh trước, trong và sau tổ chức lễ hội; công tác kiểm tra, xử lý vi phạm được tăng cường và quản lý chặt chẽ hơn, do đó các hiện tượng tiêu cực đã giảm xuống đáng kể so với những năm trước, các hành vi vi phạm trong lễ hội đã kịp thời được phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo quy định của pháp luật... đã góp phần xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh tại khu vực lễ hội, nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc chấp hành tốt các quy định của nhà nước về quản lý lễ hội.

Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý và tổ chức lễ hội được chính quyền các cấp tôn trọng phát huy. Từ đó nâng cao vai trò, ý thức trách nhiệm của người dân địa phương để họ thật sự là chủ thể của lễ hội truyền thống, tạo nên môi trường an lành nuôi dưỡng, bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội truyền thống qua thời gian. Chính nhờ vận dụng tốt mô hình này trong quản lý và tổ chức lễ hội đã tác động đến công tác xã hội hoá huy động các nguồn lực tham gia vào tổ chức, quản lý lễ hội được đẩy mạnh và thực hiện tốt.

Có thể nói rằng, công tác quản lý lễ hội truyền thống ở thành phố Cao Lãnh trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực dần hoàn thiện và đi vào nề nếp, các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị DSVH được thực hiện đồng bộ, thu hút được sự quan tâm, hưởng ứng và tham gia tích cực của đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Thông qua việc tổ chức lễ hội truyền thống đã tạo môi trường sinh hoạt văn hóa lành mạnh, phát huy vai trò chủ thể của người dân, củng cố tinh thần đoàn kết, giáo dục truyền thống LSVH, đạo lý *uống nước nhớ nguồn* tốt đẹp của dân tộc ta.

3.2. Một số hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được trong thời gian qua thì công tác quản lý lễ hội truyền thống ở thành phố Cao Lãnh vẫn còn bộc lộ hạn chế cần khắc phục như sau:

Một số cấp ủy Đảng, chính quyền ở địa phương chưa xác định được rõ vị trí, vai trò đặc biệt của Di tích LSVH và lễ hội đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nên chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Quản lý các hoạt động văn hóa trong đó có quản lý lễ hội truyền thống là một nội dung lớn, đòi hỏi cần phải có một hệ thống đội ngũ cán bộ quản lý có chuyên môn sâu. Tuy nhiên, lực lượng làm công tác văn hóa và quản lý lễ hội của thành phố Cao Lãnh quá mỏng và chưa đúng chuyên môn như: báo chí, công tác xã hội, Việt Nam học... Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ chuyên môn còn nhiều bất cập. Bên cạnh đó, Quy chế tổ chức lễ hội, các thông tư nghị định của Chính phủ, Bộ VH-TT-DL, tỉnh Đồng Tháp có rất nhiều nội dung nhưng Phòng VHTT chưa ban hành các hướng dẫn một cách cụ thể hóa để các xã/phường, Ban quản lý di tích, Ban tổ chức lễ hội dễ nắm bắt thực hiện.

Các thành viên trong Ban quản lý di tích, Ban tổ chức lễ hội là những người tâm huyết nhưng hạn chế sức khỏe và kiến thức về quản lý văn hóa. Về cơ chế hỗ trợ hay khen thưởng cho những người trực tiếp tham gia quản lý và tổ chức lễ hội chưa được thực hiện thường xuyên, không phát huy được trách nhiệm công việc do không có cơ chế ràng buộc chủ yếu là tự nguyện dẫn đến tình trạng dễ làm khó bỏ, làm cho qua loa.

Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các quy định về giữ gìn và phát huy giá trị lễ hội chưa thật sự hiệu quả, chưa huy động được hết nguồn lực xã hội tham gia các hoạt động tuyên truyền của nhân dân, ở một số di tích vẫn còn tình trạng người dân lấn chiếm không gian làm mất mỹ quan các di tích.

Việc nghiên cứu khoa học, tổ chức các hội thảo về di tích và lễ hội, các nghi thức dân gian ở thành phố Cao Lãnh là có nhưng còn quá ít so với thực tế, một số di tích, lễ hội, nghi lễ, diễn xướng dân gian trong lễ hội truyền thống chưa được đánh giá đúng giá trị, dẫn đến việc phục dựng hay lập hồ sơ để công nhận DSVH chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn của người dân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị. Về công tác kiểm kê, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di sản văn hoá còn nhiều khó khăn, chậm trễ. Mặt khác, do chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa địa phương với các cấp, các ngành chức năng, nhà chuyên môn trong việc thu thập tài liệu, khai thác tài liệu hoặc mỗi năm chỉ tiêu Thành phố có hạn chế nên quá trình lập hồ sơ xếp hạng còn gặp nhiều khó khăn. Công việc tu bổ, tôn tạo, chưa được quan tâm toàn bộ nên có hiện tượng xuống cấp trong các hạng mục.

Công tác quản lý hoạt động dịch vụ chưa đi nào nề nếp, trong thời gian diễn ra lễ hội vẫn còn tình trạng bán hàng rong, việc trông giữ xe chưa được sự quy hoạch hợp lý. Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng, nhưng đến nay vẫn còn là vấn đề cần quan tâm nhiều hơn trong công tác quản lý. Ý thức người dân chưa cao vẫn còn tồn tại tình trạng xả rác bừa bãi, không đúng quy định; nhiều người vô ý thức vẫn phá hoại cây xanh, bồn hoa trong di tích. Hiện nay vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm lại càng nhức nhối, khó

quản lý do nguồn thực phẩm được nhiều người hiến tặng, nhiều thực phẩm không rõ nguồn gốc hay quá hạn sử dụng vẫn còn xuất hiện

Hoạt động hướng dẫn khách thập phương vào tham quan di tích còn hạn chế, mới chỉ có các bảng chỉ dẫn, các bảng giới thiệu về di tích và lễ hội, nhưng chưa bố trí được hướng dẫn viên, xây dựng kịch bản hướng dẫn nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về giá trị di tích, lễ hội của du khách trong và ngoài tỉnh. Chưa có nhiều sản phẩm truyền thống, đặc sản của địa phương được bày bán ở di tích và lễ hội.

Do lực lượng an ninh nhiều nơi còn mỏng, dẫn đến vẫn còn dễ xảy ra trường hợp mất cắp tài sản của người dân và khách thập phương tham gia lễ hội. Vẫn còn xuất hiện các trò chơi có thưởng mang tính cờ bạc trá hình; người lang thang chưa khắc phục, hoạt động mê tín dị đoan trái với quy chế, quy định của Nhà nước... vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ tái diễn. Việc phát hiện, xử lý vi phạm còn chưa thường xuyên, kịp thời, chưa đủ sức răn đe.

Trên đây là một số hạn chế, khó khăn tác giả nhận thấy qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu thực tế ở các di tích và lễ hội ở thành phố Cao Lãnh. Thiết nghĩ cần một số định hướng, giải pháp phù hợp hơn để hoàn thiện việc quản lý và tổ chức lễ hội truyền thống ở thành phố Cao Lãnh trong thời gian tới.

4. Một số giải pháp quản lý lễ hội truyền thống ở thành phố Cao Lãnh

Vấn đề liên quan đến di tích và lễ hội rất đa dạng, khó có thể đưa ra giải pháp áp dụng chung cho tất cả, trong phạm vi nghiên cứu của mình tôi xin đưa ra một số giải pháp để làm cơ sở cho các cấp, các ngành ở các địa phương có lễ hội truyền thống nghiên cứu tham khảo áp dụng linh hoạt cho từng di tích, lễ hội cụ thể.

4.1. Giải pháp tăng cường nhận thức về vai trò và giá trị lễ hội truyền thống

Phần lớn, người đi hội chưa có nhận thức chuẩn xác về đức tin và giá trị của lễ hội, lòng tin chỉ nặng về ý nghĩa thực dụng. Để phản ánh đúng bản chất và nâng cao chất lượng của việc thực hành lễ hội truyền thống, thì việc đầu tiên phải làm thay đổi nhận thức của các tầng lớp nhân dân về giá trị, mục đích, ý nghĩa của mỗi lễ hội truyền thống. Từ đó, phát huy trách nhiệm của cơ quan quản lý và xã hội đối với việc đưa các hoạt động lễ hội vào nề nếp, góp phần phát triển sự độc đáo, bản sắc văn hóa của mỗi địa phương qua mỗi lễ hội.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức của nhân dân về DSVH là công việc cần làm lâu dài không phải một ngày một bữa, mà cần phải làm thường xuyên theo kiểu “mưa dầm thấm đất” và bằng nhiều hình thức. Đặc biệt quan tâm tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức cho cộng đồng, phòng ngừa những hoạt động mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội khác sống ký sinh trong lễ hội. Bởi một khi dân trí cao, thì ý thức người dân cũng tốt hơn, các tệ nạn cũng bị đẩy lùi, khi đó công tác quản lý lễ hội mới dễ dàng và đạt hiệu quả cao. Song với đó cần thường xuyên nêu các gương người tốt, việc tốt trong việc tham gia tổ chức và quản lý lễ hội, đăng tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trên cơ sở góp một phần làm cho người dân ý thức về quyền lợi và nghĩa vụ của họ tham gia lễ hội.

4.2. Giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý lễ hội truyền thống

Các cơ quan quản lý cần phải khẩn trương, kịp thời hoàn thiện, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách hơn nữa giúp cho người dân và các nhà quản lý dễ thực thi, thể hiện vai trò là công cụ định hướng xã hội của Nhà nước đối với mọi tầng lớp nhân dân trong bảo tồn và phát huy các giá trị DSVH trong đó tiêu biểu là lễ hội truyền thống.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản của địa phương trong thực tế là rất cần thiết, giúp ngành văn hóa, các nhà quản lý theo sát được diễn biến trong thực tiễn để kịp thời phát hiện xử lý vi phạm đồng thời có sự rà soát các văn bản quản lý về lĩnh vực lễ hội truyền thống đã ban hành trong thời gian dài để bổ sung, sửa đổi thì kịp thời; nghiên cứu chỉnh sửa hoặc ban hành các cơ chế, chính sách quản lý phù hợp, vì các hiện tượng văn hóa không phải bất di bất dịch nên các văn bản hướng dẫn, xử lý cũng phải linh hoạt, các nhà quản lý văn hóa cần nhớ rằng không phải mọi sự cấm đoán trong quản lý đều mang lại hiệu quả đặc biệt là lĩnh vực tín ngưỡng – tâm linh; cùng với đó việc thực thi các cơ chế, chính sách phải được thể chế hóa, triển khai đồng bộ giữa các cấp, các ngành ở các địa phương nếu không văn bản chỉ nằm trên giấy tờ hoặc tình trạng “trống đánh xuôi kèn thổi ngược”.

Có thể nói rằng, cơ chế, chính sách là tiền đề tạo thuận lợi cho công cuộc quản lý di tích và lễ hội truyền thống. Bằng giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách để quản lý lễ hội, chúng ta mới có những chế tài phù hợp không gay tranh cãi để xử lý các vi phạm và tôn vinh những hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của lễ hội truyền thống. Nhưng cũng cần đặt biệt chú ý cơ chế, chính sách luôn có tính hai mặt.

4.3. Giải pháp đầu tư nguồn lực bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội truyền thống

Đào tạo nguồn nhân lực: trước thực trạng các xu hướng biến đổi của lễ hội đang diễn ra nhanh chóng như hiện nay, đòi hỏi mỗi cán bộ quản lý văn hóa, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý lễ hội phải trang bị cho mình vốn kiến thức, kinh nghiệm thực tế, cần phải nghiên cứu, tìm hiểu xu hướng xã hội mới đáp ứng được nhu cầu cấp bách của xã hội. Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ tổ chức, quản lý lễ hội truyền thống ở thành phố Cao Lãnh hiện nay cần trang bị hệ thống lý luận và thực tiễn chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước ta hiện nay về sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa; những kiến thức tín ngưỡng – tâm linh, lịch sử hình thành, phát triển văn hóa của địa phương, của dân tộc Việt Nam. Cán bộ cần được tạo điều kiện đi học để nâng cao trình độ để bắt nhịp kịp với xu hướng phát triển của xã hội. Ưu tiên cán bộ có trình độ ngoại ngữ, để có thể luân chuyển phục vụ công việc hướng dẫn viên trong mùa lễ hội việc này sẽ gắn với phục vụ đề án phát triển du lịch của tỉnh Đồng Tháp.

Cán bộ làm công tác quản lý văn hóa ở thành phố Cao Lãnh cần đặc biệt chú trọng phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong tổ chức lễ hội. Người dân phải được tham gia, được trao quyền vào các quá trình tổ chức lễ hội để duy trì, bảo tồn di sản, khôi phục các lễ nghi, các sinh hoạt văn hóa truyền thống, đảm bảo tính nguyên vẹn của lễ hội ngày càng hiệu quả hơn. Hơn nữa, luôn khuyến khích các cá nhân, các doanh nghiệp của địa phương trong việc tham gia tổ chức lễ hội, trùng tu tôn tạo di tích. Gắn quyền lợi với trách nhiệm của họ, phát huy vai trò giám sát của họ, để mọi công tác tổ chức, quản lý văn hóa ngày càng hoàn thiện.

Đầu tư tài chính cho lễ hội truyền thống: giải pháp đầu tư tài chính được xem là quan trọng nhất cho việc bảo tồn, phát triển giá trị di tích, lễ hội. Để làm tốt việc này, các di tích, lễ hội phải tranh thủ được nguồn ngân sách từ phía Nhà nước và nguồn kinh phí xã hội hóa từ đóng góp của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và cá nhân. Đầu tư tài chính cho các lễ hội truyền thống được coi như là chính sách được đề cao trong giai đoạn hiện nay, nhằm tôn vinh giá trị truyền thống dân tộc. Tận dụng các nguồn lực tạo cơ sở vật chất cho lễ hội, phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, gắn hoạt động lễ hội với phát triển du lịch và dịch vụ. Bên cạnh đó cần nghiên cứu, khảo sát thực tế để có những biện pháp điều tiết về kinh phí từ những di tích, lễ hội có nguồn thu lớn, thường xuyên đối với những di tích, lễ hội có nguồn thu kém hoặc không có nguồn thu nhằm tạo sự hài hòa phát triển bền vững hơn cho các di tích, lễ hội truyền thống của các địa phương ở thành phố Cao Lãnh cũng như toàn tỉnh Đồng Tháp.

4.4. Giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong việc tổ chức và quản lý lễ hội truyền thống

Cộng đồng luôn giữ vai trò là chủ thể của các lễ hội truyền thống, hiện nay những người làm công tác trên lĩnh vực văn hóa đều đã nhận thức chung là bảo tồn và phát huy giá trị DSVH là trách nhiệm trước hết của cộng đồng. Công ước của thế giới về di sản văn hóa phi vật thể năm 2003, đều khẳng định vị trí và vai trò quan trọng của cộng đồng, khuyến nghị các quốc gia phải phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong việc quản lý các di sản văn hóa, tài sản chung của các dân tộc. Trong thực tế nhiều địa phương đã phát huy được sức mạnh của cộng đồng bằng biện pháp “tự quản” (tự thu – chi, tự kiểm tra, đánh giá chất lượng tổ chức hoạt động của mình), thậm chí xây dựng thành quy ước được nhân dân tự nguyện thực hiện. Quy ước này có thể xem là một nguyên tắc “đồng thuận”, phát huy tốt nhất tính tích cực/xã hội hóa của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong việc bảo tồn - phát huy lễ hội truyền thống hiện nay.

Phải xây dựng cho được cơ chế và chính sách, để đảm bảo cho cộng đồng thực sự làm chủ di sản của mình. Có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân tham gia sáng tạo trong phương thức quản lý, tổ chức lễ hội truyền thống. Phát huy hơn nữa vai trò giám sát và tổ giác của người dân trong việc thực hiện các dự án bảo tồn DSVH và quản lý, tổ chức các lễ hội truyền thống ở địa phương, trong đó nhấn mạnh vai trò của người cao

tuổi, người có uy tín trong xã hội, người có hiểu biết và nhiệt tình với di tích trong công tác vận động người dân, các tổ chức doanh nghiệp, các đoàn thể trong hệ thống chính trị thực hiện tốt công tác xã hội hóa trong bảo tồn và phát huy DSVH địa phương, giảm sức ép nguồn ngân sách Nhà nước dành cho di sản.

4.5. Giải pháp khai thác các giá trị lễ hội truyền thống trong phát triển kinh tế - du lịch địa phương

Khai thác các giá trị của di tích và lễ hội truyền thống thông qua hoạt động kinh tế - du lịch gắn với “*Đề án phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2015 – 2020*” để có hướng đi bền vững. Giải pháp này giúp địa phương không chỉ bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội mà còn góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thông qua các hoạt động sau:

Khuyến khích, kêu gọi, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp tham gia đầu tư cho hoạt động du lịch một cách bình đẳng, cùng có lợi, trên cơ sở hiểu biết và tôn trọng DSVH địa phương. Đầu tư cơ sở hạ tầng, cải tạo nâng cấp và phát triển hệ thống giao thông nhất là các tuyến đi qua di tích, lễ hội truyền thống hay các tuyến nối liền xuyên tỉnh, nhằm phát triển kinh tế - xã hội, giao lưu kinh tế, văn hóa tạo điều kiện cho du lịch phát triển quảng bá hình ảnh DSVH địa phương trong đó có lễ hội truyền thống. Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm những thế mạnh của thành phố Cao Lãnh. Chẳng hạn như thế mạnh sinh thái, di tích, lễ hội truyền thống. Đặc biệt cần quy hoạch mở các khu vui chơi giải trí, trung tâm mua sắm dịch vụ cao cấp, phát triển các cơ sở lưu trú từ khách sạn đạt chuẩn sao đến các nhà dân theo hình thức homestay, các nhà hàng với những ẩm thực dân gian mang đậm bản sắc của thành phố Cao Lãnh cũng như vùng Đồng Tháp Mười để phục vụ du khách có cơ hội thưởng thức, trải nghiệm.

Sở VH-TDL và Trường Đại học Đồng Tháp tổ chức đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao về văn hóa, du lịch phục vụ địa phương. Tổ chức thành lập các đội hướng dẫn viên, thuyết minh viên là các sinh viên tình nguyện phục vụ tại các di tích vào các dịp lễ hội truyền thống. Cần xây dựng các chương trình hoạt động, các khu vui chơi giải trí dân gian gắn liền với di tích, lễ hội; phát huy các hình thức văn hóa dân gian, diễn xướng dân gian, các trò chơi dân gian như: hò, vè, đờn ca tài tử, chọi gà, chọi chim, đá đẽ, đá cá... biến du khách thành một người địa phương cùng sinh hoạt các loại hình này nhằm giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân gian, làm cho DSVH địa phương không bị mai một theo thời gian. Tổ chức các quầy quà lưu niệm tại các khu di tích vào dịp lễ hội; mời các nghệ nhân của các làng nghề truyền thống về biểu diễn và hướng dẫn du khách thực hiện để du khách có thể được trực tiếp trải nghiệm; tổ chức các gian hàng trái cây đặc sản địa phương, các gian hàng ẩm thực truyền thống nhất là các món ăn “khẩn hoang” mang hương vị đặc trưng của Đồng Tháp.

5. Kết luận

Lễ hội truyền thống là DSVH phi vật thể, là thành tố quan trọng cấu thành bản sắc văn hoá dân tộc, do đó lễ hội truyền thống là một đối tượng nghiên cứu mà việc tiếp cận nó sẽ giải quyết được những vấn đề lý luận và thực tiễn về văn hóa. Trong thời gian vừa qua, việc tổ chức, quản lý truyền thống ở thành phố Cao Lãnh đã đạt được những thành tựu và gặp phải những vấn đề khó khăn nhất định. Tuy nhiên, điều quan trọng ở đây mà chúng ta nhất thiết phải nhấn mạnh là lễ hội truyền thống thực sự đang tồn tại và có những vai trò nhất định trong sinh hoạt văn hóa của người dân cũng như có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương. Do sự tồn tại của lễ hội như một chức năng cần thiết cho xã hội hiện tại nên chúng ta cần có những biện pháp quản lý lễ hội phù hợp với xu thế chung để không làm ảnh hưởng lễ hội, tránh làm biến mất hay biến chất lễ hội truyền thống với tư cách là một DSVH của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùi Hoài Sơn (2009), *Quản lý lễ hội truyền thống của người Việt*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. *Luật di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2009* (2009), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [4]. Nguyễn Xuân Hồng (2014), *Lễ hội truyền thống của người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long vấn đề bảo tồn và phát huy*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [5]. Đinh Văn Nhân (2017), *Quản lý lễ hội truyền thống ở thành phố Cao Lãnh*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa TP.HCM.
- [6]. Phòng Quản lý di sản - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Tháp (2017), *Số liệu lễ hội của di tích trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*.